J. STA-LIN

TOÀN TẬP

5



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, LIÊN HỢP LẠI!

STA-LIN

TOÀN TẬP

5

ИНСТИТУТ МАРКСА — ЭНГЕЛЬСА — ЛЕНИНА
ПРИ ЦК ВКП (б)

И. В. СТАЛИН

СОЧИНЕНИЯ

ГОСУДАРСТВЕННОЕ ИЗДАТЕЛЬСТВО
ПОЛИТИЧЕСКОЙ ЛИТЕРАТУРЫ
МОСКВА — 1953

J. V. STA-LIN

TOÀN TẬP

TẬP

5

1921 — 1923

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
Hà-nội — 1970

LỜI TỰA

J. V. Sta-lin *Toàn tập* tập 5 gồm những trước tác viết từ 1921 đến 1923.

Tập này chủ yếu bao gồm những bài báo, báo cáo và diễn văn bàn về những nhiệm vụ của đảng về việc khôi phục kinh tế quốc dân, bàn về các hình thức liên minh mới giữa giai cấp công nhân và nông dân trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, về việc tăng cường sự thống nhất của đảng về mặt tổ chức và mặt tư tưởng, về các hình thức và phương pháp liên hệ của đảng với quần chúng (« Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta »), « Về những nhiệm vụ trước mắt của chủ nghĩa cộng sản ở Giê-oóc-gi và Nam Cáp-ca-dơ », « Tiền đồ », các báo cáo tại đại hội X và XII của đảng).

Trong tập này còn có bản thảo cuốn « Về chiến lược và sách lược chính trị của những người cộng sản Nga », cùng những bài « Đảng trước và sau khi nắm chính quyền » và « Về chiến lược và sách lược của những người cộng sản Nga », trong đó Sta-lin phát triển học thuyết của Lê-nin về chiến lược và sách lược chính trị của đảng bôn-sê-vích.

Phần lớn những trước tác in trong tập 5 này đều nhằm phát triển lý luận về vấn đề dân tộc, nhằm bàn đến chính sách dân tộc của đảng bôn-sê-vích, đến việc tổ chức Nhà nước xô-viết nhiều dân tộc và đến việc khởi thảo những nguyên tắc của Hiến pháp đầu tiên của Liên-xô (đề cương cho các đại hội X và XII của đảng ; các báo cáo tại đại hội X và XII của đảng và tại hội nghị IX của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có các cán bộ phụ trách các nước cộng hòa

và các khu dân tộc tham gia ; các báo cáo tại đại hội X các Xô-viết toàn Nga và tại đại hội I các Xô-viết toàn Liên-xô ; các bài : « Bàn về cách đặt vấn đề dân tộc », « Cách mạng tháng Mười và chính sách dân tộc của những người cộng sản Nga », v.v.).

Trong tập này còn có một loạt trước tác công bố lần đầu tiên : bản thảo cuốn « Chiến lược và sách lược chính trị của những người cộng sản Nga » ; « Dự thảo cương lĩnh về vấn đề dân tộc » ; bản báo cáo về : « Biện pháp thực tiễn để thi hành nghị quyết đại hội XII của đảng về vấn đề dân tộc », lời kết luận về bản báo cáo và bài trả lời những bản tham luận đọc trong hội nghị IV của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có các cán bộ phụ trách các nước cộng hòa và các khu dân tộc tham gia.

Viện Mác—Ăng-ghen—Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Liên-xô.

1921 — 1923

DIỄN VĂN KHAI MẠC HỘI NGHỊ CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN CÁC DÂN TỘC TUỐC-CƠ TRONG NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ-VIẾT NGA[1]

1 tháng Giêng 1921

(Biên bản)

Khai mạc hội nghị, đồng chí Sta-lin chỉ ra rằng công tác của Trung ương cục không làm người ta thỏa mãn, Trung ương cục cần được bầu lại; rồi đồng chí phân tích vắn tắt những đặc điểm của điều kiện phát triển của chủ nghĩa cộng sản trong các dân tộc Tuốc-cơ thuộc nước Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô-viết Nga.

Ở Nga, sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản đã từng có một lịch sử lâu dài — hàng mấy chục năm — về công tác lý luận và đấu tranh lý luận trong nội bộ chủ nghĩa xã hội Nga. Cuộc đấu tranh đó đã đem lại kết quả là hình thành được một nhóm lãnh đạo đoàn kết nhất trí, khá giỏi về lý luận và kiên định về nguyên tắc để lãnh đạo quần chúng của đảng.

Ở miền Đông nước ta, tình hình có khác ; tại đó, chủ nghĩa cộng sản mới ra đời ngay trong quá trình đấu tranh cách mạng thực tiễn cho chủ nghĩa xã hội, chứ không qua giai đoạn phát triển lý luận trước đã. Do đó, phong trào cộng sản Tuốc-cơ yếu về lý luận, mà chỉ có xuất bản sách báo lý luận cộng sản bằng tiếng Tuốc-cơ nước ta thì mới thủ tiêu được tình trạng non yếu đó.

Trong lịch sử phong trào Nga, cuộc đấu tranh chống thiên hướng dân tộc chủ nghĩa chưa bao giờ có ý nghĩa trọng đại cả. Người Nga nói chung và người cộng sản Nga nói riêng, xưa kia thuộc dân tộc thống trị, chưa trải qua ách áp bức dân tộc ; trừ một số thiên hướng « sô-vanh đế quốc chủ nghĩa » ra, còn nói chung, ở họ không có những khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa ; vì thế họ không cần, — hay gần như không cần — phải khắc phục các khuynh hướng đó.

Đối với những người cộng sản Tuốc-cơ, thì có khác : họ là con em các dân tộc bị áp bức, đã trải qua giai đoạn bị áp bức dân tộc, nên ở họ đã từng có và hiện vẫn còn có thiên hướng dân tộc chủ nghĩa, còn có những tàn dư của chủ nghĩa dân tộc, mà nhiệm vụ trước mắt của họ là phải khắc phục những thiên hướng và tàn dư đó. Không nghi ngờ gì cả, tình hình đó đang làm cho phong trào cộng sản ở miền Đông nước ta chậm hình thành.

Nhưng ở miền Đông, phong trào cộng sản cũng có mặt lợi của nó. Để thực hiện chủ nghĩa xã hội, những người cộng sản Nga không thể hay gần như không thể lợi dụng được kinh nghiệm của các nước tiên tiến ở châu Âu (châu Âu chủ yếu cung cấp kinh nghiệm đấu tranh trong nghị trường), vì vậy họ đã phải mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, có thể nói là bằng những phương pháp của chính mình và đã từng mắc những sai lầm không thể tránh khỏi.

Đối với phong trào cộng sản Tuốc-cơ, thì có khác : nó đã hình thành trong quá trình đấu tranh thực tiễn cho chủ nghĩa xã hội, sát cánh với các đồng chí Nga, và do đó có thể lợi dụng được kinh nghiệm thực tiễn của các đồng chí Nga mà tránh khỏi những sai lầm. Tình hình đó bảo đảm cho phong trào cộng sản ở miền Đông có được tất cả những khả năng phát triển và củng cố nhanh chóng.

Toàn bộ tình hình đó đã quyết định chính sách tương đối mềm mỏng của Ban Chấp hành trung ương đảng đối với phong trào cộng sản Tuốc-cơ đang còn non trẻ, một chính sách nhằm giúp đỡ những phần tử cộng sản kiên định ở miền Đông trong công cuộc đấu tranh chống lại những nhược điểm và khuyết điểm mà tôi vừa kể trên của phong trào cộng sản Tuốc-cơ.

Trung ương cục là một cơ quan cần phải tiến hành những biện pháp đấu tranh chống lại những tàn dư của chủ nghĩa dân tộc và những biện pháp củng cố phong trào cộng sản về mặt lý luận ở miền Đông nước ta.

« Sự thật » số 6,
12 tháng Giêng 1921

NHỮNG Ý KIẾN BẤT ĐỒNG GIỮA CHÚNG TA

Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta về vấn đề công đoàn không phải là ở sự đánh giá có tính chất nguyên tắc đối với công đoàn. Những điểm mà ai nấy đều biết trong cương lĩnh của chúng ta nói về vai trò của công đoàn và nghị quyết đại hội IX của đảng về công đoàn[2] mà Tơ-rốt-ski thường hay dẫn ra, đều vẫn (và sẽ còn) có hiệu lực. Công đoàn và các cơ quan kinh tế nhất định phải và sẽ phải lồng vào nhau (« kết hợp lại với nhau »), đó là điều không ai tranh cãi nữa. Giai đoạn khôi phục kinh tế hiện nay của nước ta đòi hỏi các công đoàn ngành công nghiệp, — lúc này các công đoàn đó mới chỉ là trên lời nói thôi, — dần dần biến thành những công đoàn thật sự xứng đáng với tên gọi đó và có thể chấn hưng được các ngành công nghiệp chủ yếu của chúng ta, điều đó cũng không ai tranh cãi nữa. Tóm lại, những ý kiến bất đồng giữa chúng ta không phải là những ý kiến bất đồng có tính chất nguyên tắc.

Những ý kiến bất đồng ấy càng không phải về vấn đề tính tất yếu của kỷ luật lao động trong công đoàn cũng như trong giai cấp công nhân nói chung. Nói rằng một bộ phận trong đảng ta « buông cương » không lãnh đạo quần chúng và bỏ mặc cho các thế lực tự phát chi phối họ, nói như vậy thật là ngu xuẩn. Vai trò lãnh đạo của đảng viên trong công đoàn, cũng như vai trò lãnh đạo của công đoàn trong nội bộ giai cấp công nhân, vẫn là một chân lý không thể chối cãi được.

Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta lại càng không phải là về vấn đề chất lượng của thành phần các ban Chấp hành trung ương các công đoàn và Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Nga. Mọi người đều nhất trí thừa nhận rằng thành phần các cơ quan đó còn lâu mới hoàn thiện ; rằng các công đoàn đã bị suy yếu nhiều do một một loạt biện pháp động viên quân sự và động viên khác ; rằng cần phải trả lại cho công đoàn các cán bộ cũ, cho thêm cán bộ mới, cung cấp những phương tiện kỹ thuật, v.v..

Không, những ý kiến bất đồng giữa chúng ta không phải về những điểm đó.

I

HAI PHƯƠNG PHÁP ĐỐI XỬ VỚI QUẦN CHÚNG CÔNG NHÂN

Những sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta là về ***phương thức*** củng cố kỷ luật lao động trong giai cấp công nhân, về ***phương pháp*** đối xử với quần chúng công nhân tham gia khôi phục công nghiệp, về ***con đường*** phải theo để biến các công đoàn non yếu hiện nay thành những công đoàn mạnh, thực sự là những tổ chức công nghiệp có thể bảo đảm khôi phục được công nghiệp của chúng ta.

Có hai phương pháp : phương pháp ***cưỡng bức*** (phương pháp quân sự) và phương pháp ***thuyết phục*** (phương pháp công đoàn). Phương pháp thứ nhất không hề loại trừ những nhân tố thuyết phục, nhưng trong trường hợp đó, nhân tố thuyết phục phải phục tùng yêu cầu của phương pháp cưỡng bức và chỉ là một thủ đoạn bổ trợ cho phương pháp cưỡng bức mà thôi. Phương pháp thứ hai cũng không loại trừ những

nhân tố cưỡng bức, nhưng trong trường hợp này, nhân tố cưỡng bức phải phục tùng những yêu cầu của phương pháp thuyết phục và chỉ là thủ đoạn bổ trợ cho phương pháp thuyết phục mà thôi. Không được phép lẫn lộn hai phương pháp đó cũng như không được phép đem quân đội và giai cấp công nhân nhập cục làm một.

Một nhóm cán bộ đảng, do Tơ-rốt-ski đứng đầu, say sưa với những thành tựu của phương pháp quân sự dùng trong môi trường của quân đội, cho rằng có thể và cần thiết phải đem dùng phương pháp đó trong công nhân, trong công đoàn để cũng đạt được những thành tựu như vậy về việc củng cố công đoàn, khôi phục công nghiệp. Nhưng họ quên mất rằng quân đội và giai cấp công nhân là hai giới khác nhau, rằng phương pháp thích hợp với quân đội có thể không thích hợp và có hại đối với giai cấp công nhân và công đoàn.

Quân đội không phải là một đại lượng thuần nhất ; nó gồm có hai tập đoàn xã hội chủ yếu : nông dân và công nhân, và nông dân nhiều gấp bội so với công nhân. Khi xác định sự cần thiết phải dùng trong quân đội chủ yếu là phương pháp cưỡng bức, đại hội VIII[3] của đảng đã xuất phát từ chỗ cho rằng quân đội gồm chủ yếu là nông dân, rằng nông dân sẽ không đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, rằng ta có thể và cần phải dùng phương pháp cưỡng bức để buộc họ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Do đó mà phương thức công tác thuần túy quân sự, như chế độ chính ủy và ban chính trị, tòa án cách mạng, hình phạt kỷ luật, chế độ bổ nhiệm toàn diện, v.v..

Trái lại với quân đội, giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội thuần nhất, do địa vị kinh tế của mình mà họ hướng về chủ nghĩa xã hội, họ dễ tiếp thu việc tuyên truyền cộng sản, họ tự nguyện tổ chức thành công đoàn và vì tất cả những lý do đó, họ trở thành cơ sở, tinh hoa của Nhà nước xô-viết. Vì vậy, không lấy gì làm ngạc nhiên rằng chủ yếu dùng phương

pháp thuyết phục là cơ sở công tác thực tiễn của các công đoàn ngành công nghiệp chúng ta. Do đó mà có những phương pháp công tác thuần túy công đoàn, như giải thích, giáo dục có tính chất quần chúng, phát huy tính chủ động và tinh thần tự động của quần chúng công nhân, bầu ra những người lãnh đạo, v.v..

Sai lầm của Tơ-rốt-ski là ở chỗ đánh giá thấp sự khác nhau giữa quân đội và giai cấp công nhân, ở chỗ coi tổ chức quân sự cũng ngang như công đoàn, ở chỗ định, chắc hẳn là do thói ì, đem những phương pháp quân sự trong quân đội áp dụng vào trong công đoàn, trong giai cấp công nhân.

Trong một tài liệu, Tơ-rốt-ski nói :

« Việc đơn thuần đối lập phương pháp quân sự (mệnh lệnh, trừng phạt) với phương pháp công đoàn (giải thích, giáo dục, tính chủ động) là biểu lộ những thiên kiến Cau-sky, men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa cách mạng... Bản thân việc đem đối lập tổ chức lao động với tổ chức quân sự trong một Nhà nước công nhân, là một sự đầu hàng nhục nhã trước chủ nghĩa Cau-sky ».

Tơ-rốt-ski nói như thế đó.

Nếu gạt bỏ đi những lời nói suông vô ích về « chủ nghĩa Cau-sky », « chủ nghĩa men-sê-vích » v.v., thì sẽ thấy rõ rằng Tơ-rốt-ski đã không hiểu sự khác nhau giữa tổ chức công nhân và tổ chức quân đội ; Tơ-rốt-ski không hiểu rằng ***giữa lúc chiến tranh đã kết thúc và khi công nghiệp được khôi phục***, thì đem đối lập phương pháp quân sự với phương pháp dân chủ (công đoàn) là điều tất yếu và không tránh khỏi, và do đó, đem phương pháp quân sự áp dụng vào trong công đoàn là việc sai lầm, có hại.

Sự không hiểu đó thể hiện trong các tập sách luận chiến của Tơ-rốt-ski về công đoàn vừa mới xuất bản.

Chính sự không hiểu đó là nguồn gốc sai lầm của Tơ-rốt-ski.

II

DÂN CHỦ TỰ GIÁC VÀ « DÂN CHỦ » BẮT BUỘC

Có một số người cho rằng những lời bàn luận về dân chủ trong công đoàn là những lời nói huênh hoang trống rỗng, là một cái mốt do một số hiện tượng nào đó trong sinh hoạt nội bộ của đảng sinh ra ; rằng, rồi đây cái kiểu « bàn suông » như vậy về dân chủ sẽ làm cho người ta chán, và rồi tất cả sẽ lại y « như cũ ».

Một số người khác thì cho rằng dân chủ trong công đoàn, về thực chất, là sự nhượng bộ, một sự nhượng bộ bắt buộc trước những yêu cầu của công nhân ; rằng đây chính là thủ đoạn ngoại giao thì đúng hơn là một cái gì thực sự và chân thành.

Rõ ràng là cả hai loại đồng chí đó đều lầm to. Dân chủ trong công đoàn, tức là cái người ta vẫn thường gọi là « phương pháp dân chủ vô sản thông thường trong nội bộ công đoàn », là thứ dân chủ tự giác, vốn có trong các tổ chức công nhân có tính chất quần chúng ; tiền đề của thứ dân chủ đó là *ý thức* về sự cần thiết và về lợi ích của việc thường xuyên dùng phương pháp thuyết phục đối với hàng triệu công nhân được tổ chức vào các công đoàn. Không có ý thức như vậy thì dân chủ trở thành một danh từ vô nghĩa.

Chừng nào chiến tranh còn tiếp diễn và mối nguy hiểm vẫn ở cửa ngõ chúng ta, thì những lời hiệu triệu « hãy chi viện tiền tuyến », do các tổ chức của chúng ta đưa ra, còn được công nhân hưởng ứng nhiệt liệt vì nguy cơ diệt vong đã quá rõ ràng, vì nguy cơ đó biểu hiện dưới một hình dạng hoàn toàn cụ thể và hiển nhiên đối với mọi người, đó là những đội quân Côn-tsắc, I-u-đê-ni-tsơ, Đê-ni-kin, Pin-xút-ski, Vơ-ran-ghen, chúng tiến tới đâu thì lập lại chính quyền của bọn địa chủ và

bọn tư bản tới đó. Lúc đó, phát động quần chúng lên không phải là việc khó. Nhưng hiện giờ, khi nguy cơ quân sự đã bị gạt bỏ rồi và nguy cơ mới, tức nguy cơ kinh tế (kinh tế bị tàn phá), thì quần chúng còn lâu mới thấy rõ được, nếu chỉ kêu gọi họ không thôi thì sẽ không thể phát động được quần chúng. Đương nhiên, mọi người đều cảm thấy thiếu ăn và thiếu mặc, song, trước hết, người ta vẫn xoay xở được và bằng cách này hay cách khác vẫn tự mình tìm kiếm được các thứ đó, cho nên nguy cơ thiếu bánh mì và hàng hóa hoàn toàn không thúc đầy được quần chúng như là nguy cơ quân sự đã thúc đầy trước đây; thứ nữa, không ai cho rằng nguy cơ kinh tế (thiếu đầu máy xe lửa, máy móc nông nghiệp, nhà máy dệt và nhà máy luyện kim, thiết bị cho các trạm phát điện, v.v.) lại được quần chúng nhận thức cũng rõ ràng như là đối với nguy cơ quân sự mới đây. Muốn lôi cuốn được hàng triệu công nhân tham gia đấu tranh chống tình trạng kinh tế bị tàn phá, thì cần phải phát huy tính chủ động, tính tự giác, tinh thần tự động của đông đảo quần chúng ; cần phải lấy những việc cụ thể mà làm cho họ *tin chắc* rằng tình trạng kinh tế bị tàn phá hiện cũng là một nguy cơ hết sức thực tế và có thể thiệt đến tính mạng như là nguy cơ quân sự hôm qua vậy ; cần phải lôi cuốn hàng triệu công nhân tham gia công cuộc khôi phục sản xuất, thông qua các công đoàn được tổ chức một cách dân chủ. Chỉ có như vậy mới có thể biến cuộc đấu tranh của các cơ quan kinh tế chống lại tình trạng kinh tế bị tàn phá, thành sự nghiệp thiết thân của toàn bộ giai cấp công nhân.

Tóm lại, dân chủ tự giác, tức phương pháp dân chủ vô sản trong nội bộ công đoàn, là phương pháp duy nhất đúng đắn cho các công đoàn ngành sản xuất

« Dân chủ » bắt buộc thì không có chút gì giống với thứ dân chủ đó cả.

Khi đọc cuốn ***Vai trò và nhiệm vụ công đoàn*** của Tơ-rốt-ski, người ta có thể cho rằng về thực chất, Tơ-rốt-ski « cũng » tán thành phương pháp « dân chủ ». Bởi thế nên có một số đồng chí cho rằng những ý kiến bất đồng giữa chúng ta không phải về vấn đề phương pháp công tác của công đoàn. Những ý kiến đó hoàn toàn sai. Vì « dân chủ » của Tơ-rốt-ski là một thứ « dân chủ » bắt buộc, nửa vời, vô nguyên tắc, và thứ dân chủ đó chỉ bổ sung cho phương pháp quan liêu quân sự, không hề thích hợp với công đoàn.

Các đồng chí hãy tự xét đoán lấy.

Đầu tháng Một 1920, Ban Chấp hành trung ương đã thông qua một quyết định ; và đảng đoàn cộng sản trong Hội nghị đại biểu V các công đoàn toàn Nga đã thông qua một nghị quyết nói rằng : « Cần phải đấu tranh một cách kiên quyết nhất và có kế hoạch nhất chống tình trạng làm cho chế độ tập trung và các phương thức công tác quân sự hóa thoái hóa thành chủ nghĩa quan liêu, lối làm việc độc đoán, cách làm việc quan liêu bàn giấy, lối giám sát vụn vặt đối với công đoàn... Đối với Ban Chấp hành trung ương công đoàn vận tải cũng vậy (Ban Chấp hành này do Tơ-rốt-ski lãnh đạo), cái thời kỳ dùng các phương pháp quản lý đặc biệt (và vì thế người ta đã lập ra Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường bộ, và do những điều kiện đặc biệt mà có những phương pháp quản lý đó) đã bắt đầu kết thúc ». Do đó, đảng đoàn cộng sản trong hội nghị đại biểu « đề nghị Ban chấp hành trung ương Công đoàn vận tải hãy xúc tiến mạnh và phát triển phương pháp dân chủ vô sản thông thường trong nội bộ công đoàn » và giao cho Ban Chấp hành trung ương công đoàn vận tải trách nhiệm phải « tích cực tham gia công tác chung của Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Nga, mà nó sẽ tham gia cũng với tư cách như các tổ chức công đoàn khác (xem báo ***Sự thật*** số 255). Nhưng mặc dù có quyết định

đó, Tơ-rốt-ski và Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải vẫn tiếp tục tiến hành trong suốt cả tháng Một đường lối cũ nửa quan liêu nửa quân sự của họ, vẫn dựa như trước kia vào Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường bộ và Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường thủy, cố tìm cách « xáo trộn » và phá hoại Hội đồng trung ương các công đoàn, bảo vệ lấy địa vị đặc quyền của Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải đối với các tổ chức công đoàn khác. Hơn thế nữa, trong một bức thư » gửi các ủy viên Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương » đề ngày 30 tháng Một, Tơ-rốt-ski nói một cách hết sức « đột nhiên » rằng » Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường thủy... ***bất luận thế nào*** cũng chưa thể giải tán trong vòng hai hoặc ba tháng sắp tới ». Kết quả thế nào ? Sáu ngày sau khi gửi bức thư ấy (mồng 7 tháng Chạp) thì trong Ban Chấp hành trung ương, cũng chính Tơ-rốt-ski ấy lại hết sức « đột nhiên » tán thành « lập tức thủ tiêu Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường bộ và Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường thủy, và phải chuyển toàn bộ số nhân viên và tài sản của hai cơ quan đó cho tổ chức công đoàn theo đúng những nguyên tắc dân chủ thông thường ». Tơ-rốt-ski là một trong số tám ủy viên Ban chấp hành trung ương tán thành biện pháp ấy trong khi đó bảy ủy viên khác lại cho rằng thủ tiêu hai cơ quan đó đi vẫn chưa đủ và họ còn đòi hỏi phải thay đổi thành phần hiện nay của Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải. Để cứu vãn thành phần hiện nay của Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải. Tơ-rốt-ski tán thành thủ tiêu các tổng cục chính trị nằm trong Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải.

Vậy, những sự thay đổi trong sáu ngày đó là những gì ? Trong sáu ngày đó, có lẽ công nhân đường sắt và công nhân vận tải đường thủy đã giác ngộ đến mức là Tổng cục chính

trị của công đoàn ngành vận tải đường bộ và Tổng cục chính trị của công đoàn ngành vận tải đường thủy đã thôi không còn cần thiết đối với họ nữa chăng? Hoặc có lẽ trong thời gian ngắn đó, tình hình chính trị trong nước hay ngoài nước đã xảy ra những thay đổi quan trọng chăng? Hiển nhiên không. Cái đã xảy ra là thế này: công nhân vận tải đường thủy kiên quyết đòi Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải phải thủ tiêu các tổng cục chính trị và phải thay đổi chính ngay thành phần của Ban chấp hành trung ương công đoàn đó; và nhóm Tơ-rốt-ski, do sợ bị thất bại và muốn bảo tồn chí ít là thành phần cũ của Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải, nên đã buộc phải lùi bước, phải có những nhượng bộ từng phần, hơn nữa những nhượng bộ đó cũng không làm thỏa mãn được ai cả.

Sự thật là như thế đấy.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng cái thứ « dân chủ » bắt buộc, nửa vời, vô nguyên tắc đó không có chút gì giống với những « phương pháp dân chủ vô sản thông thường trong nội bộ công đoàn », mà Ban chấp hành trung ương đảng đã đề nghị ngay từ đầu tháng Một và là những phương pháp rất cần thiết để phục hồi các công đoàn ngành sản xuất của chúng ta.

*
* *

Trong diễn văn kết thúc cuộc tranh luận diễn ra tại đảng đoàn cộng sản ở đại hội các Xô-viết[4], Tơ-rốt-ski đã phản đối việc đưa nhân tố chính trị vào cuộc tranh luận về công đoàn, và khẳng định rằng chính trị không ăn nhập gì ở đây. Chúng ta cho rằng, ở đây Tơ-rốt-ski đã hoàn toàn sai lầm. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng trong một Nhà nước công nông,

không một quyết định quan trọng nào, có ý nghĩa đối với toàn quốc, nhất là nó trực tiếp liên quan đến giai cấp công nhân, lại có thể đem thi hành mà không có ảnh hưởng bằng cách này hay cách khác đến tình hình chính trị trong nước. Và nói chung thì thật là lố bịch và không nghiêm túc nếu đem tách chính trị với kinh tế. Nhưng chính vì thế cho nên, đối với mỗi quyết định thuộc loại đó, cần đứng cả trên quan điểm chính trị mà xem xét cân nhắc trước đã.

Các đồng chí hãy tự xét đoán lấy.

Hiện nay, có thể xác nhận rằng phương pháp của Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải, do Tơ-rốt-ski lãnh đạo, đã bị chính ngay thực tiễn của cơ quan đó đánh đổ rồi. Khi lãnh đạo Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải và thông qua Ban Chấp hành trung ương công đoàn đó tác động đến các công đoàn khác, Tơ-rốt-ski muốn phục hồi và làm sống lại các công đoàn, lôi cuốn công nhân tham gia công tác khôi phục công nghiệp. Nhưng thực tế thì đồng chí đó đi đến kết quả gì? Đi đến chỗ xung đột với đa số các đảng viên cộng sản trong nội bộ các công đoàn, đi đến chỗ xung đột giữa đa số các công đoàn với Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải, đi đến sự chia rẽ thực tế trong nội bộ Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải, đi đến chỗ công nhân thuộc các công đoàn « cơ sở » căm phẫn với các « đặc phái viên ». Nói một cách khác, không những không có sự phục hồi các công đoàn, mà ngay bản thân Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải cũng đã bắt đầu tan rã nốt. Không nghi ngờ gì cả, nếu đem phương pháp của Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải áp dụng vào các công đoàn khác, thì người ta sẽ có cũng cái cảnh tượng xung đột, chia rẽ và tan rã như vậy. Kết quả là giai cấp công nhân sẽ lộn xộn và chia rẽ.

Sự thật đó, chính đảng của giai cấp công nhân có thể coi thường được không? Liệu người ta có thể khẳng định rằng

đối với tình hình chính trị ở nước ta, việc chúng ta có một giai cấp công nhân đoàn kết chặt chẽ trong các công đoàn thống nhất hoặc là có một giai cấp công nhân chia thành các nhóm đối địch nhau, thì cũng thế thôi, được không? Khi đánh giá phương pháp cần vận dụng đề đối xử với quần chúng, liệu người ta có thề cho rằng nhân tố chính trị không có tác dụng gì, chính trị không ăn nhập gì ở đây, được không?

Thật rõ ràng là không được.

Dân số nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga và các nước cộng hòa liên bang hiện nay vào khoảng 140 triệu người trong đó 80% là nông dân. Muốn quản lý một nước như vậy, Chính quyền Xô-viết cần phải có được sự tín nhiệm vững chắc của giai cấp công nhân, vì chỉ có thông qua giai cấp công nhân và nhờ sức mạnh của nó, người ta mới có thề lãnh đạo được một nước như vậy. Nhưng muốn giữ gìn và củng cố được sự tín nhiệm của đa số công nhân, thì phải phát huy một cách có hệ thống tính tự giác, tinh thần tự động, tính chủ động sáng tạo của giai cấp công nhân, giáo dục họ một cách có hệ thống theo tinh thần chủ nghĩa cộng sản bằng cách tồ chức họ vào các công đoàn, lôi cuốn họ tham gia công cuộc xây dựng nền kinh tế cộng sản chủ nghĩa.

Rõ ràng là không thề hoàn thành được nhiệm vụ đó bằng phương pháp cưỡng bức, bằng cách « xáo trộn » các công đoàn từ trên xuống, vì phương pháp làm như vậy sẽ chia rẽ giai cấp công nhân (cứ xem Ban chấp hành trung ương công đoàn vận tải)! và gieo rắc sự mất tín nhiệm đối với Chính quyền xô-viết. Ngoài ra, người ta cũng dễ hiểu rằng phương pháp cưỡng bức, nói chung, không thề phát huy tính tự giác của quần chúng và lòng tín nhiệm của họ đối với Chính quyền xô-viết.

Rõ ràng là chỉ có « dùng phương pháp dân chủ vô sản thông thường trong nội bộ công đoàn », dùng phương pháp thuyết

phục, thì người ta mới sẽ có thể đoàn kết được giai cấp công nhân một cách chặt chẽ, phát huy được tinh thần chủ động của họ và làm tăng thêm sự tín nhiệm của họ đối với Chính quyền xô-viết, một sự tín nhiệm hiện nay rất cần thiết để phát động cả nước tham gia đấu tranh chống tình trạng kinh tế bị tàn phá.

Chính trị, như các đồng chí đã thấy, chính nó cũng tán thành phương pháp thuyết phục.

5 tháng Giêng 1921

«Sự thật» số 12,
19 tháng Giêng 1921
Ký tên: J. Sta-lin

VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA ĐẢNG TRONG VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Đề cương cho đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga, đã được Ban Chấp hành trung ương đảng thông qna[5].

I

CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ SỰ ÁP BỨC DÂN TỘC

1. Những dân tộc hiện đại là sản phẩm của một thời kỳ nhất định, thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang lên. Quá trình thủ tiêu chế độ phong kiến và phát triển chủ nghĩa tư bản cũng là quá trình các cá nhân họp thành dân tộc. Người Anh, người Pháp, người Đức và người Ý họp thành những dân tộc trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản phát triển thắng lợi và chiến thắng tình trạng cát cứ của chế độ phong kiến.

2. Ở nơi nào mà các dân tộc và các quốc gia tập quyền hình thành hoàn toàn cùng một lúc với nhau thì lẽ tự nhiên các dân tộc mang hình thức những quốc gia, và trở thành những quốc gia dân tộc tư sản độc lập. Đó là trường hợp nước Anh (không kể Ai-rơ-lan), nước Pháp và nước Ý. Ở Đông Âu, trái lại, sự thành lập những quốc gia tập quyền, do sự cần thiết phải tự vệ (để chống những cuộc xâm lăng của Thổ-nhĩ-kỳ, Mông-cổ, v.v.) thúc đẩy, đã diễn ra trước khi chủ nghĩa phong kiến bị xóa bỏ và, như thế, tức là trước khi các dân tộc hình thành. Vì thế, ở đấy, những dân tộc đã không

trở thành, và cũng không thể trở thành những quốc gia dân tộc, nhưng lại họp thành nhiều quốc gia tư sản hỗn hợp gồm nhiều dân tộc ; thường thường những quốc gia đó gồm một dân tộc mạnh, thống trị, và một vài dân tộc nhỏ yếu bị lệ thuộc. Đó là nước Áo, nước Hung và nước Nga.

3. Những quốc gia dân tộc, như Pháp và Ý, những quốc gia ngay từ đầu đã chủ yếu dựa vào những lực lượng dân tộc riêng của mình, thì, nói chung, không biết nạn áp bức dân tộc là gì cả. Trái lại, những quốc gia nhiều dân tộc mà lấy quyền của độc một dân tộc — hay nói cho đúng hơn : của giai cấp thống trị của dân tộc đó — thống trị những dân tộc khác làm nguyên tắc, thì những quốc gia ấy đều là quê hương và vũ đài chính của nạn áp bức dân tộc và của những phong trào dân tộc. Những mâu thuẫn giữa lợi ích của dân tộc thống trị và lợi ích của những dân tộc bị trị đã lên đến mức nhất định phải giải quyết, nếu không thì quốc gia nhiều dân tộc không thể nào tồn tại vững vàng được. Sở dĩ có tấn thảm kịch của quốc gia tư sản nhiều dân tộc là vì quốc gia đó không thể nào giải quyết được những mâu thuẫn ấy, và mỗi khi họ định làm cho các dân tộc « bình đẳng » và « bảo hộ » các dân tộc thiểu số mà đồng thời vẫn duy trì chế độ tư hữu và sự bất bình đẳng giai cấp, thì họ thường đi đến một thất bại mới, và sự xung đột giữa các dân tộc lại càng trầm trọng thêm.

4. Bước tiến bộ sau này của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu, nhu cầu về thị trường mới, việc đi tìm những nguyên liệu và nhiên liệu, sau hết sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc, việc xuất khẩu tư bản và sự cần thiết phải nắm được những đường hàng hải và đường sắt lớn, tất cả những điều đó, một mặt, đã đưa những quốc gia dân tộc cũ đến chỗ thôn tính những lãnh thổ mới và biến thành những quốc gia nhiều dân tộc (thực dân) có những đặc tính là sự áp bức dân tộc và các cuộc xung đột dân tộc (như Anh, Pháp, Đức, Ý) ; mặt khác,

lại tăng cường, trong các dân tộc thống trị của những quốc gia nhiều dân tộc cũ, cái xu hướng không những duy trì mà còn mở rộng thêm biên giới cũ của mình và chinh phục thêm những dân tộc mới (nhỏ yếu), làm tồn hại đến những quốc gia láng giềng. Do đó vấn đề dân tộc đã được mở rộng đến vấn đề thuộc địa nói chung và, kết cục, do tình thế bắt buộc, đã nhập cục làm một với vấn đề đó, và sự áp bức dân tộc từ một vấn đề nội bộ của quốc gia đã trở thành một vấn đề quốc tế, trở thành vấn đề đấu tranh (và chiến tranh) của các cường quốc đế quốc « lớn » đề nô dịch những dân tộc nhỏ yếu không có đầy đủ quyền.

5. Chiến tranh đế quốc đã hoàn toàn lột trần những mâu thuẫn dân tộc không thể dung hòa được và tình trạng suy đồi trong nội bộ của những quốc gia tư sản nhiều dân tộc ; nó đã làm cho những cuộc xung đột dân tộc trong lòng các quốc gia thực dân thắng trận (như Anh, Pháp, Ý) trầm trọng đến cực độ, làm cho những quốc gia nhiều dân tộc cũ bại trận (như Áo, Hung, Nga năm 1917) hoàn toàn tan rã, và, sau hết, nó đã tạo ra những quốc gia dân tộc tư sản mới (như Ba-lan, Tiệp-khắc, Nam-tư, Phần-lan, Giê-oóc-gi, Ác-mê-ni, v.v), — giải pháp « triệt để » nhất của giai cấp tư sản về vấn đề dân tộc. Nhưng việc thành lập những quốc gia dân tộc mới đã không bảo đảm, và cũng không thể bảo đảm cho các dân tộc chung sống hòa bình với nhau được ; nó đã không xóa bỏ được, và cũng không thể xóa bỏ được sự bất bình đẳng dân tộc, cũng như sự áp bức dân tộc, vì những quốc gia dân tộc mới, dựa trên chế độ tư hữu và sự bất bình đẳng về giai cấp, không thể nào tồn tại được :

a) nếu không áp bức những dân tộc thiểu số của mình (như Ba-lan áp bức người Bạch-Nga, người Do-thái, người Li-tu-a-ni và người U-cơ-ren ; Giê-oóc-gi áp bức người Ô-xê-ti,

người Áp-kha-di và người Ác-mè-ni ; Nam-tư áp bức người Cơ-rô-át và người Bốt-sni và vân vân) ;

b) nếu không mở rộng lãnh thổ của mình bằng cách xâm chiếm những nước láng giềng, do đó gây ra những cuộc xung đột và chiến tranh (như Ba-lan chống Li-tu-a-ni, U-cơ-ren và Nga ; Nam-tư chống Bun-ga-ri ; Giê-oóc-gi chống Ác-mè-ni và Thổ-nhĩ-kỳ và vân vân) ;

c) nếu không bị lệ thuộc vào những nước đế quốc « lớn » về tài chính, kinh tế và quân sự.

6. Như thế, thời kỳ sau chiến tranh tạo ra một cảnh tượng không được tốt : cảnh tượng hiềm thù dân tộc, bất bình đẳng, áp bức, xung đột, chiến tranh, và những hành động tàn bạo theo lối đế quốc của những dân tộc các nước văn minh đối với nhau cũng như đối với những dân tộc không có đầy đủ quyền. Một mặt là một vài cường quốc « lớn » áp bức và bóc lột toàn bộ khối những quốc gia dân tộc phụ thuộc và « độc lập » (thực ra là hoàn toàn bị phụ thuộc), và cuộc đấu tranh giữa những cường quốc ấy với nhau để giành độc quyền bóc lột các quốc gia dân tộc. Mặt khác là cuộc đấu tranh của các quốc gia dân tộc, phụ thuộc và « độc lập », chống lại sự áp bức không thể chịu nổi của các cường quốc « lớn » ; cuộc đấu tranh giữa những quốc gia dân tộc để mở rộng lãnh thổ dân tộc của mình ; cuộc đấu tranh của từng quốc gia dân tộc chống lại những dân tộc thiểu số bị áp bức của mình. Sau hết là phong trào giải phóng thuộc địa chống lại những cường quốc « lớn » ngày càng được tăng cường và những cuộc xung đột giữa các dân tộc ngày càng thêm gay gắt, cả trong nội bộ những cường quốc ấy, lẫn trong nội bộ những quốc gia dân tộc thường bao gồm một số những dân tộc thiểu số.

Đó là « cảnh tượng của thế giới » do chiến tranh đế quốc để lại.

Xã hội tư sản đã tỏ ra hoàn toàn bất lực không giải quyết được vấn đề dân tộc.

II

CHẾ ĐỘ XÔ-VIẾT VÀ TỰ DO DÂN TỘC

1. Nếu chế độ tư hữu và tư bản nhất định đi đến chỗ làm cho người ta chia rẽ nhau, gây ra hiềm thù dân tộc và tăng cường áp bức dân tộc, thì chế độ công hữu và lao động tập thể cũng nhất định làm cho người ta gần gũi nhau, phá tan được hiềm thù dân tộc và thủ tiêu được áp bức dân tộc. Chủ nghĩa tư bản tồn tại mà lại không có áp bức dân tộc là điều không thể hình dung nổi, khác nào chủ nghĩa xã hội tồn tại mà lại không có giải phóng các dân tộc bị áp bức, không có tự do dân tộc thì cũng là điều không thể hình dung nổi. Chủ nghĩa sô-vanh và cuộc đấu tranh dân tộc là tất yếu, không thể tránh khỏi, chừng nào mà nông dân (và, nói chung là giai cấp tiểu tư sản), nhiễm đầy những thành kiến dân tộc chủ nghĩa, còn đi theo giai cấp tư sản ; trái lại, hòa bình giữa các dân tộc và tự do dân tộc có thể coi là được đảm bảo, nếu nông dân đi theo giai cấp vô sản, nghĩa là nếu nền chuyên chính của giai cấp vô sản được bảo đảm. Do đó sự thắng lợi của chế độ xô-viết và việc thiết lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản là điều kiện căn bản để thủ tiêu áp bức dân tộc, để thiết lập quyền bình đẳng dân tộc và để bảo đảm quyền lợi của các dân tộc thiểu số.

2. Kinh nghiệm của cách mạng xô-viết đã hoàn toàn xác nhận luận điểm đó. Việc thành lập chế độ xô-viết ở Nga và việc tuyên bố quyền các dân tộc được tách ra để lập thành quốc gia, đã hoàn toàn thay đổi mối quan hệ giữa quần chúng lao động trong các dân tộc khác nhau ở Nga, đã phá tan

những mối hiềm thù dân tộc cũ, đã làm cho sự áp bức dân tộc không còn một cơ sở nào nữa, đã làm cho công nhân Nga được lòng tin cậy của những công nhân anh em của họ trong các dân tộc khác, không những ở Nga, mà cả ở châu Âu và châu Á nữa, và đã nâng lòng tin cậy ấy lên thành tinh thần phấn khởi và nhiệt tình đấu tranh cho sự nghiệp chung. Việc thành lập những nước cộng hòa xô-viết ở A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni cũng đã có những kết quả tương tự như thế vì đã thủ tiêu được những vụ xung đột dân tộc và đã xóa bỏ được mối hiềm thù « lâu đời » giữa quần chúng lao động Thổ và Ác-mê-ni, giữa quần chúng Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian. Thắng lợi tạm thời của những xô-viết ở Hung-ga-gi, ở Ba-vi-e, Phần-lan và ở Lét-tô-ni cũng đã có những kết quả như thế. Mặt khác, có thể khẳng định rằng công nhân Nga không thể nào đánh bại được Côn-tsắc và Đê-ni-kin, và những nước Cộng hòa A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni cũng không thể đứng vững được, nếu không thủ tiêu được hiềm thù dân tộc và áp bức dân tộc ở những nước đó, và nếu quần chúng lao động các dân tộc phương Tây và phương Đông không tỏ lòng hết sức tín nhiệm và không có nhiệt tình như thế đối với những nước đó. Việc củng cố các nước cộng hòa xô-viết và việc thủ tiêu áp bức dân tộc, là hai mặt của cùng một quá trình là quá trình giải phóng những người lao động khỏi vòng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc.

3. Nhưng sự tồn tại của những nước cộng hòa xô-viết, dù về mặt diện tích rất nhỏ bé đi nữa, cũng vẫn là một mối nguy vong cho chủ nghĩa đế quốc. Mối đe dọa ấy không những ở chỗ các nước cộng hòa xô-viết, sau khi đoạn tuyệt với chủ nghĩa đế quốc, đã cải biến từ những thuộc địa và nửa thuộc địa thành những quốc gia thực sự độc lập, do đó đã làm cho bọn đế quốc mất đi một phần lãnh thổ và một số thu nhập; mà trước hết là ở chỗ: bản thân sự tồn tại của những nước

cộng hòa xô-viết, mỗi bước tiến của những nước cộng hòa đó trên con đường đánh bại giai cấp tư sản và củng cố nền chuyên chính của giai cấp vô sản, là một sự cổ động có hiệu lực nhất để chống lại chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, một sự cổ động cho công cuộc giải phóng các nước phụ thuộc khỏi vòng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, và là một nhân tố không gì chống nổi, gây rối loạn và làm tan rã chủ nghĩa tư bản dưới mọi hình thức của nó. Do đó, những nước đế quốc « lớn » không thể nào không đấu tranh chống các nước cộng hòa xô-viết, không thể nào không cố sức tiêu diệt những nước cộng hòa ấy. Lịch sử đấu tranh của những cường quốc « lớn » chống lại nước Nga xô-viết, bằng cách xúi giục hết chính phủ tư sản phụ cận này đến chính phủ tư sản phụ cận khác, và hết nhóm tướng tá phản cách mạng này đến nhóm tướng tá phản cách mạng khác, chống lại nước Nga xô-viết, bằng cách phong tỏa ráo riết và thường thường tìm cách cô lập nước Nga xô-viết về mặt kinh tế, — lịch sử ấy đã chứng thực một cách hùng hồn rằng : trong tình hình quan hệ quốc tế hiện nay, trong hoàn cảnh bị chủ nghĩa tư bản bao vây, thì không một nước cộng hòa xô-viết nào, đứng riêng rẽ, lại có thể tự cho mình là đã được đảm bảo tránh khỏi bị chủ nghĩa đế quốc thế giới bóp chết về kinh tế và đánh bại về quân sự.

4. Do đó, những nước cộng hòa xô-viết mà đứng riêng rẽ cô độc thì không thể nào chắc chắn và vững vàng được, trước mối đe dọa của những nước tư bản. Một mặt, lợi ích phòng thủ chung của các nước cộng hòa xô-viết, mặt khác nhiệm vụ khôi phục những lực lượng sản xuất bị tàn phá do chiến tranh và sau hết là những nước cộng hòa xô-viết có nhiều lúa mì cần phải giúp đỡ lương thực cho những nước cộng hòa xô-viết không có lúa mì, tất cả những việc đó nhất thiết đòi hỏi các nước cộng hòa xô-viết riêng lẻ phải liên hợp lại thành một liên minh quốc gia, đó là con đường duy nhất để tránh

khỏi sự nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và sự áp bức dân tộc. Những nước cộng hòa xô-viết dân tộc, sau khi đã giải thoát khỏi giai cấp tư sản « nước mình » và giai cấp tư sản « ngoại quốc », chỉ có thể bảo vệ đời sống của mình và đánh bại những lực lượng cấu kết của chủ nghĩa đế quốc bằng cách liên hợp chặt chẽ với nhau trong một liên minh quốc gia ; nếu không thì không thắng lợi được.

5. Liên bang các nước cộng hòa xô-viết dựa trên cơ sở cộng đồng lợi ích quân sự và kinh tế, là hình thức chung của liên minh quốc gia để có thể :

a) bảo đảm tính chất hoàn chỉnh và sự phát triển kinh tế của các nước cộng hòa cũng như toàn liên bang ;

b) bao gồm được tất cả sự khác nhau về điều kiện sinh hoạt, văn hóa và trạng thái kinh tế của những dân tộc và bộ tộc khác nhau về trình độ phát triển, và do đó, mà áp dụng hình thức liên bang này hay hình thức liên bang khác ;

c) tổ chức sự chung sống hòa bình và sự hợp tác anh em giữa các dân tộc và bộ tộc đã gắn liền, bằng cách này hay cách khác, vận mạng của mình với vận mạng của liên bang.

Kinh nghiệm của nước Nga trong việc áp dụng các hình thức khác nhau của liên bang, kể từ hình thức liên bang dựa trên chế độ tự trị xô-viết (như Kiếc-ghi-di, Ba-sơ-ki-ri, Ta-ta-ri, miền núi, Đa-ghe-stan) cho tới hình thức liên bang dựa trên những quan hệ hiệp ước giữa các nước cộng hòa xô-viết độc lập (như U-cơ-ren, A-déc-bai-gian), và những hình thức quá độ (như Tuốc-ke-stan, Bạch-Nga), kinh nghiệm đó đã chứng tỏ đầy đủ tính chất thích hợp và tính chất linh hoạt của liên bang, một hình thức chung để liên hợp các nước cộng hòa xô-viết thành một liên minh quốc gia.

6. Nhưng liên bang chỉ có thể bền vững, và có được những kết quả thực tế, khi nào mà liên bang đó dựa trên sự tin cậy

lẫn nhau và trên sự tự nguyện liên hợp của các nước hợp thành liên bang. Nếu nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga là nước duy nhất trên thế giới đã thành công trong việc thí nghiệm về chung sống hòa bình và hợp tác anh em giữa một số dân tộc và dân tộc ít người, là vì trong nước cộng hòa đó không hề có dân tộc nào là thống trị, dân tộc nào là bị trị, không có mẫu quốc và thuộc địa, không có chủ nghĩa đế quốc và áp bức dân tộc ; là vì trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, liên bang được đặt trên cơ sở tin cậy lẫn nhau và lòng mong muốn tự nguyện liên hợp của quần chúng lao động các dân tộc khác nhau. Vô luận thế nào, cũng cần phải duy trì tính chất tự nguyện ấy của liên bang, vì chỉ có một liên bang như thế mới có thể dùng làm hình thức quá độ tiến đến một sự đoàn kết cao độ giữa những người lao động tất cả các nước trong một nền kinh tế thế giới duy nhất, sự đoàn kết mà càng ngày người ta càng thấy rõ ràng là cần thiết.

III

NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN NGA

1. Nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga và những nước cộng hòa xô-viết cùng liên minh với nó, gồm có khoảng 140 triệu dân. Trong số đó, những dân tộc không phải là đại Nga có gần 65 triệu người (U-cơ-ren, Bạch Nga, Kiếc-ghi-di, U-dơ-bếch, Tuốc-mê-ni, Tát-gi-ki-stan, A-déc-bai-gian, Ta-ta-ri ở Vôn-ga, Ta-ta-ri ở Cơ-ri-mê, Bu-kha-ri, Khi-vi, Ba-sơ-ki-ri, Ác-mê-ni, Tsê-tsen, Ca-bác-đi, Ô-xê-ti, In-gu-sơ,

Txét-két-xi, Ca-rát-si, Ban-ca-ri*, Can-mức, Ca-re-li, A-va-ri, Đác-ghi, Ca-di-cu-mu-khi, Cu-rin, Cu-mức**, Ma-ri, Tsu-vát-sơ, Vô-ti-ác, Đức ở Vôn-ga, Bu-ri-át, Ya-cu-ti, và những người khác).

Chính sách của chế độ Nga hoàng, chính sách của bọn địa chủ và tư sản, đối với những dân tộc ấy là nhằm tiêu diệt mọi mầm mống chế độ quốc gia, làm suy tàn văn hóa của họ, hạn chế việc dùng tiếng nói của họ, giam hãm họ trong cảnh ngu tối, và, sau hết, là Nga hóa họ cho đến cùng. Kết quả của chính sách ấy là làm cho các dân tộc ấy không phát triển được và khiến họ bị lạc hậu về chính trị.

Ngày nay, khi bọn địa chủ và giai cấp tư sản đã bị đánh đổ và Chính quyền xô-viết cũng đã được quần chúng nhân dân thành lập trong các nước ấy rồi, thì nhiệm vụ của đảng là phải giúp đỡ quần chúng lao động các dân tộc không phải là đại Nga, đuổi kịp nước Nga trung tâm đã đi trước họ, và phải giúp đỡ những dân tộc ấy :

a) phát triển và củng cố chế độ Nhà nước xô-viết theo những hình thức thích hợp với đặc điểm dân tộc của họ ;

b) tổ chức ở nước họ các tòa án, bộ máy hành chính, các cơ quan kinh tế và các cơ quan chính quyền dùng tiếng nói dân tộc và gồm những người địa phương am hiểu phong tục và tâm lý của dân cư địa phương ;

c) phát triển ở nước họ, báo chí, trường học, nhà hát, câu lạc bộ và, nói chung, những cơ quan văn hóa và giáo dục dùng tiếng nói dân tộc.

2. Nếu, trong số 65 triệu dân không phải là đại Nga, chúng

---

* Bảy dân tộc cuối vừa kể đã thống nhất lại thành nhóm «Miền Núi».

** Năm dân tộc cuối vừa kể đã thống nhất lại thành nhóm «Đa-ghe-stan».

ta trừ ra U-cơ-ren, Bạch-Nga, một phần nhỏ A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni, là những xứ đã trải qua giai đoạn tư bản công nghiệp đến một mức độ nào đó, thì còn lại chừng 25 triệu dân cư, phần lớn là người Tuốc-ke-stan (Tuốc-ke-stan, một bộ phận lớn của A-déc-bai-gian, Đa-ghe-stan, miền Núi, Ta-ta-ri, Ba-sơ-ki-ri, Kiếc-ghi-di, v.v.), chưa hề trải qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, chưa có hoặc hầu như chưa có giai cấp vô sản công nghiệp, trong phần lớn các trường hợp, họ còn ở trong tình trạng sinh hoạt theo lối du mục và còn giữ những phong tục kiểu gia tộc và thị tộc (Kiếc-ghi-di, Ba-sơ-ki-ri, Bắc Cáp-ca-dơ), hoặc chưa vượt khỏi các hình thức nguyên thủy sinh hoạt kiểu nửa gia trưởng nửa phong kiến (A-déc-bai-gian, Cơ-ri-mê, v.v.) nhưng vẫn được lôi cuốn vào con đường phát triển xô-viết chung.

Nhiệm vụ của đảng đối với quần chúng lao động các dân tộc đó (ngoài nhiệm vụ đã nói ở điểm 1) là phải giúp đỡ họ thủ tiêu những tàn dư của các quan hệ gia trưởng và phong kiến và tham gia xây dựng một nền kinh tế xô-viết trên cơ sở các Xô-viết nông dân lao động ; muốn thế, cần phải tạo ra trong các dân tộc đó những tổ chức cộng sản mạnh có khả năng sử dụng được kinh nghiệm của công nhân và nông dân Nga về mặt xây dựng chính trị và kinh tế, đồng thời trong công tác đó, có chú ý đến tất cả các đặc điểm về tình hình kinh tế cụ thể, về kết cấu giai cấp, về văn hóa và điều kiện sinh hoạt của mỗi dân tộc, và không áp dụng một cách máy móc các biện pháp kinh tế đề ra cho nước Nga trung tâm, mặc dù đó là những biện pháp tốt, nhưng chỉ thích hợp cho một trình độ phát triển kinh tế khác, một trình độ phát triển kinh tế cao.

3, Nếu trong số 25 triệu dân gồm chủ yếu là dân tộc Tuốc-ke-stan, chúng ta trừ A-déc-bai-gian, một bộ phận lớn của xứ Tuốc-ke-stan, Ta-ta-ri (miền Vôn-ga và Cơ-ri-mê), Bu-

kha-ri, Khi-va, Đa-ghe-stan, một bộ phận miền núi (Ca-bác-đi, Tséc-két-xi, Ban-ca-ri) và một số dân tộc đã định cư sống trên một lãnh thổ nhất định, thì còn lại chừng 6 triệu dân Kiếc-ghi-di, Ba-sơ-ki-ri, Tsê-tsen, Ô-xê-ti và In-gu-sơ mà mãi gần đây vẫn còn bị những người di cư Nga chiếm mất đất đai, những người này đã chiếm của họ những vùng màu mỡ nhất và đẩy họ dần dần đến những vùng đất hoang vu cằn cỗi.

Chính sách của chế độ Nga hoàng, chính sách của bọn địa chủ và tư sản là nhằm đưa đến các miền ấy một số thật lớn những phần tử cu-lắc chọn trong đám nông dân Nga và cô-dắc, và dùng bọn ấy làm chỗ dựa vững chắc cho những tham vọng đế quốc. Kết quả của chính sách ấy là làm cho những dân cư địa phương phải rút vào các vùng hoang vu hẻo lánh (Kiếc-ghi-di, Ba-sơ-ki-ri) rồi dần dần bị diệt vong.

Nhiệm vụ của đảng đối với quần chúng lao động thuộc các dân tộc ấy (ngoài những nhiệm vụ đã nêu ra trong những điểm 1 và 2) là phải kết hợp sự nỗ lực của đảng với sự nỗ lực của quần chúng lao động trong dân cư Nga ở địa phương trong cuộc đấu tranh nhằm giải phóng họ thoát khỏi bọn cu-lắc nói chung, và thoát khỏi bọn cu-lắc đại Nga tham tàn nói riêng ; phải hết sức giúp họ và tìm đủ mọi cách để lật đổ bọn thực dân cu-lắc và, do đó, làm cho bọn họ có được những đất đai màu mỡ, cần thiết cho đời sống của con người.

4. Ngoài những dân tộc và dân tộc ít người kể trên, là những dân tộc có một kết cấu giai cấp nhất định và chiếm cứ một lãnh thổ nhất định trong nước Cộng hòa liên bang x hội chủ nghĩa xô-viết Nga, còn có những nhóm dân tộc lư động, những dân tộc thiểu số xen lẫn trong những dân t đa số ; phần lớn họ không có kết cấu giai cấp nhất định cũng không có một lãnh thổ nhất định nào (như người L tô-ni, người E-stô-ni, người Ba-lan, người Do-thái và nh nhóm dân tộc thiểu số khác). Chính sách của chế độ

hoàng là dùng đủ mọi cách để tiêu diệt những dân tộc thiểu số ấy, cho đến mức tàn sát họ (như tàn sát dân Do-thái).

Ngày nay, những đặc quyền dân tộc đã bị thủ tiêu và quyền bình đẳng giữa các dân tộc đã được thực hiện và quyền của các dân tộc thiểu số được tự do phát triển đã được chính ngay bản chất của chế độ xô-viết bảo đảm, thì nhiệm vụ của đảng đối với quần chúng lao động trong các nhóm dân tộc ấy là phải giúp đỡ họ sử dụng thật đầy đủ quyền được tự do phát triển đó mà họ được hưởng.

5. Các tổ chức cộng sản ở những vùng ngoại vi đang phát triển trong những điều kiện hơi đặc biệt, làm chậm bước phát triển bình thường của đảng ở những vùng đó. Một mặt, những người cộng sản đại Nga công tác trong những vùng ấy, đã được đào tạo trong lúc còn tồn tại một dân tộc « thống trị » và họ không phải chịu nạn áp bức dân tộc, nên họ thường coi nhẹ tầm quan trọng của những đặc điểm dân tộc trong công tác của đảng, hoặc trong công tác họ không đếm xỉa gì, không để ý gì đến những đặc điểm về kết cấu giai cấp, về văn hóa, về phong tục tập quán và quá khứ lịch sử của dân tộc hữu quan, họ tầm thường hóa và, do đó, làm sai lệch chính sách của đảng về vấn đề dân tộc. Kết quả là họ xa rời chủ nghĩa cộng sản để thiên về chủ nghĩa nước lớn, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa sô-vanh đại Nga. Mặt khác, những người cộng sản sinh trưởng ở địa phương, vì đã sống qua thời kỳ áp bức dân tộc đau khổ và trong óc họ còn có những ám ảnh về thời kỳ đó, nên thường hay phóng đại tầm quan trọng của những đặc điểm dân tộc trong công tác của đảng và coi nhẹ lợi ích giai cấp của những người lao động, hoặc lẫn lộn một cách đơn giản lợi ích của những người lao động trong một dân tộc với lợi ích « chung » của dân tộc đó, và không phân biệt được những lợi ích của những người lao động với những lợi ích chung của dân tộc và dựa vào những lợi ích của những người lao động mà tiến

hành công tác của đảng. Tình hình đó lại đưa đến tình trạng xa rời chủ nghĩa cộng sản đề thiên về chủ nghĩa dân tộc dân chủ tư sản, chủ nghĩa này có lúc hiện ra dưới hình thức chủ nghĩa đại Hồi, đại Thổ[6] (ở phương Đông).

Trong khi kiên quyết lên án cả hai thiên hướng ấy là có hại và nguy hiểm cho sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, đại hội nhận thấy cần phải vạch rõ thiên hướng thứ nhất, thiên hướng chủ nghĩa nước lớn và thiên hướng chủ nghĩa thực dân, là đặc biệt nguy hiểm và có hại. Đại hội nhắc lại là nếu không xóa bỏ những tàn dư dân tộc chủ nghĩa và thực dân trong hàng ngũ của đảng thì không thể thành lập ở các vùng ngoại vi những tổ chức cộng sản chân chính, vững chắc và mật thiết liên hệ với quần chúng, tập hợp được trong hàng ngũ mình những phần tử vô sản và nửa vô sản trong dân cư địa phương và dân cư Nga, trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế. Bởi vậy, đại hội cho rằng một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của đảng ở những vùng ngoại vi là phải thủ tiêu sự ngả nghiêng về chủ nghĩa dân tộc và đặc biệt là về chủ nghĩa thực dân, trong số những người cộng sản.

6. Do thắng lợi trên các mặt trận quân sự và nhất là sau khi tiêu diệt Vơ-ran-ghen, trong một số vùng ngoại vi lạc hậu không có hoặc hầu như không có giai cấp vô sản công nghiệp, ngày càng có nhiều phần tử dân tộc chủ nghĩa tiểu thị dân ham thích tham gia đảng nhằm thăng quan tiến chức. Những phần tử đó tính toán thấy địa vị của đảng là một lực lượng thực tế cầm quyền, nên họ thường giả danh là những người cộng sản chân chính và kéo nguyên cả nhóm ồ ạt vào đảng mang theo tinh thần chủ nghĩa sô-vanh và tinh thần tan rã mà họ che đậy một cách vụng về ; còn các tổ chức của đảng trong các vùng ngoại vi, nói chung là non yếu, không phải bao giờ cũng có thể đứng vững trước sự cám dỗ « mở rộng » đảng bằng cách kết nạp những đảng viên mới.

Khi kêu gọi đấu tranh quyết liệt chống tất cả mọi phần tử giả danh cộng sản đủ mọi loại chui rúc vào trong đảng của giai cấp vô sản, đại hội yêu cầu đảng phải đề phòng chống lại xu hướng muốn « mở rộng » hàng ngũ đảng bằng cách kết nạp những phần tử trí thức dân tộc chủ nghĩa tiểu thị dân. Đại hội cho rằng phải tiến hành việc bổ sung đội ngũ đảng ở các miền ngoại vi bằng cách kết nạp vào đảng những người vô sản, nông dân nghèo và nông dân lao động, đồng thời phải củng cố những tổ chức của đảng ở đó bằng cách nâng cao chất lượng thành phần của đảng.

« Sự thật » số 29,
10 tháng Hai 1921

ĐẠI HỘI X ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA[7]

8 — 16 tháng Ba 1921

Đại hội X Đảng cộng sản Nga. Báo cáo ghi tốc ký Mạc-tư-khoa, 1921

1. BÁO CÁO VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA ĐẢNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

10 tháng Ba

Trước khi bàn thẳng vào những nhiệm vụ cụ thể trước mắt của đảng về vấn đề dân tộc, chúng ta cần phải xác định một số tiền đề, nếu không thì không thể nào giải quyết được vấn đề. Những tiền đề ấy quan hệ đến vấn đề hình thành của các dân tộc, đến nguồn gốc phát sinh áp bức dân tộc, đến những hình thức áp bức dân tộc trong quá trình lịch sử, và sau hết, những hình thức giải quyết vấn đề dân tộc trong các thời kỳ khác nhau.

Những thời kỳ đó, kể ra, có ba.

Thời kỳ đầu là thời kỳ thủ tiêu chế độ phong kiến ở phương Tây và toàn thắng của chủ nghĩa tư bản. Đó là thời kỳ các cá nhân kết hợp thành dân tộc. Tôi muốn nói những nước như Anh (trừ Ai-rơ-lan), Pháp, Ý. Ở phương Tây, — ở Anh, Pháp, Ý, và một phần nước Đức, — thời kỳ thủ tiêu chế độ phong kiến và thời kỳ những cá nhân kết hợp thành dân tộc, nói chung, xảy ra cùng một lúc với thời kỳ những quốc gia tập quyền xuất hiện, điều này làm cho những dân tộc nơi đó, trong quá trình phát triển của mình, đã mang hình thức quốc gia. Nhưng vì trong nội bộ các quốc gia ấy không có những nhóm dân tộc nào khác tương đối lớn, nên không có áp bức dân tộc.

Ở Đông Âu, trái lại, quá trình hình thành các dân tộc và thủ tiêu tình trạng cát cứ phong kiến không xảy ra cùng một lúc với quá trình hình thành các quốc gia tập quyền. Tôi muốn nói

ở đây nước Hung, nước Áo, nước Nga. Trong những nước ấy, chủ nghĩa tư bản chưa phát triển, hay nhiều lắm cũng chỉ mới chớm nở, nhưng vì nhu cầu phòng thủ chống sự xâm lược của Thổ-nhĩ-kỳ, Mông-cổ và những dân tộc phương Đông khác nữa, nên lúc đó cần phải thành lập tức khắc những quốc gia tập quyền có đủ khả năng chống lại sự tấn công của ngoại xâm. Do vì ở Đông Âu quá trình hình thành những quốc gia tập quyền diễn ra nhanh hơn quá trình kết hợp những cá nhân thành dân tộc, nên ở đó người ta thấy hình thành những quốc gia hỗn hợp, gồm nhiều bộ tộc chưa liên hợp thành dân tộc, song đã thống nhất thành một quốc gia chung.

Như thế, thời kỳ thứ nhất có đặc điểm là những dân tộc xuất hiện vào lúc sơ khai của chủ nghĩa tư bản, thêm vào đó ở Tây Âu, nảy sinh những quốc gia thuần túy dân tộc không có nạn áp bức dân tộc, còn ở phương Đông nảy sinh những quốc gia nhiều dân tộc, đứng đầu là một dân tộc phát triển hơn, còn những dân tộc khác, chậm tiến hơn, bị phụ thuộc vào dân tộc thống trị, trước hết về mặt chính trị, rồi sau đó về mặt kinh tế. Những quốc gia nhiều dân tộc ấy ở phương Đông là quê hương của nạn áp bức dân tộc, nạn áp bức dân tộc đó đã đẻ ra những vụ xung đột dân tộc, những phong trào dân tộc, vấn đề dân tộc và các phương pháp khác nhau để giải quyết vấn đề ấy.

Thời kỳ thứ hai, thời kỳ của sự phát triển ách áp bức dân tộc và những phương pháp đấu tranh chống lại ách áp bức ấy, xảy ra cùng một lúc với thời kỳ chủ nghĩa đế quốc xuất hiện ở phương Tây : lúc đó chủ nghĩa tư bản, vì mục đích tìm thị trường tiêu thụ, nguyên liệu, nhiên liệu và nhân công rẻ tiền, trong cuộc đấu tranh để xuất khẩu tư bản và nắm giữ các đường sắt và hàng hải lớn, đã vượt ra ngoài khuôn khổ của quốc gia dân tộc và mở rộng lãnh thổ của mình bằng cách xâm chiếm các nước láng giềng gần và xa. Trong thời kỳ thứ hai ấy,

những quốc gia dân tộc cũ ở phương Tây như Anh, Ý, Pháp, không còn là những quốc gia dân tộc nữa: nghĩa là khi đã chiếm được những lãnh thổ mới, các quốc gia ấy biến thành những quốc gia nhiều dân tộc, thực dân ; và, do đó, là nơi mà sự áp bức dân tộc và thuộc địa hoành hành, giống như điều đã xảy ra từ trước ở Đông Âu. Ở Đông Âu thời kỳ này có đặc điểm là các dân tộc bị trị (như Tiệp-khắc, Ba-lan, U-cơ-ren) đã thức tỉnh và mạnh mẽ lên, hiện tượng này, sau cuộc chiến tranh đế quốc, đã làm cho những quốc gia tư sản nhiều dân tộc cũ tan rã và những quốc gia dân tộc mới hình thành, song lại bị phụ thuộc vào cái mà người ta thường gọi là những cường quốc lớn.

Thời kỳ thứ ba là thời kỳ xô-viết, thời kỳ tiêu diệt chủ nghĩa tư bản và xóa bỏ áp bức dân tộc ; lúc này vấn đề dân tộc thống trị và dân tộc bị trị, thuộc địa và chính quốc, đang được đưa vào kho lưu trữ của lịch sử, lúc này chúng ta thấy xuất hiện trên lãnh thổ của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, những dân tộc được hưởng quyền phát triển ngang nhau, tuy họ còn phải chịu một sự bất bình đẳng nào đó do lịch sử để lại vì tình trạng lạc hậu của họ về kinh tế, chính trị và văn hóa. Thực chất của sự bất bình đẳng dân tộc ấy là ở chỗ do sự phát triển của lịch sử, chúng ta đã thừa hưởng một di sản của quá khứ, đó là : một dân tộc, dân tộc đại Nga, đã phát triển hơn những dân tộc khác về mặt chính trị và công nghiệp. Do đó, có sự bất bình đẳng trên thực tế, không thể xóa bỏ ngay trong một năm, mà phải xóa bỏ bằng cách giúp đỡ về kinh tế, chính trị và văn hóa cho các dân tộc và bộ tộc chậm tiến.

Đó là ba thời kỳ phát triển của vấn đề dân tộc mà lịch sử đã trải qua.

Hai thời kỳ đầu có một điểm chung là các dân tộc còn chịu sự áp bức và nô dịch, nên cuộc đấu tranh dân tộc vẫn tiếp tục và vấn đề dân tộc vẫn chưa được giải quyết. Nhưng, giữa hai

thời kỳ ấy, cũng có chỗ khác nhau là trong thời kỳ thứ nhất, vấn đề dân tộc không vượt ra khỏi khuôn khổ của từng quốc gia nhiều dân tộc, và chỉ có quan hệ đến một số dân tộc phần lớn là châu Âu ; còn trong thời kỳ thứ hai thì vấn đề dân tộc, từ chỗ là vấn đề nội bộ của quốc gia, trở thành vấn đề quốc tế, vấn đề chiến tranh giữa các quốc gia đế quốc để giữ quyền thống trị đối với những dân tộc không có đầy đủ quyền và để chinh phục những dân tộc và bộ lạc mới, ở ngoài châu Âu.

Thế là vấn đề dân tộc, trước kia chỉ có ý nghĩa đối với những nước văn minh, thì trong thời kỳ này đã mất tính chất cô lập của nó và đã nhập làm một với vấn đề thuộc địa nói chung.

Sự phát triển của vấn đề dân tộc thành vấn đề thuộc địa nói chung không phải là kết quả của một sự ngẫu nhiên trong lịch sử. Sự phát triển ấy, trước hết, là do, trong cuộc chiến tranh đế quốc, bản thân những tập đoàn đế quốc chủ nghĩa trong các cường quốc gây chiến đã phải nhờ vào các thuộc địa để có nhân lực thành lập quân đội. Chắc chắn rằng quá trình ấy — quá trình bọn đế quốc buộc phải kêu gọi các dân tộc thuộc địa lạc hậu — không thể không thức tỉnh các dân tộc và bộ tộc ấy nổi dậy để tự giải phóng và đấu tranh. Tiếp đến nhân tố thứ hai đã làm cho vấn đề dân tộc được mở rộng và phát triển thành vấn đề thuộc địa nói chung, đã làm cho vấn đề dân tộc lan rộng ra khắp thế giới, trước hết là những tia lửa nhỏ, rồi sau bùng lên thành ngọn lửa phong trào giải phóng : đó là mưu toan của các tập đoàn đế quốc muốn chia cắt Thổ-nhĩ-kỳ và không để cho nó còn là một quốc gia nữa. Thổ-nhĩ-kỳ là quốc gia phát triển nhất trong các dân tộc Hồi giáo, nên không thể nào lại cam tâm chịu cái số phận ấy, nó đã phất cao ngọn cờ chiến đấu và tập hợp chung quanh nó các dân tộc phương Đông để chống lại chủ nghĩa đế quốc. Nhân tố thứ ba, đó là sự xuất hiện của nước Nga xô-viết. Cuộc đấu tranh của nước Nga xô-viết chống chủ nghĩa đế quốc đã đạt được một

loạt thắng lợi và, lẽ tự nhiên, đã cổ vũ các dân tộc bị áp bức ở phương Đông, đã thức tỉnh họ, và đã thúc đẩy họ đấu tranh, điều đó đã tạo khả năng lập một mặt trận chung của các dân tộc bị áp bức, từ Ai-rơ-lan đến Ấn-độ.

Đó là những nhân tố trong giai đoạn phát triển thứ hai của sự áp bức dân tộc ; những nhân tố ấy đã đưa đến kết quả là xã hội tư sản không những không giải quyết được vấn đề dân tộc, không những không đem lại hòa bình cho các dân tộc, mà trái lại còn làm cho tia lửa đấu tranh dân tộc bùng lên thành ngọn lửa chiến đấu vĩ đại của các dân tộc bị áp bức, của các thuộc địa và nửa thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Dĩ nhiên chỉ có một chế độ duy nhất có thể giải quyết được vấn đề dân tộc, tức là chế độ có thể tạo nên những điều kiện đảm bảo cho sự chung sống hòa bình và sự hợp tác anh em giữa các dân tộc và bộ tộc, đó là chế độ Chính quyền xô-viết, chế độ chuyên chính vô sản.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng dưới sự thống trị của tư bản, dưới chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và trong khi các giai cấp xã hội còn tồn tại thì quyền bình đẳng của các dân tộc không thể nào đảm bảo được ; rằng chừng nào mà chính quyền của tư bản còn tồn tại, chừng nào mà cuộc đấu tranh giành quyền sở hữu về tư liệu sản xuất còn diễn ra, thì không thể có bất cứ sự bình đẳng dân tộc nào, cũng như không thể có sự hợp tác giữa quần chúng lao động của các dân tộc được. Lịch sử chứng minh rằng con đường duy nhất để thủ tiêu sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, con đường duy nhất để lập lên chế độ hợp tác anh em giữa quần chúng lao động của các dân tộc bị áp bức và không bị áp bức, là phải xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và thiết lập chế độ xô-viết.

Sau nữa, lịch sử đã chỉ rõ rằng chừng nào chủ nghĩa đế quốc còn tồn tại thì ngay cả khi một số dân tộc nào đó đã tự giải

phóng khỏi ách áp bức của giai cấp tư sản ở nước mình cũng như của giai cấp tư sản « nước ngoài », tức là ngay cả khi họ đã lập lên được chế độ xô-viết, họ cũng không thể nào tồn tại riêng rẽ và bảo vệ có hiệu quả sự tồn tại riêng rẽ của mình được, nếu không có sự ủng hộ về kinh tế và quân sự của những nước cộng hòa xô-viết lân cận. Gương của nước Hung-ga-ri chứng tỏ một cách hùng hồn rằng, nếu không có sự liên minh quốc gia của các nước cộng hòa xô-viết, nếu họ không đoàn kết thành một lực lượng quân sự-kinh tế thống nhất, thì không thể nào chống chọi được với những lực lượng liên minh của chủ nghĩa đế quốc thế giới, cả trên mặt trận quân sự lẫn trên mặt trận kinh tế.

Liên bang các nước cộng hòa xô-viết là hình thức liên minh quốc gia thích đáng mà nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga là một thể hiện sinh động.

Thưa các đồng chí, đó là những tiền đề tôi muốn trước tiên nêu ra ở đây để rồi sau đây sẽ chứng minh rằng đảng ta cần phải đề ra những biện pháp nhất định nhằm giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga.

Mặc dầu dưới chế độ xô-viết, ở Nga và trong các nước cộng hòa đã liên hợp với Nga, không còn có những dân tộc thống trị hay dân tộc bị trị, chính quốc hay thuộc địa, người bị bóc lột hay người đi bóc lột, nhưng vấn đề dân tộc không phải là không còn đặt ra ở nước Nga nữa. Thực chất của vấn đề dân tộc ở nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga là chấm dứt tình trạng lạc hậu trên thực tế (lạc hậu về kinh tế, chính trị và văn hóa) mà quá khứ đã để lại cho một số dân tộc để làm cho các dân tộc đó theo kịp nước Nga trung tâm về mặt chính trị, văn hóa và kinh tế.

Dưới chế độ cũ, chính quyền Nga hoàng đã không tìm cách và cũng không thể nào tìm cách phát triển được ý thức quốc

gia ở U-cơ-ren, A-déc-bai-gian, Tuốc-ke-stan và trong các vùng ngoại vi khác ; nó chống lại sự phát triển của ý thức quốc gia trong vùng ấy, cũng như sự phát triển văn hóa của họ, bằng cách dùng sức mạnh đồng hóa nhân dân địa phương.

Sau nữa, Nhà nước cũ, bọn địa chủ và tư bản đã để lại cho chúng ta những dân tộc đã bị điêu đứng như Kiếc-ghi-di, Tsê-tsen và Ô-xê-ti, là những dân tộc mà đất đai trước đây là đối tượng xâm chiếm làm thuộc địa của những phần tử cô-dắc và cu-lắc Nga. Những dân tộc ấy đã lâm vào những cảnh đau thương không thể tưởng tượng được và đã bị dồn vào con đường tiêu vong.

Sau nữa, vị trí của dân tộc đại Nga vốn là dân tộc thống trị, đã để lại những dấu vết ảnh hưởng ngay cả trong những người cộng sản Nga, những người này tỏ ra không biết hoặc không muốn gần gũi quần chúng lao động ở địa phương, tìm hiểu những nhu cầu của họ và giúp họ ra khỏi tình trạng lạc hậu và văn hóa kém. Tôi muốn nói ở đây một số, không đông lắm, những người cộng sản Nga ; trong công tác, họ coi nhẹ những đặc điểm về sinh hoạt và văn hóa của những vùng ngoại vi, nên đôi khi họ đã ngả theo chủ nghĩa sô-vanh đế quốc chủ nghĩa Nga.

Sau nữa, vị trí của những dân tộc không phải Nga đã trải qua cảnh áp bức dân tộc, cũng không khỏi không ảnh hưởng đến những người cộng sản thuộc dân cư địa phương nên có khi họ không biết phân biệt lợi ích giai cấp của quần chúng lao động trong dân tộc họ, với cái gọi là lợi ích « toàn dân ». Ở đây tôi muốn nói đến thiên hướng theo chủ nghĩa dân tộc địa phương, mà đôi khi, người ta nhận thấy trong hàng ngũ những người cộng sản không phải Nga và được thể hiện, ở phương Đông chẳng hạn bằng chủ nghĩa đại Hồi và đại Thổ.

Sau hết, cần phải cứu những người Kiếc-ghi-di và Ba-sơ-ki-ri và một số những bộ lạc miền núi khỏi bị tiêu vong và làm

cho họ có đất đai cần thiết, lấy lại của bọn cu-lắc thực dân.

Toàn bộ những vấn đề và những nhiệm vụ đó là thực chất của vấn đề dân tộc trong nước chúng ta.

Sau khi đã định ra những nhiệm vụ trước mắt của đảng về vấn đề dân tộc, tôi muốn nói đến một nhiệm vụ có tính chất chung hơn, tức là nhiệm vụ làm cho chính sách cộng sản của chúng ta ở các vùng ngoại vi phù hợp với những điều kiện đặc biệt của đời sống kinh tế mà chúng ta thấy có chủ yếu là ở phương Đông.

Vấn đề là ở chỗ : có một số dân tộc, nhất là dân Tuốc-cơ — ước chừng 25 triệu người — chưa từng trải qua và chưa kịp trải qua thời kỳ tư bản công nghiệp cho nên không có hay gần như không có giai cấp vô sản công nghiệp, do đó họ tiến từ những hình thức kinh tế nguyên thủy lên giai đoạn kinh tế xô-viết, mà không qua chế độ tư bản công nghiệp. Muốn làm được tốt công việc khó khăn ấy — tuy khó khăn nhưng tuyệt nhiên không phải không làm được — cần phải chú trọng đến tất cả những đặc điểm về tình hình kinh tế, và cũng cần phải chú trọng đến cả những đặc điểm về quá khứ lịch sử, về điều kiện sinh hoạt và văn hóa của những dân tộc đó nữa. Đem áp dụng những biện pháp thiết thực có giá trị ở đây, ở trung tâm nước Nga, vào lãnh thổ của các dân tộc ấy, là điều kỳ quặc và nguy hiểm. Điều rõ ràng là, khi đem thi hành chính sách kinh tế của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, tuyệt đối cần phải chú ý đến tất cả những đặc điểm về tình hình kinh tế, về kết cấu giai cấp, về quá khứ lịch sử mà chúng ta nhận thấy ở những vùng ngoại vi ấy. Tôi không nói đến việc cần phải chấm dứt những điều phi lý, chẳng hạn như lệnh của Bộ dân ủy Lương thực đòi Kiếc-ghi-di phải giao lợn, nơi mà dân Hồi giáo không hề bao giờ nuôi lợn. Thí dụ ấy chứng tỏ người ta không muốn đếm xỉa tới mức nào đến những đặc

điểm sinh hoạt mà người nào mới đến xứ ấy cũng nhìn ngay thấy.

Tôi vừa nhận được một mảnh giấy viết tay yêu cầu tôi trả lời những bài của đồng chí Tsi-tsê-rin. Thưa các đồng chí, theo ý kiến tôi, những bài của Tsi-tsê-rin mà tôi đã đọc kỹ, không có gì khác hơn là nói cho văn chương. Trong đó có bốn điểm sai lầm hay hiểu lầm.

Trước hết, đồng chí Tsi-tsê-rin có khuynh hướng muốn phủ nhận những mâu thuẫn hiện có giữa các nước đế quốc, đánh giá quá cao sự liên hiệp quốc tế của bọn đế quốc và bỏ qua, đánh giá quá thấp những mâu thuẫn nội bộ giữa những tập đoàn và quốc gia đế quốc (như Pháp, Mỹ, Anh, Nhật, v.v.), những mâu thuẫn hiện đang tồn tại và sẽ gây ra chiến tranh. Đồng chí đó đã đánh giá quá cao nhân tố liên hiệp của bọn đầu sỏ đế quốc và đánh giá thấp những mâu thuẫn trong nội bộ cái « tơ-rớt » ấy. Trong khi đó những mâu thuẫn ấy lại đang tồn tại, và chính Bộ dân ủy Ngoại giao đang dựa trên những mâu thuẫn ấy mà hoạt động.

Tiếp đó đồng chí Tsi-tsê-rin phạm một sai lầm thứ hai. Đồng chí đó đánh giá quá thấp những mâu thuẫn hiện có giữa những cường quốc thống trị lớn và những quốc gia dân tộc mới thành lập (như Tiệp-khắc, Ba-lan, Phần-lan và những nước khác), là những nước bị lệ thuộc vào các cường quốc trên về mặt tài chính và quân sự. Đồng chí Tsi-tsê-rin đã hoàn toàn quên rằng, mặc dầu tình trạng lệ thuộc của những quốc gia dân tộc ấy vào các cường quốc, hay nói cho đúng hơn, do tình trạng lệ thuộc ấy mà giữa những cường quốc và những quốc gia ấy vẫn có những mâu thuẫn đã biểu hiện ra, chẳng hạn, trong những cuộc đàm phán với Ba-lan, E-stô-ni v.v.. Lý do tồn tại của Bộ dân ủy Ngoại giao chính là ở chỗ phải chú ý đến tất cả những mâu thuẫn ấy, phải dựa trên những mâu thuẫn ấy và phải tùy cơ ứng biến trong phạm vi những mâu thuẫn ấy.

Đồng chí Tsi-tsê-rin đã đánh giá quá thấp nhân tố ấy một cách hết sức lạ kỳ.

Sai lầm thứ ba của đồng chí Tsi-tsê-rin là ở chỗ nói quá nhiều đến quyền dân tộc tự quyết, khẩu hiệu này, sự thật, đã biến thành một khẩu hiệu rỗng tuếch mà bọn đế quốc rất ưa lợi dụng. Điều lạ lùng là đồng chí Tsi-tsê-rin quên rằng chúng ta đã bỏ khẩu hiệu ấy từ hai năm nay. Khẩu hiệu ấy không còn ở trong cương lĩnh của chúng ta nữa. Trong cương lĩnh của chúng ta không nói đến khẩu hiệu dân tộc tự quyết, — một khẩu hiệu hết sức mơ hồ, — mà lại nói đến một khẩu hiệu rõ ràng hơn, chính xác hơn, tức là quyền các dân tộc được tách ra thành một quốc gia. Đó là hai điều khác nhau. Thật lạ là trong những bài báo của mình, đồng chí Tsi-tsê-rin lại không đếm xỉa gì đến điểm đó, cho nên tất cả những lời bác bẻ của đồng chí đó đối với một khẩu hiệu hiện nay đã trở thành mơ hồ, có khác nào như một phát súng bắn chỉ thiên, vì trong đề cương của tôi cũng như trong cương lĩnh của đảng đều không nói tý gì đến « quyền tự quyết » cả, mà chỉ nói đến quyền các dân tộc được tách ra thành một quốc gia. Nhưng đối với chúng ta, trong lúc này, lúc mà phong trào giải phóng dân tộc đã bùng lên ở các thuộc địa, thì khẩu hiệu ấy là khẩu hiệu cách mạng. Chừng nào mà các quốc gia xô-viết còn liên hợp thành liên bang trên nguyên tắc tự nguyện thì những dân tộc hợp thành nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, căn cứ theo ý nguyện của chính họ, vẫn không sử dụng quyền phân lập. Nhưng chừng nào mà nói đến thuộc địa bị mắc trong gọng kìm của bọn Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, chừng nào mà nói đến những nước bị lệ thuộc như A-rập, Mê-dô-pô-ta-mi, Thổ-nhĩ-kỳ, Ấn-độ tức là những nước thuộc địa hay nửa thuộc địa, thì khẩu hiệu về quyền phân lập của các dân tộc vẫn là một khẩu hiệu cách mạng. Bỏ khẩu hiệu ấy đi, tức là làm lợi cho bọn đế quốc.

Điều thiếu sót thứ tư của đồng chí Tsi-tsê-rin là những bài của đồng chí ấy không có những ý kiến thực tiễn nào cả. Viết ra những bài báo, quả là dễ ; nhưng khi muốn lấy đầu đề là « Phản đối những đề cương của đồng chí Sta-lin », thì phải đưa ra cái gì đứng đắn, dù chỉ là những phản đề nghị thực tiễn. Nhưng trong những bài báo ấy tôi không thấy một đề nghị thực tiễn nào đáng chú ý cả.

Thưa các đồng chí, tôi xin kết thúc. Chúng ta đi đến kết luận sau đây. Xã hội tư sản đã tỏ ra không những không đủ năng lực để giải quyết vấn đề dân tộc, mà trái lại, khi nó muốn « giải quyết » vấn đề ấy thì nó lại làm cho vấn đề dân tộc mở rộng ra thành vấn đề thuộc địa, và giai cấp tư sản đã tạo ra một mặt trận mới chống lại chính nó, chạy dài từ Ai-rơ-lan đến Ấn-độ. Nhà nước duy nhất có khả năng đề ra và giải quyết vấn đề dân tộc, là Nhà nước dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và công cụ sản xuất : đó là Nhà nước xô-viết. Trong quốc gia liên bang xô-viết không còn dân tộc đi áp bức và dân tộc bị áp bức nữa, sự áp bức dân tộc đã bị thủ tiêu. Nhưng, vì còn sự bất bình đẳng trên thực tế (về văn hóa, kinh tế, chính trị) giữa những dân tộc có trình độ văn hóa cao hơn và thấp hơn, do chế độ tư sản cũ còn để lại, thì vấn đề dân tộc có một hình thức đòi hỏi phải nghiên cứu những biện pháp thích hợp làm cho bước tiến về kinh tế, chính trị và văn hóa của quần chúng lao động trong các dân tộc và bộ tộc lạc hậu, được dễ dàng, làm cho họ theo kịp nước Nga trung tâm — nước Nga vô sản — là nước đã tiến bước trước. Do đó, có những đề nghị thực tiễn làm nội dung cho phần thứ ba của bản đề cương tôi đã trình bày về vấn đề dân tộc. *(Vỗ tay)*.

2. KẾT LUẬN

10 tháng Ba

Thưa các đồng chí, trong cuộc thảo luận về vấn đề dân tộc, điều đặc biệt hơn cả đối với đại hội này là : xuất phát từ những lời tuyên bố về vấn đề dân tộc, thông qua việc phân chia lại khu vực hành chính ở Nga, chúng ta đã đạt đến chỗ đặt vấn đề một cách thực tiễn. Thời kỳ đầu cuộc cách mạng tháng Mười, chúng ta chỉ mới tuyên bố quyền phân lập của các dân tộc. Năm 1918 và 1920, chúng ta đã thi hành việc phân chia lại khu vực hành chính ở Nga theo đặc điểm dân tộc, nhằm giúp cho quần chúng lao động trong các dân tộc lạc hậu gần gũi giai cấp vô sản Nga. Ngày nay, ở đại hội này, chúng ta lại đặt vấn đề trên một cơ sở thuần túy thực tiễn để xem xem chính sách của đảng phải như thế nào đối với quần chúng lao động và những phần tử tiểu tư sản trong các khu tự trị và những nước cộng hòa độc lập liên hợp với nước Nga. Cho nên, tôi rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy đồng chí Da-tôn-sky tuyên bố rằng bản đề cương đưa ra trình bày với các đồng chí có tính chất trừu tượng. Tôi hiện có ở trong tay bản đề cương của đồng chí đó, mà không hiểu tại sao đồng chí đó lại không đưa ra đại hội xem xét, và trong bản đề cương đó, tôi không tìm ra được một đề nghị thực tiễn nào cả, — thật là không có một đề nghị nào, — có lẽ, chỉ trừ một đề nghị đổi tên « Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga » thành « Đông Âu » và viết « Nga », hay « đại Nga » chứ không viết là « Nga quốc ». Tôi không tìm ra được trong bản đề cương đó một đề nghị thực tiễn nào khác.

Tôi xin nói sang vấn đề sau.

Tôi phải nói rằng tôi đã mong đợi nhiều ở các đại biểu đã phát biểu ở đây. Nước Nga gồm có hai mươi hai miền ngoại vi : một số nào trong những miền ấy đã có nền công nghiệp phát triển mạnh và về mặt công nghiệp không khác mấy với nước Nga trung tâm ; một số miền khác chưa trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, nên về căn bản khác với nước Nga trung tâm, những miền khác nữa thì lại hoàn toàn lạc hậu. Trong đề cương không thể nào bàn một cách thật cụ thể đến tất cả tính chất muôn hình muôn vẻ như thế của các miền ngoại vi. Không thể nào đòi hỏi những đề cương áp dụng chung cho toàn đảng phải có tính chất riêng của Tuốc-ke-stan hoặc A-déc-bai-gian hay U-cơ-ren được. Cần phải rút ra những nét đặc trưng chung cho tất cả các miền ngoại vi rồi đưa vào trong đề cương mà tước bỏ những điểm chi tiết đi. Thực ra, không còn có phương pháp nào khác để thảo ra đề cương.

Cần phải chia những dân tộc không phải đại Nga ra thành nhiều nhóm, như bản đề cương đã làm. Những dân tộc không phải Nga gồm có độ 65 triệu người. Nét đặc trưng chung cho tất cả các dân tộc không phải Nga là ở chỗ họ tiến sau nước Nga trung tâm về mặt phát triển quốc gia. Nhiệm vụ của chúng ta là phải tận lực giúp đỡ những dân tộc ấy, những phần tử vô sản, những người lao động của họ phát triển ở địa phương họ những cơ quan xô-viết dùng tiếng mẹ đẻ của họ. Cái nét chung ấy đã được ghi trong đề cương, ở phần nói về những biện pháp thực tiễn.

Sau đó, nếu chúng ta tiếp tục cụ thể hóa hơn nữa những đặc điểm của những miền ngoại vi, thì trong tổng số khoảng 65 triệu dân không phải Nga, chúng ta phải để riêng độ 30 triệu dân Tuốc-cơ là dân không trải qua chủ nghĩa tư bản. Đồng chí Mi-cai-an đã sai khi nói rằng nước A-déc-bai-gian, về vài phương diện nào đó, có trình độ phát triển cao hơn

những tỉnh của Nga. Rõ ràng đồng chí đã lẫn lộn Ba-cu với nước A-déc-bai-gian. Ba-cu không nảy sinh từ trong lòng nước A-déc-bai-gian, mà là được thiết lập từ bên trên do sự nỗ lực của Nô-ben, Rốt-sin, Uy-sau và những người khác. Còn chính nước A-déc-bai-gian thì lại là nơi đã có những quan hệ gia trưởng và phong kiến lạc hậu nhất. Vì thế, tôi xếp toàn bộ nước A-déc-bai-gian vào nhóm những miền ngoại vi chưa trải qua chủ nghĩa tư bản, và do đó, cần phải áp dụng những phương pháp đặc biệt để đưa những miền ngoại vi ấy vào con đường kinh tế xô-viết. Điều đó đã được nói rõ trong đề cương.

Sau nữa, còn một nhóm thứ ba, gồm nhiều nhất là 6 triệu người ; phần lớn là những bộ lạc nghề chăn nuôi, còn giữ chế độ bộ lạc và chưa chuyển sang kinh tế nông nghiệp. Chủ yếu là những dân Kiếc-ghi-di, dân Bắc Tuốc-ke-stan, Ba-sơ-ki-ri, Tsê-tsen, Ô-xê-ti và In-gu-sơ. Đối với những nhóm dân tộc này, trước hết cần phải cấp ruộng đất cho họ. Ở đây, người ta đã không để cho những người Kiếc-ghi-di và Ba-sơ-ki-ri phát biểu ý kiến, người ta đã kết thúc cuộc thảo luận. Có lẽ họ đã nói nhiều hơn nữa về những nỗi khổ của các dân miền cao nguyên Ba-sơ-ki-ri, Kiếc-ghi-di và miền Núi đang chết dần chết mòn vì không có ruộng đất. Nhưng, điều mà Xa-pha-rốp đã nói về vấn đề ấy chỉ quan hệ đến một nhóm 6 triệu người. Cho nên, người ta không thể nào đem những đề nghị thực tiễn của Xa-pha-rốp ra áp dụng cho tất cả những miền ngoại vi, vì đối với những dân tộc khác, không phải Nga — gồm khoảng 60 triệu người — thì những điểm bổ sung đó không có chút giá trị nào cả. Vì thế, mặc dầu không phản đối những ý kiến cụ thể hóa, bổ sung và sửa đổi một số điểm cá biệt, do Xa-pha-rốp đưa ra đối với một số nhóm dân tộc, nhưng tôi phải nói rằng không thể áp dụng một cách phổ biến những điểm bổ sung đó được. Sau đó, tôi có một điều nhận xét đối với một điểm bổ sung của đồng chí Xa-pha-rốp. Trong điểm bổ sung

đó có lọt một câu về « quyền dân tộc tự quyết về văn hóa » như sau :

« Trước Cách mạng tháng Mười, vì chính sách đế quốc chủ nghĩa, những dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa ở các vùng ngoại vi phía Đông nước Nga đã mất hết mọi khả năng đạt tới những thành quả văn hóa của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, bằng quyền dân tộc tự quyết về văn hóa của mình, bằng việc học tập bằng tiếng mẹ đẻ » v.v.

Tôi phải nói rằng, tôi không thể nào nhận điểm bổ sung đó được vì nó sặc mùi phái Bun. Quyền dân tộc tự quyết về văn hóa, đó là một công thức của phái Bun. Chúng ta đã vĩnh biệt những khẩu hiệu mơ hồ ấy về quyền tự quyết từ lâu lắm rồi ; không nên khôi phục lại những khẩu hiệu đó. Vả lại, tất cả câu đó là một mớ từ ngữ gán ghép hết sức chướng tai.

Sau nữa, tôi nhận được một mảnh giấy viết tay nói rằng chúng ta, những người cộng sản, chúng ta đem du nhập dân tộc Bạch-Nga một cách giả tạo. Điều đó không đúng ; hiện có một dân tộc Bạch-Nga có tiếng nói riêng khác với tiếng Nga và vì thế, chỉ có thể nâng cao văn hóa của dân tộc Bạch-Nga lên bằng tiếng mẹ đẻ của họ mà thôi. Năm năm trước đây, người ta cũng đã nghe nói như thế về xứ U-cơ-ren, về dân tộc U-cơ-ren. Và mới đây nữa, người ta đã chẳng còn nói là nước Cộng hòa U-cơ-ren và dân tộc U-cơ-ren là một phát minh của người Đức đó sao ? Tuy nhiên, rõ ràng là dân tộc U-cơ-ren tồn tại, và nhiệm vụ của những người cộng sản là phải phát triển nền văn hóa của dân tộc ấy. Người ta không thể nào đi ngược lại lịch sử. Rõ ràng là nếu như cho đến hiện nay trong những thành phố của U-cơ-ren người Nga vẫn còn chiếm ưu thế, thì rồi với thời gian, nhất định là những thành phố ấy cũng sẽ U-cơ-ren hóa. Cách đây bốn mươi năm, Ri-ga* là một thành phố Đức ; nhưng, vì các thành phố phát triển là do dân

* Thủ đô nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Lét-tô-ni. *(B.T.)*

cư nông thôn tràn vào, mà nông thôn là người bảo tồn dân tộc, nên Ri-ga ngày nay là một thành phố thuần túy Lét-tô-ni. Cách đây năm mươi năm, tất cả những thành phố của Hung-ga-ri đều có tính chất Đức ; ngày nay, những thành phố ấy đã được Hung-ga-ri hóa. Bạch-Nga cũng sẽ như thế, mặc dầu trong những thành phố của Bạch-Nga những người không phải Bạch-Nga vẫn còn chiếm ưu thế.

Để kết thúc, tôi đề nghị đại hội bầu ra một ủy ban gồm có đại biểu của các miền, và có nhiệm vụ cụ thể hóa những kiến nghị thực tiễn trong bản đề cương, mà tất cả các miền ngoại vi của chúng ta đều quan tâm đến. (*Vỗ tay*).

THƯ GỬI V. I. LÊ-NIN

Đồng chí Lê-nin !

Ba ngày nay tôi có dịp đọc xong tập « *Kế hoạch điện khí hóa nước Nga* »[8]. Vì mắc bệnh mà tôi đã làm được việc đó (có khi họa mà thành may !). Thật là một cuốn sách xuất sắc, viết rất hay. Một dự thảo tài tình về một kế hoạch kinh tế thật sự *thống nhất* và thật sự có *tính chất Nhà nước, không có dấu nháy bên cạnh*. Đó là một ý đồ mác-xít, duy nhất của thời đại chúng ta, muốn đem lại cho thượng tầng kiến trúc xô-viết của một nước Nga lạc hậu về kinh tế, một cơ sở công nghiệp và kỹ thuật là hiện thực, và duy nhất có thể đạt được trong điều kiện hiện nay.

Hãy nhớ lại « kế hoạch » của Tơ-rốt-ski (đề cương của đồng chí đó) hồi năm ngoái để « phục hưng kinh tế » nước Nga, bằng cách sử dụng rộng rãi lao động của quần chúng *nông dân* — công nhân không lành nghề (đội quân lao động) làm việc trên những đống gạch đổ nát của ngành công nghiệp trước chiến tranh. Thật là nghèo nàn biết bao, thật là lạc hậu biết bao so với kế hoạch của Ủy ban Nhà nước điện khí hóa toàn Nga ! Thật là một tay thợ thủ công thời trung cổ, tự mệnh danh là một anh hùng của Íp-xen, có trách nhiệm đem truyền thuyết cổ đại ra để « cứu vớt» nước Nga... Và còn nói gì về hàng chục cái « kế hoạch thống nhất », — những lời bập bẹ non nớt đó của những đứa trẻ mẫu giáo thường hay xuất hiện trên báo

chí, khiến chúng ta lấy làm hổ thẹn...Hay là cái « chủ nghĩa hiện thực » tầm thường (thực tế là *chủ nghĩa Ma-ni-lốp*) của anh chàng Rư-cốp đầy óc bảo thủ vẫn còn tiếp tục « phê phán » Ủy ban Nhà nước điện khí hóa toàn Nga...

Ý kiến của tôi là :

1) không bỏ phí một giây để bàn suông về kế hoạch ;

2) lập tức ***bắt tay thực tế hành động*** ngay ;

3) dành cho *việc khởi công* đó ít ra là một phần ba công tác của chúng ta (còn hai phần ba thì sẽ dành cho những nhu cầu « thường ngày ») để điều động nhân vật lực, khôi phục các xí nghiệp, phân phối nhân lực, cung cấp lương thực, tổ chức những cơ sở cung cấp và bản thân công tác cung cấp, v.v..

4) Mặc dù có tất cả những ưu điểm rất tốt đẹp, các nhân viên công tác của Ủy ban Nhà nước điện khí hóa toàn Nga vẫn còn thiếu óc thực tiễn đúng đắn (trong các bài báo, người ta cảm thấy có sự bất lực của nhà giáo), cho nên để giúp họ, tuyệt đối phải điều về Ủy ban kế hoạch những người có kinh nghiệm thực tế, biết thế nào là « báo cáo tình hình chấp hành », « chấp hành theo đúng thời hạn quy định », v.v..

5) Giao nhiệm vụ cho các báo *Sự thật, Tin tức,* và nhất là báo *Đời sống kinh tế*[9], phải cố gắng tuyên truyền rộng « Kế hoạch điện khí hóa », cả phần nội dung cơ bản cũng như nội dung cụ thể về một ngành nào đó, mà không bao giờ được quên rằng ***chỉ có độc một*** « kế hoạch kinh tế thống nhất » là « kế hoạch điện khí hóa », còn tất cả những « kế hoạch » khác chẳng qua chỉ là những điều bàn suông vô vị và có hại mà thôi.

Sta-lin của đồng chí

Viết tháng Ba 1921
Xuất bản lần đầu tiên trong « Văn tập kỷ niệm lần thứ 50 ngày sinh của Sta-lin », Mạc-tư-khoa — Lê-nin-gơ-rát, 1929

BÀN VỀ CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Cách đặt vấn đề dân tộc của những người cộng sản, về căn bản, khác với cách đặt vấn đề của những thủ lĩnh Quốc tế II và Quốc tế II½[10], của các đảng « xã hội chủ nghĩa », « xã hội-dân chủ », men-sê-vích, xã hội chủ nghĩa-cách mạng và của đủ các loại đảng khác.

Cần đặc biệt chú trọng bốn điểm căn bản, là những nét đặc trưng và nổi bật nhất trong cách đặt vấn đề dân tộc theo lối mới, những điểm đó vạch ra một đường ranh giới giữa quan niệm cũ và quan niệm mới về vấn đề dân tộc.

Điểm thứ nhất là sự hợp nhất giữa vấn đề dân tộc, một vấn đề cục bộ, với vấn đề giải phóng các thuộc địa nói chung, một vấn đề toàn bộ. Trong thời kỳ Quốc tế II, thường thường vấn đề dân tộc bị thu vào phạm vi nhỏ hẹp của những vấn đề chỉ có quan hệ đến những « dân tộc văn minh ». Các dân tộc Ai-rơ-lan, Tiệp-khắc, Ba-lan, Phần-lan, Xéc-bi, Ác-mê-ni, Do-thái và một số dân tộc khác ở châu Âu : đó là những dân tộc không có đầy đủ quyền, mà Quốc tế II đã lưu tâm đến. Hàng chục triệu và hàng trăm triệu người trong các dân tộc châu Á và châu Phi đang chịu sự áp bức dân tộc dưới hình thức độc ác nhất và tàn nhẫn nhất, lại thường không được những « Người xã hội chủ nghĩa » chú ý đến. Họ không dám quyết định đặt ngang hàng nhau, người da trắng với người da đen, người da đen « dốt nát » với người Ai-rơ-lan « văn minh », người Ấn-độ « lạc hậu » với người Ba-lan « tiên tiến ». Người ta mặc nhiên thừa nhận rằng nếu cần phải đấu tranh để giải phóng những dân tộc châu Âu không có đầy đủ quyền

thì những người « xã hội chủ nghĩa đứng đắn » cũng không nên nói một cách nghiêm chỉnh đến việc giải phóng các thuộc địa, vì « cần có » các thuộc địa đề « duy trì » « văn minh ». Những người xã hội chủ nghĩa ấy, nếu có thề gọi họ như thế được, thậm chí không hề cho rằng không thề nào thủ tiêu áp bức dân tộc ở châu Âu được, nếu những dân tộc thuộc địa châu Á và châu Phi không được giải phóng khỏi ách chủ nghĩa đế quốc, rằng việc trên có liên hệ hữu cơ với việc dưới. Chính những người cộng sản là những người đầu tiên đã vạch ra mối liên hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, họ đã chứng thực điều đó bằng lý luận và lấy đó làm cơ sở cho công tác thực tiễn cách mạng của mình. Do đó, bức tường ngăn cách người da trắng với người da đen, người nô lệ « văn minh » với người nô lệ « dốt nát » của chủ nghĩa đế quốc, đã bị đập tan. Tình hình đó đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho việc phối hợp giữa cuộc đấu tranh của những thuộc địa lạc hậu với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản tiên tiến đề chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Điềm thứ hai là việc thay thế khẩu hiệu mập mờ về quyền dân tộc tự quyết bằng khẩu hiệu cách mạng rõ ràng là các dân tộc và thuộc địa có quyền được ly khai đề thành lập những quốc gia độc lập. Khi nói đến quyền tự quyết, những thủ lĩnh Quốc tế II thường không đả động gì đến quyền tách ra thành một quốc gia ; quyền tự quyết, nhiều lắm cũng chỉ có nghĩa là quyền tự trị nói chung, Spơ-rin-ghe và Bau-e, những « chuyên gia » về vấn đề dân tộc, còn đi đến chỗ biến quyền tự quyết thành quyền các dân tộc bị áp bức ở châu Âu được tự trị về văn hóa, nghĩa là quyền được có những cơ quan văn hóa riêng, *với điều kiện* vẫn đề cho dân tộc thống trị nắm trong tay toàn bộ quyền lực chính trị (và kinh tế). Nói một cách khác, kết quả là quyền tự quyết của các dân tộc không có đầy đủ quyền đã đem lại đặc quyền chính trị

cho các dân tộc thống trị, hơn nữa vấn đề tách ra thành một quốc gia lại bị gạt bỏ. Cau-sky, thủ lĩnh tư tưởng của Quốc tế II, đã tán thành, trên căn bản, cái cách giải thích hoàn toàn theo lối đế quốc chủ nghĩa ấy về quyền tự quyết của Spơ-rin-ghe và Bau-e. Không lạ gì khi thấy bọn đế quốc công nhận rằng đặc điểm ấy của khẩu hiệu tự quyết là có lợi cho chúng, và chúng đã tuyên bố khẩu hiệu ấy là khẩu hiệu của chúng. Như chúng ta đã biết, chiến tranh đế quốc nhằm mục đích nô dịch các dân tộc, đã được tiến hành dưới danh nghĩa quyền tự quyết. Như thế là khẩu hiệu mập mờ về quyền tự quyết, từ chỗ là một công cụ giải phóng của dân tộc và công cụ bình đẳng của các dân tộc, đã biến thành công cụ để chinh phục các dân tộc, công cụ để duy trì các dân tộc trong vòng lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc. Tiến trình sự vật trên toàn thế giới trong mấy năm gần đây, lô-gích của cách mạng ở châu Âu và, sau hết, sự bành trướng của phong trào giải phóng trong các thuộc địa buộc người ta phải vứt bỏ cái khẩu hiệu đã trở thành phản động ấy đi, để thay thế bằng một khẩu hiệu khác, một khẩu hiệu cách mạng, có thể dùng để đánh tan không khí nghi kỵ của quần chúng lao động trong các dân tộc không có đầy đủ quyền đối với những người vô sản trong các dân tộc thống trị, có thể mở đường cho sự bình đẳng giữa các dân tộc và cho sự thống nhất những người lao động trong các dân tộc ấy. Khẩu hiệu ấy, do những người cộng sản đưa ra, là khẩu hiệu về quyền của các dân tộc và các thuộc địa được tách ra thành một quốc gia.

Khẩu hiệu ấy có những ưu điểm là :

1) nó thủ tiêu được mọi căn cứ khiến những người lao động của một dân tộc này nghi ngờ những người lao động của một dân tộc khác là có tham vọng thôn tính ; do đó, khẩu hiệu ấy chuẩn bị cơ sở cho sự tin cậy lẫn nhau và cho sự tự nguyện liên hợp với nhau ;

2) nó lột mặt nạ bọn đế quốc là bọn đang ba hoa bàn tán một cách giả dối về quyền tự quyết nhưng lại tìm cách bắt những dân tộc không có đầy đủ quyền và các thuộc địa phải phục tùng chúng và giam cầm họ trong khuôn khổ quốc gia đế quốc của chúng, và do đó đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc và của các thuộc địa ấy chống lại chủ nghĩa đế quốc.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng công nhân Nga có lẽ đã không giành được sự đồng tình của những anh em của họ trong các dân tộc ở phương Tây và phương Đông, nếu, sau khi nắm được chính quyền, họ, không tuyên bố các dân tộc có quyền tách ra để thành lập những quốc gia độc lập, nếu họ không lấy hành động để chứng minh ý muốn thực hiện quyền bất khả xâm phạm ấy của các dân tộc, nếu họ không từ bỏ « quyền » của họ, chẳng hạn, đối với Phần-lan (1917), nếu họ không rút quân đội ra khỏi Bắc Ba-tư (1917), nếu họ không từ bỏ tham vọng đối với một phần đất đai của Mông-cổ và Trung-quốc, vân vân và vân vân.

Cũng không nghi ngờ gì nữa rằng, nếu như gần đây chính sách của bọn đế quốc, mặc dầu được che đậy khôn khéo dưới danh nghĩa quyền tự quyết, vẫn bị hết thất bại này đến thất bại khác ở phương Đông, thì đó tựu trung cũng là vì nó đã vấp phải một phong trào giải phóng ngày càng phát triển mạnh mẽ nhờ công tác tuyên truyền đúng với tinh thần của khẩu hiệu về quyền của các dân tộc được tách ra để thành lập những quốc gia độc lập. Đó là điều mà những nhân vật Quốc tế II và Quốc tế II½ đã không hiểu được, bọn này đã ra sức thóa mạ « Hội đồng hành động và tuyên truyền »[11] ở Ba-cu, vì một vài sai lầm không quan trọng mà Hội đồng này đã phạm phải. Nhưng, nếu người nào chịu khó nghiên cứu sự hoạt động của « Hội đồng » ấy trong một năm tồn tại vừa qua của nó, và nghiên cứu phong trào giải phóng của những

thuộc địa châu Á và châu Phi trong hai hay ba năm vừa qua, thì họ sẽ hiểu được điều đó.

Điểm thứ ba là việc nêu rõ mối liên hệ hữu cơ hiện có giữa vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa với vấn đề chính quyền của tư bản, vấn đề lật đổ chủ nghĩa tư bản, vấn đề chuyên chính của giai cấp vô sản. Trong thời kỳ Quốc tế II, phạm vi vấn đề dân tộc bị bó hẹp đến cực điểm, thường thường nó chỉ được xem xét như một vấn đề riêng biệt, không có liên quan gì đến cuộc cách mạng vô sản tương lai. Lúc đó người ta mặc nhiên cho rằng vấn đề dân tộc sẽ được giải quyết « một cách hoàn toàn tự nhiên », trước khi có cuộc cách mạng vô sản, bằng một loạt cải cách tiến hành trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản ; rằng cách mạng vô sản có thể thực hiện được mà không cần phải giải quyết triệt để vấn đề dân tộc, và ngược lại, vấn đề dân tộc cũng có thể giải quyết được mà không cần phải lật đổ chính quyền của tư bản, không cần có hay trước khi có cách mạng vô sản thành công. Cách nhìn hoàn toàn có tính chất đế quốc chủ nghĩa ấy lộ ra từ đầu chí cuối trong các tác phẩm của Spơ-rin-ghe và Bau-e viết về vấn đề dân tộc. Nhưng mười năm gần đây đã vạch ra tất cả cái gì sai lầm, thối nát trong cái quan niệm ấy về vấn đề dân tộc. Chiến tranh đế quốc đã chứng tỏ, và thực tiễn cách mạng trong những năm gần đây cũng đã xác nhận một lần nữa rằng :

1) vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa gắn liền với vấn đề giải phóng khỏi chính quyền của tư bản ;

2) chủ nghĩa đế quốc (hình thức tối cao của chủ nghĩa tư bản) không thể tồn tại được nếu không có sự nô dịch về chính trị và kinh tế các dân tộc không có đầy đủ quyền và các thuộc địa ;

3) những dân tộc không có đầy đủ quyền và những thuộc địa

không thể nào tự giải phóng được, nếu không lật đổ chính quyền của tư bản ;

4) thắng lợi của giai cấp vô sản không thể nào bền vững được, nếu các dân tộc không có đầy đủ quyền và các thuộc địa không được giải phóng khỏi ách chủ nghĩa đế quốc.

Nếu châu Âu và châu Mỹ có thể gọi được là tiền tuyến, là chỗ diễn ra những trận chiến đấu chủ yếu giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa đế quốc, thì những dân tộc không có đầy đủ quyền và các thuộc địa với những nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực và số dự trữ to lớn về nhân lực của họ, phải được coi là hậu phương, là lực lượng dự trữ của chủ nghĩa đế quốc. Muốn thắng trong một cuộc chiến tranh, thì không những phải chiến thắng ngoài tiền tuyến, còn phải cách mạng hóa hậu phương của địch, lực lượng dự trữ của địch. Cho nên thắng lợi của cách mạng vô sản thế giới chỉ có thể được coi là đảm bảo, khi nào giai cấp vô sản biết kết hợp cuộc đấu tranh cách mạng của mình với phong trào giải phóng của quần chúng lao động trong các dân tộc không có đầy đủ quyền và của các thuộc địa chống lại chính quyền của bọn đế quốc, để thực hiện chuyên chính vô sản. Đó là một điểm « chi tiết » mà các thủ lĩnh Quốc tế II và Quốc tế II$^1/_2$ đã không nhìn thấy trong khi họ tách vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa ra khỏi vấn đề chính quyền trong thời kỳ cách mạng vô sản đang phát triển ở phương Tây.

Điểm thứ tư là việc đưa vào vấn đề dân tộc một yếu tố mới, đó là yếu tố san bằng trên thực tế (chứ không phải chỉ trên danh nghĩa mà thôi) giữa các dân tộc (giúp đỡ và hỗ trợ những dân tộc lạc hậu để họ có thể tiến lên trình độ văn hóa và kinh tế của những dân tộc đã tiến trước họ) ; yếu tố đó là một trong những điều kiện để xác lập sự hợp tác anh em giữa quần chúng lao động trong các dân tộc. Trong thời kỳ Quốc tế II, thường người ta chỉ giới hạn ở việc tuyên bố về

« quyền bình đẳng dân tộc ». Nhiều lắm thì cũng chỉ là đòi thi hành quyền bình đẳng ấy. Nhưng quyền bình đẳng dân tộc, tự nó, là một thành quả rất quan trọng về mặt chính trị, nhưng nó rất có thể chỉ là một danh từ trống rỗng, nếu không có những phương tiện và khả năng đầy đủ để sử dụng quyền rất quan trọng ấy. Không còn nghi ngờ gì nữa là quần chúng lao động của những dân tộc lạc hậu không có điều kiện sử dụng quyền « bình đẳng dân tộc » như quần chúng lao động các dân tộc tiên tiến : tình trạng lạc hậu (về văn hóa và kinh tế) của một số dân tộc mà quá khứ còn để lại đó không thể nào xóa bỏ hết được trong một hay hai năm, nó vẫn bộc lộ ra. Điều đó cũng đúng đối với nước Nga, nơi mà một số dân tộc chưa trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, và nhiều dân tộc khác cũng chưa hề bước vào giai đoạn đó và không có hay gần như không có giai cấp vô sản ; mặc dầu ở đấy quyền bình đẳng dân tộc hoàn toàn đã được thực hiện nhưng quần chúng lao động của các dân tộc ấy vẫn không có điều kiện để sử dụng đầy đủ những quyền họ đã giành được, chỉ vì tình trạng lạc hậu của họ về mặt văn hóa và kinh tế. Người ta còn thấy rõ điều đó hơn nữa, « sau khi » giai cấp vô sản thắng lợi ở phương Tây, khi nhiều thuộc địa và nửa thuộc địa lạc hậu, với trình độ phát triển hết sức chênh lệch nhau, nhất định sẽ bước lên vũ đài. Vì thế giai cấp vô sản trong các dân tộc tiên tiến, một khi thắng lợi, phải giúp đỡ, một sự giúp đỡ thiết thực và lâu dài, về mặt văn hóa và kinh tế cho quần chúng lao động của các dân tộc lạc hậu để họ có thể tiến lên một giai đoạn phát triển cao hơn và theo kịp những dân tộc đã tiến trước họ. Không có sự giúp đỡ ấy, thì không thể nào thực hiện được sự chung sống hòa bình và hợp tác anh em giữa những người lao động của các dân tộc và dân tộc ít người khác nhau, trong một nền kinh tế thế giới thống nhất, sự chung

sống và hợp tác đó rất cần thiết cho thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội.

Từ đó nên rút ra kết luận là không thể nào chỉ giới hạn ở quyền « bình đẳng dân tộc » mà thôi, còn cần phải chuyển từ quyền « bình đẳng dân tộc » sang những biện pháp nhằm thực hiện sự san bằng trên thực tế giữa các dân tộc, sang việc đề ra và thực hiện những biện pháp thực tiễn nhằm :

1) nghiên cứu tình hình kinh tế, đời sống và văn hóa của các dân tộc và dân tộc ít người lạc hậu ;

2) phát triển văn hóa của họ ;

3) giáo dục họ về chính trị ;

4) làm cho họ tiến dần dần và không thương tổn lên những hình thức kinh tế cao ;

5) tổ chức hợp tác về kinh tế giữa những người lao động trong các dân tộc lạc hậu và tiên tiến.

Đó là năm điểm căn bản nói lên cách đặt vấn đề mới của những người cộng sản Nga về vấn đề dân tộc.

2 tháng Năm 1921

« Sự thật » số 98,
8 tháng Năm 1921

Ký tên: J. Sta-lin

LỜI CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI I CÁC PHỤ NỮ MIỀN NÚI[12]

Xin chuyển lời chào mừng anh em của tôi đến đại hội I các nữ lao động của nước Cộng hòa miền Núi [13]. Tôi rất tiếc vì ốm nên không thể tới dự đại hội của các đồng chí được.

Các nữ đồng chí của nước Cộng hòa miền Núi! Trong lịch sử nhân loại chưa thấy một phong trào giải phóng trọng đại nào mà phụ nữ lại không tham gia trực tiếp, vì mỗi bước tiến của giai cấp bị áp bức trên con đường giải phóng mình đồng thời cũng là một sự cải thiện tình cảnh của người phụ nữ. Phong trào giải phóng nô lệ trong thời cổ đại cũng như phong trào giải phóng nông nô trong thời đại hiện nay, không những chỉ có nam giới mà cả phụ nữ tham gia — những nữ chiến sĩ và nữ liệt sĩ, họ đã đem máu mình để hiến dâng cho sự nghiệp của những người lao động. Cuối cùng, phong trào giải phóng giai cấp vô sản hiện nay — phong trào giải phóng sâu xa nhất và mạnh mẽ nhất trong tất cả các phong trào giải phóng của nhân loại — không những đã sản sinh ra những nữ anh hùng và nữ liệt sĩ, mà còn sản sinh ra một phong trào xã hội chủ nghĩa có tính chất quần chúng của hàng triệu nữ lao động, những người đang chiến đấu thắng lợi dưới lá cờ chung của giai cấp vô sản.

So với phong trào mạnh mẽ đó của những người nữ lao động, phong trào tự do của những người nữ trí thức tư sản chỉ là một trò trẻ, một trò tiêu khiển mà thôi.

Tôi tin chắc rằng dưới lá cờ đỏ, đại hội các phụ nữ miền Núi sẽ hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

Sta-lin

17 tháng Sáu 1921

Thông báo của đại hội I các nữ lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết miền Núi.
Vơ-la-đi-cáp-ca-dơ, 1921.

VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC CHÍNH TRỊ CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGA

Phác thảo dàn bài của một cuốn sách nhỏ

I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. *Phạm vi hoạt động và phạm vi vận dụng chiến lược và sách lược chính trị.* Nếu thừa nhận rằng phong trào vô sản có hai mặt, mặt khách quan và mặt chủ quan, thì phạm vi hoạt động của chiến lược và sách lược chắc chắn là bị giới hạn ở mặt chủ quan của phong trào. Mặt *khách quan* là những quá trình phát triển diễn ra ở ngoài và chung quanh giai cấp vô sản, một cách độc lập với ý chí của giai cấp vô sản và ý chí của đảng của giai cấp đó; những quá trình đó, phân tích đến cùng, sẽ quyết định sự phát triển của toàn thể xã hội. Mặt *chủ quan* là những quá trình diễn ra trong nội bộ giai cấp vô sản, phản ánh vào ý thức của nó những quá trình khách quan, và làm cho các quá trình khách quan tiến nhanh lên hay chậm đi, nhưng hoàn toàn không quyết định các quá trình.

2. *Lý luận* của chủ nghĩa Mác nghiên cứu trước hết các quá trình khách quan trong sự phát triển và tiêu vong của những

quá trình đó, xác định xu thế phát triển, chỉ rõ giai cấp nào hay những giai cấp nào nhất định sẽ lên nắm chính quyền hoặc nhất định sẽ sụp đổ và tất phải sụp đổ.

3. *cương lĩnh* của chủ nghĩa Mác và dựa vào những kết luận về lý luận, xác định mục tiêu của phong trào của giai cấp đang lên (ở đây chỉ giai cấp vô sản), trong một thời kỳ phát triển nhất định của chủ nghĩa tư bản hoặc trong suốt cả thời kỳ tư bản chủ nghĩa (cương lĩnh tối thiểu và cương lĩnh tối đa).

4. *Chiến lược* dựa theo những điều chỉ dẫn trong cương lĩnh và dựa vào việc đánh giá các lực lượng đấu tranh ở trong nước (trong một nước) và trên quốc tế ; nó quyết định *đường lối chung, phương hướng chung* mà phong trào cách mạng của giai cấp vô sản phải theo để đạt được những kết quả lớn nhất, trong tình hình sự so sánh lực lượng đang diễn ra và phát triển. Do đó, nó vạch ra một kế hoạch phân bố lực lượng của giai cấp vô sản và của các bạn đồng minh của nó trên mặt trận xã hội (*bố trí chung*). Không nên lẫn lộn việc « vạch ra một kế hoạch phân bố lực lượng » với công tác (cụ thể và thực tiễn) phân bố và bố trí lực lượng, mà chiến lược và sách lược cùng tiến hành. Như vậy không có nghĩa là chiến lược chỉ giới hạn ở chỗ qui định con đường phải theo và vạch ra kế hoạch phân bố lực lượng chiến đấu trong mặt trận vô sản mà thôi ; trái lại, nó còn chỉ đạo đấu tranh và bồ khuyết sách lược thường ngày trong suốt cả thời kỳ xảy ra bước ngoặt, lợi dụng một cách khéo léo những lực lượng hậu bị của nó và giữ vững sách lược một cách cơ động linh hoạt.

5. *Sách lược* dựa theo những điều chỉ dẫn của chiến lược và kinh nghiệm của phong trào cách mạng ở trong nước mình cũng như kinh nghiệm ở các nước láng giềng, trong mỗi thời kỳ nhất định tính đến tình hình lực lượng trong nội

bộ giai cấp vô sản và các bạn đồng minh của giai cấp vô sản (có trình độ văn hóa, trình độ tổ chức, trình độ giác ngộ cao hay thấp, có những truyền thống nào, có những hình thức vận động và tổ chức ***cơ bản*** và ***hỗ trợ*** nào) và tính đến cả lực lượng của phe địch, lợi dụng tình trạng bất hòa và mọi sự hỗn loạn trong phe thù địch, vạch ra những ***biện pháp cụ thể*** khả dĩ tranh thủ được đông đảo quần chúng đứng về phía giai cấp vô sản cách mạng và dẫn họ đến các vị trí chiến đấu trên mặt trận xã hội (để thực hành kế hoạch bố trí lực lượng đã đặt ra theo đúng kế hoạch chiến lược), những biện pháp đó sẽ chuẩn bị một cách chắc chắn nhất cho thắng lợi của chiến lược. Sách lược dựa vào đó mà đề ra hoặc thay đổi các khẩu hiệu và chỉ thị của đảng.

6. ***Chiến lược*** thay đổi trong lúc có những bước ngoặt, có những biến chuyển lịch sử ; nó bao quát một thời kỳ từ một bước ngoặt (biến chuyển) này đến một bước ngoặt khác ; cho nên, nó hướng phong trào đi theo một mục tiêu chung bao gồm những lợi ích của giai cấp vô sản trong suốt cả thời kỳ nói đó ; nó tìm cách làm cho cuộc ***chiến tranh*** giữa các giai cấp trong suốt cả thời kỳ đó ***giành được thắng lợi*** ; cho nên nó không thay đổi trong thời kỳ đó.

Sách lược thì ngược lại, nó do cao trào và thoái trào của bước ngoặt đó, của thời kỳ chiến lược đó, do sự so sánh lực lượng đấu tranh, do các hình thức đấu tranh (của phong trào), do ***nhịp độ*** của phong trào, do tình thế của trường đấu tranh mỗi lúc, mỗi khu vực quyết định ; và vì tất cả những nhân tố đó thay đổi theo địa điểm và thời gian trong suốt thời kỳ từ một bước ngoặt này đến một bước ngoặt khác, nên sách lược — nó bao gồm không phải toàn bộ cuộc chiến tranh mà chỉ bao gồm các trận chiến đấu riêng lẻ, khiến cho chiến tranh thắng hay bại — thay đổi (có thể thay đổi) nhiều lần trong thời kỳ chiến lược. Thời kỳ chiến lược dài hơn thời

kỳ sách lược. Sách lược phải phục tùng lợi ích của chiến lược. Nói chung, những thắng lợi về sách lược chuẩn bị cho những thắng lợi về chiến lược. Nhiệm vụ của sách lược là lãnh đạo quần chúng đấu tranh, định ra các khẩu hiệu và đưa quần chúng đến những vị trí mới sao cho cuộc đấu tranh đạt đến chỗ giành được thắng lợi trong chiến tranh, nghĩa là giành được thắng lợi về chiến lược. Nhưng có những trường hợp thắng lợi về sách lược lại làm hại đến hoặc trì hoãn thắng lợi về chiến lược, vì thế trong các trường hợp đó, người ta phải bỏ qua những thắng lợi về sách lược.

Lấy một thí dụ : không nghi ngờ gì nữa, việc cổ động chống chiến tranh của chúng ta trong công nhân và binh lính dưới thời Kê-ren-ski, hồi đầu năm 1917, là một thất bại về sách lược vì quần chúng đuổi các diễn giả của chúng ta khỏi diễn đàn, đánh đập họ, đôi khi còn đánh họ nhừ tử nữa ; quần chúng không những không đi với đảng mà lại còn xa rời đảng. Nhưng dù bị thất bại về sách lược, việc cổ động ấy vẫn đưa gần tới giờ phút đại thắng lợi về chiến lược, bởi vì quần chúng đã hiểu nhanh chóng việc chúng ta cổ động chống chiến tranh là đúng và sau đó họ chuyền sang đứng về phía đảng một cách nhanh chóng và dễ dàng.

Hay một thí dụ nữa : khi Quốc tế Cộng sản đòi hỏi phải vạch rõ ranh giới với bọn cải lương chủ nghĩa và bọn phái giữa trong việc chấp hành 21 điều kiện[14], thì như vậy chắc chắn đưa đến một sự bất lợi về mặt sách lược, vì làm như vậy là làm giảm bớt một cách có ý thức số lượng « người ủng hộ » Quốc tế Cộng sản và làm cho Quốc tế cộng sản yếu đi trong một thời gian. Nhưng sự đòi hỏi đó lại có một cái lợi lớn về chiến lược, vì đã thanh trừ được những phần tử không tin cậy được trong Quốc tế Cộng sản, như vậy chắc chắn sẽ củng cố được tổ chức đó, tăng cường sự đoàn kết nội bộ của nó tức là tăng cường được sức mạnh của nó nói chung.

7. ***Khẩu hiệu cổ động*** và khẩu hiệu ***hành động***. Không nên lẫn lộn hai khẩu hiệu đó, lẫn lộn như vậy thì sẽ nguy hiểm. Khẩu hiệu : « Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết » là một khẩu hiệu ***cổ động*** từ tháng Tư đến tháng Mười 1917 ; đến tháng Mười thì nó đã trở thành khẩu hiệu ***hành động***, khi Ban Chấp hành trung ương đảng ngay đầu tháng đó (ngày 10 tháng Mười) đã thông qua quyết định « giành lấy chính quyền ». Trong lúc tiến hành cuộc biểu tình ở Pê-téc-bua, nhóm Bát-đa-chi-ép đã lẫn lộn hai khẩu hiệu như vậy.

8. ***Chỉ thị*** (chung) là một lời kêu gọi trực tiếp hãy hành động ***vào một thời gian và một địa điểm nhất định***, lời kêu gọi là toàn đảng cần phải thực hành. Nếu khẩu hiệu « Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết ! » là khẩu hiệu ***tuyên truyền*** hồi đầu tháng Tư (« Luận cương »[15]) thì đến tháng Sáu nó đã trở thành một khẩu hiệu ***cổ động***, và đến tháng Mười (mồng 10 tháng Mười) lại thành một khẩu hiệu ***hành động***, rồi đến cuối tháng Mười thì thành một ***chỉ thị*** trực tiếp. Ở đây tôi nói đến chỉ thị chung cho toàn đảng, tuy rằng vẫn cần phải có những chỉ thị địa phương để phát triển chỉ thị chung.

9. ***Sự dao động giai cấp tiểu tư sản***, nhất là trong lúc các cuộc khủng hoảng chính trị trở nên trầm trọng (ở Đức, trong cuộc bầu cử quốc hội ; ở Nga, trong thời kỳ Kê-ren-ski vào tháng Tư, Sáu, Tám và cũng ở Nga trong thời kỳ Cơ-rôn-stát hồi 1921[16]), cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, lợi dụng và tính đến, nhưng nếu thỏa hiệp với dao động đó thì sẽ nguy hiểm và có hại cho sự nghiệp của giai cấp vô sản. Không nên vì sự dao động như vậy mà đi đến chỗ thay đổi các khẩu hiệu cổ động, nhưng có thể, và đôi khi cần thiết, phải thay đổi hoặc hoãn lại một ***chỉ thị*** nào đó và thậm chí có thể một khẩu hiệu (hành động) nào đó. Thay đổi sách lược « trong hai mươi bốn giờ », chính là thay đổi ***chỉ thị***,

thậm chí còn là thay đổi ***khẩu hiệu hành động***, nhưng không phải là thay đổi khẩu hiệu cổ động (chẳng hạn như việc bãi bỏ cuộc biểu tình ngày 9 tháng Sáu 1917 và những việc tương tự khác).

10. Nghệ thuật của ***nhà chiến lược*** và ***nhà sách lược*** là ở chỗ thay đổi một cách đúng đắn và kịp thời khẩu hiệu cổ động thành khẩu hiệu hành động và cũng thay đổi một cách đúng đắn và kịp thời khẩu hiệu hành động thành ***chỉ thị*** cụ thể nhất định.

II

NHỮNG BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NƯỚC NGA

1. ***Bước ngoặt trong những năm 1904-1905*** (chiến tranh Nga-Nhật đã vạch rõ, một mặt, toàn bộ tính chất yếu hèn của chế độ chuyên chế, và mặt khác, sức mạnh của phong trào vô sản và nông dân) và tác phẩm ***Hai sách lược***[17] của Lê-nin coi như là kế hoạch chiến lược của những người mác-xít thích ứng với bước ngoặt đó. Đó là bước ngoặt chuyển sang cách mạng dân chủ tư sản ***(đây là thực chất của bước ngoặt)***. Không phải là sự câu kết của phái tư sản tự do với chính phủ Nga hoàng dưới sự độc quyền lãnh đạo của bọn dân chủ-lập hiến, mà là cách mạng dân chủ tư sản dưới sự độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. ***(Đó là thực chất của kế hoạch chiến lược)***. Kế hoạch đó xuất phát từ tư tưởng cho rằng cách mạng dân chủ tư sản Nga sẽ thúc đẩy phong trào xã hội chủ nghĩa ở phương Tây, sẽ làm cho cách mạng bùng nổ ra tại đó và sẽ làm cho nước Nga dễ dàng chuyển từ cách mạng tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa (xem

thêm biên bản đại hội III của đảng, các diễn văn của Lê-nin đọc tại đại hội đó[18], cũng như sự phân tích khái niệm chuyên chính trong đại hội ấy cũng như trong cuốn *Thắng lợi của bọn dân chủ lập hiến*[19]). *Cần thiết phải đánh giá các lực lượng đang đấu tranh ở trong nước và trên quốc tế, và phân tích tổng quát tình hình kinh tế, và chính trị trong thời kỳ bước ngoặt*. Cách mạng tháng Hai đã kết thúc thời kỳ này bằng cách thực hiện ít ra là hai phần ba kế hoạch chiến lược đã trình bày trong cuốn *Hai sách lược*.

2. *Bước ngoặt hồi tháng Hai và Ba 1917 chuyển sang cách mạng xô-viết* (sau khi quét sạch chế độ chuyên chế, cuộc chiến tranh đế quốc đã phơi trần tính chất hoàn toàn không vững chắc của chủ nghĩa tư bản và chứng tỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa là không tránh khỏi trực tiếp nổ ra và là con đường thoát duy nhất ra khỏi cuộc khủng hoảng).

Sự khác nhau giữa cuộc cách mạng tháng *Hai* « vinh quang » do nhân dân, giai cấp tư sản và bọn tư bản Anh-Pháp tiến hành (về mặt quan hệ quốc tế, cuộc cách mạng *đó* không đem lại một sự thay đổi quan trọng nào vì nó đem chính quyền trao cho bọn dân chủ-lập hiến và nó chỉ là sự kế tục chính sách của bọn tư bản Anh-Pháp mà thôi) với cuộc Cách mạng tháng Mười, là cuộc cách mạng đã đánh đổ tất cả.

Những «luận cương» của Lê-nin là kế hoạch chiến lược thích ứng với bước ngoặt mới. Chuyên chính vô sản là con đường thoát. Kế hoạch đó xuất phát từ tư tưởng cho rằng *« chúng ta sẽ bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga, chúng ta sẽ lật đổ giai cấp tư sản ở ngay nước ta, do đó chúng ta sẽ làm cho cách mạng nổ ra ở phương Tây, rồi sau các đồng chí phương Tây sẽ giúp chúng ta tiến hành đến cùng cuộc cách mạng của chúng ta »*. Cần phải phân tích tình hình kinh tế và chính trị ở trong nước và trên quốc tế

trong thời kỳ bước ngoặt (thời kỳ « hai chính quyền song song tồn tại », những âm mưu câu kết, vụ phiến loạn của Coóc-ni-lốp là điềm báo trước sự diệt vong của chế độ thống trị Kê-ren-ski, tình hình sôi sục ở các nước phương Tây do bất mãn vì chiến tranh).

3. Bước ngoặt hồi tháng Mười 1917 (bước ngoặt không những trong lịch sử nước Nga, mà cũng còn là bước ngoặt trong lịch sử *thế giới* nữa) ; việc thiết lập chuyên chính vô sản ở Nga (tháng Mười - Một - Chạp 1917 và nửa đầu năm 1918) *là sự đột phá của mặt trận xã hội quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc thế giới, dẫn đến một bước ngoặt đi tới chỗ thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới,* và mở ra một kỷ nguyên dùng nội chiến thay cho chiến tranh đế quốc (sắc lệnh hòa bình, sắc lệnh ruộng đất, sắc lệnh về vấn đề dân tộc, công bố các hiệp ước bí mật, cương lĩnh công tác kiến thiết, diễn văn của *Lê-nin* tại đại hội II các Xô-viết[20], cuốn *Nhiệm vụ của Chính quyền xô-viết*[21] của *Lê-nin*, xây dựng kinh tế).

Phải phân tích toàn diện sự khác nhau giữa chiến lược và sách lược của chủ nghĩa cộng sản lúc chưa nắm chính quyền, lúc đứng ở phía đối lập, với chiến lược và sách lược của chủ nghĩa cộng sản khi đã nắm chính quyền.

Tình hình quốc tế : chiến tranh tiếp diễn giữa hai tập đoàn đế quốc là điều kiện thuận lợi (sau khi ký hòa ước Bơ-rét-Li-tốp) đối với sự tồn tại và sự phát triển của Chính quyền xô-viết ở Nga.

4. *Đường lối dùng hành động quân sự để chống bọn can thiệp (từ mùa hạ 1918 đến cuối năm 1920);* đường lối ấy bắt đầu sau một thời kỳ ngắn xây dựng hòa bình, tức là sau khi ký hòa ước Bơ-rét—Li-tốp. Đường lối

đó đã bắt đầu thực hiện sau hòa ước Bơ-rét - Li-tốp, một hòa ước đã phản ánh sự non yếu về mặt quân sự của nước Nga xô-viết và nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng Hồng quân ở Nga, làm trụ cột chủ yếu cho cuộc Cách mạng xô-viết. Hành động của quân đội Tiệp ; quân đội phe Đồng minh chiếm cứ Muốc-man-scơ, Ác-khan-ghen-scơ, Vơ-la-đi-vô-stốc, Ba-cu ; phe Đồng minh tuyên chiến với nước Nga xô-viết, — tất cả tình hình đó đã quyết định dứt khoát *bước ngoặt phải chuyển từ công cuộc hòa bình xây dựng đã được bắt đầu rồi, sang hoạt động quân sự, sang việc bảo vệ lấy quê hương của cách mạng thế giới khỏi bị kẻ thù trong nước và ngoài nước tiến công*. (Diễn văn của *Lê-nin* về hòa ước Bơ-rét — Li-tốp, v.v..) Do cách mạng xã hội chậm bùng nổ và do lúc đó chúng ta ở vào thế chỉ trông cậy vào bản thân mình thôi, nhất là sau khi những miền nói trên đã bị chiếm đóng và việc chiếm đóng đó đã không gây được sự phản kháng quan trọng của vô sản phương Tây, nên chúng ta đã buộc phải ký cái hòa ước Bơ-rét - Li-tốp nhơ nhuốc đó đặng tranh thủ một thời gian nghỉ ngơi để tổ chức Hồng quân của chúng ta và tự lực bảo vệ lấy nước Cộng hòa xô-viết.

«Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để bảo vệ nước Cộng hòa!», Do đó mà thành lập Hội đồng quốc phòng, .v.v. Đây là một thời kỳ chiến tranh và thời kỳ chiến tranh đó đã in dấu vết của nó vào toàn bộ sinh hoạt trong và ngoài nước Nga.

5. *Đường lối hòa bình xây dựng từ đầu năm 1921,* sau khi đã đánh bại Vơ-ran-ghen ; ký hòa ước với một số nước tư sản, ký hiệp ước với Anh, v.v..

Chiến tranh đã kết thúc, nhưng vì những người xã hội chủ nghĩa phương Tây vẫn chưa có thể giúp chúng ta khôi phục được nền kinh tế của chúng ta, và vì lúc đó, về mặt kinh tế,

chúng ta nằm trong vòng vây của các nước tư sản có nền công nghiệp phát triển hơn, nên chúng ta đã buộc phải dùng chính sách tô nhượng, phải ký những hiệp định thương mại với một số nước tư sản và phải ký những hợp đồng tô nhượng với một số tập đoàn tư bản ; về mặt này (mặt kinh tế) cũng vậy, chúng ta chỉ trông cậy vào bản thân mình, chúng ta buộc phải tự mình lo liệu lấy. ***Tất cả để khôi phục nền kinh tế quốc dân!*** (Xem các diễn văn của *Lê-nin* và những cuốn sách mà mọi người đều biết). Biến Hội đồng quốc phòng thành Hội đồng lao động và quốc phòng.

6. Các giai đoạn phát triển của đảng, trước 1917 :

a) ***Sự hình thành của hạt nhân cơ bản, nhất là nhóm « Tia lửa »*** và v.v.. Đấu tranh chống chủ nghĩa kinh tế. Cơ-rê-đô [22].

b) ***Đào tạo cán bộ đảng*** làm cơ sở cho đảng công nhân sau này trên phạm vi toàn Nga (1895 - 1903). Đại hội II của đảng.

c) ***Phát triển rộng số cán bộ thành đảng công nhân*** và tăng cường đảng bằng cách bổ sung thêm những người làm công tác đảng, mới được động viên trong quá trình của phong trào vô sản (1903 - 1904). Đại hội III của đảng.

d) ***Cuộc đấu tranh của bọn men-sê-vích chống các cán bộ đảng nhằm làm cho các cán bộ đảng hóa thành quần chúng ngoài đảng*** (« đại hội công nhân »), và cuộc đấu tranh của những người bôn-sê-vích để bảo tồn các cán bộ đảng làm cơ sở của đảng. Đại hội Luân-đôn và sự thất bại của phái « đại hội công nhân ».

đ) Phái thủ tiêu và đảng viên. Thất bại của phái thủ tiêu (1908 - 1910).

e) Thời kỳ từ 1908 đến 1916. ***Thời kỳ có sự kết hợp giữa phương thức*** công tác ***hợp pháp và bất hợp pháp*** và sự phát triển của các tổ chức đảng trên mọi lĩnh vực công tác.

7. Trong nội bộ Nhà nước xô-viết, đảng cộng sản như là

một loại đoàn kỵ sĩ *đeo kiếm*, lãnh đạo các cơ quan của Nhà nước đó và cổ vũ sự hoạt động của các cơ quan ấy.

Tầm quan trọng của *đội cận vệ lão thành* trong đoàn kỵ sĩ hùng mạnh đó. *Đội cận vệ lão thành* được bổ sung bằng những chiến sĩ mới đã được rèn luyện từ ba hoặc bốn năm.

Lê-nin tiến hành *đấu tranh không khoan nhượng chống bọn điều hòa*, như thế có đúng không? Đúng, vì không làm như vậy thì đảng sẽ tan rã và sẽ không phải là một cơ thể mà chỉ là một hỗn hợp những phần tử không thuần nhất, đảng sẽ không có được sự nhất trí và đoàn kết nội bộ, không có được cái kỷ luật vô song và cái tính linh hoạt chưa từng thấy, mà nếu thiếu những cái đó thì ngay bản thân đảng cũng như Chính quyền xô-viết do đảng lãnh đạo đã không thể chống cự nổi với chủ nghĩa đế quốc thế giới được. Lát-xan đã nói đúng rằng *« Đảng được củng cố trong khi làm cho hàng ngũ mình trong sạch »*. Trước tiên là chất lượng rồi sau mới là số lượng.

8. Vấn đề về sự cần thiết phải có hay không cần thiết phải có đảng vô sản và về vai trò của nó. Đảng là người chỉ huy và là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, nó lãnh đạo tất cả các hình thức đấu tranh của giai cấp vô sản trong mọi ngành không trừ một ngành nào, nó thống nhất các hình thức đấu tranh của giai cấp vô sản thành một chỉnh thể. Nói rằng không cần thiết phải có đảng cộng sản, như vậy có nghĩa là giai cấp vô sản có thể đấu tranh mà không cần đến bộ tham mưu, không cần đến hạt nhân lãnh đạo tức là bộ phận chuyên nghiên cứu những điều kiện đấu tranh và vạch ra phương pháp đấu tranh ; như vậy có nghĩa là không có bộ tham mưu thì chiến đấu tốt hơn là có bộ tham mưu, nói như thế là ngu xuẩn.

III

NHỮNG VẤN ĐỀ

1. *Vai trò của chế độ chuyên chế trước và sau cuộc chiến tranh Nga-Nhật.* Cuộc chiến tranh Nga-Nhật đã bóc trần tất cả sự thối nát và sự yếu hèn của chế độ chuyên chế Nga. Cuộc tổng bãi công chính trị thắng lợi hồi tháng Mười 1905 đã phơi trần ra ánh sáng sự yếu hèn đó (người khổng lồ chân bằng đất sét). Ta hãy bàn tiếp : năm 1905 không những đã vạch trần sự yếu hèn của chế độ chuyên chế, sự bạc nhược của phái tư sản tự do và sự hùng mạnh của giai cấp vô sản, mà còn bác bỏ cái ý kiến rất thông dụng từ trước đến nay cho rằng chế độ chuyên chế Nga là tên sen-đầm ở châu Âu, rằng nó *đủ sức làm* tên sen-đầm châu Âu. Sự thật đã chứng minh rằng chế độ chuyên chế Nga thậm chí cũng không thể đương đầu nổi với ngay giai cấp công nhân ở nước mình, nếu không có sự giúp đỡ của bọn tư bản châu Âu. Chừng nào mà giai cấp công nhân Nga còn ngủ say và nông dân Nga chưa rục rịch gì, còn tin vào đức cha Nga hoàng, thì chế độ chuyên chế Nga quả thực vẫn có khả năng làm tên sen-đầm ở châu Âu ; nhưng năm 1905, và trước hết là cuộc bắn giết ngày 9 tháng Giêng 1905, đã thức tỉnh giai cấp vô sản Nga, còn phong trào đòi ruộng đất cũng trong năm đó thì đã làm nao núng lòng tin của người mu-gích đối với Nga hoàng. Hiện nay trọng tâm phản cách mạng ở châu Âu đã chuyển từ bọn địa chủ Nga sang bọn chủ ngân hàng đế quốc Anh-Pháp. Những người xã hội-dân chủ Đức, năm 1914 đã tìm cách bào chữa cho hành vi của họ phản bội giai cấp vô sản, viện cớ rằng chiến tranh chống chế độ chuyên chế Nga, tên sen-đầm của châu Âu, là có tính chất tiến bộ, thì thực ra đã đem hình bóng của quá khứ ra để khoe khoang,

dĩ nhiên làm như vậy là để lừa bịp, vì những tên sen-đầm thực sự của châu Âu, có đầy đủ lực lượng và phương tiện để làm sen-đầm, thì không phải ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, mà lại ở Bá-linh, ở Pa-ri và Luân-đôn.

Ngày nay mọi người đều đã thấy rõ rằng châu Âu không những đã đưa vào nước Nga chủ nghĩa xã hội, mà còn cả sự phản cách mạng dưới hình thức cho Nga hoàng vay v.v. nữa, trong khi đó thì ngoài những người chính trị lưu vong của mình ra, nước Nga lại còn đưa vào châu Âu cả cách mạng nữa. (Nước Nga trong năm 1905 ít ra cũng đã cho châu Âu biết tổng bãi công là một phương thức đấu tranh của giai cấp vô sản).

2. Về vấn đề « *quả chín* »*. Làm thế nào để xác định khi nào thì có sự bùng nổ cách mạng?

Khi nào thì có thể nói rằng « quả đã chín », thời kỳ chuẩn bị đã kết thúc và có thể bắt đầu hành động?

— a) Khi quần chúng đã sôi sục và tràn đầy tinh thần cách mạng, còn các ***khẩu hiệu hành động*** của chúng ta và những ***chỉ thị*** của chúng ta thì lại đã lạc hậu so với phong trào quần chúng (xem bài « Ủng hộ việc tham gia vào Đu-ma » của ***Lê-nin***, thời kỳ trước tháng Mười 1905); khi chúng ta thấy khó kìm quần chúng lại được và đôi khi chúng ta cũng không kìm nổi họ, như chẳng hạn lúc có cuộc biểu tình của công nhân Pu-ti-lốp và của pháo binh hồi tháng Bảy 1917 (xem thêm cả: ***Bệnh ấu trĩ...***[23] của ***Lê-nin***);

— b) Khi phe địch đã dao động và hỗn loạn, đã tan rã và sụp đổ đến tột điểm; khi con số những phần tử phản bội và đào ngũ trong phe địch tăng lên không phải hàng ngày mà là hàng giờ; khi những phần tử gọi là trung lập, tất cả cái khối đông đảo hàng triệu người tiểu tư sản thành thị và nông thôn, đã bắt đầu dứt khoát rời bỏ kẻ thù (chế độ chuyên

* Vấn đề những điều kiện chín muồi của một cuộc cách mạng. *(B.T*

chế hoặc giai cấp tư sản) và đi tìm cách liên minh với giai cấp vô sản ; khi bộ máy cai trị của kẻ thù cùng với bộ máy đàn áp, do tất cả tình hình trên, không còn hoạt động được nữa, bị tê liệt, trở thành vô dụng, v.v., và do đó, mở đường cho giai cấp vô sản giành lấy chính quyền.

— c) Khi cả hai tình huống đó (điểm *a* và *b*) xảy ra cùng một lúc ; trên thực tế thì thường thường có như vậy.

Có một số người cho rằng cứ xác nhận quá trình *khách quan* của sự tiêu vong giai cấp nắm chính quyền là đủ để bắt đầu tiến công được rồi. Nhưng, cho như vậy là không đúng. Ngoài cái đó ra, còn cần phải chuẩn bị những điều kiện *chủ quan* cần thiết cho cuộc tiến công được thắng lợi. Chiến lược và sách lược chính là có nhiệm vụ phải làm cho công tác chuẩn bị những điều kiện chủ quan của cuộc tiến công thích ứng một cách đúng đắn và kịp thời với quá trình khách quan của sự tiêu vong của chính quyền của giai cấp thống trị.

3. *Chọn thời cơ*. Việc chọn thời cơ xem lúc nào đánh, nếu do đảng chọn chứ không phải do các sự biến buộc phải đề ra, mà muốn đạt tới một kết quả thuận lợi, thì phải có hai điều kiện : a) « quả phải chín »; b) phải có một sự biến, một hành vi đột xuất nào đó của chính phủ hoặc một hành động tự phát có tính chất địa phương đem lại một *lý do thích đáng* (mà đông đảo quần chúng có thể hiểu được) để khởi sự, để bắt đầu tiến công. Nếu không tuân theo hai điều kiện đó thì có thể dẫn tới tình trạng là đòn tiến công không những không thể là khởi điểm của các cuộc tiến công chung ngày càng lớn mạnh chống lại kẻ thù, không những không thể trở thành một đòn sấm sét (nói cho đúng, thì đó chính là ý nghĩa và mục đích của việc chọn đúng thời cơ), mà sẽ biến thành một cuộc manh động đáng tức cười được chính phủ và kẻ thù nói chung hoan nghênh và bị chúng lợi dụng để đề cao uy tín của chúng, và sẽ trở thành nguyên nhân và khởi điểm

khiến cho đảng bị thất bại hoặc dù sao đi nữa cũng làm cho đảng mất tinh thần. Ví dụ, việc một bộ phận Ban Chấp hành trung ương đề nghị bắt giam các đại biểu dự Hội nghị dân chủ[24], — đề nghị này đã bị Ban Chấp hành trung ương bác bỏ vì nó không thỏa mãn (*hoàn toàn* không thỏa mãn) được yêu cầu thứ hai (xem ở trên), — là không thích hợp về mặt chọn thời cơ.

Nói chung, cần phải đề phòng để đòn tiến công đầu tiên (chọn thời cơ) khỏi biến thành một cuộc manh động ; do đó, cần nghiêm chỉnh tuân theo hai điều kiện kể trên.

4. « *Thử sức* ». Đôi khi đảng, sau khi đã tiến hành công tác chuẩn bị những hoạt động quyết định và tự cho rằng mình đã tích lũy được những lực lượng dự trữ đầy đủ rồi, thấy rằng tiến hành một hoạt động thí nghiệm, thăm dò lực lượng của kẻ thù và kiểm tra xem lực lượng của mình đã sẵn sàng chiến đấu chưa,— là điều hợp lý. Việc thử sức đó là do đảng làm một cách có ý thức trong một thời cơ do mình chọn lấy (cuộc biểu tình ấn định vào ngày 10 tháng Sáu 1917, sau lại hủy bỏ và thay bằng cuộc biểu tình ngày 18 tháng Sáu năm đó), hoặc do tình thế buộc phải làm, do một hoạt động quá sớm của kẻ thù, và nói chung do một hiện tượng bất ngờ nào đó (cuộc phiến loạn của Coóc-ni-lốp hồi tháng Tám 1917 và đòn đánh trả lại của đảng đã có tác dụng một cuộc thử sức rất hay) buộc phải làm. Không nên coi « thử sức » là một cuộc biểu tình thị uy thông thường, như cuộc biểu tình thị uy ngày 1 tháng Năm : cho nên, việc thử sức không thể coi là việc *kiểm điểm lực lượng* một cách thông thường được ; đứng về tầm quan trọng và kết quả có thể đạt được mà nói, thì việc thử sức tuy có nhỏ hơn cuộc khởi nghĩa, nhưng chắc chắn là lớn hơn cuộc biểu tình thị uy thông thường, nó ở vào giữa biểu tình thị uy với khởi nghĩa hay tổng bãi công. Trong điều kiện thuận lợi, thì việc thử sức có thể biến thành đòn tiến công đầu tiên (chọn thời cơ), thành khởi nghĩa (hành động

của đảng hồi cuối tháng Mười) ; trong điều kiện không thuận lợi thì việc thử sức có thể đặt đảng đứng trước nguy cơ thất bại trực tiếp (cuộc biểu tình ngày 3 và 4 tháng Sáu của 1917). Bởi thế cho nên, thời cơ thích hợp nhất cho việc « thử sức » là lúc « quả đã chín » lúc đội ngũ quân thù đã khá mất tinh thần, lúc đảng đã tích lũy được những lực lượng dự trữ nhất định ; tóm lại, đó là lúc đảng đã sẵn sàng tiến công, lúc đảng không sợ việc thử sức có thể do tình huống mà biến thành đòn tiến công đầu tiên, và do đó, biến thành cuộc tổng tiến công chống lại kẻ thù. Khi tiến hành việc thử sức, đảng cần phải sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

5. Cuộc « *kiểm điểm lực lượng* ». Kiểm điểm lực lượng là một cuộc biểu tình thị uy thông thường, có thể xảy ra hầu như trong mọi tình huống (chẳng hạn, cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm có kèm theo bãi công hoặc không có bãi công). Nếu cuộc kiểm điểm lực lượng tiến hành không phải ngay trước ngày có cuộc bùng nổ trực tiếp, mà là trong một thời kỳ ít nhiều « hòa bình », thì nhiều lắm nó cũng chỉ kết thúc bằng một cuộc xô xát với cảnh sát đại diện cho chính phủ hoặc một số đơn vị quân đội nào đó mà không đưa lại một tổn thất đặc biệt nào cả cho đảng lẫn cho kẻ thù. Nếu cuộc kiểm điểm lực lượng xảy ra trong không khí hừng hực ngay trước khi có những cuộc bùng nổ, thì nó có thể sớm đưa đảng đến chỗ xung đột quyết liệt với kẻ thù ; và nếu đảng còn yếu, chưa có chuẩn bị đối với cuộc xung đột đó, thì kẻ thù có thể lợi dụng cuộc « kiểm điểm lực lượng » để đánh tan những lực lượng của giai cấp vô sản (do đó mà tháng Chín 1917, đảng đã nhiều lần kêu gọi « đừng để bị khiêu khích »). Cho nên, cần sử dụng một cách hết sức thận trọng phương pháp kiểm điểm lực lượng trong không khí khủng hoảng cách mạng đã chín muồi và đừng quên rằng nếu đảng còn yếu, thì phương pháp đó có thể biến thành vũ khí của

kẻ thù để đánh tan giai cấp vô sản, hoặc, chí ít cũng để làm cho giai cấp vô sản suy yếu nặng. Trái lại, nếu đảng đã sẵn sàng chiến đấu, nếu hàng ngũ kẻ thù đã mất tinh thần rõ rệt, thì không được để mất cơ hội và phải chuyển từ bước « kiểm điểm lực lượng » sang bước « thử sức » (giả định rằng có những điều kiện thuận lợi cho việc chuyển biến đó : « quả đã chín » v.v.), để rồi sau đó phát động cuộc tổng công kích.

6. *Chiến thuật tiến công* (chiến thuật chiến tranh giải phóng, khi giai cấp vô sản đã nắm chính quyền).

7. *Chiến thuật rút lui có trật tự.* Làm thế nào rút lui khéo léo trước một kẻ thù có lực lượng rõ ràng mạnh hơn, để bảo toàn nếu không được đại bộ phận quân đội thì chí ít cũng được các cán bộ quân đội (xem *Lê-nin* : *Bệnh ấu trĩ*...). Chúng ta rút lui cuối cùng như thế nào, ví dụ, trong cuộc tẩy chay viện Đu-ma của Vít-te và Đu-ba-xốp. Chỗ khác nhau giữa chiến thuật rút lui và « chiến thuật » bỏ chạy (hãy so sánh bọn men-sê-vích).

8. *Sách lược tiến công*, là thủ đoạn không thể thiếu được để bảo tồn cán bộ và tích trữ lực lượng chờ những cuộc chiến đấu sau này. Nó đòi hỏi đảng phải chiếm lĩnh tất cả mọi trận địa đấu tranh không trừ một trận địa nào, phải nắm sẵn sàng tất cả mọi thứ vũ khí, tức là tất cả mọi hình thức tổ chức, không hề coi thường một hình thức nào, thậm chí là hình thức bề ngoài xem như không có nghĩa lý gì nhất, vì không một ai biết trước được trên trận địa nào thì sẽ diễn ra cuộc chiến đấu đầu tiên và hình thức vận động hoặc tổ chức nào sẽ là điểm xuất phát và là vũ khí có hiệu lực của giai cấp vô sản khi bắt đầu những cuộc chiến đấu quyết định. Nói một cách khác là để đón chờ những cuộc chiến đấu quyết định trong thời kỳ phòng ngự và tích trữ lực lượng, đảng cần phải tự chuẩn bị cho thật đầy đủ. *Để đón chờ* cuộc chiến đấu...Nhưng như vậy không có nghĩa là đảng phải bỏ

tay ngồi chờ, tự biến thành một người quan sát bất lực, từ chỗ là một đảng cách mạng (nếu đảng ở phái đối lập) hóa thành một đảng chờ thời ; không, trong thời kỳ đó đảng phải tránh chiến đấu, không được ứng chiến *nếu đảng* không tích lũy được lực lượng đầy đủ hoặc nếu tình thế bất lợi cho đảng ; nhưng cố nhiên là trong những điều kiện thuận lợi thì *đảng không được bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào* có thể buộc kẻ thù phải chiến đấu trong lúc cuộc chiến đấu không có lợi cho nó, khiến cho kẻ thù lâm vào trạng thái thường xuyên khẩn trương, làm cho lực lượng kẻ thù dần dần bị rối loạn và mất tinh thần, có thể rèn luyện dần dần lực lượng của giai cấp vô sản trong những cuộc chiến đấu có quan hệ đến lợi ích hàng ngày của nó, và do đó tăng cường được lực lượng của bản thân nó.

Chỉ trong những điều kiện như vậy, thì phòng ngự mới sẽ có thể trở thành phòng ngự thật sự *tích cực*, mà đảng cũng sẽ giữ được tất cả những đặc tính của một *đảng hành động* thật sự, chứ không phải của một đảng quan sát chờ thời ; chỉ có như vậy, đảng mới sẽ không bỏ qua hoặc để lỡ thời cơ hoạt động một cách quyết định, mới sẽ không bị bất ngờ vì các sự biến. Trường hợp đã xảy ra đối với Cau-sky và đồng bọn, khi họ đã bỏ qua thời cơ tấn công của cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây do cái sách lược quan sát đợi chờ « sáng suốt » của họ và cũng do cái thái độ tiêu cực « sáng suốt » hơn của họ nữa, — đó là một sự cảnh cáo trực tiếp. Hoặc một thí dụ nữa : trường hợp đã xảy ra đối với bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, khi họ đã bỏ lỡ không giành lấy chính quyền do cái sách lược đợi chờ mãi mãi của họ trong các vấn đề hòa bình và ruộng đất, — đó cũng là một sự cảnh cáo. Mặt khác, cũng thấy rõ ràng là không nên lạm dụng sách lược phòng ngự tích cực, sách lược hành động, vì trong điều kiện như vậy, thì thấy có nguy cơ làm cho sách lược hành động cách mạng của đảng cộng sản trở thành

một sách lược tập luyện « cách mạng », nghĩa là một sách lược không đưa đến chỗ tích lũy được những lực lượng của giai cấp vô sản, tăng cường được tính sẵn sàng chiến đấu của nó, và do đó, cũng không đẩy mạnh được cách mạng lên, mà là đưa đến chỗ phân tán lực lượng của giai cấp vô sản, làm suy yếu tính chiến đấu của nó, do đó mà làm cho sự nghiệp cách mạng chậm lại.

9. ***Nguyên tắc chung của chiến lược cộng sản và sách lược cộng sản***. Có ba nguyên tắc chung :

a) lấy cái kết luận dưới đây của lý luận mác-xít, tức là kết luận đã được thực tiễn cách mạng chứng minh, làm cơ sở : trong các nước tư bản, giai cấp vô sản là giai cấp duy nhất triệt để cách mạng, giai cấp duy nhất quan tâm đến việc hoàn toàn giải phóng nhân loại thoát khỏi chủ nghĩa tư bản và do đó, có sứ mệnh làm lãnh tụ của toàn thể quần chúng bị áp bức và bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa tư bản ; cho nên, cần phải hướng toàn bộ công tác vào việc bảo đảm lập được chuyên chính vô sản ;

b) lấy cái kết luận dưới đây của lý luận mác-xít, tức là kết luận đã được thực tiễn cách mạng chứng minh : ***chiến lược và sách lược của đảng cộng sản ở bất kỳ nước nào*** cũng đều chỉ có thể đúng nếu chiến lược và sách lược đó không bị bó hẹp trong phạm vi lợi ích của nước « mình », của tổ quốc « mình », của giai cấp vô sản « của mình » ; mà trái lại, trong khi tính đến điều kiện và hoàn cảnh của nước mình thì chiến lược và sách lược đặt lợi ích của giai cấp vô sản quốc tế, lợi ích của cách mạng ở các nước khác, lên hàng đầu ; tức là nếu thực chất và tinh thần của chiến lược và sách lược đó là chủ nghĩa quốc tế ; nếu chiến lược và sách lược đó thực hiện « đến mức tối đa cái có thể thực hiện được ở trong một nước (nước mình) ***để*** phát triển, ủng hộ, thức tỉnh cách mạng ***trong***

tất cả các nước » (xem Lê-nin : ***cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky***[25]) ;

c) Lấy những luận điểm sau đây làm điểm xuất phát : phủ nhận mọi chủ nghĩa giáo điều (hữu khuynh và tả khuynh) khi phải thay đổi chiến lược và sách lược, khi định ra kế hoạch chiến lược mới, đường lối sách lược mới (Cau-sky, Ác-xen-rốt, Bò-gơ-đa-nốp, Bu-kha-rin) ; phủ nhận phương pháp trực quan, phương pháp dẫn chứng và đối chiếu lịch sử, những kế hoạch bịa đặt và những công thức chết (Ác-xen-rốt, Pơ-lê-kha-nốp); thừa nhận rằng không được « nằm » trên lập trường chủ nghĩa Mác mà phải đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác, không thể « chỉ giải thích thế giới » mà phải « cải tạo thế giới », không nên « quan sát sau lưng giai cấp vô sản » và theo đuôi các sự biến mà phải lãnh đạo giai cấp vô sản và làm người đại biểu tự giác cho quá trình không tự giác (xem *Lê-nin* : « Tính tự phát và tính tự giác »[26] và xem đoạn văn nổi tiếng trong ***Tuyên ngôn cộng sản***[27] của ***Mác***, trong đó có nói những người cộng sản là bộ phận sáng suốt nhất và là bộ phận đi tiên phong của giai cấp vô sản).

Làm sáng tỏ mỗi nguyên tắc đó bằng các sự kiện rút từ kinh nghiệm của phong trào cách mạng Nga và phương Tây, ***đặc biệt là nguyên tắc thứ hai và thứ ba.***

10. ***Nhiệm vụ:***

a) ***Tranh thủ đội tiên phong của giai cấp vô sản đứng về phía chủ nghĩa cộng sản*** (tức là tập hợp cán bộ, lập đảng cộng sản, định ra cương lĩnh, nguyên tắc sách lược). Tuyên truyền giáo dục là hình thức công tác chủ yếu.

b) ***Tranh thủ đông đảo quần chúng công nhân và nói chung là những người lao động đứng về phía đội tiên phong*** (dẫn dắt quần chúng đến các vị trí chiến đấu). Hình thức công tác

chủ yếu là hành động thực tiễn của quần chúng, đó là màn đầu tiến đến những trận chiến đấu quyết định.

11. Quy tắc:

a) ***Nắm lấy tất cả mọi hình thức tổ chức của giai cấp vô sản và tất cả mọi hình thức*** (lĩnh vực) ***vận động, đấu tranh.*** (Hình thức vận động: trong nghị trường và ngoài nghị trường, hợp pháp và không hợp pháp).

b) ***Học cách thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của những hình thức vận động này bằng những hình thức vận động khác,*** hoặc học cách bổ sung một số hình thức này bằng những hình thức khác; học cách ***kết hợp*** hình thức hợp pháp với hình thức không hợp pháp, hình thức trong nghị trường với hình thức ngoài nghị trường (ví dụ: tháng Bảy 1917, những người bôn-sê-vích đã nhanh chóng chuyển các hình thức hợp pháp sang hình thức không hợp pháp; kết hợp vận động ở ngoài nghị trường với hành động trong Đu-ma hồi những sự biến ở Lê-na).

12. ***Chiến lược và sách lược của đảng cộng sản trước và sau khi giành chính quyền.*** Bốn đặc điểm:

a) ***Điều quan trọng nhất*** của tình hình sau Cách mạng tháng Mười, ở châu Âu nói chung và ở nước Nga nói riêng, đó là việc giai cấp vô sản Nga đã ***chọc thủng mặt trận xã hội quốc tế*** (sau khi đã chiến thắng giai cấp tư sản Nga) ***ở trong phạm vi*** nước Nga (***đoạn tuyệt*** với chủ nghĩa đế quốc, ***công bố*** các hiệp ước bí mật, nội chiến thay thế chiến tranh đế quốc, kêu gọi các binh sĩ tỏ tình thân thiện, kêu gọi công nhân nổi dậy chống chính phủ nước họ). Sự chọc thủng đó đã mở đầu ***một bước ngoặt trong lịch sử thế giới,*** đã trực tiếp uy hiếp toàn bộ lâu đài của chủ nghĩa đế quốc quốc tế và căn bản thay đổi quan hệ so sánh giữa các lực lượng đang đấu tranh ở phương Tây, một cách có lợi cho giai cấp công nhân châu Âu. Như vậy có nghĩa là giai cấp vô sản Nga và chính đảng của nó, từ

chỗ là lực lượng ***của một nước*** nay đã trở thành một lực lượng ***quốc tế***, và nhiệm vụ cũ : lật đổ giai cấp tư sản ở nước mình, nay đã được thay thế bằng một nhiệm vụ mới : lật đổ giai cấp tư sản quốc tế. Giai cấp tư sản quốc tế, vì thấy rõ mối nguy hiểm chết người, nên đã tự nhận lấy nhiệm vụ cấp thiết là ***thủ tiêu cái lỗ hổng ở Nga***, bằng cách tập trung tất cả lực lượng sẵn có (lực lượng dự trữ) của mình lại để chống nước Nga xô-viết, và nước Nga xô-viết lúc đó đã không thể làm cách nào khác hơn là tập trung tất cả các lực lượng của mình lại để phòng ngự, nó đã phải chống cự lại cái đòn đả kích chủ yếu của giai cấp tư sản quốc tế. Tất cả tình hình đó đã gây ra nhiều thuận lợi cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản phương Tây chống lại giai cấp tư sản ở nước mình và đã tăng gấp bội sự đồng tình của họ đối với giai cấp vô sản Nga, là ***chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản quốc tế***.

Như vậy, việc hoàn thành nhiệm vụ lật đổ giai cấp tư sản trong một nước đã đặt ra một nhiệm vụ mới : đấu tranh trên phạm vi quốc tế, đấu tranh trên một phương diện khác, Nhà nước vô sản đấu tranh chống các nước tư bản thù địch với nó, do đó giai cấp vô sản Nga — cho đến nay vẫn chỉ là một trong những đơn vị của giai cấp vô sản quốc tế — từ nay trở đi trở thành đơn vị tiên tiến, đội tiên phong của giai cấp vô sản quốc tế.

Như vậy, nhiệm vụ phát động cách mạng ở phương Tây để làm cho bản thân mình, tức là nước Nga, dễ dàng tiến hành đến cùng cuộc cách mạng của mình, — từ chỗ trước kia chỉ là một nguyện vọng thôi, nay đã trở thành nhiệm vụ trước mắt, có tính chất hoàn toàn thực tiễn. Sự thay đổi mà Cách mạng tháng Mười đã tạo ra trong các quan hệ (nhất là trong các quan hệ quốc tế) ***hoàn toàn*** là công lao của Cách mạng tháng Mười. Cách mạng tháng Hai không đả động gì đến các quan hệ quốc tế.

b) ***Đặc điểm quan trọng thứ hai*** của tình hình ở Nga, từ sau tháng Mười, là sự thay đổi địa vị của giai cấp vô sản cũng

như của chính đảng của nó ở trong nước Nga. Trước kia, trước Cách mạng tháng Mười, sự quan tâm chính của giai cấp vô sản là tổ chức được tất cả những lực lượng chiến đấu để lật đổ giai cấp tư sản, nói một cách khác, nhiệm vụ của nó chủ yếu là có tính chất phê phán và tính chất phá hoại. Hiện nay, sau Cách mạng tháng Mười, khi giai cấp tư sản không còn nắm chính quyền nữa và Nhà nước đã trở thành Nhà nước vô sản, thì nhiệm vụ cũ đã biến mất và được thay thế bằng ***một nhiệm vụ mới: tổ chức tất cả những người lao động Nga*** (nông dân, thợ thủ công, trí thức, các bộ tộc chậm tiến của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga), ***để*** một mặt, ***xây dựng nước Nga xô-viết mới,*** xây dựng bộ máy kinh tế và quân sự của nước Nga, và mặt khác, trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản bị lật đổ nhưng vẫn chưa phải là bị đánh bại hoàn toàn*.

c) Để phù hợp với sự thay đổi về địa vị của giai cấp vô sản ở trong nước Nga và phù hợp với nhiệm vụ mới, ***chính sách của giai cấp vô sản đối với các tập đoàn tư sản và tiểu tư sản,*** và các tầng lớp trong dân cư nước Nga, ***cũng đã thay đổi.*** Trước kia (hôm trước ngày lật đổ giai cấp tư sản), giai cấp vô sản đã cự tuyệt những thỏa hiệp cá biệt với các tập đoàn tư sản, vì một chính sách như vậy sẽ đưa tới chỗ củng cố giai cấp tư sản đang nắm chính quyền; trái lại hiện nay, giai cấp vô sản tán thành những thỏa hiệp cá biệt, vì những thỏa hiệp đó củng cố chính quyền của giai cấp vô sản, làm tan rã giai cấp tư sản, khiến giai cấp vô sản có thể lôi kéo và tranh thủ một số tập đoàn tư sản được dễ dàng hơn. Sự khác nhau giữa

---

* Phù hợp với điều đó, một số hình thức cũ của cuộc vận động như bãi công, khởi nghĩa v.v. cũng mất đi, tính chất, và hình thức « chức năng » của các tổ chức của giai cấp công nhân (đảng, xô-viết, công đoàn, hợp tác xã, các cơ quan văn hóa giáo dục) cũng theo đó mà thay đổi.

«chủ nghĩa cải lương» và *chính sách thỏa hiệp cá biệt* («chủ nghĩa cải lương» thì hoàn toàn vứt bỏ phương pháp hành động cách mạng, còn chính sách thỏa hiệp thì không làm như vậy ; và khi những người cách mạng thực hành chính sách thỏa hiệp cá biệt thì họ dựa vào phương pháp cách mạng ; «chủ nghĩa cải lương» thì hẹp hơn, còn chính sách thỏa hiệp cá biệt thì rộng hơn). (Xem *Bàn về «chủ nghĩa cải lương» và «chính sách thỏa hiệp».*)

d) Để phù hợp với sự phát triển hết sức to lớn về lực lượng và phương tiện của giai cấp vô sản và của đảng cộng sản, *phạm vi công tác chiến lược của đảng cộng sản đã mở rộng thêm lên*. Trước kia chiến lược của đảng cộng sản chỉ bó hẹp trong việc đặt kế hoạch chiến lược, trong việc vận dụng linh hoạt các hình thức vận động và tổ chức của giai cấp vô sản, các thứ yêu sách của phong trào (khẩu hiệu) bằng cách đưa ra khẩu hiệu này và rút lui khẩu hiệu khác, trong việc sử dụng đến những lực lượng dự trữ ít ỏi do những mâu thuẫn giữa các giai cấp lập nên, những lực lượng dự trữ đó, nói chung, vẫn ở trong một khuôn khổ chật hẹp và chỉ đem lại khả năng sử dụng một cách hạn chế do sự non yếu của đảng ; hiện nay, từ sau Cách mạng tháng Mười thì một là, *các lực lượng dự trữ đều tăng lên* (mâu thuẫn giữa các tập đoàn xã hội ở Nga, mâu thuẫn giữa các giai cấp và các dân tộc ở các nước chung quanh nước ta, mâu thuẫn giữa các nước đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh ở phương Tây, phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh ở phương Đông và nói chung ở các thuộc địa, v.v.) ; hai là, *phương pháp và khả năng vận dụng linh hoạt đều tăng lên nhiều* (các phương pháp cũ đều được bổ sung bằng những phương pháp mới, chẳng hạn như công tác ngoại giao, thiết lập các quan hệ thực tế hơn với

phong trào xã hội chủ nghĩa ở phương Tây cũng như với phong trào cách mạng ở phương Đông) ; ba là, ***đã xuất hiện những khả năng mới và rộng lớn hơn việc sử dụng những lực lượng dự trữ*** vì lực lượng và phương tiện của giai cấp vô sản đã tăng lên, giai cấp vô sản đã trở thành một ***lực lượng chính trị thống trị*** ở nước Nga, có lực lượng vũ trang của mình và trên phương diện quốc tế, nó là đội tiên phong của phong trào cách mạng thế giới.

13. ***Đặc biệt là*** : a) vấn đề ***nhịp độ*** của phong trào và tác dụng của nó ***trong*** việc xác định chiến lược và sách lược ; b) vấn đề ***chủ nghĩa cải lương***, vấn đề chính sách thỏa hiệp và những quan hệ qua lại giữa hai vấn đề đó.

14. ***«Chủ nghĩa cải lương»*** (« chủ nghĩa thỏa hiệp ») ***«chính sách thỏa hiệp»*** và ***«những thỏa hiệp cá biệt» là ba cái khác nhau*** (về mỗi vấn đề cần phải viết riêng). ***Những thỏa hiệp*** của bọn men-sê-vích thì không thể tiếp nhận được vì cái thỏa hiệp đó xuất phát từ ***chủ nghĩa cải lương***, tức là từ chỗ ***phủ nhận hoạt động cách mạng***, còn ***các thỏa hiệp*** của những người bôn-sê-vích thì căn cứ vào những yêu cầu của hành động cách mạng. Chính vì thế mà các thỏa hiệp của bọn men-sê-vích biến thành một hệ thống, một ***chính sách thỏa hiệp***, còn những người bôn-sê-vích chỉ tán thành những thỏa hiệp cá biệt và cụ thể, không biến những thỏa hiệp đó thành riêng một chính sách thỏa hiệp.

15. ***Ba thời kỳ phát triển của Đảng cộng sản Nga:***

a) thời kỳ hình thành đội tiên phong (***tức là đảng***) ***của giai cấp vô sản, thời kỳ tập hợp cán bộ đảng*** (trong thời kỳ này, đảng còn ***yếu*** ; nó có một cương lĩnh, những nguyên tắc chung

về sách lược, nhưng với tư cách là một đảng hành động có tính chất quần chúng, *nó còn yếu*) ;

b) *thời kỳ đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng* dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Trong thời kỳ này, đảng từ chỗ là một *tổ chức cổ động có tính chất quần chúng*, đã biến thành một tổ chức hành động có tính chất quần chúng ; thời kỳ *chuẩn bị* đã được thay thế bằng thời kỳ *hành động cách mạng* ;

c) *thời kỳ sau khi đã giành được chính quyền, sau khi đảng cộng sản đã biến thành đảng chấp chính.*

16. *Lực lượng* chính trị *của cuộc cách mạng vô sản Nga* là ở chỗ : cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân (lật đổ chế độ phong kiến) ở Nga đã diễn ra dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản (chứ không phải của giai cấp tư sản) ; *do đó*, cuộc cách mạng dân chủ tư sản đã mở đầu cho cuộc cách mạng vô sản ; mối *liên hệ* giữa những người nông dân lao động với giai cấp vô sản và việc giai cấp vô sản ủng hộ nông dân lao động, không những đã được bảo đảm về mặt chính trị, mà về mặt tổ chức cũng đã được củng cố trong các Xô-viết, việc đó đã làm cho giai cấp vô sản giành được sự đồng tình của tuyệt đại đa số dân cư (chính vì thế mà nếu bản thân giai cấp vô sản không chiếm đa số trong nước, thì điều đó cũng *không can gì*).

Nhược điểm của các cuộc cách mạng vô sản ở châu Âu (lục địa) là ở chỗ : giai cấp vô sản không có mối liên hệ *đó* và sự ủng hộ *đó* của nông thôn ; *ở đó*, nông dân *đã được giải phóng* khỏi chế độ phong kiến, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản (chứ không phải của giai cấp vô sản, giai cấp này lúc đó còn yếu), vì thế, trong lúc Đảng xã hội-

dân chủ thờ ơ đối với lợi ích của nông thôn, thì trong một thời gian dài, đại đa số nông dân vẫn có sự đồng tình với giai cấp tư sản*.

Tháng Bảy 1921

Xuất bản lần đầu tiên

---

* Bản phác thảo dàn bài này đã được tác giả sử dụng để viết cuốn *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin*, xuất bản năm 1921 và đưa vào J. V. Sta-lin *Toàn tập*, tập 6. Phần thứ nhất của bản phác thảo dàn bài được sử dụng để viết bài «Bàn về vấn đề chiến lược và sách lược của những người cộng sản Nga», đăng năm 1923 và đưa vào J. V. Sta-lin *Toàn tập*, tập 5, còn một số đề cương trong bản phác thảo thì được tác giả dùng để viết bài «Đảng trước và sau khi nắm chính quyền», đăng năm 1921 và đưa vào J. V. Sta-lin *Toàn tập*, tập 5. *(B.T.)*

VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN Ở GIÊ-OÓC-GI VÀ Ở NAM CÁP-CA-DƠ

Báo cáo đọc tại đại hội của đảng bộ Ti-phơ-li-xơ Đảng cộng sản Giê-oóc-gi[28]
6 tháng Bảy 1921

Thưa các đồng chí, Ban Chấp hành đảng bộ của các đồng chí có ủy nhiệm cho tôi báo cáo trước các đồng chí những nhiệm vụ trước mắt của chủ nghĩa cộng sản ở Giê-oóc-gi.

Những nhiệm vụ trước mắt chủ nghĩa cộng sản — đó là những vấn đề sách lược. Nhưng muốn xác định sách lược của một đảng, và nhất là một đảng chấp chính, thì trước hết phải chú ý đến tình hình chung mà đảng đó đang sống và người ta không thể bỏ qua được. Vậy tình hình đó như thế nào?

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng từ khi cuộc nội chiến bắt đầu, thế giới đã chia thành hai phe đối lập, phe đế quốc chủ nghĩa đứng đầu là khối Đồng minh, và phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là nước Nga xô-viết ; rằng trong phe thứ nhất có tất cả các nước tư bản chủ nghĩa đủ loại, « dân chủ » và men-sê-vích, và trong phe thứ hai có các nước xô-viết trong đó có Giê-oóc-gi. Đặc điểm của tình hình các nước xô-viết hiện nay là : thời kỳ đấu tranh vũ trang giữa hai phe nói trên đã kết thúc bằng một cuộc hoãn chiến trong một thời gian hoặc ngắn hoặc dài, đối với các nước cộng hòa xô-viết thời

kỳ chiến tranh đã nhường chỗ cho thời kỳ hòa bình xây dựng kinh tế. Trước kia, trong thời kỳ có thể gọi là thời kỳ quân sự, các nước cộng hòa xô-viết đều hành động theo khẩu hiệu chung là : « tất cả cho chiến tranh ! », vì các nước cộng hòa xô-viết đã hợp thành một phe bị các nước đế quốc bao vây, phong tỏa. Trong thời kỳ đó, đảng cộng sản đề hết tâm lực làm sao dốc được tất cả các sinh lực vào việc thành lập Hồng quân, tăng cường tiền tuyến để đấu tranh vũ trang chống lại chủ nghĩa đế quốc. Không cần nói cũng rõ là hồi đó đảng không thể đề hết tâm lực vào việc tổ chức nền kinh tế được. Có thể nói một cách không quá đáng rằng trong suốt thời kỳ đó, các nước cộng hòa xô-viết chỉ bó hẹp sự hoạt động về kinh tế của mình trong phạm vi phát triển nền công nghiệp chiến tranh và duy trì được phần nào hay phần ấy một số ngành kinh tế quốc dân cũng có liên quan đến chiến tranh. Nói đúng ra, đó là nguyên nhân của tình trạng kinh tế suy sụp mà thời kỳ chiến tranh đã để lại cho các nước xô-viết.

Ngày nay, khi chúng ta đã bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ tổ chức nền kinh tế, khi chúng ta đã chuyển từ chiến tranh sang lao động hòa bình, thì khẩu hiệu cũ « Tất cả cho chiến tranh ! » cố nhiên phải nhường chỗ cho một khẩu hiệu khác : « Tất cả cho nền kinh tế quốc dân ! ». Thời kỳ mới này buộc những người cộng sản phải dốc hết sức lực của mình ra trên mặt trận kinh tế, trong công nghiệp, nông nghiệp, công tác lương thực, hợp tác xã, vận tải và vân vân. Nếu không, thì không thể nào khắc phục được tình trạng kinh tế suy sụp.

Nếu thời kỳ chiến tranh đã cung cấp cho chúng ta những kiểu người cộng sản quân sự, cán bộ làm công tác hậu cần, cán bộ tổ chức quân đội, cán bộ chỉ huy tác chiến và vân vân, thì trong thời kỳ mới này, thời kỳ xây dựng kinh tế, khi lôi cuốn đông đảo quần chúng vào công cuộc khôi phục kinh tế,

đảng cộng sản phải quan tâm đến việc đào tạo một kiểu người cộng sản mới, những người cộng sản làm công tác kinh tế — những cán bộ công nghiệp, nông nghiệp, vận tải, hợp tác xã, v.v....

Nhưng trong khi phát triển công tác xây dựng kinh tế, những người cộng sản nhất thiết phải chú ý đến hai điều kiện rất quan trọng do quá khứ để lại. Hai điều kiện đó là : thứ nhất, chung quanh các nước xô-viết, có các nước tư bản có một nền công nghiệp phát triển cao ; thứ hai trong các nước xô-viết, có một tầng lớp tiểu tư sản nông dân đông đảo.

Vấn đề là ở chỗ : theo ý nguyện của lịch sử, Chính quyền xô-viết không thắng lợi ở các nước chủ nghĩa tư bản phát triển nhất, mà thắng lợi ở các nước chủ nghĩa tư bản tương đối kém phát triển. Lịch sử đã chỉ ra rằng trong những nước như nước Nga mà chủ nghĩa tư bản còn tương đối non trẻ, giai cấp vô sản mạnh và tập trung, giai cấp tư sản dân tộc yếu, thì việc lật đổ giai cấp tư sản ở đó dễ dàng hơn là ở các nước tư bản chủ nghĩa cổ điển như nước Đức, nước Anh và nước Pháp là những nước mà chủ nghĩa tư bản đã tồn tại từ hàng thế kỷ và giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng lãnh đạo chủ yếu của toàn bộ đời sống xã hội.

Khi nào nền chuyên chính vô sản được thiết lập trong các nước như nước Đức và nước Anh, thì việc tiếp tục và đưa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công chắc chắn sẽ dễ dàng hơn, nói một cách khác, tổ chức một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ được dễ dàng hơn, vì ở các nước đó, nền công nghiệp phát triển hơn, kỹ thuật nhiều hơn, giai cấp vô sản lại tương đối đông hơn ở các nước xô-viết hiện nay. Nhưng hiện nay chúng ta đang đứng trước một sự thật như sau : một bên là nền chuyên chính vô sản ở các nước có nền công nghiệp kém phát triển và có một giai cấp đông đảo những người sản xuất hàng hóa nhỏ (tức nông dân) và, một bên là nền

chuyên chính tư sản ở các nước có nền công nghiệp phát triển hơn và có giai cấp vô sản đông đảo. Nhắm mắt trước sự thật đó, thì thật là phi lý và khinh suất.

Do các nước xô-viết có các nguồn nguyên liệu và chất đốt dồi dào, còn các nước tư bản có nền công nghiệp phát triển thì lại thiếu các thứ đó, nên chắc chắn rằng một số nhóm tư bản ở các nước tư sản sẽ quan tâm tới việc ký kết những hiệp nghị với các nước xô-viết nhằm sử dụng những nguồn nguyên liệu và chất đốt với những điều kiện nhất định. Mặt khác, do trong các nước xô-viết, giai cấp những người sản xuất nhỏ (tức nông dân) cần những hàng công nghiệp (như vải vóc, máy móc nông nghiệp), nên chắc chắn rằng giai cấp những người sản xuất nhỏ cũng sẽ quan tâm tới việc liên minh với chính quyền vô sản của nước mình để nhận được các sản phẩm đó qua con đường trao đổi hàng hóa (đem nông phẩm trao đổi).

Về phía mình, Chính quyền xô-viết cũng quan tâm tới việc thỏa hiệp tạm thời với một số nhóm tư bản nào đó ở các nước ngoài, cũng như với giai cấp những người sản xuất hàng hóa nhỏ ở chính nước mình, vì chắc chắn rằng một sự thỏa hiệp như vậy sẽ đẩy nhanh và làm dễ dàng việc phục hồi những lực lượng sản xuất đã bị chiến tranh tàn phá, cũng như việc điện khí hóa, tức là cơ sở kỹ thuật — công nghiệp của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sau này.

Tình hình đó buộc những người cộng sản ở các nước xô-viết phải thi hành chính sách ký kết những thỏa hiệp tạm thời với một số nhóm tư bản nào đó ở phương Tây (để lợi dụng tư bản và phương tiện kỹ thuật của họ), cũng như với giai cấp tiểu tư sản ở chính nước mình (để nhận được của giai cấp này những nguyên liệu và lương thực cần thiết).

Một số người có thể sẽ nói rằng sách lược thỏa hiệp với giai cấp tư sản đó sặc mùi men-sê-vích vì trong hành động của mình bọn men-sê-vích cũng đã áp dụng một sách lược thỏa

hiệp với giai cấp tư sản. Song ý kiến đó không đúng. Giữa sách lược thỏa hiệp với một số nhóm tư sản nào đó mà những người cộng sản hiện nay đang thực hiện, và sách lược thỏa hiệp của bọn men-sê-vích đối với giai cấp tư sản, có một sự khác nhau một trời một vực. Bọn men-sê-vích thường chủ trương thỏa hiệp với giai cấp tư sản khi bọn tư bản nắm được chính quyền, khi bọn tư bản chấp chính, nhằm mục đích củng cố chính quyền của chúng và hủ hóa giai cấp vô sản, đồng ý thực hiện từ trên xuống cho một số bộ phận nào đó của giai cấp vô sản một vài « cải cách » và những sự nhượng bộ nho nhỏ. Một sự thỏa hiệp theo loại đó có hại cho giai cấp vô sản và có lợi cho giai cấp tư sản, vì nó không làm suy yếu mà lại củng cố thêm chính quyền của giai cấp tư sản, nó gieo rắc bất hòa trong hàng ngũ giai cấp vô sản và chia rẽ giai cấp vô sản. Chính vì thế những người bôn-sê-vích đã phản đối và sẽ mãi mãi phản đối sách lược thỏa hiệp của bọn men-sê-vích với giai cấp tư sản nắm chính quyền. Chính vì thế những người bôn-sê-vích coi bọn men-sê-vích là những kẻ truyền ảnh hưởng của tư sản vào trong nội bộ giai cấp vô sản.

Trái với sách lược thỏa hiệp của bọn men-sê-vích, sách lược thỏa hiệp do những người bôn-sê-vích chủ trương có một tính chất khác hẳn, vì tiền đề của sách lược đó là một hoàn cảnh hoàn toàn khác, hoàn cảnh giai cấp vô sản, chứ không phải giai cấp tư sản, nắm chính quyền ; hơn nữa sự thỏa hiệp do một số nhóm tư sản cá biệt ký kết với chính quyền vô sản nhất định phải đi đến kết quả là một mặt, tăng cường chính quyền vô sản, và mặt khác, làm tan rã giai cấp tư sản và tranh thủ một số nhóm của giai cấp tư sản. Chỉ cần giai cấp vô sản nắm vững chính quyền đã giành được và biết cách sử dụng phương tiện và tri thức của các nhóm tư sản đó vào việc khôi phục nền kinh tế của đất nước.

Các đồng chí thấy đấy, sách lược đó cách xa một trời một vực với sách lược của bọn men-sê-vích.

Như vậy, dốc tất cả các sinh lực vào mặt trận kinh tế bằng cách sử dụng — nhờ các thỏa hiệp — một số nhóm tư sản cá biệt, sử dụng phương tiện của họ, tri thức của họ và kinh nghiệm tổ chức của họ, để khôi phục nền kinh tế của đất nước : đó là nhiệm vụ trước mắt đầu tiên do tình hình chung đề ra cho những người cộng sản ở các nước xô-viết, kể cả những người cộng sản Giê-oóc-gi.

Nhưng, chỉ căn cứ vào tình hình chung để xác định sách lược của mỗi nước xô-viết, — trong trường hợp hiện tại xác định sách lược của nước Giê-oóc-gi xô-viết, — thì chưa đủ. Muốn xác định sách lược của những người cộng sản của riêng từng nước một, còn phải căn cứ vào những điều kiện tồn tại đặc biệt và cụ thể của các nước đó nữa. Vậy những điều kiện tồn tại đặc biệt và cụ thể của nước Giê-oóc-gi xô-viết, trong đó Đảng cộng sản Giê-oóc-gi hoạt động, là những điều kiện gì ?

Chắc chắn người ta có thể nhận thấy một vài sự thật làm nổi bật những điều kiện ấy.

Một là, không nghi ngờ gì cả, do lòng thù địch sâu sắc của các nước tư bản đối với các nước xô-viết nên nước Giê-oóc-gi xô-viết cũng như bất cứ một nước xô-viết nào khác, đứng về mặt quân sự mà nói cũng như đứng về mặt phát triển kinh tế mà nói, đều không thể tồn tại hoàn toàn cô lập được. Sự giúp đỡ lẫn nhau của các nước xô-viết về quân sự cũng như về kinh tế là điều kiện không thể thiếu được để các nước đó phát triển.

Hai là, rõ ràng nước Giê-oóc-gi thiếu lương thực, cần lúa mì của nước Nga, tất nhiên nước Giê-oóc-gi phải trông cậy vào nước Nga về lúa mì.

Ba là nước Giê-oóc-gi thiếu dầu lửa, nhất định cần những sản phẩm dầu lửa của nước A-déc-bai-gian để dùng vào các

ngành vận tải và công nghiệp của mình ; nước Giê-óoc-gi không thể không có các sản phẩm đó được.

Bốn là, chắc chắn rằng nước Giê-óoc-gi thiếu các hàng xuất khẩu, cũng cần đến nước Nga giúp cho vàng để bù vào sự thiếu hụt trong cán cân thương nghiệp của mình.

Sau cùng, không thể không đếm xỉa đến các đặc điểm về thành phần dân tộc trong nhân dân ở Giê-óoc-gi : người Ác-mê-ni chiếm một tỷ lệ rất đông trong dân số, và ở Ti-phơ-li-xơ, thủ đô nước Giê-óoc-gi, thậm chí họ chiếm khoảng nửa số dân cư ; chắc chắn rằng điều đó làm cho nước Giê-óoc-gi, bất luận với hình thức quản lý nào, đặc biệt là ở dưới chế độ xô-viết, phải sống hòa bình tuyệt đối và duy trì sự hợp tác anh em với nước Ác-mê-ni.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng tất cả các điều kiện cụ thể như thế và rất nhiều điều kiện tương tự khác nữa, buộc nước Giê-óoc-gi xô-viết cũng như nước Ác-mê-ni và nước A-déc-bai-gian xô-viết phải thực hiện một sự thống nhất nào đó về hoạt động kinh tế, một sự phối hợp nào đó về hoạt động kinh tế của các nước ấy để, chẳng hạn, phát triển vận tải, hành động chung trên các thị trường ngoài nước, tổ chức công tác cải thiện đất đai (như dẫn nước vào, tháo nước ra) và vân vân. Đó là chưa nói đến sự cần thiết phải có sự ủng hộ lẫn nhau và mối liên hệ qua lại không những giữa các nước cộng hòa xô-viết độc lập miền Nam Cáp-ca-dơ với nhau mà cả giữa các nước ấy với nước Nga xô-viết nữa trong trường hợp cần phải tự vệ chống bọn ngoại xâm. Tất cả những điều đó là hiển nhiên và không thể chối cãi được. Sở dĩ tôi cứ nói đến các sự thật tầm thường vô vị ấy là vì một số trường hợp, xuất hiện từ hai hoặc ba năm nay, đang làm trở ngại cho sự liên minh đó, và đang đe dọa làm thất bại mọi ý định thực hiện sự liên minh đó. Tôi muốn nói đến chủ nghĩa dân tộc, — chủ nghĩa dân tộc Giê-óoc-gi, chủ nghĩa dân tộc Ác-mê-ni, chủ nghĩa dân tộc

A-déc-bai-gian, — đang được tăng cường một cách dữ dội từ vài năm gần đây trong các nước Cộng hòa miền Nam Cáp-ca-dơ và nó đang kìm hãm sự nghiệp liên minh.

Tôi còn nhớ trong những năm 1905-1917 ta nhận thấy trong công nhân, và nói chung trong những người lao động thuộc các dân tộc khác nhau miền Nam Cáp-ca-dơ, có một tình đoàn kết anh em hoàn toàn ; lúc đó, các công nhân Ác-mê-ni, Giê-óóc-gi, Á-déc-bai-gian và Nga đã đoàn kết thân ái với nhau và hợp thành một gia đình xã hội chủ nghĩa. Song lần này, đến Ti-phơ-li-xơ, tôi ngạc nhiên thấy thiếu tình đoàn kết cũ ấy giữa những công nhân thuộc các dân tộc khác nhau miền Nam Cáp-ca-dơ. Trong công nhân và nông dân chủ nghĩa dân tộc đã phát triển, lòng hiềm nghi đối với các đồng chí thuộc các dân tộc khác ở trong nước đang ngày càng tăng lên : chủ nghĩa dân tộc bài Ác-mê-ni, bài Ta-ta-ri, bài Giê-óóc-gi, bài Nga và tất cả các thứ chủ nghĩa dân tộc khác hiện nay đang rất thịnh hành. Những mối quan hệ cũ về sự tin cậy anh em đã bị cắt đứt hay ít ra, cũng bị suy yếu rất nhiều. Cố nhiên ba năm thống trị của các chính phủ dân tộc chủ nghĩa ở Giê-óóc-gi (bọn men-sê-vích), ở A-déc-bai-gian (bọn Mút-xa-vát[29]), ở Ác-mê-ni(bọn Đa-sơ-nác[30]), không phải là không để lại dấu vết. Các chính phủ dân tộc chủ nghĩa đó thực hiện chính sách dân tộc chủ nghĩa của mình, đem tinh thần chủ nghĩa dân tộc có tính chất xâm lược truyền vào những người lao động, cuối cùng đã đi đến chỗ làm cho từng nước bé nhỏ ấy đã bị một bầu không khí dân tộc chủ nghĩa thù địch bao vây làm cho nước Giê-óóc-gi và nước Ác-mê-ni không có lúa mì của nước Nga và dầu lửa của nước A-déc-bai-gian, làm cho nước A-déc-bai-gian và nước Nga không có hàng hóa chở qua cảng Ba-tum. Đó là chưa nói đến các vụ xung đột vũ trang (chiến tranh giữa Giê-óóc-gi và Ác-mê-ni), đến các vụ tàn sát (giữa người Ác-mê-ni và người Ta-ta-ri), là những kết quả tất nhiên của chính sách dân tộc

chủ nghĩa. Không có gì đáng ngạc nhiên là trong cái không khí đầy uế khí của chủ nghĩa dân tộc như thế, các mối quan hệ quốc tế chủ nghĩa cũ đã bị cắt đứt, còn ý thức của công nhân lại bị đầu độc vì chủ nghĩa dân tộc. Và vì trong công nhân, các tàn dư của chủ nghĩa dân tộc đó chưa mất đi, tình hình đó (chủ nghĩa dân tộc) trở thành một trở ngại lớn nhất cho việc thống nhất hoạt động kinh tế (và quân sự) của các nước cộng hòa xô-viết miền Nam Cáp-ca-dơ. Nhưng, như tôi đã nói, không có sự thống nhất đó thì không thể có sự tiến bộ về kinh tế của các nước cộng hòa xô-viết miền Nam Cáp-ca-dơ, và nhất là của nước Giê-oóc-gi xô-viết. Cho nên những người cộng sản Giê-oóc-gi có nhiệm vụ trước mắt là tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống lại chủ nghĩa dân tộc, là khôi phục lại những mối quan hệ quốc tế anh em cũ, vốn đã có từ trước khi chính phủ dân tộc chủ nghĩa men-sê-vích được thành lập, và do đó, tạo ra một bầu không khí lành mạnh tin cậy lẫn nhau, cần thiết cho sự thống nhất hoạt động kinh tế của các nước cộng hòa xô-viết miền Nam Cáp-ca-dơ và cho sự khôi phục kinh tế của nước Giê-oóc-gi.

Cố nhiên, như thế không có nghĩa là không cần có nước Giê-oóc-gi độc lập, nước A-déc-bai-gian độc lập, v.v. nữa. Một số các đồng chí có chuyền tay nhau một bản dự thảo nhằm lập lại những tỉnh cũ (tức Ti-phơ-li-xơ, Ba-cu, E-ri-van), đứng đầu là một chính phủ thống nhất Nam Cáp-ca-dơ ; theo tôi, bản dự thảo đó là một sự không tưởng và, hơn nữa, một sự không tưởng phản động vì, không còn nghi ngờ gì nữa, bản dự thảo đó xuất phát từ ý muốn quay ngược bánh xe lịch sử. Lập lại các tỉnh cũ và phế bỏ những chính phủ dân tộc Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni cũng giống hệt như là khôi phục lại chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất và xóa bỏ những thành quả của cách mạng. Việc đó không có chút gì giống chủ nghĩa cộng sản cả. Chính vì để đánh tan bầu không khí hiềm

nghi lẫn nhau và lập lại mối quan hệ anh em giữa những công nhân thuộc các dân tộc miền Nam Cáp-ca-dơ và nước Nga, nên cần phải duy trì nền độc lập của Giê-oóc-gi cũng như của A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni. Điều đó không loại trừ mà trái lại còn đòi hỏi cần thiết phải có một sự tương trợ về kinh tế và về các mặt khác, cũng như cần thiết phải có một sự thống nhất về hoạt động kinh tế của các nước cộng hòa xô-viết độc lập trên cơ sở một thỏa hiệp tự nguyện, trên cơ sở một quy ước.

Theo các tài liệu tôi nắm được, thì ở Mạc-tư-khoa vừa mới quyết định viện trợ cho Giê-oóc-gi, Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian một số tiền nhỏ dưới hình thức vay là sáu triệu rưỡi rúp vàng. Ngoài ra, tôi cũng được biết rằng Giê-oóc-gi và Ác-mê-ni sự thật còn nhận được các sản phẩm dầu lửa của A-déc-bai-gian mà không phải hoàn lại gì cả ; đó là điều không thể hình dung nổi trong sinh hoạt của các nước tư sản dù cho các nước đó có gắn bó với nhau bởi cái « hiệp ước thân thiện » (Entente cordiale[31]) nổi tiếng đi nữa. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng những hành động đó và những hành động tương tự đã không làm suy yếu mà còn củng cố nền độc lập của các nước đó.

Như vậy, thủ tiêu những tàn dư dân tộc chủ nghĩa, kiên quyết gột sạch các tàn dư đó và tạo ra một bầu không khí lành mạnh tin cậy lẫn nhau giữa những người lao động thuộc các dân tộc miền Nam Cáp-ca-dơ để làm dễ dàng và đẩy nhanh sự thống nhất về hoạt động kinh tế của các nước cộng hòa xô-viết ở vùng này (nếu không có sự thống nhất ấy thì không thể khôi phục nền kinh tế của nước Giê-oóc-gi xô-viết được), đồng thời bảo vệ nền độc lập của nước Giê-oóc-gi xô-viết : đó là nhiệm vụ trước mắt thứ hai do các điều kiện tồn tại cụ thể của nước Giê-oóc-gi đề ra cho những người cộng sản Giê-oóc-gi.

Sau hết, nhiệm vụ trước mắt thứ ba, không kém phần quan trọng, không kém phần cần thiết, đó là : bảo vệ tính thuần khiết, tính kiên định và tính linh hoạt của Đảng cộng sản Giê-oóc-gi.

Thưa các đồng chí, các đồng chí không nên quên rằng đảng ta là một đảng chấp chính, rằng có những phần tử không đáng tin cậy, những kẻ mưu cầu danh lợi, những phần tử không có tinh thần vô sản, đã lọt vào đảng nhiều khi là cả từng nhóm, hoặc tìm cách chui vào đảng mang theo vào đó một tinh thần suy đồi và trì trệ. Chú ý giữ cho đảng không có các phần tử như thế, đó là nhiệm vụ sống còn đối với những người cộng sản. Cần phải luôn luôn nhớ rằng sức mạnh và tác dụng của một đảng, nhất là sức mạnh và tác dụng của đảng cộng sản, phụ thuộc vào chất lượng đảng viên, vào tính kiên định của họ, vào lòng trung thành của họ đối với sự nghiệp của giai cấp vô sản, nhiều hơn là phụ thuộc vào số lượng đảng viên. Đảng cộng sản Nga có cả thảy 700.000 đảng viên. Thưa các đồng chí, tôi có thể bảo đảm với các đồng chí rằng Đảng cộng sản Nga có thể đưa số đảng viên lên tới 7 triệu nếu nó muốn và nếu nó không biết rằng 700.000 người cộng sản kiên định là một lực lượng vững vàng chắc chắn hơn là 7 triệu người bạn đường hoàn toàn vô ích và không có tác dụng. Sở dĩ nước Nga đã đương đầu được với cuộc tấn công của chủ nghĩa đế quốc thế giới, sở dĩ nó đã giành được hàng loạt những thắng lợi quan trọng trên các lĩnh vực đối ngoại, sở dĩ trong thời gian hai hay ba năm nó trở thành một lực lượng làm rung chuyển các cơ sở của chủ nghĩa đế quốc thế giới, là do, ngoài các nguyên nhân khác ra, có một đảng cộng sản đoàn kết nhất trí, được tôi luyện trong chiến đấu, và được rèn đúc bằng chất thép cứng rắn, đảng đó không bao giờ chạy theo số lượng đảng viên, mà là quan tâm

trước hết đến việc luôn luôn nâng cao chất lượng đảng viên của mình. Lát-xan đã có lý khi nói rằng đảng được tăng cường bằng cách quét sạch những phần tử xấu ra khỏi đảng. Mặt khác, không nghi ngờ gì cả, nếu chẳng hạn, một đảng mạnh nhất trong số các đảng xã hội-dân chủ trên thế giới — tức là đảng xã hội-dân chủ Đức — trong cuộc chiến tranh đế quốc đã trở thành một đồ chơi trong tay bọn đế quốc và sau chiến tranh đã tan rã như một người khổng lồ chân bằng đất sét, thì đó là vì suốt năm này qua năm khác đảng đó đã say mê với việc mở rộng các tổ chức của mình bằng cách kết nạp đủ mọi loại cặn bã tiểu tư sản làm mất hết sinh khí của đảng.

Như vậy bảo vệ tính kiên định và tính thuần khiết của đảng, không được chạy theo số lượng đảng viên, thường xuyên nâng cao chất lượng của đảng viên, bảo vệ đảng không để các phần tử dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản và trí thức kéo tràn vào : đó là nhiệm vụ thứ ba và cũng là nhiệm vụ cuối cùng của Đảng cộng sản Giê-óoc-gi.

Thưa các đồng chí, tôi xin kết thúc bản báo cáo của tôi. Tôi xin nêu một vài kết luận :

1. Phát triển toàn diện công tác xây dựng kinh tế, dành tất cả sức lực của mình cho công tác ấy, và sử dụng vào công tác đó lực lượng và phương tiện của các nhóm tiểu tư sản trong nước.

2. Đè bẹp con rắn bảy đầu chủ nghĩa dân tộc và tạo ra một bầu không khí lành mạnh của chủ nghĩa quốc tế để thống nhất được dễ dàng hơn hoạt động kinh tế của các nước cộng hòa xô-viết miền Nam Cáp-ca-dơ, đồng thời vẫn bảo toàn được nền độc lập của các nước này.

3. Bảo vệ đảng không để các phần tử tiểu tư sản kéo tràn vào, bảo toàn tính kiên định của đảng và tính linh hoạt của đảng, bằng cách thường xuyên nâng cao chất lượng đảng viên.

Đó là ba nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của Đảng cộng sản Giè-oóc-gi.

Chỉ có làm tròn được ba nhiệm vụ ấy thì Đảng cộng sản Giè-oóc-gi mới có thể giữ vững được quyền lãnh đạo và chiến thắng được tình trạng kinh tế bị phá hoại. *(Vỗ tay.)*

« Sự thật Giè-oóc-gi » (Ti-phơ-li-xơ) số 108, 13 tháng Bảy 1921

ĐẢNG
TRƯỚC VÀ SAU KHI NẮM CHÍNH QUYỀN

Cần phải nêu ra ba thời kỳ trong sự phát triển của đảng ta.

Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ *hình thành*, thời kỳ *thành lập*. Đại thể thời kỳ đó bao gồm khoảng thời gian từ khi sáng lập ra tờ *Tia lửa*[32] cho đến đại hội III của đảng (cuối năm 1900- đầu năm 1905).

Trong suốt thời kỳ đó, đảng, với tư cách là động lực, hãy còn non yếu. Đó là vì không những đảng còn non trẻ, mà cũng vì phong trào công nhân nói chung hãy còn non trẻ và vì nhất là ở những giai đoạn đầu của thời kỳ đó, tình thế cách mạng, phong trào cách mạng đều chưa có hoặc mới phát triển chút ít (nông dân thì im lặng không nói hay chỉ xì xào một cách âm thầm ; công nhân thì chỉ biết có bãi công kinh tế từng bộ phận hoặc bãi công chính trị trong phạm vi một thành phố ; những hình thức của phong trào mang tính chất bí mật hoặc nửa hợp pháp ; cả những hình thức tổ chức của giai cấp công nhân cũng chủ yếu là mang tính chất bí mật).

Chiến lược của đảng, — vì chiến lược đòi hỏi phải có lực lượng hậu bị và có khả năng sử dụng linh hoạt các lực lượng đó, — nên tất nhiên là bị hạn chế và nghèo nàn. Đảng chỉ bó hẹp trong việc định ra kế hoạch chiến lược của phong trào, nói một cách khác, là chỉ bó hẹp vào việc định ra con đường mà phong trào phải đi theo ; còn các lực lượng hậu bị của đảng, — tức là những mâu thuẫn trong phe thù địch ở trong nước Nga cũng như ở ngoài nước Nga, — thì vẫn chưa được, hoặc hầu như chưa được sử dụng, vì đảng còn non yếu.

Sách lược của Đảng, — vì sách lược đòi hỏi phải sử dụng tất cả mọi loại hình thức của phong trào, tất cả mọi loại hình thức tổ chức của giai cấp vô sản, phải phối hợp các hình thức đó, phải làm cho các hình thức đó bổ sung lẫn cho nhau v.v., để tranh thủ quần chúng và đảm bảo cho chiến lược thắng lợi, nên tất nhiên là cũng bị hạn chế và không được rộng rãi.

Trong thời kỳ đó, đảng tập trung sự chú ý và sự quan tâm vào bản thân đảng, vào sự tồn tại của đảng và sự bảo tồn đảng. Lúc đó, đảng được coi là một lực lượng độc lập tự tại. Điều đó cũng dễ hiểu : các cuộc tấn công điên cuồng của chế độ Nga hoàng chống lại đảng, cũng như những mưu đồ của phái men-sê-vích muốn phá vỡ đảng từ bên trong và muốn thay thế các cán bộ của đảng bằng một đoàn thể không có hình thù, không có tính đảng (hãy nhớ lại chiến dịch của bọn men-sê-vích để mở một đại hội công nhân, chiến dịch này bắt đầu sau cuốn sách nổi tiếng của Ác-xen-rốt được xuất bản năm 1905, cuốn *Đu-ma nhân dân và đại hội công nhân)*, tất cả các điều đó đe dọa ngay chính sự tồn tại của đảng, cho nên vấn đề bảo tồn đảng lúc đó có một tầm quan trọng hàng đầu.

Nhiệm vụ cơ bản của phong trào cộng sản ở Nga trong thời kỳ đó là kết nạp vào đảng những phần tử ưu tú nhất trong giai cấp công nhân, những phần tử tích cực nhất và trung thành nhất đối với sự nghiệp của giai cấp vô sản, thành lập đảng của giai cấp vô sản và làm cho đảng vững chắc. Đồng chí Lê-nin đã xác định nhiệm vụ đó như sau : « Tranh thủ đội tiền phong của giai cấp vô sản đi theo chủ nghĩa cộng sản » (xem *Bệnh ấu trĩ*...[33]).

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ *tranh thủ quảng đại quần chúng công nhân và nông dân* đứng về phía đảng, đứng về phía đội tiền phong của giai cấp vô sản. Đại thể thời kỳ đó bao gồm khoảng thời gian từ tháng Mười 1905 đến tháng Mười 1917.

Trong thời kỳ này, tình hình phức tạp hơn nhiều và nhiều sự kiện hơn thời kỳ trước. Trước hết là chính phủ Nga hoàng bị đánh bại trên các chiến trường Mãn-châu, và cuộc cách mạng tháng Mười 1905 ; sau nữa là cuộc chiến tranh Nga-Nhật chấm dứt, phe phản cách mạng thắng lợi và những thành quả cách mạng bị thủ tiêu ; cuối cùng là cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, cuộc cách mạng tháng Hai 1917 và tình trạng nổi tiếng « hai chính quyền song song tồn tại » ; tất cả các sự kiện đó đã làm lay chuyển tất cả các giai cấp ở Nga và lần lượt đẩy hết giai cấp này đến giai cấp khác vào vũ đài chính trị ; các sự kiện đó đã củng cố đảng cộng sản, đã thức tỉnh đông đảo quần chúng nông dân tham gia sinh hoạt chính trị.

Phong trào của giai cấp vô sản đã có thêm được những hình thức rất mạnh như tổng bãi công chính trị và khởi nghĩa vũ trang.

Phong trào của nông dân đã có thêm được hình thức tẩy chay địa chủ (để « tống cổ » nó ra khỏi lãnh địa của nó), cuộc tẩy chay đó chuyển thành cuộc khởi nghĩa.

Sự hoạt động của đảng và của các tổ chức cách mạng khác đã được thúc đẩy thêm nhờ giành được các hình thức hoạt động như hình thức hoạt động ngoài nghị trường, hình thức hoạt động hợp pháp, công khai.

Tổ chức của giai cấp công nhân chẳng những đã có thêm được một hình thức đã được thử thách và quan trọng, như công đoàn, mà còn có thêm được một hình thức mạnh mẽ, chưa từng thấy trong lịch sử, như các Xô-viết đại biểu công nhân.

Nông dân đã đi theo con đường của giai cấp công nhân và lập ra các xô-viết đại biểu nông dân.

Những lực lượng hậu bị của đảng cũng ngày càng tăng thêm. Trong quá trình đấu tranh, rõ ràng là nông dân có thể trở thành và sẽ trở thành một lực lượng hậu bị vô tận của giai cấp

vô sản và của đảng của giai cấp vô sản. Vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản và của đảng của nó trong việc lật đổ chính quyền của tư bản cũng đã rõ ràng.

Trong thời kỳ này, đảng hoàn toàn không còn non yếu như trong thời kỳ trước ; với tư cách là động lực, đảng đã trở thành một nhân tố hết sức quan trọng. Ngày nay nó không còn là một lực lượng độc lập tự tại nữa, vì sự tồn tại và phát triển của nó đã được đảm bảo chắc chắn ; từ chỗ là một lực lượng độc lập tự tại ngày nay nó đã trở thành một công cụ đề tranh thủ quần chúng công nhân-nông dân, trở thành công cụ lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng đề lật đổ chính quyền của tư bản.

Trong thời kỳ đó, chiến lược của đảng có một phạm vi rộng *lớn* ; trước hết nó nhằm tranh thủ và sử dụng một lực lượng hậu bị là nông dân, và nó đã đạt được một thắng lợi quan trọng trong lĩnh vực này.

Sách lược của đảng cũng vậy, có một phạm vi rộng *lớn*, vì phong trào của quần chúng, tổ chức của quần chúng, hoạt động của đảng và của các tổ chức cách mạng khác đã có thêm được nhiều hình thức mới mà trước kia không có.

Nhiệm vụ cơ bản của đảng trong thời kỳ đó là làm cho hàng triệu người đi theo đội tiền phong của giai cấp vô sản, đi theo đảng, đề lật đổ nền chuyên chính của giai cấp tư sản, đề giành lấy chính quyền. Tâm trí của đảng không còn tập trung vào bản thân mình nữa, mà tập trung vào hàng triệu quần chúng nhân dân. Đồng chí Lê-nin đã xác định nhiệm vụ đó như sau : « phân bố quần chúng gồm hàng triệu người » trên mặt trận xã hội đề đảm bảo thắng lợi « trong các cuộc chiến đấu quyết định sau này » (xem cuốn sách đã nói trên của đồng chí *Lê-nin*).

Đó là những nét đặc trưng của hai thời kỳ phát triển đầu của đảng ta.

Tất nhiên giữa thời kỳ thứ nhất và thời kỳ thứ hai có một sự khác nhau lớn. Nhưng các thời kỳ đó cũng có chỗ giống nhau. Trong thời kỳ thứ nhất cũng như trong thời kỳ thứ hai, đảng là lực lượng *dân tộc*, nếu không phải hoàn toàn thì cũng đến chín phần mười, lực lượng đó chỉ có hiệu lực đối với nước Nga và trong nước Nga mà thôi (một trong những đội ngũ của giai cấp vô sản quốc tế được tổ chức). Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là trong thời kỳ thứ nhất cũng như trong thời kỳ thứ hai, Đảng cộng sản Nga là một đảng cách mạng, một đảng của cách mạng trong nội bộ nước Nga ; vì vậy trong suốt các thời kỳ đó, hoạt động chủ yếu của đảng là công tác phê phán và phá vỡ cái trật tự cũ.

Thời kỳ thứ ba tức là thời kỳ chúng ta hiện nay đang trải qua, có một khung cảnh khác hẳn.

Thời kỳ thứ ba là *thời kỳ giành chính quyền và giữ vững chính quyền* để một mặt, lôi cuốn tất cả những người lao động Nga vào công cuộc *xây dựng* nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và tổ chức Hồng quân, và mặt khác, dốc tất cả các lực lượng và tất cả các tài nguyên để *giúp đỡ* giai cấp vô sản quốc tế trong cuộc đấu tranh nhằm lật đổ tư bản. Thời kỳ đó bắt đầu từ tháng Mười 1917 cho đến hiện nay.

Việc giai cấp vô sản Nga giành được chính quyền đã tạo nên một tình hình rất đặc biệt, mà thế giới chưa từng biết đến, cả về mặt quốc tế cũng như về mặt trong nước.

Trước hết, tháng Mười 1917 đã đột phá một lỗ hổng trên mặt trận xã hội thế giới và đã tạo ra một bước ngoặt trong toàn bộ lịch sử thế giới. Hãy hình dung mặt trận xã hội bao la chạy từ các thuộc địa lạc hậu cho đến châu Mỹ tiền tiến, sau đó lại hình dung cái lỗ hổng khổng lồ do đội ngũ Nga thuộc giai cấp vô sản quốc tế đột phá, cái lỗ hổng đã đe dọa sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc, đã làm đảo lộn tất cả các công việc và tất cả các kế hoạch của bọn cá mập của chủ nghĩa đế quốc

và làm cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế chống lại tư bản thêm dễ dàng, về căn bản thêm dễ dàng : đó đúng là ý nghĩa lịch sử của tháng Mười 1917. Từ lúc đó, đảng ta, từ chỗ là một lực lượng **dân tộc**, đã trở thành một lực lượng về căn bản là **quốc tế**, và giai cấp vô sản Nga, từ chỗ là một đội ngũ lạc hậu của giai cấp vô sản quốc tế, đã trở thành **đội tiền phong** của giai cấp vô sản quốc tế. Giai cấp vô sản quốc tế từ nay có nhiệm vụ khoét cái lỗ hổng Nga ra, giúp đỡ cho đội tiền phong đang tiến lên, ngăn chặn không cho kẻ thù bao vây đội tiền phong anh dũng ấy và cắt đứt đội tiền phong đó khỏi các cơ sở của nó. Ngược lại, bọn đế quốc chủ nghĩa quốc tế có nhiệm vụ lấp, bắt buộc phải lấp cái lỗ hổng Nga. Vì vậy nếu đảng ta muốn giữ được chính quyền thì phải làm « đến mức tối đa cái gì có thể thực hiện được trong một nước (nước mình. — *J.St.*) **để** phát triển cách mạng, ủng hộ cách mạng và thức tỉnh cách mạng **trong tất cả các nước** » (xem **Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky**[34] của **Lê-nin.**) Vì vậy đảng ta, trước kia là một lực lượng dân tộc, thì từ tháng Mười 1917 đã trở thành một lực lượng quốc tế, một đảng cách mạng trên phạm vi *quốc tế*.

Sau tháng Mười 1917 tình hình đảng ở **trong nước** cũng có một sự thay đổi căn bản. Trong các thời kỳ trước, đảng là một đòn bẩy để phá vỡ trật tự cũ, để lật đổ tư bản ở Nga. Giờ đây trái lại, trong thời kỳ thứ ba, từ một đảng làm nhiệm vụ lật đổ ở trong nước Nga, đảng đã trở thành một đảng xây dựng, một đảng sáng tạo ra những hình thức mới về kinh tế. Trước kia đảng kết nạp những phần tử ưu tú trong giai cấp công nhân để tiến công vào trật tự cũ, bây giờ đảng kết nạp họ để ổn định lương thực, vận tải và các ngành công nghiệp cơ bản. Trước kia đảng thu hút vào đảng những phần tử cách mạng trong nông dân để đánh đổ địa chủ, bây giờ đảng kết nạp họ để cải thiện nông nghiệp, để củng cố khối liên minh giữa

các nông dân lao động và giai cấp vô sản đang nắm chính quyền. Trước kia đảng kết nạp các phần tử ưu tú trong các dân tộc lạc hậu để đấu tranh chống lại tư bản, bây giờ đảng kết nạp họ để tổ chức đời sống của những người lao động trong các dân tộc ấy trên cơ sở hợp tác với giai cấp vô sản Nga. Trước kia đảng quan tâm đến việc tiêu diệt quân đội, cái quân đội cũ của bọn tướng lĩnh, bây giờ đảng phải lập nên một quân đội mới, một quân đội công nông, cần thiết để bảo vệ những thành quả của cách mạng chống lại kẻ thù ở bên ngoài.

Từ một đảng làm nhiệm vụ lật đổ ở trong nước Nga, Đ.C.S.N. đã trở thành một đảng hòa bình xây dựng. Vì vậy đảng đã loại trừ ra khỏi cẩm nang của giai cấp vô sản những hình thức đấu tranh như bãi công và khởi nghĩa, tức là những hình thức từ nay không còn cần thiết ở Nga nữa.

Trước kia người ta không cần đến các chuyên gia về các vấn đề chiến tranh và kinh tế vì công tác của đảng chủ yếu là một công tác phê phán, mà công tác phê phán lại dễ dàng... Bây giờ thì đảng không thể không cần đến các chuyên gia ; đảng vừa sử dụng các chuyên gia cũ, vừa phải đào tạo các chuyên gia của ***chính mình*** về tổ chức quân đội và cung cấp cho quân đội, về chỉ đạo tác chiến (trong lĩnh vực quân sự), về tiếp tế, về nông nghiệp, về đường sắt, về hợp tác xã, về công nghiệp, về ngoại thương (trong lĩnh vực kinh tế). Nếu không thì không thể xây dựng được gì cả.

Tình hình của đảng cũng thay đổi theo chiều hướng là các lực lượng, các phương tiện và các lực lượng hậu bị của đảng đều đã tăng lên rất nhiều.

Những lực lượng hậu bị của đảng là :

1. Những mâu thuẫn giữa các tập đoàn xã hội khác nhau trong nội bộ nước Nga.

2. Những mâu thuẫn và những vụ tranh chấp đôi khi dẫn

đến xung đột quân sự giữa các nước tư bản ở chung quanh chúng ta.

3. Phong trào xã hội chủ nghĩa ở các nước tư bản.

4. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước lạc hậu và thuộc địa.

5. Nông dân và Hồng quân ở Nga.

6. Các cơ quan ngoại giao và ngoại thương của ta.

7. Toàn bộ sức mạnh của chính quyền Nhà nước.

Đại thể, đấy là những lực lượng và những khả năng, mà chính trong phạm vi của các lực lượng và khả năng đó, — phạm vi này cũng khá rộng rãi, — chiến lược của đảng có thể vận dụng linh hoạt được và chính trên cơ sở các lực lượng và khả năng đó mà các sách lược của đảng có thể vận dụng hàng ngày để động viên các lực lượng.

Tất cả các điều đó là những mặt tích cực của tháng Mười 1917.

Nhưng tháng Mười cũng có mặt không thuận lợi. Vì giai cấp vô sản ở Nga nắm được chính quyền trong những điều kiện ngoài nước và trong nước đặc biệt ; những điều kiện đó đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của đảng từ khi nắm được chính quyền.

Trước hết, nước Nga là một nước lạc hậu về mặt kinh tế ; nếu không đem những nguyên liệu của mình mà trao đổi lấy những máy móc và thiết bị của các nước phương Tây thì nước Nga rất khó tổ chức được vận tải, phát triển được công nghiệp, điện khí hóa được công nghiệp ở thành thị và nông thôn bằng những phương tiện của bản thân mình. Sau nữa, nước Nga cho đến ngày nay vẫn là một hòn đảo xã hội chủ nghĩa bị bao vây bởi các nước tư bản có nền công nghiệp phát triển hơn và thù địch với nó. Nếu nước Nga xô-viết có được những nước láng giềng là một nước lớn xô-viết có nền công

nghiệp phát triển hoặc nhiều nước xô-viết vào loại đó, thì nước Nga xô-viết có thể dễ dàng hợp tác với các nước ấy trên cơ sở trao đổi các nguyên liệu của mình lấy những máy móc và thiết bị. Nhưng chừng nào chưa có hoàn cảnh đó thì nước Nga xô-viết và đảng ta, người lãnh đạo chính phủ của nước Nga xô-viết, phải tìm các hình thức và các biện pháp hợp tác kinh tế với các tập đoàn tư bản phương Tây vẫn thù địch với ta, để có được máy móc cần thiết cho chúng ta ; mà tình hình này sẽ kéo dài cho đến ngày cách mạng vô sản thắng lợi trong một hay một số nước tư bản công nghiệp. Những hình thức quan hệ dựa trên chế độ tô nhượng và ngoại thương : đó là những biện pháp để đạt được mục đích ấy. Không thế thì khó mà hy vọng đạt được những thắng lợi quyết định trong công cuộc xây dựng kinh tế và điện khí hóa nước nhà. Quá trình này chắc chắn là chậm chạp và đau đớn, nhưng đó là quá trình tất nhiên, không thể tránh được ; có một số đồng chí thiếu kiên nhẫn, tỏ ra bực bội, đòi hỏi những kết quả nhanh chóng và những biện pháp có hiệu lực, nhưng điều tất nhiên vẫn cứ là điều tất nhiên.

Đứng về phương diện kinh tế mà xét thì cơ sở của các vụ va chạm hiện nay và các vụ xung đột quân sự giữa các tập đoàn tư bản chủ nghĩa với nhau, cũng như cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư bản, là cuộc xung đột giữa các lực lượng sản xuất hiện nay với cái khuôn khổ quốc gia đế quốc chủ nghĩa trong đó các lực lượng sản xuất đang phát triển và với những hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa. Cái khuôn khổ đế quốc chủ nghĩa và cái hình thức tư bản chủ nghĩa bóp nghẹt các lực lượng sản xuất và cản trở các lực lượng sản xuất phát triển. Lối thoát duy nhất là tổ chức một nền kinh tế thế giới trên cơ sở hợp tác kinh tế giữa các nước tiên tiến (tức là các nước công nghiệp) với các nước lạc hậu (tức là các nước cung cấp chất đốt và nguyên liệu), (chứ

không phải là trên cơ sở các nước tiên tiến cướp bóc các nước lạc hậu). Để thực hiện được điều đó chính là cần phải có cách mạng vô sản thế giới. Không có cách mạng vô sản thế giới thì không thể nghĩ tới một sự tổ chức bình thường nào và một sự phát triển bình thường nào của nền kinh tế thế giới. Song, muốn có thể bắt đầu (dù chỉ *bắt đầu* thôi) tổ chức một nền kinh tế thế giới hợp lý, thì ít nhất giai cấp vô sản cũng phải thắng lợi ở một số nước tiên tiến. Chừng nào chưa được như vậy thì đảng ta phải tìm những biện pháp quanh co để hợp tác với các nhóm tư bản chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế.

Đó là lý do vì sao sau khi lật đổ giai cấp tư sản nước mình và giương cao ngọn cờ cách mạng vô sản, đảng cho rằng việc tán thành một « sự phóng túng » nào đó đối với nền sản xuất nhỏ và nền công nghiệp nhỏ ở nước ta, việc cho phép chủ nghĩa tư bản được phục hồi một phần nào đó và đặt nó phụ thuộc vào chính quyền Nhà nước, việc thu hút những người được tô nhượng và các cổ đông, v.v., v.v., vẫn là những việc làm hợp lý chừng nào mà chính sách của đảng, — « làm đến mức tối đa cái gì có thể thực hiện được trong một nước *để* phát triển cách mạng, ủng hộ cách mạng, thức tỉnh cách mạng *trong tất cả các nước* », — chưa đem lại những kết quả thực tế.

Đó là những điều kiện đặc biệt, tích cực và không thuận lợi, do tháng Mười 1917 tạo nên ; chính trong các điều kiện đó mà đảng ta hoạt động và phát triển trong suốt thời kỳ thứ ba.

Những điều kiện trên quyết định sức mạnh phi thường mà đảng ta hiện đang có đối với nội bộ nước Nga cũng như đối với ngoài nước. Những điều kiện đó cũng quyết định cả những khó khăn không thể tưởng tượng được và những nguy cơ mà đảng ta đang phải đương đầu và phải khắc phục cho bằng được.

Những nhiệm vụ của đảng trong thời kỳ này về mặt *chính sách đối ngoại* đều xuất phát từ địa vị của nó là một đảng của *cách mạng* quốc tế. Những nhiệm vụ đó là :

1. Lợi dụng tất cả mọi mâu thuẫn và tất cả mọi sự xung đột giữa những tập đoàn tư bản chủ nghĩa và các chính phủ tư bản chủ nghĩa ở chung quanh nước ta, để làm tan rã chủ nghĩa đế quốc.

2. Không nên tiếc sức và phương tiện trong việc chi viện cho cách mạng vô sản ở phương Tây.

3. Áp dụng tất cả các biện pháp để tăng cường phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông.

4. Củng cố Hồng quân.

Những nhiệm vụ của đảng trong thời kỳ này về mặt ***chính sách đối nội*** đều xuất phát từ vị trí của nó ***trong nội bộ nước Nga***, từ vị trí của nó là một đảng tiến hành công tác ***hòa bình*** xây dựng. Những nhiệm vụ đó là :

1. Củng cố sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân lao động bằng cách :

a) thu hút những phần tử nông dân có sáng kiến nhất và biết cách làm ăn nhất, tham gia vào công tác xây dựng Nhà nước ;

b) giúp đỡ các nông hộ về những kiến thức nông nghiệp, sửa chữa các máy móc, v.v. ;

c) phát triển việc trao đổi đúng đắn các sản phẩm giữa thành thị và nông thôn ;

d) điện khí hóa từng bước ngành nông nghiệp.

Còn cần phải nhớ đến một điều kiện quan trọng nữa. Khác với các cuộc cách mạng và các đảng vô sản ở phương Tây, cuộc cách mạng nước ta có một đặc điểm đáng mừng, đảng ta có một ưu thế rất lớn, đó là vì ở nước Nga những tầng lớp rộng rãi nhất và lớn mạnh nhất của giai cấp tiểu tư sản — tức là nông dân — đã biến từ lực lượng hậu bị có thể có của giai cấp tư sản thành lực lượng hậu bị thực sự của giai cấp vô sản.

Chính điều kiện đó đã bắt nguồn từ sự suy yếu của giai cấp tư sản Nga và phục vụ cho lợi ích giai cấp vô sản Nga. Sở dĩ như vậy, chủ yếu là do, khác với các nước phương Tây, việc giải phóng nông dân khỏi ách của địa chủ đã tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Chính trên cơ sở đó mà ở Nga đã thành lập được khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân lao động. Những người cộng sản có trách nhiệm quý trọng và củng cố khối liên minh đó.

2. Phát triển công nghiệp bằng cách :

a) tập trung lực lượng đến mức tối đa để nắm các ngành công nghiệp cơ bản và cải thiện công tác cung cấp cho công nhân thuộc các ngành ấy ;

b) phát triển ngoại thương để nhập các máy móc và thiết bị ;

c) thu hút những cổ đông và những người được tô nhượng ;

d) thành lập một quỹ lương thực cơ động, dù chỉ là quỹ tối thiểu ;

đ) điện khí hóa vận tải và đại công nghiệp.

Đại thể, đó là những nhiệm vụ của đảng ta trong thời kỳ phát triển hiện nay của nó.

« Sự thật » số 190,
28 tháng Tám 1921

Ký tên : J. Sta-lin

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGA

Sức mạnh của Cách mạng tháng Mười tựu trung là ở chỗ, khác với những cuộc cách mạng ở phương Tây, nó đã tập hợp được chung quanh giai cấp vô sản Nga, giai cấp tiểu tư sản đông hàng triệu người, nhất là nông dân, tầng lớp hết sức hùng hậu và đông đảo của giai cấp ấy. Do đó, giai cấp tư sản Nga đã bị cô lập, mất quân đội, còn giai cấp vô sản Nga thì trở thành người nắm vận mệnh đất nước. Nếu không thế, công nhân Nga có lẽ đã không giữ được chính quyền.

Hòa bình, cách mạng ruộng đất và tự do của các dân tộc : đó là ba nhân tố căn bản làm cho nông dân trong hơn hai chục dân tộc ở nước Nga mênh mông đã tập hợp chung quanh ngọn cờ đỏ của giai cấp vô sản Nga.

Thiết tưởng không cần phải nói về hai nhân tố ở đây nữa : trong các sách người ta đã viết khá nhiều về những nhân tố ấy, và lại những nhân tố ấy tự nó cũng đã nói lên rồi. Còn nhân tố thứ ba, — chính sách dân tộc của những người cộng sản, — thì có lẽ người ta vẫn chưa thấy được đầy đủ tầm quan trọng của nó. Cho nên, có nói ít lời về nhân tố ấy, tưởng cũng không phải là thừa.

Trước hết, trong số 140 triệu người của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga (tôi không kể Phần-lan, E-stô-ni, Lét-tô-ni, Li-tu-a-ni và Ba-lan), thì người đại Nga chiếm không quá 75 triệu, còn lại 65 triệu đều là người các dân tộc khác.

Sau nữa, những dân tộc ấy chủ yếu là sống ở những miền ngoại vi, là những nơi hết sức dễ bị tấn công về mặt quân sự ; đồng thời những miền ngoại vi ấy lại phong phú về nguyên liệu, nhiên liệu và lương thực.

Cuối cùng là những miền ngoại vi ấy phát triển kém hơn nước Nga trung tâm (hay chưa được phát triển gì cả) về mặt công nghiệp và quân sự, do đó, những miền ấy không có khả năng bảo vệ nền độc lập của mình, nếu không có sự giúp đỡ về quân sự và kinh tế của nước Nga trung tâm ; cũng như nước Nga trung tâm không có khả năng duy trì sức mạnh quân sự và kinh tế của mình nếu không được sự giúp đỡ của các miền ngoại vi về nguyên liệu, nhiên liệu và lương thực.

Chính những tình hình đó, cộng với một số nguyên tắc đề ra trong cương lĩnh dân tộc của những người cộng sản, đã quyết định tính chất của chính sách dân tộc của những người cộng sản Nga.

Thực chất của chính sách ấy có thể tóm tắt trong mấy chữ : từ bỏ mọi « yêu sách » và mọi « quyền » đối với những miền có những dân tộc không phải Nga sinh sống ; thừa nhận (thực sự chứ không phải trên lời nói) quyền của những dân tộc ấy tồn tại như những quốc gia độc lập ; sự liên minh tự nguyện về quân sự và kinh tế giữa những dân tộc ấy với nước Nga trung tâm ; giúp đỡ các dân tộc lạc hậu trong bước phát triển của họ về mặt văn hóa và kinh tế, bằng không cái gọi là « quyền bình đẳng dân tộc » sẽ chỉ là một danh từ trống rỗng ; và tất cả điều đó đặt trên cơ sở hoàn toàn giải phóng nông dân và tập trung toàn bộ chính quyền trong tay những người lao động trong các dân tộc ở các miền ngoại vi — đó là chính sách dân tộc của những người cộng sản Nga.

Chẳng cần phải nói cũng thấy rằng những công nhân Nga, khi nắm chính quyền có lẽ đã không tranh thủ được sự đồng tình và tín nhiệm của các đồng chí của họ trong các dân tộc

khác, và nhất là của quần chúng bị áp bức trong các dân tộc không có đầy đủ quyền, nếu trong hành động họ đã không tỏ ra sẵn sàng thực hiện một chính sách dân tộc như thế, nếu họ không từ bỏ « quyền » đối với Phần-lan, nếu họ không rút quân ra khỏi Bắc Ba-tư, nếu họ không thủ tiêu những yêu sách của bọn đế quốc Nga về một số miền của Mông-cổ và Trung-quốc, nếu họ không giúp đỡ những dân tộc lạc hậu trong đế quốc Nga cũ phát triển văn hóa và chế độ Nhà nước của họ bằng tiếng dân tộc.

Chỉ có trên cơ sở sự tín nhiệm đó, mới có thể nảy sinh ra được khối liên minh không gì phá được của những dân tộc trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, khối liên minh đó đã làm thất bại tất cả mọi mưu mô « ngoại giao » và mọi cuộc « phong tỏa » tiến hành một cách chu đáo.

Hơn nữa, công nhân Nga có lẽ đã không đánh bại được Côn-tsắc, Đê-ni-kin và Vơ-ran-ghen, nếu họ không được sự đồng tình và tín nhiệm như thế của quần chúng bị áp bức ở các miền ngoại vi nước Nga cũ. Không nên quên rằng vùng hoạt động của tên tướng phiến loạn ấy lại chỉ giới hạn ở các miền ngoại vi, nơi mà phần lớn chỉ có những dân tộc không phải Nga sinh sống, mà những dân tộc ấy thì không thể không căm thù bọn Côn-tsắc, Đê-ni-kin và Vơ-ran-ghen vì chính sách đế quốc và Nga hóa của chúng. Bọn Đồng minh, khi can thiệp và giúp đỡ những tên tướng ấy, cũng chỉ có thể dựa vào những phần tử chủ trương Nga hóa ở các miền ngoại vi mà thôi. Như thế bọn Đồng minh chỉ làm cho lòng căm thù của nhân dân miền ngoại vi đối với những tên tướng phiến loạn thêm mạnh mẽ và làm cho sự đồng tình của nhân dân đối với Chính quyền xô-viết thêm sâu sắc.

Tình trạng đó đã làm cho hậu phương của Côn-tsắc, Đê-ni-kin và Vơ-ran-ghen suy yếu, và do đó đã làm cho tiền

tuyến của chúng suy yếu, nghĩa là rốt cuộc, đưa chúng đến thất bại.

Song, những kết quả tốt đẹp của chính sách dân tộc của những người cộng sản Nga không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga và những nước cộng hòa xô-viết khác liên hợp với nó. Sự thật, những kết quả ấy cũng ảnh hưởng, tuy là gián tiếp, đến thái độ của những nước láng giềng đối với nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga. Sự cải thiện căn bản trong thái độ của Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Áp-ga-ni-stan, Ấn-độ và những nước phương Đông khác đối với Nga, tức là nước trước kia bị các nước ấy coi như là mối đe dọa, — sự cải thiện ấy là một *sự thật* mà ngay cả nhà chính khách dũng cảm như ngài Cớc-dơn cũng không dám chối cãi. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng nếu chính sách dân tộc nói trên không được thi hành một cách có hệ thống trong nội bộ nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga trong bốn năm tồn tại của Chính quyền xô-viết, thì sự thay đổi căn bản trong thái độ của những nước láng giềng đối với Nga sẽ là điều không thể hình dung được.

Nói chung, đó là kết quả của chính sách dân tộc của những người cộng sản Nga. Ngày nay, trong dịp lễ kỷ niệm lần thứ tư ngày thành lập Chính quyền xô-viết, khi mà cuộc chiến tranh gian khổ đã kết thúc, khi mà một công tác kiến thiết rộng lớn đã bắt đầu và khi mà bất giác người ta nhìn lại toàn bộ bước đường đã qua, thì những kết quả ấy đã trở nên đặc biệt rõ ràng.

« Sự thật » số 251,
6-7 tháng Một 1921

Ký tên : J. Sta-lin

TIỀN ĐỒ

I

Tình hình quốc tế có một tầm quan trọng hàng đầu trong sinh hoạt của nước Nga. Không những vì nước Nga, cũng như bất luận một nước châu Âu nào khác, bị hàng nghìn mối liên hệ ràng buộc với các nước tư bản láng giềng, mà trước hết còn vì, nước Nga là một nước xô-viết và do đó trở thành một mối « đe dọa » đối với thế giới tư sản, cho nên lẽ tự nhiên là nó lâm vào tình trạng bị một phe thù địch gồm các nước tư sản, bao vây. Do đó, rất dễ hiểu rằng tình hình diễn biến trong phe đó, mối tương quan giữa các lực lượng đang đấu tranh trong phe đó, đều không thể không có một ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với nước Nga được.

Cần coi sự thật dưới đây là nhân tố cơ bản nói rõ đặc điểm của tình hình quốc tế : thời kỳ chiến tranh công khai đã nhường chỗ cho một thời kỳ đấu tranh « hòa bình » ; những lực lượng xung đột với nhau đã đi đến chỗ là cùng thừa nhận lẫn nhau trong một mức độ nào đó ; giữa các lực lượng ấy, giữa một bên là khối Đồng minh đứng đầu phe phản cách mạng tư sản, và một bên là nước Nga, đội tiền phong của phe cách mạng vô sản, đã có một sự ngừng chiến. Cuộc đấu tranh đã chỉ ra rằng chúng ta (những công nhân) *còn chưa* đủ sức mạnh để tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc ngay tức khắc. Nhưng, cuộc đấu tranh ấy cũng đã chỉ ra rằng chúng (bọn tư sản) ***không còn*** đủ sức mạnh nữa để có thể bóp chết nước Nga xô-viết.

Do đó, tâm lý « kinh hãi » và « khiếp sợ » của giai cấp tư sản thế giới đối với cách mạng vô sản, — tâm lý này đã ám

ảnh chúng, chẳng hạn khi Hồng quân tiến công vào Vác-xô-vi, — đã tiêu tan và biến mất. Đồng thời cũng biến mất niềm phấn khởi vô bờ bến trước kia của công nhân châu Âu mỗi khi tiếp nhận một tin hết sức nhỏ nào về nước Nga xô-viết.

Đã đến lúc phải đánh giá lực lượng một cách tỉnh táo, phải tiến hành công tác tỉ mỉ để chuẩn bị và tích lũy lực lượng cho những cuộc chiến đấu sắp tới.

Như vậy không có nghĩa là một cái thế cân bằng lực lượng nào đó, đã hình thành ngay từ đầu năm 1921, vẫn giữ nguyên không thay đổi. Tình hình hoàn toàn không phải như vậy.

Sau khi đã hồi phục vì những miếng đòn của cách mạng, — các miếng đòn đó là kết quả của cuộc chiến tranh đế quốc, — và sau khi đã hoàn hồn, giai cấp tư sản thế giới đã chuyển từ phòng ngự sang tiến công chống lại công nhân của « bản thân nước mình » ; chúng đã khéo léo lợi dụng cuộc khủng hoảng công nghiệp và bắt công nhân phải chịu những điều kiện sinh hoạt hết sức tồi tệ (như giảm lương, kéo dài ngày lao động, thất nghiệp hàng loạt). Những kết quả của cuộc tiến công ấy đặc biệt nặng nề ở Đức, nơi mà (ngoài những điều khác ra) đồng mác sụt giá một cách nhanh chóng lại càng làm cho đời sống công nhân thêm khổ cực.

Chính trên cơ sở đó mà trong giai cấp công nhân (nhất là ở Đức) đã nảy sinh một phong trào mãnh liệt đấu tranh để thành lập một mặt trận công nhân thống nhất và thiết lập một chính phủ công nhân ; phong trào ấy kêu gọi tất cả các phái ít nhiều cách mạng của giai cấp công nhân, từ phái « ôn hòa » đến phái « cực đoan », hãy liên minh với nhau và cùng nhau đấu tranh chống kẻ thù chung. Trong cuộc đấu tranh cho một chính phủ công nhân đó, chắc chắn là những người cộng sản sẽ đứng trên hàng đầu, vì cuộc đấu tranh ấy nhất định làm cho sự tan rã của giai cấp tư sản càng trầm trọng

thêm và biến các đảng cộng sản hiện nay thành các đảng công nhân có tính chất quần chúng thật sự.

Nhưng vấn đề hoàn toàn không phải chỉ đóng khung ở việc giai cấp tư sản tấn công vào công nhân của « bản thân nước mình ». Giai cấp tư sản biết rõ rằng chừng nào chúng còn chưa đè bẹp được nước Nga thì chúng vẫn chưa có thể thắng được các công nhân trong « nước mình ». Do đó, chúng lại càng tăng cường hoạt động để chuẩn bị một cuộc tấn công mới chống lại nước Nga, cuộc tấn công này phức tạp hơn và nghiêm trọng hơn so với tất cả các cuộc tấn công trước đây.

Tất nhiên, những hiệp ước thương mại và những hiệp ước khác đang được ký kết và sẽ còn được ký kết với nước Nga, đối với nước Nga điều đó có một tầm quan trọng rất lớn. Nhưng cũng không nên quên rằng các hãng buôn hoặc các tổ chức khác đang kéo vào nước Nga để buôn bán với nước Nga và giúp đỡ nước Nga, cũng lại là những ổ gián điệp cừ khôi của giai cấp tư sản thế giới ; và do đó, giờ đây giai cấp tư sản thế giới biết nước Nga hơn bao giờ hết, biết các mặt mạnh và các mặt yếu của nước Nga : và điều đó sẽ gây nên những mối nguy hiểm trầm trọng trong trường hợp xảy ra những hành động can thiệp vũ trang mới.

Tất nhiên những vụ va chạm rõ rệt về vấn đề phương Đông chung quy là do những chuyện « hiểu lầm ». Nhưng không nên quên rằng ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ba-tư, ở Áp-ga-ni-stan, ở Viễn Đông có rất nhiều tay sai của phe đế quốc, và tràn ngập vàng và những của bố thí khác nhằm thiết lập chung quanh nước Nga xô-viết một hàng rào bao vây kinh tế (và không những chỉ về kinh tế mà thôi). Vị tất đã cần phải chứng minh rằng cái gọi là hội nghị « hòa bình » ở Hoa-thịnh-đốn[35] chẳng báo trước cho chúng ta một tí gì là thực sự hòa bình cả.

Tất nhiên, chúng ta có những quan hệ « rất tốt » cả với Ba-lan, với Ru-ma-ni và cả với Phần-lan. Nhưng không nên

quên rằng các nước này, nhất là Ba-lan và Ru-ma-ni, được phe Đồng minh giúp đỡ, đang tích cực vũ trang, rằng các nước đó đang chuẩn bị chiến tranh (chống lại ai, nếu không phải nước Nga ?), rằng bây giờ cũng như trước kia, các nước ấy là lực lượng hậu bị trực tiếp của phe đế quốc, rằng chính các nước ấy vừa mới tung những toán phản cách mạng thuộc quân của Xa-vin-cốp và Pét-li-u-ra vào lãnh thổ nước Nga (để do thám chắc ?).

Tất cả các sự kiện ấy, và nhiều các sự kiện tương tự khác, rõ ràng là những mắt xích khác nhau của một sự hoạt động chung nhằm chuẩn bị một cuộc tấn công mới vào nước Nga.

Đấu tranh kinh tế kết hợp với đấu tranh quân sự, từ trong đánh ra phối hợp với từ ngoài đánh vào : đó là hình thức có khả năng xảy ra nhiều nhất của cuộc tấn công ấy.

Liệu chúng ta có làm cho cuộc tấn công ấy không thể có được hoặc nếu vạn nhất cuộc tấn công ấy cứ nổ ra thì có biến được nó thành một vũ khí nguy hiểm để đánh vào giai cấp tư sản thế giới, hay không, — điều đó tùy thuộc vào tinh thần cảnh giác của những người cộng sản ở hậu phương và trong quân đội, tùy thuộc vào những thắng lợi của chúng ta trên mặt trận kinh tế và cuối cùng tùy thuộc vào tính kiên quyết của Hồng quân.

Đó là những nét lớn về tình hình ngoài nước.

Tình hình nội bộ nước Nga xô-viết cũng không kém phần phức tạp và, nếu có thể nói, là « độc đáo » nữa. Có thể dùng câu này để nêu rõ đặc điểm của tình hình đó : đấu tranh để củng cố khối liên minh công nông trên một cơ sở mới, cơ sở kinh tế, để phát triển công nghiệp, nông nghiệp, vận tải hay, nói một cách khác, để giữ vững và tăng cường nền chuyên chính vô sản trong tình hình kinh tế suy sụp.

Ở phương Tây, có một lý luận cho rằng công nhân chỉ có thể giành được và giữ được chính quyền ở trong một nước

mà công nhân chiếm đa số, ở trong một nước mà đa số dân cư, dù sao, cũng phải là lao động trong công nghiệp. Chính các ngài Cau-sky đã dựa vào lý luận ấy để phủ nhận tính chất « chính đáng » của cuộc cách mạng vô sản ở Nga, nơi mà giai cấp vô sản chỉ là thiểu số. Lý luận đó mặc nhiên xuất phát từ giả thuyết cho rằng giai cấp tiểu tư sản, trước hết là nông dân, không thể ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân giành chính quyền ; rằng xét về toàn khối, nông dân là một lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản chứ không phải là của giai cấp vô sản, Cơ sở lịch sử của giả thuyết đó là : phương Tây (như ở Pháp, Đức) trong những thời kỳ nghiêm trọng, giai cấp tiểu tư sản (tức nông dân) *thường đứng* về phía giai cấp tư sản (năm 1848 và năm 1871 ở Pháp, những ý đồ làm cách mạng vô sản ở Đức sau năm 1918).

Nguyên nhân của những hiện tượng đó là :

1. Ở phương Tây, cách mạng tư sản đã tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản (hồi đó giai cấp vô sản chỉ là một lực lượng xung kích của cách mạng) ; nông dân đã có ruộng đất và được giải phóng khỏi ách nô lệ phong kiến, có thể nói là đã nhận được những điều đó từ tay giai cấp tư sản, do đó ảnh hưởng của giai cấp tư sản đối với nông dân đã được bảo đảm ngay từ hồi đó.

2. Ở phương Tây, từ khi bắt đầu cuộc cách mạng tư sản cho đến những cuộc thí nghiệm đầu tiên của cách mạng vô sản, đã trải qua một thời gian hơn nửa thế kỷ ; trong thời gian đó trong nông dân đã phân hóa ra một giai cấp tư sản nông thôn lớn mạnh và có ảnh hưởng ở nông thôn : giai cấp này được dùng làm cái cầu nối liền giữa nông dân và bọn tư bản kếch sù thành thị và do đó, đã củng cố bá quyền lãnh đạo của giai cấp tư sản đối với nông dân.

Chính trong tình hình lịch sử đó mà đẻ ra cái lý luận nói ở trên.

Tình hình ở Nga thì khác hẳn.

Trước hết, khác với tình hình diễn ra ở phương Tây, cuộc cách mạng tư sản ở Nga (tháng Hai - tháng Ba 1917) đã tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản trong các cuộc chiến đấu gay go chống lại giai cấp tư sản ; trong các cuộc chiến đấu ấy nông dân đã đoàn kết chung quanh giai cấp vô sản được nông dân coi là lãnh tụ của họ.

Thứ nữa, cũng khác với tình hình diễn ra ở phương Tây, ý đồ (ý đồ đó đã thành công) làm cách mạng vô sản ở Nga (tháng Mười 1917) đã bắt đầu không phải từ nửa thế kỷ sau cách mạng tư sản, mà ngay sau cách mạng tư sản, cách chừng sáu hay tám tháng ; trong thời gian này, trong nông dân tất nhiên là không thề phân hóa ra một giai cấp tư sản nông thôn lớn mạnh và có tồ chức, hơn nữa, giai cấp tư sản kếch sù bị lật đồ hồi tháng Mười 1917, thì sau đó không thề ngóc lên được.

Tình hình sau cùng này đã góp phần củng cố hơn nữa khối liên minh công nông.

Đó là lý do tại sao công nhân Nga chỉ chiếm có thiều số trong dân cư mà đã trở thành những người chủ đất nước, đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của tuyệt đại đa số nhân dân, và trước hết là nông dân, đã giành được chính quyền và giữ vững được chính quyền ; còn giai cấp tư sản thì, trái với tất cả mọi lý thuyết, đã bị cô lập, không còn có lực lượng hậu bị là nông dân nữa.

Từ đó đi đến kết luận là :

1. Căn cứ vào thực tế nước Nga thì thấy lý luận nói ở trên, cho rằng giai cấp vô sản « phải chiếm đa số » trong dân cư, là phiến diện, là sai lầm hay ít ra cũng là bị các ngài Cau-sky diễn đạt một cách quá đơn giản và quá tầm thường.

2. Khối liên minh thực tế giữa giai cấp vô sản và nông dân lao động được hình thành trong quá trình cách mạng, là *cơ sở*

của Chính quyền xô-viết ở Nga trong các điều kiện lịch sử hiện tại.

3. Trách nhiệm của những người cộng sản là gìn giữ và củng cố khối liên minh thực tế đó.

Trong trường hợp hiện nay toàn bộ vấn đề là ở chỗ các hình thức của sự liên minh ấy không phải lúc nào cũng giống nhau.

Trước kia, trong thời chiến, chúng ta có một sự liên minh chủ yếu là về mặt *chính trị* và *quân sự*, tức là sau khi đã đuổi bọn địa chủ ra khỏi nước Nga, chúng ta đã đem lại ruộng đất cho nông dân sử dụng và khi bọn địa chủ gây chiến để giành lại « tài sản của chúng », thì chúng ta đã đánh bại chúng và chúng ta đã bảo vệ những thành quả của cách mạng, do đó, nông dân đã cung cấp thực phẩm cho công nhân và cung cấp người cho quân đội. Đó là một hình thức liên minh.

Giờ đây, khi chiến tranh đã kết thúc, ruộng đất không còn bị đe dọa, thì hình thức liên minh cũ không đủ nữa. Cần phải có một hình thức liên minh khác. Vấn đề không còn là bảo vệ ruộng đất cho nông dân, mà là bảo đảm cho nông dân quyền tự do sử dụng các sản phẩm của đất đai ấy. Nếu không thì chúng ta không tài nào tránh được tình trạng diện tích gieo trồng ngày càng bị thu hẹp hơn nữa, nông nghiệp dần dần giảm sút, vận tải và công nghiệp đình trệ (do thiếu bánh mì), quân đội hoang mang dao động (cũng vì lý do thiếu bánh mì) và kết quả của tất cả những điều đó là khối liên minh thực tế giữa công nhân và nông dân nhất định sẽ bị tan vỡ. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng việc Nhà nước nắm trong tay một lực lượng dự trữ lúa mì là đòn bẩy của mọi đòn bẩy để khôi phục công nghiệp và duy trì Nhà nước xô-viết. Vụ Cơ-rôn-stát (mùa xuân năm 1921) đã báo trước cho chúng ta thấy rằng hình thức liên minh cũ đã lỗi thời, rằng chúng

ta cần có một hình thức liên minh mới, liên minh về *kinh tế* bảo đảm lợi ích về kinh tế cho công nhân cũng như cho nông dân.

Đó là cái chìa khóa để hiểu chính sách kinh tế mới.

Việc bãi bỏ chế độ trưng mua lương thực thừa và một số chế độ thuế khóa tương tự khác là một bước đầu trên con đường mới ; nó cho phép người sản xuất nhỏ được tự do hoạt động và khuyến khích người đó đẩy mạnh sản xuất lương thực, nguyên liệu và các mặt hàng khác. Người ta sẽ dễ dàng hiểu được ý nghĩa to lớn của biện pháp đó khi thấy rằng hiện nay ở Nga đang có cái đà to lớn tiến tới một sự phát triển các lực lượng sản xuất giống như là ở Bắc Mỹ sau thời kỳ nội chiến. Chắc chắn rằng biện pháp đó, trong khi kích thích nghị lực sản xuất của người sản xuất nhỏ và bảo đảm cho người sản xuất nhỏ một điều lợi nào đó, sẽ đặt người sản xuất nhỏ vào một tình thế như sau : vì ngành công nghiệp đều ở trong tay Nhà nước, người sản xuất nhỏ sẽ buộc phải làm lợi cho Nhà nước xô-viết.

Nhưng tăng cường sản xuất lương thực và nguyên liệu cũng chưa đủ. Còn cần phải thu thập, thu mua các sản phẩm đó với một số lượng tối thiểu nhất định, cần thiết cho việc duy trì vận tải, công nghiệp, quân đội, v.v.. Do đó, nếu không kể thuế lương thực thuần túy chỉ là một sự bổ sung vào việc bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, thì người ta phải coi việc chuyển giao công tác thu mua lương thực và nguyên liệu cho Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương, là bước thứ hai. Đúng là tình trạng vô kỷ luật ở các cơ quan địa phương thuộc Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương, sự bất lực không thích ứng nổi với các điều kiện của một thị trường đang phát triển mau lẹ, tính chất không hợp lý của hình thức trao đổi hàng hóa bằng hiện vật và sự phát triển nhanh chóng của hình thức trao đổi bằng tiền, tình trạng

thiếu tiền tệ, v.v., đã không cho phép Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương làm tròn sứ mệnh đã được giao phó. Nhưng không có lý do gì để nghi ngờ cả, vai trò của Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương, cơ quan chủ yếu trong việc thu mua rất nhiều những sản phẩm chủ yếu về lương thực và nguyên liệu, sẽ ngày càng lớn. Muốn vậy, Nhà nước phải :

a) biến cơ quan đó thành trung tâm xuất vốn cho các hoạt động thương nghiệp ở trong nước (ngoài các hoạt động thương nghiệp của Nhà nước ra) ;

b) làm cho các loại hợp tác xã khác vẫn còn tâm trạng thù địch với Nhà nước, phải phụ thuộc vào cơ quan đó về mặt tài chính ;

c) để cho cơ quan đó được hoạt động về ngoại thương dưới hình thức này hay hình thức khác.

Việc mở một ngân hàng Nhà nước, tức là cơ quan có nhiệm vụ điều tiết lưu thông tiền tệ ở trong nước, phải được coi là biện pháp thứ ba cần được áp dụng. Sự phát triển thị trường và lưu thông tiền tệ sẽ đưa lại hai kết quả cơ bản :

1. làm cho các hoạt động thương nghiệp (của tư nhân và của Nhà nước) cũng như các hoạt động sản xuất (giá quy định, v.v.) hoàn toàn phụ thuộc vào những biến động của đồng rúp ;

2. làm cho nền kinh tế quốc dân của nước Nga, một nền kinh tế đóng cửa, tự cung tự cấp, như trong thời kỳ nước Nga bị phong tỏa, biến thành một nền kinh tế dựa trên chế độ trao đổi, buôn bán với thế giới bên ngoài, nghĩa là phụ thuộc vào những biến động ngẫu nhiên của thị giá đồng rúp.

Từ đó cần rút ra kết luận là nếu ta không chấn chỉnh lại sự lưu thông tiền tệ và nếu ta không nâng cao thị giá đồng rúp thì các hoạt động kinh tế của ta, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, sẽ bị tê liệt. Ngân hàng Nhà nước, cơ quan điều

tiết lưu thông tiền tệ, chẳng những có thể là người cho vay, mà còn có thể là cái máy bơm thu hút những món tiền tiết kiệm rất lớn của tư nhân, nhờ đó có thể vẫn tiến hành chu chuyền mà không cần phải phát hành tiền mới; Ngân hàng Nhà nước đó mới chỉ là « một bản nhạc của tương lai » mặc dù theo tất cả các tài liệu hiện có, nó sẽ có một tương lai rực rỡ.

Biện pháp thứ hai đề nâng cao thị giá đồng rúp là phải mở rộng xuất khẩu và cải thiện bảng cân đối thương nghiệp nhập siêu nghiêm trọng của ta. Có thể tin tưởng rằng việc thu hút Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương tham gia hoạt động ngoại thương chỉ có thể có lợi về mặt đó.

Sau nữa, chúng ta cần vay tiền của nước ngoài, không những đó là phương tiện thanh toán, mà còn là yếu tố đề tăng thêm vốn cho vay của nước Nga ở nước ngoài và do đó, nâng cao được sự tín nhiệm đối với đồng rúp của ta.

Tiếp nữa chắc chắn là các hãng hỗn hợp thương mại và vận tải và các hãng khác mà gần đây đồng chí Xô-côn-ni-cốp đã nói đến trên báo *Sự thật*, sẽ làm cho công tác đó được dễ dàng ; nhưng ở đây cũng cần phải nêu lên rằng việc áp dụng chế độ tô nhượng trong công nghiệp và việc phát triển một sự trao đổi công bằng các nguyên liệu của nước ta lấy các máy móc và thiết bị của nước ngoài mà báo chí đã nói đến nhiều trong một thời gian, sẽ góp phần phát triển nền kinh tế tiền tệ của ta, nhưng bản thân các việc đó cũng hoàn toàn tùy thuộc vào sự nâng cao tiên quyết đối với thị giá đồng rúp của ta.

Cuối cùng, cần phải coi những việc làm sau đây là biện pháp thứ tư, chuyền các xí nghiệp của chúng ta sang chế độ hạch toán kinh tế, đóng cửa và cho thuê các xí nghiệp nhỏ không sinh lãi, lựa chọn những xí nghiệp lớn dồi dào sức sống nhất, kiên quyết giảm bớt số nhân viên quá nhiều trong các

cơ quan của ta, thiết lập một ngân sách Nhà nước ổn định về vật tư cũng như về tài chính, và kết quả của những công tác đó là trừ bỏ được tư tưởng ỷ lại vào cung cấp ở trong các xí nghiệp và các cơ quan, thúc đầy toàn thể công nhân và viên chức, cải tiến và đầy mạnh lao động của họ.

Nói chung, đó là những biện pháp đã được thi hành và phải được thi hành, toàn bộ các biện pháp đó hợp thành cái mà người ta gọi là chính sách kinh tế mới.

Chẳng cần nói cũng rõ là khi thực hiện các biện pháp đó, như đã dự đoán, chúng ta đã mắc nhiều sai lầm, chúng ta đã làm sai lệch bản chất thật sự của các biện pháp đó. Tuy nhiên có thể coi điều này như đã được chứng minh : chính các biện pháp đó mở ra con đường phải đi để bảo đảm khôi phục nền kinh tế nước nhà, phát triển nông nghiệp và công nghiệp, và để củng cố sự liên minh *kinh tế* giữa vô sản và nông dân lao động, bất chấp mọi tình hình, bất chấp các mối đe dọa từ bên ngoài và nạn đói trong nước Nga.

Những kết quả đầu tiên của chính sách kinh tế mới là : mở rộng diện tích gieo trồng mà người ta đã bắt đầu thi hành, nâng cao năng suất lao động trong các xí nghiệp và cải tạo tâm trạng của người nông dân (như chấm dứt nạn cướp bóc hàng loạt), đã xác nhận một cách chắc chắn kết luận đó.

« Sự thật » số 286,
18 tháng Chạp 1921

Ký tên : J. Sta-lin

GỬI BÁO *SỰ THẬT*

Báo ***Sự thật*** ra đời trong những làn sóng của cao trào cách mạng trong những « ngày Lê-na » nổi tiếng. Việc xuất bản báo ***Sự thật***, tờ báo công nhân có tính chất quần chúng, trong những ngày đó, đã đánh dấu :

a) thời kỳ mệt mỏi chung của đất nước sau những năm « thanh bình yên ổn » của chế độ Stô-lư-pin, đã kết thúc,

b) sự thức tỉnh mãnh liệt của giai cấp công nhân Nga đối với một cuộc cách mạng mới, cuộc cách mạng thứ hai, sau cuộc cách mạng 1905,

c) những người bôn-sê-vích bước đầu tranh thủ được quảng đại quần chúng trong giai cấp công nhân.

Báo ***Sự thật*** năm 1912 đã đặt nền móng cho sự thắng lợi của chủ nghĩa bôn-sê-vích năm 1917.

J. Sta-lin

« Sự thật » số 98,
5 tháng Năm 1922

KỶ NIỆM MƯỜI NĂM NGÀY THÀNH LẬP BÁO *SỰ THẬT*

(Hồi ký)

1. NHỮNG NGÀY LÊ-NA

Những ngày Lê-na là kết quả của chế độ « thanh bình yên ổn » do Stô-lư-pin thiết lập lên. Cố nhiên những đảng viên trẻ tuổi của đảng, không được thưởng thức những vẻ đẹp của chế độ ấy, nên họ không nhớ những chuyện đó. Còn những đảng viên cũ thì ắt phải được cái kỷ niệm đáng nguyền rủa về những đội thảo phạt, về những vụ công kích dã man đối với các tổ chức công nhân, về chế độ sử dụng roi vọt một cách phổ biến đối với nông dân, bao trùm lên tất cả cái đó là viện Đu-ma của bọn Trăm-Đen và của bọn dân chủ - lập hiến. Dưới sự lộng hành của bọn cảnh sát địa chủ tư sản, dư luận xã hội bị bóp nghẹt, công nhân thì mệt mỏi và lãnh đạm, đói khổ và tuyệt vọng, nông dân thì kinh hoàng và sợ hãi, — đó là những đặc điểm của sự « thanh bình yên ổn » dưới thời Stô-lư-pin.

Đối với một người quan sát thiển cận thì có thể cho rằng thời kỳ cách mạng đã sắp chấm dứt vĩnh viễn rồi, rằng nước Nga đã bước vào một thời kỳ phát triển « lập hiến » theo kiểu nước Phổ. Phái men-sê-vích - thủ tiêu đã công khai hò hét điều đó, họ tuyên truyền cần thiết phải tổ chức một đảng công nhân hợp pháp theo chế độ Stô-lư-pin. Một số người « bôn-sê-vích » lão thành, trong thâm tâm đồng tình với quan

điềm đó, liền vội vàng xin ra khỏi hàng ngũ của đảng ta. Thời kỳ roi vọt và đen tối đã chiến thắng hoàn toàn. « Đất thánh bị giày xéo » : đó là câu mà người ta đã dùng đề nêu đặc điềm của đời sống chính trị của nước Nga hồi đó.

Như một cơn bão táp, các sự kiện Lê-na đã ập vào cái « đất thánh bị giày xéo » đó và vạch cho toàn thề mọi người thấy một cảnh tượng mới. Người ta thấy rằng chế độ Stô-lư-pin không được vững chắc đến thế, rằng viện Đu-ma bị quần chúng khinh miệt và giai cấp công nhân đã tích lũy được khá nhiều nghị lực đề tiến hành đấu tranh cho một cuộc cách mạng mới. Chỉ một vụ bắn giết công nhân ở nơi xa xôi hẻo lánh thuộc Xi-bi-ri (ở Bô-đai-bô, trên sông Lê-na) cũng đã đủ làm cho một làn sóng đình công dâng lên ở nước Nga và giai cấp vô sản Pê-téc-bua xuống đường, giáng một đòn quét sạch tên bộ trưởng Ma-ca-rốp khoác lác, và cái khầu hiệu láo xược của nó : « trước như thế nào thì sau này cũng vẫn sẽ như thế ». Đó là những con én đầu tiên, báo hiệu một phong trào mãnh liệt đang nảy nở. Lúc đó, báo *Ngôi sao*[36] đã có lý khi viết rằng : « chúng ta hãy còn sống, ngọn lửa của những lực lượng chưa dùng đến đang làm sôi sục dòng máu đỏ của chúng ta... ». Cao trào của một phong trào cách mạng mới đã tới.

Chính báo *Sự thật*, tờ báo công nhân có tính chất quần chúng, đã ra đời trong những làn sóng của phong trào ấy.

2. SỰ SÁNG LẬP BÁO *SỰ THẬT*

Một buổi chiều giữa tháng Tư 1912, ở nhà đồng chí Pô-lê-ta-ép, hai nghị sĩ viện Đu-ma (là Pô-cơ-rốp-ski và Pô-lê-ta-ép), hai nhà chính luận (là Ôn-min-ski và Ba-tu-rin) và tôi, ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương (vì hoạt động bất

hợp pháp, nên lúc đó tôi « đóng đô » ở nhà Pô-lê-ta-ép, đồng chí này được hưởng quyền «bất khả xâm phạm»), chúng tôi đã cùng nhau thảo luận về cương lĩnh hành động của báo *Sự thật*, và chúng tôi đã viết số báo đầu tiên. Tôi không nhớ là Đê-mi-an Bét-nưi và Đa-li-nốp, tức là những cộng tác viên gần gũi của báo *Sự thật*, có mặt trong cuộc họp hôm đó không.

Những điều kiện tài chính và kỹ thuật về việc xuất bản tờ báo đã được giải quyết nhờ ở sự tuyên truyền của báo *Ngôi sao*, nhờ ở sự đồng tình của quảng đại quần chúng công nhân và nhờ ở sự quyên góp tự nguyện của quần chúng trong các nhà máy và các xưởng để ủng hộ báo *Sự thật*. Báo *Sự thật* thực sự là kết quả của những cố gắng của giai cấp công nhân Nga và trước hết là của giai cấp công nhân Pê-téc-bua. Không có những cố gắng đó thì tờ báo đã không thể tồn tại được.

Vai trò của báo *Sự thật* đã rõ ràng : nó có nhiệm vụ phổ biến cương lĩnh hành động của báo *Ngôi sao* trong quần chúng. Báo *Sự thật* đã viết ngay trong số đầu tiên của nó : « Ai đã đọc báo *Ngôi sao* và biết các cộng tác viên của nó, — nay cũng là các cộng tác viên của báo *Sự thật* —, cũng đều hiểu được một cách dễ dàng rằng báo *Sự thật* sẽ hoạt động theo phương hướng nào »[37]. Sự khác nhau giữa tờ *Ngôi sao* và tờ *Sự thật* chỉ là ở chỗ đối tượng của tờ *Sự thật*, khác với tờ *Ngôi sao*, không phải là công nhân tiên tiến, mà là quảng đại quần chúng trong giai cấp công nhân. Nhất định nó giúp cho các công nhân tiên tiến tập hợp được dưới ngọn cờ của đảng các tầng lớp rộng rãi trong giai cấp công nhân Nga đã giác ngộ về một cuộc chiến đấu mới, nhưng lại chậm giác ngộ về mặt chính trị. Do đó, một trong những nhiệm vụ đặt ra hồi bấy giờ cho báo *Sự thật* là đào tạo các nhà viết báo trong chính giai cấp công nhân và làm cho họ tham gia lãnh đạo tờ báo.

Báo *Sự thật* đã viết trong số đầu tiên ấy là : « Chúng tôi mong rằng anh em công nhân không chỉ bó hẹp trong sự đồng tình mà còn cộng tác tích cực với tờ báo của chúng ta nữa. Mong rằng anh em công nhân sẽ không nói với chúng tôi rằng đối với anh em việc viết báo là một công tác « không quen » : những nhà viết báo công nhân không phải là hoàn toàn có sẵn từ trên trời rơi xuống ; họ được đào tạo dần dần trong quá trình công tác viết báo. Nhưng cần phải dũng cảm hơn nữa bắt tay vào việc : thất bại hai, ba lần, rồi cuối cùng sẽ học được cách viết... »[38].

3. TÁC DỤNG TỔ CHỨC CỦA BÁO *SỰ THẬT*

Báo *Sự thật* ra đời trong một thời kỳ phát triển của đảng ta, thời kỳ mà những người bôn-sê-vích còn hoàn toàn hoạt động bí mật (những người men-sê-vích thì không thích hoạt động bí mật), nhưng cũng là thời kỳ mà những người bôn-sê-vích còn chưa hoàn toàn tranh thủ được các hình thức tổ chức hợp pháp như đảng đoàn viện Đu-ma, báo chí, hội giúp đỡ nhau khi ốm đau, hội bảo hiểm, nghiệp đoàn. Đó là thời kỳ mà những người bôn-sê-vích đấu tranh kiên quyết để tống cổ phái thủ tiêu (tức là phái men-sê-vích) ra khỏi các hình thức tổ chức hợp pháp của giai cấp công nhân. Hồi đó, khẩu hiệu phổ biến nhất của phong trào công nhân là : « cất chức » những người men-sê-vích. Những trang báo *Sự thật* thì đầy rẫy những tin tức về việc trục xuất bọn thủ tiêu khỏi các hội bảo hiểm, các hội giúp đỡ nhau khi ốm đau và các nghiệp đoàn, là những nơi chúng đã ẩn náu trong một thời gian nhất định. Bọn men-sê-vích đã mất sáu ghế nghị sĩ do giới công nhân bầu ra. Báo chí men-sê-vích cũng ở trong tình thế tuyệt vọng như vậy, hoặc gần như vậy. Đấy thật là một cuộc đấu tranh anh

dũng vì đảng, của những công nhân theo xu hướng bôn-sê-vích, vì bọn tay sai của chính phủ Nga hoàng không khoanh tay ngồi im, trái lại chúng lùng bắt những người bôn-sê-vích và ra sức tiêu diệt họ ; tuy nhiên đảng không thể tiếp tục phát triển được nếu thiếu những hình thức che giấu hợp pháp, nếu cứ bị dồn mãi vào vòng bí mật. Hơn nữa : nếu đảng không tranh thủ được các tổ chức hợp pháp thì trong những điều kiện chính trị hồi bấy giờ, đảng đã không tài nào liên hệ được với quảng đại quần chúng và tập hợp được họ dưới ngọn cờ của mình ; đảng đã thoát ly quần chúng và trở thành một nhóm đóng cửa, cách biệt với bên ngoài.

Báo *Sự thật* đứng ở trung tâm của cuộc đấu tranh cho tính đảng, cho việc thành lập một đảng công nhân có tính chất quần chúng. Nó không phải chỉ là tờ báo tổng kết những thắng lợi mà những người bôn-sê-vích đã giành được trong việc tranh thủ các tổ chức công nhân hợp pháp, mà nó còn là một trung tâm tổ chức, tập hợp các tổ chức đó chung quanh các nhóm bí mật của đảng và lãnh đạo phong trào công nhân hướng đến một mục tiêu rõ rệt. Đồng chí Lê-nin đã viết trong cuốn *Làm gì ?* (1902) rằng một tờ báo chiến đấu được tổ chức tốt, cho toàn thể nước Nga, không những phải là một người tuyên truyền tập thể mà còn là một người tổ chức tập thể nữa. Chính báo *Sự thật* đã trở thành một tờ báo thuộc loại đó trong thời kỳ đấu tranh chống phái thủ tiêu để duy trì đảng bí mật và tranh thủ các tổ chức công nhân hợp pháp. Không chiến thắng được phái thủ tiêu thì chúng ta đã chẳng có một đảng mạnh vì đoàn kết và bất khả chiến thắng vì trung thành với giai cấp vô sản, một đảng đã tổ chức ra tháng Mười 1917, — nếu điều đó là đúng thì điều sau đây cũng không phải là không đúng : sự hoạt động kiên trì và quên mình của báo *Sự thật* cũ đã, trên một mức độ rất lớn, chuẩn

bị và đầy nhanh sự thắng lợi đó đối với bọn thủ tiêu. Theo ý nghĩa đó, thì không còn nghi ngờ gì nữa, báo *Sự thật* cũ là người báo trước các cuộc thắng lợi vinh quang sắp đến của giai cấp vô sản Nga.

« Sự thật » số 98,
5 tháng Năm 1922

Ký tên: J. Sta-lin

ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN NGHỈ DƯỠNG SỨC

(Bút ký)

Tôi nghĩ có lẽ không nên viết « đồng chí Lê-nin nghỉ dưỡng sức » nữa, vì ngày nay thời kỳ nghỉ đó sắp hết và đồng chí Lê-nin sắp trở lại làm việc rồi. Ngoài ra, những ấn tượng của tôi hết sức phong phú và hết sức quý báu đến nỗi nếu đem viết thành một bài ngắn như là tòa soạn báo *Sự thật* yêu cầu thì thật là hoàn toàn không thỏa đáng. Tuy vậy tôi vẫn phải viết, vì tòa soạn khẩn khoản.

Tôi đã có dịp gặp ngoài mặt trận những binh sĩ già « thâu đêm » chiến đấu liên tục trong nhiều ngày liền không nghỉ không ngủ, đến khi cuộc chiến đấu kết thúc, họ trở về như những bóng ma và gục xuống như những người chết : nhưng khi họ được ngủ « mười tám giờ liền » thì sau cuộc nghỉ dưỡng sức đó, họ tỉnh dậy hoàn toàn sung sức để đánh những trận mới, mà không có những trận mới đó thì họ « không thể sống được ». Khi tôi gặp lại đồng chí Lê-nin lần đầu vào tháng Bảy sau sáu tuần xa cách, thì đúng là đồng chí Lê-nin đã đem lại cho tôi ấn tượng một binh sĩ già đã được nghỉ ngơi sau những cuộc chiến đấu liên tục và kiệt sức và thấy lại sức do nghỉ ngơi. Sung sức và bình phục, song vẫn còn giữ những nét mệt nhọc, làm việc quá sức.

— « Người ta cấm tôi không được đọc báo chí, — đồng chí Lê-nin nhận xét một cách dí dỏm, — người ta cấm tôi không được nói chính trị ; một mảnh giấy hết sức nhỏ trên bàn, tôi cũng cẩn thận lảng tránh, sợ đó là một tờ báo và sợ đi đến chỗ vi phạm kỷ luật ».

Tôi cười phá lên và hết sức ca ngợi tinh thần kỷ luật của đồng chí Lê-nin. Nhân đó, chúng tôi cười đùa các thầy thuốc, họ không hiểu được rằng những nhà chính trị chuyên nghiệp đã gặp nhau thì không thể không nói chính trị.

Điều làm cho người ta kinh ngạc ở đồng chí Lê-nin, đó là sự khao khát muốn biết các vấn đề và nhiệt tình công tác của đồng chí, một nhiệt tình không gì ngăn cản nổi. Người ta thấy rõ là đồng chí Lê-nin đói tin. Vụ án bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng[39], hội nghị Gie-nơ và hội nghị La Hay[40], triển vọng mùa màng, công nghiệp và tài chính, tất cả các câu hỏi đó nối đuôi nhau liên tiếp. Đồng chí Lê-nin không vội vã nói ý kiến của mình ; đồng chí phàn nàn mình lạc hậu về tình hình ; đồng chí hỏi là chủ yếu, và nhớ trong óc. Đồng chí rất phấn khởi khi được biết mùa màng có triển vọng tốt.

Một tháng sau, tôi thấy tình hình hoàn toàn khác hẳn. Lần này, chung quanh đồng chí Lê-nin là một chồng sách và báo (người ta đã cho phép đồng chí tha hồ được đọc và tha hồ được nói chính trị). Không còn dấu vết của sự mệt mỏi hoặc làm việc quá sức nữa. Không còn những dấu hiệu nhiệt tình sốt ruột với lao động nữa : cơn đói của đồng chí đã qua rồi. Đồng chí đã trở lại hoàn toàn bình tĩnh, hoàn toàn vững tâm. Đây là Lê-nin của chúng ta trong những thời trước, thường nhìn một cách ranh mãnh người đang nói chuyện với mình và nháy mắt...

Cho nên lần này cuộc nói chuyện giữa chúng tôi sôi nổi hơn.

Tình hình trong nước... Mùa màng... Tình hình công nghiệp... Thị giá đồng rúp... Ngân sách...

— « Tình hình có khó khăn. Nhưng những ngày gian khổ nhất đã qua rồi. Mùa màng tốt làm cho tình hình được cải thiện về căn bản. Nhờ được mùa, công nghiệp và tài chính sẽ được cải thiện. Vấn đề bây giờ là làm cho Nhà nước tránh được những chi phí vô ích, giản chính các xí nghiệp và cơ

quan và nâng cao chất lượng của các xí nghiệp và cơ quan. Cần phải đặc biệt kiên quyết về điểm này và lúc đó chúng ta sẽ thoát khỏi bước khó khăn, nhất định chúng ta sẽ thoát khỏi bước khó khăn ».

Tình hình ngoài nước... Đồng minh... Thái độ của Pháp... Anh và Đức... Vai trò của Mỹ...

— « Chúng đều tham lam và đứa nọ thù ghét đứa kia sâu sắc. Cuối cùng chúng sẽ hục hặc với nhau. Chúng ta chẳng cần phải vội vã. Con đường của chúng ta là đúng : chúng ta tán thành hòa bình và hiệp nghị, nhưng chúng ta chống lại sự nô dịch và những điều kiện nô dịch của hiệp nghị. Phải nắm vững tay lái và đi theo con đường của chúng ta, đừng để cho phỉnh nịnh và hăm dọa lung lạc ».

Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích, sự tuyên truyền điên cuồng của chúng chống lại nước Nga xô-viết...

— « Phải, chúng đặt mục đích thóa mạ nước Nga xô-viết. Chúng nối giáo cho bọn đế quốc chủ nghĩa đấu tranh chống lại nước Nga xô-viết. Sa lầy trong vũng bùn chủ nghĩa tư bản, chúng đang lăn xuống vực thẳm. Hãy để cho chúng lội trong bùn. Đối với giai cấp công nhân, chúng đã chết từ lâu rồi ».

Báo chí của bọn bạch vệ... Vấn đề lưu vong... Những chuyện bịa đặt không thể tin được về cái chết của Lê-nin, với biết bao chi tiết...

Đồng chí Lê-nin mỉm cười và nhận xét như sau : « Cứ để cho chúng nói láo và tự an ủi ; không nên tước của những kẻ hấp hối cái điều an ủi cuối cùng của họ ».

15 tháng Chín 1922

Đồng chí Lê-nin nghỉ dưỡng sức. Phụ trương có minh họa của báo « Sự thật » số 215, 24 tháng Chín 1922

Ký tên J. Sta-lin

LỜI CHÀO MỪNG GỬI THÀNH PHỐ PÊ-TƠ-RÔ-GƠ-RÁT, GỬI XÔ-VIẾT CÁC ĐẠI BIỂU

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm ngày ra đời của nền chuyên chính vô sản, tôi xin chào mừng thành phố đỏ Pê-tơ-rô-gơ-rát, cái nôi của nền chuyên chính đó.

J. Sta-lin

« Sự thật Pê-tơ-rô-gơ-rát », số 251, 5 tháng Một 1922

VẤN ĐỀ LIÊN HỢP CÁC NƯỚC CỘNG HÒA DÂN TỘC ĐỘC LẬP

Nói chuyện với phóng viên báo « Sự thật »

Dưới đây là những lời đồng chí *Sta-lin* giải đáp các câu hỏi của phóng viên chúng tôi nêu ra về những vấn đề có liên quan đến việc thành lập Liên minh* các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết[41].

Ai đề xướng ra cuộc vận động liên hợp các nước cộng hòa độc lập ?

— Chính các nước cộng hòa đã tự đề xướng ra cuộc vận động đó. Cách đây ba tháng, các giới lãnh đạo các nước cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ đã nêu vấn đề lập một mặt trận kinh tế thống nhất của các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết và liên hợp các nước đó thành một quốc gia liên minh. Lúc đó vấn đề được đặt ra trước những hội nghị mở rộng của đảng tại một số vùng ở A-déc-bai-gian, Giê-oóc-gi và Ác-mê-ni, và qua những nghị quyết của các hội nghị đó, có thể thấy rõ ràng là vấn đề đó đã tạo nên một luồng phấn khởi chưa từng thấy. Gần như cũng trong thời gian đó, vấn đề liên hợp đã được nêu lên ở U-cơ-ren và ở Bạch Nga, là nơi mà cũng giống như ở Nam Cáp-ca-dơ, vấn đề đó được đông đảo đảng viên hoan nghênh hết sức nhiệt liệt.

---

* Ở ta vẫn gọi là Liên bang các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết (Liên-xô). Ở đây, chúng tôi dịch là Liên minh để khỏi nhầm lẫn chữ Liên minh (Союз) với chữ Liên bang (Федерация). *(B.T.)*

Những tình hình đó là một bằng chứng xác thực nói lên sức sống của phong trào và chứng minh rằng vấn đề liên hợp các nước cộng hòa đã hoàn toàn chín muồi.

Cái gì đã gây nên cuộc vận động đó, nguyên nhân chính của cuộc vận động đó là cái gì?

— Nguyên nhân đó chủ yếu là về mặt kinh tế. Giúp đỡ nền kinh tế nông dân, phát triển công nghiệp, cải tiến những phương tiện giao thông bưu điện, các vấn đề tài chính, các vấn đề có liên quan đến chế độ tô nhượng và đến các hiệp định kinh tế khác, hành động nhất trí trên thị trường nước ngoài với tư cách người bán hoặc người mua : đó là những vấn đề đã làm nầy sinh ra cuộc vận động thành lập Liên minh các nước cộng hòa. Một mặt, các nước cộng hòa của chúng ta do nội chiến mà bị khánh kiệt những tài nguyên kinh tế ở trong nước, và mặt khác, tư bản nước ngoài không còn đầu tư vào nữa, dù là đầu tư ít, — các sự kiện đó đã tạo nên một tình huống là bất kỳ một nước cộng hòa xô-viết nào của chúng ta cũng đều không thể tự lực khôi phục nền kinh tế của mình được. Hiện nay, tình hình đó đã đặc biệt thấy rõ, khi mà các nước cộng hòa xô-viết lần đầu tiên sau nội chiến, đã thật sự bắt tay giải quyết các vấn đề kinh tế, và khi mà các nước cộng hòa xô-viết đã cảm thấy ngay trong quá trình công tác rằng nếu từng nước cộng hòa một cố gắng riêng rẽ thì hoàn toàn không đủ, rằng hoàn toàn cần thiết phải thống nhất những cố gắng đó, phải thực hiện liên minh kinh tế giữa các nước cộng hòa, đó là con đường duy nhất để thật sự khôi phục công nghiệp và nông nghiệp.

Nhưng muốn thật sự phối hợp những cố gắng về mặt kinh tế của các nước cộng hòa, cho đến cả đem kết hợp các nước đó thành một liên minh kinh tế thống nhất, thì cần phải lập ra những cơ quan liên minh thích hợp có tính chất thường trực, có khả năng hướng sinh hoạt kinh tế của các nước cộng

hòa đi theo một đường lối thống nhất nhất định. Chính vì thế mà những hiệp nghị kinh tế và thương mại trước kia ký kết giữa các nước cộng hòa với nhau, đến nay không còn đủ nữa. Chính vì thế mà cuộc vận động thành lập liên minh các nước cộng hòa đã vượt ra ngoài các hiệp nghị đó và đã đặt ra vấn đề liên hợp các nước cộng hòa.

Đồng chí có coi các xu hướng muốn liên hợp như vậy là một hiện tượng hoàn toàn mới không, hay là nó đã có lịch sử của nó rồi?

— Cuộc vận động các nước cộng hòa độc lập liên hợp lại với nhau không có gì là đột ngột, không có gì là « hoàn toàn » mới cả. Nó có lịch sử của nó. Trong quá trình phát triển của nó, cuộc vận động đó đã từng trải qua hai giai đoạn và hiện nay nó đã tiến vào giai đoạn thứ ba.

Giai đoạn thứ nhất, từ 1918 đến 1921, là thời kỳ can thiệp và nội chiến; lúc đó, nguy cơ diệt vong đã đe dọa sự tồn tại của các nước cộng hòa, và các nước cộng hòa đã phải liên hợp lại với nhau về phương diện quân sự để bảo vệ sự tồn tại của mình. Giai đoạn này đã kết thúc bằng việc thống nhất về mặt quân sự, bằng một liên minh quân sự của các nước cộng hòa xô-viết.

Giai đoạn thứ hai, từ cuối năm 1921 đến đầu năm 1922, là thời kỳ các hội nghị Gie-nơ và La Hay, lúc đó các cường quốc tư bản phương Tây đã hết ảo tưởng đối với chính sách can thiệp, nên đã thử dùng con đường ngoại giao, chứ không dùng con đường quân sự, để lập lại chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa trong các nước cộng hòa xô-viết, lúc đó mặt trận ngoại giao thống nhất của các nước cộng hòa xô-viết đã trở thành một phương sách duy nhất để phản kháng lại sự tiến công của các cường quốc phương Tây. Chính trên cơ sở đó mà tám nước cộng hòa độc lập anh em đã ký cái hiệp nghị nổi tiếng với nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga[42], ngay trước ngày

hợp hội nghị Gie-nơ; hiệp nghị đó, người ta chỉ có thể coi là một liên minh ngoại giao của các nước cộng hòa xô-viết. Giai đoạn thứ hai, tức giai đoạn các nước cộng hòa của chúng ta liên hợp với nhau về mặt ngoại giao, đã kết thúc như vậy đó.

Hiện giờ, cuộc vận động liên hợp các nước cộng hòa dân tộc đã bước vào giai đoạn thứ ba, tức giai đoạn liên minh về kinh tế. Không lấy gì làm khó hiểu rằng giai đoạn thứ ba này hoàn thành hai giai đoạn trước của cuộc vận động liên hợp.

Có phải do đó mà kết luận rằng việc liên hợp các nước cộng hòa sẽ đưa đến kết quả là đem các nước cộng hòa đó sáp nhập vào nước Nga, như trường hợp đối với nước Cộng hòa Viễn Đông, hay không?

— Không phải, không phải như vậy. Giữa nước Cộng hòa Viễn Đông[43] và các nước cộng hòa dân tộc vừa nói trên có sự khác nhau về nguyên tắc:

a) nước Cộng hòa Viễn Đông đã được thành lập một cách nhân tạo (là một nước đệm) vì những lý do về mặt sách lược (người ta cho rằng hình thức dân chủ tư sản sẽ là một bảo đảm chắc chắn để chống lại mưu đồ đế quốc của Nhật và các cường quốc khác), chứ tuyệt nhiên không phải căn cứ vào những đặc trưng dân tộc; còn các nước cộng hòa dân tộc thì trái lại, đều là sản phẩm tự nhiên của sự phát triển của các dân tộc hữu quan và đều dựa chủ yếu vào những đặc trưng dân tộc;

b) ta có thể thủ tiêu nước Cộng hòa Viễn Đông mà không hề đụng chạm đến lợi ích dân tộc của dân tộc chiếm đa số trong dân cư (vì họ cũng là người Nga như đa số dân cư trong nước Nga); còn thủ tiêu các nước cộng hòa dân tộc thì sẽ là một hành động phi lý phản động vì nó đòi hỏi phải thủ tiêu các dân tộc không phải Nga và phải Nga hóa các dân tộc đó; nói một cách khác, làm như vậy sẽ là một hành động phản

động theo lối Đông Ki-sốt, khiến cho ngay cả những người sô-vanh Nga theo chính sách ngu dân như phần tử Trăm-Đen Sun-ghin, cũng sẽ phản đối lại.

Điều đó giải thích vì sao nước Cộng hòa Viễn Đông đã có thể tự thủ tiêu được ngay khi nó tin chắc rằng hình thức dân chủ tư sản không đem lại cho nó một bảo đảm nào để chống bọn đế quốc, và đã có thể trở thành một bộ phận cấu thành của nước Nga, một miền như U-ran hoặc Xi-bi-ri, không có Hội đồng dân ủy, không có Ban chấp hành trung ương ; còn các nước cộng hòa dân tộc thành lập trên một cơ sở khác hẳn thì không thể đem thủ tiêu đi được, không thể không có Ban chấp hành trung ương, Hội đồng dân ủy và cơ sở dân tộc của mình được, chừng nào mà các dân tộc đã sản sinh ra các nước cộng hòa đó vẫn tồn tại, chừng nào mà ngôn ngữ dân tộc và văn hóa dân tộc, lối sống, phong tục tập quán dân tộc vẫn còn tồn tại. Cho nên, việc liên hợp các nước cộng hòa dân tộc xô-viết thành một quốc gia liên minh không thể đưa đến kết quả là đem sáp nhập các nước cộng hòa đó vào nước Nga, hòa các nước đó vào nước Nga được.

Theo ý đồng chí thì tính chất và hình thức liên hợp các nước Cộng hòa vào trong Liên minh, là gì?

— Tính chất của sự liên hợp đó phải là tự nguyện và hoàn toàn tự nguyện, mỗi nước cộng hòa dân tộc đều có quyền rút khỏi Liên minh. Cho nên, phải lấy nguyên tắc tự nguyện làm cơ sở cho hiệp ước thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

Hiệp ước Liên hợp đã được ký kết giữa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga (là một đơn vị liên bang hoàn chỉnh), Liên bang Nam Cáp-ca-dơ[44] (cũng là một đơn vị liên bang hoàn chỉnh), U-cơ-ren và Bạch Nga. Bu-kha-ra và Khô-re-dơ-mơ[45] không phải là những nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa mà chỉ là những nước cộng hòa xô-viết nhân dân,

vẫn có thể đứng ngoài liên minh đó mãi cho đến khi sự phát triển tự nhiên của các nước đó làm cho các nước đó biến thành các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa.

Các cơ quan tối cao của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết sẽ là Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh do các nước cộng hòa thuộc Liên minh bầu ra theo tỷ lệ dân số các nước đó, và Hội đồng dân ủy toàn Liên minh, do Ban Chấp hành trung ương cử ra và sẽ là cơ quan chấp hành của Ban Chấp hành trung ương.

Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh sẽ có chức năng định ra những nguyên tắc chỉ đạo cơ bản về sinh hoạt chính trị và kinh tế của các nước cộng hòa và các liên bang gia nhập Liên minh.

Chức năng của Hội đồng dân ủy toàn Liên minh sẽ là :

a) quản lý trực tiếp và thống nhất công việc quân sự, ngoại giao, ngoại thương, đường sắt và bưu điện toàn Liên minh ;

b) lãnh đạo công tác của các bộ dân ủy Tài chính, Lương thực, Kinh tế quốc dân, Lao động và Thanh tra của các nước cộng hòa và các liên bang tham gia Liên minh, còn các bộ dân ủy Nội vụ, Nông nghiệp, Giáo dục, Tư pháp, Cứu tế xã hội và Y tế của các nước cộng hòa và các liên bang thì vẫn do các nước đó trực tiếp và thống nhất quản lý.

Theo tôi, đó là hình thức chung để liên hợp thành một Liên minh các nước cộng hòa, một hình thức mà trong chừng mực ta có thể thấy được trong quá trình vận động liên hợp các nước cộng hòa dân tộc.

Bên cạnh hai cơ quan liên minh (Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy), có một số ý kiến cho là cần thiết phải lập ra một cơ quan thứ ba nữa làm trung gian giữa hai cơ quan trên, tức một thứ *thượng* nghị viện, trong đó tất cả các dân tộc đều sẽ có số đại biểu ngang nhau ; nhưng chắc chắn rằng ý kiến đó sẽ không được các nước cộng hòa

dân tộc tán đồng vì chế độ hai viện, trong đó có *thượng* nghị viện, không tương dung với kiến trúc xô-viết, ít ra là trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Theo đồng chí thì khi nào sẽ có thể thực hiện được Liên minh các nước cộng hòa, và ý nghĩa quốc tế của nó sẽ thế nào?

— Tôi cho rằng ngày thành lập Liên minh các nước cộng hòa không còn xa lắm nữa. Hoàn toàn có khả năng là việc thành lập đó sẽ trùng vào ngày họp sắp tới của đại hội X các Xô-viết của nước Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga.

Còn về ý nghĩa quốc tế của Liên minh đó thì vị tất đã cần phải giải thích nhiều. Nếu liên minh quân sự của các nước cộng hòa xô-viết trong thời kỳ nội chiến đã cho phép chúng ta đẩy lui được cuộc vũ trang can thiệp của bọn kẻ thù của chúng ta, nếu liên minh ngoại giao của các nước cộng hòa đó trong thời kỳ hội nghị Gie-nơ và hội nghị La Hay đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng ta đấu tranh chống lại sự tiến công ngoại giao của phe Đồng minh, thì việc liên hợp các nước cộng hòa xô-viết thành một quốc gia liên minh, chắc chắn sẽ cho phép thiết lập được một hình thức hợp pháp toàn diện về quân sự và kinh tế, và hình thức này sẽ tạo điều kiện thuận lợi một cách căn bản cho các nước cộng hòa xô-viết phát đạt về kinh tế, và biến các nước đó thành một chiến lũy chống lại những sự xâm phạm của chủ nghĩa tư bản quốc tế.

« Sự thật » số 261,
18 tháng Một 1922

VỀ VIỆC LIÊN HỢP CÁC NƯỚC CỘNG HÒA XÔ-VIẾT

Báo cáo trước đại hội X các Xô-viết toàn Nga[46]
26 tháng Chạp 1922

Thưa các đồng chí, vài ngày trước khi khai mạc đại hội này, Đoàn chủ tịch của Ban Chấp hành trung ương nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga đã nhận được một số nghị quyết của các đại hội Xô-viết các nước Cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ, U-cơ-ren và Bạch-Nga về nguyện vọng và sự cần thiết phải liên hợp các nước cộng hòa ấy thành một quốc gia liên minh. Đoàn chủ tịch đã xem xét vấn đề ấy và nhận rằng sự liên hợp như thế là hợp thời. Vì vậy, vấn đề liên hợp các nước cộng hòa được ghi trong chương trình nghị sự của đại hội này.

Cuộc vận động cho việc liên hợp các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết đã bắt đầu ba, bốn tháng nay. Sáng kiến ấy là do các nước Cộng hòa A-déc-bai-gian, Ác-mê-ni và Giê-óóc-gi đưa ra và, sau đó, đã được các nước Cộng hòa U-cơ-ren và Bạch-Nga hưởng ứng. Ý nghĩa của cuộc vận động ấy là các quan hệ ký kết cũ, — quan hệ do quy ước giữa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga với những nước cộng hòa xô-viết khác, — đã hết hiệu lực và tỏ ra là không đầy đủ. Ý nghĩa của cuộc vận động ấy là những quan hệ ký kết cũ nhất định phải được thay thế bằng những quan hệ liên hợp chặt chẽ hơn, — những quan hệ bao hàm việc thành lập một quốc gia liên minh thống nhất với những cơ quan liên

minh thích ứng về mặt hành pháp và lập pháp, với một Ban Chấp hành trung ương và một Hội đồng dân ủy của Liên minh. Tóm lại, cái mà trước kia giải quyết từng lúc, trong phạm vi những quy ước, thì ngày nay, trong quá trình cuộc vận động này, nên biến nó thành một cái gì thường xuyên.

Những nguyên nhân gì đã thúc đẩy các nước cộng hòa liên hợp với nhau? Hoàn cảnh nào đã quyết định cần phải liên hợp?

Có ba loại trường hợp khiến cho các nước cộng hòa xô-viết không thể nào không liên hợp thành một quốc gia liên minh thống nhất được.

Loại trường hợp thứ nhất gồm các sự kiện có liên quan đến tình hình kinh tế trong nước chúng ta.

Trước hết là, sau bảy năm chiến tranh, những tài nguyên kinh tế thuộc quyền sử dụng của những nước cộng hòa chúng ta trở thành nghèo nàn. Sự nghèo nàn đó khiến chúng ta phải tập hợp những tài nguyên ít ỏi ấy lại để sử dụng sao cho hợp lý hơn và phát triển các ngành kinh tế chủ yếu, tức là những ngành hợp thành cái xương sống của Chính quyền xô-viết trong tất cả các nước cộng hòa.

Thứ hai là sự phân công tự nhiên đã hình thành trong quá trình lịch sử, sự phân công về kinh tế giữa các khu và các nước cộng hòa trong liên bang chúng ta. Chẳng hạn, miền Bắc thì cung cấp cho miền Nam và miền Đông vải vóc, miền Nam và miền Đông lại cung cấp cho miền Bắc bông, nhiên liệu, v.v... Chính sự phân công giữa các khu như thế, người ta không thể cầm bút gạch một cái là xóa bỏ đi được; nó do toàn bộ quá trình lịch sử của sự phát triển kinh tế của liên bang tạo ra. Và sự phân công ấy làm cho các khu khác nhau không thể nào phát triển đầy đủ được chừng nào mà những nước cộng hòa vẫn còn sống riêng rẽ, nên nó buộc các nước cộng hòa phải liên hợp lại thành một chỉnh thể kinh tế thống nhất.

Thứ ba là sự thống nhất những phương tiện giao thông chủ yếu trong toàn liên bang, những phương tiện đó là mạch máu, là cơ sở của bất cứ khối liên hợp nào. Lẽ tự nhiên, người ta không thể nào để những phương tiện giao thông cứ ở trong một tình trạng chia năm xẻ bảy, dưới quyền sử dụng của những nước cộng hòa và phục vụ lợi ích của các nước cộng hòa đó ; như thế là sẽ biến hệ thống vận tải tức là mạch máu chủ yếu của đời sống kinh tế, thành một mớ gồm những khúc đứt đoạn, sử dụng không theo một kế hoạch nào cả. Tình hình đó cũng thúc đầy các nước cộng hòa phải liên hợp lại thành một quốc gia thống nhất.

Cuối cùng là những nguồn tài chính nghèo nàn của chúng ta. Các đồng chí, chúng ta phải nói thẳng ra rằng so với dưới chế độ cũ chẳng hạn, thì tình hình tài chính của chúng ta hiện nay, sau sáu năm tồn tại của Chính quyền xô-viết, có rất ít khả năng hơn đề phát triển theo đại quy mô, chế độ cũ có rượu mạnh (mà chúng ta thì sẽ không có) đề thu lợi hàng năm 500 triệu rúp, nó có những khoản tín dụng ở nước ngoài hàng vài trăm triệu rúp, cái mà chúng ta cũng không có nốt. Tất cả những cái đó chứng tỏ rằng, trong tình hình nước ta có ít khả năng phát triển tài chính, chúng ta sẽ không giải quyết được những vấn đề chủ yếu và cấp bách của các nước cộng hòa chúng ta trong lĩnh vực đó, nếu không đoàn kết được lực lượng của các nước cộng hòa, nếu không liên hợp được những lực lượng tài chính của các nước cộng hòa thành một chỉnh thể.

Đó là loại trường hợp thứ nhất đang thúc đầy các nước cộng hòa chúng ta đi vào con đường liên hợp.

Loại trường hợp thứ hai quyết định việc liên hợp các nước cộng hòa, — đó là những sự kiện có liên quan đến tình hình quốc tế của chúng ta. Tôi muốn nói về tình hình quân sự của chúng ta. Tôi muốn nói đến những quan hệ của chúng ta với

tư bản ngoại quốc thông qua ngoại thương. Sau hết, tôi muốn nói về những quan hệ ngoại giao của chúng ta với các nước tư sản. Các đồng chí, chúng ta không nên quên rằng mặc dầu các nước cộng hòa chúng ta đã thắng lợi trong cuộc nội chiến, nhưng nguy cơ ngoại xâm không phải là đã hết. Nguy cơ ấy đòi hỏi mặt trận quân sự của chúng ta phải tuyệt đối thống nhất, quân đội của chúng ta phải tuyệt đối thống nhất, nhất là hiện nay, khi mà chúng ta đã bắt đầu thi hành việc giải trừ, cố nhiên không phải là giải trừ về tinh thần mà là thực sự giải trừ quân bị. Sau khi chúng ta đã giảm quân số xuống 60 vạn người, đặc biệt là hiện nay cần phải có một mặt trận quân sự thống nhất, không thể chia cắt, có thể bảo đảm nền an ninh của nước cộng hòa chống lại nguy cơ bên ngoài.

Sau nữa, ngoài nguy cơ về mặt quân sự, liên bang chúng ta còn có nguy cơ bị cô lập về kinh tế. Các đồng chí biết rằng sau hội nghị Gie-nơ và La Hay và sau vụ Uốc-các-tơ[47], tuy việc tẩy chay nước cộng hòa chúng ta về mặt kinh tế đã thất bại, nhưng chúng ta vẫn không thấy tư bản tràn vào mạnh mẽ để đáp ứng những nhu cầu của nền kinh tế chúng ta. Nguy cơ bị cô lập về mặt kinh tế đang đe dọa các nước cộng hòa chúng ta. Hình thức can thiệp mới mẻ ấy, so với hình thức can thiệp bằng quân sự, không kém phần nguy hiểm, ta chỉ có thể thủ tiêu hình thức can thiệp đó bằng cách tạo ra một mặt trận kinh tế thống nhất cho các nước cộng hòa xô-viết chúng ta để đối phó với sự bao vây của bọn tư bản.

Sau hết là tình hình ngoại giao của chúng ta. Các đồng chí đã được chứng kiến, ngay trước ngày khai mạc Hội nghị Lô-dan[48], việc các nước đồng minh đã cố sức cô lập liên bang chúng ta. Về mặt ngoại giao, chúng đã không làm được điều đó. Việc tẩy chay về ngoại giao một cách có tổ chức đối với liên bang chúng ta đã thất bại. Bọn Đồng minh buộc phải coi trọng liên bang chúng ta, phải lùi bước, phải rút lui đôi

chút. Nhưng không có cơ sở nàođể hy vọng rằng những hành động đó và những hành động tương tự như thế nhằm cô lập liên bang chúng ta về mặt ngoại giao, sẽ không còn tái diễn nữa. Cho nên lần này cần phải có một mặt trận thống nhất về ngoại giao.

Đó là loại trường hợp thứ hai, thúc đẩy những nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết đi vào con đường liên hợp.

Cho đến hiện nay, trong suốt thời gian Chính quyền xô-viết tồn tại, loại trường hợp thứ nhất, cũng như loại trường hợp thứ hai đều có tác dụng và hiệu quả. Nhất định là những nhu cầu về kinh tế của chúng ta mà tôi vừa nói đó, cũng như những nhu cầu về quân sự và ngoại giao trong phạm vi chính sách đối ngoại, trước kia cũng đã có tác dụng. Nhưng chỉ hiện nay những trường hợp ấy mới có một sức mạnh phi thường, khi mà nội chiến đã chấm dứt, khi mà những nước cộng hòa lần đầu tiên đã có thể bắt tay vào kiến thiết kinh tế, khi mà họ đã nhận thấy lần đầu tiên tất cả sự nghèo nàn về tài nguyên kinh tế của mình và tất cả sự cần thiết phải liên hợp lại, cả trên lĩnh vực kinh tế trong nước lẫn trên lĩnh vực ngoài nước. Đó là lý do vì sao lúc này, sau sáu năm tồn tại của Chính quyền xô-viết, vấn đề liên hợp các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết độc lập đã trở thành cấp bách.

Sau hết, còn một loại sự kiện thứ ba cũng đề ra sự tất yếu phải liên hợp lại ; những sự kiện ấy sinh ra từ tính chất cơ cấu của Chính quyền xô-viết, từ bản chất giai cấp của Chính quyền xô-viết. Xét về bản chất mà nói, cơ cấu của Chính quyền xô-viết làm cho nó mang tính chất quốc tế chủ nghĩa, do đó nó dùng đủ mọi cách để gây trong quần chúng cái tư tưởng liên hợp, và tự nó thúc đẩy họ đi vào con đường liên hợp. Nếu tư bản, quyền tư hữu và sự bóc lột chia rẽ người ta và phân chia người ta ra thành những phe đối địch, như các nước Anh, Pháp và cả những quốc gia nhỏ nhiều dân tộc như

Ba-lan và Nam-tư với những mâu thuẫn nội bộ về dân tộc không thể nào dung hòa được, những mâu thuẫn đang đục nát chính những nền móng của những quốc gia ấy ; nếu, chẳng hạn, ở đó, ở phương Tây, nơi mà chế độ dân chủ tư bản chủ nghĩa thống trị, nơi mà quốc gia dựa trên cơ sở quyền tư hữu, bản thân cái cơ sở của quốc gia tạo ra những cuộc xâu xé, những cuộc xung đột và đấu tranh giữa các dân tộc với nhau,— thì ở đây, trong thế giới xô-viết, nơi mà chính quyền không dựa trên tư bản mà dựa trên lao động, không dựa trên quyền tư hữu mà dựa trên quyền công hữu, không dựa trên chế độ người bóc lột người mà dựa trên cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột ấy, — ở đây, trái lại, chính ngay bản chất của chính quyền cũng đã làm cho quần chúng lao động tự nhiên muốn liên hợp lại thành một đại gia đình xã hội chủ nghĩa.

Ở đó, ở phương Tây, trong thế giới dân chủ tư sản, những quốc gia nhiều dân tộc dần dần suy sụp và phân hóa thành từng bộ phận (như nước Anh, tôi không hiểu họ sẽ làm thế nào để dàn xếp được với những nước Ấn-độ, Ai-cập và Ai-rơ-lan; hoặc giả như nước Ba-lan nữa, tôi cũng không hiểu họ sẽ làm thế nào để dàn xếp được với những dân Bạch-Nga, U-cơ-ren của họ), còn ở đây, trong liên bang chúng ta, đã liên hợp được ba chục dân tộc, thì trái lại, chúng ta thấy các mối liên hệ quốc gia giữa các nước cộng hòa độc lập đang ở trong quá trình củng cố, các dân tộc độc lập đang ở trong quá trình ngày càng liên kết chặt chẽ hơn thành một quốc gia độc lập. — phải chăng là tình hình đó không có một ý nghĩa trọng đại? Ở đây, các đồng chí thấy hai kiểu liên hợp quốc gia : kiểu thứ nhất là kiểu tư bản chủ nghĩa, đưa quốc gia đến chỗ tan rã ; còn kiểu thứ hai là kiểu xô-viết, thì trái lại, đưa đến chỗ làm cho các dân tộc trước kia độc lập, nay liên kết với nhau từng bước nhưng vững chắc, thành một quốc gia độc lập.

Đó là loại sự kiện thứ ba đang thúc đẩy các nước cộng hòa đi vào con đường liên hợp.

Các nước cộng hòa phải theo hình thức liên hợp nào? Những nguyên tắc liên hợp đã được định rõ trong những nghị quyết mà Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga đã nhận được của các nước Cộng hòa xô-viết U-cơ-ren, Bạch-Nga và Nam Cáp-ca-dơ.

Có bốn nước cộng hòa liên hợp lại là : nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, một hình thức liên bang hoàn chỉnh, nước Cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ, cũng là một hình thức liên bang hoàn chỉnh nữa, U-cơ-ren và Bạch-Nga. Hai nước cộng hòa xô-viết độc lập Khô-re-dơ-mơ và Bu-kha-ra là những nước cộng hòa xô-viết không phải là xã hội chủ nghĩa mà là cộng hòa xô-viết nhân dân, lúc này còn đứng ngoài khối liên hợp vì một lẽ duy nhất là những nước cộng hòa ấy chưa phải là xã hội chủ nghĩa. Các đồng chí, tôi không nghi ngờ và tôi mong các đồng chí nữa cũng không nghi ngờ rằng những nước cộng hòa ấy trên bước đường phát triển nội bộ tiến lên chủ nghĩa xã hội, rồi cũng sẽ tham gia vào quốc gia liên minh hiện đang thành lập.

Có thể nghĩ rằng điều hợp lý hơn, là nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga không nên gia nhập với hình thức liên bang hoàn chỉnh vào Liên minh các nước cộng hòa, mà nên để cho từng nước cộng hòa riêng trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga gia nhập khối liên minh đó, như thế thì hiển nhiên là nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga phải phân ra thành từng bộ phận trước khi gia nhập. Tôi cho rằng giải pháp đó không hợp lý và không thích hợp và nó đã bị ngay sự diễn biến của cuộc vận động bác bỏ rồi. Trước hết, giải pháp đó đưa đến kết quả là, song song với quá trình liên hợp các nước cộng hòa, chúng ta sẽ có một quá trình tách rời của những

tổ chức liên bang đã có sẵn, như thế sẽ làm đảo lộn từ trên xuống dưới cái quá trình cách mạng đã được bắt đầu, tức quá trình liên hợp các nước cộng hòa. Thứ hai, đi theo con đường sai lầm ấy, chúng ta sẽ đi đến chỗ là không những buộc phải tách tám nước cộng hòa tự trị khỏi nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga mà còn buộc phải thành lập riêng một Ban Chấp hành trung ương Nga và một Hội đồng dân ủy Nga, điều đó sẽ gây ra những cuộc đảo lộn lớn về mặt tổ chức, hiện nay hoàn toàn vô ích mà còn nguy hại nữa, và không mảy may cần thiết cho tình hình bên trong cũng như cho tình hình bên ngoài. Cho nên tôi cho rằng những đơn vị cấu thành của liên minh phải là bốn nước Cộng hòa : nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, Liên bang Nam Cáp-ca-dơ, U-cơ-ren và Bạch-Nga.

Hiệp ước liên hợp phải dựa trên những nguyên tắc sau đây : Hội đồng dân ủy của Liên minh là hội đồng duy nhất gồm có những Bộ dân ủy Ngoại thương, Lục quân và Hải quân, Ngoại giao, Giao thông và Bưu điện. Trong các nước cộng hòa đã ký kết hiệp ước, vẫn còn duy trì những Bộ dân ủy Tài chính, Kinh tế, Lương thực, Lao động và Kiểm tra với điều kiện là những bộ ấy phải hoạt động theo đúng chỉ thị của các bộ dân ủy tương đương thuộc trung ương liên minh. Việc sắp xếp như thế là cần thiết để làm cho quần chúng lao động ở các nước cộng hòa có thể thống nhất được những lực lượng của mình dưới sự lãnh đạo của một trung ương liên minh về những vấn đề có liên quan đến lương thực, đến Hội đồng kinh tế tối cao, đến Bộ dân ủy Tài chính hoặc Bộ dân ủy Lao động. Sau hết, những bộ còn lại như Nội vụ, Tư pháp, Giáo dục, Nông nghiệp, v. v., — tất cả có sáu bộ — có quan hệ trực tiếp đến những điều kiện sinh hoạt, phong tục, những hình thức đặc biệt về quy chế sử dụng ruộng đất, những hình thức đặc biệt về hệ thống tổ chức tư pháp, đến ngôn ngữ

và văn hóa của những dân tộc hợp thành các nước cộng hòa, những bộ ấy phải giữ được tính chất độc lập của mình và phải đặt dưới quyền lãnh đạo của các Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy của các nước cộng hòa đã ký kết với nhau. Biện pháp đó là cần thiết để thực sự bảo đảm cho quyền tự do phát triển về mặt dân tộc của các dân tộc hợp thành các nước cộng hòa xô-viết.

Theo ý kiến tôi, đó là những nguyên tắc phải dùng làm cơ sở cho bản hiệp ước sắp được ký kết giữa các nước cộng hòa chúng ta.

Bởi vậy, tôi xin trình bày dưới đây bản dự án nghị quyết đã được Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga thông qua :

1. Thừa nhận sự liên hợp các nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch-Nga thành Liên minh các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, là một việc hợp thời.

2. Sự liên hợp ấy phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng giữa các nước cộng hòa, mỗi nước cộng hòa có quyền tự do rút ra khỏi Liên minh các nước cộng hòa.

3. Ủy nhiệm cho phái đoàn nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga được cùng với phái đoàn U-cơ-ren, Cộng hòa Nam Cap-ca-dơ và Bạch - Nga, thảo ra một dự án tuyên bố thành lập Liên minh các nước cộng hòa, với tờ trình những lý do cần phải liên hợp các nước cộng hòa thành một quốc gia liên minh.

4. Ủy nhiệm cho phái đoàn định rõ những điều kiện gia nhập của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga vào Liên minh các nước cộng hòa ; khi nào xem xét đến bản hiệp ước liên hợp thì phái đoàn phải bênh vực những nguyên tắc dưới đây :

a) thành lập những cơ quan lập pháp và hành pháp thích đáng của liên minh ;

b) hợp nhất các Bộ dân ủy Lục quân và Hải quân, Giao thông, Ngoại giao, Ngoại thương và Bưu điện ;

c) đặt các bộ Tài chính, Lương thực, Kinh tế, Lao động, và Kiểm tra công nông của những nước cộng hòa đã ký kết với nhau, dưới sự

chỉ đạo của những bộ tương đương do Liên minh các nước cộng hòa thành lập ;

d) hoàn toàn bảo đảm lợi ích của sự phát triển dân tộc của những nước cộng hòa đã ký kết với nhau.

5. Trước khi đưa ra đại hội I của Liên minh các nước cộng hòa ; thì bản dự án hiệp ước phải được Ban Chấp hành trung ương toàn Nga do Đoàn chủ tịch đại diện, thông qua.

6. Sau khi Ban Chấp hành trung ương toàn Nga đã thông qua những điều kiện liên hợp, thì phái đoàn sẽ được ủy quyền thay mặt nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga ký với những nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, Nam Cáp-ca-dơ và Bạch-Nga một hiệp ước thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

7. Bản hiệp ước sẽ đưa ra đại hội I của Liên minh các nước cộng hòa thông qua.

Đó là bản dự án nghị quyết mà tôi trình bày để các đồng chí nhận xét.

Thưa các đồng chí ! Sau khi các nước cộng hòa xô-viết thành lập, các nước trên thế giới chia ra thành hai phe : phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản chủ nghĩa. Phe tư bản chủ nghĩa là phe của chiến tranh đế quốc, của hằn thù giữa các dân tộc, của ách áp bức, của sự nô dịch thuộc địa và của chủ nghĩa sô-vanh. Trái lại, phe các Xô-viết, phe xã hội chủ nghĩa, là phe của sự tin cậy lẫn nhau, của sự bình đẳng giữa các dân tộc, của sự chung sống hòa bình và hợp tác anh em giữa các dân tộc. Hàng mấy chục năm nay, chế độ dân chủ tư bản tìm cách giải quyết các mâu thuẫn dân tộc bằng cách dung hòa các lợi ích về tự do phát triển của các dân tộc với một chế độ bóc lột. Nhưng, cho đến ngày nay, nó không đạt được mục đích đó và sẽ không bao giờ đạt được mục đích đó. Trái hẳn lại, cái mối bòng bong những mâu thuẫn dân tộc ngày càng rối thêm, làm cho chủ nghĩa tư bản ngày càng lâm nguy. Chỉ có ở đây, trong thế giới các Xô-viết, trong phe xã hội chủ nghĩa, người ta mới có thể đào được tận gốc rễ nạn áp bức dân tộc

và kiến lập được sự tin cậy lẫn nhau và hợp tác anh em giữa các dân tộc. Và chỉ sau khi các Xô-viết đã thành công trong việc đó thì chúng ta mới có thể xây dựng được liên bang chúng ta và bảo vệ nó một cách thắng lợi chống sự tấn công của kẻ thù, cả trong lẫn ngoài.

Cách đây năm năm, Chính quyền xô-viết đã đặt được nền móng cho sự chung sống hòa bình và hợp tác anh em giữa các dân tộc. Ngày nay, trong lúc chúng ta ở đây giải quyết vấn đề nguyện vọng và sự cần thiết phải liên hợp lại, thì chúng ta có nhiệm vụ phải hoàn thành sự nghiệp đó bằng cách xây dựng một tòa lâu đài mới, — thành lập một quốc gia liên minh mới, hùng cường của nhân dân lao động. Ý chí của những dân tộc các nước cộng hòa chúng ta, vừa mới họp đại hội và nhất trí quyết định thành lập Liên minh các nước cộng hòa là một bằng chứng không chối cãi được rằng sự nghiệp liên hợp là đúng đắn, rằng sự nghiệp ấy dựa vào nguyên tắc vĩ đại về tự nguyện và bình đẳng giữa các dân tộc. Các đồng chí, chúng ta hy vọng rằng, với sự thành lập nước Cộng hòa liên minh của chúng ta, chúng ta sẽ dựng lên được một thành trì vững chắc chống lại chủ nghĩa tư bản quốc tế, rằng quốc gia liên minh mới sẽ là một bước mới và có ý nghĩa quyết định trên con đường liên hợp những người lao động toàn thế giới thành một nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô-viết Thế giới. (*Vỗ tay hồi lâu. Mọi người hát «Quốc tế ca».*)

« Sự thật » số 295,
28 tháng Chạp 1922

VỀ VIỆC THÀNH LẬP LIÊN MINH CÁC NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ-VIẾT

Báo cáo trước đại hội I các Xô-viết Liên-xô[49]
30 tháng Chạp 1922

Thưa các đồng chí ! Ngày hôm nay đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử của Chính quyền xô-viết. Nó đặt mốc giữa thời kỳ cũ, đã qua hẳn, và thời kỳ mới, đã bắt đầu. Trong thời kỳ cũ, các nước cộng hòa xô-viết, mặc dầu cùng hành động chung, nhưng vẫn đi riêng rẽ và trước hết, chỉ lo lắng đến vấn đề sống còn của mình. Nhưng trong thời kỳ mới thì sự tồn tại biệt lập của các nước cộng hòa xô-viết đã chấm dứt, các nước cộng hòa đầu tiên hợp lại thành một quốc gia liên minh thống nhất để chống lại một cách có hiệu quả tình trạng kinh tế bị tàn phá ; và Chính quyền xô-viết, không những chỉ lo lắng tự bảo tồn, mà còn lo lắng để trở thành một lực lượng quốc tế quan trọng, có khả năng tác động đến tình hình quốc tế, có khả năng biến đổi tình hình đó có lợi cho những người lao động.

Năm năm trước đây, Chính quyền xô-viết là như thế nào ? Nó là một thực thể cỏn con, không đáng chú ý là bao, làm cho mọi quân thù chế giễu và nhiều bè bạn thương hại. Đó là thời kỳ hỗn loạn về quân sự, thời kỳ mà Chính quyền xô-viết phải trông cậy vào sự bất lực của quân thù hơn là vào lực lượng riêng của mình, thời kỳ mà kẻ thù của Chính quyền xô-viết lúc bấy giờ phân thành hai khối : khối Áo-Đức và khối Anh - Pháp, đánh lẫn nhau và không thể quay vũ khí

chống lại Chính quyền xô-viết. Trong lịch sử của Chính quyền xô-viết, đó là thời kỳ hỗn loạn về quân sự. Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh chống Côn-tsắc và Đê-ni-kin, Chính quyền xô-viết đã lập ra Hồng quân và đã thoát khỏi tình trạng đó một cách thắng lợi.

Sau đó là bắt đầu thời kỳ thứ hai trong lịch sử của Chính quyền xô-viết : thời kỳ đấu tranh chống tình trạng kinh tế bị tàn phá. Thời kỳ đó còn lâu mới chấm dứt, nhưng nó đã đưa lại những kết quả của nó, vì trong thời kỳ đó, Chính quyền xô-viết đã thắng được nạn đói năm trước hoành hành trong nước chúng ta. Trong thời kỳ đó nông nghiệp có những tiến bộ trông thấy, công nghiệp nhẹ đã hoạt động trở lại một cách đáng kể. Chúng ta đã có đội ngũ cán bộ lãnh đạo công nghiệp, đáng cho chúng ta tự hào và hy vọng. Nhưng để giải quyết được tình trạng kinh tế bị tàn phá, tất cả những điều đó vẫn chưa thấm vào đâu cả. Muốn chiến thắng tình trạng đó và thủ tiêu nó, thì phải tập trung lực lượng của tất cả các nước cộng hòa xô-viết lại ; phải đem tất cả những khả năng tài chính và kinh tế của các nước cộng hòa để phục hồi những ngành chủ yếu của nền công nghiệp chúng ta. Do đó, cần thiết phải liên hợp các nước cộng hòa xô-viết lại thành một quốc gia liên minh. Và ngày hôm nay đây là ngày liên hợp các nước cộng hòa chúng ta thành một quốc gia thống nhất, nhằm tập trung lực lượng vào việc khôi phục kinh tế.

Thời kỳ đấu tranh chống tình trạng hỗn loạn về mặt quân sự đã đưa lại cho chúng ta Hồng-quân, tức là một trong những cơ sở tồn tại của Chính quyền xô-viết. Thời kỳ tiếp sau đó, thời kỳ đấu tranh chống tình trạng kinh tế bị tàn phá, đưa lại một khuôn khổ mới cho sự tồn tại của Nhà nước chúng ta : Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ra đời ; Liên minh này nhất định sẽ làm cho công cuộc khôi phục nền kinh tế xô-viết tiến lên.

Chính quyền xô-viết hiện nay là thế nào? Đó là một quốc gia vĩ đại của những người lao động, nó không để cho quân thù chế giễu nữa, mà lại làm cho chúng nghiến răng tức giận.

Đó là bản tổng kết bước tiến triển của Chính quyền xô-viết trong 5 năm tồn tại đến nay.

Nhưng, các đồng chí, hôm nay không những chỉ là một ngày tổng kết, mà cũng là ngày ghi bước thắng lợi của nước Nga mới đối với nước Nga cũ, đối với nước Nga đã từng là tên sen-đầm ở châu Âu và tên đao phủ ở châu Á. Hôm nay là ngày thắng lợi của nước Nga mới, là nước đã đập tan những xiềng xích áp bức dân tộc, đã tổ chức việc chiến thắng tư bản, đã tạo ra nền chuyên chính của giai cấp vô sản, đã thức tỉnh các dân tộc phương Đông, đang cổ vũ những công nhân phương Tây, đã làm cho ngọn cờ đỏ, ngọn cờ của một đảng trở thành ngọn cờ của một quốc gia, và đã tập hợp được chung quanh ngọn cờ đó các dân tộc của các nước cộng hòa xô-viết để liên hợp họ thành một quốc gia, tức là Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, hình mẫu của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô-viết Thế giới tương lai.

Chúng ta, những người cộng sản, thường bị người ta chê là không có khả năng xây dựng. Hãy để cho lịch sử của Chính quyền xô-viết trong 5 năm tồn tại chứng minh rằng những người cộng sản cũng biết xây dựng! Hãy để cho đại hội các Xô-viết, — có nhiệm vụ phê chuẩn bản Tuyên ngôn và Hiệp ước Liên minh các nước Cộng hòa, mà hôm qua hội nghị các phái đoàn có toàn quyền đã thông qua, — hãy để cho đại hội liên minh này chỉ cho những kẻ nào chưa mất trí hiểu biết, thấy rằng những người cộng sản biết xây dựng cái mới cũng như biết phá tan cái cũ!

Thưa các đồng chí, đây là bản Tuyên ngôn mà hôm qua hội nghị các phái đoàn có toàn quyền đã thông qua[50]. Tôi xin đọc để các đồng chí nghe (xem phụ lục số 1).

Và đây là nguyên văn bản Hiệp ước cũng đã được hội nghị ấy thông qua. Tôi xin đọc để các đồng chí nghe (xem phụ lục số 2).

Thưa các đồng chí, được sự ủy nhiệm của hội nghị các phái đoàn có toàn quyền của các nước cộng hòa xô-viết, tôi đề nghị các đồng chí thông qua bản Tuyên ngôn và Hiệp ước về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, mà tôi vừa mới đọc để các đồng chí nghe.

Thưa các đồng chí, tôi đề nghị các đồng chí thông qua các văn kiện ấy với sự nhất trí vốn có của những người cộng sản, và như vậy chúng ta sẽ viết thêm một chương mới cho lịch sử của nhân loại. (*Vỗ tay.*)

« Sự thật » số 298,
31 tháng Chạp 1922

BÀN VỀ VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGA[51]

Cơ sở của bài này là những bài giảng « Về chiến lược và sách lược của những người cộng sản Nga », mà tôi đã giảng vào những thời gian khác nhau tại câu lạc bộ công nhân của khu Pơ-re-sni-a và với đảng đoàn cộng sản trường Đại học Svéc-lốp[52]. Sở dĩ tôi quyết định cho xuất bản bài này, không những vì tôi cho rằng nhiệm vụ của tôi là phải đáp ứng nguyện vọng của các đồng chí ở Pơ-re-sni-a và ở trường Đại học Svéc-lốp, mà còn vì tôi thiết nghĩ bài này sẽ không phải là không có ích cho thế hệ những cán bộ mới của đảng ta. Tuy vậy, tôi thấy cần nói rõ rằng, về thực chất, bài này không có tham vọng đưa lại điều gì mới so với điều mà các đồng chí lãnh đạo của chúng ta đã nói nhiều lần trong báo chí của đảng Nga. Phải coi đây là một bản trình bày vắn tắt và khái quát những tư tưởng cơ bản của đồng chí Lê-nin.

I

NHỮNG KHÁI NIỆM SƠ BỘ

1. Hai mặt của phong trào công nhân

Chiến lược chính trị, cũng như sách lược, đều nghiên cứu phong trào công nhân. Nhưng bản thân phong trào công nhân

cũng gồm hai nhân tố : nhân tố khách quan hoặc tự phát, và nhân tố chủ quan hoặc tự giác. Nhân tố khách quan, tự phát — đó là loại quá trình xảy ra một cách độc lập đối với ý chí tự giác và có tác dụng điều tiết của giai cấp vô sản. Sự phát triển kinh tế trong nước, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự tan rã của chính quyền cũ, những phong trào tự phát của giai cấp vô sản và các giai cấp xung quanh giai cấp vô sản, những cuộc xung đột giữa các giai cấp, v.v., tất cả những hiện tượng ấy đều phát triển ngoài ý muốn của giai cấp vô sản ; đó là mặt khách quan của phong trào. Chiến lược không có tác dụng gì đối với những quá trình đó, vì chiến lược không thể xóa bỏ được và cũng không thể thay đổi được những quá trình đó ; chiến lược chỉ có thể tính đến những quá trình đó và lấy những quá trình đó làm điểm xuất phát thôi. Đó là một lĩnh vực mà lý luận của chủ nghĩa Mác và cương lĩnh của chủ nghĩa Mác phải nghiên cứu.

Nhưng phong trào còn có một mặt chủ quan, tự giác nữa. Mặt chủ quan của phong trào là sự phản ánh của những quá trình tự phát của phong trào vào trong đầu óc của công nhân ; đó là phong trào tự giác và có kế hoạch của giai cấp vô sản nhằm một mục đích nhất định. Đối với chúng ta, điều đáng chú ý trong mặt đó của phong trào là ở chỗ, khác với mặt khách quan, nó hoàn toàn bị sự tác động chỉ đạo của chiến lược và sách lược chi phối. Nếu như chiến lược không thể thay đổi được chút gì trong những quá trình khách quan của phong trào, thì ở đây, trái lại, trong mặt chủ quan, tự giác của phong trào, địa bàn vận dụng chiến lược lại rộng rãi và muôn hình muôn vẻ, vì do những mặt hoàn thiện hay thiếu sót của bản thân chiến lược, mà chiến lược có thể đẩy nhanh phong trào hay làm chậm phong trào, đưa phong trào đi theo con đường ngắn nhất hay kéo phong trào vào một con đường gian khổ hơn và đau đớn hơn.

Đẩy nhanh phong trào hay làm chậm phong trào, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào hay gây trở ngại cho phong trào : đó là lĩnh vực và phạm vi vận dụng của chiến lược và sách lược chính trị.

2. Lý luận và cương lĩnh của chủ nghĩa Mác

Bản thân chiến lược không nghiên cứu những quá trình khách quan của phong trào. Nhưng không vì thế mà nó không phải biết những quá trình đó, và phải tính đến những quá trình đó một cách đúng đắn, nếu nó không muốn phạm những sai lầm nghiêm trọng và nguy hại trong khi lãnh đạo phong trào. Nghiên cứu những quá trình khách quan của phong trào, trước hết đó là việc của lý luận chủ nghĩa Mác, rồi sau là của cương lĩnh của chủ nghĩa Mác. Cho nên chiến lược phải hoàn toàn dựa vào lý luận và cương lĩnh của chủ nghĩa Mác.

Nghiên cứu những quá trình khách quan của chủ nghĩa tư bản trong sự phát triển và sự tiêu vong của những quá trình đó, lý luận của chủ nghĩa Mác đã đi đến kết luận rằng sự sụp đổ của giai cấp tư sản và việc giai cấp vô sản nắm chính quyền là điều không thể tránh khỏi, chẳng khác gì việc chủ nghĩa xã hội nhất định phải thay thế chủ nghĩa tư bản vậy. Chiến lược của giai cấp vô sản chỉ có thể coi là chiến lược thật sự mác-xít, nếu nó đã lấy kết luận cơ bản đó của lý luận của chủ nghĩa Mác làm cơ sở cho sự hoạt động của nó.

Xuất phát từ những nguyên lý lý luận, cương lĩnh của chủ nghĩa Mác xác định mục tiêu của phong trào vô sản, những mục tiêu này đã được trình bày một cách khoa học trong các điều khoản của cương lĩnh. Cương lĩnh có thể bao quát toàn bộ thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, kể cả việc lật đổ chủ nghĩa tư bản và việc tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, hoặc bao quát một giai đoạn phát triển nhất định của chủ

nghĩa tư bản : chẳng hạn, việc xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến và chuyên chế và việc tạo ra những điều kiện đảm bảo cho chủ nghĩa tư bản phát triển tự do. Do đó, cương lĩnh có thể gồm hai phần : cương lĩnh tối đa và cương lĩnh tối thiểu. Dĩ nhiên là chiến lược định theo cương lĩnh tối thiểu, nhất định phải khác chiến lược định theo cương lĩnh tối đa, và một chiến lược chỉ có thể coi là chiến lược thật sự mác-xít, nếu nó lấy những mục tiêu của phong trào mà cương lĩnh của chủ nghĩa Mác đã nêu ra, làm kim chỉ nam trong công tác của nó.

3. Chiến lược

Nhiệm vụ quan trọng của chiến lược là quy định phương hướng chủ yếu mà phong trào của giai cấp công nhân cần phải theo, phương hướng theo đó giai cấp vô sản sẽ có thể đánh cho kẻ thù một đòn chủ yếu một cách có hiệu quả nhất, để đạt những mục tiêu mà cương lĩnh đã định ra. Kế hoạch chiến lược là một kế hoạch nhằm tổ chức một đòn quyết định theo phương hướng mà đòn ấy có thể mang lại kết quả cao nhất, trong những thời gian ngắn nhất.

Ta có thể đối chiếu với chiến lược quân sự, chẳng hạn trong nội chiến, vào thời kỳ đấu tranh chống lại Đê-ni-kin, mà phác ra một cách dễ dàng những đặc điểm chủ yếu của chiến lược chính trị. Mọi người chắc còn nhớ thời kỳ cuối năm 1919, lúc Đê-ni-kin đã tiến đến trước Tu-la. Lúc bấy giờ, giữa các nhà quân sự đã nổ ra những cuộc tranh luận rất đáng chú ý : cần định xem đòn quyết định đánh vào quân đội của Đê-ni-kin phải theo hướng nào. Một số cán bộ quân sự đề nghị hướng tấn công chủ yếu là hướng Txa-ri-txưn - Nô-vô-rốt-xi-scơ ; trái lại, một số khác đề nghị đánh đòn quyết định theo hướng Vô-rô-ne-giơ - Rô-stốp, để sau khi đã vượt qua tuyến đó, thì cắt đôi quân Đê-ni-kin và sau đó tiêu diệt từng bộ phận

một. Thật vậy, kế hoạch thứ nhất cũng có nhiều điều lợi, vì nếu chiếm được Nô-vô-rốt-xi-scơ, ta sẽ chặn được mọi đường rút lui của quân Đê-ni-kin. Nhưng một mặt, có điều bất lợi là ta sẽ phải tiến quân qua những vùng (tỉnh sông Đông) thù địch với Chính quyền xô-viết, và do đó mà sẽ phải hy sinh nặng nề ; mặt khác, như thế thì sẽ nguy hiểm vì kế hoạch đó sẽ để cho quân Đê-ni-kin theo đường Tu-la và Xéc-pu-khốp, mà tiến vào Mạc-tư-khoa. Chỉ có kế hoạch thứ hai là duy nhất đúng, vì một mặt, nó chủ trương là lực lượng chủ yếu của chúng ta tiến qua những vùng (tỉnh Vô-rô-ne-giơ — vùng mỏ Đôn-bát-xơ) có cảm tình với Chính quyền xô-viết, do đó không phải hy sinh nhiều ; mặt khác, kế hoạch đó sẽ làm tan rã những hoạt động của các lực lượng chủ yếu của quân Đê-ni-kin đang tiến về phía Mạc-tư-khoa. Phần đông các nhà quân sự đều tán thành kế hoạch thứ hai, điều đó đã quyết định vận mệnh của cuộc chiến tranh chống lại Đê-ni-kin.

Nói cách khác, xác định hướng tấn công chủ yếu, tức là quyết định trước tính chất của các cuộc chiến đấu cho suốt cả thời gian chiến tranh, do đó mà quyết định tới 9 phần 10 vận mệnh của toàn bộ cuộc chiến tranh. Đó là nhiệm vụ của chiến lược.

Về chiến lược chính trị thì cũng vậy. Cuộc xung đột nghiêm trọng đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản Nga về vấn đề phương hướng cơ bản của phong trào vô sản, đã nổ ra hồi đầu thế kỷ thứ XX, vào thời kỳ chiến tranh Nga - Nhật . Mọi người đều biết, một bộ phận của đảng ta (phái men-sê-vích) lúc đó cho rằng, trong cuộc đấu tranh chống lại chế độ Nga hoàng, phong trào vô sản cần phải căn bản hướng vào việc thành lập một khối liên minh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản tự do, còn nông dân không được hoặc gần như không được kế hoạch đó coi là nhân tố cách mạng quan trọng nhất, và quyền lãnh đạo toàn bộ phong trào cách mạng

lại đề cho giai cấp tư sản tự do nắm. Bộ phận khác của đảng (phái bôn-sê-vích) quả quyết ngược lại rằng nỗ lực chủ yếu là phải hướng vào việc thành lập một khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân, dưới quyền lãnh đạo toàn bộ phong trào cách mạng phải thuộc về giai cấp vô sản, và phải trung lập giai cấp tư sản tự do.

Nếu đem so sánh với cuộc chiến tranh chống lại Đê-ni-kin mà hình dung toàn bộ phong trào cách mạng của nước ta từ đầu thế kỷ XX đến cuộc cách mạng tháng Hai 1917 là một cuộc chiến tranh của công nhân và nông dân chống lại chế độ Nga hoàng và bọn địa chủ, thì hiển nhiên là số phận của chế độ Nga hoàng và bọn địa chủ sẽ tùy thuộc rất nhiều ở việc phong trào cách mạng áp dụng kế hoạch nào trong hai kế hoạch chiến lược đó (kế hoạch men-sê-vích hay kế hoạch bôn-sê-vích), ở việc phong trào đó sẽ theo phương hướng nào trong hai phương hướng cơ bản đó.

Nếu trong cuộc chiến tranh chống lại Đê-ni-kin mà chiến lược quân sự, sau khi xác định được hướng tấn công chủ yếu, do đó đã quyết định 9 phần 10 tính chất của tất cả các cuộc chiến đấu sau này, quyết định cho đến ngay cả việc tiêu diệt bọn Đê-ni-kin, thì trong cuộc đấu tranh cách mạng chống lại chế độ Nga hoàng, chiến lược chính trị của chúng ta, khi theo tinh thần của kế hoạch bôn-sê-vích mà định phương hướng cơ bản cho phong trào cách mạng, đã quyết định tính chất của sự hoạt động của đảng ta trong suốt cả thời kỳ đấu tranh công khai chống lại chế độ Nga hoàng, từ thời kỳ chiến tranh Nga-Nhật cho đến cuộc cách mạng tháng Hai 1917.

Nhiệm vụ của chiến lược chính trị, trước hết là xác định một cách đúng đắn phương hướng cơ bản cho phong trào vô sản của một nước nào đó trong một thời kỳ lịch sử nhất định, bằng cách xuất phát từ lý luận và cương lĩnh của chủ nghĩa

Mác và chú trọng đến kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của công nhân ở tất cả các nước.

4. Sách lược

Sách lược là bộ phận của chiến lược, phụ thuộc vào chiến lược và phục vụ cho chiến lược. Sách lược không có liên quan tới toàn bộ cuộc chiến tranh, mà liên quan đến những đoạn khác nhau của cuộc chiến tranh, đến những trận chiến đấu, đến những trận đánh lớn. Nếu như chiến lược cố gắng giành lấy thắng lợi cho cuộc chiến tranh, hay nói ví dụ như đưa cuộc đấu tranh chống lại chế độ Nga hoàng đến thành công, thì sách lược, trái lại, lại ra sức giành thắng lợi trong những trận đánh lớn nào đó, những trận chiến đấu nào đó, đảm bảo thắng lợi cho những chiến dịch nào đó, cho những hoạt động nào đó ít nhiều phù hợp với những tình hình cụ thể của cuộc đấu tranh trong một lúc nhất định.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của sách lược là quy định đường lối và thủ đoạn, hình thức và phương thức đấu tranh thích hợp nhất với tình hình cụ thể trong một thời kỳ nhất định và chuẩn bị một cách chắc chắn hơn hết cho thắng lợi của chiến lược. Cho nên muốn đánh giá những tác dụng và kết quả của sách lược, thì không được đứng trên phương diện bản thân và hiệu quả trực tiếp của sách lược đó, mà phải đứng trên phương diện những nhiệm vụ và khả năng của chiến lược.

Có những lúc mà thắng lợi sách lược làm cho việc chấp hành những nhiệm vụ chiến lược được dễ dàng. Đó là trường hợp, chẳng hạn, trên mặt trận chống Đê-nin-kin hồi cuối năm 1919, khi quân ta giải phóng Ô-ren và Vô-rô-ne-giơ, khi thắng lợi của kỵ binh ta ở Vô-rô-ne-giơ và của bộ binh ta ở Ô-ren đã đảm bảo những điều kiện thuận lợi để tiến công vào Rô-stốp. Đó là trường hợp ở Nga hồi tháng Tám 1917, khi việc chuyển

các Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát và Mạc-tư-khoa vào tay những người bôn-sê-vích đã tạo ra một cục diện chính trị mới, nhờ đó sau này đảng ta đã dễ dàng đánh ngọn đòn mãnh liệt hồi tháng Mười.

Cũng có những lúc mà những thắng lợi sách lược, tuy hiệu quả trước mắt thì rực rỡ, nhưng không tương xứng với những khả năng chiến lược, nên đã tạo ra một cục diện « bất ngờ », có hại cho toàn bộ chiến cục. Đó là trường hợp của Đê-ni-kin hồi cuối năm 1919, khi mà hắn say sưa với thắng lợi dễ dàng trong việc tiến quân nhanh chóng và rầm rộ về phía Mạc-tư-khoa, nên đã kéo dài mặt trận của mình ra từ Vôn-ga đến Đơ-ni-ép và do đó đã chuẩn bị đưa quân đội của hắn đến chỗ bị tiêu diệt. Đó là trường hợp năm 1920, trong cuộc chiến tranh chống quân đội Ba-lan, khi chúng ta, vì đánh giá không đầy đủ sức mạnh của nhân tố dân tộc ở Ba-lan, và say sưa về thắng lợi dễ dàng của một cuộc tiến quân rầm rộ, nên chúng ta đã gánh lấy một nhiệm vụ vượt quá sức mình là đột nhập vào châu Âu bằng đường Vac-xô-vi, nên đã làm cho đại đa số nhân dân Ba-lan đoàn kết chống lại quân đội xô-viết, và do đó đã tạo ra một cục diện khiến cho những thắng lợi của quân đội xô-viết ở Min-scơ và Gi-tô-mia trở thành vô ích, và làm tổn hại đến uy tín của Chính quyền xô-viết ở phương Tây.

Cuối cùng, có những lúc mà người ta cần phải bỏ qua thắng lợi sách lược, phải chịu nhận lấy một cách có ý thức những tổn thất và những thất bại về mặt sách lược để đảm bảo sau này thu được những lợi thế chiến lược. Điều đó thường xảy ra trong chiến tranh, khi mà một trong những bên tham chiến, muốn cứu những cán bộ bộ đội của mình và tránh cho bộ đội khỏi bị một kẻ thù mạnh hơn nhiều tấn công, nên đã rút lui một cách có kế hoạch, đã không đánh mà bỏ những thành phố và những vùng toàn vẹn, để tranh thủ thời gian và tập hợp lực lượng lại chuẩn bị cho những trận đánh mới, những

trận đánh quyết định sắp tới. Đó là trường hợp ở Nga năm 1918, lúc quân Đức tấn công, khi đảng ta đã phải nhận ký hòa ước Bơ-rét-Li-tốp — hòa ước này, đứng về mặt hiệu quả chính trị trực tiếp mà nói thì rất bất lợi — để duy trì sự liên minh với nông dân đang khao khát hòa bình, để có được một thời gian tạm nghỉ, để lập được một quân đội mới và do đó đảm bảo thu được những lợi thế chiến lược sau này.

Nói cách khác, sách lược không thể phụ thuộc vào những lợi ích tạm thời trước mắt, nó không được nhằm hiệu quả chính trị trước mắt, nó lại càng không được tách rời thực tế và xây dựng trên mây, — sách lược phải được định ra sao cho thích ứng với những nhiệm vụ và khả năng của chiến lược.

Nhiệm vụ của sách lược trước hết là phải căn cứ vào những sự chỉ dẫn của chiến lược và lưu ý đến những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của công nhân tất cả các nước mà quy định những hình thức và phươngthức đấu tranh thích hợp nhất với những điều kiện cụ thể của cuộc đấu tranh trong một thời kỳ nhất định.

5. Những hình thức đấu tranh

Những phương thức tác chiến, những hình thức chiến tranh không phải lúc nào cũng giống hệt nhau, mà thay đổi tùy theo điều kiện của sự phát triển, trước kết là tùy theo sự phát triển của sản xuất. Dưới thời Thành-cát-tư-hãn phương thức tác chiến khác với phương thức tác chiến dưới thời Na-pô-lê-ông III ; ở thế kỷ XX, phương thức tác chiến khác với phương thức tác chiến hồi thế kỷ XIX.

Trong những điều kiện hiện nay, nghệ thuật tiến hành chiến tranh là phải nắm vững được tất cả những hình thức chiến tranh và tất cả những thành tựu khoa học trong lĩnh vực đó, để sử dụng một cách hợp lý, khéo phối hợp những hình

thức chiến tranh và những thành tựu khoa học đó, hoặc tùy theo hoàn cảnh mà áp dụng hình thức này hay hình thức khác một cách kịp thời.

Đối với những hình thức đấu tranh trong lĩnh vực chính trị thì cũng phải nói như vậy. Những hình thức đấu tranh trong lĩnh vực chính trị còn muôn hình muôn vẻ hơn những hình thức tiến hành chiến tranh. Những hình thức đó thay đổi tùy theo sự phát triển của kinh tế, của đời sống xã hội, của văn hóa, tùy theo tình trạng các giai cấp, quan hệ so sánh giữa những lực lượng đang đấu tranh,. tính chất của chính quyền, cuối cùng, tùy theo những mối quan hệ quốc tế,v.v... Hình thức đấu tranh bất hợp pháp dưới chế độ chuyên chế với bãi công bộ phận và biểu tình thị uy của công nhân ; hình thức đấu tranh công khai khi có những « khả năng hợp pháp » và bãi công chính trị có tính chất quần chúng của công nhân ; hình thức đấu tranh nghị trường, chẳng hạn ở viện Đu-ma, và hoạt động ngoài nghị viện của quần chúng đôi khi chuyển thành khởi nghĩa vũ trang ; sau hết, những hình thức đấu tranh của Nhà nước sau khi giai cấp vô sản đã nắm được chính quyền, khi giai cấp vô sản đã có khả năng nắm được tất cả mọi phương tiện và mọi lực lượng của Nhà nước, kể cả quân đội, — nói chung, đó là những hình thức đấu tranh mà thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản đã đề ra.

Nhiệm vụ của đảng là phải nắm vững được mọi hình thức đấu tranh, phải phối hợp những hình thức đó một cách khôn khéo trên chiến trường và phải khéo léo vận dụng vào cuộc đấu tranh những hình thức đấu tranh thích hợp nhất với tình thế.

6. Những hình thức tổ chức

Thông thường thì các hình thức tổ chức của quân đội, các binh chủng và các quân chủng, đều thích ứng với hình thức và phương thức tác chiến. Những hình thức tổ chức đó thay đổi

tùy theo những hình thức và phương thức tác chiến. Trong một cuộc vận động chiến thì tác dụng quyết định thường là kỵ binh, tác chiến bằng những đơn vị lớn. Trái lại, trong một cuộc trận địa chiến thì kỵ binh không có tác dụng gì cả, hoặc chỉ có một tác dụng thứ yếu : không quân và trọng pháo, hơi ngạt và xe tăng mới có tác dụng quyết định.

Nhiệm vụ của nghệ thuật quân sự là phải đảm bảo cho mình có được tất cả mọi binh chủng, là làm cho những binh chủng đó được hoàn thiện, và khéo phối hợp những binh chủng đó trong hành động.

Đối với những hình thức tổ chức trong lĩnh vực chính trị thì cũng phải nói như vậy. Cũng như trong lĩnh vực quân sự, những hình thức tổ chức ở đây đều thích ứng với những hình thức đấu tranh. Tổ chức bí mật của những người cách mạng chuyên nghiệp dưới thời kỳ chuyên chế ; tổ chức giáo dục, tổ chức công đoàn, tổ chức hợp tác xã và tổ chức nghị viện (đảng đoàn ở viện Đu-ma v.v.) dưới thời kỳ Đu-ma ; ủy ban nhà máy, ủy ban nông dân, ủy ban bãi công, Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, ủy ban quân sự cách mạng và đảng vô sản lớn gắn liền tất cả những hình thức tổ chức đó lại, trong thời kỳ những hoạt động có tính chất quần chúng và những cuộc khởi nghĩa ; sau hết, những hình thức tổ chức, có tính chất Nhà nước, của giai cấp vô sản, một khi chính quyền đã tập trung trong tay giai cấp công nhân, — nói chung, đó là những hình thức tổ chức mà trong những hoàn cảnh nhất định, giai cấp vô sản có thể và phải dựa vào để đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

Đảng có nhiệm vụ phải nắm vững tất cả những hình thức tổ chức ấy, làm cho những hình thức đó ngày càng hoàn thiện và bất cứ lúc nào cũng phải biết phối hợp khéo léo hoạt động của những hình thức đó.

7. Khẩu hiệu. Chỉ thị

Những nghị quyết nêu ra đúng, phản ánh được những mục đích của chiến tranh hay của một trận đánh, và được bộ đội hoan nghênh, thì đôi khi, ở tiền tuyến, có một tác dụng quyết định để vổ cũ quân đội chiến đấu, để giữ vững tinh thần, v.v.. Những nhật lệnh, những khẩu hiệu hay những lời kêu gọi gửi quân đội nếu thích hợp thì cũng có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ tiến trình của chiến tranh như một đội trọng pháo hạng tốt nhất hay những xe tăng chạy nhanh, hạng tốt nhất.

Trong lĩnh vực chính trị là lĩnh vực quan hệ đến hàng chục, hàng trăm triệu người có những yêu sách và những nhu cầu khác nhau, thì những khẩu hiệu lại còn quan trọng hơn nữa.

Một khẩu hiệu là một công thức nêu ra một cách rõ ràng và ngắn gọn những mục đích gần hoặc xa của cuộc đấu tranh, do một tập đoàn lãnh đạo, chẳng hạn tập đoàn lãnh đạo của giai cấp vô sản, nghĩa là đảng của giai cấp vô sản, đưa ra. Những khẩu hiệu thay đổi tùy theo những mục tiêu muôn hình muôn vẻ của cuộc đấu tranh bao gồm hoặc toàn bộ một thời kỳ lịch sử, hoặc một số giai đoạn hay những sự kiện nào đó của thời kỳ lịch sử đó. Khẩu hiệu « đả đảo chế độ chuyên chế », lần đầu do nhóm « Giải phóng Lao động »[53] tung ra trong những năm 80 của thế kỷ trước, là một khẩu hiệu *tuyên truyền*, vì nó nhằm mục đích thu hút về phía đảng những cá nhân riêng rẽ hoặc các nhóm chiến sĩ kiên định nhất và triệt để nhất. Trong thời kỳ chiến tranh Nga — Nhật, khi những tầng lớp rộng rãi nhất của giai cấp công nhân đã ít hay nhiều nhìn thấy rõ rệt sự lung lay của chế độ chuyên chế, thì khẩu hiệu đó trở thành một khẩu hiệu *cổ động*, vì lúc đó, nó nhằm tranh thủ hàng triệu quần chúng lao động. Trong thời kỳ trước cuộc cách mạng tháng Hai 1917, khi chế độ Nga hoàng đã triệt để phá

sản đối với quần chúng, thì khẩu hiệu cổ động « đả đảo chế độ chuyên chế !» trở thành một khẩu hiệu *hành động* vì nó nhằm phát động hàng triệu người tấn công chế độ Nga hoàng. Trong những ngày cách mạng tháng Hai, khẩu hiệu đó lại biến thành một *chỉ thị* của đảng, nghĩa là một lời hiệu triệu trực tiếp kêu gọi chiếm những cơ quan nào đó, những cứ điểm nào đó của chế độ Nga hoàng trong một thời hạn nhất định, vì lần này vấn đề là lật đổ chế độ Nga hoàng, là tiêu diệt nó. Chỉ thị là một lời hiệu triệu trực tiếp của đảng kêu gọi hành động vào một lúc nhất định và tại một cứ điểm nhất định, một lời hiệu triệu bắt buộc phải tuân theo đối với tất cả các đảng viên, và thường được quảng đại quần chúng lao động ủng hộ nếu lời hiệu triệu đó đề ra đúng đắn và chính xác những yêu sách của họ, nếu lời hiệu triệu đó được đưa ra thật đúng lúc.

Nếu lẫn lộn khẩu hiệu với chỉ thị, hay khẩu hiệu cổ động với khẩu hiệu hành động, thì cũng có thể nguy hiểm và đôi khi còn rất tai hại giống như những hành động quá sớm hoặc quá muộn. Tháng Tư 1917, khẩu hiệu « Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết » là một khẩu hiệu *cổ động*. Cuộc biểu tình mà ai cũng biết ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, hồi tháng Tư 1917, bao vây cung điện mùa Đông, và đưa ra khẩu hiệu « Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết», là một mưu toan — một mưu toan quá sớm, nghĩa là rất có hại — biến khẩu hiệu đó thành một khẩu hiệu *hành động*[54]. Đó là ví dụ về một sự lẫn lộn nguy hiểm nhất khẩu hiệu cổ động với khẩu hiệu hành động. Đảng đã có lý khi trách cứ những người khởi xướng ra cuộc biểu tình ấy, vì đảng biết rằng chưa có điều kiện để biến khẩu hiệu đó thành khẩu hiệu hành động, và một hành động quá sớm của giai cấp vô sản có thể dẫn đến chỗ lực lượng của giai cấp vô sản bị đè bẹp.

Mặt khác, có những trường hợp đảng bắt buộc phải thủ tiêu hoặc thay đổi « trong 24 tiếng đồng hồ » một khẩu hiệu (hay

một chỉ thị) đã được thông qua và đã chín muồi, để tránh khỏi sa vào bẫy của kẻ địch hoặc phải hoãn việc thi hành một chỉ thị lại, đợi đến một thời cơ thuận lợi hơn. Đó là trường hợp ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, tháng Sáu 1917, khi Ban Chấp hành trung ương đảng ta, do tình thế thay đổi, nên đã phải « đột nhiên » thủ tiêu cuộc biểu tình của công nhân và binh sĩ đã được chuẩn bị chu đáo và đã định vào ngày 10 tháng Sáu.

Đảng có nhiệm vụ phải biến một cách khéo léo và kịp thời những khẩu hiệu cổ động thành những khẩu hiệu hành động, hoặc những khẩu hiệu hành động thành những chỉ thị cụ thể ; hoặc nếu tình thế đòi hỏi thì cần phải tỏ ra có sự mềm dẻo và kiên quyết cần thiết để kịp thời đình chỉ việc thi hành một khẩu hiệu nào đó lại, mặc dầu khẩu hiệu đó được hoan nghênh, mặc dầu khẩu hiệu đó đã chín muồi.

II

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1. Những bước ngoặt lịch sử. Những kế hoạch chiến lược

Chiến lược của đảng không phải là một cái gì bất di bất dịch, vĩnh viễn như thế mãi. Nó biến đổi theo những bước ngoặt lịch sử, những biến chuyển lịch sử. Những sự thay đổi ấy biểu hiện ở chỗ là : đối với mỗi một bước ngoặt lịch sử, người ta định ra một kế hoạch chiến lược riêng, phù hợp với bước ngoặt đó và có tác dụng suốt cả thời kỳ từ bước ngoặt này đến bước ngoặt sau. Nội dung của kế hoạch chiến lược là việc xác định hướng tấn công chủ yếu của những lực lượng cách mạng và là việc bố trí một cách thích đáng hàng triệu người trên chiến tuyến xã hội. Dĩ nhiên, một kế hoạch chiến

lược thích dụng với một thời kỳ lịch sử có những đặc điểm riêng, sẽ không thể thích dụng được với một thời kỳ lịch sử khác có những đặc điểm hoàn toàn khác. Phù hợp với mỗi bước ngoặt lịch sử là một kế hoạch chiến lược cần thiết đối với nó, và thích ứng với nhiệm vụ của nó.

Về mặt quân sự, cũng có thể nói như vậy. Kế hoạch chiến lược đặt ra cho cuộc chiến tranh chống Côn-tsắc không thể thích hợp với cuộc chiến tranh chống Đê-ni-kin, cuộc chiến tranh này đòi hỏi phải có một kế hoạch mới, và kế hoạch này lại cũng không thể đem dùng vào cuộc chiến tranh chống quân đội Ba-lan năm 1920 chẳng hạn, vì những hướng tấn công chủ yếu cũng như kế hoạch bố trí lực lượng chủ yếu, không thể không khác nhau trong ba trường hợp ấy.

Lịch sử Nga hiện đại đã trải qua ba bước ngoặt lịch sử chủ yếu, ba bước ngoặt này đã sản sinh ra, trong lịch sử của đảng ta, ba kế hoạch chiến lược khác nhau. Chúng tôi thấy cần phải thuật lại một cách vắn tắt những kế hoạch đó để chỉ ra rằng nói chung đảng đã thay đổi những kế hoạch chiến lược như thế nào, tùy theo những chuyển biến mới của lịch sử.

2. Bước ngoặt lịch sử thứ nhất và đường lối tiến tới cách mạng dân chủ tư sản ở Nga

Bước ngoặt đó bắt đầu từ đầu thế kỷ XX, trong thời kỳ chiến tranh Nga — Nhật, khi sự thất bại của quân đội Nga hoàng và những cuộc bãi công chính trị đại quy mô của công nhân Nga đã huy động và đẩy tất cả các giai cấp trong nhân dân lên vũ đài đấu tranh chính trị. Bước ngoặt này kết thúc khi cuộc cách mạng tháng Hai 1917 nổ ra.

Trong thời kỳ này, có hai kế hoạch chiến lược đấu tranh với nhau trong nội bộ đảng ta : kế hoạch của phái men-sê-vích

(Pơ-lê-kha-nốp - Mác-tốp, 1905) và kế hoạch của những người bôn-sê-vích (đồng chí Lê-nin, 1905).

Chiến lược men-sê-vích chủ trương giáng đòn chủ yếu vào chế độ Nga hoàng theo hướng là liên hợp giai cấp tư sản tự do với giai cấp vô sản. Xuất phát từ chỗ cho rằng cuộc cách mạng lúc ấy được coi là cách mạng tư sản, nên kế hoạch đó đã giao quyền lãnh đạo (lãnh tụ) phong trào cho giai cấp tư sản tự do, và muốn giai cấp vô sản đóng vai trò « phái đối lập cực tả », vai trò « người kích thích » của giai cấp tư sản, đồng thời không thấy hoặc hầu như không thấy nông dân là một trong những lực lượng cách mạng chủ yếu. Không khó gì mà không thấy rằng kế hoạch đó là kế hoạch hoàn toàn không tưởng, vì nó không đếm xỉa gì đến hàng triệu nông dân trong một nước như nước Nga ; kế hoạch đó là phản động, vì nó phó thác vận mệnh của cách mạng cho giai cấp tư sản tự do (quyền lãnh đạo của giai cấp tư sản), vì giai cấp này không hề quan tâm đến thắng lợi hoàn toàn của cách mạng, lúc nào nó cũng sẵn sàng kết thúc sự nghiệp bằng cách câu kết với chế độ Nga hoàng.

Chiến lược bôn-sê-vích (xem *Hai sách lược*[55] của đồng chí *Lê-nin*) chủ trương giáng đòn chủ yếu của cách mạng đánh vào chế độ Nga hoàng theo hướng là liên hợp giai cấp vô sản với nông dân, và trung lập giai cấp tư sản tự do. Xuất phát từ chỗ giai cấp tư sản tự do không quan tâm tới thắng lợi hoàn toàn của cách mạng dân chủ tư sản, từ chỗ giai cấp ấy không muốn cách mạng thắng lợi, mà lại thích câu kết với chế độ Nga hoàng, làm hại đến công nhân và nông dân, nên kế hoạch này giao quyền lãnh đạo phong trào cách mạng cho giai cấp vô sản là giai cấp duy nhất cách mạng triệt để ở Nga. Điều xuất sắc của kế hoạch này là không những nó chú trọng một cách đúng đắn đến những động lực của cách mạng, mà nó còn mang mầm mống của tư tưởng chuyên chính vô sản (quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản), nó đã dự tính một cách thiên

tài giai đoạn tiếp sau, cao hơn, của cách mạng ở Nga, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển sang giai đoạn đó.

Tiến trình sau này của cách mạng cho đến tháng Hai 1917 đã hoàn toàn xác nhận kế hoạch chiến lược đó là đúng.

3. Bước ngoặt lịch sử thứ hai và đường lối tiến tới chuyên chính vô sản ở Nga

Bước ngoặt thứ hai bắt đầu từ cuộc cách mạng tháng Hai 1917, sau khi chế độ Nga hoàng bị lật đổ, khi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã phơi trần những vết tử thương của chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới ; khi giai cấp tư sản tự do, thực tế không có khả năng quản lý quốc gia, buộc phải nắm một chính quyền hoàn toàn hình thức (Chính phủ lâm thời) ; khi các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, thực tế nắm chính quyền, lại thiếu kinh nghiệm và không có ý chí sử dụng đầy đủ chính quyền đó ; khi binh lính ở ngoài mặt trận, công nhân và nông dân ở hậu phương rên xiết dưới gánh nặng của chiến tranh và của tình trạng kinh tế bị tàn phá ; khi chế độ « hai chính quyền song song tồn tại » và chế độ « ủy ban liên lạc »[56], bị những mâu thuẫn nội bộ xâu xé và bất lực không tiến hành được chiến tranh hoặc ký được hòa ước chẳng những đã không tìm được một « lối thoát cho bước đường cùng » mà lại còn làm cho tình hình rắc rối thêm. Thời kỳ này đã kết thúc bằng cuộc Cách mạng tháng Mười 1917.

Hai kế hoạch chiến lược đấu tranh với nhau suốt thời kỳ này trong nội bộ các xô-viết : kế hoạch của phái men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng và kế hoạch bôn-sê-vích.

Chiến lược men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng, lúc đầu còn nghiêng ngả giữa các Xô-viết và Chính phủ lâm thời, giữa phái cách mạng và phái phản cách mạng, thì cuối cùng đã thành hình hẳn vào lúc mở cuộc Hội nghị dân chủ

(tháng Chín 1917). Chiến lược ấy nhằm, dần dần nhưng không ngừng, gạt các Xô-viết ra khỏi chính quyền và tập trung toàn bộ chính quyền trong nước vào tay « Tiền nghị viện », hình mẫu của nghị viện tư sản sau này. Những vấn đề hòa bình và chiến tranh, những vấn đề ruộng đất và công nhân, cũng như vấn đề dân tộc, đều bị hoãn lại đến khi triệu tập một Quốc hội lập hiến mà bản thân việc triệu tập này cũng bị hoãn lại chẳng biết đến bao giờ. « Tất cả chính quyền về tay Quốc hội lập hiến » : bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã quy định kế hoạch chiến lược của chúng như vậy. Đó là một kế hoạch chuẩn bị nền chuyên chính của giai cấp tư sản, một nền chuyên chính cố nhiên là được trau chuốt và tô điểm, và « hoàn toàn dân chủ », nhưng không vì thế mà không phải là một nền chuyên chính của giai cấp tư sản.

Chiến lược bôn-sê-vích (xem cuốn *Luận cương* của đồng chí *Lê-nin* xuất bản hồi tháng Tư 1917[57]), chủ trương giáng đòn chủ yếu theo hướng liên hợp lực lượng của giai cấp vô sản với nông dân nghèo để thủ tiêu chính quyền của giai cấp tư sản, theo hướng là tổ chức nền chuyên chính vô sản dưới hình thức một nước cộng hòa xô-viết. Đoạn tuyệt với chủ nghĩa đế quốc và thoát khỏi chiến tranh ; giải phóng những dân tộc bị đế quốc Nga cũ áp bức ; tước đoạt bọn địa chủ và bọn tư bản ; chuẩn bị điều kiện để tổ chức một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa : đó là những yếu tố của kế hoạch chiến lược của những người bôn-sê-vích suốt trong thời kỳ ấy. « Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết » : lúc đó những người bôn-sê-vích đã quy định kế hoạch chiến lược của mình như thế. Kế hoạch đó quan trọng không những ở chỗ nó chú trọng một cách đúng đắn đến những động lực của cuộc cách mạng mới, cuộc cách mạng vô sản ở Nga, mà còn ở chỗ nó làm dễ dàng và xúc tiến việc phát động một phong trào cách mạng ở phương Tây.

Quá trình sau này của những sự biến cho đến cuộc Cách mạng tháng Mười đã hoàn toàn xác nhận rằng kế hoạch chiến lược ấy là đúng.

4. Bước ngoặt lịch sử thứ ba và đường lối tiến tới cuộc cách mạng vô sản ở châu Âu

Bước ngoặt thứ ba bắt đầu cùng với cuộc Cách mạng tháng Mười, khi cuộc tử chiến giữa hai tập đoàn đế quốc chủ nghĩa phương Tây đã đạt đến điểm cao nhất của nó ; khi cuộc khủng hoảng cách mạng rõ ràng là đã chín muồi ở phương Tây ; khi chính quyền tư sản ở Nga đã phá sản và lúng túng trong những mâu thuẫn của nó, đã sụp đổ dưới những đòn đả kích của cuộc cách mạng vô sản ; khi cuộc cách mạng thắng lợi của giai cấp vô sản, sau khi đoạn tuyệt với chủ nghĩa đế quốc và thoát khỏi chiến tranh, phải đương đầu với những kẻ tử thù của mình là các đồng minh đế quốc chủ nghĩa phương Tây ; khi những đạo luật của Chính phủ xô-viết mới về vấn đề hòa bình, về việc tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ, tước đoạt bọn tư bản và giải phóng những dân tộc bị áp bức, đã chiếm được lòng tin của hàng triệu người lao động trên toàn thế giới. Đó là một bước ngoặt trên phạm vi quốc tế, vì đó là lần đầu tiên mặt trận quốc tế của tư bản đã bị chọc thủng, lần đầu tiên vấn đề lật đổ chủ nghĩa tư bản được đặt ra một cách thực tiễn. Chính cũng vì thế mà Cách mạng tháng Mười không còn là một lực lượng thuần túy dân tộc và thuần túy Nga nữa, mà trở thành một lực lượng quốc tế ; và những công nhân Nga, trước kia là một đội ngũ lạc hậu của giai cấp vô sản quốc tế, nay trở thành đội tiền phong của giai cấp vô sản quốc tế ; do đấu tranh hoàn toàn quên mình, họ đã thức tỉnh công nhân phương Tây và những nước bị áp bức ở phương Đông. Bước ngoặt này hiện còn chưa đạt đến bước phát triển cuối cùng của

nó, vì nó vẫn chưa phát triển trên quy mô quốc tế ; nhưng nội dung và phương hướng chung của nó đã được xác định khá rõ ràng.

Trong giới chính trị ở Nga lúc bấy giờ có hai kế hoạch chiến lược đấu tranh với nhau ; kế hoạch của bọn phản cách mạng là bọn đã lôi kéo được bộ phận tích cực trong phái men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng vào các tổ chức của chúng, và kế hoạch của những người bôn-sê-vích.

Bọn phản cách mạng và những phần tử tích cực trong phái xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích chủ trương tập hợp vào trong một mặt trận, tất cả những phần tử bất mãn như : bọn sĩ quan của chế độ cũ ở hậu phương và ở mặt trận, các chính phủ dân tộc chủ nghĩa tư sản ở các vùng ngoại vi, bọn tư bản và địa chủ đã bị cách mạng tước đoạt tài sản, bọn tay sai của Đồng minh đang chuẩn bị can thiệp, v.v.. Chúng theo đuổi phương châm lật đổ Chính phủ xô-viết bằng những cuộc nổi loạn hoặc bằng sự can thiệp của nước ngoài, và khôi phục chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước Nga.

Ngược lại, những người bôn-sê-vích chủ trương củng cố nền chuyên chính vô sản trong nước Nga, và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của cách mạng vô sản ra khắp các nước trên thế giới bằng cách thống nhất sự nỗ lực của những người vô sản Nga với sự nỗ lực của những người vô sản ở châu Âu và ở những nước bị áp bức phương Đông, chống lại chủ nghĩa đế quốc thế giới. Đồng chí Lê-nin đã tóm tắt kế hoạch chiến lược ấy thành một công thức rất đặc sắc, gọn và chính xác, trong cuốn sách của Người : *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, như sau : *« Thực hiện đến mức tối đa cái có thể thực hiện được ở riêng một nước* (nước mình. — *J.S.*) *để phát triển, ủng hộ, thức tỉnh cách mạng ở tất cả các nước »*. Giá trị của kế hoạch chiến lược ấy không những ở chỗ nó chú trọng một cách đúng đắn đến những động lực của cách mạng quốc tế, mà còn ở

chỗ nó đã nhìn thấy trước và xúc tiến quá trình — đã hiện ra sau đó—làm cho nước Nga xô-viết trở thành trung tâm chú ý của phong trào cách mạng toàn thế giới và làm cho nước Nga xô-viết trở thành ngọn cờ giải phóng công nhân phương Tây và các thuộc địa phương Đông.

Sự phát triển sau này của cách mạng trên toàn thế giới và năm năm tồn tại của chính quyền xô-viết ở Nga, đã hoàn toàn chứng thực kế hoạch chiến lược ấy là đúng. Những sự thật như bọn phản cách mạng, bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích, tức là bọn đã nhiều lần toan lật đổ Chính quyền xô-viết, hiện đang đợi chờ mòn mỏi trong cuộc đời lưu vong, còn Chính quyền xô-viết và tổ chức vô sản quốc tế thì trở thành một công cụ chính trị hết sức quan trọng của giai cấp vô sản thế giới, — những sự thật đó đã nói lên một cách rõ ràng rằng kế hoạch chiến lược của những người bôn-sê-vích là đúng.

« Sự thật » số 56,
14 tháng Ba 1923

Ký tên : J. Sta-lin

NHỮNG YẾU TỐ DÂN TỘC TRONG VIỆC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Đề cương viết cho Đại hội XII của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) Nga, đã được Ban Chấp hành trung ương Đảng thông qua[58]

I

1. Ngay trong thế kỷ vừa qua, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã để lộ ra một xu hướng là : quốc tế hóa những phương thức sản xuất và phương thức trao đổi, thủ tiêu tình trạng biệt lập dân tộc, làm cho các dân tộc có liên hệ mật thiết với nhau về kinh tế và làm cho các lãnh thổ rộng lớn dần dần liên hợp lại thành một khối thống nhất chặt chẽ. Sự phát triển sau này của chủ nghĩa tư bản, sự phát triển thị trường thế giới, việc tổ chức các đường sắt và hàng hải lớn, việc xuất cảng các tư bản, v.v. còn tăng cường hơn nữa cái xu hướng ấy và nối liền những dân tộc khác nhau nhất bằng những mối liên hệ phân công quốc tế và phụ thuộc lẫn nhau trong tất cả mọi lĩnh vực. Chừng nào mà quá trình ấy còn phản ánh bước phát triển phi thường của những lực lượng sản xuất, chừng nào mà quá trình ấy còn góp phần làm cho việc thủ tiêu tình trạng biệt lập dân tộc và tình trạng đối lập về quyền lợi giữa các dân tộc khác nhau, thì quá trình ấy trước sau vẫn là một quá trình tiến bộ, vì nó chuẩn bị những tiền đề vật chất cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới tương lai.

2. Nhưng xu hướng ấy đã phát triển dưới những hình thức độc đáo, những hình thức hoàn toàn không thích ứng với cái ý nghĩa lịch sử bên trong của nó. Sự phụ thuộc lẫn nhau của các dân tộc và sự liên hợp các lãnh thổ về mặt kinh tế đã hình thành trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản không phải do sự hợp tác giữa những dân tộc bình đẳng với nhau, mà là do sự nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác, do sự áp bức bóc lột của những dân tộc phát triển hơn đối với những dân tộc phát triển kém. Xâm lược và cướp bóc thuộc địa, áp bức và bất bình đẳng giữa các dân tộc, thống trị độc đoán và tàn bạo đế quốc chủ nghĩa, nô dịch thuộc địa và nô dịch dân tộc, sau hết, đấu tranh giữa những dân tộc « văn minh» đề giành sự thống trị độc quyền những dân tộc « không văn minh », — quá trình các dân tộc xích lại gần nhau về mặt kinh tế đã diễn ra trong khuôn khổ những hình thức như thế đấy. Do đó, song song với xu hướng liên hợp, đã phát sinh một xu hướng nhằm phá hủy những hình thức bạo lực của sự liên hợp ấy, một cuộc đấu tranh nhằm giải phóng những thuộc địa bị áp bức và những dân tộc phụ thuộc khỏi ách đế quốc chủ nghĩa. Chừng nào cái xu hướng thứ hai đó còn biểu thị sự phẫn nộ của quần chúng bị áp bức chống lại những hình thức liên hợp đế quốc chủ nghĩa, chừng nào nó còn đòi hỏi phải liên hợp các dân tộc trên cơ sở hợp tác và tự nguyện liên minh, thì xu hướng ấy trước sau vẫn là một xu hướng tiến bộ, vì nó chuẩn bị những điều kiện tinh thần cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới tương lai.

3. Cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng cơ bản ấy, biểu hiện trong những hình thức cố hữu của chủ nghĩa tư bản, xảy ra đầy rẫy trong lịch sử của những quốc gia tư sản nhiều dân tộc trong nửa thế kỷ vừa qua. Trong phạm vi phát triển của chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn không thể dung hòa được của những xu hướng ấy là cơ sở của sự suy yếu bên trong và của tình trạng

không ổn định vốn có của những nước thực dân tư sản. Những cuộc xung đột không thể tránh khỏi trong những nước ấy và những cuộc chiến tranh nhất định phải xảy ra giữa những nước ấy ; sự tan rã của những nước thực dân cũ và sự hình thành những nước thực dân mới ; cuộc chạy đua mới nhằm giành giật các thuộc địa và sự tan rã mới của những quốc gia nhiều dân tộc, làm cho bản đồ chính trị thế giới thêm một phen đổi mới, — đó là những kết quả của mâu thuẫn cơ bản ấy. Một mặt, sự tan rã của nước Nga cũ, của Áo — Hung và Thổ-nhĩ-kỳ, và mặt khác, lịch sử của những nước thực dân như Anh và nước Đức cũ ; và sau hết, cuộc « đại » chiến đế quốc và sự bành trướng của phong trào cách mạng trong các dân tộc thuộc địa hoặc các dân tộc không có đầy đủ quyền, — tất cả những sự kiện đó và những sự kiện khác tương tự như thế đã chứng tỏ rõ ràng tình trạng bấp bênh và không vững chắc của những quốc gia tư sản nhiều dân tộc.

Thế là mâu thuẫn không thể dung hòa được giữa quá trình liên hợp các dân tộc về mặt kinh tế và những phương pháp đế quốc chủ nghĩa để thực hiện sự liên hiệp ấy, là nguyên nhân làm cho giai cấp tư sản không có khả năng, bất lực và không đủ sức tìm ra một đường lối đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc.

4. Đảng ta đã lưu ý đến những tình hình ấy khi đưa quyền dân tộc tự quyết, quyền các dân tộc được thành lập quốc gia độc lập ra làm cơ sở cho chính sách dân tộc của mình. Ngay từ khi đảng mới ra đời, trong đại hội đầu tiên của đảng (năm 1898), khi đó những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản về mặt dân tộc còn chưa được xác định một cách hoàn toàn rõ ràng, thì đảng đã thừa nhận quyền không ai có thể xóa bỏ được ấy của các dân tộc. Sau đó, cho tới Cách mạng tháng Mười, đảng luôn luôn xác nhận cương lĩnh dân tộc của mình bằng những quyết định và nghị quyết riêng được thông qua trong

các đại hội và hội nghị đại biểu của đảng. Chiến tranh đế quốc và phong trào cách mạng mãnh liệt do chiến tranh gây ra trong các thuộc địa, chỉ xác nhận thêm sự đúng đắn của những nghị quyết của đảng về vấn đề dân tộc. Có thể tóm tắt những nghị quyết ấy như sau :

a) kiên quyết phủ nhận tất cả mọi hình thức cưỡng bách đối với các dân tộc ;

b) thừa nhận các dân tộc được bình đẳng và có chủ quyền trong việc quyết định lấy vận mệnh của mình ;

c) thừa nhận nguyên tắc là chỉ có thể liên hợp vững chắc các dân tộc trên cơ sở hợp tác và tự nguyện ;

d) tuyên bố chân lý là chỉ có thể thực hiện được một sự liên hiệp như thế sau khi chính quyền của tư bản đã bị lật đổ.

Đảng ta, trong công tác của mình, không bao giờ lại không đưa cương lĩnh giải phóng dân tộc ấy ra để đối lập cả với chính sách áp bức công khai của chế độ Nga hoàng lẫn chính sách nửa vời, nửa đế quốc của bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa-cách mạng. Nếu chính sách Nga hóa của chế độ Nga hoàng đã tạo ra một vực thẳm giữa chế độ Nga hoàng với những dân tộc ở nước Nga cũ, và nếu chính sách nửa đế quốc của bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã làm cho những phần tử ưu tú nhất của các dân tộc đó từ bỏ sự thống trị của Kê-ren-ski, thì chính sách giải phóng của đảng ta đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của quảng đại quần chúng của các dân tộc ấy trong cuộc đấu tranh của họ chống chế độ Nga hoàng và giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa Nga. Khó có thể nghi ngờ được rằng sự đồng tình và sự ủng hộ ấy lại không phải là một trong những yếu tố quyết định đã làm cho đảng ta thắng lợi trong những ngày tháng Mười.

5. Cách mạng tháng Mười đã đem lại kết quả thực tiễn cho các nghị quyết của đảng ta về vấn đề dân tộc. Sau khi đánh

đồ bọn địa chủ và tư bản, là những đại biểu chủ yếu của chế độ áp bức dân tộc, và sau khi đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, Cách mạng tháng Mười đã đập một vố tan tành những xiềng xích áp bức dân tộc, đã đảo ngược lại những mối quan hệ cũ giữa các dân tộc, đã phá tan sự hiềm khích cũ giữa các dân tộc, đã mở đường cho sự hợp tác dân tộc và làm cho giai cấp vô sản Nga tranh thủ được lòng tin cậy của anh chị em của họ thuộc các dân tộc khác, không những ở Nga, mà cả ở châu Âu và châu Á. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng nếu không có được sự tin cậy ấy, thì giai cấp vô sản Nga đã không thể nào đánh bại được bọn Côn-tsắc, Đê-ni-kin, I-u-đê-ni-tsơ và Vơ-ran-ghen. Mặt khác, không nghi ngờ gì cả, những dân tộc bị áp bức cũng không thể nào hoàn thành được công cuộc giải phóng của họ, nếu nền chuyên chính của giai cấp vô sản không được xây dựng lên ở trung tâm nước Nga. Chừng nào mà tư bản còn nắm chính quyền, chừng nào mà giai cấp tiểu tư sản, và trước hết là nông dân thuộc dân tộc « thống trị » trước kia, nhiễm đầy thành kiến dân tộc chủ nghĩa, còn theo bọn tư bản, thì hiềm khích dân tộc và xung đột giữa các dân tộc vẫn là điều tất nhiên, không thể nào tránh khỏi ; và trái lại, hòa bình và tự do của các dân tộc có thể coi là được bảo đảm, khi nào nông dân và những tầng lớp tiểu tư sản khác đi theo giai cấp vô sản, tức là khi nào nền chuyên chính của giai cấp vô sản được bảo đảm. Do đó, thắng lợi của các Xô-viết và sự thiết lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản là cơ sở và nền móng cho việc hợp tác anh em giữa các dân tộc liên hiệp trong một quốc gia thống nhất.

6. Nhưng kết quả của Cách mạng tháng Mười không phải chỉ bó hẹp trong việc thủ tiêu ách áp bức dân tộc và tạo ra cơ sở cho sự liên hiệp các dân tộc. Trên bước đường phát triển của nó, Cách mạng tháng Mười cũng đề ra những hình thức cho sự liên hiệp ấy và vạch ra những đường lối cơ bản cho sự

liên hiệp các dân tộc thành một quốc gia liên minh. Trong thời kỳ đầu của cuộc cách mạng, khi những quần chúng lao động của các dân tộc khác nhau lần đầu tiên có ý thức rằng họ là những đơn vị dân tộc độc lập, khi họa can thiệp của ngoại quốc chưa trở thành một nguy cơ thật sự, thì sự hợp tác giữa các dân tộc chưa có được một hình thức hoàn toàn rõ ràng và xác định chặt chẽ. Trong thời kỳ nội chiến và can thiệp, khi những lợi ích về quốc phòng của các nước cộng hòa dân tộc nổi lên ở hàng đầu, khi những vấn đề kiến thiết kinh tế chưa được đề ra, thì sự hợp tác diễn ra dưới hình thức liên minh quân sự. Sau hết, sau chiến tranh, khi những vấn đề khôi phục các lực lượng sản xuất bị chiến tranh tàn phá đã đứng vào hàng quan trọng bậc nhất, thì sự liên minh quân sự được bổ sung thêm bằng một sự liên minh kinh tế. Sự liên hiệp các nước cộng hòa dân tộc thành Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết đánh dấu giai đoạn kết thúc sự phát triển của những hình thức hợp tác, giai đoạn đó, lần này, mang tính chất một sự liên hiệp quân sự, kinh tế và chính trị của các dân tộc thành một quốc gia Xô-viết nhiều dân tộc.

Thế là, trong chế độ xô-viết, giai cấp vô sản đã tìm ra cái chìa khóa giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, đã tìm ra ở đó con đường tổ chức một quốc gia nhiều dân tộc vững bền trên nguyên tắc bình đẳng dân tộc và tự nguyện.

7. Nhưng việc tìm ra được cái chìa khóa giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc chưa có nghĩa rằng vấn đề dân tộc đã được giải quyết hoàn toàn và triệt để, rằng giải pháp cho vấn đề ấy đã có được một hình thức cụ thể và thực tiễn. Muốn thực hiện đúng đắn cương lĩnh dân tộc do Cách mạng tháng Mười đề ra thì còn cần phải khắc phục những trở ngại, di sản của thời kỳ áp bức dân tộc đã qua để lại cho chúng ta ; những trở ngại

đó chúng ta không thể nào khắc phục được trong một thời hạn ngắn, ngay trong một lúc.

Di sản ấy, trước hết, là những tàn dư của chủ nghĩa sô-vanh đế quốc chủ nghĩa, phản ánh cái địa vị đặc quyền trước kia của những người đại Nga. Những tàn dư ấy vẫn còn tồn tại trong đầu óc các viên chức xô-viết của chúng ta, ở trung ương và địa phương ; nó ẩn nấp trong những cơ quan Nhà nước của chúng ta, ở trung ương và địa phương ; nó còn được tăng cường bằng những xu hướng « mới » của chủ nghĩa sô-vanh đại Nga theo kiểu phái Smê-na Vê-khơ[59], mà chính sách kinh tế mới làm cho ngày càng thêm sâu sắc hơn. Trong thực tiễn, những tàn dư ấy được biểu hiện trong cái thái độ vênh váo khinh người và quan liêu một cách khô khan nhẫn tâm của những viên chức xô-viết Nga đối với những nhu cầu và nguyện vọng của các nước cộng hòa dân tộc. Quốc gia xô-viết nhiều dân tộc chỉ có thể trở nên thực sự bền vững, và sự hợp tác giữa các dân tộc trong quốc gia xô-viết đó chỉ có thể trở nên thực sự anh em, khi nào trong thực tế những tàn dư ấy đã được tuyệt trừ một cách kiên quyết và triệt để trong các cơ quan Nhà nước của chúng ta. Do đó, nhiệm vụ trước mắt đầu tiên của đảng ta là kiên quyết đấu tranh chống những tàn dư của chủ nghĩa sô-vanh đại Nga.

Hai là di sản ấy biểu hiện ở sự bất bình đẳng trên thực tế, nghĩa là sự bất bình đẳng về kinh tế và văn hóa, giữa các dân tộc trong Liên minh các nước cộng hòa. Quyền bình đẳng về pháp luật của các dân tộc do Cách mạng tháng Mười đưa lại, là một thành quả lớn lao đối với các dân tộc, nhưng, tự nó, nó vẫn chưa giải quyết được toàn bộ vấn đề dân tộc. Một số nước cộng hòa và dân tộc không qua hoặc gần như không qua chủ nghĩa tư bản, họ không có hoặc gần như không có giai cấp vô sản, và do đó còn lạc hậu về mặt kinh tế và văn hóa ; những nước cộng hòa và dân tộc ấy, nếu họ không được sự giúp đỡ

thực sự và lâu dài của bên ngoài, thì không thể sử dụng đầy đủ được các quyền hạn và khả năng mà quyền bình đẳng dân tộc đã đưa lại cho họ, không thể phát triển lên một trình độ cao, và do đó không thể theo kịp được những dân tộc phát triển hơn. Nguyên nhân của sự bất bình đẳng trên thực tế ấy không những là do lịch sử của những dân tộc ấy, mà còn do cả chính sách của chế độ Nga hoàng và giai cấp tư sản Nga nữa, bọn này nhằm mục đích biến những khu ngoại vi thành những khu chuyên sản xuất nguyên liệu để cho những khu trung tâm phát triển về công nghiệp, bóc lột. Khắc phục sự bất bình đẳng ấy trong một thời gian ngắn, thủ tiêu cái di sản ấy trong một hay hai năm là điều không thể được. Đại hội X của đảng ta đã vạch ra rằng : « Việc thủ tiêu sự bất bình đẳng dân tộc trên thực tế là một quá trình dài lâu, đòi hỏi một cuộc đấu tranh bền bỉ và kiên trì chống tất cả các tàn dư của chế độ áp bức dân tộc và nô dịch thuộc địa »[60]. Nhưng nhất thiết cần phải khắc phục sự bất bình đẳng ấy. Nó chỉ có thể bị xóa bỏ bằng cách giai cấp vô sản Nga giúp đỡ thực sự và lâu dài cho các dân tộc lạc hậu trong Liên minh làm cho các dân tộc ấy tiến bộ về mặt kinh tế và văn hóa. Nếu không thì không có cơ sở để mong tổ chức được một sự hợp tác đúng đắn và vững chắc giữa các dân tộc trong khuôn khổ một quốc gia liên minh thống nhất. Do đó, nhiệm vụ thứ hai trước mắt của đảng ta là phải đấu tranh nhằm thủ tiêu sự bất bình đẳng trên thực tế giữa các dân tộc và nâng cao trình độ văn hóa và kinh tế của những dân tộc lạc hậu.

Sau hết, di sản ấy là ở chỗ những tàn dư của chủ nghĩa dân tộc còn sót lại trong cả một loạt những dân tộc đã chịu ách áp bức dân tộc nặng nề và chưa có thời gian xóa bỏ được nỗi tủi nhục dân tộc trước kia. Biểu hiện thực tế của những tàn dư ấy là sự lạnh nhạt giữa các dân tộc và tình trạng những dân tộc xưa kia bị áp bức không tín nhiệm hoàn toàn vào những

biện pháp do người Nga đề ra. Tuy nhiên, trong một số nước cộng hòa có nhiều dân tộc, thì cái chủ nghĩa dân tộc phòng ngự kia thường biến thành chủ nghĩa dân tộc tấn công, thành chủ nghĩa sô-vanh ngoan cố của dân tộc mạnh hơn chống lại những dân tộc nhỏ yếu trong những nước cộng hòa ấy. Chủ nghĩa sô-vanh Giê-oóc-gi (ở Giê-oóc-gi) chống lại nước Ác-mê-ni, người Ô-xê-ti, người Át-gia và người Ác-kha-giơ ; chủ nghĩa sô-vanh A-déc-bai-gian (ở A-déc-bai-gian) chống lại người Ác-mê-ni ; chủ nghĩa sô-vanh U-dơ-bê-ki-stan (ở Bu-kha-ra và Khô-rê-dơ-mơ) chống lại người Tuốc-mê-ni và người Kiếc-ghi-di ; tất cả những hình thức ấy của chủ nghĩa sô-vanh, được những điều kiện của chính sách kinh tế mới và của sự cạnh tranh khuyến khích thêm, là một nguy cơ nghiêm trọng, nó đe dọa làm cho một số nước cộng hòa dân tộc trở thành những nơi xảy ra xích mích và bất hòa. Không cần phải nói cũng thấy rằng tất cả những hiện tượng ấy làm trở ngại cho sự nghiệp liên hiệp thực sự các dân tộc thành một liên minh quốc gia thống nhất. Vì những tàn dư của chủ nghĩa dân tộc là một hình thức đặc biệt đề phòng ngự chống lại chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, cho nên biện pháp chắc chắn nhất đề xóa bỏ các tàn dư ấy là phải kiên quyết đấu tranh chống lại chủ nghĩa sô-vanh đại Nga. Một khi những tàn dư ấy biến thành chủ nghĩa sô-vanh địa phương, chống lại những nhóm dân tộc nhỏ yếu trong các nước cộng hòa, thì nghĩa vụ của các đảng viên của đảng là phải trực tiếp đấu tranh chống lại những tàn dư ấy. Do đó, nhiệm vụ thứ ba trước mắt của đảng ta là đấu tranh chống lại những tàn dư dân tộc chủ nghĩa, và trước hết là chống lại những hình thức sô-vanh của những tàn dư ấy.

8. Chúng ta phải coi sự kiện sau đây là một biểu hiện nổi bật của cái di sản của quá khứ : một số đông viên chức xô-viết ở trung ương và ở địa phương không coi Liên minh các nước cộng hòa là một liên minh các đơn vị quốc gia bình đẳng về

quyền lợi, có nhiệm vụ bảo đảm cho những nước cộng hòa dân tộc được tự do phát triển, mà lại coi là một bước tiến đến thủ tiêu những nước cộng hòa ấy và coi là bước đầu để thành lập cái gọi là « chính thể thống nhất và không thể phân chia được ». Đại hội lên án cái quan điểm ấy, coi đó là một quan điểm phản vô sản và phản động, và kêu gọi những đảng viên của đảng phải đề cao cảnh giác đừng để cho bọn viên chức xô-viết có xu hướng sô-vanh lợi dụng công cuộc liên hợp các nước cộng hòa và sự hợp nhất các bộ dân ủy làm cái bình phong để che giấu các ý đồ của chúng là không chú ý đến những nhu cầu kinh tế và văn hóa của những nước cộng hòa dân tộc. Sự hợp nhất các bộ dân ủy là một thử thách đối với bộ máy Nhà nước Xô-viết : nếu sự thí nghiệm ấy, trong thực tiễn, lại theo phương hướng sô-vanh và đế quốc, thì đảng buộc phải dùng đến những biện pháp cương quyết nhất để chống lại sự sai lệch ấy, thậm chí có thể đề ra vấn đề bãi bỏ sự hợp nhất đối với một số bộ dân ủy nào đó, cho đến lúc nào bộ máy Nhà nước xô-viết đã được cải tạo một cách thích đáng và đúng theo tinh thần thực sự vô sản và thực sự anh em trong việc chăm lo đến những nhu cầu và nguyện vọng của những dân tộc nhỏ yếu và lạc hậu.

9. Vì Liên minh các nước cộng hòa là một hình thức mới về chung sống giữa các dân tộc, một hình thức mới về sự hợp tác giữa các dân tộc trong cùng một liên bang, trong đó những tàn dư như đã nêu ra trên kia phải được thủ tiêu trong quá trình làm việc chung của các dân tộc, — cho nên những cơ quan tối cao của Liên minh phải được thành lập làm sao để phản ánh được không những các nhu cầu và nguyện vọng chung của tất cả những dân tộc trong Liên minh, mà còn cả những nhu cầu và nguyện vọng riêng của từng dân tộc. Vì lẽ đó, bên cạnh những cơ quan trung ương hiện có của Liên minh, là những cơ quan đại diện cho quần chúng lao động của toàn

thể Liên minh, không phân biệt dân tộc nào cả, cần phải lập ra một cơ quan đặc biệt, đại diện cho các dân tộc trên cơ sở bình đẳng. Có một cơ cấu những cơ quan trung ương của Liên minh như thế mới có thể chú ý được đầy đủ đến những nhu cầu và nguyện vọng của các dân tộc, mới có thể kịp thời giúp đỡ họ khi cần thiết, mới tạo ra được một không khí hoàn toàn tin cậy lẫn nhau, và do đó mới xóa bỏ được cái di sản nói trên, bằng những biện pháp ít đau đớn nhất.

10. Bởi vậy đại hội yêu cầu các đảng viên phải dùng những biện pháp thực tiễn để làm sao cho :

a) trong hệ thống những cơ quan tối cao của Liên minh, phải thiết lập một cơ quan đặc biệt, đại diện cho tất cả các nước cộng hòa và khu dân tộc, không trừ một nước cộng hòa và một khu dân tộc nào, trên cơ sở bình đẳng ;

b) các bộ dân ủy trong Liên minh phải được xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm thỏa mãn các nhu cầu và nguyện vọng của các dân tộc trong Liên minh ;

c) thành phần nhân viên những cơ quan của các nước cộng hòa và khu dân tộc, chủ yếu phải là người địa phương, biết tiếng địa phương, điều kiện sinh hoạt và phong tục tập quán của các dân tộc địa phương.

II

1. Trong phần lớn các nước cộng hòa dân tộc, những tổ chức của đảng ta phát triển trong những điều kiện không được hoàn toàn thuận lợi cho bước trưởng thành và củng cố của những tổ chức ấy. Tình trạng lạc hậu về kinh tế của những nước cộng hòa ấy, tình trạng số lượng giai cấp vô sản dân tộc còn ít ỏi, tình trạng thiếu thốn hoặc thậm chí không có những cán bộ lão thành của đảng là người địa phương, tình trạng

không có sách báo mác-xít quan trọng xuất bản bằng tiếng địa phương, sự non yếu của công tác giáo dục của đảng, và sau hết, tình trạng còn có những tàn tích của những truyền thống dân tộc chủ nghĩa cực đoan chưa bị thủ tiêu hẳn, — tất cả những điều đó đã làm cho nảy sinh ra trong số người cộng sản địa phương một thiên hướng rõ rệt, thiên hướng đánh giá quá cao những đặc điểm dân tộc và đánh giá quá thấp những quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản, tức là thiên hướng dân tộc chủ nghĩa. Hiện tượng ấy trở thành đặc biệt nguy hiểm trong những nước cộng hòa có nhiều dân tộc, ở đó, trong những người cộng sản thuộc dân tộc mạnh hơn, hiện tượng đó thường mang hình thức một thiên hướng sô-vanh chủ nghĩa mà mũi nhọn thì chĩa vào những người cộng sản thuộc các dân tộc nhỏ yếu hơn (như Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian, Bu-kha-ra, Khô-rê-dơ-mơ). Thiên hướng dân tộc chủ nghĩa ấy thật là nguy hại, vì nó cản trở công cuộc giải phóng giai cấp vô sản dân tộc thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp tư sản dân tộc, nó gây khó khăn thêm cho việc tập hợp những người vô sản trong các dân tộc thành một tổ chức quốc tế chủ nghĩa thống nhất.

2. Mặt khác, trong những cơ quan trung ương của đảng cũng như trong những tổ chức của các đảng cộng sản ở các nước cộng hòa dân tộc, có một số lớn cán bộ lão thành của đảng vốn là người Nga, họ không quen với phong tục tập quán và ngôn ngữ của quần chúng lao động ở các nước cộng hòa ấy, vì thế nên không luôn luôn quan tâm đến những nhu cầu của quần chúng ấy ; việc đó làm cho trong đảng ta nảy ra một thiên hướng đánh giá quá thấp những đặc điểm dân tộc và ngôn ngữ dân tộc trong công tác của đảng, một thái độ ngạo mạn coi thường những đặc điểm ấy, một thiên hướng sô-vanh chủ nghĩa đại Nga. Thiên hướng ấy nguy hại, không những vì nó cản trở việc đào tạo những cán bộ cộng sản người địa phương, biết tiếng nói địa phương, tạo ra cái nguy cơ làm cho đảng có

thể bị tách rời khỏi quần chúng vô sản ở các nước cộng hòa dân tộc, mà trước hết còn là vì nó nuôi dưỡng và vun xới cho thiên hướng dân tộc chủ nghĩa nói trên, gây khó khăn thêm cho cuộc đấu tranh chống lại thiên hướng dân tộc chủ nghĩa ấy.

3. Đại hội lên án hai thiên hướng ấy, coi đó là có hại và nguy hiểm cho sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, làm cho đảng viên của đảng chú ý đến tác hại và mối nguy cơ đặc biệt của thiên hướng chủ nghĩa sô-vanh đại Nga. Đại hội kêu gọi đảng phải thủ tiêu hết sức mau chóng tất cả những tàn dư ấy của quá khứ, trong công tác tổ chức đảng của mình.

Đại hội trao cho Ban Chấp hành trung ương nhiệm vụ thi hành những biện pháp thực tiễn sau đây :

a) tổ chức những nhóm nghiên cứu cao cấp về chủ nghĩa Mác cho những cán bộ phụ trách của đảng ở địa phương trong các nước cộng hòa dân tộc ;

b) phát triển những sách báo mác-xít có tính nguyên tắc, xuất bản bằng tiếng địa phương ;

c) tăng cường trường Đại học các dân tộc phương Đông và những phân hiệu của trường đó ở các địa phương ;

d) thành lập những nhóm cán bộ chỉ đạo người địa phương, trực thuộc các Ban Chấp hành trung ương của các đảng cộng sản các dân tộc ;

đ) phát triển sách báo có tính chất quần chúng của đảng, xuất bản bằng tiếng địa phương ;

e) đẩy mạnh công tác giáo dục của đảng trong các nước cộng hòa;

g) đẩy mạnh công tác thanh niên trong các nước cộng hòa.

« Sự thật » số 65,
24 tháng Ba 1923

Ký tên : J. Sta-lin

ĐẠI HỘI XII
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA[61]

17 — 25 tháng Tư 1923

Đại hội XII của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) Nga. Báo cáo ghi tốc ký. Mạc-tư-khoa, 1923

1. BÁO CÁO TỔ CHỨC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA

17 tháng Tư

Các đồng chí ! Tôi nghĩ rằng bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương đảng trong tạp chí *Tin tức của Ban Chấp hành trung ương*[62] là rất đầy đủ về chi tiết, cho nên ở đây, trong bản báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương không cần phải nhắc lại nữa.

Tôi cho rằng báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương phải gồm ba phần.

Phần thứ nhất phải bàn đến những mối liên hệ về tổ chức của đảng với giai cấp công nhân, những mối liên hệ và những bộ máy có tính chất quần chúng tạo điều kiện thuận lợi cho đảng và giúp cho đảng thực hiện được sự lãnh đạo đối với giai cấp công nhân, giúp cho giai cấp công nhân trở thành đội quân của đảng.

Phần thứ hai, theo tôi, phải bàn đến những mối liên hệ về tổ chức và những bộ máy có tính chất quần chúng nhờ đó giai cấp công nhân liên hệ với nông dân. Đó là bộ máy Nhà nước. Nhờ có bộ máy Nhà nước, giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của đảng, mới thực hiện được sự lãnh đạo đối với nông dân.

Phần thứ ba, và là phần cuối cùng, phải bàn đến bản thân đảng về mặt đảng là một cơ thể có đời sống riêng của mình và về mặt đảng là bộ máy đề ra những khẩu hiệu và kiểm tra việc chấp hành các khẩu hiệu đó.

Tôi xin đề cập đến phần thứ nhất của bản báo cáo. Tôi sẽ nói về đảng với tính cách là đội tiền phong, và về giai cấp công nhân với tính cách là đội quân của đảng ta. Theo lối so sánh, người ta có thể nghĩ rằng những quan hệ ở đây cũng giống như những quan hệ trong quân đội, nghĩa là đảng ra mệnh lệnh, những khẩu hiệu được truyền đi bằng điện tín, và còn quân đội, nghĩa là giai cấp công nhân, thì chấp hành các mệnh lệnh đó. Cách nhận định như vậy thật là hoàn toàn sai lầm. Trong lĩnh vực chính trị, vấn đề còn phức tạp hơn nhiều. Vì trong lĩnh vực quân sự, chính bản thân bộ chỉ huy thành lập quân đội, tổ chức quân đội, còn ở đây, trong lĩnh vực chính trị, đảng không thành lập quân đội của mình, mà là tìm ra quân đội của mình : đó là giai cấp công nhân. Điều khác biệt thứ hai là ở chỗ : trong lĩnh vực quân sự, bộ chỉ huy không những chỉ thành lập quân đội mà còn nuôi dưỡng nó và trang bị quần áo, giày dép cho nó nữa. Trong lĩnh vực chính trị, không có những hiện tượng như vậy. Đảng không nuôi dưỡng, cũng không trang bị quần áo, giày dép cho đội quân của mình là giai cấp công nhân. Chính vì vậy mà trong lĩnh vực chính trị, vấn đề còn phức tạp hơn nhiều. Chính vì vậy trong lĩnh vực chính trị không phải là giai cấp phụ thuộc vào đảng, mà là ngược lại. Cho nên trong lĩnh vực chính trị, để thực hiện sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp, tức là của đảng, cần phải làm sao cho đảng có chung quanh mình một mạng lưới rộng rãi những tổ chức quần chúng ngoài đảng, những tổ chức đó là những sợi dây chuyền của đảng, thông qua đó, đảng truyền ý chí của mình cho giai cấp công nhân, còn giai cấp công nhân thì từ những quần chúng tản mạn trở thành đội quân của đảng.

Vậy tôi xin chuyển sang vấn đề xem xét các tổ chức đó, các dây chuyền đó, tức là những tổ chức và dây chuyền nối liền đảng với giai cấp, xem xét đảng đã làm được những gì

trong một năm qua để tăng cường những tổ chức đó, những dây chuyền đó.

Công đoàn là dây chuyền thứ nhất, dây chuyền chủ yếu, là bộ máy truyền lực thứ nhất, bộ máy truyền lực chủ yếu, nhờ đó mà đảng liên hệ được với giai cấp công nhân. Những số liệu về tăng cường dây chuyền chủ yếu đó, — tức là dây chuyền nối liền đảng với giai cấp — chứng minh rằng trong một năm hoạt động, đảng đã tăng cường, củng cố được ảnh hưởng của mình đối với những cơ quan lãnh đạo của công đoàn. Tôi sẽ không nói đến Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Nga mà ai nấy đều biết rõ thành phần. Tôi cũng sẽ không nói đến Ban Chấp hành trung ương của các công đoàn. Tôi đặc biệt muốn nói đến các hội đồng công đoàn cấp tỉnh. Năm ngoái, trước ngày họp đại hội XI của đảng ta, 27% các chủ tịch những hội đồng đó là đảng viên của đảng kết nạp trước tháng Mười, năm nay là trên 57%. Đó không phải là một thắng lợi rất to lớn, nhưng dù sao đó cũng là một thắng lợi. Nó chứng tỏ rằng những cán bộ lãnh đạo của đảng ta, những cán bộ vào đảng trước tháng Mười, đã nắm chắc trong tay những sợi dây công đoàn chủ yếu, nhờ những sợi dây đó họ nối liền đảng với giai cấp công nhân.

Tôi sẽ không nói đến thành phần của toàn bộ các công đoàn. Các số liệu cho biết thời kỳ đại hội trước, có khoảng sáu triệu đoàn viên công đoàn. Năm nay, lúc khai mạc đại hội này, con số đó là 4.800.000. Người ta có thể cho đây là một sự thụt lùi ; nhưng đó chỉ là một hiện tượng bề ngoài mà thôi. Cho phép tôi nói ra đây một sự thật, năm ngoái, con số đoàn viên công đoàn có bị thổi phồng lên. Những số liệu cung cấp lúc đó không phản ánh được chính xác tình hình thực tế. Những số liệu cung cấp cho đại hội này, dù cho có thấp hơn những số liệu năm ngoái, nhưng thật hơn và thực tế hơn. Tôi thấy ở đó có một sự tiến bộ, mặc dù con số đoàn

viên bị giảm sút. Vậy, một mặt, cải tạo các công đoàn, từ những tổ chức bị thổi phồng một cách giả tạo và nửa quan liêu thành những tổ chức thật sự sinh động, có một đời sống chung với các cơ quan lãnh đạo của mình, và mặt khác, tỷ lệ những cán bộ lãnh đạo của đảng trong các tổ chức công đoàn cấp tỉnh tăng từ 27% lên 57% ; đó là những thắng lợi mà chúng ta nhận thấy trong vòng một năm qua về mặt hoạt động của đảng ta để củng cố các công đoàn.

Nhưng trong lĩnh vực đó, không thể nói được rằng mọi việc đều là hoàn hảo. Các công đoàn cơ sở, — tức là các ủy ban nhà máy, — chưa phải là ở đâu cũng thuộc về chúng ta. Ví dụ, trong số 146 ủy ban nhà máy tỉnh Khác-cốp thì 70 không có một đảng viên cộng sản nào. Nhưng đó là những trường hợp cá biệt. Cần phải thừa nhận rằng nói chung, sự phát triển của các công đoàn, về mặt tăng cường ảnh hưởng của đảng đối với những tổ chức cấp tỉnh cũng như là đối với những tổ chức cơ sở, đã đánh dấu một sự tiến bộ không thể chối cãi. Đấy là một mặt trận mà ta có thể xem như là đảng đã chiếm lĩnh được rồi. Trong lĩnh vực công đoàn, chúng ta không có những đối thủ mạnh.

Hợp tác xã là dây chuyền thứ hai, bộ máy truyền lực thứ hai có tính chất quần chúng, nhờ đó mà đảng liên hệ với giai cấp. Trước hết tôi muốn nói đến những hợp tác xã tiêu thụ, đến thành phần công nhân trong các hợp tác xã tiêu thụ ấy, rồi, sau đó đến những hợp tác xã nông nghiệp, bởi lẽ rằng các hợp tác xã nông nghiệp bao gồm những dân nghèo nông thôn. Trước khi họp đại hội XI, những xã viên công nhân của Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương có khoảng ba triệu. Năm nay, lúc khai mạc đại hội này, ta thấy có tăng lên một chút : 3.300.000. Thật là rất ít. Nhưng trong điều kiện hiện nay, trong điều kiện chính sách kinh tế mới, điều đó cũng là một sự tiến bộ. Nếu cứ tính mỗi gia đình công nhân có ba

người thì tất cả có khoảng chín triệu người thuộc tầng lớp công nhân được tổ chức, với tính cách là người tiêu thụ chung quanh những hợp tác xã tiêu dùng ; đối với các hợp tác xã này ảnh hưởng của đảng ngày càng rộng lớn...

Trước kỳ đại hội vừa qua, chúng ta không có một tài liệu nào nói rõ là trong các hợp tác xã tiêu dùng lực lượng của đảng có bao nhiêu : 2, 3, 5% là cùng. Hiện nay trong các cơ quan cấp tỉnh của Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng trung ương, chúng ta có ít ra là 50% đảng viên cộng sản. Đó cũng là một sự tiến bộ.

Tình hình các hợp tác xã nông nghiệp có kém hơn một chút. Các hợp tác xã nông nghiệp hiển nhiên là đang phát triển. Năm ngoái, thời kỳ đại hội, các hợp tác xã nông nghiệp bao gồm chưa được 1.700.000 nông hộ ; năm nay, lúc khai mạc đại hội này, các hợp tác xã nông nghiệp bao gồm ít ra là bốn triệu nông hộ. Trong đó có một bộ phận nào đấy của nông dân nghèo đi theo giai cấp vô sản. Chính vì thế mà việc làm sáng tỏ xem ảnh hưởng của đảng rộng lớn đến chừng mực nào trong các hợp tác xã nông nghiệp, cũng là một điều bổ ích. Chúng ta không có số liệu về năm ngoái. Năm nay, có ít ra là 50% đảng viên cộng sản trong các tổ chức hợp tác xã nông nghiệp cấp tỉnh (tuy rằng các số liệu này đối với tôi cũng vẫn còn đáng nghi). Nếu quả là đúng thì đó là một bước tiến to lớn. Tình hình các tổ chức cơ sở thì xấu hơn, ở đó chúng ta vẫn chưa thể giải thoát được những hợp tác xã cơ sở khỏi ảnh hưởng của những lực lượng thù địch đối với chúng ta.

Đoàn thanh niên là dây chuyền thứ ba nối liền giai cấp với đảng. Vị tất đã cần phải chứng minh tầm quan trọng lớn lao của đoàn thanh niên, và của thanh niên nói chung, trong việc phát triển đảng ta. Những số liệu mà chúng ta có trong tay chứng tỏ rằng năm ngoái, trước khi họp đại hội XI, đoàn thanh niên chưa được 400.000 đoàn viên. Rồi, giữa năm 1922,

khi xảy ra việc giản chính nhân viên, khi chế độ dành chỗ cho thanh niên ở trong ngành công nghiệp chưa được chấp hành đầy đủ, và khi đoàn thanh niên chưa có khả năng thích ứng với những điều kiện mới, thì con số đó giảm xuống 200.000. Nhưng hiện nay, và nhất là từ mùa thu năm ngoái, đoàn thanh niên phát triển một cách phi thường ; đoàn thanh niên hiện có ít ra là 400.000 đoàn viên. Điều phấn khởi nhất là sự phát triển đó trước hết là do kết nạp những thanh niên công nhân. Sự phát triển đó diễn ra trước hết là ở những vùng nào mà nền công nghiệp của chúng ta đang được khôi phục.

Các đồng chí đều biết rằng hoạt động chủ yếu của đoàn thanh niên trong công nhân là những trường thực tập ở nhà máy. Những số liệu chứng minh rằng năm ngoái, trước khi họp đại hội XI, chúng ta có 500 trường loại đó, gồm khoảng 44.000 học sinh. Tháng Giêng vừa rồi, số trường đó là trên 700 với 50.000 học sinh. Nhưng điều chủ yếu là học sinh tăng lên đó đều là những công nhân trong đoàn thanh niên.

Cũng như mặt trận trên, tức là mặt trận hợp tác xã nông nghiệp, mặt trận thanh niên phải được coi là đang bị đặc biệt đe dọa, vì những đối thủ của đảng ta đang tiến công chúng ta trong khu vực này một cách hăng hái đặc biệt. Chính ở đây, trên hai mặt trận này, đảng và các tổ chức của đảng phải dốc hết sức lực ra để đảm bảo có được một ảnh hưởng ưu thế.

Tôi xin bàn tiếp đến những hội nghị đại biểu nữ công nhân. Đây cũng lại là một bộ phận dây chuyền rất quan trọng, cơ bản, mặc dù các tổ chức của chúng ta có lẽ không quan tâm tới mức cần thiết đến bộ phận dây chuyền đó ; nó nối liền đảng ta với tầng lớp phụ nữ trong giai cấp công nhân. Sau đây là những số liệu mà chúng ta nắm được : năm ngoái, trước khi họp đại hội XI, trong 57 tỉnh và 3 khu có khoảng 16.000 nữ đại biểu, phần đông là nữ công nhân. Năm nay,

trước kỳ đại hội này, cũng trong những tỉnh và khu đó, có ít ra là 52.000 nữ đại biểu, trong đó 33.000 là nữ công nhân. Đấy là một bước tiến rất to lớn. Cần phải chú ý đến điểm này : đây là một mặt trận mà cho đến nay chúng ta ít quan tâm đến, tuy rằng đối với chúng ta mặt trận đó có một tầm quan trọng rất lớn lao. Một khi sự nghiệp đang tiến tới, một khi đã có cơ sở để củng cố và mở rộng bộ máy đó, một khi đã có cơ sở để hướng những sợi dây chuyền của đảng nhằm phá tan được ảnh hưởng của các cha cố đối với thanh niên, tức là lớp người do phụ nữ nuôi dưỡng, thì một trong những nhiệm vụ trước mắt của đảng tất nhiên là cũng phải đưa hết nghị lực vào mặt trận đó, chắc chắn là đang bị đe dọa.

Tôi xin bàn đến vấn đề trường học. Ở đây, ý tôi muốn nói đến những trường chính trị, những trường của đảng và của các Xô-viết, cũng như những đại học cộng sản. Đây cũng là một bộ máy thông qua đó đảng phát triển việc giáo dục chủ nghĩa cộng sản, đào tạo những cán bộ giảng dạy, những người đem gieo những hạt giống chủ nghĩa xã hội, những hạt giống chủ nghĩa cộng sản trong tầng lớp công nhân và do đó thắt chặt đảng với giai cấp công nhân bằng những sợi dây tinh thần. Theo các số liệu thì năm ngoái các trường của đảng và của các Xô-viết có khoảng 22.000 học viên. Năm nay, có ít ra là 33.000 học viên, nếu kể cả những trường giáo dục chính trị ở thành phố do Nha Giáo dục chính trị đài thọ. Về các trường đại học cộng sản, vốn có một tầm quan trọng lớn lao đối với vấn đề giáo dục chủ nghĩa cộng sản, thì lại phát triển rất ít : từ khoảng 6.000 học viên tăng lên 6.400. Đảng cần phải cố gắng gấp bội trên mặt trận đó, đẩy mạnh công tác để đào tạo, để rèn luyện những cán bộ giảng dạy chủ nghĩa cộng sản.

Tôi xin chuyển sang vấn đề báo chí. Báo chí không phải là một bộ máy quần chúng, một tổ chức quần chúng, nhưng

báo chí thiết lập một mối liên hệ vô hình giữa đảng và giai cấp công nhân, mối liên hệ đó, về mặt sức mạnh của nó mà nói, cũng giống như bất cứ một bộ máy truyền lực nào có tính chất quần chúng. Người ta nói rằng báo chí là thế lực lớn mạnh thứ sáu. Tôi không rõ nó ở vào thứ mấy, nhưng nó có sức mạnh và có tác dụng lớn lao, điều đó không thể chối cãi được. Báo chí là vũ khí mạnh nhất nhờ nó, hàng ngày hàng giờ, đảng nói với giai cấp công nhân tiếng nói của đảng, tiếng nói cần thiết cho đảng. Trên thế giới không có một phương tiện nào khác thiết lập được những mối liên hệ tinh thần giữa đảng và giai cấp, không có một bộ máy nào khác linh hoạt như là báo chí. Đó là lý do vì sao đảng cần phải đặc biệt chú ý đến lĩnh vực này và cần phải nói rằng ở đây chúng ta cũng đã có được một số thành công. Hãy lấy thí dụ các báo. Theo các số liệu cung cấp cho tôi thì năm ngoái có 380 tờ báo, năm nay ít nhất là 528 tờ báo. Số bản in năm ngoái là 2.500.000 ; nhưng đó là số bản in có phần giả định chứ không phải là số bản in thật sự. Mùa hạ, khi số tiền trợ cấp cho báo chí giảm đi và báo chí buộc phải tự lực cánh sinh thì số bản in sụt xuống 900.000. Trước khi họp đại hội này số bản in là khoảng hai triệu. Như vậy là báo chí đã bớt dựa vào tiền phụ cấp của Nhà nước, nó sống dựa vào tiền của nó và là một vũ khí sắc bén trong tay đảng, nhờ đó mà đảng liên hệ được với quần chúng : nếu không, số bản in đã không có thể tăng lên và giữ vững được.

Tôi xin chuyển sang một bộ máy truyền lực khác là quân đội. Người ta thường có thói quen coi quân đội là một bộ máy phòng ngự hoặc tiến công. Còn tôi, tôi coi nó là nơi tập hợp công nhân và nông dân. Lịch sử của tất cả các cuộc cách mạng chứng minh rằng quân đội là nơi tập hợp duy nhất mà công nhân và nông dân ở những tỉnh khác nhau, người nọ không biết người kia, tập hợp lại và, một khi tập hợp lại

rồi, họ hình thành những quan điểm chính trị của họ. Không phải là một sự ngẫu nhiên mà những cuộc tổng động viên lớn và những cuộc chiến tranh quan trọng vẫn thường gây ra những cuộc xung đột xã hội, những phong trào cách mạng tính chất quần chúng. Đó là vì trong quân đội, nông dân và công nhân ở những miền xa xôi nhất của đất nước được gặp nhau lần đầu tiên. Thật vậy, bình thường ra, người nông dân ở Vô-rô-ne-giơ và người dân ở Pê-tơ-rô-gơ-rát không tiếp xúc với nhau, người dân ở Pơ-scốp không bao giờ gặp người dân ở Xi-bi-ri ; vậy mà giờ đây họ lại gặp nhau trong quân đội. Quân đội là trường học, là nơi tập hợp công nhân và nông dân, và về mặt này, sức mạnh của đảng và ảnh hưởng của đảng đối với quân đội có một tầm quan trọng rất to lớn ; do đó, quân đội là một bộ máy hết sức lớn lao khiến cho đảng liên hệ được với công nhân và nông dân nghèo. Nó là điểm tập hợp duy nhất của toàn Nga, của toàn liên bang, tại đây những người ở các tỉnh và các khu khác nhau, một khi tập hợp lại rồi, họ liền học tập và làm quen với sinh hoạt chính trị. Và trong bộ máy truyền lực có tính chất quần chúng và cực kỳ quan trọng đó, có những điểm thay đổi sau đây : trước khi họp kỳ đại hội nói trên, tỷ lệ những đảng viên cộng sản là 7,5% ; năm nay tỷ lệ đó là 10%. Trong thời kỳ đó, quân đội giảm bớt quân số, nhưng chất lượng quân đội thì lại được nâng lên. Ảnh hưởng của đảng tăng, và trong điểm tập hợp cơ bản đó, chúng ta đã thu được thắng lợi về mặt phát triển ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Năm ngoái số đảng viên cộng sản trong ban chỉ huy, kể cả các tiểu đội trưởng, chiếm 10% và năm nay 13%. Nếu không tính các tiểu đội trưởng thì tỷ lệ đó là 16% năm ngoái và 24% năm nay.

Đó là những dây chuyền, đó là những tổ chức quần chúng tập hợp xung quanh đảng, và các tổ chức đó nối liền đảng

với giai cấp công nhân, khiến bản thân đảng trở thành đội tiên phong và giai cấp công nhân trở thành quân đội.

Đó là mạng lưới những mối dây liên hệ, mạng lưới những điềm truyền lực, nhờ đó đảng trở thành một đội tiên phong khác hẳn với ban chỉ huy quân sự, và nhờ đó giai cấp công nhân, từ những quần chúng tản mạn, biến thành một đội quân chính trị chân chính.

Sở dĩ đảng ta đạt được những thành tích trong các lĩnh vực đó về mặt tăng cường các mối liên hệ, đó không những là vì đảng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm hơn về mặt ấy, bản thân những phương tiện gây ảnh hưởng đối với những bộ máy truyền lực đó cũng đã được hoàn chỉnh, mà còn là vì tình hình chính trị chung ở trong nước đã giúp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thắng lợi đó.

Năm ngoái, xảy ra nạn đói với những hậu quả của nó, công nghiệp thì đình đốn, giai cấp công nhân thì phân tán tản mạn và vân vân. Ngược lại, năm nay được mùa, trong công nghiệp đã có những bộ phận phát triển, đã mở ra một quá trình tập hợp giai cấp vô sản, đời sống công nhân được cải thiện. Những công nhân già trước kia buộc phải phân tán về nông thôn thì nay lại ùn ùn trở về công xưởng và nhà máy ; tất cả các điều này tạo ra một tình hình thuận lợi về chính trị đối với công tác rộng lớn của đảng nhằm tăng cường những bộ máy liên hệ nói trên.

Bây giờ tôi xin chuyền sang phần thứ hai của bản báo cáo của tôi nói về đảng và bộ máy Nhà nước. Bộ máy Nhà nước là bộ máy quần chúng chủ yếu, nó thông qua đảng của giai cấp công nhân mà nối liền giai cấp công nhân đang nắm chính quyền với nông dân, và nó tạo điều kiện cho giai cấp công nhân thông qua đảng của nó mà lãnh đạo nông dân. Tôi xin liên hệ trực tiếp phần này của bản báo cáo của tôi với hai bài luận văn nổi tiếng của đồng chí Lê-nin[63].

Tư tưởng do đồng chí Lê-nin phát triển trong hai bài luận văn đó là hoàn toàn mới mẻ đối với nhiều người. Về phần tôi, tôi cho rằng tư tưởng phát triển trong hai bài luận văn đó đã được Vơ-la-đi-mia I-li-stơ suy nghĩ đến từ năm ngoái. Chắc các đồng chí còn nhớ bản báo cáo chính trị của đồng chí Lê-nin năm ngoái. Đồng chí Lê-nin nói rằng chính sách của chúng ta là đúng, nhưng bộ máy thì trục trặc ; rằng vì lý do đó, chiếc xe không đến nơi mà nó phải tới, nó đã đi chệch đường. Hẳn ta còn nhớ, về vấn đề này Sli-áp-ni-cốp đã cãi lại rằng tài xế là vô tích sự. Hiển nhiên là sai lầm. Hoàn toàn sai lầm. Chính sách là đúng, còn tài xế thì rất giỏi ; kiểu xe thì tốt ; đó là một kiểu xe xô-viết ; nhưng các bộ phận của chiếc xe Nhà nước, nghĩa là những viên chức này nọ của bộ máy Nhà nước, thì tồi, không phải là người của chúng ta. Bởi vậy chiếc xe trục trặc và kết quả là xét về toàn bộ người ta xuyên tạc một đường lối chính trị đúng đắn. Đường lối đó không được chấp hành mà là bị xuyên tạc. Tôi xin nhắc lại, bộ máy Nhà nước là một kiểu mẫu đúng đắn, nhưng các bộ phận thì còn xa lạ, quan liêu, nửa Nga hoàng và tư sản. Chúng ta muốn một bộ máy Nhà nước là công cụ phục vụ quần chúng nhân dân, trong khi đó thì một số người trong bộ máy đó lại muốn biến nó thành một cần câu cơm. Bởi vậy toàn bộ bộ máy trục trặc. Nếu chúng ta không khắc phục điểm đó thì chỉ riêng với đường lối chính trị đúng đắn không thôi, chúng ta sẽ không tiến xa được : đường lối chính trị đó sẽ bị xuyên tạc ; quan hệ giữa giai cấp công nhân và nông dân sẽ bị cắt đứt. Kết quả là chúng ta có ngồi mãi ở tay lái cũng vô ích vì chiếc xe không chịu phục tùng chúng ta nữa. Thế là sẽ phá sản. Đấy là những tư tưởng mà đồng chí Lê-nin đã phát triển ngay từ hồi năm ngoái, và chỉ đến năm nay thì đồng chí mới trình bày thành một hệ thống chặt chẽ, nhằm

cải tổ Ban Kiềm tra trung ương và Ban Thanh tra công nông khiến cho bộ máy thanh tra, sau khi được cải tổ rồi, sẽ cung cấp được phương tiện tu sửa tất cả các bộ phận của chiếc xe, để thay thế những bộ phận cũ vô giá trị bằng những phụ tùng mới, nếu như chúng ta thật sự muốn chiếc xe đi đến nơi mà phải đi.

Đấy là nội dung cơ bản của đề nghị của đồng chí Lê-nin.

Tôi có thể nêu ra một sự kiện là việc kiểm tra tơ-rớt Ô-rê-khô-vô Du-ê-vô, một tổ chức kiểu xô-viết có nhiệm vụ sản xuất thật nhiều hàng công nghiệp để cung cấp cho nông dân ; vậy mà tơ-rớt kiểu xô-viết đó lại đem chuồn những hàng công nghiệp vào tay tư nhân, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước. Chiếc xe đã không đi đến nơi mà nó phải tới.

Tôi có thể nêu ra sự kiện sau đây do đồng chí Vô-rô-si-lốp một hôm đã kể lại cho tôi nghe. Ở ta có một cơ quan gọi là Phòng công nghiệp. Ở miền Đông-Nam có Phòng công nghiệp đó. Bộ máy của nó gồm khoảng 2.000 nhân viên. Phòng công nghiệp đó có nhiệm vụ lãnh đạo ngành công nghiệp của khu đó. Đồng chí Vô-rô-si-lốp đã trình bày một cách tuyệt vọng với tôi rằng không phải là chuyện dễ dàng làm chủ được bộ máy đó và để lãnh đạo bộ máy ấy, đồng chí Vô-rô-si-lốp đã phải tạo ra một bộ máy bổ sung nho nhỏ, tức là để lãnh đạo bộ máy lãnh đạo. Có nhiều người tốt, như các đồng chí Vô-rô-si-lốp, Ay-smông và Mi-cai-an, đã thật sự bắt tay vào việc. Thế là đáng lẽ phải có một bộ máy 2.000 người thì chỉ cần 170 người thôi cũng đủ. Kết quả ra sao ? Hiện nay người ta nhận thấy rằng công việc lại chạy tốt hơn nhiều so với trước ! Trước đây bộ máy làm ra được bao nhiêu nuốt hết bấy nhiêu. Bây giờ thì bộ máy phục vụ công nghiệp. Những sự thật vào loại đó rất nhiều, nhiều vô kể, hơn cả số tóc mà tôi có trên đầu !

Tất cả những sự thật đó chỉ chứng tỏ một điều : các tổ chức xô-viết của chúng ta là thuộc một kiểu đúng đắn, nhưng

thường thường các tổ chức đó lại gồm những người có những tập quán và truyền thống, trên thực tế, phá hỏng cả một đường lối chính trị đúng đắn. Đó là nguyên nhân làm cho toàn bộ chiếc xe trục trặc ; kết quả là gây ra một tổn thất rất lớn về chính trị và làm cho mối quan hệ giữa giai cấp vô sản và nông dân có nguy cơ bị cắt đứt.

Vấn đề đặt ra là như sau : hoặc là chúng ta sẽ cải tiến những tổ chức kinh tế, chúng ta sẽ giảm nhân sự, chúng ta sẽ giản chính, chúng ta sẽ giảm chi phí, chúng ta sẽ đưa vào các tổ chức đó những người gần gũi với đảng về tư tưởng, và lúc đó chúng ta sẽ đạt được mục đích mà chúng ta đã đề ra cho chính sách kinh tế mới : công nghiệp sẽ sản xuất được thật nhiều hàng công nghiệp để cung cấp cho nông thôn và đổi lấy những sản phẩm cần thiết ; như vậy, chúng ta sẽ thắt chặt khối liên minh giữa kinh tế nông dân và kinh tế công nghiệp. Hoặc là chúng ta sẽ không làm được như vậy và thế là sẽ phá sản.

Hoặc còn là như sau : hoặc là bản thân bộ máy Nhà nước, bộ máy thuế vụ sẽ được giản chính, bọn ăn cắp bịp bợm sẽ bị tống cổ ra khỏi bộ máy đó, lúc ấy chúng ta sẽ có thể lấy ở nông dân ít hơn bây giờ, và nền kinh tế quốc dân sẽ đứng vững. Hoặc là bộ máy đó sẽ trở thành một mục đích tự nó như là trường hợp ở khu Đông-Nam, tất cả những gì mà chúng ta lấy ở nông dân đều phải đem chi phí cho việc đài thọ bản thân bộ máy, như thế là sẽ phá sản về chính trị.

Tôi tin chắc rằng đó là những tư tưởng đã chỉ đạo Vơ-la-đi-mia I-li-tsơ khi đồng chí viết những bài nói trên.

Những kiến nghị của đồng chí Lê-nin còn có một khía cạnh khác. Mục đích của đồng chí ấy không những là nhằm làm thế nào để bộ máy được cải tiến và vai trò lãnh đạo của đảng được tăng cường đến mức cao nhất, — đảng đã tổ chức ra Nhà nước, vậy chính đảng là người sẽ cải tiến Nhà nước, —

hiển nhiên là đồng chí Lê-nin còn nghĩ đến khía cạnh đạo đức nữa. Đồng chí Lê-nin muốn đạt tới chỗ trong toàn bộ đất nước không còn lấy một người nào có địa vị, thậm chí có địa vị cao nhất, mà để cho người thường dân có thể nói được rằng : ông ấy đứng trên pháp luật. Cái khía cạnh đạo đức đó là mặt thứ ba của kiến nghị của I-li-tsơ, kiến nghị đó đề ra nhiệm vụ không những phải quét sạch khỏi bộ máy Nhà nước, mà cũng còn phải quét sạch khỏi đảng tất cả các truyền thống và tập quán quan lớn đã gây tác hại cho đảng ta.

Tôi xin chuyển sang vấn đề lựa chọn cán bộ mà I-li-tsơ đã nói đến ngay từ đại hội XI. Nếu đối với chúng ta, rõ ràng là bộ máy Nhà nước của chúng ta tồi vì thành phần của nó, vì các tập quán và truyền thống của nó, do đó làm cho quan hệ giữa công nhân và nông dân có nguy cơ bị cắt đứt,—thì cũng rõ ràng là vai trò lãnh đạo của đảng không phải chỉ thể hiện ở chỗ ra chỉ thị mà còn ở chỗ đặt vào những cương vị nhất định những người có khả năng quán triệt và chấp hành trung thực các chỉ thị của chúng ta. Thiết tưởng không cần phải chứng minh rằng giữa công tác chính trị của Ban Chấp hành trung ương và công tác tổ chức, không có ranh giới nào không vượt qua được.

Trong chúng ta vị tất đã có ai quả quyết rằng chỉ cần định ra một đường lối chính trị đúng đắn, thế là công việc đã xong. Không, đó mới chỉ là một nửa công việc. Sau khi đã định ra được đường lối chính trị đúng đắn thì cần phải lựa chọn những cán bộ làm sao đặt đúng vào các cương vị những người biết chấp hành các chỉ thị, có thể hiểu được các chỉ thị, có thể coi những chỉ thị như một cái gì của chính bản thân mình, và có khả năng thực hiện những chỉ thị. Nếu không, chính sách sẽ mất hết ý nghĩa và trở thành những lời nói suông. Đó là lý do vì sao mà Cục đăng ký và phân phối, — một tổ chức của Ban Chấp hành trung ương có nhiệm vụ đăng ký các cán

bộ chủ yếu của chúng ta, từ cơ sở đến trung ương, và phân phối những cán bộ đó, — có một tầm quan trọng to lớn. Cho đến nay, Cục chỉ thu hẹp trong việc đăng ký và phân phối những đồng chí thuộc các ban chấp hành quận, tỉnh và khu. Nói thẳng ra thì ngoài việc đó Cục đăng ký và phân phối không làm gì nữa. Ngày nay chiến tranh đã kết thúc ; những cuộc động viên hàng loạt và từng khối đều đã chấm dứt, đã mất hết ý nghĩa, — như cuộc động viên hàng nghìn người mà Ban Chấp hành trung ương phải gánh vác năm ngoái và là một thất bại, đã chứng minh, — vì trong những điều kiện hiện tại, khi công tác đi vào bề sâu, khi chúng ta thực hiện phương châm chuyên môn hóa, khi chúng ta phải nghiên cứu sâu sắc từng người thì những cuộc động viên hàng loạt chỉ có thể là có hại mà chẳng đem lại ích lợi gì ở địa phương cả ; bởi vậy, ngày nay Cục không thể chỉ bó hẹp trong việc đăng ký và phân phối những cán bộ thuộc các ban chấp hành tỉnh và quận.

Tôi xin nêu ra những số liệu. Đại hội XI đã ủy nhiệm cho Ban Chấp hành trung ương động viên ít nhất là một nghìn cán bộ Mạc-tư-khoa. Ban Chấp hành trung ương dự định động viên khoảng 1.500 người. Vì đau ốm hoặc vì những lý do khác, chỉ có thể động viên được 700, trong đó theo sự phản ánh của các địa phương, chỉ có 300 là tương đối có thể làm được việc. Đấy, các đồng chí xem, những cuộc động viên hàng loạt theo kiểu cũ vẫn thường tiến hành trước đây, không còn thích hợp nữa bởi vì công tác của đảng đã đi vào bề sâu, công tác đó thay đổi tùy theo từng ngành kinh tế khác nhau; chuyển hàng loạt những đồng chí từ cương vị này sang cương vị khác, trước hết đó là đưa họ vào trạng thái không hoạt động được, và thứ hai là không thỏa mãn được những nhu cầu tối thiểu của các tổ chức yêu cầu những cán bộ mới.

Tôi muốn nêu ra một vài số liệu của một công trình nghiên cứu về ban lãnh đạo ngành công nghiệp của chúng ta, dựa theo cuốn sách nồi tiếng[64] của Xô-rô-kin hiện công tác ở Cục đăng ký và phân phối. Nhưng trước khi nêu ra những số liệu đó, tôi cần phải nói đến cuộc cải cách mà Ban Chấp hành trung ương đã tiến hành ở Cục trong quá trình làm công tác đăng ký cán bộ. Trước đây, như tôi đã nói, Cục chỉ bó hẹp trong việc đăng ký và phân phối cán bộ thuộc các ban chấp hành tỉnh và quận; ngày nay, công tác của chúng ta đi vào bề sâu, công cuộc xây dựng đã phát triển khắp nơi, cho nên không thể bó hẹp trong phạm vi các ban chấp hành tỉnh và quận. Cần phải nắm lấy tất cả các ngành quản lý không trừ một ngành nào, cũng như là toàn ban lãnh đạo ngành công nghiệp, nhờ đó mà đảng nắm được bộ máy kinh tế của chúng ta và lãnh đạo nó. Vì thế Ban Chấp hành trung ương đã quyết định mở rộng bộ máy của Cục, ở trung ương cũng như ở địa phương, nhằm làm cho người phụ trách Cục có được những cục phó trong các lĩnh vực kinh tế và xô-viết, và các cục phó này có được những người giúp việc trong công tác đăng ký cán bộ lãnh đạo các xí nghiệp và các tơ-rớt, cán bộ lãnh đạo các tổ chức kinh tế địa phương và trung ương, cán bộ lãnh đạo các Xô-viết và đảng.

Chẳng bao lâu cuộc cải cách đó đã đem lại kết quả. Trong một thời gian ngắn, người ta đã có thể đăng ký được các cán bộ lãnh đạo công nghiệp, tức là khoảng 1.300 giám đốc. Trong số đó 29% là đảng viên và 70% là người ngoài đảng. Người ta có thể tưởng rằng số giám đốc người ngoài đảng chiếm đa số trong các xí nghiệp chủ yếu, nhưng điều đó không đúng. Thật ra thì 29% giám đốc đảng viên cộng sản lãnh đạo những xí nghiệp lớn nhất, bao gồm tất cả là trên 300.000 công nhân, còn 70% giám đốc người ngoài đảng lãnh đạo những xí nghiệp bao gồm không quá 250.000 công nhân công nghiệp. Những

xí nghiệp nhỏ là do các giám đốc người ngoài đảng lãnh đạo, còn những xí nghiệp lớn thì do các giám đốc đảng viên lãnh đạo. Sau nữa, trong số giám đốc đảng viên thì số giám đốc là công nhân nhiều gấp ba lần số giám đốc không phải là công nhân. Điều đó chứng tỏ rằng dưới cơ sở của lâu đài công nghiệp, trong các cơ sở chủ chốt, những đảng viên cộng sản và trước hết là toàn thể công nhân đã bắt đầu đảm nhiệm được sự lãnh đạo các xí nghiệp, khác hẳn với trên trung ương, với Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao và các ban của hội đồng đó, là những nơi mà số đảng viên cộng sản còn ít. Điều đáng chú ý là về mặt chất lượng và khả năng, số giám đốc có năng lực là đảng viên cộng sản có nhiều hơn là số giám đốc người ngoài đảng. Do đó ta thấy rằng khi đưa các đảng viên cộng sản vào các xí nghiệp, đảng không những căn cứ vào những lý do thuần túy về mặt đảng, không những căn cứ vào chỗ làm sao tăng cường được ảnh hưởng của mình trong các xí nghiệp, mà còn căn cứ vào những lý do về hiệu quả. Không phải chỉ có đảng, với cương vị của mình, là có lợi trong việc đó, mà cả toàn bộ công cuộc xây dựng kinh tế của chúng ta cũng đều có lợi, vì có nhiều giám đốc có khả năng trong số giám đốc đảng viên cộng sản hơn là trong số giám đốc người ngoài đảng.

Đấy là cuộc thí nghiệm đầu tiên về việc đăng ký các cán bộ lãnh đạo công nghiệp ; như tôi đã nói, cuộc thí nghiệm này là hoàn toàn mới mẻ, chưa bao gồm được tất cả các xí nghiệp, vì 1.300 giám đốc mà cuốn sách nói đến chỉ mới là khoảng một nửa tổng số các xí nghiệp trong diện đăng ký. Nhưng kinh nghiệm chứng tỏ rằng đó là một môi trường vô cùng phong phú, và Cục đăng ký và phân phối cần phải làm hết sức mình để đảng có thể đưa những đảng viên cộng sản vào trong những cơ quan lãnh đạo của những xí nghiệp chủ

chốt, như vậy sẽ thực hiện được việc đảng lãnh đạo bộ máy Nhà nước.

Các đồng chí cần phải biết rõ những kiến nghị mà Ban Chấp hành trung ương đưa ra đại hội xét về vấn đề tổ chức, — cả về mặt đảng cũng như về mặt xô-viết. Về mặt xô-viết, mà tôi vừa mới bàn đến trong phần thứ hai của bản báo cáo của tôi, Ban Chấp hành trung ương đã đề nghị giao cho một ban đặc biệt xem xét vấn đề đó một cách tỉ mỉ, ban này có nhiệm vụ nghiên cứu vấn đề đó cả về mặt đảng cũng như về mặt xô-viết, để rồi sau đó trình bày những đề nghị của mình trước đại hội.

Tôi xin chuyển sang phần thứ ba trong bản báo cáo của tôi : về đảng, với tính cách là một cơ thể và về đảng với tính cách là một bộ máy.

Trước hết cần phải nói một vài lời về thành phần số lượng của đảng ta. Theo các số liệu thì năm ngoái, trước khi họp đại hội XI, số đảng viên vượt quá 400.000 khoảng một vài chục nghìn. Năm nay, do vì đảng tiếp tục giảm bớt số lượng đảng viên, do vì tại nhiều khu đảng đã thanh trừ những thành phần không vô sản, cho nên số lượng đảng viên giảm xuống : dưới 400.000 một chút. Đấy không phải là một điều thiệt mà là một điều lợi, vì thành phần xã hội của đảng ta được cải thiện. Điều đáng chú ý nhất trong sự phát triển của đảng ta, về mặt cải thiện thành phần xã hội của đảng ta, là : trước đây có khuynh hướng muốn tăng thành phần không vô sản ở trong đảng làm giảm thành phần công nhân, năm nay khuynh hướng đó đã chấm dứt; một bước ngoặt đã xảy ra, người ta thấy xuất hiện một xu hướng nhất định, xu hướng tăng thành phần công nhân ở trong đảng làm giảm thành phần không vô sản. Đó là một thành công mà cho đến thời kỳ thanh đảng, chúng ta vẫn luôn luôn nhắm tới, và ngày nay thì chúng ta đã đạt được rồi. Tôi không nói rằng trong lĩnh vực đó tất

cả đều đã hoàn thành, còn lâu mới làm được như thế. Nhưng chúng ta đã thực hiện được một bước ngoặt, chúng ta đã đạt được mức đồng nhất tối thiểu, chúng ta đã đảm bảo cho đảng một thành phần công nhân ; đương nhiên là trong tương lai chúng ta cần phải tiếp tục con đường đó, tiếp tục giảm bớt những thành phần không vô sản trong đảng và tăng thêm những thành phần vô sản. Những biện pháp do Ban Chấp hành trung ương đề ra để cải thiện thường xuyên thành phần của đảng ta, đã được nêu lên trong những kiến nghị của Ban Chấp hành trung ương, tôi không nhắc lại nữa. Hiển nhiên là cần phải tăng cường việc ngăn ngừa không cho những phần tử không vô sản ồ ạt gia nhập đảng, vì hiện nay, trong điều kiện chính sách kinh tế mới, khi mà đảng rõ ràng là đã bị ảnh hưởng độc hại của những phần tử lợi dụng chính sách kinh tế mới, cần thiết phải làm thế nào để đảng đạt được mức đồng nhất tối đa và vô luận thế nào cũng phải làm cho thành phần công nhân chiếm được ưu thế tuyệt đối đối với thành phần không công nhân. Rõ ràng là đảng nhất định và bắt buộc phải làm như thế nếu đảng muốn còn là đảng của giai cấp công nhân.

Tôi xin chuyển sang vấn đề sinh hoạt và sự hoạt động của các ban chấp hành tỉnh của chúng ta. Trong một số bài đăng trên báo chí của chúng ta thường có những lời châm biếm đối với những ban chấp hành tỉnh. Thường thường người ta chế giễu nó, người ta đánh giá thấp sự hoạt động của nó. Nhưng, thưa các đồng chí, tôi cần phải nói rằng chính các ban chấp hành tỉnh là chỗ dựa chủ yếu của đảng ta ; không có các ban chấp hành tỉnh, không có sự lãnh đạo của các ban chấp hành tỉnh đối với công tác chính quyền và công tác đảng thì đảng ta có lẽ đã không có cơ sở. Mặc dù tất cả các khuyết điểm của các ban chấp hành tỉnh, mặc dù tất cả các thiếu sót mà cho đến nay các ban chấp hành tỉnh vẫn còn có, mặc dù có những

cái gọi là bất hòa và xung đột trong các ban chấp hành tỉnh, đứng về toàn bộ mà xét, các ban chấp hành tỉnh vẫn là chỗ dựa chủ yếu của đảng ta.

Các ban chấp hành tỉnh sinh hoạt như thế nào, phát triển như thế nào? Cách đây độ mười tháng, tôi có đọc những bức thư của các ban chấp hành tỉnh, lúc đó các bí thư tỉnh ủy của chúng ta đều búi lên về những vấn đề kinh tế, do không biết thích ứng với những điều kiện mới. Mười tháng sau, tôi lại được đọc những bức thư khác; tôi đọc các thư đó với một niềm phấn khởi, vui mừng, vì qua các thư người ta thấy rõ các ban chấp hành tỉnh đã trưởng thành, họ đã thông hiểu công việc, họ đã bám sát công tác xây dựng, họ xây dựng ngân sách địa phương, họ đã nắm được nền kinh tế trong phạm vi địa phương và thật sự biết lãnh đạo toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị của tỉnh mình. Thưa các đồng chí, đó là một thành tựu to lớn. Dĩ nhiên trong các ban chấp hành tỉnh còn có những thiếu sót; nhưng tôi cần phải nói rằng không có kinh nghiệm phong phú của họ về mặt đảng và về mặt kinh tế, không có bước tiến dài như vậy, tức là các ban chấp hành tỉnh đã chín chắn về mặt lãnh đạo đời sống kinh tế và chính trị ở địa phương, thì ngay chúng ta cũng không thể nào mơ ước một ngày kia thấy đảng lãnh đạo được bộ máy Nhà nước.

Người ta nói đến những vụ bất hòa và xích mích trong các ban chấp hành tỉnh. Tôi cần phải nói rằng những vụ bất hòa xích mích đó, ngoài những mặt tiêu cực, cũng có những mặt tích cực. Những vụ bất hòa và xích mích xảy ra chủ yếu là do các ban chấp hành tỉnh có ý muốn lập ra trong nội bộ mình một hạt nhân vững chắc, một hạt nhân cố kết, có khả năng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình mà không vấp váp gì. Mục đích đó và ý muốn đó đều hoàn toàn lành mạnh và hợp lý, tuy rằng các biện pháp thường là không phù hợp với các

mục đích. Sở dĩ như vậy là vì tính chất không đồng nhất của đảng ta, vì đảng ta bao gồm những người thuộc thế hệ cũ và những người thuộc thế hệ trẻ, những vô sản và những trí thức, những người ở vùng trung tâm và ở các địa phương, những người thuộc các dân tộc khác nhau ; tất cả các thành phần không đồng nhất đó đem vào trong các ban chấp hành tỉnh những phong tục tập quán khác nhau , do đó mà nảy sinh ra những vụ bất hòa và xích mích. Tuy nhiên, chín phần mười các vụ bất hòa và xích mích, dù cho có mang những hình thức không thể chấp nhận được, cũng vẫn tỏ ra là có một động cơ lành mạnh : đó là động cơ muốn xây dựng một hạt nhân vững chắc có khả năng lãnh đạo công tác. Thiết tưởng không cần phải chứng minh rằng thiếu những nhóm lãnh đạo kiểu ấy trong các ban chấp hành tỉnh, nếu cuối cùng những « người tốt » và những « người xấu » đều ngang nhau thì sẽ không thể nào có được một sự lãnh đạo ở tỉnh, chúng ta sẽ không thể thu được thuế lương thực và tiến hành được một cuộc vận động nào. Đấy là khía cạnh lành mạnh của những vụ bất hòa đó, ta không được quên khía cạnh đó vì có lúc các vụ bất hòa mang những hình thức không bình thường. Đương nhiên, như vậy không có nghĩa là đảng không cần tiến hành đấu tranh chống lại những vụ bất hòa, nhất là khi các vụ bất hòa lại do những vấn đề cá nhân mà ra.

Tình hình các ban chấp hành tỉnh là như thế.

Tiếc thay, ở cấp dưới, sức mạnh của đảng ta lại không to lớn như người ta tưởng. Về mặt bộ máy, nhược điểm chủ yếu của đảng chính là nhược điểm của ban chấp hành huyện của chúng ta, là thiếu lực lượng dự trữ, thiếu những bí thư ban chấp hành huyện. Tôi nghĩ rằng sở dĩ chúng ta chưa nắm được hoàn toàn các tổ chức chủ yếu nối liền đảng với giai cấp công nhân, — tức là những tổ chức mà tôi vừa nói trong phần đầu báo cáo của tôi (công đoàn cơ sở, hợp tác xã, hội nghị đại

biều phụ nữ, đoàn thanh niên, v.v.) — sở dĩ những cơ quan tỉnh chưa nắm được hoàn toàn các bộ máy đó, là vì chúng ta quá yếu ở cấp huyện.

Tôi cho rằng đó là vấn đề căn bản.

Tôi cho rằng một trong những nhiệm vụ cơ bản của đảng ta là thành lập những trường trực thuộc Ban Chấp hành trung ương, chọn những đồng chí trung thành nhất và có khả năng nhất trong nông dân và công nhân đào tạo thành những bí thư huyện. Nếu sang năm đảng có thể tập hợp được chung quanh mình một lực lượng dự trữ hai hoặc ba trăm bí thư ban chấp hành huyện, để sau đó có thể gửi về giúp các ban chấp hành tỉnh, làm cho các ban chấp hành tỉnh lãnh đạo công tác của huyện được dễ dàng, thì như vậy là đảng sẽ đảm bảo được sự lãnh đạo tất cả các bộ máy truyền lực có tính chất quần chúng. Lúc đó sẽ không còn một hợp tác xã tiêu thụ nào, một hợp tác xã nông nghiệp nào, một ban chấp hành công đoàn nhà máy nào, một hội nghị đại biểu phụ nữ nào, một chi đoàn thanh niên nào, một tổ chức quần chúng nào mà ảnh hưởng của đảng không chiếm ưu thế.

Bây giờ ta bàn đến các tổ chức cấp khu. Năm qua đã chứng minh rằng đảng và Ban Chấp hành trung ương đã đúng khi thành lập những tổ chức ở khu, một phần do bầu ra, một phần do chỉ định. Trong khi xem xét toàn bộ vấn đề phân vùng hành chính, Ban Chấp hành trung ương đi đến kết luận rằng muốn thành lập những tổ chức đảng ở cấp khu, cần thiết phải chuyển dần dần từng bước từ chế độ chỉ định sang chế độ bầu cử, chắc chắn là bước chuyển đó phải tạo ra một bầu không khí thuận lợi chung quanh các ban chấp hành đảng bộ khu và làm cho Ban Chấp hành trung ương lãnh đạo đảng một cách dễ dàng hơn.

Tôi xin chuyển sang vấn đề cải tiến các cơ quan trung ương của đảng. Chắc các đồng chí đã đọc những kiến nghị của Ban

Chấp hành trung ương nêu lên rằng chức năng của Ban Bí thư Ban Chấp hành trung ương phải được phân ranh giới một cách hoàn toàn rõ rệt và chính xác với chức năng của Ban Tổ chức và Bộ chính trị. Vấn đề đó vị tất đã cần phải giải thích một cách đặc biệt, vì bản thân nó cũng đã rõ ràng. Nhưng có một vấn đề khác, — tức là vấn đề mở rộng Ban Chấp hành trung ương, — đã được nghiên cứu nhiều lần trong Ban Chấp hành trung ương và có lúc đã gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi. Một số ủy viên Ban Chấp hành trung ương cho rằng nên giảm bớt hơn là mở rộng số ủy viên Ban Chấp hành trung ương. Tôi không trình bày động cơ của những đồng chí đó : xin để các đồng chí tự phát biểu ý kiến! Tôi xin trình bày vắn tắt những lý do tán thành mở rộng Ban Chấp hành trung ương.

Hiện nay tình hình bộ máy trung ương của đảng là như sau : Ban Chấp hành trung ương gồm 27 ủy viên, cứ hai tháng họp một lần; trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương có một hạt nhân từ mười đến mười lăm đồng chí đã thạo về mặt lãnh đạo công tác chính trị và kinh tế của các cơ quan chúng ta đến nỗi có cơ biến thành các « thuật sĩ » trong ban lãnh đạo. Có lẽ đó là điều tốt, nhưng cũng có một mặt rất nguy hiểm : do tích lũy được nhiều kinh nghiệm về lãnh đạo, các đồng chí đó có thể sinh ra tự phụ tự mãn, co mình lại, xa rời quần chúng. Nếu nhiều ủy viên Ban Chấp hành trung ương, hay chẳng hạn một hạt nhân độ mười lăm người, có nhiều kinh nghiệm và tài giỏi đến mức là mười lần đề ra chỉ thị thì chín lần không phạm sai lầm, — thì như vậy rất tốt. Nhưng nếu họ không có chung quanh họ một thế hệ mới gồm những người lãnh đạo tương lai có liên hệ chặt chẽ với công tác cơ sở thì dù họ có tài giỏi như thế nào chăng nữa, họ cũng rất có cơ trở thành khô cằn, xa rời quần chúng.

Thứ hai, hạt nhân đó trong Ban Chấp hành trung ương, đã

trưởng thành mạnh mẽ trong công tác lãnh đạo, đang ngày càng già đi và cần được thay thế. Các đồng chí đều biết tình trạng sức khỏe của Vơ-la-đi-mia I-li-tsơ. Các đồng chí đều biết sức khỏe của những ủy viên khác của hạt nhân chủ yếu trong Ban Chấp hành trung ương cũng khá kém. Và chúng ta chưa có ai thay thế : đó là điều bất hạnh. Đào tạo những cán bộ lãnh đạo của đảng là một công việc rất khó khăn, điều đó đòi hỏi nhiều năm : năm, mười năm hoặc hơn nữa. Xâm chiếm một nước bằng đội kỵ binh của đồng chí Bu-đi-en-nư là một chuyện dễ dàng hơn nhiều so với việc đào tạo hai hoặc ba người lãnh đạo từ cơ sở và có khả năng trở thành những người lãnh đạo thật sự của đất nước. Đã đến lúc phải nghĩ đến việc đào tạo một đội ngũ thay thế mới. Muốn vậy chỉ có một biện pháp là : đưa những lực lượng mới và trẻ tham gia công tác Ban Chấp hành trung ương, đề bạt họ trong quá trình công tác, đề bạt những người có khả năng nhất và có tính độc lập nhất, những người biết làm việc. Không phải bằng sách vở mà đào tạo được những cán bộ lãnh đạo. Sách vở giúp cho người ta tiến bộ; nhưng bản thân nó không đào tạo được cán bộ lãnh đạo. Những cán bộ lãnh đạo chỉ trưởng thành trong quá trình công tác. Chính chỉ có bầu vào Ban Chấp hành trung ương những đồng chí mới, giao cho họ đảm nhiệm tất cả gánh nặng của công tác lãnh đạo, thì chúng ta mới đào tạo được một đội ngũ thay thế rất cần thiết trong tình hình hiện nay. Vì thế tôi cho rằng đại hội sẽ phạm một sai lầm lớn nếu đại hội không đồng ý với kiến nghị của Ban Chấp hành trung ương về việc mở rộng cơ quan đó bằng cách nâng số ủy viên lên ít ra là bốn mươi người.

Để kết luận bản báo cáo, tôi cần nêu ra một sự thật; sự thật đó, có thể là vì người ta biết quá rõ rồi nên nó không đập vào mắt người ta, nhưng cần nêu nó ra, đó là một sự thật có một tầm quan trọng to lớn. Đó là sự thống nhất của đảng,

sự đoàn kết nhất trí chưa từng thấy, khiến cho đảng đã tránh được phân liệt trong một bước ngoặt như bước ngoặt của chính sách kinh tế mới. Không một đảng nào trên thế giới, không một chính đảng nào có thể tiến hành một bước ngoặt đột ngột như vậy mà lại không bị rối loạn, không bị phân liệt, mà lại không có nhóm này nhóm nọ rơi rụng. Như mọi người đều biết, những bước ngoặt loại ấy thường kéo theo một nhóm nhất định nào đó rơi rụng và trong đảng nếu không xảy ra một sự phân liệt thì ít nhất cũng xảy ra một tình trạng rối loạn. Trong lịch sử đảng đã có một bước ngoặt loại ấy vào những năm 1907 và 1908 : vốn quen với cuộc đấu tranh cách mạng, nên sau 1905 và 1906, chúng ta không muốn chuyển sang công tác bình thường hàng ngày, hợp pháp ; chúng ta không muốn tham gia viện Đu-ma, không muốn lợi dụng những thiết chế hợp pháp, không muốn tăng cường những vị trí của chúng ta trong những tổ chức hợp pháp, và nói chung, chúng ta đã cự tuyệt những phương pháp mới. Bước ngoặt đó không đột ngột như bước ngoặt của chính sách kinh tế mới, nhưng hiển nhiên là lúc đó chúng ta, với tính cách là một chính đảng, hãy còn non trẻ, chúng ta chưa có kinh nghiệm tùy cơ ứng biến, kết quả là cả hai nhóm đều rơi rụng. Sau chính sách tiến công của chúng ta, bước ngoặt hiện nay theo chính sách kinh tế mới là một bước ngoặt đột ngột. Nhưng, trong bước ngoặt đó, khi giai cấp vô sản phải tạm thời từ bỏ tiến công và rút về những vị trí cũ của mình, khi giai cấp vô sản phải quay về với hậu phương nông dân để khỏi mất liên hệ với họ, khi giai cấp vô sản phải nghĩ đến việc tăng cường và củng cố những lực lượng hậu bị của mình ở phương Đông và ở phương Tây, — trong bước ngoặt đột ngột như thế đảng không những đã tránh được sự phân liệt mà thậm chí còn tiến hành được bước ngoặt đột ngột đó mà không xảy ra tình trạng rối loạn.

Điều đó nói lên sự mềm dẻo, sự đoàn kết nhất trí và sự thống nhất chưa từng thấy của đảng.

Đấy là điều đảm bảo rằng đảng ta nhất định thắng.

Năm nay, cũng như năm ngoái, kẻ thù của chúng ta đã và đang la ó lên rằng đảng ta tan rã. Tuy nhiên, khi bước vào chính sách kinh tế mới, chúng ta vẫn giữ vững những vị trí của chúng ta, chúng ta vẫn nắm chắc trong tay mạch máu của nền kinh tế quốc dân, và đảng vẫn tiếp tục tiến lên phía trước muôn người như một, còn kẻ thù của chúng ta thì rõ ràng là đang tan rã, đang bị thủ tiêu. Thưa các đồng chí, chắc các đồng chí cũng đã biết vừa rồi những người xã hội chủ nghĩa-cách mạng đã họp đại hội[65] ở Mạc-tư-khoa. Đại hội đó quyết định yêu cầu đại hội chúng ta mở cửa đảng ta cho họ vào. Các đồng chí cũng đã biết rằng thành trì cũ của đảng men-sê-vích là Giê-oóc-gi, — đảng men sê-vích có trên 10.000 đảng viên, — rằng pháo đài đó của đảng men-sê-vích hiện đang sụp đổ và khoảng hai nghìn đảng viên men-sê-vích đã rời khỏi đảng họ. Điều đó hình như nói lên rằng không phải đảng ta đang tan rã mà là bọn chúng, những kẻ thù của chúng ta, đang ta rã. Sau hết, chắc các đồng chí đều biết rằng một trong những thủ lĩnh trung thực nhất và có khả năng nhất của đảng men-sê-vích là đồng chí Mác-tư-nốp, đã rời khỏi hàng ngũ những người men-sê-vích, rằng Ban Chấp hành trung ương đã kết nạp đồng chí đó vào đảng và yêu cầu đại hội phê chuẩn việc kết nạp. (*Có một vài tiếng vỗ tay*). Thưa các đồng chí, tất cả các sự thật đó không phải là nói lên rằng tình hình trong đảng ta không tốt, mà là nói lên rằng bọn chúng, những kẻ thù của chúng ta, đang có sự tan rã trên toàn bộ đường lối, còn đảng ta thì vẫn đoàn kết nhất trí, vẫn thống nhất, đảng đã biết tiến hành một bước ngoặt phi thường và đang mở cờ dong trống tiến lên. (*Vỗ tay vang dội và kéo dài.*)

2. KẾT LUẬN VỀ BÁO CÁO TỔ CHỨC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

19 tháng Tư

Thưa các đồng chí ! Kết luận sẽ gồm có hai phần : phần đầu bàn về công tác tổ chức của Ban Chấp hành trung ương vì các diễn giả đã phê phán công tác đó ; trong phần hai, tôi xin nói về các kiến nghị của Ban Chấp hành trung ương trong lĩnh vực tổ chức, những kiến nghị này không bị các diễn giả phê phán, và chắc là đại hội đều thống nhất với các kiến nghị đó.

Trước hết, tôi xin nói một đôi lời về những đại biểu đã phê phán bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương.

Hãy nói về Lu-tô-vi-nốp. Đồng chí đó tỏ ra bất bình với chế độ hiện nay trong đảng ta là : không có tự do ngôn luận, không có sự hợp pháp, không có dân chủ. Dĩ nhiên, đồng chí đó biết rằng từ sáu năm nay, Ban Chấp hành trung ương chưa bao giờ chuẩn bị đại hội một cách dân chủ như đại hội này. Đồng chí đó biết rằng ngay sau cuộc hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Hai, các ủy viên chính thức và dự khuyết Ban Chấp hành trung ương đều đi báo cáo về sự hoạt động của Ban Chấp hành tại khắp nơi trong Liên bang chúng ta. Đồng chí Lu-tô-vi-nốp cũng phải biết rằng trang tranh luận[66] đã ra được bốn số, trong đó sự hoạt động của Ban Chấp hành trung ương đã bị phân tích và giải thích một cách tầm bậy, đúng là tầm bậy. Nhưng đối với Lu-tô-vi-nốp, thế cũng chưa đủ. Đồng chí đó muốn một chế độ dân

chủ «chân chính», muốn là tất cả các vấn đề, hoặc ít ra cũng là những vấn đề quan trọng nhất, phải được đem ra tranh luận trong mỗi chi bộ, từ dưới lên trên ; muốn là toàn đảng phải can dự vào mỗi vấn đề và tham gia thảo luận vấn đề đó. Nhưng, thưa các đồng chí, ngày nay chúng ta đã nắm được chính quyền, chúng ta có ít ra là 400.000 đảng viên và 20.000 chi bộ, tôi không rõ là thực hiện chế độ đó sẽ đưa lại kết quả gì. Thực hiện chế độ đó, đảng sẽ tiến hành một câu lạc bộ tranh luận, tại đó người ta nói ba hoa suốt ngày và không giải quyết được việc gì cả. Thế nhưng đảng ta trước hết phải là đảng hành động, vì chúng ta đang nắm chính quyền.

Ngoài ra, Lu-tô-vi-nốp quên rằng nếu ngày nay chúng ta nắm chính quyền trong Liên bang và được hưởng tất cả các quyền ưu đãi của sự hợp pháp, nhưng về mặt quốc tế, chúng ta đang sống trong một thời kỳ tương tự như thời kỳ năm 1912, thời kỳ đó đảng hoạt động nửa hợp pháp, hay đúng hơn là bất hợp pháp ; lúc đó đảng có một vài khâu hợp pháp như : đảng đoàn viện Đu-ma, báo chí hợp pháp, câu lạc bộ, nhưng không phải vì thế mà đảng không bị kẻ thù bao vây; vì vậy lúc đó đảng phải tìm mọi cách tích lũy lực lượng của mình để có thể tiến lên và mở rộng phạm vi hợp pháp. Hiện nay, trong phạm vi quốc tế, chúng ta đang sống trong một thời kỳ tương tự. Chúng ta đang bị kẻ thù bao vây, điều đó thật là rõ ràng đối với tất cả mọi người. Bọn đế quốc lang sói đang bao vây chúng ta, chúng không ngủ đâu. Không một giờ phút nào mà kẻ thù của chúng ta lại không cố gắng lợi dụng chỗ sơ hở hết sức nhỏ nào đó để luồn vào gây tác hại cho chúng ta. Không có cơ sở nào để khẳng định rằng kẻ thù đang bao vây chúng ta lại không chú ý đến việc chuẩn bị phong tỏa hoặc can thiệp. Tình hình là như vậy. Trong tình hình như vậy, liệu có thể phơi tất cả những vấn đề hòa bình và

chiến tranh ra được không? Tranh luận một vấn đề trong các buổi họp của 20.000 chi bộ của chúng ta, chẳng phải là phơi vấn đề đó ra đó sao? Kết quả sẽ ra sao nếu chúng ta lại phơi bày tất cả các công việc trù bị của chúng ta cho Hội nghị Gie-nơ? Chúng ta sẽ bị thất bại nặng nề. Chúng ta không được quên rằng trong khi chúng ta đang bị kẻ thù bao vây thì một đòn do chúng ta đánh bất thần, một sự vận động bất ngờ, một hành động thần tốc sẽ quyết định hết thảy. Kết quả sẽ ra sao nếu, đáng lẽ phải đưa cuộc vận động chính trị của chúng ta ở Hội nghị Lô-dan ra thảo luận trong một bộ phận nhỏ gồm những người tin cẩn của đảng, chúng ta lại phơi toàn bộ công tác đó ra và để lộ hết ý đồ của chúng ta? Kẻ thù của chúng ta sẽ tính được hết những chỗ mạnh và chỗ yếu, chúng sẽ làm cho cuộc vận động của chúng ta thất bại và chúng ta có lẽ đã phải rời khỏi Lô-dan một cách nhục nhã. Kết quả sẽ ra sao nếu chúng ta phơi những vấn đề hòa bình và chiến tranh ra, tức là những vấn đề quan trọng nhất trong mọi vấn đề, vì, tôi xin nhắc lại, đem các vấn đề đó cho 20.000 chi bộ thảo luận tức là phơi những vấn đề đó ra. Chúng ta có lẽ đã bị đánh tơi bời tan tác. Thưa các đồng chí, rõ ràng vì những lý do về tổ chức cũng như vì những lý do về chính trị, cái gọi là dân chủ của Lu-tô-vi-nốp là một sự không tưởng, là chủ nghĩa dân chủ Ma-ni-lốp. Thứ dân chủ đó là giả dối và nguy hiểm. Chúng ta sẽ không đi theo con đường của Lu-tô-vi-nốp.

Tôi xin nói đến Ô-xin-ski. Đồng chí ấy cứ bám lấy câu tôi nói rằng muốn mở rộng Ban Chấp hành trung ương, chúng ta phải đưa vào Ban Chấp hành trung ương những người có tính độc lập. Đúng, đúng, Xô-rin, những người có tính độc lập, chứ không phải là hành động theo ý muốn của mình. Ô-xin-ski tưởng rằng về điểm này, tôi đã có một vài chỗ nào đó nhất trí với đồng chí đó, với phái tập trung dân chủ [67].

Quả thật tôi có nói cần phải tăng cường Ban Chấp hành trung ương bằng cách đưa vào đó những đồng chí có tính độc lập. Độc lập với gì? Điều đó tôi không nói ra, vì biết trước rằng không nên bàn hết mọi vấn đề trong bài tham luận chính mà nên để lại một cái gì cho bài diễn văn bế mạc. (*Có tiếng cười. Vỗ tay*). Chúng ta cần có những người có tính độc lập trong Ban Chấp hành trung ương, nhưng không phải là độc lập với chủ nghĩa Lê-nin, — thưa các đồng chí, không phải như thế đâu, lạy Chúa tôi! Chúng ta cần những người có tính độc lập, thoát khỏi những ảnh hưởng cá nhân, những tập quán và truyền thống đấu tranh trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương, những tập quán và truyền thống đấu tranh nội bộ đó đã hình thành trong chúng ta và đôi khi gây ra những sự lo lắng trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương. Các đồng chí hãy nhớ lại bài của đồng chí Lê-nin. Trong đó có nói rằng chúng ta có khả năng sẽ bị phân liệt. Trong bài đó của đồng chí Lê-nin có một đoạn có thể làm cho các tổ chức nghĩ rằng chúng ta đã đến đêm trước của một sự phân liệt, nên các ủy viên Ban Chấp hành trung ương đều nhất trí quyết định đánh tan những sự hồ nghi có thể nảy sinh và tuyên bố trong Ban Chấp hành trung ương không hề có một sự phân liệt nào, điều đó là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Nhưng Ban Chấp hành trung ương cũng nói rằng khả năng phân liệt không bị loại trừ. Và điều đó cũng là hoàn toàn đúng. Trong quá trình sáu năm công tác gần đây trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương, người ta thấy hình thành (không thể không hình thành) một số tập quán và truyền thống đấu tranh nội bộ nào đó, những tập quán và truyền thống đó có khi tạo ra một bầu không khí không phải là hoàn toàn tốt đẹp. Tôi đã nhận thấy bầu không khí đó tại một trong những phiên họp toàn thể gần đây của Ban Chấp hành trung ương, tức là phiên họp tháng Hai, và tôi thấy rằng thường thường

lời phát biểu của những đại biểu cơ sở lại quyết định hết thảy. Chúng ta cần những người độc lập với những truyền thống và ảnh hưởng cá nhân đó, để khi tham gia Ban Chấp hành trung ương và đem vào đó kinh nghiệm công tác tích cực và kinh nghiệm liên hệ với cơ sở, họ sẽ là chất keo sơn để củng cố Ban Chấp hành trung ương, làm cho Ban Chấp hành trung ương thật sự trở nên một tập thể thống nhất và không thể phân chia để lãnh đạo đảng ta. Chúng ta cần những đồng chí có tính độc lập, thoát khỏi các truyền thống cũ đã hình thành trong Ban Chấp hành trung ương, chúng ta cần chính là những người đem lại một thành phần mới, tươi trẻ, để củng cố Ban Chấp hành trung ương và phòng ngừa mọi khả năng phân liệt trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương. Đấy là ý kiến của tôi về những người có tính độc lập.

Thưa các đồng chí, tôi không thể bỏ qua không nói đến việc Ô-xin-ski dám công kích Di-nô-vi-ép. Đồng chí đó hết sức ca ngợi đồng chí Sta-lin và đồng chí Ca-mê-nép, nhưng lại đá hậu Di-nô-vi-ép một cái, cho rằng bây giờ hẵng loại trừ một người đã, rồi sẽ đến lượt những kẻ khác sau. Đồng chí đó chủ trương làm tan rã hạt nhân đã hình thành trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương, rồi sau đó dần dần, từng bước, làm tan rã tất cả. Nếu quả thật Ô-xin-ski nghĩ đến đeo đuổi một mục đích như vậy, nếu quả thật Ô-xin-ski nghĩ đến công kích theo kiểu đó ủy viên này hoặc ủy viên nọ trong hạt nhân của Ban Chấp hành trung ương chúng ta thì tôi cần phải cảnh cáo Ô-xin-ski rằng đồng chí đó sẽ vấp phải một bức tường, tôi e rằng húc vào bức tường đó thì đồng chí ấy sẽ bị vỡ đầu.

Cuối cùng là nói về Mơ-đi-va-ni. Cho phép tôi nói một vài lời về vấn đề này mà toàn thể đại hội đã bắt đầu chán ngấy. Đồng chí đó nói đến những sự dao động ngả nghiêng trong Ban Chấp hành trung ương; hôm nay, đồng chí đó nói, người ta quyết định là ba nước Cộng hòa ở Nam Cáp-ca-dơ sẽ thống

nhất hoạt động về kinh tế ; hôm sau, một quyết định mới : các nước cộng hòa đó sẽ liên hợp lại thành liên bang ; hôm sau nữa, một quyết định thứ ba : tất cả các nước cộng hòa xô-viết sẽ liên hợp lại thành Liên minh các nước cộng hòa. Đấy là cái mà đồng chí đó gọi là sự dao động ngả nghiêng của Ban Chấp hành trung ương. Có đúng không ? Không đúng đâu, các đồng chí ạ, ở đấy không có những sự dao động ngả nghiêng mà là những bước đi có hệ thống. Thoạt đầu những nước cộng hòa độc lập xích lại gần nhau trên cơ sở kinh tế. Bước đó đã được tiến hành ngay từ năm 1921. Sau khi thấy rõ kinh nghiệm xích lại gần nhau của các nước cộng hòa đem lại những kết quả tốt đẹp, người ta tiến hành bước tiếp theo : liên hợp thành liên bang. Nhất là trong một vùng như là Nam Cáp-ca-dơ, ở đó không thể không thành lập một cơ quan chuyên môn có nhiệm vụ đảm bảo hòa bình giữa các dân tộc. Các đồng chí đều biết rằng Nam Cáp-ca-dơ là một xứ mà người Ta-ta-ri và người Ác-mê-ni đã chém giết lẫn nhau ngay từ thời Nga hoàng và chiến tranh đã xảy ra dưới thời Mút-xa-vát, Đa-sơ-nác và men-sê-vích. Để chấm dứt những cuộc tranh giành đó, cần phải có một cơ quan có nhiệm vụ đảm bảo hòa bình giữa các dân tộc, nói cách khác, cần phải có một cơ quan tối cao có quyền lực. Tuyệt đối không thể nào lập ra một cơ quan như vậy mà lại không có sự tham gia của các đại biểu của dân tộc Giê-oóc-gi. Do đó, sau khi đã thực hiện sự thống nhất về hoạt động kinh tế, được một vài tháng, người ta phải chuyển sang bước tiếp theo là : liên bang các nước cộng hòa, rồi, một năm sau, chuyển sang bước thứ ba, tức là giai đoạn cuối cùng của sự liên hợp các nước cộng hòa : thành lập Liên minh các nước cộng hòa. Trong tất cả những điều đó, đâu là những sự dao động ngả nghiêng ? Đó chính là những bước đi có hệ thống của chính sách dân tộc của chúng ta. Mơ-đi-va-ni thật là không nắm được thực chất của chính

sách xô-viết của chúng ta, tuy rằng đồng chí đó vẫn tự xưng là một người bôn-sê-vích lão thành.

Đồng chí đó đã đưa ra một số câu hỏi nói bóng nói gió rằng những vấn đề quan trọng nhất có liên quan đến vấn đề dân tộc ở Nam Cáp-ca-dơ, nhất là ở Giê-oóc-gi, hình như không phải do Ban Chấp hành trung ương quyết định, hình như không phải do một số người cá biệt quyết định. Vấn đề căn bản ở Nam Cáp-ca-dơ là vấn đề thành lập liên bang Nam Cáp-ca-dơ. Cho phép tôi đọc các đồng chí nghe một tài liệu nhỏ về lai lịch bản chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga về việc thành lập Liên bang Nam Cáp-ca-dơ.

Ngày 28 tháng Một 1921, đồng chí Lê-nin gửi cho tôi bản dự thảo kiến nghị của đồng chí ấy về việc thành lập liên bang các nước cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ. Trong đó có đoạn viết :

« 1. thừa nhận việc thành lập liên bang các nước cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ là hoàn toàn đúng về nguyên tắc và tuyệt đối phải thực hiện, nhưng thực hiện ngay tức khắc thì là quá sớm, tức là nó đòi hỏi một vài tuần thảo luận, tuyên truyền và thi hành từ dưới lên ;

2. yêu cầu các Ban Chấp hành trung ương Giê-oóc-gi, Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian chấp hành nghị quyết này ».

Tôi có viết thư cho đồng chí Lê-nin và đề nghị về vấn đề đó không nên vội vã, nên chờ đợi một chút, nên để cho cán bộ địa phương có thời gian nhất định để tổ chức liên bang. Tôi viết cho đồng chí Lê-nin :

« Đồng chí Lê-nin ạ, tôi xin tán thành bản nghị quyết của đồng chí nếu đồng chí vui lòng chấp nhận điểm bổ sung sau đây : ở điểm 1, câu « nó đòi hỏi một vài tuần thảo luận », xin đổi là « nó đòi hỏi một thời gian nhất định để thảo luận », còn đoạn sau thì y như trong nghị quyết của đồng chí. Vấn

đề là : không thể « thực hiện » được liên bang ở Giê-oóc-gi « từ dưới lên » và theo « những thể thức xô-viết » trong « một vài tuần », vì ở đó các Xô-viết chỉ mới bắt đầu thành lập và việc tổ chức đó cũng chưa hoàn thành. Cách đây một tháng, chưa có các Xô-viết, vậy mà triệu tập ở đấy một đại hội các Xô-viết trong « một vài tuần » thì thật là một điều không thể hình dung nổi ; vả lại, Liên bang Nam Cáp-ca-dơ mà không bao gồm xứ Giê-oóc-gi thì sẽ chỉ là một liên bang tồn tại trên giấy thôi. Tôi nghĩ rằng cần phải có hai hoặc ba tháng để cho tư tưởng về chế độ liên bang giành được thắng lợi trong quảng đại quần chúng Giê-oóc-gi. *Sta-lin* ».

Đồng chí Lê-nin trả lời tôi : « Tôi chấp nhận điểm bổ sung đó.»

Hôm sau nữa, kiến nghị đó được Lê-nin, Tơ-rốt-ski, Ca-mê-nép, Mô-lô-tốp, Sta-lin bỏ phiếu tán thành. Di-nô-vi-ép vắng mặt và đồng chí Mô-lô-tốp đã thay đồng chí ấy. Như các đồng chí thấy, nghị quyết đó đã được Bộ Chính trị nhất trí thông qua vào cuối năm 1921. Chính lúc đó một nhóm đảng viên cộng sản Giê-oóc-gi, đứng đầu là Mơ-đi-va-ni, tiến hành một cuộc đấu tranh chống lại những chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương về vấn đề liên bang. Các đồng chí xem, vấn đề đặt ra không giống như Mơ-đi-va-ni miêu tả. Tôi nêu ra tài liệu đó chỉ là để bác bỏ những lời bóng gió vô lễ của Mơ-đi-va-ni mà thôi.

Vấn đề thứ hai : nói đúng ra, vì sao một nhóm đồng chí, đứng đầu là Mơ-đi-va-ni, đã bị Ban Chấp hành trung ương đảng triệu về, nguyên nhân là ở đâu ? Có hai nguyên nhân chủ yếu và đồng thời là những nguyên nhân có căn cứ chắc chắn. Tôi cần phải nói điều đó, vì có người trách cứ Ban Chấp hành trung ương, và nói riêng là trách cứ tôi.

Nguyên nhân thứ nhất là nhóm Mơ-đi-va-ni không có ảnh hưởng gì trong đảng của chính nhóm đó, tức là đảng cộng sản

Giê-oóc-gi ; nhóm Mơ-đi-va-ni đã bị bản thân Đảng cộng sản Giê-oóc-gi bác bỏ. Đảng đó đã triệu tập hai đại hội : đại hội thứ nhất vào đầu năm 1922, đại hội thứ hai vào đầu năm 1923. Tại hai đại hội đó, nhóm Mơ-đi-va-ni, với tư tưởng phủ nhận chế độ liên bang, đã bị đảng của chính nhóm đó đập lại kịch liệt. Tại đại hội thứ nhất, hình như nhóm đó chỉ được khoảng 18 phiếu trong số 122 phiếu, và đến đại hội thứ hai, khoảng 20 phiếu trong số 144 phiếu ; đại hội kiên quyết khước từ không bầu nhóm đó vào Ban Chấp hành trung ương, và quan điểm của nhóm đó luôn luôn bị bác bỏ. Lần thứ nhất, vào đầu năm 1922, trong Ban Chấp hành trung ương, chúng tôi đã gây sức ép đối với Đảng cộng sản Giê-oóc-gi, buộc phải nhận các đồng chí lão thành đó mặc dù Đảng cộng sản Giê-oóc-gi không muốn (Mơ-đi-va-ni là một đồng chí lão thành, Ma-kha-rát-dê cũng vậy, điều đó không còn ai chối cãi được), với ý nghĩ rằng hai nhóm, nhóm đa số và nhóm thiểu số, cuối cùng sẽ đi đến chỗ thỏa thuận cùng công tác với nhau. Nhưng, trong khoảng cách giữa đại hội thứ nhất và đại hội thứ hai, có họp một số hội nghị đại biểu cấp tỉnh và hội nghị đại biểu toàn Giê-oóc-gi, mỗi lần họp hội nghị như vậy, nhóm Mơ-đi-va-ni lại bị ngay chính đảng của mình đả kích và, cuối cùng, tại đại hội mới đây, Mơ-đi-va-ni vất vả lắm mới được 18 phiếu trong số 140 phiếu.

Liên bang Nam Cáp-ca-dơ là một tổ chức không những có liên quan đến xứ Giê-oóc-gi mà còn có liên quan đến toàn bộ Nam Cáp-ca-dơ. Thường thường tiếp theo đại hội Đảng Giê-oóc-gi là đại hội Nam Cáp-ca-dơ. Tại đại hội này cũng vậy, cùng một kết quả như thế. Tại đại hội Nam Cáp-ca-dơ vừa mới đây, hình như trong số 244 phiếu, Mơ-đi-va-ni được khoảng 10 phiếu. Sự thật là như vậy. Vậy Ban Chấp hành trung ương đảng phải làm gì, giữa lúc đảng và bản thân tổ chức Giê-oóc-gi không thể chịu đựng được nhóm Mơ-đi-va-ni ?

Tôi hiểu chính sách của chúng ta về vấn đề dân tộc là một chính sách nhượng bộ đối với các dân tộc và các thiên kiến dân tộc. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính sách đó là đúng. Nhưng đối với ý chí của đảng theo đó nhóm Mơ-đi-va-ni cần phải hoạt động, liệu có thể cứ vi phạm mãi mãi được không? Tôi cho rằng không thể được. Ngược lại, cần phải hết sức làm cho hành động của mình phù hợp với ý chí của Đảng Giê-óoc-gi. Ban Chấp hành trung ương đã làm như vậy, nó đã triệu hồi một số ủy viên trong nhóm đó.

Nguyên nhân thứ hai khiến Ban Chấp hành trung ương phải triệu hồi một số đồng chí trong nhóm đó, là ở chỗ họ đã nhiều lần vi phạm những nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga. Tôi đã trình bày với các đồng chí lai lịch bản nghị quyết về liên bang ; tôi đã nói rằng thiếu tổ chức đó thì không thể có hòa bình giữa các dân tộc được ; rằng, nhờ lập ra một liên bang, Chính quyền xô-viết đã thiết lập được hòa bình giữa các dân tộc ở Nam Cáp-ca-dơ. Vì thế trong Ban Chấp hành trung ương, chúng tôi cho rằng phải tuyệt đối chấp hành nghị quyết đó. Thế nhưng chuyện gì đã xảy ra vậy? Nhóm Mơ-đi-va-ni khước từ không phục tùng nghị quyết đó ; hơn thế nữa, nhóm đó còn chống lại nghị quyết đó. Điều đó đã được cả tiểu ban của đồng chí Đơ-déc-gin-ski lẫn tiểu ban của Ca-mê-nép — Quy-bư-sép xác nhận. Ngay bây giờ nữa, sau khi có nghị quyết của phiên họp toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Ba về vấn đề Giê-óoc-gi, Mơ-đi-va-ni vẫn tiếp tục chống lại việc thành lập liên bang. Như vậy không phải là xem thường những nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương, thì còn là cái gì?

Tình hình đó đã buộc Ban Chấp hành trung ương đảng phải triệu hồi Mơ-đi-va-ni.

Mơ-đi-va-ni muốn làm cho chúng ta tưởng rằng mặc dù bị triệu hồi, đồng chí đó cũng vẫn đoạt được thắng lợi. Vậy tôi

không hiểu thế nào gọi là thất bại. Mọi người đều biết, Đông Ki-sốt cũng đã tự cho mình là kẻ chiến thắng, khi anh ta bị những cối xay gió đập cho bị thương. Tôi nghĩ rằng trong đầu óc của một số đồng chí công tác trên mảnh đất xô-viết gọi là Giê-oóc-gi, có một cái gì lệch lạc.

Tôi xin chuyển sang đồng chí Ma-kha-rát-dê. Tại đây đồng chí đó đã tuyên bố rằng trong vấn đề dân tộc, đồng chí đó là một người bôn-sê-vích lão thành thuộc trường phái Lê-nin. Thưa các đồng chí, điều đó không đúng. Tại hội nghị đại biểu tháng Tư 1917[68], đồng chí Lê-nin và tôi, chúng tôi đã đấu tranh chống đồng chí Ma-kha-rát-dê. Lúc đó Ma-kha-rát-dê tuyên bố chống lại quyền dân tộc tự quyết, thậm chí chống lại cả cơ sở của cương lĩnh chúng ta, chống lại quyền của các dân tộc được thành lập quốc gia độc lập. Đồng chí ấy đã đứng trên quan điểm đó và đã đấu tranh chống lại đảng. Sau đó, Ma-kha-rát-dê đã thay đổi quan điểm (dĩ nhiên, điều này đem lại vinh dự cho đồng chí đó !) ; nhưng lẽ ra đồng chí đó không nên quên điều đó ! Trong vấn đề dân tộc, đó không phải là một người bôn-sê-vích lão thành mà là một người bôn-sê-vích ít nhiều còn non trẻ.

Đồng chí Ma-kha-rát-dê có gửi cho tôi một bản chất vấn theo kiểu nghị viện ; đồng chí đó hỏi là tôi hoặc Ban Chấp hành trung ương có thừa nhận tổ chức của những người cộng sản Giê-oóc-gi — tổ chức mà người ta phải tín nhiệm — là một tổ chức chân chính không, và nếu thừa nhận thì Ban Chấp hành trung ương có chấp nhận để cho tổ chức đó có quyền đặt câu hỏi và đưa kiến nghị không. Nếu thừa nhận tất cả những điều đó, thì Ban Chấp hành trung ương có coi chế độ đã được thiết lập ở đó, tại Giê-oóc-gi, là không thể dung nạp không ?

Tôi xin trả lời bản chất vấn theo kiểu nghị viện đó.

Tất nhiên, Ban Chấp hành trung ương tín nhiệm Đảng

cộng sản Giê-óóc-gi : nếu không thì tín nhiệm ai ? Đảng cộng sản Giê-óóc-gi đại diện cho tinh hoa, cho những phần tử ưu tú của nhân dân Giê-óóc-gi, không có những người đó thì không thể quản lý nổi xứ Giê-óóc-gi. Nhưng mọi tổ chức đều bao gồm một đa số và một thiểu số. Chúng ta không thấy một tổ chức nào mà tình hình lại khác như vậy. Và, trong thực tiễn, chúng ta nhận thấy Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Giê-óóc-gi bao gồm một đa số chấp hành đường lối của đảng. Hiển nhiên, sự tín nhiệm nói ở đây là sự tín nhiệm dành cho tổ chức mà đại diện là phe đa số của nó.

Vấn đề thứ hai : các Ban Chấp hành trung ương của các dân tộc có quyền chủ động, tức là có quyền chất vấn không, có quyền đưa kiến nghị không ?

Đương nhiên là có, — điều đó rất rõ ràng. Nhưng tôi không hiểu tại sao đồng chí Ma-kha-rát-dê lại không nêu ra cho chúng ta những sự thật để chứng minh rằng người ta không cho phép Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Giê-óóc-gi được đặt câu hỏi, được đưa kiến nghị và được thảo luận về các vấn đề đó. Tôi không thấy có một sự thật nào về loại đó. Tôi nghĩ rằng đồng chí Ma-kha-rát-dê sẽ trình bày trước Ban Chấp hành trung ương những tài liệu để làm bằng chứng cho những lời nói của mình, nếu như đồng chí ấy có những tài liệu đó.

Vấn đề thứ ba : liệu có thể chấp nhận chế độ đã được thiết lập ở Giê-óóc-gi không ?

Tiếc thay, câu hỏi không được cụ thể : người ta định nói chế độ nào vậy ? Nếu đây là chế độ mà gần đây Chính quyền xô-viết ở Giê-óóc-gi đã tống cổ bọn quý tộc ra khỏi sào huyệt của chúng, cũng như là tống cổ bọn men-sê-vích và bọn phản cách mạng, nếu đây là chế độ đó thì, theo ý kiến tôi, chẳng có gì là xấu xa cả. Chính đó là chế độ xô-viết chúng ta. Nếu đây là nói về việc Cục trung ương ở Nam Cáp-ca-dơ đã tạo

ra những điều kiện cản trở sự phát triển của Đảng cộng sản Giê-oóc-gi, thì tôi không có một bằng chứng nào về vấn đề ấy. Ban Chấp hành trung ương Giê-oóc-gi, do đại hội trước của Đảng cộng sản Giê-oóc-gi bầu ra với đa số phiếu (110 phiếu thuận, 18 phiếu nghịch), đã không đặt những vấn đề đó cho chúng ta. Nó hoạt động có liên hệ chặt chẽ với Cục trung ương đảng ta ở Nam Cáp-ca-dơ. Nếu có một nhóm nhỏ nào, một trào lưu nào, tóm lại nếu có những đảng viên nào tỏ ra bất bình đối với chế độ hiện tại trong đảng thì họ phải chuyển đến Ban Chấp hành trung ương những tài liệu về vấn đề đó. Ở Giê-oóc-gi đã thành lập hai tiểu ban, tiểu ban do Đơ-déc-gin-ski lãnh đạo và tiểu ban do Ca-mê-nép - Quy-bư-sép lãnh đạo, để thẩm tra những lời kêu ca đó. Nếu xét thấy cần thiết thì có thể lập ra một tiểu ban thứ ba.

Những nhận xét trên đây kết thúc phần thứ nhất bản kết luận của tôi về công tác tổ chức của Ban Chấp hành trung ương trong năm qua.

Tôi xin chuyển sang phần thứ hai, sang những kiến nghị về các vấn đề tổ chức mà Ban Chấp hành trung ương đã đưa ra để đại hội xem xét. Theo chỗ tôi biết, không một đại biểu nào phê phán một kiến nghị nào đó cả. Tôi cho đó là biểu hiện của tinh thần đoàn kết nhất trí hoàn toàn với những kiến nghị mà chúng tôi đưa ra để các đồng chí xem xét. Tuy nhiên, tôi có ý muốn giúp bổ sung một số ý kiến. Tôi sẽ đưa những ý kiến bổ sung đó ra trước tiểu ban tổ chức do Ban Chấp hành trung ương đề nghị thành lập, trong tiểu ban đó công tác chủ yếu về mặt đảng là do đồng chí Mô-lô-khốp điều khiển, và công tác chủ yếu về mặt xô-viết là do đồng chí Đơ-déc-gin-ski điều khiển.

Điểm bổ sung thứ nhất là số ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương hiện nay là năm, sẽ nâng lên ít ra là mười lăm.

Điểm bổ sung thứ hai là cần đặc biệt chú ý đến việc tăng cường và mở rộng những cơ quan đăng ký và phân phối, ở trung ương cũng như ở cơ sở : thật vậy, hiện nay các cơ quan đó có một tầm quan trọng hàng đầu, rất to lớn, vì đối với đảng đó là phương tiện tốt nhất để nắm trong tay tất cả các ngành của nền kinh tế và của bộ máy hành chính.

Điểm bổ sung thứ ba là yêu cầu đại hội thông qua kiến nghị thành lập một trường bí thư huyện, — trường này trực thuộc Ban Chấp hành trung ương — , để đến cuối năm các ban chấp hành tỉnh có được hai đến ba trăm bí thư huyện.

Điểm bổ sung thứ tư là về báo chí. Tôi không có điều gì cụ thể để kiến nghị về mặt này, nhưng tôi xin đặc biệt lưu ý đại hội về sự cần thiết phải nâng báo chí của chúng ta lên mức cần thiết. Báo chí có tiến bộ, đã thực hiện được những tiến bộ rất lớn, nhưng vẫn chưa đạt tới mức độ cần thiết. Nó cần phải phát triển từng ngày từng giờ ; đó là vũ khí sắc bén nhất và mạnh mẽ nhất của đảng.

Để kết luận, tôi xin nói một vài lời về đại hội ta. Thưa các đồng chí, tôi phải nói rằng đã từ lâu chúng ta chưa thấy một đại hội nào đoàn kết nhất trí, có một tư tưởng thống nhất cổ vũ như đại hội này. Tiếc rằng đồng chí Lê-nin không có mặt ở đây. Nếu đồng chí có mặt ở đây thì đồng chí sẽ có thể nói : « Tôi đã bồi dưỡng đảng hai mươi lăm năm và đã bồi dưỡng trở thành một đảng vĩ đại và lớn mạnh ». (*Vỗ tay kéo dài*).

3. BÁO CÁO VỀ NHỮNG YẾU TỐ DÂN TỘC TRONG VIỆC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

23 tháng Tư

Thưa các đồng chí ! Từ Cách mạng tháng Mười, đây là lần thứ ba chúng ta thảo luận vấn đề dân tộc : lần thứ nhất, tại đại hội VIII ; lần thứ hai, tại đại hội X ; lần thứ ba, tại đại hội XII. Phải chăng điều đó chứng tỏ là có một sự thay đổi căn bản trong cách nhìn của chúng ta đối với vấn đề dân tộc ? Không, quan điểm căn bản của chúng ta về vấn đề dân tộc vẫn giống như trước và sau tháng Mười. Nhưng từ đại hội X, tình hình thế giới đã thay đổi : tầm quan trọng của các lực lượng hậu bị vĩ đại của cách mạng, — ngày nay là các nước phương Đông, — đã tăng lên. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là từ đại hội X, do việc thực hiện chính sách kinh tế mới, tình hình nội bộ của đảng ta cũng có một số thay đổi. Cần phải tính đến tất cả các nhân tố mới đó và tổng kết những nhân tố ấy. Chính là phải nói với ý nghĩa đó khi nói đến việc đặt lại vấn đề dân tộc tại đại hội XII.

Ý nghĩa quốc tế của vấn đề dân tộc. Các đồng chí đều rõ, do ý nguyện của vận mệnh lịch sử, chúng ta, liên bang xô-viết, hiện nay là đội tiền phong của cách mạng thế giới. Các đồng chí đều biết, chúng ta là những người đầu tiên đã chọc thủng mặt trận chung của chủ nghĩa tư bản, do ý nguyện của vận mệnh, chúng ta đã tiến trước tất cả các nước khác. Các đồng chí đều biết, trên bước đường tiến lên chúng ta đã đi tới Vác-

xô-vi, nhưng sau đó chúng ta đã rút về những vị trí mà chúng ta cho là vững chắc nhất để tăng cường lực lượng của chúng ta. Lúc đó, chúng ta đã chuyển sang chính sách kinh tế mới ; lúc đó, chúng ta đã tính đến tốc độ phát triển chậm của phong trào cách mạng thế giới ; lúc đó, chính sách của chúng ta từ tiến công chuyển sang phòng ngự. Sau thất bại của chúng ta trước Vác-xô-vi (chúng ta không che giấu sự thật), chúng ta không thể tiến lên được vì có nguy cơ bị tách rời khỏi hậu phương của chúng ta là nông dân và cuối cùng, chúng ta có cơ vượt quá xa những lực lượng hậu bị của cách mạng mà vận mệnh đã đem lại, những lực lượng hậu bị ở phương Tây và phương Đông. Bởi vậy ở trong nước, chúng ta làm một bước ngoặt chuyển sang thực hiện chính sách kinh tế mới, còn ở bên ngoài, chúng ta làm một bước ngoặt chuyển sang thực hiện phương châm hãm bớt tốc độ của phong trào ; chúng ta đã quyết định rằng cần phải nghỉ ngơi, băng bó vết thương, — những vết thương của đội tiên phong, của giai cấp vô sản, — cần phải xây dựng mối liên hệ với hậu phương nông dân, tiếp tục công tác của chúng ta trong nội bộ những lực lượng hậu bị đã không thể theo kịp chúng ta được : đó là các lực lượng hậu bị ở phương Tây và các lực lượng hậu bị ở phương Đông, tức là những lực lượng hậu bị to lớn hợp thành hậu phương chủ yếu của chủ nghĩa tư bản quốc tế. Chính những lực lượng hậu bị đó, — đồng thời cũng là những lực lượng hậu bị trọng yếu hợp thành hậu phương của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, — đã được đề cập tới khi bàn đến vấn đề dân tộc.

Trong hai con đường, phải chọn lấy một : hoặc là chúng ta phát động, chúng ta cách mạng hóa hậu phương sâu rộng của chủ nghĩa đế quốc, — tức là những nước thuộc địa và nửa thuộc địa ở phương Đông, — và do đó làm cho chủ nghĩa đế quốc sụp đổ nhanh chóng ; hoặc là chúng ta thất bại, và do

đó làm cho chủ nghĩa đế quốc mạnh lên và làm cho phong trào của chúng ta yếu đi. Vấn đề đặt ra là như thế.

Vấn đề là ở chỗ toàn bộ phương Đông đang coi Liên minh các nước cộng hòa chúng ta là một trường thí nghiệm. Hoặc là chúng ta sẽ đưa ra một giải pháp thực tiễn và đúng đắn về vấn đề dân tộc trong khuôn khổ Liên minh đó ; ở đây, trong khuôn khổ Liên minh đó, chúng ta xây dựng những quan hệ thật sự anh em giữa các dân tộc, xây dựng sự hợp tác chân chính ; và lúc đó, toàn bộ phương Đông sẽ coi liên bang chúng ta là người giương cao ngọn cờ giải phóng cho họ, là đội tiền phong làm gương cho họ noi theo, và đó sẽ là bước đầu sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Hoặc là ở đây, chúng ta sẽ phạm sai lầm, chúng ta sẽ phá hoại sự tín nhiệm mà các dân tộc trước kia bị áp bức đã đặt vào giai cấp vô sản Nga, chúng ta sẽ làm cho Liên minh các nước cộng hòa mất sức hấp dẫn của nó đã có đối với phương Đông : như vậy chủ nghĩa đế quốc thắng lợi, còn chúng ta thì thất bại.

Ý nghĩa quốc tế của vấn đề dân tộc là ở chỗ đó.

Đối với chúng ta, sở dĩ vấn đề dân tộc cũng có một tầm quan trọng như vậy về mặt tình hình trong nước, không phải chỉ vì về mặt số lượng, những dân tộc thống trị cũ bao gồm khoảng 75 triệu người, còn các dân tộc khác 65 triệu người (con số này tuy vậy không phải là ít), cũng không phải chỉ vì những dân tộc trước kia bị áp bức chiếm những vùng thiết yếu nhất về mặt kinh tế, quan trọng nhất về mặt chiến lược quân sự, mà trước hết, chính là vì cách đây hai năm, chúng ta đã thực hiện cái gọi là chính sách kinh tế mới, cho nên chủ nghĩa dân tộc đại Nga đã phát triển và tăng cường, người ta đã thấy nảy sinh những tư tưởng của nhóm Smê-na Vê-khơ, người ta thấy xuất hiện cái ý muốn thông qua phương thức hòa bình thành lập cái mà Đê-ni-kin đã không thành lập nổi,

tức là thành lập cái gọi là « chính thể thống nhất và không thể phân chia ».

Như vậy, do thực hiện chính sách kinh tế mới, chúng ta thấy phát sinh một lực lượng mới trong sinh hoạt nội bộ chúng ta : đó là chủ nghĩa sô-vanh đại Nga ; nó ẩn náu trong các cơ quan chúng ta, không những nó lọt vào những cơ quan xô-viết, mà vào cả những cơ quan của đảng nữa, nó xuất hiện khắp nơi trong liên bang chúng ta và đưa tới một tình hình là nếu chúng ta không giáng cho nó một đòn đánh trả quyết định, nếu chúng ta không diệt tận gốc cái họa đó do chính những điều kiện của chính sách kinh tế mới nuôi dưỡng, thì nó có cơ gây ra một sự đoạn tuyệt giữa giai cấp vô sản của dân tộc thống trị cũ với nông dân của các dân tộc trước kia bị áp bức, như vậy là phá vỡ nền chuyên chính của giai cấp vô sản.

Nhưng chính sách kinh tế mới không những chỉ nuôi dưỡng chủ nghĩa sô-vanh đại Nga ; nó còn nuôi dưỡng cả chủ nghĩa sô-vanh địa phương, nhất là tại các nước cộng hòa có nhiều dân tộc. Tôi muốn nói đến Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian, Bu-kha-ra và một phần Tuốc-ke-stan, tại các nước cộng hòa này có nhiều dân tộc, những phần tử tiên tiến của các dân tộc này có lẽ chẳng mấy chốc sẽ bắt đầu tranh nhau địa vị đứng đầu. Tất nhiên, nếu chỉ xét về mặt sức mạnh của nó thì chủ nghĩa sô-vanh địa phương cũng không nguy hiểm như là chủ nghĩa sô-vanh đại Nga. Nhưng không phải vì thế mà nó không phải là một tai họa, vì nó đe dọa biến một số nước cộng hòa thành nơi diễn ra những cuộc xâu xé dân tộc và làm cho những mối liên hệ của chủ nghĩa quốc tế tại các nước cộng hòa đó bị lỏng lẻo.

Trên đây là những lý do về mặt trong nước và quốc tế khiến cho vấn đề dân tộc nói chung, nhất là trong lúc này, có một ý nghĩa quan trọng, hàng đầu.

Thực chất giai cấp của vấn đề dân tộc là gì? Trong những điều kiện phát triển hiện tại của các xô-viết, thực chất giai cấp của vấn đề dân tộc là ở chỗ xây dựng những quan hệ qua lại đúng đắn giữa giai cấp vô sản của dân tộc thống trị cũ với nông dân của các dân tộc trước kia bị áp bức. Vấn đề liên minh công nông đã được bàn cãi ở đây một cách quá đủ; nhưng khi thảo luận vấn đề đó căn cứ theo báo cáo của Ca-mê-nép, Ca-li-nin, Xô-côn-ni-cốp, Rư-cốp, Tơ-rốt-ski, thì chủ yếu lại đề cập đến vấn đề quan hệ của giai cấp vô sản Nga đối với nông dân Nga. Ở đây trong lĩnh vực dân tộc, chúng ta phải giải quyết một cơ cấu phức tạp hơn. Ở đây, cần phải xây dựng những quan hệ qua lại đúng đắn giữa giai cấp vô sản của dân tộc thống trị cũ, tầng lớp có văn hóa nhất trong toàn bộ giai cấp vô sản của liên bang chúng ta, với nông dân, nhất là nông dân của các dân tộc trước kia bị áp bức. Đấy là thực chất giai cấp của vấn đề dân tộc. Nếu giai cấp vô sản xây dựng được với nông dân của các dân tộc khác những quan hệ có thể xóa bỏ những tàn tích của sự nghi kỵ đối với tất cả người Nga, những sự nghi kỵ mà chính sách của Nga hoàng đã đem nhồi sọ và giáo dục trong hàng chục năm; nếu, hơn thế nữa, giai cấp vô sản Nga tạo ra được một sự hiểu biết và một sự tin cậy lẫn nhau hoàn toàn, xây dựng được sự liên minh thật sự không những giữa giai cấp vô sản Nga với nông dân Nga, mà còn giữa giai cấp vô sản của các dân tộc trước kia bị áp bức với nông dân của các dân tộc trước kia bị áp bức, thì nhiệm vụ sẽ được giải quyết. Muốn thế, cần phải làm cho chính quyền của giai cấp vô sản trở thành chính quyền thân thiết như ruột thịt đối với nông dân các dân tộc khác cũng như là đối với nông dân Nga. Muốn cho Chính quyền xô-viết trở thành chính quyền thân thiết như ruột thịt đối với nông dân của các dân tộc khác, cần phải làm sao cho nông dân của các dân tộc khác hiểu được Chính quyền xô-viết. Chính quyền

xô-viết phải dùng tiếng mẹ đẻ của họ, các trường học và các cơ quan chính quyền phải gồm những người địa phương am hiểu tiếng nói, phong tục và tập quán của những dân tộc không phải là dân tộc Nga. Chỉ khi nào các ngành và các cơ quan chính quyền tại những nước cộng hòa đó bắt đầu diễn đạt và hoạt động bằng tiếng nói dân tộc, chỉ đến lúc đó và chừng đó thì Chính quyền xô-viết — cho đến nay vẫn là chính quyền của người Nga — mới trở nên một chính quyền không những là của người Nga mà còn là một chính quyền chung cho tất cả các dân tộc và là chính quyền thân thiết như ruột thịt đối với nông dân các dân tộc trước kia bị áp bức.

Một trong những nguyên tắc của vấn đề dân tộc là ở chỗ đó, vấn đề dân tộc được đặt ra nói chung và trong những điều kiện xô-viết nói riêng là như vậy.

Đặc điểm của giải pháp về vấn đề dân tộc trong lúc này, năm 1923, là gì? Trong năm 1923 những vấn đề đòi hỏi giải quyết trong lĩnh vực đó, đã mang hình thức gì? Đó là hình thức của một sự hợp tác giữa các dân tộc trong liên bang chúng ta về các mặt kinh tế, quân sự và chính trị. Ở đây tôi muốn nói đến các quan hệ giữa các dân tộc. Xuất phát từ sự cần thiết phải xây dựng những quan hệ đúng đắn giữa giai cấp vô sản của dân tộc thống trị cũ với nông dân của các dân tộc khác, vấn đề dân tộc ngày nay mang một hình thức đặc biệt : hình thức hợp tác và chung sống anh em giữa các dân tộc trước kia đơn độc, nhưng nay đã liên hợp lại thành một quốc gia thống nhất.

Đó là thực chất của vấn đề dân tộc dưới hình thức mà vấn đề đó đã biểu hiện ra năm 1923.

Hình thức cụ thể của sự liên hợp quốc gia đó là Liên minh các nước cộng hòa, mà chúng ta đã nói đến và chúng ta đã lập ra ngay từ cuối năm ngoái, tại đại hội các Xô-viết.

Cơ sở của Liên minh đó là sự tự nguyện và sự bình đẳng về pháp luật của các thành viên của nó. Tự nguyện và bình đẳng, vì điểm xuất phát của bản cương lĩnh dân tộc của chúng ta là quyền của các dân tộc hợp thành những quốc gia độc lập : trước kia người ta gọi đó là quyền tự quyết. Xuất phát từ đó chúng ta phải nói dứt khoát rằng không một sự liên minh các dân tộc nào, không một sự liên hợp các dân tộc nào thành một quốc gia thống nhất lại có thể bền vững nếu nó không dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nếu bản thân các dân tộc không muốn liên minh với nhau. Cơ sở thứ hai là sự bình đẳng về pháp luật giữa các dân tộc gia nhập Liên minh. Điều đó cũng dễ hiểu. Tôi không nói đến sự bình đẳng trên thực tế, — tôi sẽ trở lại vấn đề này, — vì việc xây dựng một sự bình đẳng trên thực tế giữa các dân tộc tiên tiến và các dân tộc lạc hậu là một điều cực kỳ phức tạp, cực kỳ khó khăn, và đòi hỏi một thời gian lâu dài. Ở đây tôi xin nói đến sự bình đẳng về pháp luật. Nó biểu thị ở chỗ tất cả các nước cộng hòa gia nhập Liên minh — đây là trường hợp bốn nước cộng hòa : Nam Cáp-ca-dơ, Bạch Nga, U-cơ-ren và Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga — đều được hưởng như nhau những quyền lợi của Liên minh và đồng thời đều vì lợi ích của Liên minh mà cùng khước từ như nhau một số quyền độc lập của mình. Nếu ở nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, ở các nước cộng hòa U-cơ-ren, Bạch Nga, Nam Cáp-ca-dơ không còn các Bộ dân ủy Ngoại giao nữa, thì hiển nhiên là việc bãi bỏ các Bộ dân ủy Ngoại giao đó là việc thành lập một Bộ dân ủy Ngoại giao chung cho Liên minh các nước cộng hòa sẽ dẫn đến chỗ hạn chế một phần nào sự độc lập vốn có của các nước cộng hòa đó ; sự hạn chế này đối với tất cả các nước cộng hòa gia nhập Liên minh đều như nhau. Hiển nhiên là nếu mỗi nước cộng hòa trước đây có riêng Bộ dân ủy Ngoại thương của mình, nhưng hiện nay ở nước Cộng hòa liên bang xã hội

chủ nghĩa xô-viết Nga cũng như ở các nước cộng hòa khác các bộ đó đã bị bãi bỏ để thành lập một Bộ dân ủy Ngoại thương chung cho toàn Liên minh, thì điều đó cũng sẽ dẫn đến chỗ hạn chế một phần nào sự độc lập mà trước đây các nước cộng hòa đã được hưởng đầy đủ, sự độc lập đó bây giờ bị thu hẹp lại vì lợi ích chung của Liên minh, v.v. và v.v.. Một số người đặt câu hỏi hoàn toàn có tính chất kinh viện : thế vậy, các nước cộng hòa, sau khi liên hợp với nhau, có còn độc lập nữa không? Tôi cho đó là một câu hỏi có tính chất kinh viện. Nền độc lập của các nước cộng hòa đó có bị hạn chế, vì mọi sự liên minh đều dẫn đến chỗ hạn chế về quyền lợi mà những người liên minh với nhau được hưởng trước đây. Nhưng hiền nhiên là mỗi nước cộng hòa đều được duy trì những yếu tố căn bản của sự độc lập của mình, như thế ít ra cũng vì mỗi nước cộng hòa đều có quyền tự mình quyết định rút khỏi Liên minh.

Như vậy hình thức cụ thể của vấn đề dân tộc trong tình hình hiện nay của chúng ta, chung qui lại là vấn đề xây dựng một sự hợp tác giữa các dân tộc trong các lĩnh vực kinh tế, đối ngoại và quân sự. Trong tất cả các lĩnh vực đó, chúng ta phải liên hợp các nước cộng hòa thành một liên minh thống nhất gọi là Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết *. Hiện nay những hình thức cụ thể của vấn đề dân tộc chung qui lại là như thế.

Nhưng sự đời nói thì dễ hơn là làm. Vấn đề là ở chỗ trong những điều kiện hiện nay của chúng ta, có rất nhiều nhân tố chẳng những không góp phần vào việc liên hợp các dân tộc thành một quốc gia thống nhất, mà còn làm cản trở sự liên hợp đó nữa.

---

* Tức là Liên-xô, mà ta vẫn gọi là Liên bang các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết. Trong tập này chúng tôi dịch là Liên minh (союз) để tránh nhầm lẫn với Liên bang (федерация). — (B.T.)

Về các nhân tố góp phần vào việc liên hợp, các đồng chí đều đã biết : trước hết là sự xích lại gần nhau của các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế đã được tiến hành trước khi thành lập Chính quyền xô-viết và được Chính quyền xô-viết củng cố, một vài sự phân công giữa các dân tộc đã được tiến hành trước khi thành lập Chính quyền xô-viết và được Chính quyền xô-viết củng cố — đó là nhân tố cơ bản góp phần vào việc liên hợp các nước cộng hòa thành Liên minh. Nhân tố thứ hai góp phần vào việc liên hợp, là ở ngay bản chất của Chính quyền xô-viết. Điều này cũng dễ hiểu. Chính quyền Xô-viết là chính quyền của công nhân, là chuyên chính của giai cấp vô sản ; bản chất của nền chuyên chính này khuyến khích những người lao động tại các nước cộng hòa và thuộc các dân tộc trong Liên minh sống hòa thuận với nhau. Điều này cũng dễ hiểu. Nhân tố thứ ba góp phần vào việc liên hợp, là sự bao vây của đế quốc trong hoàn cảnh bị bao vây như thế Liên minh các nước cộng hòa buộc phải hoạt động.

Nhưng cũng có những nhân tố kìm hãm và làm cản trở sự liên hợp đó. Lực lượng chủ yếu ngăn cản sự liên hợp các nước cộng hòa thành một liên minh thống nhất, — đó là lực lượng đang phát triển ở nước ta, như tôi đã nói, trong điều kiện chính sách kinh tế mới : đó là chủ nghĩa sô-vanh đại Nga. Thưa các đồng chí, tuyệt nhiên không phải là do ngẫu nhiên mà nhóm *Smê-na Vê-khơ* đã tranh thủ được một đám người ủng hộ nó trong số viên chức xô-viết. Đấy tuyệt nhiên không phải là một điều gì có tính chất ngẫu nhiên. Cũng không phải là do ngẫu nhiên mà các ngài trong nhóm *Smê-na Vê-khơ* ca tụng những người cộng sản theo cái giọng nói như sau : các anh cứ nói về chủ nghĩa bôn-sê-vích bao nhiêu cũng được, các anh cứ ba hoa về những khuynh hướng quốc tế chủ nghĩa của các anh bao nhiêu tùy ý các anh ; còn về phần chúng tôi, chúng tôi biết rằng các anh sẽ thực hiện điều mà Đê-ni-kin đã

không tài nào thực hiện nổi ; rằng các anh, những người bôn-sô-vích, các anh đã phục hồi hoặc, vô luận thế nào, các anh cũng sẽ phục hồi tư tưởng một nước đại Nga. Tất cả các điều đó chẳng có gì là ngẫu nhiên. Cũng không phải là do ngẫu nhiên mà tư tưởng đó đã thâm nhập ngay cả vào trong một số cơ quan đảng ta. Tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Hai, vấn đề nghị viện thứ hai được đặt ra lần đầu tiên, tôi được nghe các ủy viên Ban Chấp hành trung ương đọc những bài diễn văn không phù hợp với chủ nghĩa cộng sản, những bài diễn văn chẳng có gì giống với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tất cả các điều đó là dấu hiệu của thời đại, là một bệnh dịch. Nguy cơ chủ yếu của tất cả các điều đó là song song với chính sách kinh tế mới, chủ nghĩa sô-vanh đại Nga phát triển không phải hàng ngày mà là hàng giờ, nó ra sức xóa bỏ mọi cái không phải là Nga, tập trung mọi cơ quan quản lý vào tay người Nga và đè bẹp cái gì không phải là Nga. Nguy cơ chủ yếu là, với một chính sách như vậy, chúng ta có cơ mất hết tín nhiệm của các dân tộc trước đây bị áp bức đối với giai cấp vô sản Nga, tín nhiệm đó giai cấp vô sản Nga đã tranh thủ được trong những ngày tháng Mười, khi giai cấp vô sản Nga lật đổ bọn địa chủ và tư bản Nga, đập tan ách áp bức dân tộc trong nước Nga, rút quân đội khỏi Ba-tư và Mông-cổ, tuyên bố Phần-lan và Ác-mê-ni độc lập, và nói chung đặt vấn đề dân tộc trên những cơ sở hoàn toàn mới. Sự tín nhiệm mà chúng ta đã tranh thủ được lúc đó có thể bị mất hoàn toàn nếu như tất cả chúng ta không vũ trang chống lại chủ nghĩa sô-vanh mới đó, tức là chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, tôi xin nhắc lại, nó tiến tới phía trước, bằng cách trườn lên, rồi len lỏi dần dần vào đầu óc, làm bại hoại tinh thần các cán bộ chúng ta. Nguy cơ đó, thưa các đồng chí, vô luận thế nào chúng ta cũng phải loại trừ nó. Nếu không, có thể có triển vọng là chúng ta sẽ mất tín nhiệm của công nhân và nông dân các

dân tộc bị áp bức trước kia, có thể có triển vọng là mối liên hệ giữa các dân tộc ấy với giai cấp vô sản Nga sẽ bị cắt đứt, và do đó, chúng ta sẽ lâm vào nguy cơ có sự rạn nứt trong hệ thống chuyên chính của chúng ta.

Thưa các đồng chí, không nên quên rằng sở dĩ chúng ta đã mở cờ dong trống tiến đánh Kê-ren-ski và đã lật đổ chính phủ lâm thời, thì ngoài những nguyên nhân khác ra, có nguyên nhân là chúng ta được sự tín nhiệm của các dân tộc bị áp bức, họ chờ đợi những người vô sản Nga giải phóng họ. Không được quên những lực lượng hậu bị đó, tức là những dân tộc bị áp bức, họ không lên tiếng, nhưng sự im lặng của họ đang gây áp lực và quyết định nhiều việc. Thường thường thì người ta không cảm thấy điều đó, nhưng các dân tộc ấy đang sống, đang tồn tại, và quyết không được quên họ. Không được quên rằng nếu trước kia, ở hậu phương của Côn-tsắc, Đê-ni-kin, Vơ-ran-ghen và I-u-đê-ni-tsơ, chúng ta không có cái gọi là « những người dị tộc », nếu không có những dân tộc bị áp bức trước kia ấy phá hoại hậu phương của bọn tướng đó bằng sự đồng tình thầm lặng của họ đối với những người vô sản Nga, — thưa các đồng chí, sự đồng tình thầm lặng đó là một nhân tố đặc thù của sự phát triển của chúng ta ; ta không nhìn thấy nó, cũng không nghe thấy nó, nhưng nó quyết định tất cả, — nếu không có sự đồng tình đó thì chúng ta đã không đánh gục được bất cứ tên nào trong bọn tướng đó. Trong lúc chúng ta tiến công bọn tướng ấy, thì hậu phương của chúng bắt đầu tan rã. Tại sao vậy ? Vì bọn tướng đó đã dựa vào những phần tử cô-dắc thực dân, vì chúng chỉ mang lại cho những dân tộc bị áp bức một viễn cảnh là tiếp tục sống dưới chế độ áp bức của chúng ; bởi vậy những dân tộc bị áp bức không thể không phấn khởi đi theo chúng ta khi thấy chúng ta giương ngọn cờ giải phóng các dân tộc bị áp bức ấy. Đó là điều quyết định vận mệnh của bọn tướng đó, đó là tổng số những nhân tố

mà những thắng lợi của quân đội chúng ta đã làm mờ đi, nhưng xét đến cùng đó là những nhân tố quyết định tất cả mọi việc. Không được quên điều đó. Bởi vậy, chúng ta phải tiến hành một bước ngoặt đột ngột : đấu tranh chống những xu hướng sô-vanh chủ nghĩa mới và vạch mặt chỉ tên những nhân viên cơ quan của chúng ta và những đảng viên nào quên cái thành quả này của tháng Mười : đó là sự tín nhiệm của những dân tộc bị áp bức trước kia, sự tín nhiệm này chúng ta phải hết sức coi trọng.

Cần hiểu rằng nếu một lực lượng như chủ nghĩa sô-vanh đại Nga được tự do phát triển và tự do hoành hành, thì chúng ta sẽ mất sự tín nhiệm của các dân tộc bị áp bức trước kia, mọi sự hợp tác trong một liên minh thống nhất sẽ không thể thực hiện được và chúng ta sẽ không có bất cứ một liên minh các nước cộng hòa nào cả.

Đó là nhân tố thứ nhất và là nhân tố nguy hiểm nhất trong những nhân tố cản trở sự liên hợp các dân tộc và các nước cộng hòa thành một liên minh thống nhất.

Nhân tố thứ hai, thưa các đồng chí, cũng cản trở sự đoàn kết các dân tộc bị áp bức trước kia xung quanh giai cấp vô sản Nga, đó là sự bất bình đẳng trên thực tế giữa các dân tộc, sự bất bình đẳng này là do chế độ Nga hoàng để lại cho chúng ta.

Chúng ta đã tuyên bố quyền bình đẳng trước pháp luật và chúng ta đã thực hiện quyền bình đẳng ấy ; nhưng từ quyền bình đẳng trên danh nghĩa, tức là quyền bình đẳng tự bản thân nó có một ý nghĩa rất lớn trong lịch sử phát triển của các nước cộng hòa xô-viết, đến quyền bình đẳng trên thực tế thì còn xa xôi. Về mặt hình thức, tất cả các dân tộc lạc hậu và nhân dân các nước lạc hậu trong liên bang chúng ta đều có đầy đủ quyền lợi như những dân tộc tiên tiến. Nhưng điều bất hạnh là một số dân tộc không có giai cấp vô sản của mình,

chưa kinh qua mà thậm chí còn chưa bắt đầu giai đoạn phát triển công nghiệp, hết sức lạc hậu về mặt văn hóa và hoàn toàn không có khả năng sử dụng những quyền lợi mà cách mạng đã mang lại cho họ. Thưa các đồng chí, đó là một vấn đề quan trọng hơn so với vấn đề nhà trường. Về điểm đó, một số đồng chí nghĩ rằng muốn giải quyết vấn đề, thì chỉ cần đặt vấn đề nhà trường và vấn đề ngôn ngữ lên hàng đầu là đủ. Thưa các đồng chí, như vậy không đúng ; chỉ với nhà trường thôi, thì chẳng làm được gì nhiều đâu ; bản thân nhà trường phát triển, ngôn ngữ cũng phát triển, nhưng sự bất bình đẳng trên thực tế vẫn là căn nguyên của mọi sự bất bình và mọi sự va chạm. Ở đây, chỉ dựa vào nhà trường và ngôn ngữ thì không giải quyết được vấn đề ; ở đây điều cần phải làm là chúng ta phải mang lại một sự giúp đỡ thực tế, thường xuyên, chân thành, một sự giúp đỡ thực sự vô sản cho quần chúng lao động của những dân tộc lạc hậu về mặt văn hóa và kinh tế. Ngoài nhà trường và ngôn ngữ ra, giai cấp vô sản Nga phải dùng đủ mọi biện pháp để tạo ra những cơ sở công nghiệp trong những vùng ngoại vi, trong những nước cộng hòa lạc hậu về mặt văn hóa, — họ lạc hậu, đó không phải lỗi tại họ, mà là vì trước kia họ bị coi là những nguồn cung cấp nguyên liệu. Một số biện pháp thí nghiệm đã được tiến hành theo hướng đó. Giê-óoc-gi đã nhận một công xưởng của Mạc-tư-khoa, công xưởng này bắt đầu sắp sửa hoạt động. Bu-kha-ra cũng đã nhận một công xưởng, và có thể nhận bốn công xưởng. Tuốc-ke-stan đã nhận một công xưởng lớn. Tóm lại, tất cả sự thật trên đều chứng tỏ rằng những nước cộng hòa ấy — lạc hậu về mặt kinh tế và không có giai cấp vô sản — phải, với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản Nga, tạo ra ở nước mình những cơ sở công nghiệp, dù là nhỏ bé, để cho trong những cơ sở đó sản sinh ra những người vô sản địa phương có thể làm sợi dây nối liền những người vô sản và nông dân Nga với những quần chúng

lao động của những nước cộng hòa đó. Trong lĩnh vực ấy, chúng ta sẽ phải làm việc một cách nghiêm túc và ở đây chỉ dựa vào nhà trường thôi thì không đủ.

Nhưng còn có một nhân tố thứ ba đang cản trở việc liên hợp các nước cộng hòa thành một liên minh : đó là chủ nghĩa dân tộc trong các nước cộng hòa. Chính sách kinh tế mới ảnh hưởng đến dân cư Nga, và đến cả dân cư không phải người Nga nữa. Chính sách kinh tế mới phát triển thương nghiệp tư nhân và công nghiệp tư nhân ở trung tâm nước Nga và cả trong các nước cộng hòa khác. Và như vậy là bản thân chính sách kinh tế mới, và tư bản tư nhân có quan hệ với nó, đang nuôi dưỡng chủ nghĩa dân tộc Giê-óoc-gi, A-déc-bai-gian, U-dơ-bếch và các chủ nghĩa dân tộc khác. Đương nhiên là nếu không có chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, — chủ nghĩa này có tính chất tấn công vì hiện nay nó mạnh và trước kia nó cũng mạnh và vì nó còn giữ cái thói quen áp bức và chà đạp, — nếu không có chủ nghĩa sô-vanh đại Nga thì chủ nghĩa sô-vanh địa phương, với tính cách là sự trả lời lại chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, có lẽ sẽ chỉ tồn tại ở mức độ nhỏ, có thể nói là hết sức nhỏ : vì quy cho cùng thì chủ nghĩa dân tộc bài Nga là một hình thức phòng ngự, một hình thức phòng ngự hơi kỳ quặc chống lại chủ nghĩa dân tộc đại Nga, chống lại chủ nghĩa sô-vanh đại Nga. Nếu chủ nghĩa dân tộc đó chỉ hoàn toàn có tính phòng ngự thôi thì có lẽ cũng không cần phải nói nhiều về nó. Có thể tập trung toàn bộ lực lượng hoạt động của mình, toàn bộ lực lượng đấu tranh của mình chống lại chủ nghĩa sô-vanh đại Nga khiến cho một khi kẻ thù mạnh đó đã bị đánh gục, thì kẻ thù kia, tức là chủ nghĩa dân tộc bài Nga, cũng sẽ quy theo ; vì, tôi xin nhắc lại, chủ nghĩa dân tộc bài Nga, quy cho cùng, chỉ là một sự phản ứng chủ nghĩa dân tộc đại Nga, một sự trả lời lại chủ nghĩa đó, một loại phòng ngự thôi. Đúng, tình hình sẽ diễn ra như vậy, nếu chủ nghĩa dân tộc địa phương bài Nga chỉ

là một sự phản ứng lại chủ nghĩa dân tộc đại Nga. Nhưng điều bất hạnh là, trong một số nước cộng hòa, chủ nghĩa dân tộc có tính chất phòng ngự đó đã biến thành chủ nghĩa dân tộc có tính chất tiến công.

Hãy lấy Giê-oóc-gi làm ví dụ. Trên 30% dân số ở đó là những người không thuộc dân tộc Giê-oóc-gi : đó là người Ác-mê-ni, người Áp-kha-dơ, người Át-gia-rơ, người Ô-xê-ti, người Ta-ta-ri. Người Giê-oóc-gi đứng ở hàng đầu. Trong một số người cộng sản Giê-oóc-gi, đã phát sinh và phát triển cái tư tưởng cho rằng không cần đếm xia đến những dân tộc nhỏ bé ấy ; họ cho rằng những dân tộc ấy kém văn hóa hơn, kém phát triển hơn ; vậy có thể coi thường họ được. Đó là chủ nghĩa sô-vanh, một chủ nghĩa sô-vanh có hại và nguy hiểm, vì chủ nghĩa đó có thể biến nước Cộng hòa Giê-oóc-gi nhỏ bé thành một nơi diễn ra những sự bất hòa. Vả lại, điều đó đã xảy ra rồi.

A-déc-bai-gian chẳng hạn. Dân tộc chính : người A-déc-bai-gian ; nhưng ở đó, cũng còn có người Ác-mê-ni nữa. Trong một số người A-déc-bai-gian cũng có một khuynh hướng, đôi khi đã biểu lộ công khai, cho rằng : chúng ta, những người A-déc-bai-gian chúng ta là người địa phương, còn những người Ác-mê-ni là dân ngụ cư; chẳng lẽ chúng ta lại không thể gạt họ xuống, lại không thể không coi trọng lợi ích của họ hay sao. Đó cũng là chủ nghĩa sô-vanh. Chủ nghĩa đó phá vỡ sự bình đẳng giữa các dân tộc, sự bình đẳng này là cơ sở của Chính quyền xô-viết.

Hoặc nói về Bu-kha-ra. Ở đó, ở Bu-kha-ra, có ba dân tộc : người U-dơ-bếch, dân tộc chính ; người Tuốc-mê-ni, là dân tộc mà chủ nghĩa sô-vanh Bu-kha-ra coi là dân tộc « thứ yếu » và người Kiếc-ghi-di, ít người và bị coi là « thứ yếu ».

Ở Khô-re-dơ-mơ thì cũng vậy : người Tuốc-mê-ni và người U-dơ-bếch. Người U-dơ-bếch là dân tộc chính, người Tuốc-mê-ni bị coi là dân tộc « thứ yếu ».

Tất cả những điều đó dẫn đến những cuộc xung đột và đến chỗ làm suy yếu Chính quyền xô-viết. Các khuynh hướng sô-vanh chủ nghĩa địa phương ấy cũng phải trừ tận gốc. Đương nhiên, so với chủ nghĩa sô-vanh đại Nga là chủ nghĩa chiếm ba phần tư vấn đề dân tộc, thì chủ nghĩa sô-vanh địa phương không quan trọng bằng, nhưng đối với công tác ở địa phương, đối với những người ở địa phương, đối với sự hòa bình phát triển của bản thân những nước cộng hòa, thì nó có một ý nghĩa trọng yếu hàng đầu.

Đôi khi chủ nghĩa sô-vanh đó có một sự diễn biến rất đáng chú ý. Nói như vậy là tôi muốn nói đến Nam Cáp-ca-dơ. Các đồng chí đều biết rằng vùng đó gồm ba nước cộng hòa, mười dân tộc. Từ thời xửa thời xưa, vùng đó là nơi diễn ra những cuộc chém giết và bất hòa, và sau đó trong thời kỳ bọn men-sê-vích và Đa-sơ-nác lại là nơi diễn ra những cuộc chiến tranh. Các đồng chí đều biết cuộc chiến tranh giữa Giê-oóc-gi và Ác-mê-ni. Các đồng chí cũng đều biết những cuộc chém giết ở A-déc-bai-gian vào đầu và cuối năm 1905. Tôi có thể kể ra cả một loạt những vùng trong đó dân Ác-mê-ni chiếm đa số đã tàn sát phần dân cư còn lại thuộc dân tộc Ta-ta-ri : chẳng hạn như vụ tàn sát người Dan-ghê-dua. Tôi có thể nêu ra một tỉnh khác : tỉnh Na-khi-stê-van, ở đó người Ta-ta-ri chiếm đa số đã tàn sát hết thảy người Ác-mê-ni. Điều đó xảy ra ngay trước ngày Ác-mê-ni và Giê-oóc-gi được giải phóng khỏi ách của chủ nghĩa đế quốc. (*Trong phòng có tiếng nói* : « Đó là cách họ giải quyết vấn đề dân tộc »). Đúng, đó cũng là một cách giải quyết vấn đề dân tộc. Nhưng đó không phải là cách xô-viết. Không nói cũng rõ là công nhân Nga không có liên quan gì với sự cừu thị dân tộc ấy, vì đó là sự tranh giành giữa người Ta-ta-ri và người Ác-mê-ni, không có người Nga tham gia. Vì vậy ở Nam Cáp-ca-dơ, cần phải có một cơ quan chuyên

trách, có khả năng giải quyết những mối quan hệ giữa các dân tộc.

Ta có thể mạnh dạn nói rằng vấn đề những mối quan hệ giữa giai cấp vô sản của dân tộc trước kia đi thống trị với nhân dân lao động của tất cả các dân tộc khác là ba phần tư của vấn đề dân tộc. Nhưng phải tính là vấn đề những quan hệ giữa bản thân các dân tộc trước kia bị áp bức chiếm một phần tư.

Vậy thì, trong hoàn cảnh nghi kỵ lẫn nhau ấy, nếu Chính quyền xô-viết không biết thiết lập ở Nam Cáp-ca-dơ một cơ quan hòa giải giữa các dân tộc, có khả năng giải quyết những sự va chạm và xung đột, thì chúng ta sẽ quay trở lại thời kỳ Nga hoàng hay thời kỳ bọn Đa-sơ-nác, bọn Mút-xa-vát, bọn men-sê-vích, thời kỳ mà người ta thiêu sống và tàn sát lẫn nhau. Bởi vậy, Ban Chấp hành trung ương đã ba lần khẳng định là cần phải duy trì Liên bang Nam Cáp-ca-dơ làm cơ quan hòa giải giữa các dân tộc.

Trước kia đã có và hiện nay vẫn còn có một nhóm đảng viên cộng sản người Giê-óoc-gi không phản đối việc Giê-óoc-gi gia nhập Liên minh các nước cộng hòa, nhưng phản đối việc gia nhập đó tiến hành thông qua Liên bang Nam Cáp-ca-dơ. Các đồng chí xem, họ muốn gần sát Liên minh hơn ; họ nói rằng giữa người Giê-óoc-gi và Liên minh các nước cộng hòa, không cần có cái bức tường Liên bang Nam Cáp-ca-dơ đó, không cần liên bang. Điều đó tựa hồ như là rất cách mạng.

Nhưng trong đó, có một dụng tâm khác. Trước hết, những lời tuyên bố đó chứng tỏ rằng, trong vấn đề dân tộc, như đã được đặt ra ở Giê-óoc-gi, vấn đề thái độ đối với người Nga chỉ có một ý nghĩa thứ yếu : vì các đồng chí - thiên hướng ấy (ai nấy đều gọi họ như vậy) không hề phản đối việc Giê-óoc-gi gia nhập trực tiếp vào Liên minh, nghĩa là các đồng chí ấy không sợ chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, cho rằng vô luận thế nào, chủ nghĩa sô-vanh này cũng bị tiêu diệt tận gốc, hoặc

không có ý nghĩa quyết định. Rất rõ ràng là họ sợ Liên bang Nam Cáp-ca-dơ hơn nhiều. Tại sao? Tại sao ba dân tộc chủ yếu đang sống ở Nam Cáp-ca-dơ, trước đây đã đánh nhau rất lâu, đã giết nhau, đã gây chiến tranh với nhau; tại sao bây giờ khi Chính quyền xô-viết cuối cùng đã kiến lập giữa họ với nhau những mối quan hệ liên minh anh em dưới hình thức một liên bang và liên bang đó đã mang lại những kết quả tốt, các dân tộc ấy lại phải phá bỏ những mối quan hệ đã được thiết lập đó đi? Tại sao vậy, thưa các đồng chí?

Tại vì những mối quan hệ do Liên bang Nam Cáp-ca-dơ thiết lập ra khiến cho Giê-oóc-gi mất cái địa vị đặc quyền mà lẽ ra nó đã có thể chiếm được do vị trí địa dư của nó. Các đồng chí thử xét xem. Giê-oóc-gi có một hải cảng: Ba-tum, có thể nhập những hàng hóa của phương Tây; có một đầu mối đường sắt quan trọng là Ti-phơ-li-xơ, cần thiết cho người Ác-mê-ni và cần thiết cho A-déc-bai-gian để nhận hàng hóa từ Ba-tum chở đến. Nếu Giê-oóc-gi là một nước cộng hòa riêng, nếu nó không gia nhập Liên bang Nam Cáp-ca-dơ, thì nó có thể gửi một tối hậu thư nhỏ vừa cho Ác-mê-ni là nước không thể không cần đến Ti-phơ-li-xơ, vừa cho A-déc-bai-gian là nước không thể không cần đến Ba-tum. Như vậy, Giê-oóc-gi sẽ có lợi phần nào đó. Không phải ngẫu nhiên mà cái sắc lệnh kỳ quái, mà ai nấy đều biết, về việc thiết lập bộ đội biên phòng, đã được thảo ra ở Giê-oóc-gi chứ không phải ở chỗ khác. Bây giờ, người ta đổ trách nhiệm về việc ấy cho Xê-rê-bơ-ri-a-cốp. Cứ cho là như vậy đi. Nhưng sự thật vẫn là sắc lệnh đó ra đời ở Giê-oóc-gi chứ không phải ở A-déc-bai-gian hoặc ở Ác-mê-ni.

Còn một lý do khác nữa, Ti-phơ-li-xơ là thủ đô của Giê-oóc-gi, nhưng ở đó người Giê-oóc-gi chiếm không quá 30% dân số, người Ác-mê-ni chiếm ít ra là 35%, sau đó đến các dân tộc khác. Đó là tình hình thủ đô của Giê-oóc-gi. Nếu Giê-oóc-gi

là một nước cộng hòa riêng, thì ở đó, người ta có thể tiến hành việc di dân, chẳng hạn đưa dân Ác-mê-ni ở Ti-phơ-li-xơ đi nơi khác. Cái sắc lệnh nổi tiếng về « điều chỉnh » dân số ở Ti-phơ-li-xơ, — sắc lệnh mà đồng chí Ma-kha-rát-dê nói là không nhằm đối phó với dân Ác-mê-ni, — há chẳng phải là đã được thông qua ở Giê-oóc-gi đó sao ? Người ta chủ trương di dân sao cho số người Ác-mê-ni ở Ti-phơ-li-xơ hàng năm sẽ giảm đi so với số người Giê-oóc-gi, và do đó làm cho Ti-phơ-li-xơ trở thành một thủ đô thực sự của người Giê-oóc-gi. Tôi giả thử rằng sắc lệnh về việc trục xuất đã bị hủy bỏ. Nhưng còn vô số khả năng, vô số biện pháp mềm dẻo, như « việc sơ tán », nhờ đó người ta có thể làm cho số dân Ác-mê-ni ở Ti-phơ-li-xơ ít đi mà vẫn giữ được cái vẻ là tôn trọng chủ nghĩa quốc tế.

Chính những điều kiện có lợi về mặt địa dư đó mà những phần tử - thiên hướng ở Giê-oóc-gi không muốn buông ra, chính cái địa vị bất lợi của dân Giê-oóc-gi ở ngay Ti-phơ-li-xơ, nơi mà họ không đông bằng dân Ác-mê-ni, đã kích thích những phần tử thiên - hướng chống lại liên bang. Bọn men-sê-vích thì cứ trục xuất vô điều kiện dân Ác-mê-ni và dân Ta-ta-ri ra khỏi Ti-phơ-li-xơ. Nhưng hiện nay, dưới Chính quyền xô-viết, thì không thể làm như vậy được ; vậy phải ra khỏi liên bang, và như vậy người ta sẽ có khả năng pháp lý để hoàn toàn tự do tiến hành những hoạt động khiến cho có thể tận dụng địa vị có lợi của dân Giê-oóc-gi để đối phó với người A-déc-bai-gian và người Ác-mê-ni. Kết quả của toàn bộ tình hình trên là tạo ra cho những người Giê-oóc-gi có một địa vị đặc quyền trong nội bộ Nam Cáp-ca-dơ. Toàn bộ sự nguy hiểm là ở chỗ đó.

Liệu chúng ta có thể không đếm xỉa đến lợi ích hòa bình giữa các dân tộc khác nhau ở Nam Cáp-ca-dơ mà lại tạo ra những điều kiện bảo đảm cho dân Giê-oóc-gi một địa vị đặc

quyền đối với các nước cộng hòa Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian được không? Không, chúng ta không thể thừa nhận việc làm như vậy được.

Có một chế độ cũ, rất đặc biệt, về quản lý các dân tộc, chế độ đó muốn rằng chính quyền của giai cấp tư sản đi sát một số dân tộc nào đó và cho những dân tộc này được hưởng những đặc quyền, và coi khinh các dân tộc khác, không thèm chăm lo tới họ. Như vậy là khi đi sát một dân tộc, chính quyền của giai cấp tư sản thông qua dân tộc đó mà áp bức các dân tộc khác. Đó là phương pháp quản lý ở Áo chẳng hạn. Ai nấy đều nhớ rằng bộ trưởng Áo là Bớt đã gọi một bộ trưởng Hung đến và bảo rằng: « Anh hãy quản lý các bầy của anh, còn tôi quản lý các bầy của tôi ». Nói một cách khác là: hãy đàn áp và đè bẹp những dân tộc của anh ở Hung; tôi cũng sẽ làm như vậy ở Áo. Tôi với anh, chúng ta là những dân tộc có đặc quyền, chúng ta hãy đè bẹp các dân tộc khác.

Đối với dân Ba-lan sáp nhập vào Áo thì cũng vậy. Người Áo gần gũi họ, cho họ được hưởng những đặc quyền, để người Ba-lan giúp họ củng cố những vị trí của họ ở Ba-lan; để đáp lại, người Áo cho phép người Ba-lan có thể bóp chết xứ Ga-li-xi.

Đó là một chế độ đặc biệt, thuần túy kiểu Áo, chế độ này tách một số dân tộc ra và cho họ những đặc quyền để thắng các dân tộc khác. Đứng trên quan điểm của chế độ quan liêu mà xét thì đó là một phương pháp quản lý « kinh tế », vì chỉ phải đối phó với độc một dân tộc thôi; nhưng đứng về quan điểm chính trị mà xét, thì như vậy nhất định sẽ đưa Nhà nước đến chỗ tiêu vong, vì vi phạm nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc và cho một trong những dân tộc nào đó được hưởng đặc quyền, tức là đã ký bản án tử hình chính sách dân tộc của mình rồi.

Hiện nay, nước Anh cũng cai trị Ấn-độ một cách hệt như vậy. Theo quan điểm của chế độ quan liêu, muốn thắng một

cách dễ dàng hơn những dân tộc và bộ tộc ở Ấn-độ, nước Anh đã chia Ấn-độ thành Ấn-độ thuộc Anh (240 triệu dân) và Ấn-độ bản xứ (72 triệu dân). Tại sao vậy? Vì nước Anh muốn tách nhóm dân tộc ra và cho nhóm đó được hưởng những đặc quyền, đề cai trị các dân tộc khác một cách thuận lợi hơn. Hiện nay, ở Ấn-độ, có hàng trăm dân tộc, và nước Anh quyết định : việc quái gì phải bận tâm đến điều đó, tốt hơn là tách ra một vài dân tộc, cho những dân tộc đó được hưởng một số đặc quyền nào đó, và thông qua họ mà quản lý các dân tộc khác : trước hết là sự bất mãn của các dân tộc khác này sẽ không chĩa vào nước Anh mà chĩa vào các dân tộc có đặc quyền ; và hai là chỉ « chăm lo » đến hai hay ba dân tộc thôi thì vẫn rẻ hơn.

Đó lại là một chế độ quản lý nữa, chế độ kiểu Anh. Chế độ đó mang lại kết quả như thế nào? Mang lại kết quả là làm cho bộ máy « rẻ tiền hơn », đúng như vậy. Nhưng, thưa các đồng chí, nếu không nói đến những điều kiện lợi về mặt quan liêu, thì như vậy có nghĩa là sự thống trị của Anh ở Ấn-độ nhất định sẽ tiêu vong ; chế độ đó làm cho nền cai trị và sự thống trị của Anh không tránh khỏi phải tiêu vong, điều đó chắc chắn như hai với hai là bốn vậy.

Các đồng chí của chúng ta, những đồng chí - thiên hướng ở Giê-óoc-gi, đang đầy chúng ta vào con đường nguy hiểm đó, khi họ chống lại liên bang bằng cách vi phạm tất cả những luật lệ của đảng, khi họ muốn ra khỏi liên bang đề giữ được một địa vị có lợi. Họ thúc chúng ta cho họ một số đặc quyền có hại cho những nước cộng hòa Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian. Chúng ta không thề đi vào con đường đó được, vì như vậy sẽ làm cho toàn bộ chính sách của chúng ta và Chính quyền xô-viết ở Cáp-ca-dơ nhất định sẽ tiêu vong.

Không phải ngẫu nhiên mà các đồng chí chúng ta ở Giê-óoc-gi đã cảm thấy mối nguy đó. Khi chuyển sang tấn công, cái chủ

nghĩa sô-vanh Giê-óoc-gi nhằm chống lại người Ác-mê-ni và người A-déc-bai-gian đó đã báo động cho Đảng cộng sản Giê-óoc-gi biết nguy cơ đó. Đảng cộng sản Giê-óoc-gi từ khi ra công khai đã họp hai đại hội, lần nào cũng nhất trí bác bỏ quan điểm của các đồng chí - thiên hướng, điều đó hoàn toàn có thể hiểu được, vì nếu không có Liên bang Nam Cáp-ca-dơ, thì trong những điều kiện hiện nay, không thể duy trì được hòa bình và thiết lập sự bình đẳng ở Cáp-ca-dơ. Không thể cho phép một dân tộc này lại có đặc quyền hơn một dân tộc kia. Các đồng chí chúng ta đã hiểu như vậy. Chính vì thế mà sau hai năm đấu tranh, tập đoàn Mơ-đi-va-ni chỉ là một nhúm người luôn luôn bị đảng ở chính Giê-óoc-gi đánh bạt đi.

Cũng không phải ngẫu nhiên mà đồng chí Lê-nin đã vội vã và đã kiên trì đòi cho liên bang được thành lập nhanh chóng. Không phải ngẫu nhiên mà đã ba lần Ban Chấp hành trung ương chúng ta khẳng định là cần thiết phải thành lập ở Nam Cáp-ca-dơ một liên bang có Ban Chấp hành trung ương riêng và quyền hành pháp của nó, các nước cộng hòa bắt buộc phải tuân theo những nghị quyết của các cơ quan này. Không phải ngẫu nhiên mà hai tiểu ban của đồng chí Đơ-déc-gin-ski và tiểu ban của Ca-mê-nép và Qui-bư-sép, khi trở về Mạc-tư-khoa, đều tuyên bố là cần thiết phải có liên bang.

Cuối cùng, không phải ngẫu nhiên mà bọn men-sê-vích trong nhóm báo *Thông báo xã hội chủ nghĩa*[69] tán dương các đồng chí - thiên hướng về việc họ đấu tranh chống lại liên bang, và tâng bốc họ lên tận mây xanh : thật là ngưu tầm ngưu, mã tầm mã.

Tôi xin chuyển sang phân tích những biện pháp, những phương sách mà chúng ta cần phải dùng để thắng ba nhân tố chính đang cản trở sự liên minh : chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, sự bất bình đẳng trên thực tế giữa các dân tộc, và chủ nghĩa dân tộc địa phương, nhất là khi chủ nghĩa này trở thành chủ

nghĩa sô-vanh. Trong những phương pháp có thể giúp chúng ta loại trừ không đau đớn tất cả cái di sản cũ ấy của thời đã qua, cái di sản cản trở sự gần gũi giữa các dân tộc, thì có ba phương pháp mà tôi sẽ nêu ra sau đây.

Phương pháp thứ nhất : thi hành mọi biện pháp làm sao cho Chính quyền xô-viết ở các nước cộng hòa trở thành một chính quyền mà người ta hiểu được và là một chính quyền thân thiết đối với người ta, làm sao cho chính quyền đó không phải chỉ là của người Nga, mà là chung cho các dân tộc. Muốn vậy, không những các trường, mà tất cả các thiết chế, tất cả các cơ quan của đảng và của các Xô-viết, đều phải dần dần dân tộc hóa, phải dùng tiếng nói mà quần chúng hiểu được, phải hoạt động trong những điều kiện thích hợp với tập quán sinh hoạt của dân tộc đó. Chỉ có trong điều kiện như vậy thì chúng ta mới sẽ có khả năng biến Chính quyền xô-viết thành một chính quyền không những của người Nga mà còn là chung cho các dân tộc nữa, một chính quyền gần gũi, có thể hiểu được và thân thiết đối với quần chúng lao động trong tất cả các nước cộng hòa và nhất là trong các nước cộng hòa lạc hậu về mặt kinh tế và văn hóa.

Phương pháp thứ hai có thể tạo ra điều kiện thuận lợi cho chúng ta loại trừ không đau đớn cái di sản do chế độ Nga hoàng và giai cấp tư sản để lại, tức là làm cho các bộ dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa có một cơ cấu cho phép ít ra là các dân tộc chủ yếu có được đại biểu của họ trong các ban lãnh đạo, và tạo ra một tình hình sao cho những nhu cầu và nguyện vọng của mỗi nước cộng hòa được thỏa mãn vô điều kiện.

Phương pháp thứ ba : trong các cơ quan trung ương tối cao, chúng ta phải có được một cơ quan phản ánh những nhu cầu và nguyện vọng của tất cả các nước cộng hòa và của tất cả các dân tộc không trừ một nước cộng hòa và một dân tộc nào

Tôi muốn đặc biệt lưu ý các đồng chí đến điểm cuối cùng đó.

Nếu chúng ta có thể thiết lập tại Ban Chấp hành trung ương của Liên minh, hai viện bình đẳng về quyền hạn, một viện sẽ do đại hội các Xô-viết toàn Liên minh bầu ra không căn cứ vào thành phần dân tộc, và viện kia sẽ do các nước cộng hòa và các khu dân tộc bầu ra (số đại biểu của các nước cộng hòa bằng nhau, và số đại biểu của các khu dân tộc cũng bằng nhau), nhưng cũng do đại hội các Xô-viết toàn Liên minh các nước cộng hòa phê chuẩn, thì tôi thiết tưởng rằng những cơ quan tối cao của chúng ta sẽ phản ánh không những những lợi ích giai cấp của tất cả mọi người lao động không trừ một ai, mà còn phản ánh cả những nguyện vọng thuần túy dân tộc nữa. Chúng ta sẽ có một cơ quan phản ánh những lợi ích riêng biệt của các dân tộc, các bộ tộc và bộ lạc sống trên lãnh thổ Liên minh các nước cộng hòa. Thưa các đồng chí, trong những điều kiện hiện nay ở nước ta, tức là trong lúc mà Liên minh có tất cả ít ra là 140 triệu dân, trong đó 65 triệu không phải người Nga, thì tôi thiết tưởng rằng không sao quản lý được một Nhà nước như vậy, nếu trước mặt chúng ta, ngay ở đây, ở Mạc-tư-khoa, không có trong cơ quan tối cao, những đại biểu của các dân tộc đó, tức là những người phản ánh không những những lợi ích chung cho toàn bộ giai cấp vô sản, mà cả những lợi ích riêng biệt, đặc biệt, đặc thù của các dân tộc. Không thế, thì không sao quản lý được, các đồng chí ạ. Không thể quản lý được nếu trong tay không có cái phong vũ biểu đó, nếu không có những người có thể phản ánh những nhu cầu đặc thù của các dân tộc khác nhau.

Có hai phương pháp quản lý đất nước : trong phương pháp thứ nhất, bộ máy đã « được đơn giản hóa đi », và đứng đầu bộ máy, chẳng hạn, là một nhóm người hoặc một người, nhóm đó hay người đó nhờ có các tỉnh trưởng mà có được tai mắt, tay chân ở khắp nơi. Đó là một hình thức quản lý vô cùng

đơn giản ; người quản lý quốc gia nhận được những tin tức mà các tỉnh trưởng có thể cung cấp được, và người đó tự ru mình bằng hy vọng là mình quản lý một cách trung thực và đúng đắn. Nhưng rồi những sự va chạm phát sinh ; va chạm biến thành xung đột, xung đột biến thành khởi nghĩa. Rồi những cuộc khởi nghĩa bị đập tan. Chế độ quản lý đó không phải là chế độ quản lý của chúng ta ; hơn nữa, mặc dù nó đơn giản, nhưng lại rất tốn kém. Nhưng có một chế độ quản lý khác, chế độ xô-viết. Trong đất nước Xô-viết, chúng ta thực hiện một chế độ quản lý khác, chế độ này cho phép dự kiến được một cách chính xác tất cả các sự thay đổi, tất cả các tình huống xảy ra trong nông dân cũng như trong những dân tộc ít người, trong những người gọi là « dị tộc » cũng như trong người Nga, sao cho trong hệ thống các cơ quan tối cao có một số phong vũ biểu chỉ cho thấy sự thay đổi nhỏ nhất, báo trước cho biết phong trào « ba-sma-tsơ »[70], những hành động cướp bóc, vụ Cơ-rôn-stát, tất cả những cơn bão táp có thể xảy ra và tất cả những tai biến lớn. Đó là chế độ quản lý xô-viết. Và nếu chế độ đó gọi là Chính quyền xô-viết, chính quyền nhân dân, chính là vì, dựa vào quần chúng, chính quyền đó sớm thấy được tất cả những sự thay đổi, nó áp dụng những biện pháp thích hợp và kịp thời sửa lại đường lối chính trị nếu đường lối này đi lệch hướng, — vì nó tự phê bình và sửa lại đường lối. Chế độ quản lý ấy là chế độ xô-viết và chế độ đó đòi hỏi chúng ta phải có, trong hệ thống các cơ quan tối cao của chúng ta, những cơ quan phản ánh được tất cả những nhu cầu và nguyện vọng dân tộc.

Có người phản đối rằng chế độ đó làm cho công tác quản lý trở thành phức tạp và làm tăng thêm những cơ quan mới. Đúng vậy. Cho đến nay, chúng ta đã có Ban Chấp hành trung ương của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga ; sau đó chúng ta đã thành lập Ban Chấp hành trung ương

của Liên minh ; bây giờ lại phải phân Ban Chấp hành này thành hai bộ phận. Nhưng không làm như vậy thì không được. Tôi đã nói rằng chế độ quản lý đơn giản nhất là trao quyền quản lý cho một người được sự giúp đỡ của các tỉnh trưởng. Nhưng sau tháng Mười, thì những thí nghiệm như vậy đều bị loại trừ. Chế độ đã trở thành phức tạp, nhưng nó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và khiến cho công tác này có tính chất xô-viết sâu sắc. Chính vì vậy mà tôi cho rằng đại hội nên chấp thuận việc thành lập một cơ quan chuyên môn — một viện thứ hai trong Ban Chấp hành trung ương của Liên minh, vì đó là cơ quan tuyệt đối cần thiết.

Tôi không nói rằng đó là hình thức hợp tác hoàn hảo giữa các dân tộc trong Liên minh ; tôi không nói rằng đó là thành tựu mới nhất của khoa học. Sau này chúng ta sẽ còn nhiều lần đặt vấn đề dân tộc ra nữa ; vì những điều kiện dân tộc và quốc tế đang thay đổi và còn có thể thay đổi nữa. Tôi không dám chắc rằng chúng ta sẽ không phải tách một số bộ dân ủy mà chúng ta đã hợp nhất lại trong Liên minh các nước cộng hòa, nếu như kinh nghiệm chứng minh rằng hợp nhất như vậy đem lại những kết quả không được tốt đẹp. Nhưng có điều rõ ràng là : trong những điều kiện hiện nay, trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta không có phương pháp nào tốt hơn, một cơ quan nào thích hợp hơn. Trong lúc này, để lập ra một cơ quan có thể phản ánh tất cả những sự ngả nghiêng, tất cả những sự thay đổi xảy ra trong từng nước cộng hòa, chúng ta không có phương pháp nào tốt hơn mà cũng không có khả năng nào khác hơn là thiết lập một viện thứ hai.

Không phải nói cũng thấy rõ rằng viện thứ hai đó phải gồm những đại biểu không những của bốn nước cộng hòa đã liên hợp với nhau, mà là của tất cả các dân tộc, vì vấn đề ở đây không phải chỉ là các nước cộng hòa (có bốn nước) đã chính thức liên hợp với nhau, mà là tất cả các dân tộc và tất cả các

bộ tộc của Liên minh các nước cộng hòa. Vì vậy, chúng ta phải có một hình thức phản ánh được những nguyện vọng của tất cả các dân tộc và các nước cộng hòa, không trừ một dân tộc, một nước cộng hòa nào cả.

Thưa các đồng chí, tôi xin tóm tắt ý kiến của tôi.

Tóm lại, tầm quan trọng của vấn đề dân tộc là do tình hình quốc tế mới quyết định, là do điều sau đây quyết định : ở nước Nga, trong liên bang của chúng ta, chúng ta phải giải quyết vấn đề dân tộc một cách đúng đắn, một cách gương mẫu nhằm cung cấp được một tấm gương cho phương Đông, nơi đang có những lực lượng hậu bị chủ yếu của cách mạng, và do đó tăng được tín nhiệm của các lực lượng ấy đối với liên bang chúng ta và tăng được sức hấp dẫn của liên bang chúng ta đối với các lực lượng ấy.

Đứng về phương diện tình hình trong nước mà xét, thì do những điều kiện mà chính sách kinh tế mới đã tạo ra, do chủ nghĩa sô-vanh đại Nga và chủ nghĩa sô-vanh địa phương đang phát triển, nên chúng ta phải có nghĩa vụ nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề dân tộc.

Thứ nữa, tôi đã nói rằng thực chất của vấn đề dân tộc là ở chỗ thiết lập những quan hệ đúng đắn giữa giai cấp vô sản của dân tộc thống trị trước kia với nông dân ở các dân tộc trước kia bị trị ; rằng đứng trên quan điểm đó mà xét thì hình thức cụ thể hiện nay của vấn đề dân tộc là việc tìm ra những biện pháp, tìm ra những phương sách để tổ chức sự hợp tác giữa các dân tộc trong Liên minh các nước cộng hòa, trong một quốc gia thống nhất.

Sau đó, tôi đã nói đến những nhân tố tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc gần gũi nhau. Tôi đã nói đến những nhân tố cản trở sự liên hợp. Tôi đã đặc biệt nhấn mạnh đến chủ nghĩa sô-vanh đại Nga hiện đang ngày càng mạnh lên. Chính chủ

nghĩa đó là nguy cơ chủ yếu; nó có thể phá hoại sự tín nhiệm của các dân tộc trước kia bị áp bức đối với giai cấp vô sản Nga. Đó là kẻ thù nguy hiểm nhất của chúng ta, và chúng ta phải đánh gục kẻ thù đó, vì nếu chúng ta đánh gục được nó, thì tức là chúng ta đã đánh gục được chín phần mười chủ nghĩa dân tộc đã tồn tại và đang phát triển trong một số nước cộng hòa.

Tiếp nữa, chúng ta đứng trước nguy cơ là một vài nhóm đồng chí thúc đẩy chúng ta phải cho một số dân tộc những đặc quyền có hại cho các dân tộc khác. Tôi đã nói rằng chúng ta không thể đi vào con đường đó, tức là con đường có thể phá hoại hòa bình giữa các dân tộc và làm tiêu tan sự tín nhiệm của quần chúng các dân tộc khác đối với Chính quyền xô-viết.

Tôi còn nói rằng phương pháp chủ yếu để loại trừ không đau đớn những nhân tố cản trở sự liên hợp đó, là thành lập trong Ban Chấp hành trung ương một viện thứ hai, mà tôi đã nói rõ hơn vào hồi tháng Hai, tại hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương, mà những đề cương đã đề cập đến bằng những lời lẽ kín đáo hơn cốt để cho các đồng chí có khả năng tự mình nêu ra một hình thức khác, một hình thức mềm dẻo hơn, một cơ quan khác, thích hợp hơn và có thể phản ánh được lợi ích của các dân tộc.

Đó là những kết luận của tôi.

Tôi thiết tưởng rằng chỉ có đi theo con đường đó chúng ta mới sẽ có được một giải pháp đúng đắn cho vấn đề dân tộc, chúng ta mới có thể giương cao được ngọn cờ cách mạng vô sản và tranh thủ được dưới ngọn cờ đó sự đồng tình và lòng tín nhiệm của các nước phương Đông, những nước này là lực lượng hậu bị chủ yếu của cách mạng và có thể đóng vai trò quyết định trong những cuộc chiến đấu sau này của giai cấp vô sản chống chủ nghĩa đế quốc. (*Vỗ tay*).

4. KẾT LUẬN VỀ BÁO CÁO VỀ NHỮNG YẾU TỐ DÂN TỘC TRONG VIỆC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

25 tháng Tư

Thưa các đồng chí! Trước khi chuyển sang phần thông báo công tác của tiểu ban vấn đề dân tộc, cho phép tôi được nêu ý kiến phản đối lại những diễn giả đã phát biểu ý kiến về báo cáo của tôi, trên hai vấn đề chủ yếu. Nhiều lắm mất độ hai mươi phút.

Vấn đề thứ nhất — đó là vấn đề một nhóm đồng chí, do Bu-kha-rin và Ra-cốp-ski đứng đầu, đã phóng đại quá mức ý nghĩa của vấn đề dân tộc, đã cường điệu vấn đề đó lên ; vấn đề dân tộc đã làm cho họ không còn thấy vấn đề xã hội, tức là vấn đề chính quyền của giai cấp công nhân nữa.

Đối với chúng ta, những người cộng sản, rõ ràng là cơ sở của toàn bộ công tác của chúng ta là công tác củng cố chính quyền của công nhân; rồi chỉ sau đó, mới đặt cho chúng ta một vấn đề khác, cố nhiên là rất quan trọng, nhưng lại phụ thuộc vào vấn đề thứ nhất : đó là vấn đề dân tộc. Người ta bảo chúng ta rằng không nên xúc phạm đến những tình cảm của những người thuộc các dân tộc. Hoàn toàn đúng, và tôi đồng ý như vậy : không nên xúc phạm đến tình cảm của họ. Nhưng từ đó mà tạo ra một lý luận mới cho rằng giai cấp vô sản đại Nga phải ở vào một vị trí thấp hơn những dân tộc trước kia bị áp bức thì như thế là phi lý. Bu-kha-rin đã biến điều mà,

trong một bài nổi tiếng của đồng chí Lê-nin, chỉ là một cách nói, thành một khẩu hiệu. Tuy nhiên rõ ràng là cơ sở chính trị của chuyên chính vô sản, thì trước hết và chủ yếu là những vùng trung tâm, những vùng công nghiệp, chứ không phải là những vùng ngoại vi, tức là những vùng nông dân. Nếu chúng ta quá thiên về những vùng nông dân ở ngoại vi làm tổn hại đến những vùng vô sản, thì có thể gây nên sự rạn nứt trong hệ thống chuyên chính vô sản. Như vậy là nguy hiểm, các đồng chí ạ. Về chính trị, không thể thái quá, cũng như không thể bất cập.

Cần nhớ rằng ngoài quyền dân tộc tự quyết ra, còn có quyền của giai cấp công nhân củng cố chính quyền của mình, rằng quyền thứ nhất phải phụ thuộc vào quyền thứ hai. Có những trường hợp mà quyền tự quyết xung đột với một quyền khác, một quyền cao hơn : quyền của giai cấp công nhân đã nắm chính quyền củng cố chính quyền đó. Trong những trường hợp đó, — chúng ta hãy nói hoàn toàn thẳng thắn, — quyền tự quyết không thể và không được cản trở quyền của giai cấp công nhân thực hiện chuyên chính của mình. Quyền tự quyết phải nhường bước cho quyền của giai cấp công nhân thực hiện chuyên chính của mình. Điều đó đã xảy ra, chẳng hạn, vào năm 1920, khi chúng ta buộc phải tiến quân vào Vác-xô-vi để bảo vệ chính quyền của giai cấp vô sản.

Vì vậy không được quên rằng khi hứa hẹn với những người thuộc các dân tộc, khi ve vãn những đại biểu của các dân tộc, như nhiều đồng chí đã làm như vậy tại đại hội này, thì phải nhớ rằng, do tình hình trong nước và ngoài nước của chúng ta, phạm vi hoạt động của vấn đề dân tộc và những phạm vi có thể gọi là phạm vi thẩm quyền của nó đều bị giới hạn bởi phạm vi hoạt động và phạm vi

thẩm quyền của « vấn đề công nhân », tức là vấn đề cơ bản trong tất cả mọi vấn đề.

Nhiều người viện dẫn đến những bút ký và bài viết của Vơ-la-đi-mia I-li-tsơ. Tôi không muốn trích dẫn lời người thầy của tôi là đồng chí Lê-nin ; đồng chí ấy không có mặt tại đây, và tôi sợ là sẽ trích dẫn sai và không thích đáng. Tuy vậy tôi vẫn buộc phải trích dẫn một đoạn có tính chất là một tiêu đề và không thể gây hiểu lầm được, cốt để cho các đồng chí không còn nghi hoặc gì nữa về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc. Phân tích một bức thư của Mác về vấn đề dân tộc, đồng chí Lê-nin, trong một bài nói về quyền tự quyết, đã đi tới kết luận như sau :

« Đối với Mác thì không nghi ngờ gì cả, so với « vấn đề công nhân », vấn đề dân tộc chỉ có một ý nghĩa phụ thuộc thôi »[71].

Chỉ có hai dòng thôi, nhưng là những dòng giải quyết được tất cả. Đó là điều mà một số đồng chí quá nhiệt tình, cần phải nhớ kỹ.

Vấn đề thứ hai : chủ nghĩa sô-vanh đại Nga và chủ nghĩa sô-vanh địa phương. Ra-cốp-ski và nhất là Bu-kha-rin đã phát biểu về vấn đề đó, Bu-kha-rin đã đề nghị xóa bỏ đoạn nói về những tác hại của chủ nghĩa sô-vanh địa phương. Đồng chí ấy bảo rằng việc gì phải mất thời giờ nói về một con sâu con như chủ nghĩa sô-vanh địa phương, khi mà trước mặt chúng ta lại có cái chàng « Gô-li-át »* là chủ nghĩa sô-vanh đại Nga? Nói chung, Bu-kha-rin đã tỏ ra biết hối lỗi. Điều đó cũng dễ hiểu : trong nhiều năm, đồng chí ấy đã có tội chống lại các dân tộc và đã phủ nhận quyền tự quyết. Bây giờ đã đến lúc đồng chí ấy hối hận. Nhưng hối hận như vậy, đồng chí ấy lại đi sang phía cực đoan khác. Thật kỳ quặc khi nghe thấy Bu-kha-rin yêu cầu đảng noi gương mình và cũng hối

* Anh chàng khổng lồ trong thần thoại. *(B.T.)*

hận, khi mà ai nấy đều biết rằng đảng không liên quan gì đến việc đó cả, vì từ khi đảng ra đời (1898), đảng đã thừa nhận quyền tự quyết, vậy đảng không có gì phải tự trách mình cả. Sự thật là Bu-kha-rin không hiểu thực chất của vấn đề dân tộc. Khi người ta nói rằng trong vấn đề ấy, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga phải được đặt lên hàng đầu, như vậy có nghĩa là người ta muốn nhấn mạnh đến nghĩa vụ của những người cộng sản Nga, có nghĩa là người ta muốn nói rằng nghĩa vụ của người cộng sản Nga là tự bản thân mình phải chống chủ nghĩa sô-vanh Nga. Nếu những người cộng sản Tuốc-ke-stan hay Giê-óoc-gi chứ không phải những người cộng sản Nga, đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh Nga, thì đó sẽ là chủ nghĩa sô-vanh bài Nga. Như vậy sẽ làm cho mọi việc trở nên rối rắm và làm cho chủ nghĩa sô-vanh đại Nga được tăng cường. Chỉ có những người cộng sản Nga mới có thể đảm nhiệm được cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga và tiến hành cuộc đấu tranh đó đến cùng.

Và khi người ta kiến nghị phải đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh địa phương, thì người ta muốn nói gì ? Như vậy là muốn nhấn mạnh rằng đối với những người cộng sản địa phương, đối với những người cộng sản không phải người Nga, nghĩa vụ của họ là phải đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh của chính họ. Liệu có thể cho rằng hiện không có những khuynh hướng chủ nghĩa sô-vanh bài Nga chăng ? Nhưng toàn thể đại hội tự mình đã có thể thấy rằng hiện nay có một chủ nghĩa sô-vanh địa phương ở Giê-óoc-gi, ở Ba-sơ-ki-ri và ở các nơi khác, và phải đấu tranh chống chủ nghĩa đó. Những người cộng sản Nga không thể đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh Ta-ta-ri, Giê-óoc-gi hay Ba-sơ-ki-ri được ; nếu một người cộng sản Nga mà lại đảm nhiệm lấy nhiệm vụ nặng nề là chống chủ nghĩa sô-vanh Ta-ta-ri hay Giê-óoc-gi, thì người ta sẽ cho đó là cuộc đấu tranh của một phần tử sô-vanh đại Nga chống dân

Ta-ta-ri hay dân Giê-oóc-gi. Như vậy sẽ làm cho tất cả mọi việc trở nên rối rắm. Chỉ có những người cộng sản Ta-ta-ri, Giê-oóc-gi và các nơi khác mới có thể đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh ở Ta-ta-ri, ở Giê-oóc-gi và ở các nơi khác ; chỉ có những người cộng sản Giê-oóc-gi mới có thể đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa sô-vanh Giê-oóc-gi được thôi. Đó là nghĩa vụ của những người cộng sản không phải người Nga. Bởi vậy, trong các đề cương, phải nhấn mạnh nhiệm vụ hai mặt này : nhiệm vụ của những người cộng sản Nga (đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga) và nhiệm vụ của những người cộng sản không phải người Nga (đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh bài Ác-mê-ni, bài Ta-ta-ri, bài Nga). Nếu không thì những đề cương ấy sẽ phiến diện, nếu không thì sẽ không có chủ nghĩa quốc tế trong bộ máy Nhà nước, cũng như trong bộ máy của đảng.

Nếu chúng ta chỉ đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga không thôi, thì cuộc đấu tranh đó sẽ làm cho chúng ta không nhìn thấy cuộc đấu tranh của những phần tử sô-vanh Ta-ta-ri và của những phần tử sô-vanh khác trong nước họ, một cuộc đấu tranh đang phát triển ở các địa phương và có tính chất nguy hiểm, đặc biệt là trong lúc này, trong những điều kiện của chính sách kinh tế mới. Chúng ta không thể không tiến hành đấu tranh trên hai mặt trận ; vì chỉ có thể thành công được nếu chúng ta đấu tranh trên hai mặt trận ấy, một mặt chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, tức là nguy cơ chủ yếu trong công cuộc xây dựng của chúng ta ; mặt khác chống chủ nghĩa sô-vanh địa phương ; không đấu tranh trên hai mặt trận như vậy thì không thể có sự đoàn kết chặt chẽ nào giữa công nhân và nông dân Nga với công nhân và nông dân các dân tộc khác. Không làm như vậy, thì có thể đi đến chỗ khuyến khích chủ nghĩa sô-vanh địa phương, đi đến chỗ thi hành một

chính sách khen thưởng đối với chủ nghĩa sô-vanh địa phương, điều mà chúng ta không thể chấp nhận được.

Cũng về vấn đề này, tôi xin phép dẫn lời của đồng chí Lê-nin. Sở dĩ tôi phải làm như vậy là vì tại đại hội của chúng ta, nhiều đồng chí đã dẫn lời của đồng chí Lê-nin một cách tùy tiện và xuyên tạc ; vậy xin phép đọc để các đồng chí nghe một đoạn trong một bài viết của đồng chí Lê-nin mà ai nấy đều biết :

« Giai cấp vô sản phải đòi cho các thuộc địa và các dân tộc bị dân tộc « mình » áp bức, được quyền tự do phân lập về chính trị. Nếu không thì chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản chỉ là một từ trống rỗng, không có ý nghĩa gì hết ; không thể có được sự tín nhiệm, sự đoàn kết giai cấp giữa giai cấp công nhân của dân tộc bị áp bức với giai cấp công nhân của dân tộc đi áp bức »[72].

Có thể nói đó là những nghĩa vụ của những người vô sản của một dân tộc đang thống trị hay trước kia đã thống trị. Sau đó, Lê-nin nói về những nghĩa vụ của những người vô sản hoặc những người cộng sản của các dân tộc trước kia bị thống trị như sau :

« Mặt khác, những người xã hội chủ nghĩa của các dân tộc bị áp bức phải đặc biệt bảo vệ và thực hiện sự thống nhất hoàn toàn và vô điều kiện — kể cả về mặt tổ chức — giữa giai cấp công nhân của dân tộc bị áp bức với giai cấp công nhân của dân tộc đi áp bức. Nếu không thì không sao bảo đảm được một chính sách độc lập của giai cấp vô sản và sự đoàn kết giai cấp của nó với giai cấp vô sản các nước khác để chống lại mọi mưu kế, mọi sự phản bội và mọi sự lừa bịp của giai cấp tư sản. Vì giai cấp tư sản của các dân tộc bị áp bức luôn luôn dùng những khẩu hiệu giải phóng dân tộc để lừa bịp công nhân ».

Các đồng chí đều thấy rằng nếu đi theo đồng chí Lê-nin, — có nhiều đồng chí ở đây chỉ biết lấy tên Lê-nin ra mà thề thốt, — thì cần phải ghi trong nghị quyết hai luận điểm, luận điểm nhằm chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga cũng như luận điểm nhằm chống chủ nghĩa sô-vanh địa phương, vì đó là hai mặt

của một hiện tượng, vì đó là những luận điểm nhằm chống chủ nghĩa sô-vanh nói chung.

Đến đây, tôi xin chấm dứt ý kiến phản đối lại những điều của các diễn giả đã phát biểu về vấn đề đó.

Bây giờ tôi xin phép thông báo với các đồng chí kết quả công tác của tiểu ban về vấn đề dân tộc. Tiểu ban đã lấy những đề cương của Ban Chấp hành trung ương làm cơ sở. Tiểu ban đã giữ y nguyên không thay đổi sáu điều : 1, 2, 3, 4, 5, và 6. Cuộc thảo luận ở tiểu ban gay go nhất là khi có người đặt vấn đề là không biết những nước cộng hòa tự trị có nên trước tiên rút khỏi Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, và các nước cộng hòa độc lập ở Cáp-ca-dơ rút khỏi Liên bang Nam Cáp-ca-dơ, để rồi sau đó từng nước cộng hòa gia nhập Liên minh các nước cộng hòa không. Đó là đề nghị của một bộ phận các đồng chí Giê-óoc-gi, đề nghị này, như ai nấy đều biết, không được các đoàn đại biểu Giê-óoc-gi, Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian đồng tình. Tiểu ban đã xét vấn đề đó và bằng một đa số tuyệt đối, tiểu ban đã biểu quyết duy trì kiến nghị đã được phát triển trong các đề cương : Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga vẫn tiếp tục là một đơn vị hoàn chỉnh ; Liên bang Nam Cáp-ca-dơ cũng vậy, và liên bang này gia nhập Liên minh các nước cộng hòa, với tư cách là Liên bang Nam Cáp-ca-dơ. Không phải tất cả các đề nghị của nhóm các đồng chí Giê-óoc-gi ấy đều đưa ra biểu quyết : những tác giả của những đề nghị ấy thấy những đề nghị đó không được ai đồng tình, nên đã rút lui những đề nghị đó. Về vấn đề đó đã diễn ra một cuộc tranh luận kịch liệt.

Vấn đề thứ hai đã gây ra một cuộc tranh luận là vấn đề cơ cấu của viện thứ hai. Một số đồng chí (thiểu số) đề nghị là viện đó không gồm những đại biểu của tất cả các nước cộng hòa, các dân tộc và các khu, mà chỉ gồm đại biểu của bốn nước

cộng hòa : Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, Liên bang Nam Cáp-ca-dơ, Bạch Nga và U-cơ-ren. Đa số bác bỏ đề nghị đó và tiểu ban đã phản đối đề nghị đó, cho rằng thành lập viện thứ hai như thế này thì sẽ hợp lý hơn : tất cả các nước cộng hòa (kể cả những nước cộng hòa độc lập lẫn những nước cộng hòa tự trị) và tất cả các khu dân tộc đều được cử đại biểu tham gia viện đó theo nguyên tắc bình đẳng. Tôi sẽ không trình bày những lý do đã được nêu ra, vì Ra-cốp-ski, đại biểu cho nhóm thiểu số, sẽ phát biểu ở đây để luận chứng cho đề nghị của mình, đề nghị đã không được thông qua ở tiểu ban. Khi nào đồng chí ấy phát biểu, tôi sẽ trình bày những lý lẽ của tôi.

Còn có một cuộc tranh luận nữa, không gay go lắm, diễn ra xung quanh vấn đề xem có nên đưa vào trong những đề cương, một điểm sửa đổi là : khi giải quyết vấn đề dân tộc, thì cần thiết phải hướng không những về phương Đông mà đồng thời cả về phương Tây nữa. Tiểu ban đã biểu quyết về ý kiến sửa đổi đó của nhóm thiểu số, của Ra-cốp-ski ; tiểu ban đã bác bỏ ý kiến đó. Khi nào Ra-cốp-ski phát biểu, tôi sẽ lại nói về vấn đề ấy.

Tôi xin đọc để các đồng chí nghe những chỗ sửa đổi đã được thông qua. Sáu điểm đã được thông qua không sửa đổi gì cả. Ở điểm 7 đoạn hai, dòng thứ ba, trước những chữ : « Vì vậy mà cuộc đấu tranh quyết định », có thêm đoạn sau đây :

« Tình hình trong một số nước cộng hòa dân tộc (U-cơ-ren, Bạch Nga, A-déc-bai-gian, Tuốc-ke-stan) trở nên phức tạp vì có một bộ phận rất lớn của giai cấp công nhân, chỗ dựa chủ yếu của Chính quyền xô-viết, lại thuộc dân tộc đại Nga. Trong những vùng đó, liên minh giữa thành thị và nông thôn, giữa giai cấp công nhân và nông dân gặp một trở ngại mạnh nhất là những tàn dư của chủ nghĩa sô-vanh đại Nga trong những

cơ quan của đảng cũng như trong những cơ quan xô-viết. Trong những điều kiện như vậy mà nói đến tính hơn hẳn của nền văn hóa Nga và tuyên bố rằng nhất định là nền văn hóa ấy, một nền văn hóa Nga cao hơn, sẽ thắng những nền văn hóa của những dân tộc lạc hậu hơn (văn hóa U-cơ-ren, A-déc-bai-gian, U-dơ-bếch, Kiếc-ghi-di, v.v.) thì như vậy chỉ là định củng cố sự thống trị của dân tộc đại Nga mà thôi ».

Tôi chấp nhận ý kiến sửa đổi ấy, vì nó làm cho những đề cương được hoàn thiện.

Điều sửa đổi thứ hai cũng là ở điều 7. Trước câu : « nếu không thì không có một lý do nào để đánh giá », thêm vào đoạn sau đây :

« Sự giúp đỡ đó phải biểu hiện trước hết bằng việc thực hành một loạt biện pháp thực tế nhằm thành lập những trung tâm công nghiệp trong những nước cộng hòa của các dân tộc trước kia bị áp bức, thu hút đến mức tối đa dân cư địa phương đến tham gia. Cuối cùng, theo đúng nghị quyết của đại hội X, sự giúp đỡ đó phải có kèm theo một cuộc đấu tranh của quần chúng lao động nhằm củng cố các vị trí xã hội của mình, chống lại những tầng lớp trên gồm bọn bóc lột ở địa phương và ở chỗ khác đến là bọn nhờ có chính sách kinh tế mới mà ngày càng được tăng cường. Vì những nước cộng hòa đó phần lớn đều là những vùng nông nghiệp, nên những biện pháp xã hội đối nội phải trước hết là phân phối cho quần chúng lao động những ruộng đất lấy trong số ruộng đất công thuộc quyền sở hữu của Nhà nước ».

Sau đó, cũng trong điểm 7 ấy, ở giữa đoạn hai, chỗ nói đến chủ nghĩa sô-vanh Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian, v.v., thêm : « chủ nghĩa sô-vanh Ác-mê-ni và các chủ nghĩa sô-vanh khác ». Các đồng chí Ác-mê-ni không muốn người ta quên mất người

Ác-mê-ni ; các đồng chí ấy muốn rằng chủ nghĩa sô-vanh ở nước họ cũng được đề cập đến.

Dưới nữa, điểm 8 của đề cương, sau những chữ « thống nhất và không thể phân chia được », thêm :

« Cũng phải coi cái xu hướng của một số cơ quan ở nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga muốn bắt các bộ dân ủy độc lập của các nước cộng hòa tự trị phải phục tùng mình và muốn chuẩn bị xóa bỏ những bộ dân ủy đó, là một hậu quả của quá khứ để lại ».

Sau đó cũng vẫn ở điểm 8, thêm :

« và tuyên bố rằng sự tồn tại và tiếp tục phát triển của các nước cộng hòa dân tộc là tuyệt đối cần thiết ».

Sau đó, ở điểm 9, bắt đầu như sau :

« Liên minh các nước cộng hòa, thành lập trên nguyên tắc bình đẳng và tự nguyện của công nhân và nông dân trong các nước cộng hòa, là cuộc thí nghiệm đầu tiên của giai cấp vô sản tiến hành nhằm giải quyết những mối quan hệ quốc tế giữa những nước độc lập, và là bước đầu để tiến tới thành lập Cộng hòa xô-viết lao động thế giới tương lai ».

Điểm 10 có điểm nhỏ « a » ; trên điểm nhỏ đó, thêm vào một điểm nhỏ « a » mới, viết như sau :

« a) khi thành lập những cơ quan trung ương của Liên minh, cần phải bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các nước cộng hòa, cả về mặt quan hệ giữa các nước ấy với nhau, cũng như đối với chính quyền trung ương của Liên minh ».

Rồi đến điểm nhỏ «b», lấy điểm nhỏ « a » cũ, viết thành điểm nhỏ « b », nội dung như sau :

«b) trong hệ thống những cơ quan tối cao của Liên minh, dựa trên nguyên tắc bình đẳng thành lập một cơ quan chuyên

trách đại diện cho tất cả các nước cộng hòa và tất cả các khu dân tộc, không trừ một nước cộng hòa, một khu dân tộc nào ; hết sức cố gắng làm cho tất cả những dân tộc nằm trong những cộng hòa đó sẽ có đại biểu trong cơ quan ấy ».

Điểm nhỏ « b » cũ trở thành điểm nhỏ « c » và viết như sau :

« c) Các cơ quan chấp hành của Liên minh sẽ được thành lập dựa trên những nguyên tắc đảm bảo cho các đại biểu của các nước cộng hòa được thực tế tham gia công tác của các cơ quan ấy, và đảm bảo thỏa mãn những nhu cầu và nguyện vọng của các dân tộc trong Liên minh ».

Rồi đến điểm nhỏ « d » :

« d) những quyền khá rộng rãi sẽ được trao cho các nước cộng hòa, trong lĩnh vực tài chính và nhất là trong lĩnh vực ngân sách, nhằm làm cho các nước đó có thể phát huy sáng kiến trong việc quản lý Nhà nước, cũng như trong những lĩnh vực văn hóa và kinh tế ».

Sau đó, điểm nhỏ « c » cũ trở thành điểm nhỏ « e » :

« e) những cơ quan của các nước cộng hòa và khu dân tộc sẽ chủ yếu gồm những người địa phương am hiểu tiếng nói, phong tục tập quán của những dân tộc hữu quan ».

Sau đó, thêm một điểm nhỏ mới. Đó sẽ là điểm nhỏ « f » :

« f) những đạo luật đặc biệt sẽ được thông qua để bảo đảm việc dùng tiếng mẹ đẻ trong tất cả các cơ quan Nhà nước và trong tất cả các cơ quan có liên quan đến dân cư địa phương và dân tộc và đến những dân tộc ít người ; theo những đạo luật đó, kẻ nào vi phạm những quyền lợi dân tộc, và nhất là những quyền lợi của các dân tộc ít người, sẽ bị truy tố và trừng phạt một cách hoàn toàn nghiêm khắc theo tinh thần cách mạng ».

Sau đó, thêm một điểm nhỏ « g » :

«g) công tác giáo dục sẽ được mở rộng trong Hồng quân nhằm giáo dục những tư tưởng về tình anh em và đoàn kết giữa các dân tộc trong Liên minh, và những biện pháp thực tế sẽ được thi hành để tổ chức những đơn vị dân tộc, cần dùng đủ mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm đầy đủ khả năng quốc phòng của các nước cộng hòa».

Đó là những đoạn thêm vào mà tiểu ban đã thông qua, và tôi không phản đối đoạn nào cả, vì những đoạn đó làm cho các đề cương ta thêm chính xác.

Còn trong phần thứ hai, thì không có một chỗ sửa đổi nào quan trọng đôi chút. Người ta đã đề nghị một vài điều sửa đổi nhỏ, mà ủy ban do tiểu ban vấn đề dân tộc bầu ra, đã quyết định chuyển giao cho Ban Chấp hành trung ương sau này.

Vậy phần thứ hai vẫn y nguyên như văn bản in trong tài liệu đã phân phát.

5. TRẢ LỜI NHỮNG Ý KIẾN SỬA ĐỔI NGHỊ QUYẾT

25 tháng Tư

Tuy Ra-cốp-ski đã sửa đổi hai phần ba và đã rút ngắn ba phần tư bản nghị quyết do đồng chí đó đưa ra trước tiểu ban, tôi vẫn kiên quyết phản đối ý kiến sửa đổi của đồng chí ấy, và lý do như sau. Những đề cương của chúng ta về vấn đề dân tộc đã được thảo ra theo hướng là chúng ta hướng về phương Đông, chú ý đến những lực lượng hậu bị trọng yếu tiềm tàng ở đó. Toàn bộ vấn đề dân tộc, chúng ta đề ra gắn liền với bài viết của I-li-tsơ, trong đó hình như I-li-tsơ không nói một lời nào về phương Tây cả, vì đó không phải là trung tâm của vấn đề dân tộc, mà trung tâm của vấn đề dân tộc là những thuộc địa và nửa thuộc địa ở phương Đông. Ra-cốp-ski muốn rằng chúng ta trong khi hướng về phương Đông, đồng thời cũng hướng về phương Tây. Nhưng, thưa các đồng chí, điều đó không thể được và không hợp với tự nhiên, vì con người ta nói chung hoặc là hướng về phía này hoặc là hướng về phía kia, chứ không thể cùng một lúc hướng về cả hai phía được. Chúng ta không thể và cũng không nên phá bỏ tinh thần chung, tinh thần hướng về phương Đông của các đề cương. Chính vì vậy, tôi thiết nghĩ rằng phải bác bỏ ý kiến sửa đổi của Ra-cốp-ski.

* *

Đứng về mặt ý nghĩa của nó mà nói, tôi cho rằng ý kiến sửa đồi ấy có tính chất căn bản. Nếu đại hội thông qua ý kiến sửa đồi ấy, thì tôi phải nói rằng những đề cương sẽ bị đảo lộn hoàn toàn. Ra-cốp-ski đề nghị thành lập viện thứ hai theo nguyên tắc các quốc gia liên hợp đều có đại biểu tham gia. Đồng chí đó coi U-cơ-ren là một quốc gia liên hợp nhưng lại không coi Ba-sơ-ki-ri là một quốc gia liên hợp. Tại sao vậy? Cần biết rằng chúng ta không xóa bỏ những hội đồng dân ủy của các nước cộng hòa. Ban Chấp hành trung ương Ba-sơ-ki-ri há chẳng phải là một cơ quan Nhà nước sao? Và tại sao Ba-sơ-ki-ri lại không phải là một quốc gia? Phải chăng sau khi gia nhập Liên minh thì U-cơ-ren không còn là một quốc gia nữa? Chủ nghĩa bái vật quốc gia làm cho Ra-cốp-ski mơ hồ. Nếu những dân tộc đều bình đẳng về quyền lợi, nếu mỗi một dân tộc có tiếng nói, phương thức sinh hoạt và phong tục tập quán của mình, nếu họ đã thành lập những cơ quan Nhà nước của mình như Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy, thì há chẳng phải rõ ràng là tất cả những dân tộc đó đều là những quốc gia liên hợp đó sao? Tôi nghĩ rằng chúng ta không thể rời bỏ nguyên tắc bình đẳng giữa các nước cộng hòa và các dân tộc trong viện thứ hai, nhất là đối với những dân tộc phương Đông.

Rõ ràng là Ra-cốp-ski đã say mê chế độ liên bang Phổ. Liên bang Đức đã được kiến lập trên nguyên tắc hoàn toàn không có sự bình đẳng giữa các quốc gia. Tôi đề nghị đặt vấn đề như thế nào mà ngoài cơ quan đại biểu có tính chất giai cấp ra, — tức là viện thứ nhất do đại hội các Xô-viết toàn Liên minh bầu ra, — chúng ta còn có một cơ quan đại biểu của các dân tộc, dựa trên nguyên tắc bình đẳng. Những dân tộc phương Đông có liên hệ hữu cơ với Trung-quốc và Ấn-độ, có liên hệ với những quốc gia đó về tiếng nói, tôn giáo, phong tục, v.v., do đó đối với cách mạng họ là những dân tộc

quan trọng hơn cả. Những dân tộc nhỏ đó có tầm quan trọng lớn hơn rất nhiều so với U-cơ-ren.

Nếu chúng ta phạm một sai lầm nhỏ ở U-cơ-ren, điều đó sẽ không ảnh hưởng lớn đến phương Đông. Nhưng chỉ cần phạm một sai lầm nhỏ ở một nước nhỏ như Át-gia-ri-stan (120.000 dân) là sẽ ảnh hưởng đến Thổ-nhĩ-kỳ và đến toàn bộ phương Đông, vì Thổ-nhĩ-kỳ có những mối quan hệ hết sức chặt chẽ với phương Đông. Chỉ cần phạm một sai lầm nhỏ đối với cái khu nhỏ bé của người Can-mức, — những người có liên hệ với Tây-tạng và Trung-quốc —, là sẽ có ảnh hưởng hết sức xấu đối với công tác của chúng ta, so với một sai lầm đối với U-cơ-ren. Chúng ta đang đứng trước triển vọng của một phong trào mạnh mẽ ở phương Đông, và công tác của chúng ta trước hết phải nhằm thức tỉnh phương Đông, mà không làm việc gì có thể làm giảm — dù là một chút, dù là gián tiếp — tác dụng của mỗi dân tộc ở những vùng ngoại vi phía Đông của chúng ta, dù dân tộc này nhỏ thế nào đi nữa. Vì vậy tôi cho rằng, đứng trên quan điểm quản lý một nước lớn như Liên minh các nước cộng hòa, gồm 140 triệu dân, điều đúng đắn hơn, hợp lý hơn và có lợi hơn cho cách mạng là tốt nhất làm thế nào cho tất cả các nước cộng hòa và tất cả các khu dân tộc đều có đại biểu ngang nhau trong viện thứ hai. Chúng ta có tám nước cộng hòa tự trị, và tám nước cộng hòa độc lập ; nước Nga sẽ gia nhập với tư cách là một nước cộng hòa ; chúng ta có mười bốn khu : đó chính sẽ là cái viện thứ hai nói trên, nó phải phản ánh tất cả những nhu cầu và nguyện vọng của các dân tộc và tạo điều kiện thuận lợi để quản lý một nước lớn như vậy. Chính vì vậy tôi cho rằng phải bác bỏ ý kiến sửa đổi của Ra-cốp-ski.

6. BỔ SUNG BẢN BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN VẤN ĐỀ DÂN TỘC

25 tháng Tư

Thưa các đồng chí, khi báo cáo với các đồng chí về công tác tiểu ban vấn đề dân tộc, tôi đã quên mất hai điểm bổ sung nhỏ, mà đáng lẽ ra không nên quên. Ở đoạn 10 của điểm « b », ở chỗ nói là phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng thành lập một cơ quan chuyên trách đại diện cho tất cả các nước cộng hòa và tất cả các khu dân tộc, không trừ một nước cộng hòa nào, một khu dân tộc nào, cần thêm : « đồng thời hết sức chú ý đến tất cả các dân tộc gia nhập những nước cộng hòa đó » ; vì trong một số nước cộng hòa sẽ được cử đại biểu vào viện thứ hai, đều có nhiều dân tộc. Chẳng hạn Tuốc-ke-stan. Ở đó, ngoài người U-dơ-bếch ra, còn có người Tuốc-men, người Kiếc-ghi-di và nhiều dân tộc khác ; vậy phải làm thế nào để mỗi dân tộc đó đều có đại biểu của mình.

Điểm bổ sung thứ hai vào đoạn cuối cùng của phần hai :

« Do tầm quan trọng lớn lao của hoạt động của các cán bộ phụ trách trong các nước cộng hòa tự trị và độc lập và trong những khu ngoại vi nói chung (thiết lập mối liên hệ giữa những người lao động của nước cộng hòa nói đó với những người lao động của phần còn lại của Liên minh), đại hội trao trách nhiệm cho Ban Chấp hành trung ương là phải tiến hành một cách đặc biệt thận trọng việc lựa chọn những cán bộ làm sao cho đội ngũ cán bộ đó có khả năng bảo đảm hoàn toàn việc

chấp hành thật sự những nghị quyết của đảng về vấn đề dân tộc »

Cuối cùng tôi xin có đôi lời về một ý kiến mà Ra-đếch đã phát biểu trong diễn văn của mình. Các đồng chí Ác-mê-ni đã yêu cầu tôi như vậy. Theo tôi thì ý kiến đó của đồng chí Ra-đếch không phù hợp với thực tế. Ra-đếch đã nói ở đây rằng người Ác-mê-ni đang áp bức, hay có thể áp bức người A-déc-bai-gian ở A-déc-bai-gian và ngược lại người A-déc-bai-gian có thể áp bức người Ác-mê-ni ở Ác-mê-ni. Tôi phải nói rằng nói chung những hiện tượng như vậy trong thực tế không thể xảy ra được. Trái lại, điều đã xảy ra là ở A-déc-bai-gian, người A-déc-bai-gian, vì là đa số, đang áp bức người Ác-mê-ni và tàn sát họ, như trường hợp ở Na-khít-sê-van, ở đó người A-déc-bai-gian đã giết gần hết người Ác-mê-ni ; cũng như người Ác-mê-ni đã tàn sát gần hết những người Ta-ta-ri ở Ác-mê-ni. Đó là trường hợp xảy ra ở Dan-ghê-dua. Nhưng một số người nước ngoài mà lại áp bức những người chiếm đa số trong một nước, thì đó là một điều không hợp lẽ tự nhiên và chưa từng có.

BÁO CHÍ LÀ NGƯỜI TỔ CHỨC TẬP THỂ

Trong bài báo « Đến tận gốc » (xem báo *Sự thật*, số 98), In-gu-lốp đã nêu lên một vấn đề quan trọng, vấn đề ý nghĩa của báo chí đối với Nhà nước và đối với đảng. Chắc là muốn cho tư tưởng của mình có nhiều chứng cứ hơn, đồng chí ấy đã viện đến bản báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương trong đó có nói rằng báo chí « thiết lập một mối liên hệ vô hình giữa đảng và giai cấp công nhân, — mối liên hệ đó, về mặt sức mạnh của nó mà nói, cũng giống như bất cứ bộ máy truyền lực nào có tính chất quần chúng. Báo chí là vũ khí mạnh nhất nhờ nó, hàng ngày hàng giờ, đảng nói với giai cấp công nhân »*.

Nhưng khi thử giải quyết vấn đề, In-gu-lốp đã phạm hai sai lầm : thứ nhất, đồng chí ấy đã bóp méo ý nghĩa của đoạn trích dẫn trong bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương ; thứ hai, đồng chí ấy đã bỏ qua vai trò lớn lao của báo chí trong lĩnh vực tổ chức. Tôi cho rằng do tầm quan trọng của vấn đề đó, nên cần phải nói vài lời về những sai lầm ấy.

1. Ý nghĩa của bản báo cáo không hề có ý nói rằng vai trò của đảng hình như chỉ có nhiệm vụ là *nói* với giai cấp công nhân ; đảng phải *bàn bạc* với giai cấp công nhân, chứ không phải chỉ nói với giai cấp đó. Đem đối lập từ ngữ « nói » với từ ngữ « bàn bạc » thì hoàn toàn là chơi chữ. Trong thực tế, hai từ ngữ đó là một chỉnh thể không thể phân chia được,

* Xem tập này, tr. 210. (*B.T.*)

điều đó biểu hiện ra bằng một tác động qua lại không ngừng giữa người đọc và người viết, giữa đảng và giai cấp công nhân, giữa Nhà nước và quần chúng lao động. Hiện tượng đó đã có ngay từ khi bắt đầu có đảng vô sản có tính chất quần chúng, ngay từ thời kỳ tờ *Tia lửa* cũ. In-gu-lốp đã lầm khi tưởng rằng chỉ mãi nhiều năm sau khi giai cấp công nhân Nga nắm được chính quyền thì mới bắt đầu có sự tác động qua lại đó. Tinh thần của đoạn trích dẫn trong bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương không phải là ở chỗ « nói » mà là ở chỗ báo chí « thiết lập một mối liên hệ giữa đảng và giai cấp công nhân », mối liên hệ đó « về mặt sức mạnh của nó mà nói, cũng giống như bất cứ bộ máy truyền lực nào có tính chất quần chúng ». Tinh thần của câu trích dẫn đó là ở tác dụng của báo chí với tư cách là người tổ chức. Chính vì lý do đó mà bản báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương đã nói rằng báo chí là một trong những sợi dây chuyền nối liền đảng với giai cấp công nhân. In-gu-lốp đã không hiểu đoạn trích dẫn đó và đồng chí đó đã bóp méo tinh thần của đoạn đó một cách không tự giác.

2. In-gu-lốp nhấn mạnh tác dụng cổ động và tố giác của báo chí, cho rằng nhiệm vụ của những báo chí định kỳ chỉ là ở chỗ đó thôi. Đồng chí ấy nêu ra một số hành vi lạm dụng đã xảy ra trong nước ta và chỉ ra rằng việc tố giác những hành vi đó trên báo chí và việc thông qua báo chí để làm công tác cổ động là « gốc rễ » của vấn đề. Tuy vậy rõ ràng là, mặc dù tác dụng cổ động của báo chí có một ý nghĩa rất to lớn, nhưng trong lúc này, tác dụng tổ chức của báo chí trong công tác kiến thiết của chúng ta là một nhân tố cần thiết nhất. Vấn đề không những chỉ là ở chỗ tờ báo phải làm công tác cổ động và tố giác sai lầm, mà trước hết là ở chỗ tờ báo phải có một màng lưới rất rộng những cộng tác viên, những phái viên và những thông tín viên trong toàn quốc,

trong tất cả những trung tâm công nghiệp và nông nghiệp, trong tất cả các huyện và xã, nhằm thông qua tờ báo mà có vô vàn sợi dây nối liền đảng với tất cả các khu công nhân và nông dân, không trừ một khu nào, nhằm làm cho tác động qua lại giữa một bên là đảng và Nhà nước, và bên kia là những khu công nghiệp và nông nghiệp, được phát huy hoàn toàn. Nếu một tờ báo được đại chúng đọc, chẳng hạn như tờ *Nông dân nghèo*[73], thỉnh thoảng lại triệu tập hội nghị những phái viên chủ yếu của nó ở các vùng trong nước ta, để trao đổi ý kiến và kinh nghiệm, và nếu đến lượt mình, mỗi phái viên, cũng nhằm mục đích nói trên lại triệu tập hội nghị những thông tin viên của mình ở các khu, thị trấn và xã, thì sẽ tiến được một bước đầu quan trọng không những trong việc thiết lập một mối liên hệ về tổ chức giữa đảng và giai cấp công nhân, giữa Nhà nước và những vùng xa xôi nhất của đất nước chúng ta, mà cả trong việc làm cho bản thân báo chí được cải tiến và có sinh khí, làm cho toàn bộ những nhân viên công tác của báo chí định kỳ của chúng ta được tiến bộ và có sinh khí. Những hội nghị như vậy, theo tôi, có ý nghĩa thực tế rất lớn so với tất cả những đại hội « toàn Nga » và các đại hội khác của các nhà báo. Biến tờ báo thành một người tổ chức tập thể trong tay đảng và Chính quyền xô-viết, thành một phương tiện để liên hệ với quần chúng lao động của nước ta và để tập hợp họ xung quanh đảng và Chính quyền xô-viết, — đó là nhiệm vụ trước mắt hiện nay của báo chí chúng ta.

Thiết tưởng cũng không phải là thừa, nếu nhắc lại với độc giả một vài dòng trong bài báo của đồng chí Lê-nin « Bắt đầu từ đâu ? » (bài viết năm 1901) về vai trò tổ chức của báo định kỳ trong sinh hoạt của đảng ta :

« Nhưng vai trò của báo không phải chỉ đóng khung ở chỗ phổ biến tư tưởng, giáo dục chính trị và tranh thủ những bạn

đồng minh chính trị. Báo không những chỉ là người tuyên truyền tập thể và cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể. Về mặt cuối cùng này, có thể ví tờ báo như những dàn giáo dựng lên xung quanh một tòa nhà đang xây dựng, vạch rõ chu vi của tòa nhà, tạo điều kiện thuận lợi cho những người thợ xây dễ liên lạc với nhau, giúp họ phân phối công tác và biết được những kết quả chung do lao động có tổ chức đã đạt được. Nhờ có báo và gắn liền với tờ báo mà tự nhiên nhi nhiên sẽ hình thành một tổ chức thường xuyên, tổ chức này không những chỉ làm công tác địa phương mà còn làm một công tác chung thường xuyên, bằng cách làm cho những nhân viên của nó quen chăm chú theo dõi những sự biến chính trị, quen đánh giá ý nghĩa của những sự biến đó và ảnh hưởng của những sự biến đó đối với các tầng lớp khác nhau trong nhân dân, quen xây dựng nên những biện pháp thích hợp khiến cho đảng cách mạng có thể tác động đến những sự biến ấy. Chỉ độc công tác kỹ thuật, tức là công tác bảo đảm cung cấp tài liệu đều đặn cho tờ báo và phát hành đều đặn tờ báo, cũng khiến cho cần thiết phải thiết lập một màng lưới những phái viên địa phương của một đảng thống nhất, những phái viên trực tiếp liên hệ với nhau, thông thạo tình hình chung, quen thực hiện đều đặn những nhiệm vụ từng phần của một công tác chung toàn Nga và kiểm nghiệm lực lượng của mình bằng cách tổ chức những hoạt động cách mạng này khác. Màng lưới những phái viên đó sẽ là cái khung của chính cái tổ chức mà chúng ta cần có : một tổ chức khá lớn để có thể bao trùm được cả nước ; khá rộng và toàn diện để có thể thực hiện được một sự phân công chặt chẽ tỉ mỉ ; khá kiên nghị để gặp bất cứ hoàn cảnh nào, gặp bất cứ những « bước ngoặt » nào, và bất cứ sự bất ngờ nào, cũng tiến hành được công tác *của mình* một cách kiên định không lung lay ; khá mềm dẻo để một mặt biết tránh chiến đấu công khai chống một kẻ thù có ưu thế về lực lượng và đã tập trung hết tất cả các lực lượng vào một điểm, và mặt khác biết lợi dụng sự thiếu mềm dẻo của kẻ thù ấy và tấn công nó vào nơi và lúc mà nó ít ngờ tới nhất »[74].

Lúc ấy, đồng chí Lê-nin nói đến tờ báo, coi đó là một công cụ để xây dựng đảng ta. Những lời nói ấy là hoàn toàn thích hợp với tình hình xây dựng đảng và Nhà nước hiện nay của chúng ta, điều đó không còn có lý do gì để nghi ngờ nữa.

Chính vai trò tổ chức quan trọng đó của báo chí định kỳ là cái mà In-gu-lốp đã bỏ qua trong bài báo của mình. Đó là sai lầm chủ yếu của đồng chí ấy.

Làm thế nào mà một trong những cán bộ chủ yếu của báo chí của chúng ta lại có thể quên được nhiệm vụ quan trọng ấy nhỉ? Hôm qua, một đồng chí đã nói với tôi rằng rõ ràng là ngoài nhiệm vụ giải quyết vấn đề báo chí, In-gu-lốp còn đề ra một nhiệm vụ khác, một nhiệm vụ phụ nữa: «châm chọc người này, vuốt ve người kia». Về phần tôi, tôi không dám khẳng định như vậy, và tôi quyết không phủ nhận quyền của bất cứ ai được đặt ra không những những nhiệm vụ trực tiếp mà cả những nhiệm vụ thứ yếu nữa. Nhưng không thể chấp nhận rằng những nhiệm vụ thứ yếu lại làm cho quên mất, dù trong một phút, nhiệm vụ trực tiếp là: làm sáng tỏ vai trò *tổ chức* của báo chí trong công cuộc xây dựng đảng và Nhà nước.

«Sự thật» số 99,
6 tháng Năm 1923
Ký tên: J. Sta-lin

CÀNG GIẤU CÀNG LÒI ĐUÔI

Trong bài của tôi trên báo *Sự thật* số 99 nói về vai trò tổ chức của báo chí, tôi đã nêu ra hai sai lầm của In-gu-lốp về vấn đề báo chí. Trong bài báo trả lời tôi (xem *Sự thật* số 101), In-gu-lốp thanh minh rằng đó không phải là sai lầm của mình, mà là những sự hiểu lầm ». Tôi đồng ý gọi những sai lầm của In-gu-lốp là những « sự hiểu lầm ». Nhưng khốn nỗi trong bài trả lời của mình, đồng chí ấy lại mắc ba sai lầm mới, hoặc nếu người ta muốn, ba « sự hiểu lầm » mới, tiếc thay, không thể bỏ qua được, vì báo chí có một tác dụng đặc biệt.

1. In-gu-lốp nói rằng, trong bài báo thứ nhất của mình, đồng chí ấy thấy không cần thiết phải nhấn mạnh vào vai trò tổ chức của báo chí, và đồng chí theo đuổi một « vấn đề cục bộ », tức là vấn đề « ai làm báo đảng của chúng ta ». Cứ cho rằng như vậy đi. Nhưng như vậy, thì tại sao trên đầu bài báo của mình lại trích một đoạn trong bản báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương, một đoạn trích chỉ nói đến vai trò tổ chức của báo chí định kỳ của chúng ta? Tất phải là một trong hai điều sau này : hoặc là In-gu-lốp không hiểu tinh thần của đoạn văn đó, hoặc là đồng chí ấy đã xây dựng toàn bộ bài báo của mình không tuân theo và trái với tinh thần chính xác của đoạn trích đó trong bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương nói về vai trò tổ chức của báo chí. Trong cả hai trường hợp, sai lầm của đồng chí ấy vẫn sờ sờ ra đấy.

2. In-gu-lốp nói rằng « hai hay ba năm trước đây, báo chí

của chúng ta không liên hệ với quần chúng », « không gắn liền đảng với quần chúng », rằng nói chung « không có » sự liên hệ giữa báo chí với quần chúng. Chỉ cần đọc chăm chú lời khẳng định đó của In-gu-lốp là hiểu được rằng lời khẳng định đó là phi lý, là không vững, là xa thực tế biết chừng nào. Thật vậy, nếu báo chí của đảng ta, và thông qua báo chí đó, bản thân đảng ta « hai hay ba năm trước đây không gắn liền » với quần chúng công nhân thì rõ ràng là đảng ta đã không thể đương đầu được với những kẻ thù của cách mạng ở trong nước và ngoài nước, rõ ràng là đảng ta có lẽ đã bị chôn vùi, tan tành « trong giây lát » rồi ! Ta thử nghĩ xem : trong cuộc nội chiến ác liệt, đảng đã đánh bại kẻ thù của mình và thu được hàng loạt thắng lợi huy hoàng ; đảng dùng báo chí kêu gọi công nhân và nông dân bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; hàng chục, hàng trăm nghìn người lao động hưởng ứng lời kêu gọi của đảng trong hàng trăm nghị quyết và tiến ra mặt trận, sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng ; thế mà In-gu-lốp, biết rõ tất cả những điều đó, lại tưởng có thể khẳng định rằng « hai hay ba năm trước đây, báo chí của chúng ta không liên hệ với quần chúng và do đó không gắn liền đảng với quần chúng ». Như vậy há chẳng nực cười lắm sao ? Có bao giờ ta nghe thấy nói rằng một đảng « không liên hệ với quần chúng » thông qua báo chí có tính chất quần chúng, mà lại có thể làm cho hàng chục, hàng trăm nghìn công nhân và nông dân hành động không ? Mà nếu một đảng đã có thể làm cho hàng chục và hàng trăm nghìn người lao động hành động, thì há chẳng phải rõ ràng là đảng có tính chất quần chúng ấy chỉ có thể làm được như vậy bằng cách nhờ đến báo chí đó sao ? Đúng, đúng là có một ai đó đã mất liên hệ với quần chúng, nhưng đó không phải là đảng ta, cũng không phải là báo chí của đảng, mà là một người khác nào đấy. Không nên vu khống báo chí ! Vấn đề tựu trung

là ở chỗ « hai hay ba năm trước đây » hiển nhiên là đã có và không thể không có mối liên hệ giữa đảng với quần chúng thông qua báo chí của đảng, nhưng mối liên hệ ấy tương đối yếu, đúng như đại hội XI của đảng ta đã nhận xét. Nhiệm vụ hiện nay là phải mở rộng mối liên hệ đó, dùng mọi biện pháp để tăng cường mối liên hệ đó, làm cho nó được vững chắc hơn và thường xuyên hơn. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ đó !

3. Sau đó, In-gu-lốp nói rằng « hai hay ba năm trước đây không có sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân, thông qua báo chí ». Tại sao vậy? Thì ra vì lúc đó « báo chí của chúng ta hàng ngày kêu gọi đấu tranh, nói đến những biện pháp của Chính quyền xô-viết, những nghị quyết của đảng, nhưng bạn đọc công nhân không hưởng ứng ». Người ta nói như thế đấy : « bạn đọc công nhân không hưởng ứng ».

Thật là không tin được, thật là kỳ quái, nhưng đó là một sự thật.

Mọi người đều biết rằng khi đảng thông qua báo chí đưa ra khẩu hiệu : « Tất cả cho ngành vận tải », thì quần chúng đã nhất trí tán thành bằng cách gửi đến báo chí hàng trăm nghị quyết nói lên sự đồng tình và sự sẵn sàng bảo vệ và bảo toàn ngành vận tải, đồng thời cũng gửi hàng chục nghìn con cái của họ đến giúp đỡ ngành vận tải. Nhưng In-gu-lốp lại không đồng ý coi đó là một sự hưởng ứng của bạn đọc công nhân ; không đồng ý gọi đó là một sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân thông qua báo chí, vì sự tác động qua lại đó được thực hiện trực tiếp (dĩ nhiên là thông qua báo chí) giữa đảng và giai cấp công nhân nhiều hơn là thông qua những thông tín viên.

Mọi người đều biết rằng khi đảng đưa ra khẩu hiệu « Đấu tranh chống nạn đói » thì quần chúng nhất trí nghe theo lời kêu gọi của đảng bằng cách gửi vô vàn nghị quyết đến báo

chí của đảng và đã đưa hàng chục nghìn con em của mình đi đánh bọn cu-lắc. Nhưng In-gu-lốp không đồng ý coi đó là một sự hưởng ứng của bạn đọc công nhân và là một sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân thông qua báo chí, vì sự tác động qua lại đó không diễn ra « theo đúng quy tắc », vì người ta đã không thông qua những thông tín viên, và vân vân.

Vậy theo In-gu-lốp, nếu hàng chục hàng trăm nghìn công nhân nghe theo lời kêu gọi của báo chí của đảng, thì như thế là không có sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân ; nhưng nếu một chục hay hai chục thông tín viên viết thư hưởng ứng cũng lời kêu gọi đó của báo chí đảng, thì như thế mới thật là có sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân. Như vậy mà gọi là định nghĩa vai trò tổ chức của báo chí của đảng đấy ! Vì thượng đế, mong In-gu-lốp đừng nên lẫn lộn sự giải thích một cách mác-xít với sự giải thích một cách quan liêu về sự tác động qua lại.

Kỳ thật rõ ràng là nếu ta không đứng trên quan điểm quan liêu mà nhìn sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân thông qua báo chí, trái lại chúng ta đứng trên quan điểm mác-xít mà nhìn sự tác động đó, thì ta thấy rằng « hai hay ba năm trước đây », cũng như trước kia, đã có sự tác động qua lại ấy rồi, và không thể không có được ; nếu không thì đảng đã không thể tiếp tục lãnh đạo được giai cấp công nhân và giai cấp công nhân đã không thể giữ được chính quyền. Hiển nhiên hiện nay vấn đề chung qui lại là làm cho sự tác động qua lại đó trở nên liên tục hơn, bền vững hơn. In-gu-lốp không những đã đánh giá thấp vai trò tổ chức của báo chí, mà còn xuyên tạc vai trò đó bằng cách đem sự giải thích một cách quan liêu, hời hợt bề ngoài và về mặt kỹ thuật, sự tác động qua lại giữa đảng và giai cấp công nhân thông

qua báo chí, thay thế cho sự giải thích một cách mác-xít. Thế mà đồng chí gọi điều đó là những « sự hiểu lầm »...

Còn về những « nhiệm vụ thứ yếu » mà In-gu-lốp kiên quyết cho rằng không có, thì tôi cần nói rằng bản tham luận thứ hai của đồng chí ấy đã không đánh tan được những mối nghi ngờ mà tôi đã có về mặt đó và đã nói trong bài báo trước.

« Sự thật » số 102,
10 tháng Năm 1923
Ký tên: J. Sta-lin

HỘI NGHỊ IV CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA, CÓ CÁC CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CỦA CÁC NƯỚC CỘNG HÒA VÀ CÁC KHU DÂN TỘC THAM GIA[75]

9-12 tháng 6 1923

Hội nghị IV của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga, có các cán bộ phụ trách của các nước cộng hòa và các khu dân tộc tham gia. Báo cáo ghi tốc ký. Mạc-tư-khoa, 1923

1. DỰ ÁN CƯƠNG LĨNH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC THẢO CHO HỘI NGHỊ IV, ĐÃ ĐƯỢC BỘ CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG PHÊ CHUẨN[7]

ĐƯỜNG LỐI CHUNG TRONG CÔNG TÁC CỦA ĐẢNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Đứng về ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng đi chệch lập trường của đại hội XII mà nói, thì đường lối công tác của đảng trong vấn đề dân tộc phải tuân theo những điểm sau đây trong nghị quyết của đại hội nói trên : điểm 7 phần thứ nhất của nghị quyết và những điểm 1, 2 và 3 của phần thứ hai.

Một trong những nhiệm vụ căn bản của đảng là thành lập và phát triển, trong những nước cộng hòa và khu dân tộc, những tổ chức cộng sản trẻ tuổi gồm những phần tử vô sản và nửa vô sản trong nhân dân địa phương, là giúp đỡ bằng đủ mọi cách cho các tổ chức đó đứng vững, có được một sự giáo dục thực sự cộng sản, đoàn kết được những cán bộ cộng sản, lúc đầu tuy không nhiều, nhưng có một tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính. Chỉ khi nào những tổ chức cộng sản xứng đáng với tên gọi đó, đã được củng cố trong các nước cộng hòa và các khu thì Chính quyền xô-viết ở đó mới mạnh được.

Nhưng bản thân những người cộng sản của các nước cộng hòa và các khu phải nhớ rằng do thành phần xã hội trong dân cư khác nhau nên tình hình ở chỗ họ khác nhiều với tình hình ở những trung tâm công nghiệp của Liên minh các nước cộng hòa, do đó trong những khu ngoại vi thường thường phải dùng những phương pháp công tác khác. Nói riêng, nếu muốn được quần chúng lao động trong nhân dân địa phương ủng hộ, thì ở đây, cần phải ưu đãi — theo một mức độ lớn hơn ở những khu trung tâm — những phần tử dân chủ cách mạng, hoặc thậm chí chỉ là trung thực với Chính quyền xô-viết. Về nhiều mặt, vai trò của những trí thức địa phương, trong các nước cộng hòa và các khu, là khác với vai trò của những trí thức các khu trung tâm của Liên minh các nước cộng hòa. Những khu ngoại vi có rất ít cán bộ trí thức địa phương, nên phải tìm mọi cách để tranh thủ từng người một trong số họ đi theo Chính quyền xô-viết.

Người cộng sản các khu ngoại vi cần nhớ rằng : tôi là một người cộng sản, *do đó* trong khi hành động cho hợp với một môi trường nhất định, tôi phải nhượng bộ những phần tử thuộc các dân tộc địa phương muốn và có thể làm việc một cách trung thực trong phạm vi chế độ xô-viết. Điều đó không loại trừ mà trái lại đòi hỏi một cuộc đấu tranh tư tưởng không ngừng cho những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác và cho chủ nghĩa quốc tế chân chính, chống lại thiên hướng dân tộc chủ nghĩa. Chỉ có như vậy thì mới có thể chấm dứt được chủ nghĩa dân tộc địa phương và lôi cuốn được những tầng lớp rộng rãi nhân dân địa phương ngả theo Chính quyền xô-viết

NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THIẾT LẬP MỘT VIỆN THỨ HAI CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG CỦA LIÊN MINH VÀ ĐẾN VIỆC TỔ CHỨC NHỮNG BỘ DÂN ỦY CỦA LIÊN MINH CÁC NƯỚC CỘNG HÒA

Căn cứ vào những tài liệu chưa đầy đủ, thì có bảy vấn đề :

a) *Vấn đề thành phần của viện thứ hai*. Viện này phải bao gồm những đại biểu của các nước cộng hòa tự trị và độc lập (bốn đại biểu hay hơn thế cho mỗi một nước cộng hòa) và những đại biểu của các khu dân tộc (mỗi khu một đại biểu là đủ). Nên đặt vấn đề sao cho, nói chung, những ủy viên của viện thứ nhất sẽ không đồng thời là ủy viên của viện thứ hai. Những đại biểu của các nước cộng hòa và các khu phải được đại hội các Xô-viết toàn Liên minh các nước cộng hòa phê chuẩn. Viện thứ nhất gọi là : Xô-viết Liên minh và viện thứ hai gọi là : Xô-viết các Dân tộc.

b) *Vấn đề quyền hạn của viện thứ hai trong quan hệ với viện thứ nhất*. Cần phải quy định sự *bình đẳng* về quyền hạn giữa viện thứ nhất và viện thứ hai : mỗi viện sẽ đề xuất ra những đạo luật của mình, và không một dự án nào đã đưa xem xét tại viện này hay viện kia mà lại có thể trở thành đạo luật nếu không được sự đồng ý của cả hai viện biểu quyết riêng rẽ. Trong trường hợp ý kiến bất đồng, những vấn đề tranh chấp sẽ trao cho một tiểu ban hòa giải của hai viện ; nếu không thể thỏa thuận với nhau, thì một lần biểu quyết thứ hai sẽ được tổ chức trong một phiên họp chung của hai

viện ; nếu dự án đang còn có sự tranh chấp đã được sửa chữa như vậy rồi mà không được đa số phiếu của hai viện tán thành, thì sẽ đưa ra đại hội bất thường hay thường kỳ của các Xô-viết toàn Liên minh các nước cộng hòa giải quyết.

c) *Vấn đề quyền hạn của viện thứ hai.* Những vấn đề nói trong điểm 1 của Hiến pháp của Liên-xô đều thuộc quyền hạn của viện thứ hai (cũng như của viện thứ nhất). Những chức năng lập pháp của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương của Liên minh và những chức năng lập pháp của Hội đồng dân ủy của Liên minh đều vẫn giữ nguyên.

d) *Vấn đề Đoàn chủ tịch của Ban Chấp hành trung ương Liên minh các nước cộng hòa.* Ban Chấp hành trung ương sẽ chỉ có một đoàn chủ tịch. Đoàn chủ tịch này là do hai viện của Ban Chấp hành trung ương bầu ra, dĩ nhiên là phải bảo đảm trong đó có đại biểu của các dân tộc, hay ít ra là của các dân tộc lớn nhất. Đề nghị của những người U-cơ-ren về việc thành lập hai đoàn chủ tịch có quyền lập pháp, mỗi viện của Ban Chấp hành trung ương có một đoàn chủ tịch, chứ không phải chỉ thành lập một đoàn chủ tịch, đề nghị đó là không hợp lý. Đoàn chủ tịch là cơ quan quyền lực tối cao của Liên minh ; đoàn chủ tịch thi hành chức năng của mình một cách thường xuyên, liên tục, giữa hai phiên họp. Việc thành lập hai đoàn chủ tịch có chức năng lập pháp sẽ làm cho quyền lực tối cao bị sẻ đôi, do đó nhất định sẽ gây ra những khó khăn lớn trong công tác. Các viện đều phải có đoàn chủ tịch của mình, nhưng những đoàn chủ tịch này không được có chức năng lập pháp.

e) *Vấn đề số lượng những bộ dân ủy thống nhất.* Những phiên họp trước của Ban Chấp hành trung ương đã quyết định là có năm bộ dân ủy *thống nhất* (Ngoại giao, Ngoại thương, Quốc phòng, Giao thông và Bưu điện) ; cũng có năm

bộ dân ủy *trực thuộc* (Tài chính, Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, Lương thực, Lao động, Viện Kiểm tra công nông), những bộ khác đều hoàn toàn tự trị. Các đồng chí U-cơ-ren đề nghị chuyển Bộ dân ủy Ngoại giao và Ngoại thương từ chỗ là những bộ dân ủy thống nhất thành những bộ dân ủy trực thuộc, nói một cách khác, là duy trì những bộ dân ủy đó trong các nước cộng hòa song song với các Bộ dân ủy Ngoại giao và Ngoại thương của Liên minh, và các bộ dân ủy đó phải tuân theo những chỉ thị của các Bộ dân ủy Ngoại giao và Ngoại thương của Liên minh. Không thể chấp nhận đề nghị đó được, nếu chúng ta muốn thật sự thành lập một Nhà nước liên minh có thể xuất hiện trước thế giới bên ngoài như là một chỉnh thể thống nhất. Cũng cần phải nói như vậy về những hợp đồng tô nhượng, quyền ký kết các hợp đồng đó phải tập trung vào Liên minh các nước cộng hòa.

f) *Vấn đề cơ cấu của các bộ dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa*. Những ban lãnh đạo của các bộ dân ủy đó phải được mở rộng bằng cách cử thêm vào đó những đại biểu của các dân tộc đông nhất và quan trọng nhất.

g) *Vấn đề quyền hạn của nước cộng hòa về mặt ngân sách.* Trong phạm vi phần ngân sách chia cho mỗi nước cộng hòa,— số lượng của phần này sẽ được quy định riêng, — nên mở rộng sự độc lập của các nước cộng hòa về mặt ngân sách.

NHỮNG BIỆN PHÁP ĐỂ LÔI CUỐN NHỮNG PHẦN TỬ LAO ĐỘNG CỦA NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG THAM GIA CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào những tài liệu chưa đầy đủ, thì ngay từ bây giờ đã có thể đề nghị bốn biện pháp :

a) Thanh trừ khỏi bộ máy của Nhà nước và của đảng những phần tử dân tộc chủ nghĩa (trước hết là những phần tử dân tộc chủ nghĩa đại Nga, và cả những phần tử dân tộc chủ nghĩa bài Nga và những phần tử dân tộc chủ nghĩa khác). Phải tiến hành thanh trừ một cách thận trọng, dựa vào những tài liệu đã được kiểm tra và dưới sự kiểm soát của Ban Chấp hành trung ương đảng.

b) Tiến hành một cách thường xuyên và liên tục việc dân tộc hóa các cơ quan Nhà nước và các cơ quan đảng trong các nước cộng hòa và các khu, bằng cách là dần dần dùng tiếng địa phương trong công việc giấy tờ và các cán bộ phụ trách bắt buộc phải học tiếng địa phương.

c) Tiến hành lựa chọn và thu hút vào các cơ quan xô-viết những phần tử ít nhiều trung thực trong giới trí thức địa phương ; đồng thời các cán bộ phụ trách của các nước cộng hòa và các khu sẽ cố gắng đào tạo những cán bộ công tác trong các cơ quan xô-viết và cán bộ đảng, tuyển lựa trong các đảng viên.

d) Tổ chức những hội nghị đại biểu của công nhân và nông dân ngoài đảng, trong đó các bộ trưởng dân ủy và nói chung là các cán bộ phụ trách của đảng sẽ trình bày những báo cáo về những biện pháp quan trọng nhất của Chính quyền xô-viết.

BIỆN PHÁP ĐỂ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Đại khái cần phải :

a) thành lập những câu lạc bộ (không đảng) và các cơ quan giáo dục khác dùng tiếng địa phương ;

b) phát triển màng lưới các trường học các cấp, dạy bằng tiếng địa phương ;

c) thu hút những giáo viên người địa phương tương đối trung thực tham gia công tác dạy học ;

d) thành lập một màng lưới những hội có nhiệm vụ phổ cập giáo dục bằng tiếng địa phương ;

e) tổ chức công tác xuất bản.

CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT KINH TẾ TRONG CÁC NƯỚC CỘNG HÒA VÀ CÁC KHU DÂN TỘC, CĂN CỨ VÀO NHỮNG TẬP QUÁN SINH HOẠT DÂN TỘC

Đại khái cần phải :

a) điều chỉnh việc di dân và đình chỉ di dân ở những nơi cần phải đình chỉ ;

b) hết sức đảm bảo cho nhân dân lao động địa phương những ruộng đất trích trong số ruộng đất công ;

c) cho nhân dân địa phương được vay tín dụng nông nghiệp ;

d) tăng cường công tác thủy lợi ;

e) hết sức giúp đỡ hợp tác xã, nhất là hợp tác xã thủ công (nhằm thu hút những thợ thủ công) ;

f) chuyển những công xưởng và nhà máy về những nước cộng hòa giàu những nguyên liệu thích hợp ;

g) tổ chức những trường dạy nghề và kỹ thuật cho dân cư địa phương ;

h) tổ chức những lớp huấn luyện nông nghiệp cho dân cư địa phương.

VỀ NHỮNG BIỆN PHÁP THỰC TIỄN ĐỂ TỔ CHỨC NHỮNG ĐƠN VỊ QUÂN SỰ DÂN TỘC

Ngay từ bây giờ, cần phải tiến hành thành lập những trường quân sự trong các nước cộng hòa và các khu nhằm đào tạo trong một thời gian nhất định, những cán bộ chỉ huy người địa phương có thể trở thành hạt nhân sau này của những đơn vị quân sự dân tộc. Rõ ràng là phải thực hành những biện pháp để bảo đảm một thành phần đúng đắn trong những đơn vị quân sự dân tộc nhất là trong cán bộ chỉ huy, cả về mặt tỷ lệ đảng viên lẫn về mặt thành phần xã hội. Ở những nơi nào đã có những cán bộ quân sự cũ là người địa phương (ở Ta-ta-ri và một phần, ở Ba-sơ-ki-ri) thì có thể tổ chức ngay từ bây giờ những trung đoàn dân vệ dân tộc. Theo tôi biết thì Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni đều đã có mỗi nước một sư đoàn. Ở U-cơ-ren và Bạch Nga, ngay từ bây giờ (nhất là ở U-cơ-ren) có thể tổ chức ở mỗi nước cộng hòa một sư đoàn dân vệ.

Vấn đề thành lập những đơn vị quân sự dân tộc có một tầm quan trọng hàng đầu cả trong trường hợp phòng ngự chống những cuộc tấn công có thể xảy ra do Thổ-nhĩ-kỳ, Áp-ga-ni-stan, Ba-lan, v.v., lẫn trong trường hợp mà Liên minh các nước cộng hòa buộc phải hành động chống lại các nước láng giềng. Không cần phải chứng minh cũng thấy rõ tầm quan trọng của các đơn vị dân tộc xét về mặt tình hình bên trong của Liên minh các nước cộng hòa. Do đó, dự kiến rằng chúng ta phải tăng quân số của chúng ta lên độ từ 20.000 đến 25.000 người.

TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁO DỤC CỦA ĐẢNG

Đại khái cần phải :

a) thành lập những trường chính trị sơ cấp dạy bằng tiếng địa phương ;

b) tổ chức việc xuất bản sách báo mác-xít bằng tiếng địa phương ;

c) có những báo chí định kỳ tổ chức tốt, xuất bản bằng tiếng địa phương ;

d) mở rộng hoạt động của Trường Đại học các dân tộc phương Đông, ở trung ương và ở địa phương và bảo đảm vật chất cho các trường đó ;

e) thành lập một câu lạc bộ tranh luận của đảng trực thuộc Trường Đại học các dân tộc phương Đông, với sự tham gia của những ủy viên Ban Chấp hành trung ương sống ở Mạc-tư-khoa ;

f) tăng cường công tác trong Liên đoàn thanh niên và trong giới phụ nữ trong các nước cộng hòa và các khu.

VIỆC LỰA CHỌN NHỮNG CÁN BỘ CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN XÔ-VIẾT NHẰM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI XII VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Cần phải đưa vào trong ban điều tra và phân phối, ban cổ động và tuyên truyền, ban tổ chức, ban phụ nữ và trong bộ máy chỉ đạo của Ban Chấp hành trung ương, một số cán bộ dân tộc (hai hay ba người trong mỗi ban) : sự tham gia của họ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đảng hàng ngày

của Ban Chấp hành trung ương trong những vùng ngoại vi và sẽ bảo đảm phân phối được đúng đắn những cán bộ đảng và cán bộ xô-viết cho các nước cộng hòa và các khu, nhằm bảo đảm việc thực hiện đường lối về vấn đề dân tộc của đại hội XII.

2. PHÁI HỮU VÀ «PHÁI TẢ» TRONG CÁC NƯỚC CỘNG HÒA VÀ CÁC KHU DÂN TỘC

Diễn văn nói về điểm đầu trong chương trình nghị sự của hội nghị: «Vụ Xun-tan - Ga-li-ép»

10 tháng sáu

Tôi xin phát biểu một vài ý kiến nhận xét về những bài tham luận của các đồng chí ở đây. Về mặt nguyên tắc của vấn đề do vụ Xun-tan - Ga-li-ép đặt ra, tôi sẽ cố gắng làm sáng tỏ trong báo cáo của tôi về điểm thứ hai.

Trước hết, xin nói về cuộc hội nghị này. Có người (tôi không còn nhớ là ai nữa) nói ở đây rằng cuộc hội nghị này là một hiện tượng bất thường. Điều đó không đúng. Những hội nghị thuộc loại này không có gì là mới mẻ đối với ta. Hội nghị này là lần thứ IV, kể từ khi có Chính quyền xô-viết. Trước năm 1919 đã có ba hội nghị như thế rồi. Lúc đó hoàn cảnh cho phép chúng ta triệu tập những hội nghị như thế. Nhưng sau đó, sau 1919, vào năm 1920 và 1921, thì chúng ta hoàn toàn mắc vào cuộc nội chiến, nên không có thời giờ mở ra những hội nghị như thế. Chỉ đến nay, nội chiến đã kết thúc, công tác kiến thiết kinh tế của chúng ta phát triển theo bề sâu, bản thân công tác của đảng cũng trở thành cụ thể hơn, nhất là trong những khu dân tộc và nước cộng hòa dân tộc, chúng ta mới lại có thể tổ chức ra một cuộc hội nghị như thế này. Tôi nghĩ rằng đó sẽ là phương pháp thường dùng của Ban Chấp hành trung ương để tạo ra sự hoàn toàn hiểu biết

lẫn nhau giữa những người thi hành chính sách ở địa phương với những người đề ra chính sách ấy. Tôi nghĩ rằng nên triệu tập những cuộc hội nghị như thế này, không những là những cuộc hội nghị trong đó có đại biểu của tất cả các nước cộng hòa và các khu, mà cả những hội nghị riêng biệt theo từng khu và từng nước cộng hòa để đề ra những nghị quyết cụ thể hơn. Chỉ có cách đặt vấn đề như thế mới có thể làm cho cả Ban Chấp hành trung ương lẫn các cán bộ địa phương được thỏa mãn.

Tôi nghe vài đồng chí nói rằng tôi đã cảnh cáo Xun-tan-Ga-li-ép khi tôi được biết bức thư mưu phản đầu tiên của Ga-li-ép gửi cho A-đi-ga-mốp thì phải, song A-đi-ga-mốp lại làm thinh không nói một lời nào, đáng lẽ ra, đồng chí đó phải nói trước hết và nhiều hơn hết mọi người khác mới phải. Các đồng chí ấy trách tôi là đã bênh vực Xun-tan - Ga-li-ép thái quá. Quả thật, tôi đã hết sức bênh vực y ; tôi đã coi và vẫn coi đó là một bổn phận phải làm. Nhưng, tôi chỉ bênh vực y đến một giới hạn nào thôi. Và khi Xun-tan - Ga-li-ép đã vượt khỏi giới hạn ấy, thì tôi phải đoạn tuyệt với y. Bức thư mưu phản đầu tiên của y chứng tỏ rằng y đã đoạn tuyệt với đảng rồi, vì giọng nói trong thư gần như giọng của một tên bạch vệ, vì y viết về những ủy viên Ban Chấp hành trung ương chẳng khác nào người ta viết về những kẻ thù. Tình cờ tôi đã gặp y ở Bộ Chính trị, khi y bênh vực những yêu sách của nước Cộng hòa Ta-ta-ri liên quan đến Bộ dân ủy Nông nghiệp. Ngay lúc đó tôi đã gửi cho y một thư cảnh cáo trong đó tôi coi bức thư mưu phản của y là chống đảng ; tôi đã kết tội y là muốn lập ra một tổ chức theo kiểu Va-li-đốp và bảo y rằng nếu y không từ bỏ hoạt động bất hợp pháp của y để chống lại đảng, thì sẽ nguy hiểm cho y, và tôi sẽ không thể ủng hộ y được nữa. Y trả lời tôi rất lúng túng, nói rằng tôi đã hiểu lầm, y quả có viết cho A-đi-ga-mốp, song không

phải nói như thế, mà nói khác ; rằng y thì vẫn cứ như trước, là người của đảng và lấy danh dự thề sẽ vẫn cứ là người của đảng mãi mãi. Vậy mà sau đó một tuần, y lại gửi một bức thư mưu phản thứ hai, trong đó, y giao trách nhiệm cho A-đi-ga-mốp phải đặt liên lạc với bọn ba-sma-tsơ và thủ lĩnh của chúng là Va-li-đốp, và phải « đốt » bức thư đi. Đó là một sự đê tiện, dối trá làm cho tôi phải cắt đứt mọi liên lạc với Xun-tan - Ga-li-ép. Từ đó, tôi coi Xun-tan - Ga-li-ép như ở ngoài đảng, ở ngoài các Xô-viết, tôi cho y là người không đáng nói chuyện nữa, mặc dầu đã nhiều lần y cố sức đến tìm tôi để « nói chuyện ». Từ đầu năm 1919, nhiều đồng chí « tả khuynh » đã trách tôi về việc ủng hộ Xun-tan - Ga-li-ép cho là tôi muốn giữ hắn lại trong đảng, tiếc y và hy vọng rằng y sẽ từ bỏ được chủ nghĩa dân tộc để trở thành người mác-xít. Thật thế, tôi đã tự coi là có bổn phận phải ủng hộ y cho đến một lúc nào đó. Những người trí thức, những người có kiến thức, thậm chí những người chỉ biết đọc, biết viết thôi cũng rất hiếm trong các nước cộng hòa và các khu ở phương Đông, đến nỗi người ta có thể đếm được trên đầu ngón tay. Trong điều kiện như vậy, làm sao lại không quí trọng họ được ? Không dùng đủ mọi biện pháp để bảo toàn cho những người hữu dụng ở phương Đông khỏi sa ngã và giữ họ lại trong đảng, thì thật là có tội. Song, cái gì cũng có giới hạn của nó. Và cái giới hạn ấy đã bị vượt, khi Xun-tan - Ga-li-ép từ hàng ngũ cộng sản chạy sang phe ba-sma-tsơ. Kể từ đó, y không còn là người của đảng nữa. Vì thế đại sứ Thổ-nhĩ-kỳ là người có thể thu nhận được y hơn là Ban Chấp hành trung ương đảng ta.

Tôi được nghe đồng chí Sa-mi-gu-lốp trách tôi đã bênh vực Va-li-đốp, mặc dù đồng chí ấy khẩn khoản yêu cầu phải đoạn tuyệt dứt khoát với hắn, tôi lại còn cố giữ Va-li-đốp lại trong đảng. Thật thế, tôi đã bênh vực Va-li-đốp, hy vọng rằng hắn

sẽ sửa chữa. Trong lịch sử các đảng chính trị, ta đã thấy nhiều người xấu hơn hắn đã hối cải. Tôi cho rằng Sa-mi-gu-lốp đã giải quyết vấn đề một cách quá giản đơn. Và tôi không nghe theo lời khuyên của đồng chí đó. Đành rằng lời tiên đoán của Sa-mi-gu-lốp đã được chứng thực một năm sau : Va-li-đốp đã không hối cải, hắn đã đi theo bọn ba-sma-tsơ. Song, không phải vì thế mà đảng không có lợi, là đã trì hoãn việc Va-li-đốp ra khỏi đảng được một năm. Nếu chúng ta nghiêm trị Va-li-đốp năm 1918 thì tôi tin chắc rằng các đồng chí khác đã không ở lại trong hàng ngũ chúng ta. (*Có tiếng nói:* « Kha-li-cốp sẽ ở lại »). Có lẽ Kha-li-cốp sẽ không bỏ đi, song cả một nhóm những đồng chí trong hàng ngũ chúng ta sẽ bỏ đi với Va-li-đốp. Đó là kết quả của sự nhẫn nại và thận trọng của chúng ta.

Tôi đã nghe đồng chí Rư-scu-lốp, và tôi phải nói rằng bài phát biểu của đồng chí ấy không được thành thật lắm, nó có tính chất nửa ngoại giao (*Có tiếng nói:* « Đúng ! »), và nói chung, bài diễn văn đó đã gây một ấn tượng nặng nề. Tôi mong đồng chí ấy sẽ nói rõ ràng hơn và thành thực hơn. Dù đồng chí Rư-scu-lốp muốn nói thế nào chăng nữa, cũng vẫn rõ ràng là đồng chí còn giữ ở nhà hai bức thư mưu phản của Xun-tan - Ga-li-ép, mà đồng chí không đưa cho ai xem cả ; cũng vẫn rõ ràng là đồng chí có liên hệ về mặt tư tưởng với Xun-tan - Ga-li-ép. Việc Rư-scu-lốp chối không chịu liên đới về mặt tội lỗi trong vụ Xun-tan - Ga-li-ép và khẳng định rằng mình không có dính dáng gì với Xun-tan - Ga-li-ép trong việc liên lạc với bọn ba-sma-tsơ, đó là điều không đáng kể. Đó không phải là điều chúng ta bàn trong cuộc hội nghị này. Đây là nói về những mối liên hệ về tư tưởng và ý thức với nhóm Xun-tan - Ga-li-ép. Mà những mối liên hệ như vậy giữa Rư-scu-lốp và Xun-tan - Ga-li-ép là một điều rõ ràng, các đồng chí ạ, chính bản thân Rư-scu-lốp cũng

không thể chối cãi được. Vậy há chẳng phải đã đến lúc ở đây, từ trên diễn đàn này, cương quyết và không do dự đoạn tuyệt với nhóm Xun-tan - Ga-li-ép hay sao? Về phương diện đó, bài diễn văn của Rư-scu-lốp đã tỏ ra có tính chất nửa ngoại giao và không làm cho ai thỏa mãn được.

Đồng chí En-ba-ép cũng phát biểu theo kiểu ngoại giao và không thành thật. Há không phải sự thật là En-ba-ép và một nhóm cán bộ Ta-ta-ri khác mà tôi cho là những người công tác thực tế xuất sắc, tuy họ vẫn chưa được vững vàng về mặt tư tưởng, sau khi Xun-tan - Ga-li-ép bị bắt, đã can thiệp với Ban Chấp hành trung ương đòi thả ngay Xun-tan-Ga-li-ép ra, họ hoàn toàn đứng ra bảo đảm cho Xun-tan-Ga-li-ép, và nói rằng những tài liệu tịch thu được ở nhà Xun-tan - Ga-li-ép đều là giả, đó sao? Đó không phải là một sự thật ư? Vậy cuộc điều tra chứng tỏ cái gì? Chứng tỏ tất cả mọi tài liệu đều là đích thực. Chính bản thân Xun-tan-Ga-li-ép cũng đã thừa nhận điều đó. Y còn thú ra nhiều tội hơn là người ta đã tìm được trong các tài liệu; y đã triệt để nhận lỗi, và sau khi thừa nhận rồi còn tỏ ra hối hận. Chẳng phải rõ ràng là sau khi những việc như thế xảy ra rồi, thì En-ba-ép đáng lẽ phải cương quyết và dứt khoát thừa nhận các sai lầm của mình và phải tách rời khỏi Xun-tan - Ga-li-ép mới phải, hay sao? Nhưng En-ba-ép lại không làm như thế. Đồng chí ấy tìm cơ hội chế nhạo « phái tả »; còn việc tách rời khỏi nhóm Xun-tan - Ga-li-ép, tách rời một cách cương quyết và với thái độ cộng sản ra khỏi cái vực thẳm mà Xun-tan-Ga-li-ép đã sa xuống, thì đồng chí ấy lại không muốn, có lẽ đồng chí ấy cho rằng thủ đoạn ngoại giao sẽ cứu thoát mình.

Bài phát biểu của đồng chí Phiếc-đép-xơ chỉ là một thủ đoạn ngoại giao từ đầu đến cuối. Trong hai người: Xun-tan - Ga-li-ép và Phiếc-đép-xơ, ai đã chỉ huy ai về mặt tư tưởng? Đó là câu hỏi tôi không giải đáp được. Tuy nhiên,

tôi cho rằng, về mặt tư tưởng, chính Phiếc-đép-xơ đã chỉ huy Xun-tan - Ga-li-ép, chứ không phải ngược lại. Tôi không thấy gì là đặc biệt không thể dung nạp được trong những bài tập lý luận của Xun-tan-Ga-li-ép cả. Nếu Xun-tan-Ga-li-ép chỉ giới hạn trong phạm vi của hệ tư tưởng của chủ nghĩa đại Thổ và chủ nghĩa đại Hồi, thì đâu đến nỗi như thế. Tôi thiết nghĩ rằng, hệ tư tưởng ấy, mặc dầu đã bị nghị quyết của đại hội X của đảng về vấn đề dân tộc ngăn cấm, vẫn còn có thể dung thứ được, và có thể chỉ đem ra phê bình trong nội bộ đảng. Nhưng, khi những bài tập tư tưởng ấy đưa đến việc liên lạc với bọn cầm đầu ba-sma-tsơ, với Va-li-đốp và đồng bọn, thì tuyệt đối không thể nào lại đem cái hệ tư tưởng vô tội kia ra mà bào chữa cho những hành động ba-sma-tsơ được, như đồng chí Phiếc-đép-xơ đã có ý định làm. Không phải bằng cách bào chữa như thế cho sự hoạt động của Xun-tan - Ga-li-ép mà các đồng chí có thể lừa gạt được ai đâu. Nếu như vậy, thì người ta cũng có thể bào chữa cho chủ nghĩa đế quốc và chế độ Nga hoàng được, vì chủ nghĩa đế quốc và chế độ Nga hoàng cũng có hệ tư tưởng của nó, có khi cũng có vẻ vô tội đấy. Không thể lý luận như thế được. Ở đây các đồng chí không phải là đứng trước một tòa án, mà là đứng trước một hội nghị của các cán bộ có trách nhiệm, họ đòi ở các đồng chí sự thẳng thắn và sự thành thật chứ không phải là thủ đoạn ngoại giao.

Đồng chí Khốt-gia-nốp, theo ý tôi, nói hay lắm. Đồng chí I-cơ-ra-mốp nói cũng không kém. Nhưng tôi phải nêu ra một đoạn trong những bài phát biểu của các đồng chí ấy, đáng cho chúng ta phải suy nghĩ. Cả hai đều nói rằng Tuốc-ke-stan ngày nay với xứ Tuốc-ke-stan thời Nga hoàng không có gì khác nhau, rằng chỉ có cái nhãn hiệu bề ngoài là thay đổi ; rằng xứ Tuốc-ke-stan vẫn y nguyên như hồi xưa, dưới thời Nga hoàng. Thưa các đồng chí, nếu đó không phải là lỡ lời,

nếu đó là một lời nói ra có suy nghĩ, nếu điều đó được nói ra một cách hoàn toàn có ý thức, nếu như thế thì phải nói rằng bọn ba-sma-tsơ đúng mà chúng ta sai. Nếu Tuốc-ke-stan thật là một thuộc địa như dưới thời Nga hoàng, thì bọn ba-sma-tsơ là đúng, và không phải chúng ta là những người được quyền xét sử Xun-tan - Ga-li-ép ; mà chính Xun-tan - Ga-li-ép phải xét xử chúng ta, vì chúng ta đã dung dưỡng một thuộc địa dưới chế độ xô-viết. Nếu đúng như thế, thì tôi không hiểu được tại sao chính ngay các đồng chí lại không đi theo bọn ba-sma-stơ. Rõ ràng là các đồng chí Khốt-gia-nốp và I-cơ-ra-mốp đã không suy nghĩ chín chắn về đoạn ấy trong bài phát biểu của mình, vì họ không thể nào lại không biết rằng xứ Tuốc-ke-stan xô-viết ngày nay đã căn bản khác với xứ Tuốc-ke-stan thời Nga hoàng. Tôi muốn nêu đoạn mơ hồ đó trong bài phát biểu của các đồng chí ấy để các đồng chí ấy suy nghĩ và sửa chữa sai lầm của mình.

Tôi nhận, về phần tôi, một phần những lời trách cứ về hoạt động của Ban Chấp hành trung ương, do đồng chí I-cơ-ra-mốp đưa ra, nói rằng chúng tôi đã không luôn luôn chú ý và thường không đề ra được kịp thời những vấn đề thực tiễn do tình hình các nước cộng hòa và các khu ở phương Đông đã đặt ra. Dĩ nhiên, Ban Chấp hành trung ương bận rất nhiều công việc và không thể ở đâu cũng giải quyết kịp thời được. Nếu nghĩ rằng Ban Chấp hành trung ương có thể làm đủ được tất cả mọi việc cho kịp thời, thì quả thật là nực cười. Đúng là ở Tuốc-ke-stan không có đủ trường học. Việc dùng tiếng địa phương chưa được phổ thông trong các cơ quan Nhà nước và ngay các cơ quan đó cũng vẫn chưa có tính chất dân tộc. Trình độ văn hóa, nói chung, còn thấp kém. Tất cả những điều đó đều đúng. Nhưng liệu có thể thực sự hy vọng được rằng Ban Chấp hành trung ương hay toàn đảng sẽ có thể nâng cao trình độ văn hóa của Tuốc-ke-stan lên, trong vòng

hai hay ba năm chăng? Tất cả chúng ta đều la lên và than phiền rằng trình độ văn hóa Nga, trình độ văn hóa của nhân dân Nga — là nhân dân có học thức hơn nhân dân các nước khác trong Liên minh các nước cộng hòa — vẫn còn thấp. I-li-tsơ đã nhiều lần tuyên bố rằng chúng ta thiếu văn hóa, rằng không thể nào, trong vòng hai hoặc ba năm, và thậm chí cho đến mười năm nữa, nâng cao được một cách khả quan trình độ văn hóa nước Nga. Vậy nếu không thể, trong vòng hai hoặc ba năm, và thậm chí đến mười năm nữa, nâng cao được một cách khả quan trình độ văn hóa nước Nga, thì làm thế nào mà có thể đòi mau chóng nâng cao trình độ văn hóa của các vùng không phải là Nga, tức là những vùng lạc hậu và dốt nát? Chẳng phải rõ ràng là ở đây chín phần mười là « lỗi » ở chính những điều kiện, ở tình trạng lạc hậu và, như người ta nói, cần phải xét đến, đó sao?

Bây giờ xin nói về « phái tả » và phái hữu.

Trong các tổ chức cộng sản ở các khu và các nước cộng hòa có « phái tả » và phái hữu không? Tất nhiên có. Không ai có thể chối cãi điều đó.

Lỗi của phái hữu là ở chỗ nào? Ở chỗ họ không phải và cũng không thể là một vị thuốc trừ độc, một bức thành vững chắc chống mọi xu hướng dân tộc chủ nghĩa đang phát triển và lớn mạnh lên do việc thực hiện chính sách kinh tế mới. Việc nhóm Xun-tan-Ga-li-ép đã xuất hiện và đã tập hợp được một số người ủng hộ nào đó trong các nước cộng hòa phương Đông, đặc biệt là ở Ba-sơ-ki-ri và Ta-ta-ri, đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng các phần tử phái hữu chiếm tuyệt đại đa số trong các nước cộng hòa ấy không phải là một bức thành vững chắc chống lại chủ nghĩa dân tộc.

Nên nhớ rằng những tổ chức cộng sản của chúng ta ở các vùng ngoại vi, trong các nước cộng hòa và các khu, chỉ có thể

phát triển và đứng vững, và đào tạo được những cán bộ mác-xít quốc tế chủ nghĩa chân chính, là khi nào chủ nghĩa dân tộc ở đó đã bị đánh tan. Chủ nghĩa dân tộc là trở ngại chính về mặt tư tưởng trong việc đào tạo các cán bộ mác-xít, đào tạo đội tiền phong mác-xít ở các khu ngoại vi và các nước cộng hòa. Lịch sử của đảng ta chứng minh rằng đảng bôn-sê-vích, nói riêng về đảng bộ Nga, đã trưởng thành và lớn mạnh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa men-sê-vích, vì chủ nghĩa men-sê-vích là hệ tư tưởng của giai cấp tư sản, là kẻ đem tư tưởng tư sản thâm nhập vào đảng ta, rằng nếu không thắng được chủ nghĩa men-sê-vích thì đảng ta không thể nào đứng vững được. I-li-tsơ đã viết đi viết lại nhiều lần về điểm đó. Chỉ khi nào chủ nghĩa bôn-sê-vích đã đánh bại được chủ nghĩa men-sê-vích trong các hình thức tổ chức và tư tưởng của nó, thì khi đó chủ nghĩa bôn-sê-vích mới trưởng thành và được củng cố thành một đảng lãnh đạo thực sự. Các tổ chức cộng sản của chúng ta ở các khu ngoại vi và các nước cộng hòa cũng phải làm như thế đối với chủ nghĩa dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc, đối với các tổ chức ấy, cũng đóng một vai trò y như chủ nghĩa men-sê-vích xưa kia đối với đảng bôn-sê-vích. Chỉ có ẩn nấp sau cái danh hiệu chủ nghĩa dân tộc, thì các loại ảnh hưởng tư sản, kể cả các ảnh hưởng men-sê-vích nữa, mới có thể thâm nhập vào trong các tổ chức của chúng ta ở các khu ngoại vi. Các tổ chức của chúng ta ở các nước cộng hòa chỉ có thể trở thành những tổ chức mác-xít, khi nào nó biết chống lại trào lưu tư tưởng dân tộc chủ nghĩa đang cố sức thâm nhập vào đảng ta ở các khu ngoại vi, trào lưu tư tưởng đó sở dĩ có thể thâm nhập được là vì giai cấp tư sản đang hồi sinh, chính sách kinh tế mới đang phát triển và chủ nghĩa dân tộc cũng vậy, đang phát triển, vì những tàn tích của chủ nghĩa sô-vanh đại Nga đang kích thích chủ nghĩa dân tộc địa phương phát triển, vì

ảnh hưởng của các nước ngoài đang dùng đủ mọi cách để ủng hộ chủ nghĩa dân tộc. Cuộc đấu tranh chống kẻ thù ấy trong các nước cộng hòa và các khu là một giai đoạn mà các tổ chức cộng sản của chúng ta buộc phải vượt qua, nếu những tổ chức ấy muốn lớn mạnh lên thành những tổ chức mác-xít chân chính. Không còn con đường nào khác nữa. Và trong cuộc đấu tranh ấy, phái hữu tỏ ra suy yếu. Suy yếu vì họ nhiễm phải bệnh hoài nghi đối với đảng và dễ dàng chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc. Đó là lỗi mà cánh hữu của các tổ chức cộng sản trong các nước cộng hòa và các khu phạm phải.

Nhưng lỗi của « phái tả » ở các khu ngoại vi cũng không kém nghiêm trọng, nếu không phải là nghiêm trọng hơn. Nếu những tổ chức cộng sản ở các khu ngoại vi không thể lớn mạnh lên và phát triển thành những tổ chức mác-xít chân chính và không chiến thắng được chủ nghĩa dân tộc, thì chính những tổ chức ấy chỉ có thể trở thành những tổ chức quần chúng, chỉ có thể tập hợp được đa số quần chúng lao động chung quanh mình là khi nào họ biết tỏ ra khá mềm dẻo để có thể thu hút vào trong những cơ quan Nhà nước của chúng ta tất cả những phần tử dân tộc ít nhiều trung thành, nhân nhượng đối với các phần tử đó ; là khi nào họ biết phối hợp khéo léo cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa dân tộc ở trong đảng với cuộc đấu tranh cũng không kém phần quyết liệt để lôi cuốn vào sự nghiệp xô-viết tất cả những phần tử ít nhiều trung thành trong dân cư địa phương, trong giới trí thức,v.v.. « Phái tả » ở các khu ngoại vi tương đối ít có thái độ hoài nghi đối với đảng, tương đối không dễ dàng bị ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc. Song, lỗi của « phái tả » là ở chỗ không biết tỏ ra mềm dẻo đối với các phần tử dân chủ tư sản và đối với những phần tử chỉ là những người trung thành thôi ; là ở chỗ không biết và không muốn vận động khéo léo để lôi

kéo được những phần tử ấy ; là ở chỗ làm sai lệch đường lối của đảng trong việc tranh thủ đa số nhân dân lao động trong nước. Thế mà sự mềm dẻo ấy, cái bản lĩnh ấy để phối hợp linh hoạt cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc với việc thu hút những phần tử tương đối trung thành tham gia các cơ quan Nhà nước của chúng ta, bất kỳ thế nào cũng cần phải tạo ra và cần phải rèn luyện cho bằng được. Chúng ta chỉ có thể tạo ra và rèn luyện được sự mềm dẻo đó và khả năng đó *khi nào* chúng ta biết chú trọng đến tất cả sự phức tạp và những đặc điểm của tình hình các khu và các nước cộng hòa của chúng ta ; *khi nào* chúng ta không tìm cách bệ nguyên xi những kiểu mẫu tạo ra ở các khu vực trung tâm công nghiệp, những kiểu mẫu mà người ta không thể đem áp dụng một cách máy móc vào các khu ngoại vi ; *khi nào* chúng ta không cự tuyệt những phần tử có xu hướng dân tộc chủ nghĩa trong dân cư, những người tiểu tư sản có xu hướng dân tộc chủ nghĩa ; *khi nào* chúng ta biết lôi cuốn những phần tử ấy vào sự nghiệp chung của quốc gia. « Phái tả » phạm sai lầm là vì họ bị tiêm nhiễm óc bè phái và không hiểu được tầm quan trọng bậc nhất của những nhiệm vụ phức tạp ấy của đảng trong các nước cộng hòa và các khu dân tộc.

Nếu phái hữu là nguy hiểm do xu hướng dễ bị ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc, họ có thể làm trở ngại bước tiến của những cán bộ cộng sản chúng ta ở các khu ngoại vi, thì sự nguy hiểm của « phái tả » là ở chỗ do say mê một « chủ nghĩa cộng sản » giản đơn và nôn nóng, họ có thể làm cho đảng ta tách khỏi nông dân và những tầng lớp rộng rãi trong dân cư địa phương.

Trong những nguy cơ ấy, cái nào là trầm trọng hơn cả? Nếu những đồng chí thiên « về tả » muốn tiếp tục thi hành ở các khu ngoại vi chính sách phân chia dân cư một cách giả tạo của họ, — và chính sách đó đã được thi hành không

những ở Tsê-tsê-ni và ở khu vực Y-a-cút, không những ở Tuốc-ke-stan... (*I-bơ-ra-ghi-mốp nói:* « Đó là chính sách phân hóa »)...Bây giờ đồng chí I-bơ-ra-ghi-mốp lại định thay sách lược phân chia dân cư bằng sách lược phân hóa, nhưng như thế có gì là thay đổi đâu ; tôi thiết nghĩ, nếu họ muốn tiếp tục thi hành chính sách phân chia từ trên xuống, nếu họ tưởng rằng những kiểu mẫu của Nga có thể đem áp dụng một cách máy móc vào một hoàn cảnh đặc thù dân tộc, mà không đếm xỉa gì đến những phong tục và điều kiện cụ thể ; nếu họ tưởng rằng khi đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc thì tất cả cái gì là dân tộc đều phải vứt bỏ đi ; tóm lại, nếu những người cộng sản « tả khuynh » ở các khu ngoại vi không muốn sửa chữa sai lầm, thì tôi phải nói rằng trong hai nguy cơ ấy, nguy cơ « tả khuynh » có thể trở thành nguy cơ lớn nhất.

Đó là tất cả những điều tôi muốn nói về « phái tả » và phái hữu. Tôi đã đi trước vấn đề một chút, nhưng chính vì tất cả hội nghị cũng làm như thế và đã thảo luận lấn sang điểm thứ hai rồi.

Cần phải quất vào phái hữu để buộc họ và dạy cho họ chống lại chủ nghĩa dân tộc, nhằm đào tạo được những cán bộ cộng sản chân chính người địa phương. Nhưng, cũng phải quất vào « phái tả » để dạy cho họ biết mềm dẻo, biết linh hoạt, nhằm tranh thủ được quảng đại quần chúng nhân dân. Cần phải làm tất cả những điều đó, vì chân lý nằm ngay « ở giữa » phái hữu và « phái tả », đúng như đồng chí Khốt-gia-nốp đã nêu ra một cách đúng đắn.

3. NHỮNG BIỆN PHÁP THỰC TIỄN ĐỀ THI HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Báo cáo về điểm hai của chương trình nghị sự
10 tháng Sáu

Thưa các đồng chí ! Chắc là các đồng chí đã nhận được dự án cương lĩnh của Bộ chính trị về vấn đề dân tộc rồi. (*Nhiều người nói:* « Không phải tất cả đều có đủ ».) Cương lĩnh đó có liên quan đến điểm thứ hai của chương trình nghị sự và đến tất cả những mục nhỏ của điểm ấy. Dù sao thì các đồng chí cũng đã nhận được chương trình nghị sự của hội nghị dưới hình thức một bức điện mật mã của Ban Chấp hành trung ương.

Có thể chia những đề nghị của Bộ Chính trị thành ba loại.

Loại vấn đề thứ nhất là về việc tăng cường trong các nước cộng hòa và các khu, lực lượng cán bộ cộng sản người địa phương.

Loại vấn đề thứ hai bao gồm tất cả những gì có liên quan đến việc thi hành trong thực tiễn những nghị quyết cụ thể của đại hội XII về vấn đề dân tộc, tức là : vấn đề lôi cuốn những phần tử lao động thuộc nhân dân địa phương tham gia xây dựng đảng và xây dựng xô-viết ; vấn đề những biện pháp cần thiết để nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân địa phương ; vấn đề cải thiện tình hình kinh tế của các nước cộng hòa và các khu, căn cứ vào những đặc điểm của tập

quán sinh hoạt ; cuối cùng là vấn đề phát triển những hợp tác xã trong các khu và các nước cộng hòa, vấn đề di chuyển những nhà máy, vấn đề thành lập những trung tâm công nghiệp, v.v.. Loại vấn đề này có liên quan đến những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và chính trị của các khu và các nước cộng hòa, căn cứ vào những điều kiện địa phương.

Loại vấn đề thứ ba là về Hiến pháp của Liên minh các nước cộng hòa nói chung, và đặc biệt là những ý kiến sửa đổi Hiến pháp đó nhằm thành lập một viện thứ hai của Ban Chấp hành trung ương của Liên minh. Như mọi người đều biết, loại vấn đề cuối cùng này có liên quan đến phiên họp sắp tới của Ban Chấp hành trung ương của Liên minh.

Bây giờ tôi xin nói về loại vấn đề thứ nhất : vấn đề những biện pháp để đào tạo và tăng cường các cán bộ mác-xít người địa phương, những cán bộ đó có thể là chỗ dựa chủ yếu nhất và, phân tích đến cùng, là chỗ dựa quyết định của Chính quyền xô-viết ở các khu ngoại vi. Nếu ta xem xét sự phát triển của đảng ta (tôi muốn nói đến đảng bộ ở Nga, tức là bộ phận cơ bản), và nếu ta theo dõi những giai đoạn chính của sự phát triển của đảng ta, và sau đó, suy từ những giai đoạn đó ra, ta vạch ra một quá trình phát triển sắp tới của các tổ chức cộng sản của chúng ta ở các khu và các nước cộng hòa, thì tôi tin rằng ta sẽ tìm ra được chìa khóa để hiểu những đặc điểm hiện nay về sự phát triển của đảng ta trong các khu ngoại vi.

Nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ đầu trong sự phát triển của đảng ta, của đảng bộ ở Nga, là đào tạo những cán bộ, những cán bộ mác-xít. Những cán bộ mác-xít ấy đã được đào tạo, rèn luyện trong đấu tranh chống chủ nghĩa men-sê-vích. Nhiệm vụ của những cán bộ ấy, trong thời kỳ đó, — thời kỳ bắt đầu từ khi mới thành lập đảng bôn-sê-vích cho đến khi bọn thủ tiêu là bọn tiêu biểu hoàn toàn nhất của chủ nghĩa

men-sê-vích bị đuổi ra khỏi đảng, — nhiệm vụ chủ yếu là phải tranh thủ về phía chủ nghĩa bôn-sê-vích những phần tử tích cực nhất, trung thực nhất và xuất sắc nhất trong giai cấp công nhân, là phải đào tạo những cán bộ, là phải rèn luyện một đội tiền phong. Thời kỳ đó, cuộc đấu tranh đã diễn ra, trước hết nhằm chống những xu hướng có tính chất tư sản, nhất là chủ nghĩa men-sê-vích, là những xu hướng ngăn cản việc đoàn kết các cán bộ đó thành một chỉnh thể thống nhất, thành hạt nhân cơ bản của đảng. Lúc đó nhiệm vụ thiết lập những mối liên hệ rộng rãi với hàng triệu công nhân và nông dân lao động, nhiệm vụ tranh thủ quần chúng ấy, nhiệm vụ tranh thủ đa số nhân dân trong nước chưa phải là nhiệm vụ trước mắt và cấp thiết đặt ra trước đảng. Đảng chưa đi đến giai đoạn đó.

Chỉ đến giai đoạn phát triển sau đó của đảng ta, tức là giai đoạn thứ hai, khi mà những cán bộ ấy đã trưởng thành, khi họ đã trở thành hạt nhân cơ bản của đảng ta, khi đảng đã tranh thủ được hoặc hầu như đã tranh thủ được sự đồng tình của những phần tử ưu tú nhất trong giai cấp công nhân, — chỉ đến khi đó thì nhiệm vụ tranh thủ hàng triệu quần chúng, nhiệm vụ biến những cán bộ của đảng thành một đảng công nhân chân chính có tính chất quần chúng mới trở thành nhiệm vụ cấp thiết và không thể trì hoãn đề ra trước đảng. Trong thời kỳ ấy, hạt nhân của đảng ta phải chiến đấu chống những phần tử « tả khuynh » trong đảng, những bọn « triệu hồi » đủ các màu sắc, nhiều hơn là chống chủ nghĩa men-sê-vích, vì những phần tử « tả khuynh » trên đang cố sức dùng những luận điệu cách mạng rỗng tuếch để thay vào việc nghiên cứu nghiêm túc các đặc điểm của tình hình mới, diễn ra từ sau 1905 ; chúng dùng cái sách lược « cách mạng » giản đơn để kìm hãm bước chuyển của những cán bộ đảng ta thành một

đảng chân chính có tính chất quần chúng ; hoạt động của chúng đã tạo ra một nguy cơ làm cho đảng tách rời quảng đại quần chúng công nhân. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng nếu đảng không kiên quyết đấu tranh chống cái nguy cơ « tả khuynh » ấy, nếu đảng không khắc phục được cái nguy cơ ấy thì đảng không thể nào tranh thủ được hàng triệu người lao động theo mình.

Đó là những nét phác qua tình hình về cuộc đấu tranh trên hai trận tuyến : chống phái hữu, nghĩa là bọn men-sê-vích, và chống « phái tả » ; tình hình phát triển của bộ phận cơ bản của đảng ta tức là bộ phận Nga, là như vậy.

Đồng chí Lê-nin đã vạch ra một cách rất chính xác bước phát triển tất yếu và không thể tránh khỏi của các đảng cộng sản, trong cuốn *Bệnh ấu trĩ « tả khuynh » trong phong trào cộng sản*. Đồng chí Lê-nin đã chứng minh trong đó rằng những đảng cộng sản phương Tây phải trải qua và hiện đương trải qua những giai đoạn phát triển gần tương tự như thế. Về phần chúng ta, chúng ta nói thêm rằng các tổ chức cộng sản và các đảng cộng sản chúng ta ở các khu ngoại vi cũng phát triển theo bước đường đó.

Tuy nhiên cần chỉ ra rằng, dù có sự giống nhau giữa quá khứ mà đảng đã trải qua với tình hình hiện nay trong những tổ chức của đảng ở các khu ngoại vi, vẫn còn tồn tại trong các nước cộng hòa và các khu dân tộc những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển của đảng ta, những đặc điểm mà chúng ta tuyệt đối phải chú trọng một cách tỉ mỉ, nếu không chúng ta sẽ có thể phạm một loạt sai lầm hết sức nghiêm trọng, trong khi xác định những nhiệm vụ về đào tạo những cán bộ mác-xít người địa phương.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến những đặc điểm ấy.

Cuộc đấu tranh chống những phần tử phái hữu và « phái

tả » trong các tổ chức của chúng ta ở các khu ngoại vi là cần thiết và bắt buộc, bằng không, chúng ta sẽ không thể đào tạo được những cán bộ mác-xít mật thiết liên hệ với quần chúng. Điều đó đã rõ. Nhưng đặc điểm của tình hình ở các khu ngoại vi và điểm khác nhau của nó với bước phát triển quá khứ của đảng ta là ở chỗ : việc rèn luyện các cán bộ và biến họ thành một đảng có tính chất quần chúng đang được tiến hành ở các khu ngoại vi, không phải dưới một chế độ tư sản, như trường hợp đối với đảng ta, mà lại ở dưới chế độ xô-viết, dưới nền chuyên chính của giai cấp vô sản. Trước đây, dưới chế độ tư sản, do những điều kiện lúc bấy giờ, người ta có thể và cần phải đả *trước hết* là bọn men-sê-vích (để đào tạo những cán bộ mác-xít), rồi *sau đó* là bọn triệu hồi (để biến những cán bộ đó thành một đảng có tính chất quần chúng) ; cuộc đấu tranh chống hai thiên hướng ấy chiếm trọn cả hai thời kỳ trong lịch sử của đảng ta. Ngày nay, trong những điều kiện hiện tại, chúng ta không thể làm y như thế ; hiện nay đảng đang nắm chính quyền ; và khi nắm chính quyền thì đảng cần phải có, ở các khu ngoại vi, những cán bộ mác-xít vững vàng, là người địa phương, có liên hệ với quảng đại quần chúng nhân dân. Ngày nay chúng ta không thể *trước tiên* dùng « phái tả » để đánh tan nguy cơ hữu, như đã xảy ra trong lịch sử đảng ta, rồi *sau đó* dùng phái hữu để đánh tan nguy cơ « tả ». Ngày nay chúng ta phải *cùng một lúc* đấu tranh trên hai mặt trận và ra sức đánh tan cả hai nguy cơ đó, để đi đến kết quả tạo ra ở các khu ngoại vi những cán bộ địa phương được đào luyện theo tinh thần chủ nghĩa Mác và có liên hệ với quần chúng. Trước kia, ta có thể nói đến những cán bộ chưa có liên hệ với quảng đại quần chúng, sự liên hệ đó phải được thiết lập trong thời kỳ phát triển sau đó. Nhưng ngày nay mà còn nói như thế, thì thật là lố bịch, vì không thể tưởng tượng được rằng dưới Chính quyền xô-viết mà lại

có những cán bộ mác-xít không liên hệ với quảng đại quần chúng bằng cách này cách khác. Những cán bộ như thế sẽ không có quan hệ gì với chủ nghĩa Mác và với một đảng có tính chất quần chúng. Tất cả những điều nói trên làm cho vấn đề thêm phức tạp nhiều và buộc các tổ chức của đảng ở các khu ngoại vi cùng trong một lúc phải đấu tranh chống cả phái hữu lẫn « phái tả ». Do đó, đảng ta đứng trên lập trường đồng thời đấu tranh trên hai trận tuyến, chống cả hai thiên hướng.

Sau nữa, cần phải nêu ra một tình hình là sự phát triển của các tổ chức cộng sản của chúng ta ở các khu ngoại vi không tiến hành một cách đơn độc, như là trường hợp của bộ phận Nga trong lịch sử của đảng ta, mà là tiến hành dưới sự tác động trực tiếp của hạt nhân căn bản của đảng ta, đã có đầy đủ kinh nghiệm, không những trong việc đào tạo các cán bộ mác-xít, mà cả trong việc bảo đảm sự liên hệ của các cán bộ ấy với quảng đại quần chúng nhân dân và trong nghệ thuật vận động cách mạng trong cuộc đấu tranh giành Chính quyền xô-viết. Đặc điểm trong tình hình các khu ngoại vi, về mặt này, là ở chỗ : những tổ chức của đảng trong những vùng ấy, do những điều kiện của sự phát triển của Chính quyền xô-viết tại đó, có thể và phải vận dụng một cách linh hoạt lực lượng của mình để củng cố mối liên hệ với quảng đại quần chúng nhân dân bằng cách sử dụng vào mục đích đó tất cả những kinh nghiệm phong phú mà đảng đã thu được trong thời kỳ trước kia. Cho đến những thời gian gần đây, Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga thường trực tiếp hoạt động trong các khu ngoại vi, không thông qua những tổ chức cộng sản ở địa phương, thậm chí có khi không hỏi ý kiến những tổ chức ấy nữa, mà cứ lôi cuốn tất cả các phần tử ở địa phương ít nhiều trung thực, vào công cuộc kiến thiết chung của Chính quyền xô-viết. Từ nay, công tác đó phải do

chính các tổ chức của đảng ở các khu ngoại vi tự đảm nhiệm lấy. Các tổ chức này có thể và phải làm được công tác đó, và phải nhớ rằng đó là con đường tốt nhất để biến các cán bộ mác-xít là người địa phương, thành một đảng chân chính có tính chất quần chúng, có khả năng lôi cuốn được đa số nhân dân trong nước đi theo mình.

Đó là hai đặc điểm cần phải tính đến một cách chặt chẽ khi định ra đường lối của đảng ta ở các khu ngoại vi, về việc đào tạo các cán bộ mác-xít và tranh thủ quảng đại quần chúng nhân dân do hoạt động của các cán bộ đó.

Bây giờ tôi xin nói sang loại vấn đề thứ hai. Vì một số đồng chí không nhận được bản dự án cương lĩnh, nên tôi xin đọc và giải thích bản dự án đó.

Thứ nhất, « những biện pháp để lôi cuốn những phần tử vô sản và nửa vô sản vào công tác xây dựng đảng và Nhà nước xô-viết ». Nhằm mục đích gì? Để làm cho các cơ quan của đảng và nhất là các cơ quan xô-viết gần gũi nhân dân. Trong những cơ quan đó, phải dùng những tiếng nói mà quảng đại quần chúng nhân dân hiểu được, nếu không thì không thể làm cho những cơ quan đó gần gũi nhân dân được. Nếu nhiệm vụ của đảng là làm cho Chính quyền xô-viết trở nên một chính quyền thân thiết đối với nhân dân, thì chỉ có làm cho chính quyền đó trở thành một chính quyền mà nhân dân có thể hiểu được, mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ ấy. Những người đứng đầu các cơ quan Nhà nước và bản thân những cơ quan này phải dùng tiếng nói mà nhân dân hiểu được. Phải đuổi ra khỏi các cơ quan chính quyền những phần tử sô-vanh chủ nghĩa là bọn cố tình phá hoại những tình cảm hữu nghị và đoàn kết của các dân tộc trong Liên minh các nước cộng hòa; phải thanh trừ bọn đó ra khỏi các cơ quan chính quyền của chúng ta, ở Mạc-tư-khoa cũng như ở trong các nước cộng hòa, và đưa những người địa phương thông

thạo tiếng nói và tập quán của nhân dân lên lãnh đạo những cơ quan Nhà nước.

Tôi còn nhớ rằng cách đây hai năm, chủ tịch Hội đồng dân ủy của nước Cộng hòa Kiếc-ghi-di, là Pét-cốp-ski, không biết nói tiếng Kiếc-ghi-di. Ngay thời kỳ đó, trường hợp đó cũng đã gây khó khăn to lớn cho việc củng cố mối liên hệ giữa chính phủ nước Cộng hòa Kiếc-ghi-di với quần chúng nông dân nước đó. Vì vậy đảng đã cố gắng sao cho chủ tịch hiện nay của Hội đồng dân ủy nước Cộng hòa Kiếc-ghi-di là người Kiếc-ghi-di.

Ngoài ra, tôi cũng nhớ lại rằng một nhóm đồng chí Ba-sơ-ki-ri, năm ngoái, đã đề nghị đưa một đồng chí người Nga làm chủ tịch Hội đồng dân ủy nước đó. Đảng đã kiên quyết bác bỏ đề nghị đó và đã quyết định bổ nhiệm một người Ba-sơ-ki-ri giữ trách nhiệm đó.

Nhiệm vụ của chúng ta là theo đường lối đó, và nói chung là dần dần mang lại một tính chất dân tộc cho những cơ quan chính quyền của tất cả các nước cộng hòa và các khu dân tộc, và trước hết là của một nước cộng hòa quan trọng như U-cơ-ren.

Thứ hai, « tiến hành lựa chọn và thu hút những phần tử ít nhiều trung thành trong giới trí thức người địa phương, đồng thời phải đào tạo những cán bộ xô-viết, tuyển lựa trong các đảng viên ». Điểm này không cần phải có sự giải thích gì đặc biệt cả. Ngày nay giai cấp công nhân đã nắm chính quyền và tập hợp được xung quanh mình đa số nhân dân, thì không có lý do gì mà phải sợ việc thu hút những phần tử ít nhiều trung thành, kể cả những « đảng viên đảng tháng Mười » cũ, tham gia công tác xây dựng Nhà nước xô-viết nữa. Trái lại, nhất thiết phải thu hút tất cả những phần tử ấy tham gia

công tác trong các nước cộng hòa và khu dân tộc, nhằm cải tạo họ và xô-viết hóa họ trong quá trình công tác đó.

Thứ ba là : « tổ chức những hội nghị đại biểu của công nhân và nông dân ngoài đảng, trong đó những ủy viên của chính phủ báo cáo về những biện pháp của Chính quyền xô-viết ». Tôi biết rằng có nhiều ủy viên bộ dân ủy trong những nước cộng hòa, ở Kiếc-ghi-di chẳng hạn, không muốn đi thăm các nơi, tham dự những cuộc hội họp của nông dân, phát biểu trong các cuộc mít-tinh, báo cáo cho quảng đại quần chúng biết những công tác mà đảng và Chính quyền xô-viết đã làm về những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nông dân. Cần phải chấm dứt tình trạng ấy. Nhất thiết phải triệu tập những hội nghị đại biểu của công nhân và nông dân ngoài đảng và báo cáo cho quần chúng biết sự hoạt động của Chính quyền xô-viết. Nếu không, thì không thể nói đến việc làm cho các cơ quan Nhà nước gần gũi nhân dân được.

Thứ nữa là : « những biện pháp để nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân địa phương ». Một số biện pháp đã được đề ra, nhưng đương nhiên không thể cho rằng đó là những biện pháp thật là toàn diện. Những biện pháp đó là : a) « thành lập những câu lạc bộ (không đảng) và những cơ quan giáo dục khác dùng tiếng địa phương »; b) « phát triển màng lưới những trường các cấp dạy bằng tiếng địa phương »; c) thu hút những giáo viên người địa phương ít nhiều trung thành » ; d) « thành lập một hệ thống những hội có nhiệm vụ phổ cập giáo dục bằng tiếng địa phương »; e) « tổ chức công tác xuất bản ». Tất cả những biện pháp đó đều rõ ràng và dễ hiểu. Bởi vậy không cần phải có sự giải thích gì đặc biệt cả.

Thứ nữa là : « công cuộc kiến thiết kinh tế trong các nước cộng hòa và các khu dân tộc căn cứ vào những đặc điểm tập quán sinh hoạt của họ ». Những biện pháp mà Bộ Chính trị đề nghị về mặt đó là : a) « điều chỉnh việc di dân và chấm

dứt việc di dân ở những nơi cần thiết phải chấm dứt » ; b) « bảo đảm cấp cho nhân dân *lao động* địa phương những ruộng đất trích trong số ruộng đất công »; c) « nhân dân địa phương được vay quỹ tín dụng nông nghiệp »; d) « tăng cường công tác thủy lợi » ; e) « chuyển những nhà máy và công xưởng về những nước cộng hòa giàu nguyên liệu » ; f) « tổ chức những trường dạy nghề và kỹ thuật » ; g) « tổ chức những lớp nông nghiệp » ; và cuối cùng : h) « hết sức khuyến khích hợp tác xã và đặc biệt là hợp tác xã thủ công nhằm thu hút những người thợ thủ công) ».

Tôi phải nhấn mạnh điểm cuối cùng vì điểm này có một ý nghĩa đặc biệt. Ngày xưa, vào thời Nga hoàng, phương thức phát triển là như sau : bọn cu-lắc giàu lên, tư bản nông nghiệp phát triển, quần chúng trung nông ở vào thế thăng bằng không ổn định, còn quảng đại quần chúng nông dân, quảng đại quần chúng tiểu nông thì quằn quại trong cái gọng kìm của sự phá sản và bần cùng. Nhưng bây giờ, dưới chuyên chính vô sản, khi tín dụng, ruộng đất và chính quyền đều nằm trong tay giai cấp công nhân, thì mặc dù trong điều kiện chính sách kinh tế mới, mặc dù tư bản tư nhân đang sống lại, sự phát triển cũng không thể như trước được. Những đồng chí nào khẳng định rằng do phát triển chính sách kinh tế mới nên chúng ta tựa hồ nhất định sẽ lại thấy xảy ra cái chuyện cũ là bọn cu-lắc phát triển làm thiệt hại đến đa số nông dân là những người không tránh được sự phá sản, — thì hoàn toàn sai. Con đường đó không phải là con đường của chúng ta. Trong những điều kiện mới, khi giai cấp vô sản nắm chính quyền, khi giai cấp vô sản nắm trong tay những mạch máu chính của nền kinh tế, thì sự phát triển phải đi theo một con đường khác, con đường liên hợp những tiểu nông thành những hợp tác xã đủ mọi loại, những hợp tác xã này sẽ được chính phủ ủng hộ trong cuộc đấu tranh chống tư bản tư nhân ; con

đường đưa dần dần hàng triệu tiểu nông tham gia công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thông qua hợp tác xã ; con đường cải thiện dần dần tình hình kinh tế của những tiểu nông (chứ không phải là bần cùng hóa họ đi). Về mặt đó, thì « hết sức giúp đỡ các hợp tác xã » ở những vùng ngoại vi, tức là những vùng chủ yếu là nông nghiệp, có một ý nghĩa trọng yếu đối với sự phát triển kinh tế sau này của Liên minh các nước cộng hòa.

Tiếp nữa là : « về những biện pháp thực tiễn để tổ chức những đơn vị quân sự dân tộc ». Tôi cho rằng trong việc định ra những biện pháp về phương diện đó, chúng ta làm quá chậm. Chúng ta phải thành lập những đơn vị quân sự dân tộc. Lẽ tự nhiên là không phải ngày một ngày hai mà làm được, nhưng ngay từ bây giờ, có thể và phải tiến hành mở những trường quân sự trong các nước cộng hòa và các khu, nhằm đào tạo trong một thời hạn nhất định, những cán bộ chỉ huy người địa phương sau này có thể làm hạt nhân để tổ chức những đơn vị quân sự dân tộc. Bắt đầu tiến hành công việc đó và thúc đẩy công việc tiến tới, là điều tuyệt đối cần thiết. Nếu chúng ta có những đơn vị quân sự dân tộc đáng tin cậy, với những cán bộ đáng tin cậy, trong những nước cộng hòa như Tuốc-ke-stan, U-cơ-ren, Bạch-Nga, Giê-oóc-gi, Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian, thì nước cộng hòa của chúng ta sẽ ở vào một thế tốt hơn so với hiện nay, cả về mặt phòng ngự lẫn trong trường hợp chúng ta bắt buộc phải hành động. Chúng ta phải bắt tay ngay vào việc, không được chậm trễ. Dĩ nhiên chúng ta phải tăng quân số của chúng ta lên từ 20.000 đến 25.000 người, nhưng điều đó không thể coi là một trở ngại không khắc phục được.

Tôi không bàn đến các điểm khác (các đồng chí hãy xem dự án cương lĩnh), vì những điểm đó đã rõ ràng và không đòi hỏi phải giải thích gì cả.

Loại vấn đề thứ ba là những vấn đề liên quan đến việc thành lập một viện thứ hai của Ban Chấp hành trung ương của Liên minh và tổ chức các bộ dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa. Ở đây, những vấn đề cơ bản, tức là những vấn đề mà ai nấy đều thấy rõ rành rành, đã được nêu ra, song dĩ nhiên là không thể coi những vấn đề đó đã được nêu ra thật toàn diện.

Viện thứ hai, theo quan niệm của Bộ Chính trị, là một bộ phận cấu thành của Ban Chấp hành trung ương Liên-xô. Có người đã đề nghị là bên cạnh Ban Chấp hành trung ương hiện nay, nên thành lập một Xô-viết Dân tộc tối cao không nằm trong Ban Chấp hành trung ương. Dự án đó đã bị bác bỏ và Bộ Chính trị cho rằng hợp lý hơn là chia chính ngay Ban Chấp hành trung ương ra làm hai viện ; viện thứ nhất — có thể gọi là Xô-viết toàn Liên minh, — sẽ do đại hội các Xô-viết toàn Liên minh các nước cộng hòa bầu ra ; còn viện thứ hai, — nên gọi là Xô-viết Dân tộc, — thì sẽ do những Ban Chấp hành trung ương các nước cộng hòa và đại hội các khu dân tộc bầu ra, cứ mỗi nước cộng hòa được năm đại biểu, và mỗi khu dân tộc được một đại biểu và việc bầu những đại biểu đó phải được đại hội các Xô-viết toàn Liên minh các nước cộng hòa phê chuẩn.

Về những quyền hạn của viện thứ hai trong quan hệ với viện thứ nhất, chúng ta chủ trương nguyên tắc bình đẳng giữa hai viện. Mỗi viện sẽ có một đoàn chủ tịch của mình, đoàn chủ tịch này sẽ không có chức năng lập pháp. Hai viện họp lại sẽ bầu ra một Đoàn chủ tịch chung, có quyền lực tối cao trong thời gian giữa hai phiên họp của Ban Chấp hành trung ương. Không một dự án nào, dù là trình ở viện nào cũng vậy, có thể thành đạo luật nếu không được cả hai viện chấp thuận ; nói một cách khác, hai viện hoàn toàn bình đẳng với nhau.

Chúng ta nói tiếp về vấn đề Đoàn chủ tịch của Ban Chấp hành trung ương. Tôi đã nói qua đến vấn đề đó rồi. Bộ Chính trị cho rằng không thể chấp nhận được sự tồn tại của hai đoàn chủ tịch đều có quyền lập pháp. Đoàn chủ tịch, nếu là cơ quan quyền lực tối cao, thì không thể chia thành hai hay nhiều bộ phận được ; cơ quan quyền lực tối cao phải là một. Do đó, điều hợp lý là Đoàn chủ tịch chung của Ban Chấp hành trung ương Liên-xô phải gồm những đoàn chủ tịch của hai viện, cộng thêm vài người do hai viện họp lại bầu ra, nghĩa là bầu ra trong phiên họp toàn thể của Ban Chấp hành trung ương.

Tiếp nữa, về vấn đề số lượng những bộ dân ủy thống nhất. Các đồng chí đều biết rằng theo Hiến pháp cũ đã được thông qua năm ngoái tại đại hội các Xô-viết toàn Liên minh các nước cộng hòa, thì những vấn đề quốc phòng, ngoại giao, ngoại thương, bưu điện và đường sắt là thuộc thẩm quyền của Hội đồng dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa ; nhưng còn năm bộ khác thì gọi là bộ trực thuộc, tức là Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, các Bộ dân ủy Lương thực, Tài chính, Lao động và Viện Kiểm tra công nông mang tính chất song trùng phụ thuộc ; cuối cùng, sáu bộ khác là những bộ độc lập. Dự án đó đã bị một số các đồng chí U-cơ-ren công kích : Ra-cốp-ski, Scơ-rúp-ních và vân vân. Nhưng Bộ Chính trị đã bác bỏ đề nghị của các đồng chí U-cơ-ren muốn chuyển những Bộ dân ủy Ngoại giao và Ngoại thương từ chỗ là những bộ thống nhất thành bộ trực thuộc, và Bộ Chính trị đã căn bản thông qua những quy định chính của Hiến pháp, dựa vào tinh thần của những quyết định năm ngoái.

Nói chung, đó là những lý do làm cơ sở cho Bộ Chính trị xây dựng dự án cương lĩnh.

Tôi cho rằng về vấn đề Hiến pháp của Liên minh các nước cộng hòa và vấn đề viện thứ hai, hội nghị chỉ nên trao đổi ý kiến ngắn gọn thôi, vì tiểu ban của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương[77] đang nghiên cứu vấn đề đó. Theo tôi thì cần phải nói chi tiết hơn đến những biện pháp thực tiễn để thực hiện những nghị quyết của đại hội XII. Còn đối với vấn đề tăng cường lực lượng những cán bộ mác-xít người địa phương, thì chúng ta cần dành một phần lớn thời gian để thảo luận.

Tôi thiết tưởng trước khi bắt đầu thảo luận, nên nghe các đồng chí ở các nước cộng hòa và các khu trình bày các báo cáo căn cứ vào những tài liệu mà các đồng chí ấy mang theo.

4. KẾT LUẬN

12 tháng Sáu

Tôi muốn trước hết nói vài lời về những báo cáo của các đồng chí và, nói chung, về tính chất của hội nghị, căn cứ vào những báo cáo đó. Tuy rằng hội nghị này là hội nghị thứ tư từ khi có Chính quyền Xô-viết, nhưng trong số tất cả những hội nghị trước đây thì đây là hội nghị duy nhất đầy đủ, trong đó những đại biểu của các nước cộng hòa và các khu đã trình bày những bản báo cáo ít nhiều đầy đủ và có căn cứ. Qua những báo cáo đó, ta thấy trong các khu và các nước cộng hòa, các cán bộ cộng sản đã trưởng thành, đã biết độc lập công tác. Tôi cho rằng số tài liệu phong phú mà các đồng chí đã trình bày với chúng ta ở đây, kinh nghiệm công tác trong các khu và các nước cộng hòa mà các đồng chí đã giới thiệu ở đây, nhất định phải trở thành tài sản của toàn đảng ta dưới hình thức là những biên bản của hội nghị này. Người người đã trưởng thành và tiến lên phía trước, học tập quản lý : đó là kết luận thứ nhất, là ấn tượng thứ nhất mà những báo cáo ấy đã mang lại.

Nếu nói về nội dung của những báo cáo đó, ta có thể chia những tài liệu ra làm hai loại : những báo cáo của các đại biểu của những nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa và những báo cáo của những nước cộng hòa nhân dân, không phải xã hội chủ nghĩa (Bu-kha-ra, Khô-re-dơ-mơ).

Bây giờ chúng ta hãy xét loại báo cáo thứ nhất. Qua những

báo cáo đó, ta thấy rằng về phương diện cơ quan của đảng và nhất là của Nhà nước gần gũi với ngôn ngữ và tập quán sinh hoạt của nhân dân, thì phải coi Giê-oóc-gi là một nước cộng hòa phát triển nhất và tiên tiến nhất. Sau Giê-oóc-gi là Ác-mê-ni. Rồi mới đến những nước cộng hòa và những khu khác. Theo tôi thì đó là một kết luận không tranh cãi được. Nguyên nhân của hiện tượng đó là trình độ văn hóa của Giê-oóc-gi và Ác-mê-ni cao hơn. Ở Giê-oóc-gi, tỷ lệ những người biết đọc biết viết khá cao, lên đến 80%, và ở Ác-mê-ni, tỷ lệ đó không dưới 40%. Đó là điều bí mật khiến cho hai nước đó tiến hơn các nước cộng hòa khác. Do đó có thể kết luận rằng một nước, một nước cộng hòa, một khu mà càng có nhiều người biết đọc biết viết, càng có trình độ văn hóa cao, thì cơ quan của đảng, cơ quan của Nhà nước xô-viết càng gần gũi với nhân dân, với ngôn ngữ và tập quán sinh hoạt của nhân dân hơn. Dĩ nhiên tình hình là như thế nếu những điều kiện khác đều giống nhau. Điều đó rất rõ ràng và không có gì mới lạ trong kết luận đó cả ; nhưng chính do không có gì mới lạ trong kết luận đó, nên người ta thường quên mất kết luận đó và không ít trường hợp mà người ta cứ định quy kết rằng tình trạng lạc hậu về văn hóa, có nghĩa là cả tình trạng lạc hậu của Nhà nước nữa, là do những « sai lầm » trong chính sách của đảng, do những sự xung đột, v.v. mà ra, trong khi nguyên nhân của tất cả là ở chỗ kém học vấn, không có văn hóa. Các đồng chí muốn làm cho nước nhà thành một nước tiên tiến, về mặt chế độ Nhà nước, thì các đồng chí hãy nâng cao trình độ học vấn của nhân dân, nâng cao trình độ văn hóa của đất nước, mà các việc khác rồi cũng sẽ làm được tất.

Nếu ta xét vấn đề theo giác độ đó, và nếu đánh giá tình hình các nước cộng hòa căn cứ vào những báo cáo đó, thì phải thừa nhận rằng tình hình của Tuốc-ke-stan, tình hình hiện nay ở đó rất không tốt đẹp, rất đáng lo ngại. Văn hóa

lạc hậu, tỷ lệ người mù chữ hết sức cao ; cơ quan Nhà nước thoát ly ngôn ngữ, tập quán sinh hoạt của nhân dân Tuốc-ke-stan ; tốc độ phát triển hết sức chậm : tình hình là như vậy đó. Tuy nhiên rõ ràng là trong tất cả các nước cộng hòa xô-viết thì Tuốc-ke-stan là một nước cộng hòa quan trọng nhất đối với sự phát triển của cách mạng ở phương Đông, không những vì Tuốc-ke-stan là một tổng hợp những dân tộc có các mối liên hệ chặt chẽ nhất với phương Đông, mà còn vì, do vị trí địa dư của mình, Tuốc-ke-stan nằm chính giữa lòng phương Đông là nơi bị bóc lột nặng nề nhất và là nơi chứa chất đến mức tối đa những chất nổ cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Vì thế mà Tuốc-ke-stan hiện nay là nơi yếu nhất của Chính quyền xô-viết. Nhiệm vụ của chúng ta là phải biến Tuốc-ke-stan thành một nước cộng hòa kiểu mẫu, một tiền đồn của sự phát triển cách mạng ở phương Đông. Chính vì vậy phải tập trung chú ý đến Tuốc-ke-stan về mặt nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng, dân tộc hóa bộ máy Nhà nước và vân vân. Nhiệm vụ đó, vô luận thế nào, chúng ta cũng phải làm cho kỳ được, không tiếc sức, không ngại hy sinh.

Phải coi U-cơ-ren là nơi yếu thứ hai của Chính quyền xô-viết. Về mặt văn hóa, trình độ biết đọc biết viết, v.v., tình hình U-cơ-ren cũng giống hay gần giống như Tuốc-ke-stan. Ở đó, bộ máy Nhà nước cũng thoát ly ngôn ngữ và tập quán sinh hoạt của nhân dân như ở Tuốc-ke-stan. Trong lúc đó thì U-cơ-ren cũng quan trọng đối với những dân tộc phương Tây như Tuốc-ke-stan đối với những dân tộc phương Đông. Hơn nữa tình hình U-cơ-ren còn trở nên phức tạp do một số đặc điểm của sự phát triển công nghiệp trong nước. Vấn đề là ở chỗ những ngành công nghiệp chủ yếu, ngành mỏ và luyện kim, không phải xuất hiện từ dưới, không phải do sự phát triển tự nhiên của nền kinh tế quốc dân sản sinh ra, mà là do

bên trên tạo ra, do đưa vào, do du nhập một cách giả tạo từ ngoài vào. Bởi vậy giai cấp vô sản của những ngành công nghiệp đó không phải là người gốc ở địa phương và không nói tiếng U-cơ-ren. Do đó mà ảnh hưởng văn hóa của thành thị đối với nông thôn và liên minh công nông đã gặp nhiều khó khăn hơn vì có sự khác nhau đó trong thành phần dân tộc của giai cấp vô sản và nông dân. Phải tính đến điều đó, khi cố gắng biến U-cơ-ren thành một nước cộng hòa kiểu mẫu, mà nhất định U-cơ-ren phải thành một nước cộng hòa kiểu mẫu vì nó rất quan trọng đối với những dân tộc phương Tây.

Bây giờ tôi xin nói đến những báo cáo về Khô-re-dơ-mơ và Bu-kha-ra. Tôi không nói về Khô-re-dơ-mơ, vì đại biểu của nước đó không có mặt ở đây : chỉ căn cứ vào tài liệu mà Ban Chấp hành trung ương hiện có thì làm thế nào mà phê phán được công tác của Đảng cộng sản và Chính phủ Khô-re-dơ-mơ ? Điều mà Bơ-rô-i-đô nói ở đây về Khô-re-dơ-mơ thì đã qua rồi và không liên quan gì mấy đến tình hình hiện tại cả. Đồng chí ấy đã nói là đảng gồm có 50% là thương nhân, v.v.. Trong quá khứ, có thể như vậy thật, nhưng hiện nay đang có cuộc thanh trừ trong đảng ; ở đó không phát một « thẻ đảng viên thống nhất » nào ; nói cho đúng ra, hiện nay ở đó không có đảng, chỉ sau khi thanh đảng xong rồi thì mới có thể nói đến đảng được. Người ta bảo rằng đảng ở đó có hàng nghìn đảng viên. Tôi thiết tưởng sau khi thanh đảng, chỉ còn lại vài trăm là nhiều lắm. Năm ngoái, ở Bu-kha-ra, tình hình cũng hệt như vậy ; trước khi thanh đảng, ở đó có 16 nghìn đảng viên, nhưng sau khi thanh đảng thì còn lại không được trên một nghìn.

Bây giờ, tôi nói đến bản báo cáo về Bu-kha-ra. Nói về Bu-kha-ra, thì trước hết tôi cần nói vài lời về tinh thần chung và tính chất của những báo cáo chúng ta đã nghe. Tôi cho rằng nói chung những báo cáo về các nước cộng hòa và các khu

đều xác thực, và nói chung các báo cáo đó không thoát ly thực tế. Chỉ có độc một báo cáo là hoàn toàn không đúng thực tế : đó là bản báo cáo về Bu-kha-ra. Thậm chí đó không phải là một bản báo cáo nữa mà là những lời nói ngoại giao từ đầu chí cuối : tất cả những cái gì không tốt ở Bu-kha-ra đều bị làm mờ đi, bị che giấu đi, tất cả những gì có vẻ hào nhoáng và dễ thấy thì đều được đưa lên hàng đầu, đều được chưng bày ra. Kết luận : ở Bu-kha-ra, cái gì cũng đều tốt cả. Tôi thiết tưởng chúng ta đến hội nghị này không phải để trổ tài ngoại giao, để tỏ ra dễ thương đối với nhau, nhưng sau lưng lại muốn sỏ mũi lẫn nhau, mà là để nói lên tất cả sự thật, vạch ra tất cả những ung nhọt — đúng theo tinh thần của những người cộng sản —, để phơi trần những ung nhọt đó ra và tìm ra những phương pháp sửa chữa. Chỉ có như vậy thì chúng ta mới có thể tiến lên được. Về mặt đó, bản báo cáo của Bu-kha-ra khác tất cả những bản báo cáo ở chỗ nó có tính dối trá. Không phải ngẫu nhiên mà ở đây, tôi đã hỏi báo cáo viên về thành phần của Xô-viết Na-dia ở Bu-kha-ra. Xô-viết Na-dia là Hội đồng dân ủy. Trong Xô-viết đó có những « đê can », tức là nông dân, không ? Báo cáo viên không trả lời. Nhưng theo tôi biết thì không có lấy một nông dân nào trong chính phủ Bu-kha-ra. Trong số chín hay mười một ủy viên, có một người là con của phú thương, một thương nhân, một trí thức, một mu-la, một thương nhân, một trí thức, lại một thương nhân nữa, nhưng không có lấy một nông dân nào. Vậy mà mọi người đều biết rằng Bu-kha-ra là một nước hoàn toàn nông dân.

Vấn đề đó có quan hệ trực tiếp với vấn đề chính sách của chính phủ Bu-kha-ra. Chính sách của chính phủ đó — một chính phủ đứng đầu là những người cộng sản — là như thế nào ? Nó có quan tâm đến lợi ích của nông dân, của nông dân của mình không ? Tôi chỉ xin nêu ra hai sự kiện minh họa

cho chính sách của chính phủ đó, một chính phủ đứng đầu là những người cộng sản. Qua một tài liệu do một số đồng chí giữ những trách nhiệm cao và những người cộng sản lão thành ký tên, ta có thể thấy, chẳng hạn, ngân hàng quốc gia Bu-kha-ra, từ khi thành lập, đã cho các tư thương vay 75% quỹ tín dụng của nó, còn các hợp tác xã của nông dân thì được vay 2%. Theo số liệu tuyệt đối thì là như sau : bảy triệu rúp vàng cho thương nhân và 22 vạn cho nông dân. Một việc khác nữa : ở Bu-kha-ra, người ta không tịch thu ruộng đất. Nhưng người ta đã tịch thu súc vật của tù trưởng... để chia cho nông dân. Kết quả ra sao ? Cũng theo tài liệu đó thì thấy rằng đã tịch thu được chừng 2 nghìn con để chia cho nông dân, nhưng nông dân lại chỉ nhận được khoảng 200 con thôi, số còn lại thì đem bán, — dĩ nhiên là bán cho những kẻ giàu có.

Thế mà Chính phủ đó lại tự xưng là chính phủ xô-viết, chính phủ nhân dân đấy! Vị tất đã cần phải chứng minh rằng trong những hoạt động của chính phủ Bu-kha-ra, như chúng ta vừa nói trên đây, không có cái gì là nhân dân, là xô-viết cả.

Báo cáo viên đã mô tả một cách rất vui mừng về những mối quan hệ giữa nhân dân Bu-kha-ra với nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga và với Liên minh các nước cộng hòa. Cứ theo báo cáo viên, thì về mặt này nữa, mọi điều đều tốt đẹp cả. Hình như nước cộng hòa Bu-kha-ra muốn gia nhập Liên minh. Rõ ràng là báo cáo viên cho rằng chỉ cần muốn gia nhập Liên minh các nước cộng hòa là người ta sẽ mở rộng cửa ra đón mình. Không, thưa các đồng chí, vấn đề không phải đơn giản như vậy. Cũng cần phải hỏi xem người ta có nhận cho mình gia nhập Liên minh các nước cộng hòa không? Để có thể gia nhập Liên minh, trước hết phải được các dân tộc trong Liên minh công nhận là mình xứng đáng

có quyền gia nhập và phải giành được quyền đó. Tôi cần phải nhắc các đồng chí ở Bu-kha-ra rằng người ta không thể coi Liên minh các nước cộng hòa như một nơi đồ rác.

Cuối cùng, khi kết thúc phần thứ nhất của lời kết luận của tôi về các báo cáo, tôi muốn nói đến một trong những đặc điểm của những báo cáo đó. Không một ai, không một báo cáo viên nào đã trả lời câu hỏi nêu ra trong chương trình nghị sự của hội nghị : liệu còn có những lực lượng dự trữ trong cán bộ địa phương chưa được sử dụng đến không ? Không một ai đã trả lời câu hỏi đó, không một ai đề cập đến vấn đề đó, trừ Gơ-rin-cô, nhưng Gơ-rin-cô không phải là báo cáo viên. Thế mà vấn đề đó lại có tầm quan trọng bậc nhất. Trong các nước cộng hòa hoặc các khu, có những lực lượng cán bộ người địa phương chưa được sử dụng đến không ? Nếu có, thì tại sao lại không dùng họ ? Nếu không có, nếu vẫn thiếu cán bộ, thì người ta lấp những chỗ trống trong các cơ quan của đảng và của Chính quyền xô-viết bằng những phần tử nào ở địa phương ? Tất cả những vấn đề đó là những vấn đề quan trọng nhất đối với đảng. Tôi biết rằng trong các nước cộng hòa và các khu, có những nhà lãnh đạo, chủ yếu là người Nga, đôi khi phản đối việc đề bạt người địa phương, ngăn cản việc đề bạt họ lên những chức vụ nhất định, đẩy họ xuống hàng thứ yếu. Điều đó đã xảy ra và điều đó là một trong những nguyên nhân gây ra sự bất mãn trong các nước cộng hòa và các khu. Nhưng nguyên nhân lớn và chủ yếu gây ra sự bất mãn là ở chỗ lực lượng dự trữ những người địa phương có khả năng công tác thì hết sức nhỏ bé hoặc nói cho đúng hơn là không có. Tất cả vấn đề là ở chỗ đó. Nếu thiếu cán bộ địa phương, thì hiển nhiên là phải dùng đến những người ở địa phương khác, những người thuộc các dân tộc khác, vì thời gian đòi hỏi, vì phải kiến thiết và quản lý, và vì lực lượng cán bộ địa phương chỉ tăng lên một cách chậm chạp. Tôi cho rằng ở đây

các cán bộ các khu và các nước cộng hòa không đề cập đến vấn đề đó là vì muốn chơi khôn một chút. Nhưng rõ ràng là chín phần mười những sự hiểu lầm là do thiếu cán bộ người địa phương mà ra. Từ đó chỉ có thể rút ra một kết luận như sau : trao cho đảng nhiệm vụ đào tạo thật gấp rút những cán bộ người địa phương cho Chính quyền xô-viết và cho đảng, coi đó là một nhiệm vụ chiến đấu.

Sau khi nói về các báo cáo, bây giờ tôi nói đến những tham luận. Thưa các đồng chí, tôi nhận thấy rằng không một ai, không một diễn giả nào phê phán phần có tính chất nguyên tắc của bản dự thảo cương lĩnh do Bộ Chính trị đưa ra. (*Có tiếng nói* : « khó mà phê phán được »). Tôi cho rằng đó là một bằng chứng nói lên rằng hội nghị tán thành, đồng ý những luận điểm trình bày trong phần có tính chất nguyên tắc của cương lĩnh. (*Nhiều người nói* : « Đúng »).

Điều bổ sung hoặc điều thêm vào, mà Tơ-rốt-ski đã đề nghị và đã nói đến (nó có liên quan đến phần có tính chất nguyên tắc) cần được chấp nhận, vì điều đó hoàn toàn không làm thay đổi gì về tính chất của phần đó của nghị quyết cả, hơn nữa nó lại là kết quả tự nhiên của phần đó. Vả lại, về thực chất, điều bổ sung của Tơ-rốt-ski chỉ là nhắc lại điểm mà ai cũng biết trong nghị quyết của đại hội X về vấn đề dân tộc, trong đó có nói rằng không thể chấp nhận việc du nhập một cách máy móc những khuôn mẫu của Pê-tơ-gô-gơ-rát và Mạc-tư-khoa vào các khu và các nước cộng hòa. Dĩ nhiên, đó là một điều lắp lại, nhưng tôi cho rằng đôi khi lắp lại một vài điều nào đó cũng không hại gì. Do đó tôi không có ý muốn nói nhiều về phần có tính chất nguyên tắc của nghị quyết. Tham luận của Scơ-rúp-ních đưa ra một vài kết luận khiến chúng ta thấy rằng đồng chí đó giải thích phần ấy theo cách nhìn của mình, và đứng trước nhiệm vụ cơ bản là đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh đại Nga, tức là mối nguy cơ

chủ yếu, thì đồng chí ấy cố gắng làm lu mờ mối nguy cơ kia đi, tức là chủ nghĩa dân tộc địa phương. Nhưng giải thích như vậy là hết sức sai lầm.

Phần thứ hai của cương lĩnh của Bộ Chính trị có liên quan đến tính chất của Liên minh các nước cộng hòa và đến một số ý kiến sửa đổi Hiến pháp của Liên minh các nước cộng hòa về điểm thiết lập cái gọi là viện thứ hai. Tôi cần nói rằng về điểm đó, Bộ Chính trị không hoàn toàn đồng ý với các đồng chí U-cơ-ren. Các điểm trong dự án cương lĩnh của Bộ Chính trị đã được Bộ Chính trị nhất trí thông qua. Nhưng có một số điểm bị Ra-cốp-ski phản đối. Điều đó cũng đã phát sinh ở tiểu ban của hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương. Có lẽ không nên nói điều ấy ở đây, vì đây không phải là nơi mà vấn đề đó sẽ được giải quyết. Tôi đã nói về phần đó của cương lĩnh ; tôi đã nói rằng vấn đề đã được nghiên cứu trong tiểu ban của hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương và trong tiểu ban của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh[78]. Nhưng vì vấn đề đã được nêu lên, nên tôi không thể không nói tới.

Nếu cho vấn đề liên hiệp và liên bang chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt thì là không đúng. Phải chăng là ngẫu nhiên khi xét dự án Hiến pháp nói đó, Hiến pháp đã được đại hội của Liên minh các nước cộng hòa thông qua, các đồng chí U-cơ-ren đã xóa câu nói rằng các nước cộng hòa « liên hợp lại thành một quốc gia liên minh » ? Phải chăng đó là ngẫu nhiên và phải chăng họ đã không làm như vậy ? Tại sao lại xóa bỏ câu đó đi ? Phải chăng cũng là ngẫu nhiên khi các đồng chí U-cơ-ren, trong bản phản dự án của mình, đã đề nghị không cần đặt những Bộ dân ủy Ngoại thương và Ngoại giao là những bộ thống nhất, mà là những bộ trực thuộc ? Nếu mỗi nước cộng hòa đều có những Bộ dân ủy Ngoại giao và Ngoại thương riêng của mình, thì quốc gia liên minh thống nhất đó là ở chỗ

nào? Phải chăng là ngẫu nhiên mà trong bản phản dự án của mình, các đồng chí U-cơ-ren đã xóa bỏ hết quyền hạn của Đoàn chủ tịch của Ban Chấp hành trung ương bằng cách chia quyền hạn đó cho hai đoàn chủ tịch của hai viện? Tất cả những ý kiến sửa đổi đó của Ra-cốp-ski đã được tiểu ban của hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương ghi lại và nghiên cứu, và đã bị tiểu ban bác bỏ. Thế thì tại sao lại còn lắp lại những ý kiến đó ở đây nữa? Tôi thấy rằng sở dĩ một số đồng chí U-cơ-ren kiên trì những ý kiến đó, là vì trong việc định nghĩa tính chất của Liên minh, họ muốn đạt được một cái gì ở giữa liên hiệp và liên bang, nhưng lại nghiêng về phía liên hiệp hơn. Nhưng rõ ràng là chúng ta không thành lập một liên hiệp, mà thành lập một liên bang các nước cộng hòa, một quốc gia liên minh thống nhất quản lý về quân đội, ngoại giao, ngoại thương và các công việc khác, nhưng sự tồn tại của quốc gia đó lại không thu hẹp chủ quyền của mỗi nước cộng hòa.

Nếu Liên minh có những Bộ dân ủy Ngoại giao, Ngoại thương và vân vân, và nếu mỗi nước cộng hòa nằm trong Liên minh cũng có những bộ dân ủy đó, thì rõ ràng là Liên minh không còn là một quốc gia thống nhất đối với các nước ngoài nữa. Thật vậy, phải chọn một trong hai con đường: hoặc là chúng ta thống nhất các bộ máy đó lại và chúng ta là một Liên minh thống nhất đối với kẻ địch bên ngoài; hoặc là chúng ta không thống nhất các bộ máy ấy lại, chúng ta sẽ không thành lập một quốc gia liên minh mà là một thể hỗn hợp gồm những nước cộng hòa, và như vậy mỗi nước cộng hòa sẽ có một bộ máy tương đương của mình. Tôi thiết tưởng ở đây chân lý là ở phía đồng chí Ma-nu-in-ski, chứ không phải ở phía Ra-cốp-ski và Scô-rúp-ních.

Tôi đã nói xong những vấn đề có liên quan đến Nhà nước, bây giờ tôi xin nói đến những vấn đề có một tính chất thuần

túy cụ thể và thực tiễn, có liên quan một phần đến đề nghị thực tiễn của Bộ Chính trị, và một phần đến những đề nghị sửa đổi mà các đồng chí làm công tác thực tiễn có thể đề ra ở đây. Với tư cách là báo cáo viên của Bộ Chính trị, tôi không nói và không thể nói rằng những đề nghị thực tiễn, cụ thể, của Bộ Chính trị là đầy đủ rồi. Trái lại, ngay từ đầu, tôi đã thừa nhận rằng những đề nghị đó có thể có thiếu sót, rằng nhất định cần phải bổ sung thêm. Scô-rúp-ních đã đề nghị một điều bổ sung như vậy trong vấn đề công đoàn. Điều bổ sung đó có thể chấp nhận được. Tôi cũng thừa nhận nhiều điều bổ sung do đồng chí Mi-cai-an đưa ra. Về vấn đề quỹ dùng cho xuất bản và báo chí nói chung trong một số nước cộng hòa và khu chậm tiến, thì thực ra cần phải sửa đổi. Vấn đề đó đã bị coi nhẹ. Đối với vấn đề trường học trong một số khu và thậm chí trong một số nước cộng hòa, thì cũng vậy. Trường cấp một không được ghi trong ngân sách Nhà nước. Đó thật rõ ràng một thiếu sót, và có thể có vô số thiếu sót như vậy. Vì vậy tôi đề nghị các đồng chí làm công tác thực tiễn, những đồng chí thường nói nhiều đến tình trạng của các tổ chức của họ và ít chú ý đưa ra một cái gì cụ thể, là nên nghĩ đến vấn đề đó và trình Ban Chấp hành trung ương những điều bổ sung, sửa đổi, v.v., cụ thể, cần thiết ; sau khi đã tập hợp chỉnh lý những ý kiến đó lại, Ban Chấp hành trung ương sẽ đưa những ý kiến đó vào những điểm hữu quan và sẽ thông báo cho các tổ chức biết.

Tôi không thể không nói đến một trong những đề nghị của Gơ-rin-cô muốn rằng cần phải tạo những điều kiện ưu đãi để cho những người địa phương có trình độ văn hóa thấp và thuộc những dân tộc có thể là có ít vô sản, được dễ dàng kết nạp vào đảng và đề bạt vào những cơ quan lãnh đạo. Đề nghị này đúng và theo tôi, cần chấp nhận.

Tôi xin kết thúc lời kết luận của tôi bằng đề nghị như sau : thông qua dự án cương lĩnh của Bộ Chính trị về vấn đề dân tộc để làm cơ sở, đồng thời cũng xem xét điểm sửa đổi của Tơ-rốt-ski ; yêu cầu Ban Chấp hành trung ương xếp và đưa vào những điểm hữu quan của cương lĩnh, những điều sửa đổi có tính chất thực tiễn đã nhận được hoặc có thể sẽ nhận được ; yêu cầu Ban Chấp hành trung ương, sau đây một tuần, cho in và phân phát cho các tổ chức bản dự án cương lĩnh, những biên bản, nghị quyết, những tài liệu quan trọng nhất do các báo cáo viên trao lại ; thông qua bản dự án cương lĩnh mà không cần thành lập một tiểu ban chuyên trách nữa.

Tôi không nói đến vấn đề thành lập một tiểu ban về vấn đề dân tộc trực thuộc Ban Chấp hành trung ương. Thưa các đồng chí, tôi hơi hoài nghi không biết thành lập một tổ chức như vậy thì có thích đáng không, trước hết là vì hoàn toàn chắc chắn rằng các nước cộng hòa và các khu sẽ không cho chúng ta những cán bộ xuất sắc cần thiết để làm việc đó. Tôi chắc như vậy. Hai là tôi thiết tưởng những ban chấp hành khu và ban chấp hành trung ương các nước cộng hòa sẽ không đồng ý trao cho tiểu ban trực thuộc Ban Chấp hành trung ương một phần quyền hạn của mình trong việc phân phối cán bộ. Hiện nay, khi chúng ta tiến hành phân phối lực lượng, chúng ta thường hỏi ý kiến các ban chấp hành khu và các ban chấp hành các nước cộng hòa. Trong trường hợp thành lập tiểu ban, thì tự nhiên là trọng tâm sẽ chuyền vào đó. Không có một chút gì là giống nhau giữa tiểu ban vấn đề dân tộc và những tiểu ban hợp tác xã hay tiểu ban công tác nông thôn. Những tiểu ban hợp tác xã và công tác nông thôn thường thảo ra những chỉ thị chung. Nhưng đối với vấn đề dân tộc, thì chúng ta không cần đến những chỉ thị chung ; điều cần đến là đề ra những biện pháp cụ thể phải tiến hành trong từng nước cộng hòa, trong từng khu một. Đó là điều

mà không một tiểu ban chung nào có khả năng làm được. Không chắc một tiểu ban lại có thể thảo ra và thông qua những quyết định cho nước cộng hòa U-cơ-ren chẳng hạn, vì hai hay ba đồng chí U-cơ-ren không thể thay thế được Ban Chấp hành trung ương của Đảng cộng sản (b) U-cơ-ren. Vì vậy, tôi cho rằng một tiểu ban sẽ không đem lại kết quả đáng kể. Theo tôi thì biện pháp đề nghị ở đây — đưa những người dân tộc vào những ban chủ yếu của Ban Chấp hành trung ương —là hoàn toàn đầy đủ trong lúc này. Nếu sáu tháng sau mà không thu được kết quả đáng kể, thì lúc đó có thể đặt vấn đề thành lập một tiểu ban chuyên trách.

5. TRẢ LỜI NHỮNG THAM LUẬN

12 tháng Sáu

Vì tôi đã bị tấn công (*có tiếng cười*), nên tôi xin phép trả lời về vấn đề « chính thể thống nhất không thể phân chia được ». Không phải ai khác mà chính là Sta-lin đã lên án cái cách nói « chính thể thống nhất không thể phân chia được » trong nghị quyết về vấn đề dân tộc, điểm 8. Hoàn toàn rõ ràng trong lúc này, lúc mà các đồng chí U-cơ-ren muốn chúng ta phải nhận một liên hiệp thì vấn đề không phải là « không thể phân chia được » mà là liên bang. Đó là vấn đề thứ nhất.

Vấn đề thứ hai có liên quan đến Ra-cốp-ski. Tôi xin nhắc lại điều tôi đã nói : trong Hiến pháp đã được thông qua tại đại hội I các Xô-viết toàn Liên-xô, có nói là những nước cộng hòa này và những nước cộng hòa nọ « ***liên hợp lại thành một quốc gia liên minh*** » : « Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ». Các đồng chí U-cơ-ren đã đưa cho Ban Chấp hành trung ương một bản phản dự án. Bản đó nói : những nước cộng hòa này và những nước cộng hòa nọ « ***hợp thành một liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** ». Những chữ « liên hợp lại thành một quốc gia liên minh » đã bị xóa bỏ. Bốn chữ bị xóa bỏ. Tại sao ? Ngẫu nhiên chăng ? Thế thì liên bang ở chỗ nào ? Tôi còn thấy Ra-cốp-ski có mầm mống của chủ nghĩa liên hiệp vì đồng chí ấy đã xóa bỏ một đoạn trong tiết mà ai nấy đều biết của bản Hiến pháp đã được đại hội I thông qua, đoạn nói rằng Đoàn chủ tịch « là người nắm quyền lực tối cao trong thời kỳ giữa hai phiên họp » và vì đồng chí ấy đã đem chia quyền hạn cho các đoàn chủ tịch

của hai viện, nghĩa là đồng chí ấy đã biến quyền lực của liên minh thành hão huyền. Tại sao đồng chí ấy đã làm như vậy ? Vì đồng chí ấy phản đối tư tưởng thành lập quốc gia liên minh, phản đối việc thành lập chính quyền liên minh thật sự. Đó là vấn đề thứ hai.

Điểm thứ ba : trong dự án của các đồng chí U-cơ-ren, những Bộ dân ủy Ngoại giao và Ngoại thương không phải là các bộ thống nhất, mà trở thành những bộ trực thuộc.

Đó là ba lý do khiến tôi thấy trong những đề nghị của Ra-cốp-ski có những mầm mống của chủ nghĩa liên hiệp. Vì sao đồng chí lại xa rời văn bản của bản Hiến pháp như vậy, chính đoàn đại biểu U-cơ-ren cũng đã thông qua văn bản đó ? (*Ra-cốp-ski nói* : « Đã có đại hội XII rồi »).

Xin lỗi. Đại hội XII đã bác bỏ những điểm sửa đổi của đồng chí và đã thông qua câu : « liên hợp các nước cộng hòa thành một quốc gia liên minh ».

Tôi nhận thấy rằng trong thời kỳ từ đại hội I của Liên minh các nước cộng hòa đến đại hội XII của đảng và đến đại hội này, một số đồng chí U-cơ-ren đã đi từ chủ nghĩa liên bang đến chủ nghĩa liên hiệp. Còn tôi, tôi tán thành liên bang, nghĩa là phản đối liên hiệp, nghĩa là phản đối những đề nghị của Ra-cốp-ski và của Scơ-rúp-ních.

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ VẤN ĐỀ CÁC TẦNG LỚP TRUNG GIAN

Vấn đề các tầng lớp trung gian chắc chắn là một trong những vấn đề cơ bản của cách mạng công nhân. Những tầng lớp trung gian là nông dân và người lao động nhỏ thành thị. Ở đây còn phải kề cả những dân tộc bị áp bức mà chín phần mười là thuộc những tầng lớp trung gian. Như các đồng chí thấy, đó là những tầng lớp mà do địa vị kinh tế của họ, họ đứng ở giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư bản. Tính chất trọng yếu của các tầng lớp ấy là do hai hoàn cảnh dưới đây quyết định : một là những tầng lớp ấy chiếm đa số, hay dù sao thì cũng chiếm một thiểu số lớn trong dân số các nước hiện nay; hai là, họ là những lực lượng dự trữ quan trọng trong đó giai cấp tư sản tuyền mộ đạo quân của nó đề chống lại giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản không thề giữ được chính quyền, nếu không được sự đồng tình và ủng hộ của các tầng lớp trung gian, trước hết là của nông dân, nhất là trong một nước như Liên minh các nước cộng hòa chúng ta. Thậm chí giai cấp vô sản không thề thực sự nghĩ đến việc giành chính quyền được, nếu ít ra, nó vẫn chưa trung lập được những tầng lớp đó nếu những tầng lớp đó chưa tách ra khỏi giai cấp tư bản và nếu đại bộ phận của những tầng lớp đó vẫn còn là đạo quân của tư bản. Do đó mà có cuộc đấu tranh đề tranh thủ những tầng lớp trung gian, đề tranh thủ nông dân, cuộc đấu tranh đó như sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ cuộc cách mạng của chúng

ta, từ 1905 đến 1917, cuộc đấu tranh đó vẫn còn lâu mới chấm dứt và sẽ còn tiếp tục trong tương lai.

Một trong những lý do làm cho cuộc cách mạng 1848 ở Pháp thất bại là cuộc cách mạng ấy không được nông dân Pháp đồng tình hưởng ứng. Một trong những lý do làm cho Công xã Pa-ri thất bại là Công xã đã vấp phải sự đề kháng của các tầng lớp trung gian, trước hết là của nông dân. Cuộc cách mạng Nga 1905 thất bại, cũng chính vì thế.

Có một số người mác-xít tầm thường, đứng đầu là Cau-sky, căn cứ vào kinh nghiệm các cuộc cách mạng của châu Âu, đã kết luận rằng các tầng lớp trung gian và trước hết là nông dân, đều gần như là những kẻ thù sinh ra từ cuộc cách mạng công nhân ; rằng do đó phải có một thời kỳ phát triển lâu dài hơn nữa mới làm cho giai cấp vô sản trở thành đa số trong các dân tộc, khiến cho có được những điều kiện thực tế để cách mạng công nhân thành công. Căn cứ vào kết luận đó, những người mác-xít tầm thường ấy đã báo trước cho giai cấp vô sản không nên phát động cách mạng « quá sớm ». Căn cứ vào kết luận ấy và lấy « lý do về nguyên tắc », họ đã để cho tư bản hoàn toàn nắm lấy những tầng lớp trung gian. Căn cứ vào kết luận ấy, họ đã tiên đoán với chúng ta rằng Cách mạng tháng Mười ở Nga sẽ thất bại, viện lẽ rằng giai cấp vô sản ở Nga là thiểu số, rằng nước Nga là một nước nông dân, và do đó, cách mạng công nhân ở Nga không thể nào thành công được.

Điều đáng chú ý là chính Mác đã có một nhận định khác hẳn về những tầng lớp trung gian, và trước hết là về nông dân. Trong khi những người mác-xít tầm thường khinh miệt nông dân và bỏ mặc họ cho tư bản hoàn toàn chi phối về mặt chính trị, mà còn khoe khoang ầm ĩ lên rằng mình « cương quyết về nguyên tắc », thì Mác, nhà mác-xít có tính nguyên tắc

nhất trong số những người mác-xít, lại kiên nhẫn khuyên nhủ đảng cộng sản không nên bỏ qua nông dân, phải tranh thủ nông dân đứng về phía giai cấp vô sản và bảo đảm được sự ủng hộ của họ trong cuộc cách mạng vô sản sắp tới. Chúng ta biết rằng trong những năm 1850-1860, sau khi cách mạng tháng Hai ở Pháp và ở Đức thất bại, Mác đã viết cho Ăng-ghen, và, thông qua Ăng-ghen mà viết cho Đảng cộng sản Đức rằng :

« Toàn bộ tình hình ở Đức sẽ tùy thuộc ở khả năng ủng hộ cách mạng vô sản, có thể nói là bằng cách tái diễn cuộc chiến tranh nông dân »[79].

Câu đó nói về nước Đức trong những năm 1850-1860, một nước nông dân, trong đó giai cấp vô sản là thiểu số rất nhỏ bé, và ít được tổ chức hơn giai cấp vô sản Nga năm 1917, còn nông dân, do địa vị của họ, lại không sẵn sàng ủng hộ cách mạng vô sản như là nông dân Nga năm 1917.

Chắc chắn Cách mạng tháng Mười là sự kết hợp tài tình ấy giữa « chiến tranh nông dân » với « cách mạng vô sản », sự kết hợp mà Mác đã nói trong khi phản đối tất cả những bọn ba hoa « có tính nguyên tắc ». Cách mạng tháng Mười đã chứng minh rằng một sự kết hợp như thế là có thể có được và có thể thực hiện được. Cách mạng tháng Mười đã chứng minh rằng giai cấp vô sản có thể giành được chính quyền và giữ chính quyền, nếu nó biết tách những tầng lớp trung gian, và trước hết là nông dân, ra khỏi giai cấp bọn tư bản, nếu nó biết biến những tầng lớp ấy, vốn là những lực lượng dự trữ của tư bản, thành những lực lượng dự trữ của giai cấp vô sản.

Tóm lại, Cách mạng tháng Mười là cuộc cách mạng đầu tiên trong tất cả các cuộc cách mạng trên thế giới đã đặt lên hàng đầu vấn đề các tầng lớp trung gian, và trước hết vấn đề nông dân, và đã giải quyết vấn đề ấy một cách thắng lợi, bất chấp

tất cả những « lý thuyết » và lời kêu rên của các tay anh hùng của Quốc tế II.

Đấy là công lao đầu tiên của Cách mạng tháng Mười, nếu như, trong trường hợp này, có thể nói đến công lao.

Nhưng vấn đề không giới hạn ở đó. Cách mạng tháng Mười còn đi xa hơn nữa, nó đã ra sức tập hợp những dân tộc bị áp bức chung quanh giai cấp vô sản. Như trên kia đã nói, chín phần mười dân số của những dân tộc ấy là nông dân và người lao động nhỏ thành thị. Nhưng khái niệm « dân tộc bị áp bức » không phải chỉ đóng khung trong đó. Những dân tộc bị áp bức thường thường không phải chỉ về mặt là nông dân và người lao động nhỏ thành thị, mà còn về mặt là dân tộc, tức là những người lao động thuộc một dân tộc nhất định nào đó, có ngôn ngữ, văn hóa, lề lối sinh hoạt, phong tục và tập quán của họ. Hai tầng áp bức ấy không thể không cách mạng hóa quần chúng lao động trong các dân tộc bị áp bức, không thể không đầy họ đến chỗ đấu tranh chống lại lực lượng áp bức chủ yếu, đấu tranh chống lại tư bản. Chính tình hình đó đã tạo cơ sở cho giai cấp vô sản thực hiện được sự kết hợp giữa « cách mạng vô sản » không những với « chiến tranh nông dân » mà cả với « chiến tranh dân tộc » nữa. Tất cả những cái đó không thể không làm cho phạm vi ảnh hưởng của cách mạng vô sản lan rộng ra ngoài biên giới nước Nga, và đang uy hiếp những lực lượng dự trữ sâu xa nhất của tư bản. Nếu cuộc đấu tranh giành những tầng lớp trung gian của một dân tộc thống trị là một cuộc đấu tranh giành những lực lượng dự trữ gần gũi nhất của tư bản, thì cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức nhất định phải trở thành một cuộc đấu tranh giành những lực lượng dự trữ sâu xa nhất của tư bản, thành một cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa và các dân tộc không có đầy đủ quyền, khỏi ách tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giải phóng này còn lâu mới chấm dứt ;

hơn nữa, nó vẫn chưa thu được những thắng lợi quyết định đầu tiên. Nhưng nhờ có Cách mạng tháng Mười, cuộc đấu tranh để giành những lực lượng dự trữ sâu xa ấy đã bắt đầu và chắc chắn là nó sẽ dần dần phát triển cùng với sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc, cùng với thế lực ngày càng lớn mạnh của Liên minh các nước cộng hòa của chúng ta và cùng với sự phát triển của cách mạng vô sản phương Tây.

Tóm lại, Cách mạng tháng Mười đã thực sự đánh dấu bước đầu cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để giành lấy những lực lượng dự trữ sâu xa ấy của tư bản, tức là quần chúng nhân dân các nước bị áp bức và không có đầy đủ quyền ; nó là cuộc cách mạng đầu tiên đã giương cao ngọn cờ đấu tranh giành những lực lượng dự trữ ấy : đó là công lao thứ hai của Cách mạng tháng Mười.

Việc tranh thủ nông dân trong nước chúng ta đã được tiến hành dưới ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội. Nông dân là người đã nhận được ruộng đất do giai cấp vô sản đưa lại, đã nhờ sự giúp đỡ của giai cấp vô sản mà đánh bại được bọn đại địa chủ và đã vươn lên nắm chính quyền dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, nên nhất định phải cảm thấy, nhất định phải hiểu rằng công cuộc giải phóng nông dân đang được tiến hành và còn tiếp tục tiến hành dưới ngọn cờ của giai cấp vô sản, dưới ngọn cờ đỏ của giai cấp vô sản. Tình hình đó nhất định phải biến ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ trước kia đã từng bị người ta đưa ra để dọa nông dân, thành ngọn cờ được họ chú ý và giúp họ dễ dàng thực hiện được công cuộc giải phóng bản thân khỏi cảnh ngu muội, cùng khổ, áp bức.

Đối với các dân tộc bị áp bức, cũng phải nói như thế, nhưng còn phải nhấn mạnh hơn nữa. Lời kêu gọi đấu tranh giải phóng dân tộc, — lời kêu gọi đã được xác nhận bằng những sự việc như giải phóng Phần-lan, rút quân đội khỏi Ba-tư

và Trung-quốc, thành lập Liên minh các nước cộng hòa, công khai ủng hộ về mặt tinh thần nhân dân Thổ-nhĩ-kỳ, Trung-quốc, Ấn-độ, Ai-cập, — lần đầu tiên đã được những người chiến thắng trong cuộc Cách mạng tháng Mười đưa ra. Không phải ngẫu nhiên mà nước Nga, nước mà xưa kia các dân tộc bị áp bức coi là tiêu biểu của sự áp bức, ngày nay lại là ngọn cờ tiêu biểu cho sự giải phóng, sau khi trở thành nước xã hội chủ nghĩa. Cũng không phải ngẫu nhiên mà tên tuổi của đồng chí Lê-nin, vị lãnh tụ của Cách mạng tháng Mười, hiện nay là tên tuổi được trìu mến nhất đối với những nông dân bị áp bức và bị giày xéo, và của những trí thức cách mạng trong các nước thuộc địa và không có đầy đủ quyền. Nếu đạo Thiên chúa, xưa kia, được những người nô lệ bị áp bức và bị giày xéo trong đế quốc La-mã bao la coi là vị cứu tinh của mình, thì ngày nay chúng ta đang tiến tới một tình hình là chủ nghĩa xã hội có thể trở thành (và hiện nay đã bắt đầu trở thành !) ngọn cờ giải phóng cho hàng triệu người trong các nước thuộc địa mênh mông của chủ nghĩa đế quốc. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính điều ấy đã khiến cho cuộc đấu tranh chống những thiên kiến với chủ nghĩa xã hội được dễ dàng rất nhiều và đã mở đường cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa tiến vào những hang cùng ngõ hẻm trong các nước bị áp bức. Nếu trước kia, một người xã hội chủ nghĩa khó mà công khai ra mắt các tầng lớp trung gian, không vô sản trong các nước bị áp bức hay đi áp bức, thì ngày nay, người ấy có thể công khai đứng ra tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp ấy, và hy vọng được họ chú ý nghe và thậm chí đi theo mình nữa, vì người đó đã có được một lý lẽ rất mạnh là Cách mạng tháng Mười. Đó cũng là một kết quả của Cách mạng tháng Mười.

Tóm lại, Cách mạng tháng Mười đã dọn đường cho những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội có thể tiến vào các tầng lớp trung gian, các tầng lớp nông dân, không vô sản, trong tất cả các dân tộc và tất cả các bộ lạc ; nó đã làm cho ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội được họ hoan nghênh. Đó là công lao thứ ba của Cách mạng tháng Mười.

«Sự thật» số 253,
7 tháng Một 1923

Ký tên: J. Sta-lin

KỶ NIỆM LẦN THỨ NĂM NGÀY HỌP ĐẠI HỘI I CÁC NỮ CÔNG NHÂN VÀ NỮ NÔNG DÂN[80]

Cách đây năm năm, Ban Chấp hành trung ương đảng ta đã triệu tập tại Mạc-tư-khoa đại hội I các nữ công nhân và nữ nông dân toàn Nga. Đại hội gồm trên một nghìn nữ đại biểu, thay mặt cho ít nhất là một triệu nữ lao động. Đại hội đó là một cái mốc trong công tác vận động phụ nữ lao động của đảng ta. Công lao vô giá của đại hội là đã đặt cơ sở cho việc *tổ chức* giáo dục chính trị cho các nữ công nhân và nữ nông dân của nước cộng hòa chúng ta.

Có người có thể nghĩ rằng đại hội chẳng có gì là đặc biệt cả ; rằng đảng đã luôn luôn quan tâm đến việc giáo dục chính trị cho quần chúng, trong đó kể cả phụ nữ ; rằng việc giáo dục chính trị cho phụ nữ không thể có ý nghĩa lớn lao được vì chúng ta có những cán bộ đoàn kết chặt chẽ, xuất thân từ công nhân và nông dân. Lập luận như vậy, về căn bản là không đúng. Ngày nay, khi chính quyền đã thuộc về tay công nhân và nông dân, thì việc giáo dục chính trị cho các nữ lao động có một tầm quan trọng hàng đầu.

Đó là vì như sau :

Dân số nước ta gồm khoảng 140 triệu người, trong đó phụ nữ chiếm ít ra là một nửa, chủ yếu là nữ công nhân và nữ nông dân, họ bị đè nén, kém giác ngộ và dốt nát. Nếu nước ta thật sự tiến hành xây dựng một cuộc sống mới, một cuộc

sống xô-viết, thì chẳng phải hiển nhiên là phụ nữ nước ta chiếm một nửa dân số mà vẫn bị đè nén, kém giác ngộ và dốt nát thì sẽ là một hòn đá buộc chân, kìm hãm mọi bước tiến của phong trào, đó sao ?

Nữ công nhân kề vai sát cánh với nam công nhân. Họ cùng với nam công nhân tiến hành sự nghiệp chung là xây dựng nền công nghiệp nước ta. Nếu nữ công nhân giác ngộ, nếu họ được giáo dục về chính trị thì họ có thể giúp ích cho sự nghiệp chung. Nhưng nếu nữ công nhân bị đè nén dốt nát thì họ có thể làm hại sự nghiệp chung, đương nhiên không phải là vì họ có ý xấu mà là vì họ dốt nát.

Nữ nông dân kề vai sát cánh với nam nông dân. Họ cùng với nam nông dân đẩy mạnh sự nghiệp chung là phát triển nền nông nghiệp nước ta, làm cho nền nông nghiệp nước ta tiến bộ và phồn vinh. Nếu nữ nông dân thoát khỏi nạn thiếu văn hóa và dốt nát thì họ có thể giúp ích rất nhiều cho sự nghiệp đó. Nếu họ còn bị giam hãm trong vòng dốt nát thì ngược lại, họ có thể làm trở ngại cho toàn bộ sự nghiệp.

Nữ công nhân và nữ nông dân cũng đều là những công dân tự do như nam công nhân và nam nông dân. Họ bầu cử các Xô-viết chúng ta, các hợp tác xã chúng ta, họ có thể được bầu vào các Xô-viết, vào các hợp tác xã. Các nữ công nhân và nữ nông dân có thể cải thiện các Xô-viết và các hợp tác xã chúng ta, củng cố và phát triển các cơ quan đó, nếu họ được giáo dục về chính trị. Nếu họ thất học và dốt nát thì họ có thể làm suy yếu các Xô-viết và các hợp tác xã và gây tổn hại cho các cơ quan đó.

Cuối cùng, nữ công nhân và nữ nông dân đều là những người mẹ, là những người nuôi dưỡng thanh niên chúng ta — tương lai của đất nước chúng ta. Tùy theo họ có đồng tình với chế độ xô-viết hoặc là đi theo cha cố, phú nông, giai cấp

tư sản mà họ có thể làm hư hỏng tâm hồn của đứa trẻ hoặc là đem lại cho chúng ta một lớp thanh niên lành mạnh về tinh thần, có khả năng làm cho đất nước ngày càng tiến bộ.

Đó là lẽ vì sao ngày nay khi công nhân và nông dân đã tiến hành xây dựng một cuộc sống mới thì công việc giáo dục chính trị cho các nữ công nhân và nữ nông dân trở thành một công việc hàng đầu, một công việc cực kỳ quan trọng để thật sự chiến thắng giai cấp tư sản.

Đó là lẽ vì sao đại hội I các nữ công nhân và nữ nông dân— đại hội đã đặt cơ sở cho việc tổ chức công tác giáo dục chính trị cho các nữ lao động — có một ý nghĩa thật sự là không thể đánh giá hết được.

Cách đây năm năm, tại đại hội I các nữ công nhân và nữ nông dân, đảng ta đã đề ra nhiệm vụ trước mắt là lôi cuốn hàng chục vạn *nữ công nhân* vào sự nghiệp chung : xây dựng một cuộc sống mới, một cuộc sống xô-viết. Và đi hàng đầu có các nữ công nhân các vùng công nghiệp, những phần tử linh hoạt nhất và giác ngộ nhất trong số những nữ lao động. Phải thừa nhận rằng trong năm năm qua ta đã làm được không ít về mặt đó, mặc dầu vẫn còn nhiều việc phải làm.

Hiện nay nhiệm vụ trước mắt của đảng là làm cho hàng triệu *nữ nông dân* tham gia công tác chung là xây dựng cuộc sống xô-viết chúng ta. Qua năm năm công tác đã xuất hiện một số nữ cán bộ lãnh đạo trong hàng ngũ nữ nông dân. Chúng ta mong rằng hàng ngũ những nữ cán bộ đó sẽ được bổ sung thêm nhiều nữ nông dân giác ngộ mới. Chúng ta mong rằng đảng cũng hoàn thành được nhiệm vụ đó.

10 tháng Một 1923.

Tạp chí « Người nữ cộng sản »,
số 11, tháng Một 1923

Ký tên : J. Sta-lin

LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI HỌP TRỌNG THỂ Ở VIỆN HÀN LÂM QUÂN SỰ

17 tháng Một 1923

(Tóm tắt đăng trên báo)

Trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ tư ngày thành lập đội kỵ binh đỏ của chúng ta, đồng chí Sta-lin, người sáng lập và là chiến sĩ danh dự của Quân đoàn kỵ binh, đã đọc một bài diễn văn.

Đồng chí *Sta-lin* nhấn mạnh rằng trong lúc tổ chức ra hạt nhân cơ bản của đội kỵ binh, mầm mống của quân đoàn kỵ binh sau này, thì những người cổ vũ nó đã từng đấu tranh chống lại ý kiến của các nhóm lãnh đạo quân sự và các chuyên gia quân sự vì những người này nói chung đã phủ nhận sự cần thiết phải tổ chức một đội kỵ binh.

Trang sử đặc sắc nhất trong lịch sử Quân đoàn kỵ binh đã được viết ra từ mùa hạ 1919, lúc mà đội quân đó đã trở thành một sự kết hợp giữa một khối đông đảo kỵ binh với một khối đông đảo súng liên thanh. Cái « ta-tsan-ca* » nổi tiếng là dấu hiệu của sự kết hợp đó.

Đội kỵ binh của chúng ta dù lớn mạnh như thế nào đi nữa, nếu trong lúc tác chiến mà không biết kết hợp được sức mạnh của ngựa với sức mạnh của súng liên thanh và pháo binh, thì nó sẽ không còn là một lực lượng quan trọng nữa.

---

* Loại xe ngựa trên đặt một khẩu liên thanh. *(N.D.)*

Quân đoàn kỵ binh đã viết lên trang sử vẻ vang nhất trong lịch sử của mình hồi cuối năm 1919, trong lúc 12 trung đoàn kỵ binh của chúng ta đã đánh bại vào khoảng 22 trung đoàn quân địch ở ngưỡng cửa Vô-rô-ne-giơ. Chính lúc đó đội kỵ binh của chúng ta đã thực sự bắt đầu trở thành một quân đoàn kỵ binh.

Đặc điểm của thời kỳ đó là đội kỵ binh của chúng ta, trong giai đoạn này, đã có một tính chất mới, khiến cho nó chiến thắng được kỵ binh của Đê-ni-kin : nó đã phối hợp với một số đơn vị bộ binh, những đơn vị này thường thường chuyên quân bằng xe ngựa và là lực lượng chống lại kẻ thù để yểm hộ cho nó ; nhờ sự yểm hộ đó nó được nghỉ ngơi một chút và tập hợp lại lực lượng, sau đó lại có thể bắt đầu tiến đánh kẻ thù. Đó là sự kết hợp giữa kỵ binh và bộ binh, mà bộ binh là lực lượng trợ chiến. Sự kết hợp đó, cái chất lượng mới nữa đó đã làm cho đội kỵ binh của chúng ta biến thành một lực lượng linh hoạt to lớn, khiến cho kẻ thù phải hoảng hồn khiếp vía.

Để kết thúc, đồng chí *Sta-lin* đã tuyên bố : Thưa các đồng chí, tôi không phải là người dễ say sưa, nhưng tôi phải nói rằng nếu quân đoàn kỵ binh của chúng ta giữ được những tính chất mới đó, thì đội kỵ binh của chúng ta và lãnh tụ của nó là đồng chí Bu-đi-ôn-nưi trở nên bất khả chiến thắng.

« Tin tức » số 265,
20 tháng Một 1923

VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG

Báo cáo đọc trước cuộc hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành đảng bộ khu Pơ-rê-sni-a đỏ của Đảng cộng sản (b) Nga, có các cán bộ tổ chức các nhóm, các ủy viên câu lạc bộ tranh luận và các chi ủy viên tham gia

2 tháng Chạp 1923

Thưa các đồng chí! Trước hết tôi cần phải nói rằng phát biểu ở đây, tôi nhân danh cá nhân tôi chứ không phải là nhân danh Ban Chấp hành trung ương đảng. Nếu hội nghị vui lòng nghe một báo cáo như vậy, tôi xin sẵn sàng phục vụ. (*Có nhiều tiếng nói*: « Xin mời đồng chí »). Điều đó không có nghĩa là tôi có sự bất đồng ý kiến nào đó với Ban Chấp hành trung ương về vấn đề ấy, — hoàn toàn không có. Sở dĩ tôi phát biểu nhân danh cá nhân tôi chỉ là vì tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương có nhiệm vụ thảo ra những biện pháp cải thiện tình hình nội bộ đảng [81], nay mai sẽ phải trình bày những kết quả của mình trước Ban Chấp hành trung ương ; vì các kết quả chưa được trình bày, cho nên tôi không có quyền hợp pháp thay mặt Ban Chấp hành trung ương phát biểu, tuy tôi tin chắc rằng những điều tôi sắp nói với các đồng chí, về cơ bản, cũng sẽ diễn đạt được lập trường của Ban Chấp hành trung ương về các vấn đề đó.

TRANH LUẬN LÀ MỘT DẤU HIỆU VỀ SỨC MẠNH CỦA ĐẢNG

Vấn đề thứ nhất mà tôi muốn nêu ra tại đây là vấn đề ý nghĩa của cuộc tranh luận tiến hành trên báo chí và trong các chi bộ. Cuộc tranh luận đó nói lên cái gì, nó đánh dấu cái gì? Phải chăng đó là một cơn bão táp đột nhập vào cuộc sống yên lặng của đảng, phải chăng đó là dấu hiệu tan vỡ, tan rã của đảng, như một số người đã nói, hoặc đó là dấu hiệu thoái hóa của đảng, như một số người khác đã nói.

Thưa các đồng chí, tôi nghĩ rằng cả hai mặt đều không có: không có tình trạng thoái hóa mà cũng không có tình trạng tan rã. Sự thật là trong thời kỳ vừa qua, đảng đã lớn mạnh lên, đảng đã quét sạch những vật vô ích một cách khá tốt, đảng đã trở thành vô sản hơn. Các đồng chí đều biết là cách đây hai năm đảng có ít nhất là 700.000 đảng viên, các đồng chí đều biết là đã có vài nghìn đảng viên rời khỏi hàng ngũ đảng hoặc bị đuổi ra khỏi đảng. Rồi trong thời gian đó thành phần của đảng được cải thiện, chất lượng của đảng được nâng cao do đời sống vật chất của giai cấp công nhân được cải thiện nhờ công nghiệp phát triển, do những công nhân già lành nghề trước kia phân tán xuống nông thôn nay trở về, và do cao trào mới học tập văn hóa trong các công nhân công nghiệp.

Tóm lại, vì tất cả các lý do đó, đảng đã lớn mạnh lên; chất lượng của đảng được nâng cao hơn; các nhu cầu của đảng tăng lên; yêu cầu của đảng chặt chẽ hơn; đảng muốn hiểu biết nhiều hơn nữa so với những điều đảng đã hiểu biết từ trước đến nay; đảng muốn giải quyết được nhiều vấn đề hơn so với những vấn đề mà đảng đã giải quyết từ trước đến nay.

Đối với đảng cuộc tranh luận mở ra không phải là một dấu hiệu suy yếu, càng không phải là một dấu hiệu tan rã hoặc thoái hóa ; đó là một dấu hiệu của sức mạnh, dấu hiệu của sự vững mạnh, dấu hiệu cải thiện về chất lượng thành phần của đảng, dấu hiệu của tính tích cực ngày càng tăng của đảng.

NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC TRANH LUẬN

Vấn đề thứ hai đặt ra cho chúng ta là : tại sao đúng lúc này, đúng mùa thu năm nay, vấn đề chính sách trong nội bộ đảng lại có tính chất sâu sắc như vậy ? Giải thích điều đó như thế nào ? Nguyên nhân vì đâu ? Thưa các đồng chí, tôi nghĩ rằng về vấn đề đó có hai nguyên nhân.

Nguyên nhân thứ nhất là : làn sóng bất mãn và bãi công sinh ra do vấn đề tiền lương, đã lan tràn ở một số vùng trong nước cộng hòa hồi tháng Tám. Vấn đề là ở chỗ : làn sóng bãi công đó đã vạch trần những khuyết điểm của các tổ chức của chúng ta, đã vạch trần tình trạng một số tổ chức của chúng ta — cả các tổ chức đảng lẫn các tổ chức công đoàn — thoát ly tình hình các xí nghiệp ; nhân làn sóng bãi công đó người ta đã phát hiện được một số tổ chức bí mật, về thực chất là những tổ chức chống chủ nghĩa cộng sản, ở ngay trong nội bộ đảng ta, các tổ chức này đang ra sức làm tan rã đảng. Và tất cả các khuyết điểm nhân làn sóng bãi công mà bộc lộ ra, đã hết sức soi sáng cho đảng khiến đảng cảm thấy cần phải có những sự thay đổi trong nội bộ.

Nguyên nhân thứ hai làm cho vấn đề chính sách trong nội bộ đảng trở nên gay gắt đúng trong lúc đó, — đó là việc các đồng chí ta đi nghỉ phép hàng loạt. Đương nhiên, những cuộc

nghỉ phép đó hoàn toàn hợp lý, nhưng tính chất đi nghỉ phép hàng loạt ấy đã làm cho nhịp độ sinh hoạt đảng suy yếu đi rất nhiều đúng vào lúc có những sự bất mãn trong các nhà máy, đã làm cho việc bóc trần tất cả các khuyết điểm đã tích lũy lại, đúng trong thời kỳ đó, trong mùa thu năm nay, được dễ dàng rất nhiều.

NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VỀ SINH HOẠT NỘI BỘ ĐẢNG

Tôi đã nói đến những khuyết điểm về sinh hoạt của đảng ta, các khuyết điểm đó đã bộc lộ ra mùa thu năm nay và đã đặt vấn đề phải cải thiện sinh hoạt nội bộ của đảng. Những khuyết điểm đó là gì ? Phải chăng là đường lối của đảng không đúng, như một số đồng chí nghĩ, hoặc là đường lối thì đúng, nhưng trong thực tiễn, đã đi chệch con đường đúng, đã bị bóp méo do một số điều kiện chủ quan và khách quan nào đó ?

Tôi cho rằng khuyết điểm cơ bản về sinh hoạt nội bộ đảng là như sau : đường lối, như đã được trình bày trong các nghị quyết của các đại hội chúng ta, là đúng đắn ; nhưng việc chấp hành ở địa phương (đương nhiên không phải là ở mọi nơi, mà là ở một số vùng) có phạm sai lầm. Đường lối dân chủ và vô sản của đảng ta là đúng đắn, nhưng ở địa phương khi chấp hành lại dùng thái độ quan liêu làm sai lệch đường lối đó.

Đó là khuyết điểm căn bản. Sự tồn tại của mâu thuẫn giữa đường lối cơ bản của đảng do các đại hội (X, XI, XII) vạch ra và việc chấp hành đường lối đó trong thực tiễn của các tổ chức đảng ở địa phương, — đó là nguồn gốc của tất cả các khuyết điểm về sinh hoạt nội bộ của đảng.

Đường lối của đảng nói rằng những vấn đề quan trọng nhất trong công tác thực tiễn của đảng ta, dĩ nhiên là trừ những vấn

đề đột xuất hoặc những vấn đề thuộc về bí mật quân sự hay ngoại giao, còn thì đều bắt buộc phải đưa ra thảo luận trong các hội nghị đảng. Đường lối của đảng thì nói như vậy. Nhưng trong việc chấp hành của đảng ở các địa phương, — đương nhiên không phải là tất cả, — người ta lại cho rằng nói đúng ra, tuyệt nhiên không cần thiết phải đưa ra thảo luận trong các hội nghị đảng một số vấn đề thực tiễn thuộc về nội bộ đảng, vì bản thân Ban Chấp hành trung ương và các cơ quan lãnh đạo khác sẽ giải quyết những vấn đề đó.

Đường lối của đảng nói rằng các bộ phận phụ trách của đảng ta nhất thiết phải do tuyển cử bầu ra miễn là không có những trở ngại không vượt được, chẳng hạn, vì tuổi đảng và vân vân. Các đồng chí đều biết rằng theo điều lệ đảng, bí thư tỉnh ủy phải là người đã gia nhập đảng trước tháng Mười, bí thư huyện ủy phải có ba tuổi đảng, bí thư chi bộ một tuổi đảng. Nhưng thông thường, trong thực tiễn, người ta lại cho rằng nếu điều kiện tuổi đảng đã đủ rồi thì như vậy là không cần phải có những cuộc bầu cử thật sự nữa.

Đường lối của đảng cho rằng cần phải làm cho đảng viên nắm được phương hướng công tác của các cơ quan kinh tế, của các xí nghiệp và các tơ-rớt, vì tất nhiên các chi bộ chúng ta phải chịu trách nhiệm về tinh thần trước quần chúng ngoài đảng về những khuyết điểm trong các xí nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tiễn, người ta lại cho rằng một khi đã có Ban Chấp hành trung ương, là người ra chỉ thị cho các cơ quan kinh tế, và một khi những cơ quan kinh tế đã bị ràng buộc bởi các chỉ thị đó, thì không cần có sự kiểm tra từ dưới lên của quần chúng đảng viên những chỉ thị đó cũng vẫn sẽ được thi hành.

Đường lối của đảng cho rằng các cán bộ phụ trách các ngành hoạt động khác nhau, không kể là cán bộ đảng, cán bộ kinh tế, cán bộ công đoàn, hay cán bộ quân đội, mặc dù tính chất chuyên môn của họ trong công tác như thế nào, giữa họ đều

có quan hệ với nhau, họ đều là những bộ phận không thể chia cắt của một chỉnh thể, vì tất cả họ đều phục vụ cho cùng một sự nghiệp của giai cấp vô sản, một sự nghiệp không thể phân chia được. Nhưng trong thực tiễn của đảng, người ta lại cho rằng một khi đã có sự chuyên môn hóa trong công tác, một khi đã có sự phân công thành công tác đảng, công tác kinh tế, công tác quân sự riêng và vân vân, thì những người làm công tác đảng không chịu trách nhiệm về việc làm của những người làm công tác kinh tế, những người làm công tác kinh tế không chịu trách nhiệm về việc làm của những người làm công tác đảng, và nói chung, không thể tránh khỏi tình trạng là mối liên hệ giữa họ sẽ bị suy yếu và thậm chí sẽ bị mất đi.

Thưa các đồng chí, đại thể đó là những mâu thuẫn giữa đường lối của đảng — như đã được định ra trong một loạt nghị quyết của các đại hội chúng ta từ đại hội X đến đại hội XII — và hoạt động thực tiễn của đảng.

Tôi hoàn toàn không lên án các tổ chức địa phương về việc làm sai lệch đường lối đảng đó, vì nếu phân tích một chút, thì ở đây nên nói rằng các tổ chức của ta ở địa phương có điều không may, hơn là nói rằng các tổ chức đó có sai lầm. Điều không may đó biểu hiện như thế nào, và vì sao có thể xảy ra tình trạng như thế, — tôi sẽ trở lại vấn đề đó ; nhưng sở dĩ tôi muốn nêu lên sự kiện đó là nhằm giải thích mâu thuẫn đó, để sau này gắng đề ra những biện pháp cải thiện tình hình.

Tôi cũng hoàn toàn không cho rằng Ban Chấp hành trung ương chúng ta là không có khuyết điểm. Ban Chấp hành trung ương có những khuyết điểm của nó, cũng như bất kỳ một cơ quan hoặc tổ chức nào ; Ban Chấp hành trung ương cũng có phần sai lầm và có phần không may, phần không may ít ra cũng là ở chỗ vì lý do này hay lý do khác, Ban Chấp hành trung ương đã không kịp thời phát hiện những khuyết điểm và đề ra những biện pháp để khắc phục những khuyết điểm đó.

Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ đó. Vấn đề hiện nay là ở chỗ phải hiểu rõ nguyên nhân của những khuyết điểm mà tôi vừa mới nói đến. Vậy các khuyết điểm đó do đâu mà ra và làm thế nào để khắc phục những khuyết điểm ấy?

NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM

Nguyên nhân thứ nhất là các tổ chức đảng của chúng ta không gột bỏ hoặc vẫn chưa gột bỏ một số tàn dư của thời kỳ chiến tranh. Thời kỳ đó đã thuộc về quá khứ, nhưng nó đã để lại trong trí óc của một số cán bộ chúng ta những tàn dư của chế độ quân sự ở trong đảng. Tôi nghĩ rằng biểu hiện của những tàn dư đó là quan điểm cho rằng đảng không phải là một cơ thể độc lập, không phải là một tổ chức chiến đấu, độc lập của giai cấp vô sản, mà là một cái gì như là một hệ thống các cơ quan, một khối tổng hợp của nhiều cơ quan trong đó có các viên chức cấp dưới và viên chức cấp trên. Thưa các đồng chí, đó là một quan điểm hết sức sai lầm và không có chút gì giống với chủ nghĩa Mác; quan điểm đó là một tàn dư còn rớt lại trong đảng ta, tàn dư của thời kỳ khi mà chúng ta quân sự hóa đảng trong thời chiến, khi mà tính độc lập của quần chúng đảng viên bị bắt buộc phải xếp vào hàng thứ yếu, khi mà những mệnh lệnh quân sự có một ý nghĩa quyết định. Tôi không nhớ rõ quan điểm đó đã được đề ra một cách đầy đủ từ lúc nào, nhưng quan điểm đó, hoặc một số điểm của quan điểm đó vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đối với công tác của đảng. Thưa các đồng chí, chúng ta phải dốc hết sức ra đấu tranh chống lại các quan điểm đó, vì những quan điểm ấy là một nguy cơ hết sức thực tế và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc bóp méo trong thực tiễn đường lối về thực chất là đúng đắn của đảng ta.

Nguyên nhân thứ hai là một áp lực nào đó do bộ máy Nhà nước chúng ta, phần lớn là quan liêu, gây ra đối với đảng và các cán bộ phụ trách của đảng. Năm 1917, khi chúng ta đang tiến bước, khi chúng ta đang tiến tới Cách mạng tháng Mười, chúng ta đã tưởng rằng chúng ta sẽ có công xã, rằng sẽ có một hiệp hội những người lao động, rằng chúng ta sẽ thủ tiêu chủ nghĩa quan liêu trong các cơ quan có thể biến Nhà nước, nếu không tức khắc thì ít ra cũng sau hai hoặc ba thời kỳ ngắn ngắn, thành một hiệp hội những người lao động. Nhưng thực tiễn lại chứng minh rằng đó là một lý tưởng mà chúng ta còn lâu mới đạt được ; rằng muốn tẩy trừ ra khỏi Nhà nước những phần tử quan liêu, muốn biến xã hội xô-viết thành một hiệp hội những người lao động thì nhân dân phải có một trình độ văn hóa cao, hòa bình phải được bảo đảm đầy đủ ở bên ngoài để chúng ta khỏi phải cần đến một quân đội đông đảo đòi hỏi những chi phí to lớn và những cơ quan phục vụ cồng kềnh, các cơ quan phục vụ này, do chính ngay sự tồn tại của nó, cũng đã mang dấu vết của tất cả các thiết chế khác của Nhà nước. Bộ máy Nhà nước chúng ta trong một chừng mực lớn còn quan liêu, và nó vẫn còn là một bộ máy quan liêu như vậy trong một thời gian lâu nữa. Các đồng chí đảng viên chúng ta công tác trong bộ máy Nhà nước đó, mà hoàn cảnh — tôi muốn nói là bầu không khí — của bộ máy quan liêu đó thì như thế này : nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc quan liêu hóa các cán bộ đảng chúng ta, các tổ chức đảng chúng ta.

Nguyên nhân thứ ba của những khuyết điểm của chúng ta, thưa các đồng chí, là ở chỗ một số chi bộ chúng ta thiếu tính tích cực, lạc hậu và thậm chí đôi khi lại hoàn toàn mù chữ, nhất là ở các vùng ngoại vi. Những chi bộ tại các vùng đó kém tích cực, lạc hậu về chính trị và văn hóa. Không nghi ngờ gì cả, tình hình đó cũng tạo nên miếng đất thuận lợi cho việc bóp méo đường lối của đảng.

Nguyên nhân thứ tư là thiếu một số lượng cần thiết các đồng chí được đào tạo tốt để làm công tác đảng ở cơ sở. Gần đây tôi được nghe một bản báo cáo do đại biểu của một trong những đảng bộ chúng ta ở U-cơ-ren trình bày trước Ban Chấp hành trung ương. Đây là một đồng chí rất có năng lực và có nhiều triển vọng. Đồng chí đó nói rằng trong số 130 chi bộ thì 80 chi bộ có bí thư do tỉnh ủy chỉ định. Khi người ta nhận xét với đồng chí ấy rằng cách làm đó của đảng bộ nói trên là không đúng, thì đồng chí đó viện cớ rằng trong các chi bộ không có người biết chữ, không có người đủ tuổi đảng, rằng bản thân các chi bộ cũng yêu cầu trên cung cấp cho bí thư và vân vân. Tôi có thể nói rằng trong lời nói của đồng chí đó có 50% cường điệu và, nói đúng ra, sở dĩ như vậy không những vì trong các chi bộ thiếu những người được rèn luyện đào tạo, mà còn vì tỉnh ủy, vốn theo truyền thống cũ, đã hăng hái quá mức. Nhưng dù cho giả định rằng tỉnh ủy chỉ có lý 50% thì chẳng phải hiển nhiên là nếu như có những chi bộ loại đó ở U-cơ-ren thì phải có nhiều chi bộ loại đó hơn tại các vùng ngoại vi, nơi mà các đảng bộ còn non trẻ, cán bộ đảng còn ít hơn ở U-cơ-ren và tình trạng mù chữ còn tệ hơn ở U-cơ-ren, đó sao ? Đó cũng là một trong những nguyên nhân tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc bóp méo trong thực tiễn đường lối về thực chất là đúng đắn của đảng ta.

Cuối cùng, nguyên nhân thứ năm là công tác thông báo làm không đầy đủ. Chúng ta thông báo tồi, và điều đó đặc biệt đúng đối với Ban Chấp hành trung ương, vì Ban Chấp hành trung ương quá bận công tác. Các địa phương cũng thông báo tồi cho chúng ta. Cần phải chấm dứt tình trạng đó. Người ta cho đó còn là một trong những nguyên nhân trọng yếu của những khuyết điểm đã tích lũy trong nội bộ đảng.

LÀM THẾ NÀO KHẮC PHỤC ĐƯỢC NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VỀ SINH HOẠT NỘI BỘ ĐẢNG?

Những biện pháp cần đề ra để khắc phục các khuyết điểm đó là gì ?

Trước hết, đấu tranh không mệt mỏi và bằng mọi phương pháp chống lại các tàn dư, các tập quán của thời kỳ chiến tranh trong nội bộ đảng, chống lại quan điểm sai lầm cho rằng đảng ta tựa hồ là một hệ thống những thiết chế, chứ không phải là một tổ chức chiến đấu của giai cấp vô sản, một tổ chức tích cực suy nghĩ, độc lập hoạt động, sống một cuộc sống mãnh liệt, phá hủy cái cũ và sáng tạo cái mới.

Hai là phải nâng cao tính tích cực của quần chúng đảng viên, bằng cách để cho họ thảo luận tất cả các vấn đề mà họ quan tâm đến, trong trường hợp những vấn đề đó có thể đem ra thảo luận công khai được, bảo đảm có thể tự do phê bình tất cả và bất cứ kiến nghị nào của các cấp bộ đảng. Vì chỉ có biện pháp đó mới có thể biến kỷ luật đảng thành một kỷ luật thật sự tự giác, một kỷ luật thật sự là kỷ luật sắt ; vì chỉ có biện pháp đó mới có thể làm phong phú thêm kinh nghiệm của quần chúng đảng viên về chính trị, kinh tế và văn hóa ; vì chỉ có như thế mới có thể chuẩn bị những điều kiện cần thiết để quần chúng đảng viên từng bước đưa từ hạ tầng cơ sở ra những cán bộ tích cực mới, những cán bộ lãnh đạo mới.

Ba là phải áp dụng nguyên tắc bầu cử đối với tất cả các cơ quan và tất cả những người phụ trách của đảng, trừ trường hợp gặp những trở ngại không khắc phục được như thiếu tuổi đảng v.v.. Phải bài trừ trong thực tiễn cái tập quán phủ nhận ý chí của đa số các đảng viên của các tổ chức trong việc

đề bạt các đồng chí vào những cương vị phụ trách của đảng ; phải làm cho nguyên tắc bầu cử được thật sự tôn trọng.

Bốn là Ban Chấp hành trung ương, các tỉnh ủy và khu ủy phải tổ chức thường xuyên những hội nghị cán bộ phụ trách các ngành hoạt động : kinh tế quốc dân, đảng, công đoàn, quân đội ; sao cho các hội nghị đó phải được họp một cách đều đặn ; sao cho tất cả các vấn đề mà người ta xét thấy cần thiết phải nêu lên, được đặt ra trong các hội nghị đó ; sao cho những cán bộ thuộc tất cả các ngành được luôn luôn tiếp xúc với nhau ; sao cho tất cả mọi người cảm thấy mình là một thành viên trong đại gia đình của đảng và phục vụ cho sự nghiệp chung, sự nghiệp của giai cấp vô sản, một sự nghiệp không thể phân chia được ; sao cho chung quanh Ban Chấp hành trung ương cũng như chung quanh các đảng bộ địa phương, có một bầu không khí cho phép đảng thu thập và kiểm tra được kinh nghiệm công tác của các cán bộ phụ trách của chúng ta trong tất cả các ngành hoạt động.

Năm là phải làm cho các chi bộ ngành sản xuất quan tâm đến những vấn đề liên quan tới tiến trình công việc trong các xí nghiệp và tơ-rớt. Phải làm cho các chi bộ nắm được tình hình hoạt động của các cơ quan lãnh đạo các xí nghiệp và tơ-rớt của chúng ta để có thể có ảnh hưởng tới sự hoạt động đó. Các đồng chí là những người đại diện cho các chi bộ, các đồng chí đều rõ các chi bộ chúng ta phải chịu trách nhiệm to lớn về tinh thần như thế nào trước quần chúng ngoài đảng về tiến trình công việc trong các xí nghiệp. Muốn chi bộ có thể lãnh đạo và lôi cuốn quần chúng ngoài đảng ở nhà máy, muốn chi bộ có thể chịu trách nhiệm về tiến trình công việc trong xí nghiệp, — đối với quần chúng ngoài đảng, chi bộ tuyệt đối chịu trách nhiệm về tinh thần trước những khuyết điểm của xí nghiệp, — thì chi bộ phải nắm được tình hình công việc đó, chi bộ phải, bằng cách này hay cách khác, có thể có ảnh

hưởng đến các công việc đó. Vì vậy phải làm sao lôi cuốn các chi bộ thảo luận những vấn đề kinh tế có liên quan đến xí nghiệp ; phải thỉnh thoảng triệu tập những hội nghị kinh tế gồm có đại biểu các chi bộ của các xí nghiệp thuộc tơ-rớt để thảo luận những vấn đề có liên quan đến công việc làm ăn của tơ-rớt đó. Đó là một trong những biện pháp chắc chắn cần phải thi hành để làm phong phú kinh nghiệm của quần chúng đảng viên về mặt kinh tế cũng như để tổ chức việc kiểm tra từ dưới lên.

Sáu là phải nâng cao chất lượng thành phần của các chi bộ chúng ta. Di-nô-vi-ép đã viết trong bài báo của mình rằng về phương diện chất lượng, đôi nơi quần chúng ngoài đảng ở chung quanh các chi bộ đảng ta lại vượt các chi bộ đó.

Dĩ nhiên ta không thể khái quát hóa lời khẳng định đó và vận dụng rộng rãi lời khẳng định đó đối với tất cả các chi bộ. Có lẽ nói như thế này thì đúng hơn, chẳng hạn : các chi bộ chúng ta có lẽ đã có một trình độ văn hóa cao hơn nhiều và có lẽ đã có một uy tín lớn lao hơn nhiều trong hàng ngũ những người ngoài đảng nếu như chúng ta đã không tước mất của các chi bộ đó, nếu như chúng ta đã không rút đi của các chi bộ đó những người mà chúng ta cần đưa vào các ngành kinh tế, hành chính, công đoàn hoặc các ngành khác. Nếu tất cả các đồng chí công nhân, nếu các cán bộ mà chúng ta đã lấy đi của các chi bộ trong sáu năm nay, lại quay trở về các chi bộ, thì liệu có cần phải nói rằng tất cả các chi bộ đó sẽ vượt nhiều tất cả các công nhân ngoài đảng, ngay cả những công nhân phát triển nhất, hay không ? Chính vì đảng không có những cán bộ khác để cải tiến bộ máy Nhà nước, chính vì đảng buộc phải tiếp tục khai thác ở cái nguồn đó, — chính vì thế cho nên nếu chúng ta không cấp tốc đề ra những biện pháp để cải thiện chất lượng thành phần các chi bộ chúng ta thì các chi bộ chúng ta từ nay trở đi vẫn sẽ khập khểnh về

mặt trình độ văn hóa. Trước hết phải hết sức đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị trong các chi bộ. Ngoài ra, cũng cần bài trừ chủ nghĩa hình thức cực đoan mà các đảng bộ địa phương đôi khi mắc phải trong việc kết nạp các đồng chí công nhân vào đảng. Tôi cho rằng không nên say mê với chủ nghĩa hình thức ; đảng có thể và cần phải mở rộng điều kiện kết nạp các đảng viên mới thuộc giai cấp công nhân. Nhiều đảng bộ địa phương đã bắt đầu đi theo hướng đó. Đảng phải nắm chặt lấy công tác đó và tiến hành một cuộc vận động có tổ chức để làm cho việc kết nạp các công nhân vào hàng ngũ đảng được dễ dàng.

Bảy là phải đẩy mạnh công tác trong các công nhân ngoài đảng. Đó cũng là một trong những biện pháp có thể cải thiện tình hình nội bộ đảng và nâng cao tính tích cực của quần chúng đảng viên. Tôi phải nói rằng các đảng bộ chúng ta còn ít quan tâm đến việc thu hút những công nhân ngoài đảng vào các cơ quan xô-viết chúng ta. Chẳng hạn lấy cuộc bầu cử vào Xô-viết Mạc-tư-khoa hiện đang tiến hành làm thí dụ. Tôi cho rằng một trong những khuyết điểm trầm trọng của cuộc bầu cử đó là số lượng những người ngoài đảng trúng cử quá ít ỏi. Người ta nói rằng các đảng bộ đã ra nghị quyết theo đó thì trong số những người trúng cử phải có ít ra là một số lượng nhất định, một tỷ lệ nhất định, v.v., những người ngoài đảng. Nhưng trong thực tế tôi nhận thấy số lượng những người trúng cử ngoài đảng lại thấp hơn nhiều. Người ta nói rằng quần chúng chỉ thích và muốn bầu những người cộng sản. Thưa các đồng chí, tôi không tin điều đó. Tôi cho rằng nếu chúng ta không biểu thị một sự tín nhiệm tối thiểu nào đó đối với những người ngoài đảng thì rồi ngược lại những người ngoài đảng cũng sẽ biểu thị không tín nhiệm rất nhiều đối với các tổ chức của chúng ta. Tín nhiệm những người ngoài đảng là điều tuyệt đối cần thiết, các đồng chí ạ. Phải buộc

các đảng viên cộng sản rút tên ứng cử của mình. Không nên nói chỉ bầu những người cộng sản ; phải khuyến khích những người ngoài đảng, phải thu hút họ tham gia công tác quản lý Nhà nước. Làm như vậy chúng ta sẽ có lợi, và đáp lại, chúng ta sẽ thu được sự tín nhiệm của những người ngoài đảng đối với các tổ chức của chúng ta. Cuộc bầu cử Mạc-tư-khoa là một trong những thí dụ nói lên rằng các tổ chức của chúng ta đáng lẽ phải mở rộng địa bàn hoạt động, đáng lẽ phải dần dần từng bước tập hợp những người ngoài đảng chung quanh mình, thì lại đã bắt đầu đóng cửa, tự co mình lại.

Tám là phải đẩy mạnh công tác trong nông dân. Có nơi chúng ta có những chi bộ nông thôn bạc nhược, đảng viên có khi bỏ chạy, không giành được sự tín nhiệm to lớn của nông dân (ta phải thừa nhận điều đó), — tôi không hiểu tại sao lại không thể trao cho các chi bộ đó, chẳng hạn, hai nhiệm vụ thực tiễn sau đây : một là giải thích và phổ biến rộng rãi các đạo luật xô-viết có liên quan đến đời sống nông dân ; hai là tuyên truyền, phổ biến những tri thức nông học thường thức như : chẳng hạn vạch rõ phải cày kịp thời vụ, phải chọn kỹ giống, v.v... Các đồng chí có biết chăng, nếu mỗi nông dân quyết định dành một phần rất nhỏ lao động của mình để chọn kỹ giống thì chẳng cần phải cải tạo chất đất và có những máy móc mới, người ta cũng có thể tăng thu hoạch thêm mỗi đê-xi-a-tin là mười pút ? Nhưng việc tăng thu hoạch thêm mỗi đê-xi-a-tin là mười pút có nghĩa là gì ? Có nghĩa là tổng sản lượng hàng năm tăng thêm một tỷ pút. Và tất cả điều đó có thể đạt được mà không cần phải có một sự nỗ lực lớn lao nào. Tại sao các chi bộ chúng ta ở nông thôn lại không có thể đảm nhiệm việc đó ? Phải chăng việc đó không quan trọng bằng nói chuyện về chính sách của Kéc-dôn ? Lúc đó người nông dân sẽ hiểu rằng những người cộng sản thôi không ba hoa nữa,

họ đã bắt tay vào việc ; và các chi bộ chúng ta ở nông thôn sẽ giành được sự tín nhiệm to lớn nhất của nông dân.

Đó là tôi chưa nói về việc hết sức cần thiết phải đẩy mạnh công tác giáo dục về đảng và công tác giáo dục chính trị cho thanh niên là nơi cung cấp các cán bộ mới, đẩy mạnh công tác giáo dục về đảng và về chính trị cho Hồng quân, cho các đại biểu phụ nữ và nói chung cho tất cả những người ngoài đảng, nhằm cải thiện và hồi phục sinh hoạt đảng.

Tôi cũng sẽ không nói nhiều về điều hết sức cần thiết đối với chúng ta là phải tăng cường công tác thông báo, — tôi đã nói đến vấn đề này, — tăng cường công tác thông báo từ trên xuống và từ dưới lên.

Thưa các đồng chí, đó là những biện pháp cải thiện, đó là phương hướng đi tới dân chủ trong nội bộ đảng, mà Ban Chấp hành trung ương đã vạch ra ngay từ hồi tháng Chín vừa qua và cần phải áp dụng từ dưới lên trên.

Bây giờ tôi muốn nói đến hai điều cực đoan, hai điều say mê về vấn đề dân chủ công nhân, đã bộc lộ trong một số bài tranh luận trên báo *Sự thật*.

Điều cực đoan thứ nhất có liên quan đến vấn đề bầu cử. Điều cực đoan đó là ở chỗ có một số đồng chí ra sức chủ trương bầu cử phải được áp dụng « đến cùng ». Một khi đã bầu cử thì bầu cử tất cả! Tuổi đảng ư? Để làm gì? Anh cứ bầu người nào mà anh ưa. Thưa các đồng chí, quan điểm đó là sai lầm. Đảng không thể tiếp thu quan điểm đó. Tất nhiên, chúng ta không còn ở trong thời kỳ chiến tranh nữa, chúng ta đang trải qua thời kỳ hòa bình phát triển. Nhưng chúng ta có chính sách kinh tế mới. Thưa các đồng chí, chớ quên điều đó. Đảng tiến hành thanh đảng không phải trong thời kỳ chiến tranh mà là sau chiến tranh. Tại sao? Vì trong thời kỳ chiến tranh, đảng đứng trước vấn đề sống và chết, tâm trạng sợ bị đánh bại đã khiến

đảng đoàn kết thành một chỉnh thể thống nhất, và một số phần tử hủ hóa trong đảng buộc phải chấp hành đường lối chung của đảng. Ngày nay động cơ thúc ép đó không còn nữa, vì không còn chiến tranh ; ngày nay, chúng ta có chính sách kinh tế mới, chúng ta đã cho phép chủ nghĩa tư bản tồn tại; giai cấp tư sản đang được phục hồi. Đành rằng tất cả điều đó dẫn đến việc thanh đảng, đến việc củng cố đảng ; nhưng mặt khác, một bầu không khí mới bao trùm chúng ta, tức là bầu không khí của giai cấp tư sản đang nảy sinh và phát triển : giai cấp tư sản chưa thật mạnh lắm, nhưng nó cũng đã có thể đánh bại một số hợp tác xã và một số cơ quan kinh tế chúng ta trong lĩnh vực nội thương. Chính sau khi tiến hành chính sách kinh tế mới, đảng đã tiến hành thanh đảng và giảm một nửa số đảng viên ; chính sau khi tiến hành chính sách kinh tế mới, đảng đã quyết định, để bảo vệ các cơ quan chúng ta khỏi những ảnh hưởng của chính sách kinh tế mới, cần phải, chẳng hạn, nâng cao điều kiện gia nhập đảng đối với những phần tử không vô sản, cần phải đặt vấn đề tuổi đảng đối với những người phụ trách trong đảng v.v.. Đảng đúng hay không đúng khi đề ra những biện pháp phòng ngừa đó để hạn chế quyền dân chủ « mở rộng » ? Tôi nghĩ rằng đảng làm đúng. Bởi vậy tôi cho rằng dân chủ là cần thiết, bầu cử là cần thiết, nhưng các biện pháp hạn chế do các đại hội XI và XII thông qua, ít nhất là các biện pháp chủ yếu trong những biện pháp đó, vẫn phải còn có hiệu lực.

Điều cực đoan thứ hai liên quan đến giới hạn của cuộc tranh luận. Điều cực đoan này là ở chỗ một số đồng chí ra sức chủ trương tranh luận không giới hạn ; họ cho thảo luận các vấn đề là điểm khởi đầu và điểm kết thúc của công tác đảng, và họ quên mất mặt khác của công tác đảng, mặt tích cực của nó, tức là mặt yêu cầu *chấp hành* những nghị quyết của đảng. Ít ra đó cũng chính là ấn tượng mà bài của Rát-din

đã đề lại cho tôi, Rát-din ra sức chứng minh cho nguyên tắc tranh luận không giới hạn bằng cách trích dẫn Tơ-rốt-ski ; Tơ-rốt-ski có lẽ đã nói rằng « đảng — đó là một liên minh tự nguyện của những người thống nhất về tư tưởng ». Tôi đã tìm câu nói đó trong các trước tác của Tơ-rốt-ski, nhưng không thể thấy câu đó. Vả lại vị tất Tơ-rốt-ski đã có thể nói như vậy, coi đó là một công thức hoàn chỉnh về định nghĩa đảng, mà nếu đồng chí đó đã nói như vậy thì vị tất ở đây đồng chí đó đã nói hết. Đảng không những là một liên minh của những người thống nhất về tư tưởng mà còn là một liên minh của những người thống nhất về hành động, một liên minh chiến đấu của những người thống nhất về hành động, đấu tranh dựa trên cơ sở tư tưởng chung (cương lĩnh, sách lược). Tôi nghĩ rằng câu trích dẫn Tơ-rốt-ski là không đúng ; thật vậy, cứ như tôi biết về Tơ-rốt-ski thì Tơ-rốt-ski là người trong số các ủy viên Ban Chấp hành trung ương nhấn mạnh nhiều nhất về mặt tích cực của công tác đảng. Cho nên tôi nghĩ rằng phải đề cho Rát-din chịu trách nhiệm về định nghĩa của mình. Nhưng định nghĩa đó dẫn chúng ta đến đâu ? Đến một trong hai điều có thể xảy ra sau đây : *hoặc là* đảng thoái hóa thành một bè phái, một trường phái triết học, vì chỉ trong những tổ chức hẹp hòi loại đó thì mới có thể có một sự thống nhất tư tưởng hoàn toàn ; *hoặc là* đảng biến thành một câu lạc bộ tranh luận liên miên, vĩnh viễn thảo luận, vĩnh viễn nghị luận, cho đến chỗ hình thành các phe phái, cho đến chỗ đảng phân liệt. Đảng ta không thể chấp nhận một điều nào trong hai điều có thể xảy ra nói trên. Bởi vậy tôi cho rằng thảo luận các vấn đề là cần thiết, tranh luận là cần thiết, song tranh luận cần phải có giới hạn, nhằm đề phòng cho đảng, đội ngũ chiến đấu đó của giai cấp vô sản, không thoái hóa thành một câu lạc bộ tranh luận.

Thưa các đồng chí, kết thúc bản báo cáo của tôi, tôi thấy cần phải nói để các đồng chí đề phòng hai điều cực đoan đó. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta tránh được hai điều cực đoan đó và nếu chúng ta ra sức áp dụng một cách trung thực và cương quyết phương châm thực hành dân chủ trong nội bộ đảng mà Ban Chấp hành trung ương đã vạch ra từ hồi tháng Chín vừa qua thì nhất định chúng ta sẽ thành công trong việc cải tiến công tác đảng của chúng ta. (*Vỗ tay*)

« Sự thật » số 277,
6 tháng Chạp 1923

VỀ CUỘC TRANH LUẬN, VỀ RA-PHA-IN, VỀ CÁC BÀI BÁO CỦA PƠ-RÊ-Ô-BƠ-RA-GIEN-SKI VÀ XA-PƠ-RÔ-NỐP VÀ VỀ BỨC THƯ CỦA TƠ-RỐT-SKI

VỀ CUỘC TRANH LUẬN

Cuộc tranh luận về tình hình nội bộ đảng diễn ra cách đây vài tuần, rõ ràng sắp kết thúc, nếu là nói về tình hình ở Mạc-tư-khoa và Pê-tơ-rô-gơ-rát. Mọi người đều biết rằng Pê-tơ-rô-gơ-gát đã tán thành đường lối của đảng. Các quận chủ yếu của Mạc-tư-khoa cũng tán thành đường lối của Ban Chấp hành trung ương. Cuộc hội nghị các cán bộ tích cực toàn thành của thành bộ Mạc-tư-khoa họp ngày 11 tháng Chạp đã hoàn toàn tán thành đường lối tổ chức và đường lối chính trị của Ban Chấp hành trung ương đảng. Và không nghi ngờ gì nữa, cuộc hội nghị đại biểu toàn đảng bộ Mạc-tư-khoa sắp tới sẽ đi theo con đường của các quận của mình. Phái đối lập, tức là khối của một bộ phận những người cộng sản « tả khuynh » (Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, Stu-cốp, Pi-a-ta-cốp, v.v.) liên kết với những kẻ mà người ta vẫn gọi là phái tập trung dân chủ (Ra-pha-in, Xa-pơ-rô-nốp, v.v.), đã bị đập tan.

Quá trình cuộc tranh luận và những sự thay hình đổi dạng của phái đối lập trong thời kỳ tranh luận, thật đáng chú ý.

Thoạt đầu phái đối lập rõ ràng là tán thành việc xét lại đường lối cơ bản của đảng trong công tác xây dựng nội bộ

và trong chính sách nội bộ của đảng trong hai năm nay, trong suốt thời kỳ chính sách kinh tế mới. Trong khi đòi phải thực hiện hoàn toàn đầy đủ các nghị quyết của đại hội X về chế độ dân chủ nội bộ đảng, phái đó vẫn khăng khăng đòi thủ tiêu những sự hạn chế (như cấm lập nhóm, điều kiện tuổi đảng v.v.) do các đại hội X, XI và XII thông qua. Nhưng phái đối lập không chỉ dừng lại ở đó. Phái đó cho rằng đảng đã thực tế biến thành một tổ chức kiểu quân sự, và kỷ luật của đảng đã thực tế biến thành một thứ kỷ luật quân sự, nên họ đã đòi phải xáo trộn toàn bộ thành phần của bộ máy của đảng từ trên xuống dưới, phải cách chức những cán bộ phụ trách chủ chốt, và v.v.. Cố nhiên là không thiếu những lời thô bỉ và những lời sỉ vả đối với Ban Chấp hành trung ương. Báo *Sự thật* đầy rẫy những bài báo lớn, nhỏ buộc cho Ban Chấp hành trung ương đủ thứ tội đáng chết. Chỉ còn thiếu việc buộc cho Ban Chấp hành trung ương cái tội gây ra vụ động đất ở Nhật-bản nữa thôi.

Trong suốt thời kỳ đó, Ban Chấp hành trung ương không can thiệp vào cuộc tranh luận trên những trang báo *Sự thật*, để cho các đảng viên được hoàn toàn tự do phê phán. Thậm chí Ban Chấp hành trung ương cũng thấy không cần thiết phải bác bỏ những lời buộc tội phi lý mà những người phê phán thường đưa ra, vì Ban Chấp hành trung ương cho rằng các đảng viên cũng có đầy đủ ý thức để tự mình giải quyết được các vấn đề thảo luận.

Có thể nói đó là thời kỳ đầu của cuộc tranh luận.

Tiếp đó, thời kỳ thứ hai của cuộc tranh luận bắt đầu, khi người ta đã mệt vì những lời thô bỉ, khi những lời sỉ vả đã mất hết tác dụng, và khi các đảng viên yêu cầu phải thảo luận vấn đề một cách thiết thực. Thời kỳ này đã bắt đầu bằng việc công bố một nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương về công tác xây dựng đảng[82].

Xuất phát từ nghị quyết của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương tháng Mười [83] là hội nghị đã tán thành phương châm thực hành dân chủ trong nội bộ đảng, Bộ Chính trị và Đoàn chủ tịch Ban Kiểm tra trung ương đã thảo ra một nghị quyết nổi tiếng, nêu rõ những điều kiện để thực hiện dân chủ trong nội bộ đảng. Điều đó đã tạo một bước ngoặt trong quá trình của cuộc tranh luận. Hiện nay không thể chỉ phê phán chung chung. Kế hoạch cụ thể của Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương đưa ra, đã buộc phái đối lập phải hoặc là chấp nhận kế hoạch đó, hoặc trình bày một kế hoạch khác, một kế hoạch song song, cũng cụ thể, nhằm thực hiện dân chủ trong nội bộ đảng. Và rõ ràng là khi đó phái đối lập đã bất lực không đưa ra được một kế hoạch nào của họ có thể thỏa mãn các yêu cầu của các tổ chức đảng để đối chọi lại với kế hoạch của Ban Chấp hành trung ương. Phái đối lập đã bắt đầu thụt lùi. Trong kho vũ khí của phái đối lập, đã thấy không còn có sự đòi hỏi phải thủ tiêu đường lối cơ bản của đảng trong công tác xây dựng nội bộ đảng trong hai năm qua. Việc họ đòi hỏi phải thủ tiêu những sự hạn chế quyền dân chủ, do các đại hội X, XI, và XII của đảng thông qua, nay đã mờ đi nhiều và phai nhạt nhiều. Họ đã đặt xuống hàng thứ yếu và đã giảm bớt sự đòi hỏi phải xáo trộn bộ máy của đảng từ trên xuống dưới. Phái đối lập đã xét thấy cần phải đem thay thế tất cả những yêu cầu đó bằng những đề nghị về sự cần thiết phải « nêu cho chính xác vấn đề phe phái », « bầu cử lại tất cả các cơ quan đảng đã được chỉ định trước đây », « xóa bỏ chế độ chỉ định », v.v.. Một điều đáng chú ý là : ngay cả những đề nghị đôi lúc đã mềm dịu đi ấy của phái đối lập cũng bị các đảng bộ Pơ-re-sni-a đỏ và Da-mô-scơ-vô-ra-sti-a bác bỏ, các đảng bộ đó đã tán thành, với đa số tuyệt đối, nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương.

Có thể nói đó là giai đoạn thứ hai của cuộc tranh luận.

Bây giờ, chúng ta bước vào giai đoạn thứ ba. Đặc trưng của thời kỳ đó là sự tiếp tục rút lui hơn nữa, — tôi có thể nói là sự rút lui thiếu trật tự, — của phái đối lập. Và những đòi hỏi của phái đối lập, mặc dù đã phai nhạt và dịu đi nhiều, lần này cũng không thấy có trong nghị quyết của họ nữa. Nghị quyết cuối cùng của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski (có lẽ là nghị quyết thứ ba), đã đem trình bày trong hội nghị cán bộ tích cực của các tổ chức Mạc-tư-khoa (gồm hơn 1.000 người), viết :

> « Chỉ có thực hiện một cách nhanh chóng, nhất trí và thành thật các nghị quyết của Bộ Chính trị, và nhất là thông qua việc bầu cử lại để đổi mới cơ quan trong đảng, mới có thể bảo đảm cho đảng chuyển sang một phương hướng mới mà không có sự dao động, không có đấu tranh nội bộ, và mới có thể tăng cường được sự đoàn kết và thống nhất thực sự trong hàng ngũ đảng ».

Không nên coi là một sự ngẫu nhiên, điều mà cuộc hội nghị đó thậm chí đã bác bỏ cái đề nghị hoàn toàn không có hại đó của phái đối lập. Cũng không phải là ngẫu nhiên mà cuộc hội nghị đó đã thông qua, với đa số tuyệt đối, một nghị quyết « tán thành đường lối chính trị và tổ chức của Ban Chấp hành trung ương ».

VỀ RA-PHA-IN

Tôi cho rằng Ra-pha-in là người đại biểu triệt để nhất và dứt khoát nhất của phái đối lập hiện nay, hoặc nói cho đúng hơn là của khối đối lập hiện nay. Trong một buổi tranh luận, Ra-pha-in tuyên bố rằng đảng ta đã thực tế biến thành một tổ chức quân sự, kỷ luật của đảng là kỷ luật quân sự, và do đó, cần phải xáo trộn toàn thể bộ máy của đảng từ trên xuống dưới, một bộ máy đã trở thành vô dụng và xa lạ với tính đảng thực sự. Tôi cho rằng những tư tưởng đó, hoặc những tư tưởng

cùng một loại như thế, cứ lởn vởn trong đầu óc những người đối lập hiện nay và vì nhiều lý do khác nhau họ không dám bày tỏ ra. Về mặt này, cần phải thừa nhận rằng Ra-pha-in đã tỏ ra dũng cảm hơn những người bạn cùng phái đối lập của mình.

Và tuy vậy, Ra-pha-in đã sai về căn bản. Đồng chí đó không những sai về hình thức, mà trước hết còn sai về thực chất. Vì nếu đảng ta quả thật đã biến thành một tổ chức quân sự hoặc thậm chí mới bắt đầu biến thành một tổ chức quân sự, thì chẳng phải rõ ràng là chúng ta khi đó sẽ không có đảng theo đúng nghĩa của danh từ đó, không có chuyên chính vô sản, không có cách mạng, hay sao.

Quân đội là gì?

Quân đội là một tổ chức biệt lập, thành lập từ trên xuống. Bản chất của quân đội đã giả định rằng đứng đầu nó là một bộ tham mưu do trên chỉ định và bộ tham mưu đó thành lập quân đội theo nguyên tắc cưỡng bách. Bộ tham mưu không những chỉ thành lập quân đội, mà còn cung cấp lương thực, quần áo, giầy dép, v.v. cho quân đội nữa. Về mặt vật chất, thì toàn quân đều hoàn toàn phụ thuộc vào bộ tham mưu. Chính trên cơ sở đó mà đặt kỷ luật quân sự, vi phạm kỷ luật đó thì sẽ bị một hình thức trừng phạt tối cao đặc biệt : xử bắn. Đó cũng là điều cắt nghĩa vì sao chỉ căn cứ vào kế hoạch chiến lược của mình bộ tham mưu có thể điều quân đội của mình đi bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào mình muốn.

Đảng là gì?

Đảng là đội tiền phong của giai cấp vô sản, thành lập từ dưới lên dựa theo nguyên tắc tự nguyện. Đảng cũng có bộ tham mưu của mình, nhưng không phải do trên chỉ định mà là do dưới, do toàn đảng bầu lên. Không phải là bộ tham mưu thành lập ra đảng mà ngược lại, chính đảng thành lập ra bộ

tham mưu của mình. Bản thân đảng được thành lập dựa trên nguyên tắc tự nguyện. Ở đây, giữa bộ tham mưu của đảng với toàn đảng không có sự phụ thuộc về vật chất mà chúng tôi đã nói ở trên về quân đội. Bộ tham mưu của đảng không cung cấp cho đảng, không cấp lương thực và quần áo cho đảng. Đó là một trong những lý do cắt nghĩa vì sao bộ tham mưu của đảng lại không thể cứ tự tiện điều đội ngũ đảng đi bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào theo ý mình, và chỉ có căn cứ vào lợi ích kinh tế và chính trị của giai cấp mà bản thân đảng là một bộ phận, mới có thể lãnh đạo được toàn đảng. Do đó mà có tính chất đặc biệt của kỷ luật đảng, là kỷ luật chủ yếu dựa vào phương pháp thuyết phục, khác hẳn với kỷ luật quân sự, là kỷ luật chủ yếu dựa vào phương pháp cưỡng bách. Do đó mà có sự khác nhau cơ bản giữa hình phạt cao nhất trong đảng (là khai trừ) và hình phạt cao nhất trong quân đội (là xử bắn).

Chỉ cần đem so sánh hai định nghĩa đó là đủ hiểu rõ sai lầm của Ra-pha-in kỳ quặc biết bao.

Đảng đã biến thành, như đồng chí đó nói, một tổ chức quân sự. Nhưng đảng làm thế nào có thể biến thành một tổ chức quân sự được, khi mà đảng không phụ thuộc về mặt vật chất vào bộ tham mưu của mình, khi mà đảng được xây dựng từ dưới lên dựa trên nguyên tắc tự nguyện, khi mà chính ngay đảng lập ra bộ tham mưu của mình? Nếu đảng biến thành một tổ chức quân sự thì làm thế nào giải thích được việc đông đảo công nhân gia nhập đảng, ảnh hưởng của đảng trong quần chúng ngoài đảng được tăng lên, uy tín của đảng trong các tầng lớp lao động trên toàn thế giới được tăng lên?

Chỉ có một trong hai lý do sau đây:

Hoặc là đảng tiêu cực và bị động đến tột độ, — nhưng như thế thì làm sao cắt nghĩa được rằng một đảng tiêu cực và bị

động như thế mà lại lôi cuốn được giai cấp vô sản cách mạng nhất trên thế giới đi theo mình và từ nhiều năm nay đã quản lý một nước cách mạng nhất trên thế giới?

Hoặc là đảng tích cực và chủ động, — nhưng như thế thì người ta không hiểu được vì sao một đảng tích cực và chủ động như thế mà trong thời gian đó lại vẫn chưa lật đổ được chế độ quân sự trong đảng, nếu như chế độ đó tồn tại thật sự trong nội bộ đảng.

Đảng ta đã từng tiến hành ba cuộc cách mạng, đã từng đánh bại Côn-tsắc và Đê-ni-kin và hiện giờ đang làm rung chuyển nền tảng của chủ nghĩa đế quốc thế giới, — chẳng phải rõ ràng là đảng đó sẽ không chịu nổi, dù chỉ trong một tuần, cái chế độ quân sự và chế độ mệnh lệnh mà Ra-pha-in đã nói đến một cách quá ư khinh suất và vong mạng, và đảng ta sẽ quét sạch chế độ đó trong nháy mắt để thiết lập một chế độ mới, không cần đợi Ra-pha-in phải kêu gọi, đó sao?

Giấc mơ khủng khiếp thật, nhưng thượng đế thì nhân từ. Vấn đề là ở chỗ: trước hết, Ra-pha-in quả thực đã lẫn lộn đảng với quân đội, quân đội với đảng, vì rõ ràng là đồng chí đó không hiểu thế nào là đảng, thế nào là quân đội; hai là bản thân Ra-pha-in rõ ràng đã không tin vào sự phát hiện của chính mình; đồng chí đó phải nói đến những danh từ « khủng khiếp » về chế độ mệnh lệnh trong đảng để luận chứng những khẩu hiệu chính của phái đối lập hiện nay là: a) quyền tự do lập các phe phái, và b) cách chức những người lãnh đạo của đảng, từ trên xuống dưới.

Rõ ràng là Ra-pha-in cảm thấy rằng nếu không dùng những danh từ « khủng khiếp » thì người ta sẽ không đưa ra những khẩu hiệu đó được.

Toàn bộ thực chất là ở chỗ đó.

VỀ BÀI BÁO CỦA PƠ-RÊ-Ô-BƠ-RA-GIEN-SKI

Đối với Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, thì lý do chủ yếu của những khuyết điểm trong sinh hoạt nội bộ của đảng là sự sai lầm về đường lối cơ bản về mặt xây dựng đảng. Đồng chí đó khẳng định rằng « từ hai năm nay, đảng đã thực hành một đường lối sai về cơ bản trong chính sách đối nội của mình », rằng « trong thời kỳ chính sách kinh tế mới, đường lối cơ bản của đảng về mặt xây dựng nội bộ đảng và về mặt chính sách trong nội bộ đảng » là không đúng đắn.

Đường lối cơ bản của đảng trong thời kỳ chính sách kinh tế mới là gì ? Trong đại hội X của mình, đảng đã thông qua một nghị quyết về chế độ dân chủ công nhân. Đảng làm như vậy có đúng không ? Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski cho rằng đảng làm như vậy là đúng. Cũng trong đại hội X đó, đảng đã thông qua một điều hạn chế quan trọng đối với chế độ dân chủ là cấm chỉ các nhóm phái. Đảng làm như vậy có đúng không ? Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski cho là không đúng, vì theo ý đồng chí đó, hạn chế như vậy là hạn chế tư tưởng độc lập của đảng. Trong đại hội XI, đảng lại thực hành những điều hạn chế mới nữa đối với chế độ dân chủ : quy định tuổi đảng v.v.. Đại hội XII chỉ đưa ra để xác nhận những điều hạn chế đó. Đảng đã thực hành những điều hạn chế như vậy để bảo đảm chống lại các thiên hướng tiểu tư sản trong điều kiện chính sách kinh tế mới, thì có đúng không ? Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski cho rằng đảng đã làm sai vì theo ý đồng chí đó, những điều hạn chế như vậy đã hạn chế tính chủ động của các tổ chức đảng. Kết luận thật rõ ràng : Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đề nghị thủ tiêu đường lối cơ bản của đảng về mặt này, tức đường lối đã được thông qua tại các đại hội X và XI trong điều kiện chính sách kinh tế mới.

Nhưng các đại hội X và XI đã họp dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Lê-nin. Chính đồng chí Lê-nin đã trình bày và đưa ra thông qua tại đại hội X nghị quyết cấm chỉ các nhóm phái (nghị quyết về sự thống nhất). Với sự tham gia trực tiếp của đồng chí Lê-nin, đại hội XI đã thông qua những biện pháp tiếp tục hạn chế dân chủ, tức là những quy định về điều kiện tuổi đảng, v.v.. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski có hiểu rằng mình, về thực chất, đã đề nghị thủ tiêu đường lối của đảng trong điều kiện chính sách kinh tế mới, một đường lối có liên hệ hữu cơ chủ nghĩa Lê-nin, hay không? Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski có bắt đầu hiểu được rằng đề nghị của mình đòi thủ tiêu đường lối cơ bản của đảng về mặt xây dựng đảng trong điều kiện chính sách kinh tế mới, về thực chất, chỉ là lặp lại một số đề nghị nào đó ở trong cái « cương lĩnh vô danh »[84] nổi tiếng đòi xét lại chủ nghĩa Lê-nin, hay không?

Chỉ cần đặt những câu hỏi đó là đủ hiểu được rằng đảng sẽ không đi theo con đường của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski.

Vậy thì Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đề nghị gì? Đồng chí đó đề nghị khôi phục sinh hoạt của đảng « như là hồi 1917 - 1918 », không hơn không kém. Về mặt đó, đặc điểm của những năm 1917 - 1918 là gì? Đặc điểm đó là: lúc bấy giờ, trong đảng ta có những nhóm và những phái, lúc đó các nhóm này tiến hành đấu tranh công khai và lúc đó đảng trải qua giờ phút nguy kịch có quan hệ đến vấn đề sống còn của đảng. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đòi phải khôi phục, ít ra là « từng phần », chế độ đó ở trong đảng, cái chế độ mà đại hội X đã xóa bỏ. Liệu đảng có thể đi vào con đường ấy được không? Không, không thể được. Trước hết, vì khôi phục sinh hoạt của đảng trên cơ sở những năm 1917 - 1918, là thời kỳ chưa có chính sách kinh tế mới, thì không đáp ứng và không thể đáp ứng được những yêu cầu của đảng trong những điều kiện năm 1923, là năm đã có chính sách kinh tế mới. Thứ hai, vì khôi phục chế độ đấu

tranh bè phái trước đây thì sẽ dẫn tới chỗ phá vỡ sự thống nhất của đảng, nhất là hiện nay vắng mặt đồng chí Lê-nin.

Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski có thiên hướng muốn miêu tả những điều kiện sinh hoạt nội bộ của đảng trong những năm 1917 - 1918 như là một cái gì hợp với nguyện vọng và lý tưởng. Nhưng chúng ta biết thời kỳ sinh hoạt nội bộ đó của đảng có nhiều khía cạnh đen tối, đã làm cho đảng lung lay trầm trọng. Dường như chưa bao giờ cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng của những người bôn-sê-vích lại quyết liệt như trong thời kỳ đó, thời kỳ hòa ước Bơ-rét - Li-tốp. Mọi người đều rõ, chẳng hạn, những người cộng sản « tả khuynh » lúc đó lập ra một phái riêng, đã đi đến chỗ gay gắt, thật sự đòi phải thay thế Hội đồng dân ủy lúc đó bằng một Hội đồng dân ủy mới, gồm những người trong phái của họ. Một bộ phận của những người đối lập hiện tại, — Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, Pi-a-ta-cốp, Stu-cốp và v.v., — lúc đó đã gia nhập phái của những người cộng sản « tả khuynh ».

Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski liệu có nghĩ đến việc « khôi phục » ở trong đảng ta chế độ « lý tưởng » cũ ấy không?

Rõ ràng là, bất luận thế nào, đảng cũng không đồng ý với sự « khôi phục » như vậy.

VỀ BÀI BÁO CỦA XA-PƠ-RÔ-NỐP

Xa-pơ-rô-nốp cho rằng nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm trong sinh hoạt nội bộ của đảng là trong bộ máy của đảng có những « nhà thông thái rởm của đảng », những « bà giáo » giữ việc « giáo dục các đảng viên » bằng « phương pháp nhà trường » và làm như vậy là họ cản trở việc giáo dục thực sự các đảng viên ngay trong tiến trình của cuộc đấu tranh. Sau khi làm cho các cán bộ trong bộ máy của đảng

ta biến thành những « bà giáo » như vậy, Xa-pơ-rô-nốp không muốn tự hỏi xem thế thì do đâu mà có những con người đó và làm thế nào mà các « nhà thông thái rởm của đảng » lại có thể chiếm được ưu thế trong công tác của đảng ta ? Khi đưa ra cái luận điểm quá ư mị dân và mạo hiểm và coi như đã được chứng minh đó, Xa-pơ-rô-nốp đã quên rằng một người mác-xít thì không thể thỏa mãn với những câu châm ngôn giản đơn, mà trước hết phải hiểu rõ hiện tượng nếu hiện tượng đó thực sự tồn tại trong giới tự nhiên, và phải giải thích hiện tượng đó, để sau đó định ra những biện pháp thiết thực nhằm cải thiện được hiện tượng ấy. Nhưng rõ ràng là Xa-pơ-rô-nốp không thiết gì đến chủ nghĩa Mác. Đồng chí đó bất kỳ thế nào cũng phải thóa mạ bộ máy của đảng cho bằng được, cho rằng làm như vậy thì tất cả các việc khác sẽ giải quyết được tốt ! Ác tâm của những « nhà thông thái rởm của đảng », theo ý kiến Xa-pơ-rô-nốp thì đó là nguyên nhân gây nên những khuyết điểm trong sinh hoạt nội bộ đảng ta. Giải thích đúng đắn thật, — điều đó không có gì phải nói nữa.

Nhưng người ta chỉ không hiểu :

1) Các « bà giáo » đó và các « nhà thông thái rởm của đảng » đó làm thế nào mà đã có thể giữ vững được sự lãnh đạo đối với giai cấp vô sản cách mạng nhất trên thế giới ?

2) Những « cậu học sinh của đảng » đã được giao phó cho các « bà giáo » giáo dục, làm thế nào có thể giữ vững được sự lãnh đạo một nước cách mạng nhất trên thế giới ?

Rõ ràng là dù sao đi nữa, nói ba hoa về những « nhà thông thái rởm của đảng » cũng vẫn còn dễ hơn nhiều là hiểu rõ và đánh giá những ưu điểm rất lớn của bộ máy đảng ta.

Xa-pơ-rô-nốp muốn sửa chữa những khuyết điểm trong sinh hoạt nội bộ của đảng ta như thế nào ? Liều thuốc của đồng chí đó dùng cũng giản đơn như cách chẩn đoán thôi. « Thay

đòi bộ phận sĩ quan », cách chức những cán bộ phụ trách hiện nay, — đó là phương thuốc của Xa-pơ-rô-nốp. Đồng chí ấy coi đó là cái bảo đảm chủ yếu để thực hiện chế độ dân chủ trong nội bộ đảng. Đứng về mặt chế độ dân chủ mà nói, tôi không hề phủ nhận ý nghĩa của những cuộc bầu cử lại, để cải thiện sinh hoạt nội bộ của đảng ta. Nhưng coi đó là cái bảo đảm chủ yếu thì chính là không hiểu gì về sinh hoạt nội bộ của đảng, về những khuyết điểm của đảng. Trong hàng ngũ phái đối lập có những người như Bi-ê-lô-bô-rô-đốp, mà công nhân ở Rô-stốp vẫn chưa quên « chế độ dân chủ » của y ; như Rô-den-hôn-dơ, mà « chế độ dân chủ » của y đã làm khốn đốn những người làm công tác vận tải đường thủy và đường sắt ; như Pi-a-ta-cốp, mà « chế độ dân chủ » của y đã làm cả miền Đôn-bát-xơ không phải là kêu lên mà là gào lên ; như An-ski, mà ai nấy đều đã biết « chế độ dân chủ » của y ; như Bức-cơ mà « chế độ dân chủ » của y cho đến nay vẫn làm cho miền Khô-re-dơ-mơ gào lên. Xa-pơ-rô-nốp có nghĩ rằng nếu thay thế những « nhà thông thái rởm của đảng » hiện nay bằng những « đồng chí thân mến » mà tôi vừa dẫn ra, thì chế độ dân chủ sẽ thu được thắng lợi trong nội bộ đảng, hay không ? Cho phép tôi có đôi chút hoài nghi về vấn đề này.

Rõ ràng là hiện có hai thứ dân chủ : dân chủ của những quần chúng đảng viên, đang thiết tha mong muốn phát huy tính chủ động và tham gia tích cực vào việc lãnh đạo của đảng, và thứ « dân chủ » của những ông lớn bất mãn trong đảng, những kẻ coi thực chất của dân chủ là đem một số người này thay thế cho một số người khác. Đảng sẽ tán thành loại dân chủ thứ nhất và sẽ kiên quyết thực hiện loại dân chủ đó. Nhưng đảng sẽ bác bỏ thứ « dân chủ » của những ông lớn bất mãn là cái không có chút gì giống với chế độ dân chủ công nhân chân chính trong nội bộ đảng.

Để bảo đảm chế độ dân chủ trong nội bộ đảng, trước hết phải thủ tiêu những tàn dư và tập quán của thời chiến hiện vẫn còn tồn tại trong đầu óc một số cán bộ chúng ta, khiến họ đi đến chỗ không coi đảng là một cơ cấu độc lập, mà lại coi đảng là một hệ thống những thiết chế. Song không thể thủ tiêu những tàn dư đó trong một thời hạn rất ngắn được.

Thứ hai, để bảo đảm chế độ dân chủ trong nội bộ đảng, phải thủ tiêu áp lực của bộ máy nhà nước quan liêu của chúng ta gồm khoảng một triệu viên chức, đối với bộ máy của đảng chỉ có không quá hai đến ba vạn người. Song cũng rõ ràng là không thể trong một thời hạn rất ngắn thủ tiêu được áp lực của cái bộ máy nặng nề ấy và bắt nó phục tùng mình được.

Thứ ba, để bảo đảm chế độ dân chủ trong nội bộ đảng, cần phải nâng cao trình độ văn hóa cho hàng loạt chi bộ lạc hậu của chúng ta, và phải phân bố một cách đúng đắn các cán bộ tích cực của chúng ta trên toàn bộ lãnh thổ Liên minh, và một lần nữa, điều này cũng không thể đạt được trong một thời hạn rất ngắn.

Như các đồng chí đều thấy rõ, việc bảo đảm một chế độ dân chủ đầy đủ không giản đơn như Xa-pơ-rô-nốp tưởng tượng, dĩ nhiên là nếu người ta hiểu dân chủ không phải là thứ dân chủ trống rỗng và hình thức của Xa-pơ-rô-nốp, mà là thứ dân chủ thực sự chân chính, thứ dân chủ của công nhân.

Hiển nhiên là toàn đảng, từ dưới lên trên, cần phải dốc toàn lực ra để bảo đảm và thực hành chế độ dân chủ chân chính trong nội bộ đảng.

VỀ BỨC THƯ CỦA TƠ-RỐT-SKI

Nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương về chế độ dân chủ trong đảng, công bố ngày 7 tháng Chạp, đã được nhất trí thông qua. Tơ-rốt-ski đã

bỏ phiếu tán thành. Vì vậy người ta có thể nghĩ rằng các ủy viên Ban Chấp hành trung ương, trong đó có Tơ-rốt-ski, sẽ thống nhất kêu gọi các đảng viên nhất trí ủng hộ Ban Chấp hành trung ương và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Song ý nghĩ đó không được chứng thực trong thực tế. Vài ngày sau, Tơ-rốt-ski đã gửi các hội nghị đảng một bức thư mà người ta chỉ có thể giải thích là một mưu toan muốn làm suy yếu ý chí của các đảng viên thống nhất ủng hộ Ban Chấp hành trung ương và lập trường của Ban Chấp hành trung ương.

Xin để các đồng chí tự phán đoán.

Khi nói đến chủ nghĩa quan liêu trong bộ máy của đảng và nguy cơ thoái hóa của đội cận vệ lão thành, tức là những người lê-nin-nít, hạt nhân cơ bản của đảng, Tơ-rốt-ski đã viết :

« Trong lịch sử, đã thấy nhiều lần « đội cận vệ lão thành » bị thoái hóa. Hãy lấy ví dụ lịch sử mới đây nhất và nổi bật nhất : các lãnh tụ và các đảng của Quốc tế II. Quả thực, chúng ta đều biết Vin-hem Liếp-nếch, Bê-ben, Xin-ghe, Vích-to Át-le, Cau-sky, Béc-stanh, La-phác-gơ, Ghe-sđơ và các đồng chí khác đã từng là những học trò trực tiếp của Mác và Ăng-ghen. Song chúng ta đều biết rằng tất cả các lãnh tụ đó, — người thì từng phần, người thì hoàn toàn, — đã thoái hóa và sa vào chủ nghĩa cơ hội »... « Chúng ta, những « bậc lão thành », chính chúng ta phải nói rằng thế hệ chúng ta, tự nhiên là đang đóng vai trò lãnh đạo trong đảng, nhưng tự mình không có một sự bảo đảm nào để chống lại tình trạng tinh thần vô sản và tinh thần cách mạng suy yếu dần nếu cứ để cho đảng tiếp tục phát triển và củng cố những phương pháp của bộ máy quan liêu để thực hiện chính sách, những phương pháp đó biến thế hệ trẻ thành một đối tượng giáo dục thụ động và tất nhiên tạo nên quan hệ lạnh nhạt giữa bộ máy và quần chúng, giữa người già và người trẻ »... « Thanh niên là cái phong vũ biểu đáng tin cậy của đảng? chính họ là những người phản ứng lại chủ nghĩa quan liêu trong đảng một cách mạnh mẽ nhất »... Thanh niên cần phải thông qua đấu tranh để lĩnh hội được những công thức cách mạng... ».

Trước tiên, tôi phải đánh tan một sự hiểu lầm có thể có. Như có thể thấy rõ trong bức thư của Tơ-rốt-ski, đồng chí ấy tự đặt mình trong hàng ngũ đội cận vệ bôn-sê-vích lão thành, và do đó đồng chí ấy tuyên bố sẵn sàng gánh lấy phần

những lời trách cứ có thể đổ lên đầu đội cận vệ lão thành, nếu quả thật đội cận vệ đang bước vào con đường thoái hóa. Cần phải thừa nhận rằng thái độ sẵn sàng hy sinh đó chắc chắn là một đặc điểm cao quý. Nhưng tôi phải bảo vệ Tơ-rốt-ski để đồng chí đó khỏi tự mình hại mình, vì với những lý do rất dễ hiểu rằng đồng chí đó không thể và cũng không nên chịu trách nhiệm về tình trạng các cán bộ chủ yếu trong đội cận vệ bôn-sê-vích lão thành có thể bị thoái hóa. Đương nhiên hy sinh là một điều tốt ; nhưng người bôn-sê-vích lão thành có cần thiết phải hy sinh như vậy không. Tôi cho rằng không cần phải như vậy.

Hai là, người ta không hiểu vì sao có thể đem những phần tử cơ hội chủ nghĩa và men-sê-vích như Béc-stanh, Át-le, Cau-sky, Ghe-sđơ và v.v., đặt ngang hàng với đội cận vệ bôn-sê-vích lão thành đã từng liên tục chiến đấu và tôi hy vọng là sẽ luôn luôn chiến đấu một cách vẻ vang chống chủ nghĩa cơ hội, chống bọn men-sê-vích, chống Quốc tế II. Do đâu mà có cái tư tưởng hỗn độn, lẫn lộn đó và nếu người ta xuất phát từ lợi ích của đảng, chứ không phải vì những lý do phụ mà mục đích tuyệt nhiên không phải là bảo vệ cho đội cận vệ lão thành, thì liệu cái tư tưởng hỗn độn, lẫn lộn đó có thể phục vụ cho ai ? Làm sao hiểu được những điểm ám chỉ chủ nghĩa cơ hội như vậy đối với những người bôn-sê-vích lão thành đã trưởng thành trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội ?

Ba là, tôi không hề nghĩ rằng những người bôn-sê-vích lão thành đều tuyệt đối bảo đảm tránh khỏi nguy cơ thoái hóa, cũng như tôi không có lý do để khẳng định rằng chúng ta đều tuyệt đối bảo đảm tránh khỏi chẳng hạn những cuộc động đất. Có thể và cần phải thừa nhận rằng ở đấy có một nguy cơ *có thể xảy ra*. Song phải chăng như vậy có nghĩa là nguy cơ đó là nguy cơ *có thực*, đã phát sinh ? Tôi cho rằng không phải như vậy. Vả lại, chính bản thân Tơ-rốt-ski cũng không hề đưa ra một tài liệu nào nói rõ nguy cơ thoái hóa là nguy cơ có thực.

Tuy vậy, trong nội bộ đảng ta vẫn có những phần tử có thể làm nảy sinh ra nguy cơ thực tế, làm thoái hóa một số bộ phận nào đó của đảng ta. Tôi muốn nói đến một bộ phận những người men-sê-vích đã *miễn cưỡng* gia nhập đảng ta và hiện nay họ vẫn chưa từ bỏ những tập quán cơ hội chủ nghĩa cũ của họ. Dưới đây là lời đồng chí Lê-nin viết về những phần tử men-sê-vích ấy và về cái nguy cơ đó trong thời kỳ chúng ta thanh đảng :

« Hết thảy mọi phần tử cơ hội chủ nghĩa đều có tài thích ứng với hoàn cảnh... và những phần tử men-sê-vích, là bọn cơ hội chủ nghĩa, có thể nói là « về nguyên tắc » đều thích ứng với cái khuynh hướng đang thống trị trong công nhân ; chúng che giấu bằng một màu sắc bảo vệ, giống như con thỏ đến mùa đông thì đổi thành màu trắng vậy. Cần phải biết và cần phải tính đến đặc điểm đó của bọn men-sê-vích. Và tính đến đặc điểm đó thì như vậy có nghĩa là thanh trừng ra khỏi đảng khoảng chừng 99% những phần tử men-sê-vích đã tham gia Đảng cộng sản Nga hồi sau năm 1918, tức là khi thắng lợi của những người bôn-sê-vích đã bắt đầu trở thành lúc đầu là điều có thể có được, rồi sau là điều chắc chắn » (xem tập XXVII, tr. 23).

Làm thế nào Tơ-rốt-ski đã có thể quên không thấy được nguy cơ đó và các nguy cơ tương tự khác là những nguy cơ tồn tại thực tế và đã đặt lên hàng đầu một nguy cơ có thể xảy ra, tức là nguy cơ thoái hóa của đội cận vệ bôn-sê-vích lão thành ? Làm sao người ta lại có thể nhắm mắt làm ngơ trước một nguy cơ có thực và lại có thể đặt lên hàng đầu một nguy cơ, nói cho đúng ra, một nguy cơ có thể xảy ra, không có thực nếu người ta xuất phát từ lợi ích của đảng mà không tìm cách phá vỡ uy tín của đa số trong Ban Chấp hành trung ương, là hạt nhân lãnh đạo của đội cận vệ bôn-sê-vích lão thành ? Chẳng phải rõ ràng là những cách « đề cập » vấn đề như vậy chỉ là có lợi cho phái đối lập, hay sao ?

Bốn là, tại sao Tơ-rốt-ski lại đem ***đối lập*** những « người lão thành » có thể thoái hóa với thanh niên là « cái phong vũ biểu đáng tin cậy » của đảng, và « đội cận vệ lão thành » có thể quan liêu hóa với « đội cận vệ thanh niên » là người phải « thông qua đấu tranh để lĩnh hội được những công thức cách mạng »? Tại sao lại đối lập như vậy và đối lập để làm gì? Thanh niên và đội cận vệ lão thành chẳng phải là luôn luôn kết thành một mặt trận thống nhất chống thù trong giặc ngoài, đó sao? Sự thống nhất giữa những « người lão thành » với « thanh niên » chẳng phải là lực lượng chủ yếu của cuộc cách mạng của chúng ta đó sao? Tại sao lại có mưu toan làm mất thanh danh đội cận vệ lão thành và phỉnh nịnh thanh niên theo lối mị dân như vậy đặng tạo ra và mở rộng một đường rạn nứt giữa hai đội ngũ chủ yếu đó của đảng ta? Tất cả điều đó cần cho ai, nếu người ta xuất phát từ lợi ích, từ sự thống nhất, sự đoàn kết của đảng mà không tìm cách làm lung lay sự thống nhất đó để có lợi cho phái đối lập?

Phải chăng như vậy là người ta bảo vệ Ban Chấp hành trung ương và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương về chế độ dân chủ trong đảng, một nghị quyết đã được nhất trí thông qua?

Vả lại, rõ ràng là Tơ-rốt-ski đã không đề ra cho mình nhiệm vụ đó khi gửi thư cho các hội nghị của đảng. Rõ ràng ở đây đồng chí đó có dụng tâm khác, đó là: dùng thủ đoạn ngoại giao để ủng hộ phái đối lập trong cuộc đấu tranh của chúng chống lại Ban Chấp hành trung ương đảng, che giấu dưới nhãn hiệu bảo vệ nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương.

Đó chính là điều giải thích vì sao bức thư của Tơ-rốt-ski lại mang dấu vết tính chất lập lờ hai mặt.

Tơ-rốt-ski đã liên minh với phái tập trung dân chủ và với một bộ phận những người cộng sản « tả khuynh » : đó là ý nghĩa chính trị trong bức thư của Tơ-rốt-ski.

« Sự thật » số 285,
15 tháng Chạp 1923

Ký tên: J. Sta-lin

MỘT NHẬN XÉT CẦN THIẾT

(Về Ra-pha-in)

Trong bài báo của tôi « Về cuộc tranh luận, về Ra-pha-in, v.v..», đăng trên tờ *Sự thật* (số 285), tôi có nói rằng theo lời tuyên bố của Ra-pha-in trong cuộc họp tại Pơ-re-sni-a, thì « đảng ta đã thực tế biến thành một tổ chức quân sự, kỷ luật của đảng là kỷ luật quân sự, và do đó cần phải rũ sạch toàn thể bộ máy của đảng từ trên xuống dưới, bộ máy đã trở thành vô dụng ». Về điểm này, trong bài báo của mình đăng trên tờ *Sự thật*, Ra-pha-in phát biểu rằng tôi đã diễn đạt không đúng những ý kiến của đồng chí đó, rằng tôi đã « đơn giản hóa » những ý kiến đó « trong lúc bút chiến hăng say », và v.v.. Ra-pha-in nói rằng đồng chí ấy chỉ nêu ra một sự tương tự (một sự so sánh) giữa đảng và quân đội, và tương tự thì không phải là sự đồng nhất. Đồng chí đó nói : « Hệ thống lãnh đạo của đảng tương tự như hệ thống lãnh đạo của quân đội, như vậy không có nghĩa là chép lại đúng hệt, mà chỉ là đem đối chiếu hai cái với nhau thôi ».

Ra-pha-in nói có đúng không ?

Không, không đúng. Đây là lý do vì sao không đúng.

Một là, trong bài nói của mình tại cuộc họp ở Pơ-re-sni-a, Ra-pha-in đã không chỉ đơn thuần so sánh đảng với quân đội như hiện nay đồng chí đó khẳng định, mà thực tế đồng chí đó đã coi đảng với quân đội là một, cho rằng đảng xây dựng theo kiểu quân đội. Trước mặt tôi là bản tốc ký bài nói của Ra-pha-in, đã được chính Ra-pha-in xem lại. Trong bài đó có

nói : « Toàn thể đảng ta, từ dưới lên trên, đều được xây dựng theo kiểu quân đội ». Vị tất đã có thể phủ nhận được rằng ở đây chúng ta không phải chỉ có sự tương tự đơn thuần, mà là sự coi như nhau, sự đồng nhất cơ cấu của đảng và cơ cấu của quân đội.

Liệu có thể khẳng định rằng đảng ta được xây dựng theo kiểu quân đội, không? Hiển nhiên là không : vì đảng được xây dựng từ dưới lên, theo nguyên tắc tự nguyện, không phụ thuộc về vật chất vào bộ tham mưu của mình, do đảng bầu ra ; còn quân đội, như mọi người đều biết, được thành lập từ trên xuống, theo nguyên tắc cưỡng bức, và bị phụ thuộc hoàn toàn về vật chất vào bộ tham mưu của nó, do cấp trên chỉ định chứ không phải do ai bầu ra v.v., v.v..

Hai là, Ra-pha-in không phải chỉ đơn thuần so sánh hệ thống lãnh đạo đảng với hệ thống lãnh đạo quân đội, mà còn coi hệ thống thứ nhất như hệ thống sau, đồng nhất « hẳn » hai hệ thống đó. Đây là lời đồng chí đó viết trong bài báo của mình : « Chúng ta xác nhận rằng hệ thống lãnh đạo của đảng ***đồng nhất*** với hệ thống lãnh đạo của quân đội, không phải là chúng ta dựa vào những lý do không liên quan gì với vấn đề đó, mà là dựa vào việc phân tích khách quan tình hình ở trong đảng ». Không thể phủ nhận được rằng ở đây, Ra-pha-in không phải chỉ coi là có sự tương tự giữa sự lãnh đạo đảng và sự lãnh đạo quân đội, vì đồng chí ấy đã « đơn thuần » đồng nhất « hẳn » hai sự lãnh đạo đó.

Liệu có thể đồng nhất hai hệ thống lãnh đạo đó được không ? Không được, vì hệ thống lãnh đạo của quân đội, với tư cách là một hệ thống, thì không thể nào tương dung với bản chất của đảng và với phương pháp công tác của đảng đối với đảng viên cũng như đối với quần chúng ngoài đảng.

Ba là, trong bài báo của mình, Ra-pha-in đã quả quyết rằng vận mệnh của toàn đảng và của riêng từng đảng viên một

rốt cuộc đều tùy thuộc vào bản đăng ký và phân phối của Ban Chấp hành trung ương ; rằng « các đảng viên đều coi là những người bị động viên, ban đăng ký và phân phối đó giao công tác cho ***tất cả mọi người, không một ai***, dù với một mức độ nào đi nữa, có quyền tự định đoạt, và ban đăng ký và phân phối, hoặc « bộ tham mưu », ấn định mức cung cấp, tức là tiền lương, ấn định hình thức công tác, v.v. ». Tất cả điều đó có đúng không ? Đương nhiên là không ! Trong thời bình, thường thường mỗi năm đều có tám đến mười nghìn người là do ban đăng ký và phân phối của Ban Chấp hành trung ương điều động. Qua báo cáo của Ban Chấp hành trung ương tại đại hội XII của Đảng cộng sản Nga[85] mọi người đều biết rằng năm 1922, ban đăng ký và phân phối đó đã bố trí điều động 10.700 người (kém đi hai lần so với 1921). Nếu trong con số đó, trừ đi 1.500 người được các đảng bộ địa phương cử vào các cơ quan giáo dục và trừ đi những người nghỉ ốm (có hơn 400), thì còn lại hơn 8.000 người một chút. Trong số đó, Ban Chấp hành trung ương, trong một năm, đã phân phối 5.167 cán bộ phụ trách (tức chưa đầy nửa tổng số người đã được ban đăng ký và phân phối điều động). Song, trong thời gian đó, đảng không phải là có 5.000 hoặc 10.000, mà có khoảng 500.000 đảng viên : công tác của số rất đông đảng viên đó không phải và không thể do ban đăng ký và phân phối của Ban Chấp hành trung ương phân phối. Rõ ràng là Ra-pha-in đã quên mất rằng trong thời bình Ban Chấp hành trung ương thường chỉ phân phối những cán bộ phụ trách và ban đăng ký và phân phối của Ban Chấp hành trung ương không ấn định, không thể ấn định mà cũng không nên ấn định « mức tiền lương » cho tất cả các đảng viên, hiện nay gồm hơn 400.000 người. Tại sao Ra-pha-in lại đi dùng cái lối cường điệu nực cười như vậy ? Rõ ràng là để chứng tỏ « bằng thực tế » sự

« đồng nhất » của hệ thống lãnh đạo của đảng với hệ thống lãnh đạo của quân đội.

Sự thật là như vậy đó.

Đó là lý do vì sao trước kia và hiện nay tôi vẫn nghĩ rằng Ra-pha-in « không hiểu một chút gì về đảng cũng như về quân đội cả ».

Còn về những đoạn trích dẫn mà đồng chí đó lấy trong các nghị quyết đại hội X, thì ý nghĩa của những đoạn trích dẫn đó chẳng ăn nhập gì với trường hợp này, vì những đoạn trích dẫn đó chỉ liên quan đến những tàn dư của thời chiến ở trong đảng ta, chứ không liên quan đến cái gọi là « sự đồng nhất giữa hệ thống lãnh đạo của đảng với hệ thống lãnh đạo của quân đội ».

Ra-pha-in nói có lý rằng cần phải sửa chữa sai lầm của mình, đừng nên giữ mãi sai lầm. Chính vì thế cho nên tôi vẫn hy vọng là cuối cùng đồng chí đó sẽ sửa chữa được những sai lầm mà đồng chí đó đã phạm phải.

« Sự thật » số 294,
28 tháng Chạp 1923
Ký tên: J. Sta-lin

CHÀO MỪNG BÁO *NGƯỜI CỘNG SẢN*[86]

Thân ái chúc mừng báo *Người cộng sản* nhân dịp báo xuất bản đến số một nghìn. Tôi hy vọng tờ báo trở thành ngọn đèn pha đáng tin cậy, soi sáng cho quần chúng lao động phương Đông thấy rõ con đường đi đến thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa cộng sản.

Bí thư Ban Chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Nga
Sta-lin

« Công nhân Ba-cu »
số 294 (1022),
30 tháng Chạp 1923

PHỤ LỤC

Phụ lục số 1

TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP LIÊN MINH CÁC NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ-VIẾT

Từ khi các nước cộng hòa xô-viết thành lập, những quốc gia trên thế giới phân chia thành hai phe : phe tư bản chủ nghĩa và phe xã hội chủ nghĩa.

Ở kia, trong phe tư bản chủ nghĩa, là sự thù hằn và bất bình đẳng giữa các dân tộc, là sự nô dịch thuộc địa và chủ nghĩa sô-vanh, là sự áp bức dân tộc và thảm sát, là sự tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh đế quốc chủ nghĩa.

Ở đây, trong phe xã hội chủ nghĩa, là sự tin cậy lẫn nhau và hòa bình, là tự do và bình đẳng giữa các dân tộc, là sự chung sống hòa bình và hợp tác anh em giữa các dân tộc.

Trong hàng chục năm qua, mưu toan của thế giới tư bản chủ nghĩa hòng giải quyết vấn đề dân tộc bằng cách dung hòa sự phát triển một cách tự do của các dân tộc với chế độ người bóc lột người, đã tỏ ra không có hiệu quả. Trái lại, cái mối bòng bong những mâu thuẫn dân tộc cứ ngày càng thêm rối, đe dọa chính ngay sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản đã tỏ ra bất lực, không thể làm cho các dân tộc hợp tác với nhau.

Chỉ có trong phe Xô-viết, chỉ có trong điều kiện chuyên chính của giai cấp vô sản, một nền chuyên chính tập hợp được đa số nhân dân chung quanh mình, mới có thể thủ tiêu tận gốc rễ nạn áp bức dân tộc, mới có thể tạo ra một không khí tin cậy lẫn nhau và đặt nền móng cho sự hợp tác anh em giữa các dân tộc.

Chỉ có nhờ những tình hình ấy, các nước cộng hòa xô-viết mới có thể đập tan được những cuộc tấn công của bọn đế quốc trên toàn thế giới, cả trong lẫn ngoài.

Chỉ có nhờ những tình hình ấy, các nước cộng hòa xô-viết mới thủ tiêu được một cách thắng lợi cuộc nội chiến, bảo đảm được sự tồn tại của mình và bắt tay vào công cuộc hòa bình xây dựng kinh tế.

Nhưng những năm chiến tranh đã để lại những vết tích. Đồng ruộng bị tàn phá, nhà máy ngừng chạy, các lực lượng sản xuất bị tiêu hủy và tài nguyên kinh tế khánh kiệt, cái di sản ấy do chiến tranh để lại đã khiến cho những nỗ lực riêng biệt của những nước cộng hòa riêng biệt trong công cuộc xây dựng kinh tế là không đủ. Trong điều kiện các nước cộng hòa cứ tiếp tục sống một cách riêng rẽ thì công cuộc phục hồi nền kinh tế quốc dân sẽ không thể nào thực hiện được.

Mặt khác, tính chất không ổn định của tình hình quốc tế và nguy cơ tấn công mới khiến không thể không hình thành một mặt trận thống nhất các nước cộng hòa xô-viết để đối phó với sự bao vây của chủ nghĩa tư bản.

Sau hết, chính ngay cái cơ cấu của Chính quyền xô-viết, có tính chất quốc tế do bản chất giai cấp của nó, cũng thúc đẩy quần chúng lao động trong các nước cộng hòa xô-viết vào con đường liên hợp trong một gia đình xã hội chủ nghĩa.

Tất cả những tình hình ấy nhất thiết đòi hỏi các nước cộng hòa xô-viết phải liên hợp lại thành một quốc gia liên minh, có thể vừa bảo đảm nền an ninh bên ngoài, vừa bảo đảm sự phồn vinh kinh tế bên trong và sự tự do phát triển của nhân dân các dân tộc.

Ý chí của các dân tộc các nước cộng hòa xô-viết, vừa mới họp đại hội các Xô-viết của mình và đã nhất trí thông qua quyết định về việc thành lập « Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết », ý chí đó là một bảo đảm chắc chắn chứng tỏ rằng Liên minh ấy là một sự liên hợp tự nguyện của những dân tộc có quyền bình đẳng ; rằng mỗi nước cộng hòa vẫn có quyền tự do ra khỏi Liên minh ; rằng tất cả các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết hiện có hoặc sau này sẽ thành lập, cũng đều được gia nhập Liên minh ; rằng quốc gia liên minh mới sẽ là thành quả huy hoàng của nguyên tắc chung sống hòa bình và hợp tác anh em giữa các dân tộc, cơ sở của nguyên tắc đó đã được đề ra từ tháng Mười 1917 ; rằng nó sẽ là một thành trì vững vàng để chống lại chủ nghĩa tư bản thế giới và sẽ là một bước mới có tính chất quyết định trên

con đường liên hợp những người lao động tất cả các nước thành một Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết thế giới.

Trong khi đọc bản tuyên ngôn này trước thế giới, và trịnh trọng tuyên bố tính vững vàng của những cơ sở của Chính quyền xô-viết, trình bày trong những hiến pháp của các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, tức là những nước đã ủy quyền cho chúng tôi, chúng tôi, những đại biểu của các nước cộng hòa ấy, căn cứ quyền đã được ủy nhiệm, chúng tôi quyết định ký hiệp ước thành lập « Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ».

Phụ lục số 2

HIỆP ƯỚC THÀNH LẬP LIÊN MINH CÁC NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ-VIẾT

Nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Nga, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch Nga và nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ (Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni) ký kết bản hiệp ước liên minh này về việc liên hợp thành một quốc gia liên minh : « Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết » trên cơ sở những nguyên tắc sau đây :

1. Quyền hạn của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, do những cơ quan tối cao của Liên minh chấp hành, là :

a) đại diện cho Liên minh trong các quan hệ quốc tế ;

b) sửa đổi biên giới của Liên minh ;

c) ký kết hiệp ước thừa nhận các nước cộng hòa mới gia nhập Liên minh ;

d) tuyên chiến và ký hòa ước ;

đ) ký kết những hiệp định vay tiền của nước ngoài ;

e) phê chuẩn những hiệp ước quốc tế ;

g) quy định các chế độ nội thương và ngoại thương ;

h) quy định những nguyên tắc và kế hoạch chung cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân của Liên minh và ký kết những hiệp ước về tô nhượng ;

i) điều chỉnh về vận tải và bưu điện ;

k) quy định những nguyên tắc tổ chức những lực lượng vũ trang của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ;

l) phê chuẩn ngân sách quốc gia thống nhất của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, định các chế độ tiền tệ,

tín phiếu, tín dụng và chế độ thuế khóa cho toàn Liên minh và cho các nước cộng hòa và các địa phương ;

m) quy định những nguyên tắc chung về chế độ ruộng đất và chế độ sử dụng ruộng đất, cũng như về khai thác khoáng sản, lâm sản và thủy sản trong toàn cõi Liên minh ;

n) quy định pháp chế chung cho toàn Liên minh về việc di dân ;

o) quy định những nguyên tắc tổ chức tòa án và tố tụng và quy định pháp chế dân sự và hình sự cho toàn Liên minh ;

p) quy định những đạo luật cơ bản về lao động ;

q) quy định những nguyên tắc chung về giáo dục nhân dân ;

r) quy định những biện pháp chung trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe nhân dân ;

s) quy định hệ thống đo lường ;

t) tổ chức thống kê chung cho toàn Liên minh ;

u) quy định pháp chế cơ bản về quyền công dân trong Liên minh và quyền của ngoại kiều ;

v) ban hành đại xá ;

x) hủy bỏ những hiệp ước liên minh trái với nghị quyết do các đại hội Xô-viết, các Ban Chấp hành trung ương và các Hội đồng dân ủy của các nước cộng hòa trong Liên minh đề ra.

2. Cơ quan có quyền lực tối cao trong Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết là đại hội các Xô-viết của Liên minh và, trong khoảng giữa các đại hội, là Ban Chấp hành trung ương của Liên minh.

3. Đại hội các Xô-viết của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết gồm đại biểu các Xô-viết thành thị (theo tỷ lệ 25 nghìn cử tri được cử 1 đại biểu), và đại biểu các đại hội các Xô-viết tỉnh (theo tỷ lệ 125 nghìn người được cử một đại biểu).

4. Những đại biểu dự đại hội các Xô-viết toàn Liên minh là do các đại hội các Xô-viết tỉnh cử ra.

5. Những đại hội thường lệ của các Xô-viết toàn Liên minh là do Ban Chấp hành trung ương Liên minh triệu tập mỗi năm một lần ; những đại hội bất thường là do Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh triệu tập theo quyết định riêng của Ban Chấp hành ấy hoặc theo yêu cầu ít nhất là của hai nước cộng hòa liên minh.

6. Đại hội các Xô-viết toàn Liên minh bầu ra một Ban Chấp hành trung ương, gồm các đại biểu của các nước cộng hòa trong Liên minh theo tỷ lệ dân số của mỗi nước cộng hòa, và tổng số đại biểu là 371 người.

7. Những phiên họp thường lệ của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh được triệu tập một năm ba lần. Những phiên họp bất thường được triệu tập theo quyết nghị của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh hoặc theo yêu cầu của Hội đồng dân ủy toàn Liên minh và của Ban Chấp hành trung ương của một nước cộng hòa liên minh.

8. Đại hội các Xô-viết và những phiên họp của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh được triệu tập tại thủ đô các nước cộng hòa liên minh theo trình tự do Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh quy định.

9. Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh bầu ra Đoàn chủ tịch là cơ quan quyền lực tối cao của Liên minh trong khoảng giữa hai phiên họp của Ban Chấp hành trung ương.

10. Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh gồm 19 ủy viên, trong số đó Ban chấp hành trung ương toàn Liên minh bầu ra 4 Chủ tịch của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh, căn cứ theo số lượng nước cộng hòa liên minh.

11. Cơ quan chấp hành của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh là Hội đồng dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ; Hội đồng ấy do Ban Chấp hành trung ương bầu ra trong thời hạn nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trung ương đó và gồm có như sau :

Chủ tịch Hội đồng dân ủy toàn Liên minh,
Các Phó Chủ tịch,
Bộ trưởng dân ủy Ngoại giao,
Bộ trưởng dân ủy Lục quân và Hải quân,
Bộ trưởng dân ủy Ngoại thương,
Bộ trưởng dân ủy Giao thông,
Bộ trưởng dân ủy Bưu điện,
Bộ trưởng dân ủy Kiểm tra công nông,
Chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao,
Bộ trưởng dân ủy Lao động,
Bộ trưởng dân ủy Lương thực,

Bộ trưởng dân ủy Tài chính.

12. Nhằm mục đích thiết lập pháp chế cách mạng trong toàn cõi Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết và để thống nhất sự nỗ lực của các nước cộng hòa liên minh trong cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, một Tòa án tối cao được thành lập trực thuộc Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh, chức năng của tòa án này là sự kiểm soát tối cao về mặt tư pháp ; và một cơ quan thống nhất được thành lập trực thuộc Hội đồng dân ủy toàn Liên minh, cơ quan thống nhất đó là Hội đồng chính trị quốc gia và Chủ tịch là người tham gia Hội đồng dân ủy toàn Liên minh, nhưng chỉ có quyền tư vấn.

13. Các nước cộng hòa liên minh phải thi hành những sắc lệnh và nghị quyết của Hội đồng dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, và những sắc lệnh, nghị quyết đó phải được áp dụng trực tiếp trong toàn cõi Liên minh.

14. Những sắc lệnh và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy toàn Liên minh được in bằng các thứ tiếng phổ thông trong các nước cộng hòa liên minh (tiếng Nga, tiếng U-cơ-ren, tiếng Bạch Nga, tiếng Giê-oóc-gi, tiếng Ác-mê-ni, và tiếng Tuốc-cơ).

15. Các Ban Chấp hành trung ương của các nước cộng hòa liên minh có thể kháng nghị về những sắc lệnh và nghị quyết của Hội đồng dân ủy toàn Liên minh, với Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh, song không được đình chỉ việc thi hành các sắc lệnh và nghị quyết ấy.

16. Những nghị quyết và pháp lệnh của Hội đồng dân ủy toàn Liên minh thì chỉ có do Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh, Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh và Hội đồng dân ủy toàn Liên minh mới có thể bãi bỏ được.

17. Những pháp lệnh của các Bộ dân ủy của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, chỉ trong những trường hợp đặc biệt, khi những pháp lệnh ấy rõ ràng không phù hợp với những quyết nghị của Hội đồng dân ủy hoặc Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh, chỉ khi đó thì các Ban Chấp hành trung ương của các nước cộng hòa liên minh hoặc các Đoàn chủ tịch của các Ban Chấp hành trung ương ấy mới có quyền đình chỉ thi hành. Khi đình chỉ thi hành một pháp lệnh nào, thì Ban Chấp hành

trung ương của các nước cộng hòa liên minh hoặc Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương ấy phải lập tức báo cho Hội đồng dân ủy toàn Liên minh và Bộ dân ủy toàn Liên minh có quan hệ đến việc đó biết.

18. Hội đồng dân ủy của các nước cộng hòa liên minh gồm có :

Chủ tịch Hội đồng dân ủy,

Các Phó chủ tịch,

Chủ tịch Hội đồng Kinh tế quốc dân tối cao,

Bộ trưởng dân ủy Nông nghiệp,

Bộ trưởng dân ủy Lương thực,

Bộ trưởng dân ủy Tài chính,

Bộ trưởng dân ủy Lao động,

Bộ trưởng dân ủy Nội vụ,

Bộ trưởng dân ủy Tư pháp,

Bộ trưởng dân ủy Kiểm tra công nông,

Bộ trưởng dân ủy Giáo dục,

Bộ trưởng dân ủy Y tế,

Bộ trưởng dân ủy Công an,

Bộ trưởng dân ủy Dân tộc,

và những đại biểu của các Bộ dân ủy của toàn Liên minh như: Ngoại giao, Lục quân và Hải quân, Ngoại thương, Giao thông và Bưu điện nhưng chỉ có quyền tư vấn.

19. Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao và những Bộ dân ủy Lương thực, Tài chính, Lao động và Kiểm tra công nông của các nước cộng hòa Liên minh tuy trực thuộc các Ban Chấp hành trung ương và các Hội đồng dân ủy của các nước cộng hòa liên minh, nhưng phải làm việc căn cứ theo những pháp lệnh của các Bộ dân ủy tương đương thuộc Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

20. Các nước cộng hòa gia nhập Liên minh đều có ngân sách riêng, ngân sách ấy là một bộ phận cấu thành của ngân sách chung toàn Liên minh và phải được Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh chuẩn y. Ngân sách của các nước cộng hòa, cả chi lẫn thu, đều do Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh quy định.

Bảng kê các khoản thu nhập và mức tiền trích trong số thu nhập đưa vào việc lập ngân sách các nước cộng hòa liên minh, đều do Ban Chấp hành trung ương toàn Liên minh quy định.

21. Một quy chế công dân liên minh thống nhất được đặt ra cho các công dân các nước cộng hòa liên minh.

22. Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết có quốc kỳ, quốc huy và quốc ấn.

23. Thủ đô của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết là Mạc-tư-khoa.

24. Các nước cộng hòa liên minh phải sửa đổi hiến pháp của mình cho phù hợp với bản hiệp ước này.

25. Chỉ có đại hội các Xô-viết của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết mới có quyền phê chuẩn, sửa đổi và bổ sung bản hiệp ước Liên minh.

26. Mỗi nước cộng hòa trong Liên minh đều có quyền tự do ra khỏi Liên minh.

CHÚ THÍCH

1. Hội nghị của những người cộng sản các dân tộc Tuốc-cơ trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, do Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga triệu tập, họp ở Mạc-tư-khoa ngày 1-2 tháng Giêng 1921. Tham dự hội nghị có các cán bộ đảng A-déc-bai-gian, Ba-sơ-ki-ri, Tuốc-ke-stan, Ta-ta-ri, Đa-ghe-stan, miền Te-rơ, Kiếc-ghi-di, Cơ-ri-mê. Hội nghị đã thảo luận báo cáo của Trung ương cục các tổ chức cộng sản của các dân tộc phương Đông, vấn đề tổ chức v.v.. Ngày 2 tháng Giêng J.V.Sta-lin đọc báo cáo về vấn đề tổ chức (báo cáo này không được ghi lại bằng tốc ký). Hội nghị đã, dựa theo báo cáo của J.V.Sta-lin, thông qua « Quy chế về Trung ương cục phụ trách công tác trong các dân tộc Tuốc-cơ trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga ». Căn cứ theo « Quy chế » đó Trung ương cục các tổ chức cộng sản của các dân tộc phương Đông, tồn tại từ năm 1918, được cải tổ thành Trung ương cục cổ động và tuyên truyền trong các dân tộc Tuốc-cơ thuộc nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga. — *Tr. 11.*

2. Ý nói đến cương lĩnh của Đảng cộng sản (b) Nga, đã được đại hội VIII của đảng thông qua, phần « Trong lĩnh vực kinh tế » và nghị quyết của đại hội IX của Đảng cộng sản (b) Nga « về vấn đề công đoàn và tổ chức công đoàn » (xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương* » tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 289-291, 337-340). — *Tr. 14.*

3. Về đại hội VIII của Đảng cộng sản (b) Nga và những quyết nghị của đại hội về vấn đề quân sự và các vấn đề khác, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình vắn tắt*, tiếng Nga, tr. 222-225 và *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr.280-

313. Tại đại hội VIII Đảng cộng sản (b), Nga, J.V.Sta-lin đã phát biểu về vấn đề quân sự (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 4, tr. 249-250) và đã tham gia tiểu ban quân sự, do đại hội lập ra để thảo nghị quyết về vấn đề quân sự. — *Tr. 16*.

4. Ý nói đến cuộc hội nghị liên tịch giữa đảng đoàn Đảng cộng sản (b) Nga tại đại hội VIII các Xô-viết, Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Liên-xô và Hội đồng các công đoàn thành phố Mạc-tư-khoa, họp ngày 30 tháng Chạp 1920. — *Tr.22*.

5. Đề cương « Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc » đã được thảo luận tại hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ngày 5 tháng Hai 1921. Một tiểu ban đã được thành lập để duyệt cuốn đề cương đó ; đứng đầu tiểu ban là V.I. Lê-nin và J.V. Sta-lin. Đề cương đã được công bố trên báo *Sự thật* số 29, ngày 10 tháng Hai 1921 và cùng trong năm đó đã được xuất bản thành sách riêng. — *Tr. 26*.

6. Chủ nghĩa đại Hồi — hệ tư tưởng tôn giáo và chính trị, tuyên truyền cho việc thống nhất tất cả những người theo đạo Hồi lại thành một chính thể. Chủ nghĩa này lan tràn rộng rãi hồi cuối thế kỷ XIX trong những giai cấp bóc lột ở các nước phương Đông ; Thổ-nhĩ-kỳ lợi dụng chủ nghĩa này nhằm làm cho tất cả những người theo đạo Hồi trên toàn thế giới phải phục tùng vua Thổ, coi đó là « vua của tất cả mọi tín đồ ». V.I. Lê-nin coi chủ nghĩa đại Hồi là một trào lưu mưu toan « kết hợp phong trào giải phóng chống lại chủ nghĩa tư bản châu Âu và Mỹ, với việc củng cố vị trí của vua quan, địa chủ, tăng lữ v.v. » (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 127).

Chủ nghĩa đại Thổ có mục đích làm cho mọi người dân Tuốc-cơ phải phục tùng sự thống trị Thổ ; chủ nghĩa này ra đời trong thời kỳ chiến tranh Ban-căng (1912-1918). Trong thời kỳ chiến tranh 1914-1918, chủ nghĩa này phát triển thành hệ tư tưởng xâm lược và sô-vanh cực đoan. Ở Nga, sau cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, những phần tử phản cách mạng đã lợi dụng chủ nghĩa đại Hồi và đại Thổ để đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết.—*Tr.39*.

7. Đại hội X đảng cộng sản (b) Nga họp từ 8 đến 16 tháng Ba 1921. Đại hội đã thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương và các báo cáo : về công đoàn và vai trò của công đoàn trong đời sống kinh tế trong nước, về thuế hiện

vật, về việc xây dựng đảng, về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc, về sự thống nhất của đảng và thiên hướng vô chính phủ công đoàn chủ nghĩa v.v.. V. I. Lê-nin đã đọc báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương và các báo cáo về thuế hiện vật và về sự thống nhất của đảng và thiên hướng vô chính phủ - công đoàn chủ nghĩa. Đại hội đã tổng kết cuộc thảo luận về vấn đề công đoàn và đã thông qua cương lĩnh hành động của Lê-nin với tuyệt đại đa số phiếu tán thành. Trong nghị quyết «Về sự thống nhất của đảng», do V.I. Lê-nin thảo ra, đại hội đã lên án tất cả các tập đoàn biệt phái, hạ lệnh buộc họ phải giải tán ngay lập tức, và đã chỉ rõ sự thống nhất của đảng là điều kiện cơ bản cho sự thắng lợi của chuyên chính vô sản. Đại hội đã thông qua nghị quyết của V.I. Lê-nin : « Về thiên hướng công đoàn chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa trong đảng ta », trong đó đã lên án cái gọi là « phái công nhân đối lập » và thừa nhận rằng việc tuyên truyền tư tưởng của thiên hướng vô chính phủ - công đoàn chủ nghĩa là điều không thể dung hợp được với danh hiệu đảng viên cộng sản. Đại hội X đã thông qua quyết định về việc chuyển từ chế độ thu mua lương thực thừa sang chế độ thuế lương thực, về việc chuyển sang thi hành chính sách kinh tế mới. Ngày 10 tháng Ba đại hội đã nghe báo cáo của J.V.Sta-lin « Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc ». Đại hội đã nhất trí lấy đề cương của J.V.Sta-lin làm cơ sở và đã bầu ra một tiểu ban để tiếp tục nghiên cứu đề cương đó. Ngày 15 tháng Ba, tại một phiên họp buổi tối, J.V. Sta-lin đã thông báo kết quả công tác của tiểu ban. Nghị quyết, do J.V. Sta-lin thay mặt tiểu ban kiến nghị, đã được đại hội nhất trí thông qua. Đại hội đã chỉ trích những thiên hướng chống đảng trong vấn đề dân tộc : chủ nghĩa sô-vanh nước lớn (đại Nga) và chủ nghĩa dân tộc địa phương, coi đó là những thiên hướng có hại và nguy hiểm cho chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đại hội đã hướng đòn chính đánh vào chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, coi đó là mối nguy hiểm chính. (Về đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình vắn tắt*, tiếng Nga, tr. 242-246. Nghị quyết của đại hội, xem trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua những nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 356-395). — ***Tr.41.***

8. Văn tập « Kế hoạch điện khí hóa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga. Báo cáo của Ủy ban Nhà nước đọc tại đại hội VIII các Xô-viết về việc điện khí hóa nước Nga » là do Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật thuộc Hội đồng Kinh tế quốc dân tối cao xuất bản hồi tháng Chạp 1920. — *Tr. 59.*

9. *« Đời sống kinh tế »* — báo ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận của các bộ dân ủy Kinh tế và Tài chính và của các cơ quan kinh tế và tài chính của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga và của Liên-xô (Hội đồng Kinh tế quốc dân tối cao, Hội đồng lao động quốc phòng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ngân hàng quốc gia, Bộ dân ủy Tài chính v.v.) ; xuất bản từ tháng Một 1918 đến tháng Một 1937. — *Tr. 60.*

10. *Quốc tế II 1/2* — « Liên minh công nhân quốc tế của các đảng xã hội chủ nghĩa » — thành lập ở Viên hồi tháng Hai 1921 tại hội nghị tổ chức của các đảng và tập đoàn thuộc phái giữa, tạm thời rút khỏi Quốc tế II do áp lực của quần chúng có tinh thần cách mạng. Trên lời nói thì những người cầm đầu quốc tế II 1/2 (F. Át-le, Ô. Bau-e, L. Mác-tốp v.v.) phê phán Quốc tế II, nhưng thực ra họ thực hiện chính sách cơ hội chủ nghĩa trong tất cả những vấn đề quan trọng nhất trong phong trào vô sản và tìm cách lợi dụng liên minh đã được thành lập để chống lại ảnh hưởng đang lên của những người cộng sản đối với quần chúng công nhân. Đến năm 1923 thì Quốc tế II 1/2 lại hợp nhất với Quốc tế II. — *Tr.61.*

11. « Hội đồng hành động và tuyên truyền của các dân tộc phương Đông » được thành lập theo quyết định của đại hội I các dân tộc phương Đông họp ở Ba-cu hồi tháng Chín 1920. Hội đồng có mục đích ủng hộ và thống nhất phong trào giải phóng ở phương Đông ; tồn tại được khoảng một năm. — *Tr. 64.*

12. Đại hội I phụ nữ lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết miền núi họp từ 16 đến 18 tháng Sáu 1921 ở Vơ-la-đi-cáp-ca-dơ. Tham dự hội nghị có 152 đại biểu : Tsê-tsen, Ô-xê-ti, Ta-ta-ri, Ca-bác-đi, Ban-ca-ri v.v., từ các xã miền núi xa xôi đến. Đại hội đã thảo luận các vấn đề : địa vị kinh tế và địa vị pháp lý của phụ nữ phương Đông trước kia và hiện nay, sản xuất thủ công nghiệp và sự tham gia của phụ nữ miền núi vào sản xuất thủ công nghiệp, nền giáo dục quốc dân và phụ nữ phương Đông, báo cáo về việc bảo vệ bà mẹ và trẻ em v.v.. Ngày 18 tháng Sáu

tại phiên họp buổi tối đại hội đã nghe đọc bức điện của J.V. Sta-lin gửi đại hội. Đại hội đã gửi điện chúc mừng Sta-lin. — *Tr.69.*

13. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị miền Núi được thành lập theo sắc lệnh của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga ban hành ngày 20 tháng Giêng 1921. Đầu tiên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị miền Núi gồm có các miền: Tsê-tsen, Na-đơ-ra-nốp, Vơ-la-đi-cáp-ca-dơ, Ca-bác-đi, Ban-ca-ri và Ca-ra-tsa-ép. Từ 1921 đến 1924 một loạt khu dân tộc tự trị liên tiếp tách ra khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị miền Núi. Sắc lệnh ra ngày 7 tháng Bảy 1924 đã bãi bỏ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị miền Núi. — *Tr. 96.*

14. Ý nói đến 21 điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản, đã được đại hội II của Quốc tế Cộng sản phê chuẩn. — *Tr. 74.*

15. Ý nói đến Luận cương Tháng Tư của V.I. Lê-nin « Về những nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện nay » xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 24, tr. 11-19). — *Tr. 75.*

16. Đây là nói đến cuộc nổi loạn phản cách mạng ở Cơ-rôn-stát hồi tháng Ba 1921 (xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô Giáo trình vắn tắt,* tiếng Nga, tr. 239). — *Tr. 75.*

17. V.I. Lê-nin « Hai sách lược của Đảng xã hội - dân chủ trong cuộc cách mạng dân chủ » (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 9, tr. 9-165). — *Tr. 76.*

18. Xem V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 8. — *Tr. 76.*

19. V.I. Lê-nin. « Thắng lợi của phái dân chủ - lập hiến và nhiệm vụ của đảng công nhân » (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tập 10, tr.227-322). — *Tr. 77.*

20. Xem V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26. — *Tr. 78.*

21. Ý nói đến cuốn sách của V.I. Lê-nin « *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết* (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 27, tr. 207-246). — *Tr. 78.*

22. Cơ-rê-đô *(credo)* — tuyên ngôn của nhóm « những nhà kinh tế học ». (Về Cơ-rê-đô, xem V.I. Lê-nin « Lời phản kháng của những người xã hội - dân chủ Nga ». *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 4, tr. 211 - 230). — *Tr. 80.*

23. V.I. Lê-nin. « Bệnh ấu trĩ « tả khuynh » trong phong trào cộng sản » (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 1 - 97). — *Tr.83.*

24. Hội nghị dân chủ họp từ 14 đến 22 tháng Chín 1917 ở Pê-tơ-rô-gơ-rát. Hội nghị này do các lãnh tụ men-sê-vích-xã hội chủ nghĩa - cách mạng nằm trong Ban Chấp hành trung ương toàn Nga các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ và trong Ban Chấp hành các Xô-viết đại biểu nông dân triệu tập ; hội nghị gồm có đại biểu các đảng xã hội chủ nghĩa, các Xô-viết thỏa hiệp, các công đoàn thỏa hiệp, các Hội đồng tự trị địa phương thỏa hiệp, các giới công thương thỏa hiệp và các đơn vị quân đội thỏa hiệp. Hội nghị dựng ra Tiền nghị viện (Hội đồng cộng hòa lâm thời) — cơ quan tư vấn bên cạnh Chính phủ lâm thời. Bọn thỏa hiệp định là với sự giúp đỡ của Tiền nghị viện sẽ ngăn chặn cách mạng và đưa đất nước từ con đường cách mạng xô-viết sang con đường phát triển tư sản - lập hiến. — *Tr. 85.*

25. V.I. Lê-nin. « Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky » (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr.207-302). — *Tr. 90.*

26. Ý nói đến cuốn *Làm gì?* của V.I. Lê-nin (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 5, tr. 407-636).—*Tr. 90.*

27. Xem C. Mác và F. Ăng-ghen. « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », tiếng Nga, 1939, tr. 40-41. — *Tr. 90.*

28. Vào cuối tháng Sáu 1921, J.V. Sta-lin đã rời Na-lơ-tsíc (nơi Người nằm điều trị) và đi Ti-phơ-li-xơ để tham gia công tác của hội nghị toàn thể Cục Cáp-ca-dơ của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga họp với đại biểu của các tổ chức đảng và công đoàn địa phương. Hội nghị toàn thể họp từ 2 đến 7 tháng Bảy và đã thảo luận những vấn đề kinh tế và chính trị quan trọng nhất của công cuộc xây dựng các nước cộng hòa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ. Trong nghị quyết về báo cáo về tình hình chính trị, — thảo ra dưới sự lãnh đạo của J.V. Sta-lin, — hội nghị toàn thể đã xác định nhiệm vụ của những người cộng sản ở Nam Cáp-ca-dơ và đã giáng một đòn quyết định vào những người có thiên hướng dân tộc chủ nghĩa. Hội nghị toàn thể đã thông qua quyết định về việc tổ chức ủy ban thống nhất hoạt động kinh tế của các nước cộng hòa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ, đã thảo luận những vấn đề : về

tình hình đường sắt ở Nam Cáp-ca-dơ, về việc lưu hành tiền giấy trong các nước cộng hòa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ, về sự tự trị của Ca-ra-ba-khơ Na-go-rơ-nưi, về Át-gia-ri, về tình hình ở Áp-kha-di v.v.. Tại cuộc hội nghị toàn thể của tổ chức đảng Ti-phơ-li-xơ ngày 6 tháng Bảy, J.V. Sta-lin đã đọc báo cáo « Về những nhiệm vụ trước mắt của chủ nghĩa cộng sản ở Giê-oóc-gi và Nam Cáp-ca-dơ ». Báo cáo này được công bố trên báo *Sự thật Giê-oóc-gi* số 108 ngày 13 tháng Bảy và đã được Cục Cáp-ca-dơ Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga xuất bản thành tập sách riêng vào năm 1921. — *Tr. 98.*

29. Bọn Mút-xa-vát — đảng « Mút-xa-vát » — là đảng dân tộc chủ nghĩa của giai cấp tư sản và địa chủ ở A-déc-bai-gian ; xuất hiện năm 1912. Trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười và nội chiến, nó là lực lượng phản cách mạng chính ở A-déc-bai-gian. Được bọn Thổ và sau đó là bọn can thiệp Anh giúp đỡ, bọn Mút-xa-vát đã nắm chính quyền ở A-déc-bai-gian từ tháng Chín 1918 đến tháng Tư 1920 ; đến năm này do sự nỗ lực chung của công nhân Ba-cu và nông dân A-déc-bai-gian và có sự giúp đỡ của Hồng quân, nên đã lật đổ được chính phủ Mút-xa-vát. — *Tr. 105.*

30. Bọn Đa-sơ-nác — đảng Đa-sơ-nác-txu-ti-un — là đảng tư sản - dân tộc chủ nghĩa ở Ác-mê-ni ; xuất hiện trong những năm 90 của thế kỷ XIX. Trong những năm 1918 - 1920 bọn Đa-sơ-nác cầm đầu chính phủ tư sản - dân tộc chủ nghĩa Ác-mê-ni và biến Ác-mê-ni thành chỗ dựa của bọn can thiệp Anh trong cuộc đấu tranh với nước Nga Xô-viết. Chính phủ Đa-sơ-nác đã bị lật đổ hồi tháng Một 1920 do sự đấu tranh của nhân dân lao động Ác-mê-ni có sự giúp đỡ của Hồng quân. — *Tr. 105.*

31. Ý nói đến hiệp nghị quân sự - chính trị ký kết giữa Anh và Pháp năm 1904 ; hiệp nghị này được lấy làm cơ sở để thành lập khối Đồng minh (đồng minh đế quốc giữa Anh, Pháp và nước Nga Nga hoàng). — *Tr. 107.*

32. « *Tia lửa* » — tờ báo mác-xít hợp pháp toàn Nga đầu tiên ; do V.I. Lê-nin sáng lập năm 1900 (về ý nghĩa và vai trò của tờ *Tia lửa* xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) Toàn Liên-xô. Giáo trình vắn tắt*, tiếng Nga, tr. 30-38). — *Tr. 111.*

33. N. Lê-nin. « Bệnh ấu trĩ « tả khuynh » trong phong trào cộng sản ». Pê-tơ-rô-gơ-rát, 1920 (xem V.I. Lê-nin. *Toàn tập* tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 1-97). — *Tr. 112.*

34. Xem V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 269. — *Tr. 116.*

35. Ý nói đến hội nghị bàn về vấn đề hạn chế vũ trang và các vấn đề Thái-bình-dương và Viễn đông, họp ở Hoa-thịnh-đốn từ 12 tháng Một 1921 đến 6 tháng Hai 1922. Tham dự hội nghị có : Mỹ, Anh và các lãnh thổ tự trị của Anh, Nhật, Pháp, Ý, Trung-quốc, Bỉ, Hà-lan và Bồ-đào-nha. Nước Nga xô-viết không được mời dự hội nghị, mặc dầu Chính phủ xô-viết đã có sự phản kháng. Hội nghị Hoa-thịnh-đốn hoàn thành việc chia lại thế giới sau chiến tranh và là một mưu toan nhằm thiết lập một tương quan mới của các lực lượng đế quốc ở Thái-bình-dương. Các hiệp nghị ký kết ở Hoa-thịnh-đốn đã quy định quy mô vũ trang hải quân của các nước đế quốc, xác định quyền của các nước này được chiếm cứ các đảo trên Thái-bình-dương, và đã thiết lập nguyên tắc của chính sách « mở cửa » ở Trung-quốc, tức là chính sách khiến cho « tất cả mọi nước đều có thể buôn bán và mở mang công nghiệp ở Trung-quốc như nhau ». Hội nghị Hoa-thịnh-đốn chẳng những không thủ tiêu, mà trái lại, còn đẩy mạnh thêm những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau. — *Tr. 129.*

36. « *Ngôi sao* » — báo hợp pháp của phái bôn-sê-vích ; xuất bản ở Pê-téc-bua từ 16 tháng Chạp 1910 đến 22 tháng Tư 1912 (ban đầu thì ra hàng tuần, rồi sau thì ra mỗi tuần hai và ba số). V.I. Lê-nin đảm nhiệm việc lãnh đạo tờ báo về mặt tư tưởng ; từ ở nước ngoài Người đã thường xuyên gửi bài của Người viết cho báo. Cộng tác viên gần gũi nhất của tờ *Ngôi sao* là : V.M. Mô-lô-tốp, M.S. Ôn-min-ski, N.G. Pô-lê-ta-ép, N.N. Ba-tu-rin, K.S. E-rê-mê-ép, v.v...A.M. Goóc-ki cũng tham gia góp phần vào tờ báo. Mùa xuân 1912, trong thời gian lưu lại Pê-téc-bua, J.V. Sta-lin đã trực tiếp lãnh đạo công tác của báo và đã viết đăng rất nhiều bài (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 2, tr. 225-247). Mỗi số báo ra tới 5,6 vạn bản. *Ngôi sao* đã chuẩn bị cho sự ra đời của tờ báo hàng ngày của phái bôn-sê-vích : *Sự thật.* Ngày 22 tháng Tư 1912, chính phủ Nga hoàng đã đóng cửa tờ *Ngôi sao.* Kế tiếp tờ *Ngôi sao* là tờ « *Ngôi sao sông Nê-va* », xuất bản vào tháng Mười 1912. — *Tr. 140.*

37. Trích bài của J.V. Sta-lin « Mục đích của chúng ta », đăng trên báo *Sự thật* số 1, ngày 22 tháng Tư 1912 (xem *Toàn tập*, tiếng Nga; tập 2, tr. 248). — *Tr. 141.*

38. Xem J.V. Sta-lin. *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 2, tr.249—*Tr. 142*.

39. Vụ án xử những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tiến hành ở Mạc-tư-khoa từ ngày 8 tháng Sáu đến ngày 7 tháng Tám 1922. Trong số 34 bị cáo, do Tòa án cách mạng tối cao đưa ra truy tố trước tòa án, có 11 người là ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Vụ xử đã xác nhận rằng ngay từ những ngày đầu cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã chống lại Chính quyền xô-viết, đã tổ chức những cuộc bạo động vũ trang và những vụ âm mưu, đã ủng hộ bọn can thiệp, đã có những hành động khủng bố đối với những người lãnh đạo đảng bôn-sê-vích và Chính quyền xô-viết. — *Tr. 146*.

40. Ý nói đến những cuộc hội nghị kinh tế quốc tế, họp ở Giê-nơ (10 tháng Tư-19 tháng Năm 1922) và ở La-hay (15 tháng Sáu—20 tháng Bảy 1922). Hội nghị ở Giê-nơ đã được triệu tập để xác định quan hệ giữa thế giới tư bản và nước Nga xô-viết. Tham dự hội nghị có, một bên là Anh, Pháp, Ý, Nhật và các nước tư bản khác, và một bên là nước Nga xô-viết. Đại biểu các nước tư bản đưa ra cho phái đoàn xô-viết một bản yêu cầu mà nếu thi hành thì sẽ có nghĩa là biến nước Nga xô-viết thành thuộc địa của tư bản Tây Âu (yêu cầu đòi phải trả tất cả những món nợ trong chiến tranh và trước chiến tranh, đòi phải hoàn lại cho bọn chủ ngoại quốc những tài sản của chúng đã bị quốc hữu hóa v.v.). Phái đoàn xô-viết đã bác bỏ những yêu cầu của bọn tư bản nước ngoài. Việc thảo luận vấn đề này đã được chuyển sang cho hội nghị các chuyên gia họp ở La-hay. Hội nghị La-hay cũng không đi đến sự thỏa thuận vì quan điểm của hai bên không thể dung hợp được với nhau. — *Tr. 146*.

41. J.V. Sta-lin lãnh đạo tiểu ban do cuộc hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga thành lập ngày 6 tháng Mười 1922 để thảo ra dự luật về việc thống nhất nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, Liên bang Nam Cáp-ca-dơ và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch-Nga, thành Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết. Tiểu ban đã lãnh đạo toàn bộ công tác chuẩn bị cho đại hội I các Xô-viết Liên-xô. — *Tr. 149*.

42. Ý nói đến hiệp nghị do các đại biểu có thầm quyền của các nước cộng hòa độc lập : A-déc-bai-gian, Ác-mê-ni, Giê-oóc-gi, Bạch-Nga, U-cơ-ren, Khô-re-dơ-mơ, Bu-kha-ra, Viễn đông và Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, ký ở Mạc-tư-khoa ngày 22 tháng Hai 1922, về việc ủy nhiệm cho Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga quyền đại diện cho các nước nói trên tại hội nghị kinh tế toàn châu Âu họp ở Giê-nơ. — *Tr. 151.*

43. Nước Cộng hòa Viễn đông tồn tại từ tháng Tư 1920 đến tháng Một 1922. Nước Cộng hòa Viễn đông gồm có : vùng ven hồ Bai-can, khu Nam Bai-can, vùng A-mua-scơ, vùng duyên hải, vùng Cam-tsát-ca và miền Bắc Xa-kha-lin. — *Tr. 152.*

44. Liên bang Nam Cáp-ca-dơ — Liên bang các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ được thành lập ngày 12 tháng Ba 1922 tại cuộc hội nghị có thầm quyền của những người đại biểu cho các Ban Chấp hành trung ương Giê-oóc-gi, A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni. Đến tháng Chạp 1922 Liên bang này được cải tổ thành nước Cộng hòa liên bang các nước xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ. Liên bang Nam Cáp-ca-dơ tồn tại cho đến năm 1936. Theo hiến pháp của Liên-xô năm 1936 các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Ác-mê-ni gia nhập Liên-xô với tính cách là những nước cộng hòa liên minh (Về Liên bang Nam Cáp-ca-dơ, xem tập này, tr. 233-238, 258-263). — *Tr. 153.*

45. Các nước Cộng hòa xô-viết nhân dân Ba-kha-ra và Khô-re-dơ-mơ được thành lập năm 1920 sau những cuộc khởi nghĩa thắng lợi của nhân dân trên các lãnh thổ trước đây thuộc vương quốc Bu-kha-ra và Khi-vin. Hồi cuối 1924 và đầu 1925, do việc các quốc gia ở Trung Á phân chia giới hạn căn cứ theo đặc điểm dân tộc, lãnh thổ các nước cộng hòa Bu-kha-ra và Khô-re-dơ-mơ sáp nhập vào các nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Tuốc-mê-ni và U-dơ-bếch, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị Tát-gi-ki và Khu tự trị Ca-ra-Can-pác-ki, là những nước mới được thành lập. — *Tr. 153.*

46. Đại hội X các Xô-viết toàn Nga họp ở Mạc-tư-khoa từ 23 đến 27 tháng Chạp 1922. Tham dự đại hội có 2.215 đại biểu, trong đó có 488 đại biểu của các nước cộng hòa đã ký kết : nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch-Nga ; 488 đại biểu này đến Mạc-tư-khoa

là để tham gia công tác của đại hội I các Xô-viết Liên-xô ; họ được mời đến dự đại hội X các Xô-viết toàn Nga với tư cách là những khách danh dự. Đại hội X các Xô-viết toàn Nga đã thảo luận các vấn đề : báo cáo của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga và của Hội đồng dân ủy về chính sách đối nội và đối ngoại của các nước cộng hòa, báo cáo về tình trạng công nghiệp, báo cáo của Bộ dân ủy Nông nghiệp (tổng kết báo cáo công tác đẩy mạnh kinh tế nông dân), báo cáo của Bộ dân ủy Giáo dục, báo cáo của Bộ dân ủy Tài chính, kiến nghị của các nước cộng hòa xô-viết đã ký kết, về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết. Ngày 26 tháng Chạp. J.V. Sta-lin đọc báo cáo về việc thống nhất các nước cộng hòa xô-viết. Nghị quyết do J.V. Sta-lin đề nghị, đã được đại hội nhất trí thông qua. Tiếp sau báo cáo của J.V. Sta-lin, các đại biểu U-cơ-ren, A-déc-bai-gian, Giê-óoc-gi, Ác-mê-ni và Bạch Nga đã lên phát biểu ý kiến và đã thay mặt nhân dân nước mình đọc lời chào mừng việc hợp nhất các nước cộng hòa xô-viết thành một quốc gia liên minh thống nhất : Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết. — *Tr. 156.*

47. Ý nói đến cuộc đàm phán giữa chính phủ Xô-viết và nhà công nghiệp Anh Uốc-các-tơ về việc ký kết hiệp ước tô nhượng để khai thác khoáng sản ở U-ran và ở Ca-dắc-stan. Bản dự thảo hiệp ước đã bị Hội đồng dân ủy bác bỏ ngày 6 tháng Mười 1922 do tính chất lệ thuộc của những điều kiện mà Uốc-các-tơ đề ra, và cũng do chính sách thù địch của chính phủ bảo thủ Anh đối với nước Nga xô-viết. Việc chính phủ Xô-viết cự tuyệt không ký hiệp ước với Uốc-các-tơ đã trở thành cái cớ cho người ta tăng cường chiến dịch chống xô-viết trên báo chí tư sản. — *Tr. 159.*

48. Hội nghị ở Lô-dan (20 tháng Một 1922—24 tháng Bảy 1923) đã được triệu tập theo sáng kiến của Pháp, Anh và Ý nhằm thảo luận vấn đề Cận đông (việc ký hòa ước giữa Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ, việc xác lập biên giới Thổ-nhĩ-kỳ, việc thông qua quy ước về chế độ eo biển v.v.). Tham dự hội nghị có ba nước nói trên và các nước Nhật, Ru-ma-ni, Nam-tư, Hy-lạp, Bun-ga-ri, Thổ-nhĩ-kỳ (đại biểu Mỹ tham gia với tư cách quan sát viên). Nước Nga Xô-viết được mời đến dự hội nghị chỉ là để thảo luận vấn đề eo biển (Bốc-spho, Đác-đa-nen). Tại hội nghị, trong tiểu ban eo biển, đoàn đại biểu xô-viết phản đối đề án mở cửa eo biển cho tầu chiến cả trong thời bình cũng như trong thời chiến, và đưa ra đề án ước định hoàn

toàn đóng cửa eo biển đối với các tàu chiến bất cứ là của nước nào, trừ Thổ-nhĩ-kỳ. Đề án của đoàn đại biểu xô-viết đã bị tiểu ban bác bỏ. — *Tr. 159.*

49. Đại hội I các xô-viết Liên-xô họp ở Mạc-tư-khoa ngày 30 tháng Chạp 1922. Tham dự đại hội có 1.727 đại biểu của Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, 364 đại biểu của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, 91 đại biểu của Liên bang Nam Cáp-ca-dơ và 33 đại biểu của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết Bạch Nga. Đại hội đã thảo luận báo cáo của J.V. Sta-lin về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, đã phê chuẩn bản Tuyên bố và Hiệp ước liên minh về việc thành lập Liên-xô và đã bầu Ban Chấp hành trung ương Liên-xô. — *Tr. 167.*

50. Hội nghị các đoàn đại biểu có toàn quyền của Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch Nga, và Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ, họp ngày 29 tháng Chạp 1922. Hội nghị đã nghiên cứu và thông qua bản Tuyên bố và Hiệp ước về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết. J.V. Sta-lin đã thông báo với hội nghị về chương trình làm việc của đại hội I các Xô-viết Liên-xô. Hội nghị đã ủy nhiệm J.V. Sta-lin trình bày tại đại hội bản báo cáo về vấn đề thành lập Liên-xô. Sáng hôm 30 tháng Chạp các đoàn đại biểu có toàn quyền đã ký bản Tuyên bố và Hiệp ước về việc thành lập Liên-xô. — *Tr. 169.*

51. Bài « Bàn về vấn đề chiến lược và sách lược của những người cộng sản Nga » của J.V. Sta-lin đã đăng ngày 14 tháng Ba 1923 trên báo *Sự thật* số 56, nhân dịp kỷ niệm năm thứ 25 của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) Nga, đăng trên báo *Sự thật Pê-tơ-rô-gơ-rát* số 57, 58 và 59 ra ngày 14, 15 và 16 tháng Ba 1923 và trong tạp chí *Cách mạng Cộng sản chủ nghĩa* số 7 (46) ra ngày 1 tháng Tư 1923. Về sau một đoạn của bài ấy lấy tên là « Cách mạng tháng Mười và chiến lược của những người cộng sản Nga » đã được đăng trong cuốn : J.V. Sta-lin. *Về Cách mạng tháng Mười*. Mạc-tư-khoa, 1932. — *Tr. 171.*

52. Đại học Svéc-lốp — Trường đại học Cộng sản của Công—Nông lấy tên I-a. M. Svéc-lốp.

Theo sáng kiến của I-a. M. Svéc-lốp, năm 1918 đã tổ chức một lớp tuyên truyền - cổ động ngắn hạn, trực thuộc Ban Chấp hành trung ương toàn Nga ; đến tháng Giêng 1919 lớp này đổi thành Trường công tác xô-viết. Trên cơ sở trường này, theo quyết nghị của đại hội VIII Đảng cộng sản (b) Nga, đã xây dựng trường học trung ương về công tác xô-viết và công tác đảng. Trong khoảng 6 tháng cuối năm 1919, Trường học trung ương về công tác xô-viết và công tác đảng được cải tổ thành Trường Đại học cộng sản của Công-Nông, lấy tên I-a. M. Svéc-lốp. *Tr. 171.*

53. Nhóm « Giải phóng lao động » — nhóm mác-xít Nga đầu tiên ; do Pơ-lê-kha-nốp sáng lập ở Giơ-ne-vơ năm 1883. (Về hoạt động của nhóm và vai trò lịch sử của nhóm, xin xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b toàn Liên-xô. Giáo trình vắn tắt*, tiếng Nga, tr. 10-17). — *Tr. 186.*

54. Trong thời gian nổ ra cuộc biểu tình chính trị của quần chúng ở Pê-tơ-rô-gơ-rát 20 — 21 tháng Tư 1917, nhóm các ủy viên Ban chấp hành đảng bộ Pê-tơ-rô-gơ-rát đảng bôn-sê-vích (Ba-gơ-đa-ti-ép và vân vân) đã đưa ra khẩu hiệu lập tức lật đổ Chính phủ lâm thời, trái với chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương những người bôn-sê-vích về tính chất hòa bình của cuộc biểu tình. Ban Chấp hành trung ương đảng đã chỉ trích hành động của những người phiêu lưu « cánh tả » đó (xem V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 24. tr. 247 - 251). — *Tr.183.*

55. V.I. Lê-nin. « Hai sách lược của Đảng xã hội-dân chủ trong cách mạng dân chủ » (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 9, tr. 9-165). — *Tr. 186.*

56. « Ủy ban liên lạc » gồm có Tsơ-khê-ít-dê, Stê-cơ-lốp, Xu-kha-nốp, Phi-líp-pốp-ski và Scô-bê-lép (về sau có thêm Tséc-nốp và Txê-rê-tê-li), là do Ban Chấp hành men-sê-vích-xã hội chủ nghĩa - cách mạng của Xô-viết các đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-gơ-rát lập ra ngày 7 tháng Ba 1917 để đặt liên lạc với Chính phủ lâm thời, « tác động » vào chính phủ ấy và « giám sát » hoạt động của Chính phủ ấy. Thực ra thì « Ủy ban liên lạc » đã giúp cho Chính phủ lâm thời thực hiện chính sách tư sản và đã ngăn cản quần chúng công nhân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng tích cực để chuyển toàn bộ chính quyền vào các Xô-viết. « Ủy ban liên lạc » tồn tại đến tháng Năm 1917, khi các đại biểu

của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã trực tiếp tham gia Chính phủ lâm thời. — *Tr. 187.*

57. V.I. Lê-nin. « Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện nay » (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 24, tr. 11-19). *Tr. 187.*

58. Dự thảo đề cương về vấn đề dân tộc viết cho đại hội XII của đảng, đã được đưa ra thảo luận tại cuộc hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ngày 21 tháng Hai 1923. Một tiểu ban đã được lập ra để sửa lại đề cương ; đứng đầu tiểu ban này là J.V.Sta-lin. Ngày 22 tháng Ba, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đã nghiên cứu và thông qua đề cương. Ngày 24 tháng Ba thì đề cương được công bố trên báo *Sự thật* số 65. —*Tr. 192.*

59. Phái Smê-na-Vê-khơ — trào lưu chính trị tư sản ; xuất hiện năm 1921, ở nước ngoài, trong đám Bạch vệ Nga lưu vong ; đứng đầu là nhóm N.U-stơ-ri-a-lốp, I-u. Cơ-li-u-tsơ-ni-cốp và đồng bọn ; đã xuất bản tờ tạp chí *Smê-na-Vê-khơ* (thoạt đầu ra thành văn tập cũng với tên gọi như thế). Hệ tư tưởng của phái Smê-na-Vê-khơ phản ánh quan điểm của giai cấp tư sản, từ bỏ cuộc đấu tranh vũ trang công khai với Chính quyền Xô-viết. Phái Smê-na-Vê-khơ hy vọng rằng, nhân việc Chính quyền xô-viết chuyển sang thực hiện chính sách kinh tế mới, chế độ xô-viết sẽ dần dần biến đổi theo tinh thần dân chủ tư sản. — *Tr, 198.*

60. Xem nghị quyết của đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga : « Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc « trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 386. — *Tr. 199.*

61. Đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga họp từ 17 đến 25 tháng Tư 1923. Từ sau ngày Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi, đây là đại hội đầu tiên mà Lê-nin không thể tham dự được. Đại hội đã thảo luận các báo cáo của Ban Chấp hành trung ương, của Ban Kiểm sát trung ương, báo cáo của đoàn đại biểu Nga tại Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản và các báo cáo : về công nghiệp, về những yếu tố dân tộc trong việc xây dựng đảng và Nhà nước, về chính sách thuế ở nông thôn, về việc phân vùngv.v.. Trong các quyết nghị của mình, đại hội đã căn cứ vào tất cả những chỉ thị của V.I. Lê-nin nêu ra trong các bài báo và thư của Người

viết trong thời gian gần đây. Đại hội XII Đảng Cộng sản (b) Nga đã tổng kết chính sách kinh tế mới trong hai năm qua và đã kiên quyết chống lại Tơ-rốt-ski, Bu-kha-rin và đồng bọn, là những kẻ đã coi chính sách kinh tế mới là sự rút lui khỏi các trận địa xã hội chủ nghĩa. Đại hội hết sức chú ý đến các vấn đề tổ chức và các vấn đề dân tộc. Tại phiên họp chiều ngày 17 tháng Tư, J.V. Sta-lin đã đọc báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương. Trong nghị quyết mà Ban Chấp hành trung ương đã thông qua căn cứ vào báo cáo đó, đại hội đã phê chuẩn kế hoạch của Lê-nin về việc cải tổ Ban Kiểm tra Công Nông và Ban Kiểm sát trung ương và đã chỉ ra rằng bộ máy tổ chức của Ban Chấp hành trung ương và toàn bộ công tác tổ chức đã được cải tiến. Ngày 23 tháng Tư đại hội đã nghe J.V. Sta-lin đọc báo cáo « Về những yếu tố dân tộc trong việc xây dựng Đảng và Nhà nước». Việc thảo luận báo cáo này kéo dài trong hai ngày 23 và 24 tháng Tư ; sau đó vấn đề được tiếp tục thảo luận trong tiểu ban dân tộc của đại hội ; tiểu ban này làm việc dưới sự lãnh đạo trực tiếp của J.V. Sta-lin. Ngày 25 tháng Tư đại hội đã thông qua nghị quyết do tiểu ban đề nghị ; nghị quyết này đã lấy đề cương của J.V. Sta-lin làm cơ sở. Đại hội đã vạch trần những kẻ có thiên hướng dân tộc chủ nghĩa và đã kêu gọi đảng kiên quyết đấu tranh chống những thiên hướng trong vấn đề dân tộc : thiên hướng chủ nghĩa sô-vanh đại Nga và thiên hướng dân tộc chủ nghĩa tư sản địa phương. (Về đại hội XII đảng cộng sản (b) Nga, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình vắn tắt*, tiếng Nga, tr. 250 - 252. Xem nghị quyết của đại hội trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 472 - 524). — *Tr. 205.*

62. *Tin tức của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga* — tạp chí thông tin ; sáng lập theo quyết nghị của đại hội VIII Đảng cộng sản (b) Nga ; xuất bản từ 28 tháng Năm 1919 đến 10 tháng Mười 1929 (20 số đầu được xuất bản với tính cách là phụ trương của báo *Sự thật*). Từ chỗ là một bản tin, tờ *Tin tức của Ban Chấp hành trung ương* dần dần biến thành tạp chí trung ương của đảng và đến năm 1929 thì đổi thành tạp chí *Xây dựng đảng.* « Báo cáo của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga đọc

trước đại hội XII của đảng » đã được công bố trong tờ *Tin tức của Ban Chấp hành trung ương* số 4 (52), tháng Tư 1923. — *Tr. 206.*

63. J.V. Sta-lin có ý nói đến bài « Chúng ta nên cải tổ Ban Kiểm tra công nông như thế nào » và bài « Thà ít mà tốt » (xem V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 440-460). — *Tr. 216.*

64. J.V. Sta-lin có ý nói đến cuốn *« Cán bộ chỉ huy công nghiệp » của chúng ta.* (Căn cứ theo tài liệu của Cục Đăng ký và Phân phối thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga) ». Mạc-tư-khoa, 1923. — *Tr. 222.*

65. Đại hội toàn Nga của những đảng viên thường Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng họp ở Mạc-tư-khoa từ 18 đến 20 tháng Ba 1923. Đại hội thừa nhận rằng Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã tan rã hoàn toàn và những cơ quan lãnh đạo của đảng ấy lưu vong ở nước ngoài không có quyền hoạt động thay mặt cho một đảng không tồn tại. — *Tr. 232.*

66. Trang tranh luận được in trong báo *Sự thật* trong những ngày sắp họp đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga, dưới đầu đề là : « Trang tranh luận trước khi họp đại hội ». Ra được 5 số, bốn trước khi họp đại hội và một khi đang họp đại hội (*Sự thật*, số 46, 65, 75, 82, 86 ,ngày 1, 24 tháng Ba, 5, 15 và 20 tháng Tư 1923). — *Tr. 233.*

67. J.V. Sta-lin có ý nói nhóm chống đảng « phái tập trung dân chủ ». Về nhóm này xin xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình vắn tắt,* tr. 229, 242.) — *Tr. 235.*

68. Ý nói hội nghị đại biểu VII (tháng Tư) toàn Nga của Đảng công nhân xã hội-dân chủ (b) Nga, họp từ 24 đến 28 tháng Tư 1917. J.V. Sta-lin đã trình bày trước hội nghị báo cáo về vấn đề dân tộc ; dự án nghị quyết về báo cáo là do Lê-nin thảo ra. (Xem nghị quyết của hội nghị trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 225 - 239). — *Tr. 243.*

69. *Thông báo xã hội chủ nghĩa* — cơ quan ngôn luận của bọn men-sê-vích phản động lưu vong ở nước ngoài ; do Mác-tốp sáng lập tháng Hai 1921 ; từ tháng Ba 1933 về trước, tờ này xuất bản ở Bá-linh, từ tháng Năm 1933 đến tháng Sáu 1940 xuất bản ở

Pa-ri, về sau thì xuất bản ở Mỹ. *Thông báo xã hội chủ nghĩa* là cái loa của bọn tư bản phản động nhất. — *Tr. 268.*

70. Phong trào ba-sma-tsơ — phong trào phản cách mạng có tính chất dân tộc chủ nghĩa ở Trung Á (Tuốc-ke-stan, Bu-kha-ra, Khô-re-dơ-mơ) trong những năm từ 1918 đến 1924 ; xuất hiện dưới hình thức hoạt động thổ phỉ công khai có tính chất chính trị ; do bọn ba-i (bọn nhà giàu, bọn phú nông ở Trung Á) và bọn mu-la (bọn cố đạo đạo Hồi) cầm đầu ; nhằm mục đích tách các nước cộng hòa Trung Á ra khỏi nước Nga xô-viết và phục hồi sự thống trị của các giai cấp bóc lột. Phong trào ba-sma-tsơ tích cực ủng hộ bọn đế quốc Anh là bọn ra sức tìm cách biến Trung Á thành thuộc địa của chúng. — *Tr. 271.*

71. Xem V.I. Lê-nin. « Về quyền dân tộc tự quyết ». *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 20, tr. 406. — *Tr. 277.*

72. V.I. Lê-nin. « Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết » (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 22, tr. 136 - 137). — *Tr. 280.*

73. *Nông dân nghèo* — báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô ; xuất bản từ tháng Ba 1918 đến tháng Giêng 1931. — *Tr. 294.*

74. V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 5, tr. 10 - 11). — *Tr. 295.*

75. Hội nghị IV của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có các cán bộ phụ trách của các nước cộng hòa dân tộc và các khu dân tộc tham gia, được triệu tập theo sáng kiến của J.V. Sta-lin, họp ở Mạc-tư-khoa từ 9 đến 12 tháng Sáu 1923. Tham gia hội nghị, ngoài các ủy viên chính thức và dự khuyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, còn có 58 đại biểu của các nước cộng hòa dân tộc và các khu dân tộc. Vấn đề chủ yếu trong chương trình nghị sự của hội nghị là báo cáo của J.V. Sta-lin « Những biện pháp thực tiễn để thực hiện nghị quyết của đại hội XII của đảng về vấn đề dân tộc ». Đại biểu của 20 tổ chức đảng của các nước cộng hòa dân tộc và các khu dân tộc đã đọc báo cáo về tình hình ở các địa phương. Hội nghị cũng đã nghiên cứu báo cáo của Ban Kiểm sát trung ương về hoạt động chống đảng, chống xô-viết, của Xun-tan - Ga-li-ép. (Nghị quyết của hội nghị, xem trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các*

nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 525 - 530). — *Tr. 302.*

76. Dự án cương lĩnh về vấn đề dân tộc là do J.V. Sta-lin viết vào cuối tháng Ba 1923 nhân dịp chuẩn bị hội nghị IV ; dự thảo này đã được Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn ngày 4 tháng Sáu. Hội nghị đã thông qua dự thảo, coi đó là nghị quyết về báo cáo của J.V. Sta-lin « Những biện pháp thực tiễn để thực hiện nghị quyết của đại hội XII của đảng về vấn đề dân tộc ». — *Tr. 305.*

77. Tiểu ban của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phụ trách thảo những đề nghị thực tiễn về Liên-xô, đã được thành lập theo quyết nghị của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ngày 24 tháng Hai 1923. Tiểu ban này do J.V. Sta-lin đứng đầu, bao gồm đại biểu các tổ chức đảng của tất cả các nước cộng hòa liên minh. Tiểu ban này lãnh đạo công tác thảo dự thảo Hiến pháp Liên-xô. — *Tr. 340.*

78. Tiểu ban của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương Liên-xô phụ trách thảo Hiến pháp Liên-xô, gồm có 25 đại biểu của các nước cộng hòa liên minh. J.V. Sta-lin tham gia tiểu ban với tư cách là đại biểu của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Xô-viết Nga. Những phiên họp toàn thể tiểu ban từ 8 đến 16 tháng Sáu 1923 đã thảo luận về dự thảo Hiến pháp. — *Tr. 349.*

79. J.V. Sta-lin trích dẫn thư của C. Mác gửi F. Ăng-ghen ngày 16 tháng Tư dựa theo cuốn : C. Mác và F. Ăng-ghen, *Thư tín*. Mạc-tư-khoa, 1922 (xem C. Mác, F. Ăng-ghen. *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 22, tr. 139). — *Tr. 358.*

80. Đại hội I toàn Nga của các nữ công nhân và nữ nông dân họp ở Mạc-tư-khoa từ 16 đến 21 tháng Mười một năm 1918. Có 1.147 đại biểu tham gia đại hội. Ngày 19 tháng Mười một, V.I.Lê-nin đã phát biểu trước đại hội. Đại hội biểu thị lòng mong muốn thành lập những cơ quan chuyên môn làm công tác vận động phụ nữ, trực thuộc các ban chấp hành đảng. Sau đại hội, theo quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, đã thành lập tiểu ban tuyên truyền và cổ động phụ nữ, trực thuộc các ban chấp hành đảng, và Tiểu ban tuyên truyền và cổ động

phụ nữ trung ương, trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga. — *Tr. 363.*

81. Đây là nói về tiểu ban được thành lập theo quyết nghị của Bộ Chính trị và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga (hội nghị này họp từ 23 đến 25 tháng Chín 1923). — *Tr. 368.*

82. Nghị quyết về xây dựng đảng đã được thông qua tại phiên họp chung của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga với Đoàn chủ tịch Ban Kiểm sát trung ương ngày 5 tháng Chạp 1923, và đã được công bố trên báo *Sự thật* số 278, ngày 7 tháng Chạp 1923. — *Tr. 387.*

83. Ý nói đến hội nghị liên tịch của toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga và toàn thể Ban Kiểm sát trung ương cùng với đại biểu của mười tổ chức đảng, họp từ 25 đến 27 tháng Mười 1923. (Nghị quyết của hội nghị toàn thể, xem trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 531- 532). — *Tr. 388.*

84. Ý nói đến cương lĩnh nặc danh, do một nhóm bí mật phản cách mạng đưa ra khi sắp họp đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga ; nhóm này tự xưng là « Nhóm công nhân ». « Nhóm công nhân » là do Mi-a-sni-cốp và Cu-dơ-ne-txốp — những đảng viên đã bị khai trừ — thành lập năm 1923 ở Mạc-tư-khoa ; nhóm này tập hợp được rất ít người, đến mùa thu 1923 thì bị thủ tiêu). — *Tr. 394.*

85. J.V. Sta-lin có ý nói đến « Báo cáo của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nga đọc tại đại hội XII của đảng », in trong tạp chí *Tin tức của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga*, số 4 (52), tháng Tư 1923. — *Tr 406.*

86. *Người cộng sản* — báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận của Ban Chấp hành trung ương và Ban Chấp hành Ba-cu của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) A-déc-bai-gian, xuất bản bằng chữ A-déc-bai-gian. Số đầu tiên là do tổ chức bôn-sê-vích A-déc-bai-gian xuất bản một cách bất hợp pháp ngày 29 tháng Tám 1919, sau khi ra được số đầu thì tờ báo bị chính phủ của bọn Mút-xa-vát đóng cửa. Với sự thiết lập Chính quyền xô-viết ở A-déc-bai-gian việc

xuất bản tờ báo này được bắt đầu khôi phục lại từ 30 tháng Tư 1920. Lời chào mừng của J.V. Sta-lin đã đăng bằng tiếng A-déc-bai-gian trên báo *Người cộng sản* ngày 29 tháng Chạp 1923 và bằng tiếng Nga trên các báo *Công nhân Ba-cu* ngày 30 tháng Chạp 1923 và *Bình minh phương Đông* ngày 3 tháng Giêng 1924. — *Tr. 408.*

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

(1921 — 1923)

1921

1 - 2 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin lãnh đạo hội nghị những người cộng sản thuộc dân tộc Tuốc-cơ nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga ; đọc diễn văn khai mạc hội nghị và đọc báo cáo về vấn đề dân tộc.
5 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin viết bài « Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta », đăng trên báo *Sự thật* số 12, ngày 19 tháng Giêng 1921.
14 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin đọc báo cáo về thời cuộc trước mắt tại cuộc mít-tinh họp ở nhà hát Đội bờ biển thứ nhất (Pê-tơ-rô-gơ-rát).
17 tháng Giêng.	Tại phiên họp mở rộng của Ban Chấp hành đảng bộ Mạc-tư-khoa Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin phát biểu về vấn đề vai trò của công đoàn trong sản xuất, chống lại đề cương của Tơ-rốt-ski và Bu-kha-rin, bảo vệ « cương lĩnh 10 người » của Lê-nin.
18 tháng Giêng.	Tại phiên họp mở rộng của Ban Chấp hành đảng bộ Mạc-tư-khoa Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin phát biểu chống lại đề nghị về việc chuyển quân đội sang chế độ dân vệ, bảo vệ đề nghị về việc tăng cường và củng cố quân đội chính qui.
19 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin chủ tọa phiên họp của Hội đồng dân tộc trực thuộc Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc và được cử vào tiểu ban thảo dự án Điều lệ về Hội đồng dân tộc.

5 tháng Hai.	Đề cương của J.V. Sta-lin « Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc » đã được thảo luận tại phiên họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ; một tiểu ban do V.I. Lê-nin và J.V. Sta-lin đứng đầu đã được thành lập để sửa chữa lại lần cuối cùng bản đề cương đó.
7 tháng Hai.	J.V. Sta-lin và V.I. Lê-nin cùng với các ủy viên khác của Tiểu ban sửa chữa lại bản đề cương về vấn đề dân tộc sẽ đem trình bày tại đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga.
10 tháng Hai.	Đề cương của J.V. Sta-lin « Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc » đăng trên báo *Sự thật* số 29.
12 tháng Hai.	J.V. Sta-lin nói chuyện với các đại biểu của nước Cộng hòa tự trị xã hội chủ nghĩa xô-viết Đa-ghe-stan.
15 tháng Hai.	J.V. Sta-lin điện gửi cho G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê ở Ba-cu những chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga gửi Hội đồng quân sự cách mạng đạo quân XI và yêu cầu hàng ngày báo cho Sta-lin biết về tiến trình các sự cố ở Cáp-ca-dơ.
16 tháng Hai.	J.V Sta-lin hỏi G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê về tình hình ở Giê-oóc-gi, Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian.
28 tháng Hai.	J.V. Sta-lin viết thư gửi V.I. Lê-nin nói về sự cần thiết phải phòng thủ Ba-tum phòng sự tấn công của người Thổ.
3 tháng Ba.	J.V. Sta-lin dùng điện thoại trực tiếp truyền đạt lời chào mừng và chỉ thị của V.I. Lê-nin gửi những người cộng sản Giê-oóc-gi.
5 tháng Ba.	Tại phiên họp của Hội đồng dân tộc trực thuộc Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc,

	J.V. Sta-lin đọc báo cáo về kết quả công tác của Tiểu ban thảo điều lệ về Hội đồng dân tộc.
8 - 16 tháng Ba.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga.
8 tháng Ba.	Đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào Đoàn chủ tịch của đại hội.
9 tháng Ba.	J.V. Sta-lin tham gia cuộc thương thuyết của Chính phủ xô-viết với đoàn đại biểu Thổ-nhĩ-kỳ.
10 tháng Ba.	J.V. Sta-lin đọc báo cáo « Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng trong vấn đề dân tộc » tại đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga.
13 tháng Ba.	V.I. Lê-nin viết thư cho J.V. Sta-lin bàn về việc cử các đại biểu của đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga đi trấn áp vụ phiến loạn Cơ-rôn-stát.
14 tháng Ba.	Đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
15 tháng Ba.	Tại đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga, thay mặt tiểu ban thảo nghị quyết về vấn đề dân tộc, J.V. Sta-lin đọc thông báo về tình hình công tác.
16 tháng Ba.	Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào Bộ Chính trị và Ban Tổ chức Ban Chấp hành trung ương của đảng.
Tháng Ba.	J.V. Sta-lin viết thư gửi V.I. Lê-nin nói về kế hoạch điện khí hóa nước Nga.
16 tháng Tư.	J.V. Sta-lin gửi V.I. Lê-nin những ý kiến nhận xét của mình về bản dự thảo điều lệ về Tổng cục quản lý nhiên liệu.
19 tháng Tư.	J.V. Sta-lin tham gia phiên họp của Hội đồng Bộ trưởng dân ủy, được cử vào tiểu ban thảo dự án nghị quyết về việc mở

rộng thẩm quyền của Ủy ban dầu lửa A-déc-bai-gian.

22 tháng Tư. J.V. Sta-lin gửi Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga bản dự thảo của Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc về việc thành lập khu tự trị Cô-mi.

25 tháng Tư. Tại phiên họp của Hội đồng dân tộc trực thuộc Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc, J.V. Sta-lin báo cáo những điểm sửa chữa của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga đối với « Điều lệ về Hội đồng dân tộc », và phát biểu trong cuộc thảo luận về vấn đề thành lập khu tự trị Cô-mi.

2 tháng Năm. J.V. Sta-lin viết bài « Bàn về cách đặt vấn đề dân tộc », đăng trên báo *Sự thật* số 98, ngày 8 tháng Năm 1921.

5 tháng Năm. Tại phiên họp của hội đồng các cán bộ phụ trách của Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc, J.V. Sta-lin thông báo dự thảo sắc lệnh quy định là tất cả các Bộ dân ủy phải đưa cho Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc phê chuẩn những dự luật và những quyết nghị có liên quan đến các dân tộc.

10 tháng Năm. Tại phiên họp của Hội đồng Bộ trưởng dân ủy, J.V. Sta-lin phát biểu về vấn đề ban kiểm tra công nông ở địa phương.

16 tháng Năm. J.V. Sta-lin chủ tọa phiên họp của hội đồng các cán bộ phụ trách của Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc. Hội đồng đã thông qua quyết định triệu tập đại hội nhân dân lao động I-a-cút để thảo luận vấn đề thành lập khu tự trị I-a-cút.

15-25 tháng Năm. J.V. Sta-lin tham gia công tác của tiểu ban (của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga) chuẩn bị và tiến hành đại hội IV các công đoàn toàn Nga.

18 tháng Năm.	Theo sự ủy nhiệm của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, tại phiên họp của đảng đoàn cộng sản tại đại hội IV các công đoàn toàn Nga, J.V. Sta-lin đã phát biểu chống lại dự thảo nghị quyết của nhóm vô chính phủ - công đoàn chủ nghĩa đưa ra căn cứ theo báo cáo của Đoàn chủ tịch Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Nga.
19 tháng Năm.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của tiểu ban do hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga thành lập ra để điều tra hành vi chống đảng của Tôm-ski tại đại hội IV các công đoàn toàn Nga.
Cuối tháng Năm.	J.V. Sta-lin đi điều trị ở Na-lơ-tsíc.
12 tháng Sáu.	J.V. Sta-lin gửi lời chào mừng tới đại hội IV các Xô-viết khu Ca-bác-đin.
17 tháng Sáu.	J.V. Sta-lin gửi điện chúc mừng đại hội I của phụ nữ miền núi.
Cuối tháng Sáu.	J.V. Sta-lin rời Na-lơ-tsíc đi Ti-phơ-li-xơ để tham gia công tác của hội nghị toàn thể Cục Cáp-ca-dơ Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
2-7 tháng Bảy.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của hội nghị toàn thể Cục Cáp-ca-dơ Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
4 tháng Bảy.	V.I. Lê-nin gửi điện chất vấn G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê vì sao J.V. Sta-lin lại không nghỉ ngơi chữa bệnh nữa, và yêu cầu báo cho kết luận của bác sĩ về sức khỏe của J.V. Sta-lin.
6 tháng Bảy.	Tại cuộc hội nghị của toàn thể đảng bộ Ti-phơ-li-xơ, J.V. Sta-lin đã đọc báo cáo « Về những nhiệm vụ trước mắt của chủ nghĩa cộng sản ở Giê-oóc-gi và Nam Cáp-ca-dơ». Bản báo cáo này đã đăng trên

	báo *Sự thật Giê-oóc-gi* số 108, ngày 13 tháng Bảy 1921.
7, 8, 14 tháng Bảy.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Giê-oóc-gi. Theo đề nghị của J.V. Sta-lin, hội nghị toàn thể đã thảo luận vấn đề chính sách của Đảng cộng sản Giê-oóc-gi trong công cuộc khôi phục nền kinh tế quốc dân và củng cố Chính quyền xô-viết.
25 tháng Bảy.	V.I. Lê-nin chất vấn G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê là J.V.Sta-lin đã thôi không nghỉ ngơi chữa bệnh được bao nhiêu ngày rồi, và yêu cầu báo cho biết tên họ và địa chỉ của bác sĩ đang điều trị bệnh cho J.V. Sta-lin.
8 tháng Tám.	J.V. Sta-lin rời Na-lơ-tsíc đi Mạc-tư-khoa.
18 tháng Tám.	V.I. Lê-nin giao trách nhiệm cho Ủy ban kế hoạch Nhà nước giúp đỡ J.V. Sta-lin tìm hiểu tất cả mọi tài liệu kinh tế, nhất là những tài liệu về công nghiệp vàng và công nghiệp dầu hỏa Ba-cu.
22 tháng Tám.	Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ủy nhiệm J.V. Sta-lin lãnh đạo chung công tác của ban tuyên truyền và cổ động của Ban Chấp hành trung ương đảng.
28 tháng Tám:	Bài của J.V. Sta-lin « Đảng trước và sau khi nắm chính quyền » đăng trên báo *Sự thật* số 190.
6-8 tháng Chín.	J.V. Sta-lin tham gia tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phụ trách cải tiến công tác của cơ quan trung ương ngành vận tải đường sắt.
22 tháng Chín:	Tại phiên họp của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga, J.V. Sta-lin được bầu vào tiểu ban phụ trách vấn

đề phân chia ruộng đất giữa dân cư miền núi (Tsè-tsen) và người Ca-dắc.

27 tháng Chín. J.V. Sta-lin nhận được thư của V.I. Lê-nin « Về vấn đề những nhiệm vụ của Ban kiểm tra công nông, vấn đề hiểu và thực hiện những nhiệm vụ đó » và viết thư cho V.I. Lê-nin « Trả lời về vấn đề ban kiểm tra ».

3 tháng Một. Tại phiên họp của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga, J.V. Sta-lin được bầu vào tiểu ban chuẩn bị đại hội IX các Xô-viết toàn Nga.

5 tháng Một. Bài của J.V. Sta-lin « Cách mạng tháng Mười và chính sách dân tộc của những người cộng sản Nga » đăng trên báo *Đời sống dân tộc* số 24 (122).

13 tháng Một. Tại câu lạc bộ của đảng ủy khu Pơ-rê-sni-a đỏ, J.V. Sta-lin thuyết trình « Về chiến lược và sách lược chính trị của những người cộng sản và về chính sách kinh tế mới ».

17 tháng Một. J.V. Sta-lin tham gia phiên họp của Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga nghiên cứu vấn đề công xã nông nghiệp, tổ chức tập thể nông nghiệp, ác-ten nông nghiệp và tổ cày chung.

18 tháng Một. J.V. Sta-lin được Ban Chấp hành trung ương đảng phê chuẩn làm một trong những biên tập viên của tạp chí của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga : *Tin tức cổ động và tuyên truyền.*

28 tháng Một. J.V. Sta-lin nhận được của Lê-nin bản dự thảo đề nghị về việc thành lập liên bang các nước cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ, viết ý kiến của mình và điểm sửa chữa đối với dự thảo. V.I. Lê-nin chấp nhận điểm sửa chữa của J.V. Sta-lin.

29 tháng Một.	Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga thông qua nghị quyết của V.I. Lê-nin và J.V. Sta-lin đề ra về việc thành lập liên bang các nước cộng hòa Nam Cáp-ca-dơ.
18 tháng Chạp.	Bài của J.V. Sta-lin « Tiền đồ » đăng trên báo *Sự thật* số 286.
20 tháng Chạp.	J.V. Sta-lin cùng với các ủy viên khác trong Hội đồng Bộ trưởng dân ủy ký bản dự thảo quyết nghị của Hội đồng Bộ trưởng dân ủy về kế hoạch điện khí hóa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga.
23 tháng Chạp.	Đại hội IX các Xô-viết toàn Nga bầu J.V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch.
28 tháng Chạp.	Đại hội IX các Xô-viết toàn Nga bầu J.V. Sta-lin vào Ban Chấp hành trung ương toàn Nga.
29 tháng Chạp.	Tại kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga khóa IX, J.V. Sta-lin được bầu vào Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga và được phê chuẩn làm Bộ trưởng Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc và bộ trưởng Bộ dân ủy kiểm tra công nông.
Tháng Chạp.	J.V. Sta-lin tham gia tiểu ban công tác nông thôn của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

1922

9 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin chủ tọa phiên họp của hội đồng các cán bộ phụ trách của Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc và phát biểu ý kiến về vấn đề thành lập khu Ca-ra-tsa-ép-Tséc-két.

14 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin gửi V.M. Mô-lô-tốp bản dự thảo thông tri của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga gửi Đảng cộng sản Tuốc-ke-stan.
16 tháng Giêng.	Tại phiên họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin đề nghị triệu tập hội nghị các chủ tịch ban chấp hành trung ương các nước cộng hòa độc lập để thảo luận vấn đề cử đại biểu chung đi dự hội nghị Gie-nơ.
21 tháng Giêng.	J.V. Sta-lin chủ tọa phiên họp của hội đồng các cán bộ phụ trách của Bộ dân ủy Kiểm tra công nông và phát biểu về vấn đề xét lại ngân sách năm 1922.
27 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin tham gia phiên họp của kỳ họp bất thường thứ hai của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga khóa IX ; hội nghị đã thảo luận vấn đề gửi đoàn đại biểu đi dự hội nghị Gie-nơ.
28 tháng Giêng.	Tại phiên họp bất thường của « Hội những người bôn-sê-vích cũ ». J.V. Sta-lin phát biểu về vấn đề điều lệ hội. J.V. Sta-lin chủ tọa phiên họp của hội đồng các cán bộ phụ trách của Bộ dân ủy Kiểm tra công nông và phát biểu về vấn đề thảo bản hướng dẫn cho điều lệ về những đặc phái viên tỉnh của Bộ dân ủy Kiểm tra công nông.
14 tháng Hai.	J.V. Sta-lin và A.Đ. Txi-u-ru-pa tham gia nhóm giáo sư — đại biểu của các trường đại học kỹ thuật.
22 tháng Hai.	J.V. Sta-lin viết thư cho những người cộng sản Giê-oóc-gi nói về sự cần thiết phải thi hành những biện pháp thực tiễn để thực hiện chỉ thị của V.I. Lê-nin về việc tăng cường Hồng quân Giê-oóc-gi.

28 tháng Hai.	J.V. Sta-lin nhận được bức thư ngắn của V.I. Lê-nin nói về việc chuẩn bị trong Bộ dân ủy Kiểm tra công nông bản dự thảo về việc kiểm soát của ban Kiểm tra công nông đối với các hội và các xí nghiệp tư nhân.
21 tháng Ba.	J.V. Sta-lin nhận được thư của V.I. Lê-nin nói về việc sử dụng các cán bộ của Bộ dân ủy Kiểm tra công nông giúp cho bộ máy của Hội đồng bộ trưởng dân ủy trong việc kiểm tra việc chấp hành nghị quyết.
27 tháng Ba — 2 tháng Tư.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga.
27 tháng Ba	Đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch đại hội.
28 tháng Ba.	Đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào tiểu ban điều tra vụ án 22 người (nhóm « công nhân đối lập » trước đây).
29-30 tháng Ba.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của tiểu ban (của đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga) điều tra vụ án 22 người (nhóm « công nhân đối lập » trước đây).
31 tháng Ba.	Đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào tiểu ban sửa chữa lần cuối bản nghị quyết về chính sách tài chính của đảng.
2 tháng Tư.	Đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào Ban Chấp hành trung ương đảng.
3 tháng Tư.	Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga dựa theo đề nghị của V.I. Lê-nin bầu J.V. Sta-lin làm tổng bí thư Ban Chấp hành trung ương đảng.
28 tháng Tư.	J.V. Sta-lin viết thư cho V.I. Lê-nin về việc thay đổi chế độ cung cấp hạt giống cho nông dân.

4 tháng Năm.	J.V. Sta-lin viết xong bài « Kỷ niệm mười năm ngày thành lập báo *Sự thật* (Hồi ký)», đăng trên báo *Sự thật* số 98, ngày 5 tháng Năm 1922.
5 tháng Năm.	Lời chúc mừng của J.V. Sta-lin gửi báo *Sự thật* nhân ngày kỷ niệm mười năm ngày thành lập của báo đó, đăng trên báo *Sự thật* số 98.
12 - 17 tháng Năm.	J.V. Sta-lin tham gia tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga thảo điều lệ về những mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren và nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga.
19 tháng Năm.	Thư của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga gửi Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản nói về sách lược mặt trận thống nhất, dưới ký tên J.V. Sta-lin, đăng trên báo *Sự thật* số 110.
7 tháng Sáu.	J.V. Sta-lin tham gia phiên họp của hội nghị toàn thể mở rộng lần thứ II của Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản.
15 tháng Sáu.	Thư của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga gửi những người cộng sản nước cộng hòa Kiếc-ghi-di, dưới ký tên J.V. Sta-lin ,đăng trên báo tạp chí *Đời sống dân tộc* số 12 (147).
9 tháng Bảy.	Thư của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga gửi các Ban Chấp hành tỉnh, các Ban Chấp hành khu, cục các dân tộc và cục các khu của Ban Chấp hành trung ương, nói về việc tiến hành chiến dịch vận động thuế lương thực, dưới ký tên J.V. Sta-lin, đăng trên báo *Sự thật* số 151.
13 tháng Bảy.	J.V. Sta-lin đến thăm V.I. Lê-nin ở Goóc-ki.

14 tháng Bảy.	J.V. Sta-lin gửi điện cho G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê báo tin về tình trạng sức khỏe của V.I. Lê-nin.
3 tháng Tám.	J.V. Sta-lin chủ tọa phiên họp của tiểu ban tổ chức của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga về vấn đề hội nghị đại biểu XII của đảng.
4 - 7 tháng Tám.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của Hội nghị đại biểu toàn Nga XII của Đảng cộng sản (b) Nga.
4 tháng Tám.	J.V. Sta-lin được hội nghị đại biểu XII của Đảng cộng sản (b) Nga bầu vào đoàn chủ tịch.
5 tháng Tám.	V.I. Lê-nin triệu tập J.V. Sta-lin đến Goóc-ki và ủy nhiệm Sta-lin truyền đạt lời chào mừng tới hội nghị đại biểu toàn Nga XII của đảng. Tại phiên họp chiều, J.V. Sta-lin đã truyền đạt lời chào mừng của V.I. Lê-nin gửi tới đại hội.
11 tháng Tám.	Ban Chấp hành trung ương đảng đã thành lập một tiểu ban do J.V. Sta-lin lãnh đạo để chuẩn bị cho hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga vấn đề những quan hệ qua lại giữa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch Nga và Liên bang Nam Cáp-ca-dơ.
15 tháng Chín.	J.V. Sta-lin viết bút ký về cuộc đi thăm V.I. Lê-nin ở Goóc-ki.
23-24 tháng Chín.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga về vấn đề những quan hệ qua lại giữa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch Nga và Liên bang Nam Cáp-ca-dơ.

27 tháng Chín. J.V. Sta-lin nói chuyện với V.I. Lê-nin về vấn đề liên hợp các nước cộng hòa xô-viết thành một quốc gia liên minh.

6 tháng Mười. Tại hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin báo cáo về những quan hệ qua lại giữa nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch Nga và Liên bang Nam Cáp-ca-dơ. Hội nghị toàn thể đã chỉ định một tiểu ban do J.V. Sta-lin đứng đầu để lãnh đạo công tác chuẩn bị nhằm liên hợp các nước cộng hòa xô-viết thành một quốc gia liên minh thống nhất.

16 tháng Mười. J.V. Sta-lin báo cho Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Giê-oóc-gi biết quyết định của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga về việc duy trì Liên bang Nam Cáp-ca-dơ và liên hợp Liên bang Nam Cáp-ca-dơ với nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, các nước cộng hòa U-cơ-ren và Bạch Nga thành Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

30 tháng Mười. Ban Chấp hành trung ương đảng phê chuẩn cử J.V. Sta-lin làm đại biểu đi dự đại hội IV Quốc tế cộng sản.

5 tháng Một Lời chào mừng của J.V. Sta-lin gửi Pê-tơ-rô-gơ-rát nhân kỷ niệm năm năm Cách mạng tháng Mười, đăng trên báo *Sự thật Pê-tơ-rô-gơ-rát* số 251.

18 tháng Một. Cuộc nói chuyện của J.V. Sta-lin với các thông tín viên của *Sự thật* về vấn đề

	thống nhất các nước cộng hòa dân tộc độc lập, đăng trên báo *Sự thật* số 261.
21-28 tháng Một.	Tiểu ban của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, dưới sự lãnh đạo của J.V. Sta-lin, thảo ra « Những điểm cơ bản của Hiến pháp của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ».
30 tháng Một.	Tại phiên họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin báo cáo về Liên minh các nước cộng hòa. Căn cứ theo báo cáo của J.V. Sta-lin, Bộ Chính trị đã phê chuẩn « Những điểm cơ bản của Hiến pháp của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ».
5 tháng Chạp.	Tại phiên họp của tiểu ban của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin được cử vào tổ thảo bản Hiến pháp của Liên minh các nước cộng hòa và thảo bản Tuyên ngôn.
Giữa khoảng 5 và 16 tháng Chạp.	J.V. Sta-lin viết dự thảo « Tuyên ngôn về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết ».
16 tháng Chạp.	Tiểu ban của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, dưới sự chủ tọa của J.V. Sta-lin, thông qua dự thảo điều ước về việc thành lập Liên-xô và dự thảo Tuyên ngôn, do J.V. Sta-lin trình bày.
18 tháng Chạp.	Tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin trình bày báo cáo về dự thảo Điều ước Liên minh giữa các nước cộng hòa xô-viết. Hội nghị toàn thể chỉ định một tiểu ban do J.V. Sta-lin đứng đầu để chuẩn bị đại hội I các Xô-viết toàn Liên-xô.

20 tháng Chạp.	J.V. Sta-lin lãnh đạo phiên họp của tiểu ban chuẩn bị đại hội I các Xô-viết toàn Liên-xô.
23-27 tháng Chạp.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của đại hội X các Xô-viết toàn Nga.
23 tháng Chạp.	Đại hội X các Xô-viết toàn Nga bầu J.V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch.
26 tháng Chạp.	Tại đại hội X các Xô-viết toàn Nga. J.V. Sta-lin đọc báo cáo về việc liên hợp các nước cộng hòa xô-viết.
	Tại phiên họp của đảng đoàn cộng sản ở đại hội X các Xô-viết toàn Nga, J.V. Sta-lin phát biểu về vấn đề Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết.
27 tháng Chạp.	Đại hội X các Xô-viết toàn Nga bầu J.V. Sta-lin vào Ban Chấp hành trung ương toàn Nga và cử J.V. Sta-lin làm đại biểu của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga đi dự đại hội I các Xô-viết toàn Liên-xô.
28 tháng Chạp.	Kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga khóa X bầu J.V. Sta-lin vào Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga và phê chuẩn làm ủy viên Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc.
29 tháng Chạp.	Tại hội nghị đại biểu của các đoàn đại biểu có thẩm quyền của các nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết U-cơ-ren, Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nam Cáp-ca-dơ và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Bạch Nga, J.V. Sta-lin thông báo về chương trình nghị sự của đại hội I các Xô-viết toàn Liên-xô. Hội nghị đại biểu ủy nhiệm J.V. Sta-lin trình bày tại đại hội báo cáo về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

30 tháng Chạp. Đại hội I các xô-viết của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết bầu J.V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch đại hội. Tại đại hội I các Xô-viết của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, J.V. Sta-lin đọc báo cáo về việc thành lập Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết. Đại hội bầu J.V. Sta-lin vào Ban Chấp hành trung ương của Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

J.V. Sta-lin đọc diễn văn tại phiên họp của kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô khóa I và được bầu vào Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương.

1923

2 tháng Giêng. J.V. Sta-lin tham gia phiên họp của tiểu ban của Bộ dân ủy các vấn đề dân tộc bàn về vấn đề thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị Bu-ri-át — Mông-cổ.

10 tháng Giêng. Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô cử J.V. Sta-lin vào tiểu ban vạch dự thảo cơ cấu tổ chức các Bộ dân ủy Liên-xô.

23 tháng Giêng. J.V. Sta-lin thuyết trình « Về chiến lược và sách lược của đảng » tại Trường đại học cộng sản I. a. M. Svéc-lốp.

4 tháng Hai. Trong Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin đưa ra ý kiến đề nghị thành lập trong Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô một viện thứ hai, tức là cơ quan đại biểu cho lợi ích của toàn thể các dân tộc ở Liên-xô.

21-24 tháng Hai. J.V. Sta-lin tham gia công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

21 tháng Hai. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga thảo luận dự thảo đề cương của J.V. Sta-lin về vấn đề dân tộc, chuẩn bị cho đại hội XII của đảng. Một tiểu ban đã được thành lập, do J.V. Sta-lin điều khiển, để sửa chữa lần cuối bản đề cương đó.

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào tiểu ban để thảo cuối bản đề cương về vấn đề dân tộc của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga sẽ đưa ra trình bày tại đại hội XII.

24 tháng Hai. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn tiểu ban do J.V. Sta-lin chủ tọa để lãnh đạo việc thảo dự án Hiến pháp của Liên-xô.

11-12 tháng Ba. Theo sự ủy nhiệm của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin gửi điện báo tin về tình trạng sức khỏe của V.I. Lê-nin cho các ban chấp hành tỉnh, các ban chấp hành khu và các ban chấp hành trung ương đảng cộng sản các dân tộc và cho các trung ương ủy viên.

14 tháng Ba. Bài của J.V. Sta-lin « Bàn về vấn đề chiến lược và sách lược của những người cộng sản Nga » đăng trên báo *Sự thật* số 56 ra nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Đảng cộng sản (b) Nga.

22 tháng Ba. Tại phiên họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin trình bày đề cương chuẩn bị cho đại hội XII của đảng về vấn đề

	dân tộc. Bộ Chính trị quyết định công bố đề cương với tính cách là đề cương đã được Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn.
24 tháng Ba.	Đề cương của J.V. Sta-lin « Những yếu tố dân tộc trong việc xây dựng đảng và Nhà nước » đăng trên báo *Sự thật* số 65.
3 tháng Tư.	Hội nghị đại biểu X của tỉnh đảng bộ Mạc-tư-khoa cử J.V. Sta-lin làm đại biểu đi dự đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga.
17-25 tháng Tư.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga.
17 tháng Tư.	Đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch đại hội. Tại đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin trình bày báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
19 tháng Tư.	Tại đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin đọc lời kết luận về báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
23 tháng Tư.	Tại đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin đọc báo cáo « Về những yếu tố dân tộc trong việc xây dựng đảng và Nhà nước ».
24 tháng Tư.	Đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V. Sta-lin vào Ban Chấp hành trung ương đảng.
25 tháng Tư.	J.V. Sta-lin lãnh đạo công tác của tiểu ban dân tộc của đại hội XII Đảng cộng sản (b) Nga, và đã phát biểu trong tiểu ban ý kiến về vấn đề Hiến pháp Liên-xô. Tại đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin đọc lời kết luận về báo cáo « Về những yếu tố dân tộc trong việc xây dựng đảng và Nhà nước ».

26 tháng Tư.	Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga bầu J.V.Sta-lin làm ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Tổ chức, đại biểu trong Ban Kiểm tra trung ương và phê chuẩn J.V. Sta-lin làm Tổng bí thư Ban Chấp hành trung ương đảng.
6 tháng Năm.	Bài của J.V. Sta-lin « Báo chí là người tổ chức tập thể » đăng trên báo *Sự thật* số 99.
10 tháng Năm.	Bài của J. V. Sta-lin « Càng giấu càng lòi đuôi... » đăng trên báo *Sự thật* số 102.
24 tháng Năm.	Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn J. V.Sta-lin đại biểu cho nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga tham gia tiểu ban mở rộng thảo Hiến pháp Liên-xô của đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô.
Tháng Năm-tháng Sáu.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của tiểu ban mở rộng thảo Hiến pháp thuộc Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô.
4 tháng Sáu.	Tại phiên họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin thông báo về việc chuẩn bị hội nghị IV của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có các cán bộ phụ trách của các nước cộng hòa và các khu dân tộc tham gia. Bộ Chính trị phê chuẩn dự thảo cương lĩnh về vấn đề dân tộc, do J.V. Sta-lin đề nghị.
9-12 tháng Sáu.	J.V.Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị IV của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga có các cán bộ phụ trách của các nước cộng hòa và các khu dân tộc tham gia.
10 tháng Sáu.	Tại hội nghị IV của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có các cán bộ

phụ trách của các nước cộng hòa và các khu dân tộc tham gia, J.V. Sta-lin phát biểu về phái hữu và « phái tả » trong các nước cộng hòa và các khu dân tộc và báo cáo về những biện pháp thực tiễn nhằm thực hiện nghị quyết của đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga về vấn đề dân tộc.

12 tháng Sáu. Tại hội nghị IV của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có các cán bộ phụ trách của các nước cộng hòa và các khu dân tộc tham gia, J.V. Sta-lin đọc lời kết luận về báo cáo.

14 tháng Sáu. Tại phiên họp của tiểu ban mở rộng thảo Hiến pháp thuộc Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên xô, J.V. Sta-lin phát biểu về vấn đề quốc tịch thống nhất trong Liên minh.

22-23 tháng Sáu. J.V. Sta-lin tham gia công tác của hội nghị toàn thể Ban Kiểm tra trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

26 tháng Sáu. Tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J.V. Sta-lin trình bày báo cáo về Hiến pháp Liên-xô.

8 tháng Bảy. Lời kêu gọi của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga dưới ký tên J.V. Sta-lin, về việc chuyển cho Viện V.I. Lê-nin thành lập ở Mạc-tư-khoa tất cả mọi mẩu thư ngắn, mọi bức thư, bút ký và mọi văn kiện khác của V.I. Lê-nin viết, — đăng trên báo *Sự thật* số 151.

14 tháng Bảy. Lời kêu gọi « Gửi toàn thể nhân dân và tất cả các chính phủ trên thế giới » nhân dịp kỳ họp của Ban Chấp hành trung ương phê chuẩn Hiến pháp Liên-xô, dưới ký tên J.V. Sta-lin và các ủy viên khác trong Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương, đăng trên báo *Sự thật* số 156.

23-25 tháng Chín.	J.V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga.
25-27 tháng Mười.	J.V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể liên tịch giữa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương Đảng cộng sản (b) Nga có đại biểu của mười tổ chức đảng tham gia.
7 tháng Một.	Bài của J.V. Sta-lin « Cách mạng tháng Mười và vấn đề các tầng lớp trung gian » đăng trên báo *Sự thật* số 253.
10 tháng Một.	J.V. Sta-lin viết xong bài « Kỷ niệm lần thứ năm ngày họp đại hội I các nữ công nhân và nữ nông dân », đăng trong tạp chí *Người nữ cộng sản* số 11, tháng Một 1923.
17 tháng Một.	J.V. Sta-lin đọc diễn văn tại phiên họp trọng thể tổ chức trong Viện hàn lâm Quân sự để kỷ niệm bốn năm ngày thành lập Đội quân Kỵ binh.
2 tháng Chạp.	J.V. Sta-lin đọc báo cáo « Về những nhiệm vụ của đảng » tại hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành khu Pơ-re-sni-a đỏ Đảng cộng sản (b) Nga.
Trước 5 tháng Chạp.	J.V. Sta-lin tham gia công tác của tiểu ban — thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga — thảo dự án nghị quyết về việc xây dựng đảng. Nghị quyết đã được thông qua tại phiên họp chung giữa bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga và Đoàn chủ tịch Ban Kiểm tra trung ương ngày 5 tháng Chạp và đăng trên báo *Sự thật* số 278 ra ngày 7 tháng Chạp.
15 tháng Chạp.	Báo *Sự thật* số 285 đăng bài của J.V. Sta-lin « Về cuộc tranh luận, về Ra-pha-in, về những bài viết của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski

	và Xa-pơ-rô-nốp và về bức thư của Tơ-rốt-ski » và lời kêu gọi của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, dưới ký tên J.V. Sta-lin, gửi tất cả các tổ chức Đảng cộng sản (b) Nga nhân cuộc tranh luận về tình hình nội bộ của đảng.
28 tháng Chạp.	Bài của J.V. Sta-lin « Một nhận xét cần thiết (về Ra-pha-in) » đăng trên báo *Sự thật* số 294.

MỤC LỤC

1922

In 4.500 cuốn tại Nhà máy in Tiến bộ Hà-nội khổ 13 × 19.
Xong ngày 25 - 8 - 1970. Số xuất bản: 17. Số in: 698
Nộp lưu chiểu tháng 8 - 1970

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Phan-tiến-Tích

Phụ trách bản đưa in:
Phạm-Thành
Đào-Giục

Trình bày: *Trịnh-Lễ*